# VĂN HỌC

## TẾT KỶ TỴ 1989

## SỐ ĐẶC BIỆT: TẾT KỶ TỴ 1989
## SỐ 36 & 37, THÁNG 1 & 2.1989


*** Khánh Trường:** *Tranh bìa* *** Võ Đình :** *Phụ bản tranh Năm Rắn , trang 1* *** Bùi Bảo Trúc :** *Nhìn lại tình hình sách vở năm 1988, trang 2* *** Mai Thảo :** *Thơ: Ngũ tạng, Thủy tận...trang 19* *** Luân Hoán :** *Thơ Xuân Kỷ Tỵ trang 20* *** Nguyễn Ngọc Bích :** *Một năm văn học nở rộ : Tiểu thuyết, trang 21* *** Nguyên Sa :** *Bãi xa, Hậu giải phẫu, thơ trang 31* *** Định Nguyên :** *Quê hương , ngày nào? thơ trang 32* *** Nguyễn Đồng :** *Tranh Tết, tìm lại những hình ảnh chưa bao giờ có thật, trang 33* *** Nguyễn Đồng & Nguyễn thị Hợp :** *Phụ bản phỏng tranh dân gian, trang 39, 40* *** Nguyễn Bá Trạc:** *Kể chuyện, thơ trang 41* *** Nguyễn Văn ghi :** *Vài suy nghĩ của người sáng tác, trang 44* *** Nguyễn Mạnh Trinh :** *Xuân tận, thơ trang 59* *** Trần thị Kim Lan :** *Ngày Xuân ra phố, truyện trang 60* *** Trịnh Y Thư :** *Xuân tâm , thơ trang 70* *** Hà Trung :** *Xuân thì, thơ trang 71* *** Chân Phương :** *Thêm một mùa Xuân, truyện trang 72* *** Hoàng Xuân Sơn :** *Thơ hồng, trang 78* *** Nguyễn thị Ngọc Nhung :** *Trông vời quê mẹ, truyện trang 79* *** Phạm Quốc Bảo :** *Cuối thu ở Washington D.C., thơ trang 92* *** Võ Đình :** *Xứ mây mù, truyện trang 93* *** Đào Trung Đạo :** *Sinh nhật thơ tù ngục, thơ trang 101* *** Thế Uyên :** *Kẻ sĩ và Thiền sư, trang 102* *** Khoa Hữu :** *Trái tim người qua sông Cửu Long, thơ trang 113* *** Ngô Nguyên Dũng :** *Bắt đầu năm thứ 19, truyện trang 115* *** Nguyễn đức BạtNgàn:** *Lịch sử, Tổ quốc, Lên đường, thơ trang 127* *** Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện :** *Phỏng vấn về Sinh hoạt văn nghệ hải ngoại, trang 128* *** Nguyễn Ngọc Thuận :** *Thơ Xuân, trang 154* *** Nguyễn thị Hoàng Bắc :** *Chi lạ rứa? truyện trang 156* *** Nguyễn Việt Thường :** *Tình sử, thơ trang 165* *** Thụy Khuê :** *Các nhà văn viết về đàn bà, trang 167* *** Hoàng Khởi Phong :** *Tùy bút, trang 175* *** Nguyễn văn Sâm :** *Kẻ thua cuộc, truyện trang 178* *** Diệu Tần :** *Thư ngỏ gửi nhà văn Nhật Tiến, trang 183* *** Trần Diệu Hằng :** *Tháng bệnh của Bà Ngoại, truyện trang 191* *** Trần Hoài Thư :** *Gió qua Thành Nội, truyện trang 203* *** Nguyễn Ý Thuần :** *Rời cũng yêu nhau, truyện trang 209* *** Đỗ Khiêm :** *Chuyện tình trong đường hầm, truyện trang 222* *** Bùi Vĩnh Phúc :** *Nhật ký lửa của một người thơ, trang 229* *** Nguyễn Hưng Quốc :** *Trải bốn phần năm Mùa Biển Động, nhìn lại..., trang 240* *** Sách mới :** *Trang 248.*



*Chú ý : Thư từ tiền bạc xin gửi về:*

***Văn Học***

*10104 Westminster, Garden Grove, California 92643 (USA)*

***Phone (714) 832.8445***

*Văn Học kính chúc Quí Văn hữu xa gần, Quí Độc giả và Quí Thân chủ quảng cáo, Chủ nhân các hiệu sách phát hành Văn Học một năm Kỷ Tỵ gặp nhiều may mắn, khoẻ mạnh và yêu đời.*

*Văn Học trân trọng cảm tạ lòng ưu ái và sự cộng tác, hỗ trợ quí báu của Quí Vị trong suốt một năm qua.*

***Ban Chủ biên Văn Học***

*Bùi Bảo Trúc*

## *Nhìn Lại Tình Hình Sách Vở Của Năm 1988*

Năm 1988 đã không có những tác phẩm gây chóng mặt cho người đọc. Cái chóng mặt của những ấn tượng mạnh, những ấn tượng như tập thơ Cao Tần đã tạo ra cho mỗi người đọc tập thơ năm 1977 của ông. Cái chóng mặt của tập thơ *Hoa Địa Ngục*, những tiếng thét uất nghẹn mà Nguyễn Chí Thiện gửi được ra ngoài và đến tay người đọc hồi năm 1980, hay cái "*shock*" mà Thế Giang trong những truyện ngắn dữ dội đã làm người đọc không thể dễ dàng rời tập truyện ngắn *Thằng Người Có Đuôi* của ông. Nói như thế không có nghĩa là năm 1988 không có những cuốn sách đáng ghi nhớ. Tính chung, năm 1988 đã được thấy tác phẩm của hơn bốn mươi người viết, có những người viết cũ, đã có tên tuổi, ngưng viết trong một thời gian dài, nay quay lại với việc viết lách, có những di cảo hoàn tất từ lâu nhưng chưa tìm được dịp thuận tiện để gửi tới người đọc, có những bản thảo được viết từ trong nước gửi ra nước ngoài để phổ biến, có những người viết mới viết mới trong cái nghĩa trước đây chưa có tác phẩm xuất bản hay chỉ mới cầm bút trong thời gian gần đây với những tác phẩm đầu tay đã làm người đọc tin tưởng ngay ở khả năng cầm bút của các tác giả này.

Bài viết này không có tham vọng đi vào chi tiết mỗi cuốn sách xuất bản trong mười hai tháng của năm 1988. Chúng tôi chỉ làm một tổng kết nhỏ về những cuốn sách mà chúng tôi đọc được trong thời gian một năm vừa qua, khi làm công việc giới thiệu sinh hoạt sách vở Việt ngữ cho một chương trình phát thanh về Việt Nam, trình bầy cho

người ở nhà biết qua về việc làm của những người cầm bút ở hải ngoại.

Những cuốn sách xuất bản trong năm 1988 đã là những góp mặt trong hầu hết các bộ môn, từ thơ, truyện ngắn, truyện dài, biên khảo, hồi ký, dịch thuật đến tùy bút. Gần như bộ môn nào cũng có ít nhất hai tác phẩm.

Trước hết xin nhìn qua về bộ môn thơ. Chúng ta đã được đọc các tác phẩm của Trịnh Gia Mỹ, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Tất Nhiên, Lâm Hảo Dũng, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Phan Ni Tấn, Nguyễn Mậu Lâm... *Mùa Xuân Yêu Em* của Trịnh Gia Mỹ là một tập thơ phụ nữ, hiền lành, của *"dám cầu vụng dại bên đường / Gửi em hờn nắng lòng sương xót người"*. Thơ Hà Thúc Sinh ở những bài viết về chiến tranh, người đọc thấy được không khí khói lửa trong những bài thơ cổ của Trung Quốc, cái ngông nghênh, bất cần, bạt mạng của Nguyễn Bắc Sơn. Ông đã viết những bài thơ thật hay trong cái không khí chiến trận, trong những chiều mưa ngất ngưởng ở một xóm điếm, những chuyến hành quân qua bắc Mỹ Thuận, hay một chuyến ghé ngang Quảng Trị, người đọc đã vô cùng nhớ tới Lưu Trường Khanh trong bài *Qua Giả Nghị Trạch*, cũng cái đìu hiu, cây cỏ, không một bóng người, cũng những chiều thê lương, nước non lặng lẽ...Ông đã tạo được cái không khí bi đát, bình thản của sự sống đặt bên cái chết, của cái thản nhiên bên cạnh nỗi đớn đau rộng mênh mông như biển, dài như những cơn gió. Những bài thơ ông viết trong khoảng thời gian tuổi còn rất trẻ đã thấy *rêu phong, nguyệt lạnh*, những *bóng dơi bay lúc hoàng hôn*, những *các bơ vơ cuối mùa vài nụ*, những *phù vân kết áo tê thân nguyệt*...

Tập *Viễn Phố* của Hoàng Xuân Sơn là những bài thơ của những bông hoa nhiệt đới hiu hắt trong những chiều đông tái tê lạnh của miền đất lạ, những bông hoa ngắt đi từ khu vườn thân thiết đem trồng lại bên chiếc khung cửa sổ ngó ra bãi tuyết trắng vô tận, những dòng nước đã trôi ra biển rộng mà vẫn còn nhớ mãi những khe đá của vùng cao nguyên nơi con sông nhỏ đã bắt nguồn. Hoàng Xuân Sơn viết về cái bến xa, cái quê hương cũ, cái vết thương mười mấy năm vẫn chưa lành, vẫn đau nhói, vẫn tấy sưng, cái quê nhà đã mất, đã xa, về thành phố *đêm xanh đầy tiếng hát*, về những *buổi tối lòng cầm nín*, về *một chút thương mình rụng xuống khuya*...Cái bến cũ, cái "viễn phố" của ông, ở đó rặng liễu Chương Đài không còn *thanh thanh kim tại phủ*, mà chốn dừng chân, nơi mới đến thì vẫn mù sương, vẫn là *nước non người*, vẫn *đau lòng lưu lạc*. Bẩy mươi bài thơ là một nỗi nhớ cái viễn phố mà ông không thể trở lại được, vẫn thấp thoáng một vành nón, một tà áo trên cầu, ông đã mang theo bằng lục bát, bằng năm chữ, bẩy chữ, tám chữ, tự do, bằng những chữ có lúc giản dị, cổ kính, có lúc bàng bạc những hình ảnh siêu thoát của hương Thiền. Tập *Viễn Phố*

làm người đọc yêu mến ông ngay. Những bài thơ này đã tạo cho ông một chỗ đứng riêng rất đáng hãnh diện, một vị trí mà chỉ mới có Nguyễn Mạnh Trinh tạo được cho mình trong sinh hoạt thơ hải ngoại.

Tập *Chuông Mơ* của Nguyễn Tất Nhiên vẫn làm người ta nhớ nhiều tới cái không gian của một con đường chạy ngang trường cũ, của *cô Bắc Kỳ nho nhỏ*, của người *em hiền như ma soeur*, nhưng cũng chính những bài thơ mang âm hưởng của cái không gian, của cái không khí cũ mười mấy năm trước đây đã là những bài thơ đáng nhớ nhất của ông trong những bài thơ viết sau năm 1975 của ông.

Một tập thơ viết bằng Anh ngữ của Văn Vịnh cũng là một tác phẩm đáng nhớ. Ông làm người ta nhớ đến những bài thơ tinh nghịch của Prevert, những bài thơ đầy kỳ bí như những công án Thiền, những bài Haiku của Nhật. Hãy nghe ông nghịch với chữ:

I see an IF
inside LIFE
an O within LOVE

hay:

MozART
moved ART to heaven
BeethoOVEN
baked sounds
in a musical OVEN
Einstein
split candies
into energy
to boil a huge mushroom soup
for humanity...

Nhưng đáng nói nhất trong số những tập thơ của năm 1988 phải là tập thơ *Nổi Lửa* của Nguyễn Mậu Lâm. Nguyễn Mậu Lâm là tên hiệu của một nhà thơ trong nhóm *Tao Đàn Sông Hàn*, một trong nhiều nhóm tao đàn ở Việt Nam theo sự tiết lộ của một bài báo đăng trên tờ Nhân Dân số đề ngày 16 tháng 4 năm 1985. Những nhóm tao đàn này, theo tờ Nhân Dân, là những tổ chức chuyên *"bình thơ, đọc thơ, sáng tác và lưu hành thi ca phản động, đồi trụy...âm mưu phản cách mạng."* Tháng 3 năm 1985, công an Quảng Nam Đà Nẵng, vẫn theo tờ Nhân Dân, đã phá vỡ được nhóm *Tao Đàn Sông Hàn* và *Tao Đàn Phố Hội*, một số nhà văn, nhà thơ đã bị bắt, nhưng một số khác đã thoát khỏi cuộc càn quét đó, và Nguyễn Mậu Lâm là một.

Ông gửi tập thơ nhan đề *Nổi Lửa* cho nguyệt san Quê Mẹ ở Pháp nhờ phổ biến. Cùng với những bài thơ trong tập *Nổi Lửa*, Nguyễn Mậu Lâm cũng có gửi kèm một bức thư gửi các chiến sĩ văn hóa hải ngoại. Bức thư này nói về những điều kiện khắc nghiệt của những người cầm bút trong nước và kêu gọi bên ngoài tiếp lửa, góp tiếng

cùng những người cầm bút trong nước. Một bản tuyên ngôn cũng được gửi kèm theo tập thơ *Nổi Lửa*, trong đó, nhóm *Tao Đàn Sông Hàn* nói về lý do lên tiếng của mình và mong nhóm *Quê Mẹ* giúp chuyển đi xa hơn nữa tiếng nói của những người từ mười năm nay đã bị đẩy vào, chìm sâu vào trong những nhà tù và những trại tập trung tàn bạo ở trong nước. Cùng với tập *Hoa Địa Ngục* của Nguyễn Chí Thiện, tập *Nổi Lửa* của Nguyễn Mậu Lâm là một hình thức văn chương *chui* của những xã hội Cộng Sản. Đó là thứ văn chương mà tiếng Nga gọi là *samizdat*, nền văn chương phổ biến lén lút ở trong nước bằng những bản chép tay, đánh máy, ronéo hay chuyển ra ngoại quốc để nhờ phổ biến như Pasternak, như Solzhenitsyn đã làm trước đây với những tác phẩm như *Bác Sĩ Zhivago, Quần Đảo Ngục Tù, Một Ngày Trong Đời của I-Van Đê-Ni-Sô-Vích*...Tập *Nổi Lửa* của Nguyễn Mậu Lâm là những tiếng hét, những tiếng khóc uất nghẹn, những tiếng gào phẫn nộ, vũ khí cuối cùng của một người bị tước đoạt ngòi bút. Có lẽ ở một lúc khác, trong một khung cảnh khác, Nguyễn Mậu Lâm đã phải là một người làm thơ tình. Trong tập *Nổi Lửa* có hai bài thơ tình rất hay, hai nụ hồng tươi mát tỏa hương, vươn lên khỏi một mặt đất cháy xám thù hận, phất phơ bên cạnh những sợi kẽm gai khủng khiếp, bên những tang thương, điêu tàn, đổ nát. Những bài thơ khác của ông là những thách thức trước ngục tù và súng đạn như nhóm *Tao Đàn Sông Hàn* đã viết trong bức thư gửi các chiến sĩ văn hóa ở hải ngoại. Những bài thơ đó là tiếng nói cất lên, để phá vỡ sự im lặng, cái im lặng bủa vây, trùm ngập, nghẹt thở, cái im lặng khủng khiếp đã bóp chết mọi hy vọng, mọi sự sống. Ngôn ngữ của tình ca không còn nữa ở cái miền đất mà *mười mấy năm địa ngục đã đi qua, giấc mơ hoa cũng là có tội*...Tập thơ *Nổi Lửa* là những viên than nồng cháy rực rỡ bắn đi từ đám cháy vẫn đang âm ỉ chờ dông bão nổi lên để cháy bùng rực rỡ, một tập thơ tranh đấu lại rất văn chương, rất thơ.

Phan Ni Tấn ở Canada có một tập thơ đầu tay nhan đề *Hồi Ký Thơ* do Làng Văn xuất bản. Thơ của ông có một không khí và một hình thức rất lạ. Ông viết về những năm tháng sống trong quân ngũ, những tháng tù tội. Trong những khung cảnh cùng quẫn nhất, ông vẫn viết được những ý tưởng ngộ nghĩnh và đưa vào những hình ảnh hài hước, bất ngờ. Ông làm nhiều bài bảy chữ hay lục bát chỉ vỏn vẹn có hai mươi tám chữ, mà vẫn khéo léo gói được hết những điều muốn gửi gấm. Những đoạn thơ ngắn đó với những tiểu tựa riêng đặt bên cạnh nhau, khi đọc lên, bỗng trở thành một chuỗi hình ảnh, một hoạt cảnh có khi vui, có khi bi thảm một cách lạ lùng.

*Giữa Triền Hạn Reo* là tập thơ thứ hai của Nguyễn Đức Bạt Ngàn sau tập *Bình Minh Câm*. *Giữa Triền Hạn Reo* thực ra là một bài thơ dài viết bằng thể sáu tám. Hà Huyền Chi có một tập thơ nhan đề *Không Gian Vương Dấu Giầy* gồm những bài thơ tuyển trong số

những thơ ông đã viết từ hơn 30 năm nay. Ngoài ra còn phải kể tập thơ của Huy Lực Bùi Tiến Khôi; Nguyễn Ngọc Thuận với tập *Từ Ngục Và Tâm Thức Lưu Đầy*. Lâm Hảo Dũng sau tập *Ngày Đi Thương Sợi Khói Bên Nhà*,, trong năm qua cũng có một tập thơ do Hoa Thịnh Đốn Việt Báo in nhan đề *Tóc Em Dài Em Cài Bông Hoa Lý*.

Cũng như mọi năm trước, con số tuyển tập truyện ngắn xuất hiện trong năm 1988 vẫn là một con số đông đảo. Từ những tác giả đã nổi tiếng từ lâu như Mai Thảo, Nhật Tiến, cho đến những tác giả mới viết, mới nổi tiếng Nguyễn Từ Hanh, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Hồ Đình Nghiêm, Ngô Nguyên Dũng, Diệu Tần đều đã có gửi tới giới yêu sách hải ngoại một tập truyện ngắn.

Mai Thảo có tập *Một Đêm Thứ Bảy* gồm một số truyện đã đăng rải rác trên tờ báo Văn do ông điều hành. Lối viết nhẹ nhàng, hình ảnh đầy chất thơ, từng chuỗi nối kéo nhau như không dứt trong văn xuôi mà ông đã sử dụng ngay từ những sáng tác đầu tay vẫn còn nguyên, vẫn còn được thấy trong những sáng tác mới nhất của ông. Lối viết đó đã quyến rũ hơn một thế hệ độc giả ở trong nước, và giờ đây, tại hải ngoại, Mai Thảo lại có thêm một thế hệ độc giả mới. Mặc dù với một bút pháp quen thân, Mai Thảo vẫn còn được những đổi mới trong lối viết của ông, và những cái nhìn, những nhận xét về sự vật, về thế giới chung quanh ông. Các nhân vật của ông đều là những con người nhỏ nhẹ và hiền lành, ngay cả những lúc đàn ông nhất. Những nhân vật đó luôn luôn có một chuỗi quá khứ bám theo bên cạnh để mỗi lúc lại trở lại, nghiền ngẫm, nhai đi nhai lại cái dĩ vãng của mình, vào những lúc thoải mái nhất hay cũng có thể vào những lúc bị đời sống cuốn hút, xô đẩy, vùi dập. Đó là Mai Thảo. Ông xuất hiện đây đó khắp trong các truyện của ông viết, như đạo diễn phim The Birds, không xuất hiện một cách chính thức, nhưng những phim ông làm, thế nào cũng có một chút con người của ông.

Nguyễn Từ Hanh là một người viết mới. Cuốn *Dốc Nguyệt Trào Sông* của ông làm người đọc kinh ngạc. Tập truyện đưa độc giả của ông vào một không khí, một thế giới không thấy ở những tác giả khác mà người ta đã đọc được ở hải ngoại. Những truyện của ông làm người ta nhớ tới H.G.Wells trong cuốn *The Time Machine*. Ở một truyện, Nguyễn Từ Hanh dẫn người đọc về thư phòng của Hy Doãn Công Ngô Thời Nhậm bên án thư với bốn chữ son bí mật. Ở một truyện khác, tác giả kéo người đọc một mạch sang đầu thế kỷ thứ 21. Không gian có thể là trên một chuyến xe từ Tuyên Quang đi Hà Giang, hay cũng có thể là những lối đi quanh hoàng cung ở Tokyo, một góc phố ở Paris, trong một ngôi làng nhỏ ở Việt Nam, một góc sân nhà thờ, một bệnh xá trong trại tị nạn. Cái không khí mà ông tạo ra trong những truyện ngắn của ông có lúc cổ kính, mê hoặc, thanh thoát, bay lượn như thứ được ủ kín trong những trang cổ thư. Một

lúc khác, những truyện của ông lại toát ra cái hơi của sương, của khói, của những bóng trắng lãng đãng như ở những gian lều cỏ mà Bồ Tùng Linh hay nói tới. Truyện của ông loáng thoáng hình ảnh của những mảnh gỗ mục, như mảnh gỗ từ thân con tàu KG79, trôi xăm xăm về một bờ bến cũ như bị cuốn hút bởi một sức hút vô hình. Những thân gỗ mục vẫn nhớ rừng cây, nhớ nắng mưa của vùng nhiệt đới, nhớ sông nước, nhớ phù sa đỏ, mùi muối mặn của miền Nam. Những thân gỗ đó vẫn muốn làm một chuyến trở về như mảnh gỗ đóng tàu đã trôi theo sóng nước biển Nam Hải về nằm áp mình vào bờ cát ấm của những bãi cát Việt Nam. Những chuyến trở về đó đều được hướng dẫn bằng một ngọn triều mà trên đầu những cơn sóng đó, là một sự thủy chung, một lòng yêu thương đất nước bao la.

Nhưng nổi bật hơn cả là tập truyện đầu tay của một cây bút phụ nữ: cuốn *Long Lanh Hạt Bụi* của Nguyễn Thị Hoàng Bắc. Những truyện của Nguyễn Thị Hoàng Bắc hầu hết đều không có cốt truyện, hay có cốt truyện, nhưng những cốt truyện đó mờ nhạt quá đến độ không còn có cốt truyện nữa. Người đọc bị quyến rũ bởi cái ngôn ngữ của tác giả. Đó là cái ngôn ngữ tự nhiên, nhiều khi thật nghịch ngợm được tìm thấy ở những đoạn bất ngờ nhất. Rất nhiều lúc, những tiếng thở dài, những nỗi thống khổ dường như đang bị đẩy gần đến bờ vực thẳm bỗng được kéo trở lại. Tiếng thở dài bị chặn lại. Thay vào đó là một nụ cười. Khung cảnh đang thê lương, ảm đạm bỗng được nhanh chóng biến thành một bình minh rực nắng. Mười bảy truyện ngắn vẽ ra những cảnh sống tại quê nhà trước năm 1975, sau năm 1975 tại quê nhà, ở một góc trại tị nạn, ở một nơi vừa mới tới. Nguyễn Thị Hoàng Bắc dẫn người đọc đi từ một quán ăn nhỏ bên trường sư phạm đến một bãi cát nắng của những mùa hè mới lớn, rồi lại cát biển của cái bãi con thuyền nhỏ cập vào sau chuyến vượt thoát, từ những con đường cát nóng trong chuyến đi của một cô giáo đến những con đường trong một trại tị nạn, những con đường của một thành phố lạ lẫm, những bước đi cạnh một mối tình đầu ở quê cũ, rồi lại những bước đi của vẫn mối tình đó, ở một nơi hai người chẳng bao giờ nghĩ có thể gặp lại nhau được. Đó là truyện về những mối tình không hạnh phúc, đứt đoạn bằng một chuyến đi du học, bằng những xô đẩy hàng ngày của cuộc sống, bằng những tình cờ của biến cố, những hụt hẫng của cuộc đời...Những truyện của Nguyễn Thị Hoàng Bắc làm cho người đọc cảm thấy còn một cái gì tác giả vẫn chưa chịu nói hết. Vẫn còn một phần tác giả còn giấu, còn đè xuống. Những giọt lệ bỗng bị một nụ cười ngăn lại. Những nụ cười bỗng bị một nghịch cảnh chặn lại để không thể phát ra thành tiếng.

Ngô Nguyên Dũng và Hồ Đình Nghiêm là hai tác giả trẻ tuổi trong năm qua mỗi người đều đã có những đóng góp trong lãnh vực truyện ngắn. Ngô Nguyên Dũng có hai tập truyện, một do nhà Văn Nghệ in: *Dòng Chữ Tâm Tình*, và một do Văn Lang xuất bản: *Mười Hai Hoa*

*Cúc*. Hồ Đình Nghiêm có tập *Nguyệt Thực* do nhà Văn Nghệ in. Ngô Nguyên Dũng rời Việt Nam năm 18 tuổi, sống ở ngoại quốc 18 năm. Một nửa đời ở trong nước, lớn lên với tiếng Việt. Một nửa đời đi học, sống và viết ở một nơi không có tiếng Việt. Một nửa đời sau của ông vẫn ngoái lại nhìn nửa trước. Vẫn luyến tiếc nửa đời trước, và vẫn không rời nửa trước. Hồ Đình Nghiêm và Ngô Nguyên Dũng là hai người viết đã chứng tỏ được thực tài ngay từ những truyện ngắn đầu. Hai tác giả này một người ở Tây Đức, một người ở Gia Nã Đại là những ngòi bút khiến cho người đọc cảm thấy tin chắc rằng dòng văn học Việt ở hải ngoại sẽ còn tiếp tục có được những tiếp nối tốt đẹp.

Nguyễn Văn Ba, một giáo sư đại học ở Việt Nam trước đây có tập *Làm Mai, Lãnh Nợ, Gác Cu, Cầm Chầu* viết bằng giọng văn miền Nam. Nhà văn Diệu Tần vào những ngày cuối năm cũng đã cho ra mắt tác phẩm đầu tay của mình, tập truyện ngắn *Bên bờ kinh An Hạ*. Nguyễn Tấn Hưng có tập *Một Đời Để Học*. Diễm Châu, một nữ ca sĩ ở San Jose, có tập *Đường Tình Em Đi* với bốn truyện ngắn. *Đỗ Vẫn Trọn* in được một tập truyện rất đẹp. Ở Pháp, nhà văn nữ Thanh Phương có tập *Quê Hương Trong Ngấn Lệ*. Ngoài ra còn phải kể *Tuyển Tập 23 Người Viết Sau 1975*. Đúng như tên của tuyển tập, đây là công trình của 23 người viết sau năm 1975, trong đó có thơ của bảy nhà thơ và 16 truyện ngắn của 16 nhà văn, tất cả đều đã viết ít nhiều trước năm 1975, nhưng chỉ thực sự nổi tiếng ở hải ngoại với những sáng tác sau năm 1975. Hơi tiếc cho tuyển tập này vì đa số những sáng tác in trong cuốn sách này đã xuất hiện hoặc trên các tạp chí văn học, hoặc trong các tập truyện đã xuất bản của tác giả mà tuyển tập giới thiệu. Điều hơi tiếc thứ hai là con số 23 người viết không phải là một con số đầy đủ. Số người viết sau năm 1975 chắc chắn phải nhiều hơn con số 23 khuôn mặt trong tuyển tập. Thực ra đây là một điều thường thấy ngay cả ở trong những tuyển tập nhà văn ngoại quốc. Việc tuyển chọn không bao giờ là một công việc dễ làm và khó thỏa mãn được tất cả mọi người, cũng như các tác giả.

Bước sang lãnh vực truyện dài, người đọc đã được đọc *Bèo Giạt* tức Mùa Biển Động tập 4 của Nguyễn Mộng Giác. Đây là cuốn thứ tư trong bộ trường thiên gồm năm cuốn của ông. *Bèo Giạt* nối tiếp *Những Đợt Sóng Ngầm, Bão Nổi, Mùa Biển Động*. *Bèo Giạt*, tuy là một phần của tập truyện mà tác giả dự tính sẽ dày 1600 trang, nhưng vì được viết cách những tập 1, 2 và 3 trong một khoảng thời gian khá dài, nên cách viết của Nguyễn Mộng Giác cũng đã khác với ba cuốn trước. Nói vậy không phải *Bèo Giạt* đã rời bỏ cái không khí cũ, cái mạch văn của ba tập đầu, mà chúng tôi chỉ muốn nói là cuốn *Bèo Giạt* đã vượt hẳn lên trên mọi tác phẩm trước kia của Nguyễn Mộng Giác. Trong cuốn *Bèo Giạt*, Nguyễn Mộng Giác đã *chín* hơn Nguyễn Mộng Giác ở những cuốn khác. Ông viết đầy tự tin, đi vào tất cả mọi vấn đề,

lật tất cả mọi tảng đá trong khu vườn, không để sót một nơi chốn, một ngõ ngách nào. Nguyễn Mộng Giác có những lúc thật đằm thắm trong những đoạn ông lột trần những tình cảm sâu kín nhất, có lúc bạo dạn, nói cho hết, đẩy câu chuyện, dẫn cảm xúc tới những tận cùng. Phải chăng nội dung của cuốn sách đã bắt ông phải làm như thế?

Bộ trường thiên của ông, như ông nói, được viết để ghi lại tâm trạng thế hệ thanh niên trưởng thành trong chiến tranh, trải dài từ những ngày tháng trước cái chết của tổng thống Diệm, đến biến cố tháng 4 năm 1975 và cuộc đời tha hương sau đó. Có lẽ ông Giác là người thích hợp nhất để làm công việc đó. Sinh năm 1940, ông thừa trưởng thành để nhìn thấy và ghi lại những năm cuối của đệ nhất cộng hòa. Ông thừa sự khôn ngoan, chín chắn để nhìn rõ được những năm đệ nhị cộng hòa, và ông chưa quá già để quên hết những kinh hoàng của Mậu Thân, những ngỡ ngàng của đoạn kết cuộc chiến, những đau xót của cuộc sống trên xứ lạ.

Cuốn *Bèo Giạt* cho thấy một Nguyễn Mộng Giác ngồi lại, giở những tờ lịch cũ, tìm cách trả lời những câu hỏi về cuộc chiến đã giết hơn một triệu người của cái thế hệ sinh ra trong những năm cuối của thập niên ba mươi và đầu thập niên bốn mươi, như Nam, con gái ông Văn lật lại những trang sách cũ của thân phụ, lật lại những trang sách mà ông cụ làm dấu, những đoạn sách ông cụ gạch xanh đỏ ở dưới, để tìm hiểu vì sao ông cụ thích những đoạn sách đó. Và như Nam thú nhận, ông cụ phức tạp hơn là cô tưởng nhiều. Nguyễn Mộng Giác đã làm công việc như Ngữ tần mần ngắm dòng chữ trong bức thư của người yêu với chữ *Anh* bắt đầu bằng chữ A bay bướm, nắn nót. Nét chữ của Diễm, bàn tay Diễm đặt trên tờ thư, hơi của làn da tay đọng mơ hồ trên bức thư, phải là Nguyễn Mộng Giác mới thấy được những thứ đó. Nguyễn Mộng Giác là một nhà văn lớn. Cái lớn của ông người đọc mới chỉ được thấy có một phần trong cuốn *Bèo Giạt*.. Bèo Giạt được viết bằng một lối kể chuyện cuốn hút, với những đoạn ông chẻ mười tình cảm mà vẫn dùng một lối viết chừng mực, từ tốn, khỏe mạnh. Ông còn rất nhiều năm trước mặt. Ông đã sống qua nhiều thăng trầm của lịch sử. Thời đại của ông, chỉ cần ghi nhận trung thực cũng đã đủ có một tác phẩm bi thảm một cách tuyệt vời.

Cuối năm 1988, nhà xuất bản Cành Nam đã in xong cuốn *Mở Hội Của Đá*, tập truyện dài đầu tiên của Nhật Tiến viết ở hải ngoại. Ông khởi thảo tập truyện dài này từ giữa năm 1980 khi còn đang ở trong một trại tị nạn, và chỉ mới viết xong hồi tháng 3 năm 1988. Cuốn sách viết về cuộc sống ở Việt Nam sau tháng 4 năm 1975, tổng hợp những suy tưởng của ông về đất nước, về những căn do đưa tới biến cố tháng 4 năm 1975 và những thay đổi sau đó của một nửa phần đất nước. Cuốn sách không chỉ có vậy. Nhật Tiến muốn đưa vào những giải đáp đề nghị cho đất nước. Chính điều này của cuốn *Mở Hội Của Đá* sẽ là đề tài của những tranh luận nhất định sẽ có trong năm nay.

Một tác giả của một vài feuilleton trên một hai nhật báo ở Sài Gòn trước kia, Triều Giang, cũng đóng góp cho năm 1988 một truyện dài. Cuốn *Bọt Biển* viết về một chuyến đi từ Phước Tỉnh và có thể đích tới là Seattle của Tây Bắc Hoa Kỳ. *Bọt Biển* viết về cái bé nhỏ nhoi của thân phận những người đem mạng sống ra đánh bạc với biển dữ trong chuyến đi tìm tự do. Chuyến đi của những con thuyền nghiêng ngả nhưng không đắm chìm như một câu châm ngôn ở Songkhla.

Nhà xuất bản Văn Khoa trong năm qua đã in một truyện dài của Hồ Trường An nhan đề *Đêm Chong Đèn*. Hồ Trường An là một tác giả có lối viết và không khí riêng biệt, cái thế giới trong các truyện của ông như đã biến mất hẳn ở Việt Nam. Ông dẫn người đọc vào cái thế giới hiền lành, chân chất, một khu vườn không kỳ hoa dị thảo mà là một miếng đất giản dị khiến quê hương trong các tác phẩm của ông không còn cái nét trừu tượng của một ý niệm trong trí nhớ nữa. Quê hương được ông viết xuống bằng đủ mùi vị, đầy hương đồng cỏ nội, với trời mây, sông nước, cây lá. Lối viết đó, không khí đó, thế giới đó ông đã tận dụng và ông đã rất thành công trong lối viết đó.

Mai Kim Ngọc, một bác sĩ, một người sống xa Việt Nam đã lâu, sống rất lâu trong một môi trường có lẽ thường ít khi tạo cảm hứng cho một tác phẩm văn chương, bỗng một hôm, theo Võ Phiến, quyết định bỏ tạm cái ống nghe xuống, cầm cây bút, và văn nghiệp của ông cũng bắt đầu từ đó. Tập truyện ngắn *Một Chút Riêng Tư* năm 1987 là một thành công, một đổi thay cho khí hậu văn học hải ngoại. Năm 1988 ông đóng góp tập đầu nhan đề *Những Hạt Phấn Thông* trong bộ trường thiên *Muôn Kiếp Cô Liêu*

Nguyễn Ngọc Ngạn, một nhà văn không biết mệt đã cho in cuốn *Trong Quan Tài Buồn*. Sách của ông luôn luôn là những cuốn sách dễ đọc, có một sức lôi cuốn càng lúc càng mạnh mặc dù những đề tài của ông đều đã được chính ông khai thác rất nhiều. Cũng như Bồ Tùng Linh, những truyện trong tập Liêu Trai đều là những truyện ma, chồn, mà không truyện nào giống truyện nào, và truyện nào cũng hấp dẫn. Nguyễn Ngọc Ngạn viết rất nhiều về đời sống ở Việt Nam, về đời sống ở ngoài Việt Nam, mà chưa có một truyện nào trùng với truyện nào. Và truyện nào cũng thú vị. Đặc biệt trong *Trong quan tài buồn*, khả năng tái dựng hiện thực xã hội Miền Bắc của Nguyễn Ngọc Ngạn đã đến được một mức độ cao. Đời sống, tâm tình, hình dáng, cử chỉ của người Miền Bắc, sau cải cách ruộng đất, hiện lên cụ thể linh hoạt trong từng trang sách. Có thể nói đây là tác phẩm viết về Miền Bắc thành công nhất của Nguyễn Ngọc Ngạn từ trước tới nay, mặc dù tác giả chưa hề sống dưới chế độ cộng sản tại Miền Bắc.

Định Nguyên cuối năm cũng in xong cuốn *Đường Xương Trắng*, một truyện dài, một hồi ký vượt biên bằng đường bộ viết dưới hình thức một tiểu thuyết thì đúng hơn.

Hồ Linh, một cựu luật sư tòa thượng thẩm Sài Gòn đã chào mừng

ngày lễ phong thánh tử đạo Việt Nam bằng cuốn *Những Ngày Đẫm Máu*, một truyện dài dựa trên một số dữ kiện lịch sử viết về các vị tử đạo vô danh trong những năm Thiên Chúa giáo mới được du nhập vào VN.

Trong năm qua, độc giả cũng đã thấy xuất hiện một số sách dịch. Điều trước đây nhiều người cho rằng nhu cầu sách dịch không còn nữa, vì nay người Việt sống ở ngoại quốc đều đã thông thạo ngoại ngữ, và có thể đọc thẳng nguyên tác các tác phẩm viết bằng ngoại ngữ, dường như không đúng. Sách dịch vẫn còn là nhu cầu đối với một số khá đông. Ngày nay, quan niệm của độc giả đối với người làm công việc phiên dịch đã có khác. Dịch giả, ở một số quốc gia Âu Châu, được coi ngang hàng với tác giả nguyên tác. Độc giả đã tìm được *Nơi Trại Trùng Giới*, tập truyện của nhiều tác giả ngoại quốc, qua bản dịch Việt ngữ của Vũ Huy Quang. Mai Kim Ngọc cũng đã dịch một cách rất công phu và tài tình một số truyện của Lỗ Tấn. Huỳnh Sanh Thông, một dịch giả rất tài giỏi qua bản Anh ngữ truyện Kiều hồi mười mấy năm trước, vẫn cặm cụi làm việc một mình. Ông là chủ biên tờ tập san Anh ngữ *The Vietnam Forum* thuộc đại học Yale. Tập truyện ngắn nhan đề *To Be Made Over* gồm mười sáu truyện ngắn của mười nhà văn Việt Nam do ông tuyển chọn và dịch sang Anh ngữ. Nếu đã đọc những nguyên tác bằng Việt ngữ trước, người ta mới thấy được cái tài và công lao của Huỳnh Sanh Thông. Đọc những truyện của Nguyễn Ngọc Ngạn được dịch sang Anh ngữ, độc giả vẫn nhận ra được Nguyễn Ngọc Ngạn. Qua tiếng Anh của Huỳnh Sanh Thông, Nguyễn Mộng Giác, Võ Kỳ Điền vẫn là Nguyễn Mộng Giác và Võ Kỳ Điền. Những đặc ngữ của tiếng Việt, những lối nói của người Việt ở cả ba miền trong nguyên tác tiếng Việt đã được dịch giả cẩn thận giữ lại. Cả những câu chửi tục cũng được họ Huỳnh chuyển sang Anh ngữ một cách khéo léo. Những câu tục ngữ quen thuộc của Việt Nam xuất hiện đây đó trong một số truyện đã được dịch từ Việt sang Anh ngữ mà không được thay thế bằng những câu tục ngữ của Anh Mỹ, vì thế những bản dịch của Huỳnh Sanh Thông vẫn giữ nguyên được cái nét Việt Nam. Điều này được thấy rõ nhất khi ông dịch Võ Kỳ Điền ở những đoạn tả cảnh đánh số đề. Đánh đề là một ý niệm hoàn toàn không có trong các xã hội dùng tiếng Anh. Trình bày được cho các độc giả chưa bao giờ có bất cứ một ý niệm nào về trò đánh đề, bằng ngôn ngữ chưa bao giờ từng được dùng để bàn đề-Anh ngữ-là một việc có lẽ chỉ Huỳnh Sanh Thông mới có thể làm được. Cùng với cuốn *To Be Made Over*, tập truyện ngắn nhan đề *Vietnamese Short Stories* với bản dịch của James Banerian là hai cuốn sách dịch Việt Anh hay nhất mà chúng tôi đã được đọc.

Trong khi đó, một cuốn sách song ngữ khác, cuốn *Selected Vietnamese Proverbs (Tục Ngữ Việt Nam Chọn Lọc)* của Huỳnh Đình Tế là một cuốn sách khiến cho người đọc cảm thấy tiếc rất nhiều.

Đáng lẽ phải là cuốn sách của mọi gia đình Việt Nam sống ở nước ngoài. Những câu tục ngữ dân tộc là những bài học luân lý tuyệt diệu. Những câu tục ngữ đó khi được viết bằng hai thứ tiếng sẽ là một tài liệu quý giá phải có trong tủ sách gia đình. Nhưng những sơ suất của cuốn sách này đã làm cho cuốn sách trở thành tai hại đối với các độc giả Việt trẻ tuổi sống ở ngoại quốc với một vốn liếng Việt ngữ khiêm tốn. Tai hại là vì những độc giả này có thể học phải những điều sai lầm của cuốn sách. Những sai lầm đó có thể ở hình thức của những lỗi *typo* của phần tiếng Việt cũng như của phần tiếng Anh, mà những lỗi *typo* này thì không thiếu trong cuốn sách. Ngoài ra, dịch giả, trong rất nhiều trường hợp, đã hiểu sai hẳn một số câu tục ngữ bằng tiếng Việt, và vì thế, phần Anh ngữ cũng sai theo, đó là không kể ra những trường hợp mà phần Anh ngữ cũng còn để lại cả những lỗi về văn phạm nữa. Những trường hợp như vậy quá nhiều trong một cuốn sách chỉ vỏn vẹn một trăm trang. Và đó là một điều rất đáng tiếc.

Từ trước đến nay, người ta đã từng được nghe tới nhiều lối dịch khác nhau: phỏng dịch, lược dịch, phóng dịch, dịch theo sát nguyên văn, nay độc giả lại được đọc thêm một lối dịch khác, đó là dịch theo *tinh thần người Việt Quốc Gia* của ông Phạm Kim Vinh. Ông Vinh dịch cuốn *Cruel Avril 1975* của ký giả người Pháp Olivier Todd. Một nhà văn lớn tuổi người Việt Nam trong một buổi đi ăn trưa với chúng tôi tại Orange County cứ tỏ ý tiếc mãi về cái tên cuốn sách đã được dịch thành *Tháng Tư Đen*, trong khi *Cruel Avril* có thể được dịch bằng những chữ khác hay hơn nhiều. Chúng tôi xin ghi nhận ở đây ý kiến của nhà văn lão thành này mà không bình luận gì thêm. Tuy nhiên, nếu dịch và viết "theo tinh thần người Việt Quốc Gia," thì thiết tưởng ông Phạm Kim Vinh phải bác bỏ lối mà Cộng Sản đã gọi Việt Nam Cộng Hòa một cách hỗn xược là *Nam Việt Nam*, là *South Vietnam*. Vậy mà những chữ này vẫn được thấy rất nhiều trong các sách của Phạm Kim Vinh cả trong những sách viết bằng tiếng Việt cũng như những sách viết bằng tiếng Anh của ông.

Nhà xuất bản Người Việt đã có hai tác phẩm dịch trong năm 1988. Một là cuốn *Ký Giả Chuyên Nghiệp* do Lê Đình Điểu và Lê Thái Bằng dịch từ nguyên tác Anh ngữ của John Hohenberg, một giáo sư môn báo chí học lão thành của Hoa Kỳ. Mặc dù truyền thông trong khoảng 15 năm trở lại đây đã tiến bộ rất nhiều so với lúc cuốn sách được dịch sang Việt ngữ, nhưng những điều căn bản mà một ký giả nhà nghề cần phải biết thì căn bản vẫn như cũ. Bản Việt ngữ là một bản văn dễ đọc, hấp dẫn cả những người không làm báo, vì những độc giả này, qua những điều trình bày trong cuốn sách, có thể biết qua những gì xảy ra ở đằng sau những trang báo, đằng sau chiếc *microphone* của xướng ngôn viên đài phát thanh, đằng sau ống kính thu hình của các hệ thống truyền hình tin tức mà chúng ta vẫn thấy trong bản tin buổi chiều ở Bắc Mỹ. Cuốn sách dịch thứ nhì do Người Việt in là cuốn *Hành Trình*

*Về Phương Đông*, nguyên tác của Spalding do Nguyên Phong dịch. Nguyên Phong là một bút hiệu khác của Minh Tâm, tác giả cuốn *Tìm Phật Ở Đâu*. Những hiểu biết cặn kẽ của ông về giáo lý nhà Phật mà người đọc đã thấy trong cuốn *Tìm Phật Ở Đâu*, cộng thêm với khả năng biết cả Anh và Việt ngữ giải thích vì sao bản dịch cuốn sách của Spalding đã trở nên hấp dẫn như vậy.

Năm 1988 cũng là năm một cây bút rất quen thuộc từ hơn hai mươi năm trước, sau khi nghỉ viết trong suốt 17 năm, đã cầm bút trở lại. Phạm Công Thiện là một thứ thần đồng, một thứ thiên tài hết sức cô đơn của văn học Việt Nam, vì hiểu được ông vẫn chỉ có rất ít người. Những tác phẩm của ông luôn luôn được đón nhận bằng hai cách rất trái ngược nhau. Ông có thể rất được yêu mến bởi một số người hiểu ông. Nhưng ông đồng thời cũng có thể bị ghét bởi những người không hiểu ông. Với Phạm Công Thiện không bao giờ độc giả có một thái độ trung dung hòa hoãn. Mười lăm tuổi viết cuốn tự điển đầu tiên. Chưa đầy hai mươi tuổi, Phạm Công Thiện đã có trong đầu một sự hiểu biết vô cùng thấu đáo cả hai hệ thống triết học Đông và Tây Phương. Ông đọc rất nhiều và rất thấm các tác giả lớn của nền văn học thế giới. Cuốn *Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ Và Triết Học* cho tới nay, hơn hai mươi năm sau ngày xuất bản, vẫn chưa có một cuốn sách nào theo bén gót. *Đi Cho Hết Một Đêm Hoang Vu Trên Mặt Đất* của "enfant terrible Phạm Công Thiện" là một tập tùy bút, là một tự truyện, là một chuỗi những suy nghĩ triết học, là một tiểu thuyết, là một tập thơ? Thật khó mà đặt cho cuốn sách này một cái nhãn để phân loại. Cuốn sách là tất cả các thứ vừa kể, và đồng thời cũng không là gì cả, như tác giả khẳng định. Trong lời nói đầu của cuốn sách, Phạm Công Thiện khiêm tốn nói rằng ông đang học lại để viết từng nét chữ linh hiện của tổ tiên. Độc giả sẽ thấy ông sử dụng tiếng Việt mà ông yêu mến một cách thần tình, dù yêu ông hay không yêu ông. Cuốn sách dẫn người đọc đi cùng khắp những nơi chốn mà Phạm Công Thiện đã đi qua. Từ căn nhà thơ ấu của ông bên con sông ở Mỹ Tho đến những phố cũ hè xưa của Paris, những quán cà phê ở Greenwich Village, rồi lại sang tận châu Úc nóng nực, và bên chiếc bàn viết nhìn ra một cây cam ở California. Những chuyến đi đó dẫn dắt người đọc đi tới những chiếc cửa nhỏ mà người ta thấy mở hé vào cái thế giới cô đơn của một mình ông. Và nếu vào được qua cánh cửa đó, người đọc sẽ yêu mến ông hơn.

Trong lãnh vực tùy bút, các độc giả trong năm 1988 đã được đọc một tác phẩm của Ỷ Lan. Ỷ Lan là tên Việt của một phụ nữ người Anh, tên thật là Penelope Faulkner. Cô Faulkner đặc biệt yêu mến tiếng Việt và đã viết cuốn *Quê Nhà* bằng tiếng nói của Nguyễn Du, của ca dao, của lục bát. Mặc cảm tự ti, mặc cảm của một dân tộc bị trị thường làm cho nhiều người trong chúng ta dành cho những người ngoại quốc nói và viết được tiếng Việt một thái độ cảm phục nhiều khi

quá đáng. Chúng ta có thể không ngạc nhiên hay không cảm phục một người Việt nói thông thạo, viết bay bướm một ngoại ngữ hệt như khi nói và viết tiếng Việt, mà số người Việt làm được công việc này không phải là ít. Nhưng chúng ta luôn luôn cảm phục một cách quá đáng khi gặp một người ngoại quốc nói và viết được tiếng Việt. Đối với Ý Lan, nếu chúng ta có một thái độ như vừa kể thì đó cũng là một thái độ có thể hiểu được. Cuốn *Quê Nhà*, khi đọc và quên đi chi tiết tác giả là một phụ nữ người Anh, vẫn là một tùy bút đọc được. Những điều Ý Lan viết trong cuốn *Quê Nhà* có thể là những điều chúng ta đã biết, đã nghe nhiều lần, nhưng những điều đó, khi được kể lại, nghe dí dỏm và duyên dáng, thì cái dí dỏm và duyên dáng đó là của Ý Lan vậy.

Phạm Quốc Bảo, tác giả một số truyện ngắn và truyện dài viết về những năm tù đày ở Việt Nam và đời sống của người Việt trên quê hương mới trong năm 1988 đã có một tập du ký nhan đề *Mười Ngày Du Ký* viết về một chuyến đi từ miền Nam California lên vùng Tây Bắc nước Mỹ. Cuốn sách này, nếu được xuất bản tại Việt Nam, trong những năm khi việc đi lại, nhất là việc đi ra khỏi Việt Nam là một việc hết sức khó khăn, thì những điều mà Phạm Quốc Bảo viết xuống trong chuyến đi mười ngày của ông, có thể đã hấp dẫn được một số độc giả nào đó. Nhưng cuốn du ký được viết để gửi tới những độc giả Việt Nam cũng ở nước ngoài như tác giả, có thể cũng đi nhiều như tác giả, hay cũng có thể đi nhiều hơn tác giả, thì những điều ông ghi lại chưa thể coi được là yếu tố hấp dẫn để người đọc đọc tiếp những trang bên cạnh. Cái nhìn của ông hiền lành quá, chưa đủ xông xáo, đào sâu để những người có thể cũng đã đi một lộ trình như ông thấy cần phải đọc. Những độc giả khác, không đi một lộ trình giống của ông, cũng chờ đợi nhiều điều khác của một tập du ký, nhưng đã không tìm thấy trong cuốn sách này của Phạm Quốc Bảo.

Về hồi ký, trong năm qua, Phạm Huấn, một nhà báo quân đội đã cho in hai cuốn viết về chiến tranh Việt Nam, Hoàng Khởi Phong cũng gởi tới độc giả *Ngày N+*, Thiếu Mai ở Úc có cuốn *Ngược Gió*, Nguyễn Tấn Đời tự xuất bản cuốn Hồi Ký của ông. Ngoài ra cũng còn có một cuốn hồi ký khác đã gây nhiều tranh luận trong năm qua và cuối cùng, cuốn sách này đã bị thu hồi lại, không bày bán nữa. Đó là tập hồi ký của Trần Văn Trà, một sĩ quan cấp tướng của Cộng Sản Việt Nam. Tập hồi ký này đã được in lại mà không có những phụ chú hay dẫn nhập cần thiết nên đã tạo không ít ngộ nhận trong các cộng đồng người Việt. Trước đây, một cuốn hồi ký khác cũng của một sĩ quan Cộng Sản, cuốn *Đại Thắng Mùa Xuân* của Văn Tiến Dũng đã được in lại với những chú thích mặc dù phần chú thích đã được làm một cách cẩu thả và với rất nhiều thiếu sót.

Phạm Huấn, với những quen biết của ông trong suốt những năm làm phóng viên chiến trường, đã tỏ ra không thiếu tài liệu sống mà ông đã dùng để viết hai cuốn *Những Uất Hận Trong Trận Chiến Mất*

*Nước* và một cuốn viết về Thiếu Tướng Phạm Văn Phú. Hai cuốn sách này được viết bằng lối văn phóng sự chiến trường, lối viết trong sáng đầy ắp những chi tiết mà chỉ những cây bút gốc quân nhân mới có được. Hai cuốn sách này có kèm một số hình ảnh của những bộ sưu tập hình ảnh của tư nhân chưa từng xuất hiện trong các sách báo trước đây về Việt Nam. Chỉ hơi tiếc tác giả đã hơi tham lam khi dùng những tài liệu của ông. Cuốn sách viết về tướng Phú, có đôi lúc, vì sự tham lam của tác giả, đã khiến ông không tập trung hỏa lực (nói theo ngôn ngữ nhà binh của ông) vào mục tiêu chính của ông. Mặc dầu những cuốn sách của Phạm Huấn được đề giá hơi cao, nhưng tất cả đều được ấn loát rất đẹp, rõ ràng, bìa simili trang trọng, đều là những *best sellers*.

Cuốn hồi ký *Ngày N+*, của Hoàng Khởi Phong viết về chuyến đi cuối cùng khởi đi từ Pleiku, một chuyến đi mà Phạm Huấn cũng đã từng viết trong một cuốn hồi ký trước đây của ông. Hoàng Khởi Phong đã viết bằng một kỹ thuật khác. Tuy vẫn là một cuốn hồi ký, và những điều ông ghi lại chính là những điều thực sự xảy ra, những điều chính mắt ông đã mục kích, nhưng cuốn sách của Hoàng Khởi Phong còn có thêm một giá trị văn chương trong cách ông viết cuốn hồi ký đó. Cuốn sách viết lại những đoạn đường mà tác giả đi qua trong thời gian 48 ngày kể từ ngày đơn vị ông rời Pleiku cho đến lúc ông ngồi trên một chiếc tàu của hải quân Việt Nam tiến vào vịnh Subic ở Phi Luật Tân. Hoàng Khởi Phong đã viết lại rất thành thật về chuyến đi bi thảm đó, không chủ quan, đề cao mình, không hằn học với người khác. Bức thư gửi các em học sinh trường Vườn Hồng ở cuối sách tuy là một đoạn ở bên ngoài tập hồi ký nhưng lại là những dòng chữ cảm động nhất và dễ cho người đọc, qua bức thư ấy, thấy được phần nào con người của tác giả, con người mà nếu chỉ gặp thoáng qua, không thể nào thấy được. Con người đó của ông là một con người thật dễ mến như độc giả sẽ thấy.

Một cuốn hồi ký khác rất đáng đọc là cuốn *Hồi Ký tập III* của Nguyễn Hiến Lê. Cuốn sách này viết về những kinh nghiệm của học giả họ Nguyễn về giai đoạn 1975 đến 1981. Ông Nguyễn thú nhận đã đọc nhiều sách vở của Cộng Sản, có cảm tình với Việt Minh, nhưng rồi đến lúc sống với Cộng Sản rồi, và mặc dầu ông cũng tương đối được Cộng Sản để yên, ông Nguyễn mới biết mình đã lầm, đã bị lừa. Số người như ông Nguyễn ở Việt Nam không phải là ít. Ông vỡ mộng rồi bèn ngồi xuống viết về những điều về cái thời mà ông gọi là chưa bao giờ tệ như thế. Học giả họ Nguyễn viết xong cuốn sách này năm 1980. Năm 1981 ông đã phải sửa chữa, thêm thắt nhiều chỗ, làm người ta tin là nếu ông không qua đời sau đó ít lâu, cuốn hồi ký còn có thêm nhiều điều được thêm vào, hay viết lại, và những gì ông viết xuống còn có thể bi đát hơn. Cuốn sách có giá trị ở cái nhìn chủng mực của ông. Ông có một thái độ ôn hòa, lại là người đọc rộng, hiểu

nhiều về Cộng Sản trên giấy tờ, sách vở. Sự hiểu biết đó được đem ra đặt cạnh thực tế và giúp ông có những nhận định mạch lạc, có hệ thống về thực tế ở Việt Nam.

Trong lãnh vực biên khảo, những cuốn sách biên khảo của năm 1980 đều đáng đọc cả. Nếu người đọc thất vọng nhiều sau khi đọc qua cuốn sách gọi là viết về Vũ Trọng Phụng xuất bản hồi năm 1987, thì những tác phẩm biên khảo của Nguyễn Hưng Quốc, Vũ Đình Trác, Lê Tuyên, Nguyễn Hiến Lê, Minh Tâm, và Quách Tấn xuất bản năm 1988 đã làm cho các độc giả có lòng với văn học Việt Nam phải rất mừng.

Cuốn *Tìm Hiểu Nghệ Thuật Thơ Việt Nam* của Nguyễn Hưng Quốc là tác phẩm đầu tiên xuất hiện tại hải ngoại viết về đề tài này. Đây là một tập hợp những bài viết của ông đã đăng rải rác trên các tạp chí văn học trong mấy năm qua. Mười bài viết của Nguyễn Hưng Quốc về thơ Việt giống hệt như những món ăn ông nấu theo lối riêng của ông, qua cách nấu ấy, mặc dù vẫn là những lá rau, nhưng mùi thơm được thấy rõ hơn trên đầu lưỡi, cũng là những con cá, nhưng vị của con cá nổi bật hẳn lên nhờ bàn tay của một người giỏi khoa nấu nướng. Nguyễn Hưng Quốc là một cây bút biên khảo mới xuất hiện khoảng hai năm trở lại đây. Ông đọc rất nhiều, nhớ rất nhiều thơ, lúc nào cũng sẵn sàng trích được những câu thơ tuyệt vời nhất của những bài thơ hay nhất, rồi bằng một con dao rất sắc của một y sĩ giải phẫu, ông chỉ cho người đọc cái tinh túy sâu thẳm nhất của thơ, những điều tưởng chừng như khô khan, khó làm cho những người thưởng ngoạn, những người chỉ đọc, mà không làm thơ thường không chú ý và theo dõi, thì lại thấy bị lôi cuốn hết sức. Cuốn sách của Nguyễn Hưng Quốc có thể được coi là tác phẩm hay nhất trong năm về biên khảo.

Cũng đề cập tới đề tài văn học,là hai cuốn biên khảo của hai nhà giáo đại học. Linh mục Vũ Đình Trác cho in cuốn *Triết Lý Chấp Sinh Của Nguyễn Công Trứ*. Cuốn sách này nguyên là một luận án triết học Việt Nam mà linh mục đã trình tại đại học Fujen, Trung Hoa Dân Quốc và được trao bằng tiến sĩ năm 1970. Linh mục Vũ Đình Trác đã viết về khía cạnh chấp sinh của con người Uy Viễn Tướng Công, một quan niệm sống mà ông cho là rộng rãi và bao dung hơn con người hiện sinh của Tây Phương. Là một đệ tử của Kinh Viện, tác giả Vũ Đình Trác đã có một cái nhìn quán triệt về triết học Tây Phương. Ông quay lại nhìn Nguyễn Công Trứ, một nhà nho Đông Phương, lớn lên bằng triết lý sống Đông Phương, và vẽ ra chân dung của tướng công họ Nguyễn, với những thăng trầm trong cuộc đời hoạn lộ. Ở tuổi bát tuần còn muốn xin ra trận để chứng minh quan niệm chấp sinh của ngài. Khám phá của tác giả đã khiến cho tác phẩm biên khảo này trở thành một tài liệu quý báu và lý thú cho những độc giả mới chỉ được quen với Uy Viễn tướng công qua quan niệm làm trai của ngài ở

những bài giảng văn của những năm trung học.

Tác phẩm biên khảo thứ hai cũng đề cập tới một đề tài văn học khác là cuốn *Chinh Phụ Ngâm và Tâm Thức Lãng Mạn Của Kẻ Lưu Đày* của Lê Tuyên. Tác giả nguyên là một giáo sư đại học Huế, cuốn sách của ông là tập hợp những bài giảng mà ông đã dùng trong thời gian dạy ở Huế. Cũng như tác giả Vũ Đình Trác trong cuốn sách viết về Nguyễn Công Trứ, giáo sư Lê Tuyên cũng đứng từ những vị trí của triết học và văn học Tây phương để nhìn Chinh Phụ Ngâm, và từ những vị trí đó, ông đã soi chiếu vào một góc cạnh chưa ai nhìn ra của tác phẩm này.

Học giả Nguyễn Hiến Lê cũng đóng góp vào số tác phẩm biên khảo của năm 1988 bằng một di cảo, cuốn *Tôi Tập Viết Tiếng Việt*. Cuốn sách này là một tác phẩm để đọc đi đọc lại nhiều lần của người Việt còn hướng về tiếng Việt. Mặc dù cuốn sách có nhiều đoạn hơi đi vào một chút chuyên môn của ngữ học, nhưng các độc giả bình thường, những người sử dụng tiếng Việt một cách máy móc, chưa bao giờ nhìn tiếng nói của mình qua cái nhìn chuyên môn của môn ngữ học vẫn học hỏi được nhiều điều mà Nguyễn Hiến Lê viết trong cuốn sách này. Có lẽ cuốn sách này, đọc ở khung cảnh ngoài Việt Nam, trong cái chung quanh đang làm mòn, làm héo tiếng Việt trong mỗi người chúng ta, sẽ làm người đọc thấm thía nhiều hơn bất cứ lúc nào.

Từ trong nước, nhà thơ Quách Tấn, một người bạn thân thiết của Hàn Mặc Tử trong suốt nhiều năm, cho đến khi Hàn Mặc Tử qua đời năm 1940, đã gởi ra ngoại quốc một tập bản thảo ông viết về nhà thơ bất hạnh này. Sách vở viết về Hàn Mặc Tử không nhiều, và mỗi khi nói tới những cuốn sách viết về ông, người ta thường nhắc ngay tới Trần Thanh Mại. Nhưng cuốn sách của Trần Thanh Mại, theo gia đình Hàn Mặc Tử, đã có những sơ xuất lớn, do lối làm việc không cẩn thận cũng có mà cố ý cũng có. Cũng chính vì cuốn sách này mà Trần Thanh Mại đã bị Quách Tấn, trong tư cách bạn của Hàn Mặc Tử, đã đưa ra tòa, và vụ án này đã là vụ án văn chương đầu tiên của Việt Nam. Quách Tấn là người có thẩm quyền nhất để viết về Hàn Mặc Tử. Ngoài những liên lạc thân tình, ông còn là một thi sĩ, nên Quách Tấn đã có thể viết rất chính xác về con người cũng như về tác phẩm của Hàn Mặc Tử.

Một tác phẩm biên khảo khác cũng của một tác giả rất trẻ tuổi là cuốn *Tìm Phật Ở Đâu*. Tác giả Minh Tâm được coi là trẻ vì ông viết về một vấn đề rất già. Minh Tâm là biệt hiệu của Vũ Văn Du, rời Việt Nam đi du học từ năm 18 tuổi. Xa nhà từ rất sớm và sống ở ngoài Việt Nam từ năm 1968, tác giả là một nhà khoa học, nhưng lại viết rất hay về các vấn đề triết học và tôn giáo. Cuốn *Tìm Phật Ở Đâu* gồm 31 bài viết ngắn có thể được đọc như những bài thuyết giảng ngắn, gợi ý cho người đọc muốn tìm hiểu đạo Phật trong khung cảnh sống mới. Cuốn sách có hai bài ở phần thứ tư viết rất công phu, một bài về Thiền Việt

Nam và một bài luận về thuyết vô ngã của Phật giáo.

Cuốn sách cuối cùng mà chúng tôi muốn đề cập ở đây là một tập tiểu luận của Đỗ Quý Toàn nhan đề *Yêu Con, Dạy Con Nên Người Việt*. Đây là một cuốn sách cần phải đọc, cần phải có trong tất cả mọi gia đình người Việt, và phải đọc ngay trước khi quá muộn, trước khi giữa cha mẹ và con cái, một cái hố sâu và rộng, mỗi ngày một sâu thêm, mỗi ngày mỗi rộng thêm, để một ngày, hai thế hệ tự nhiên thấy mình đã đang đứng trên hai bờ vực vừa sâu vừa xa thẳm. Đỗ Quý Toàn là một nhà giáo, là một cựu huynh trưởng hướng đạo, là một người cha, từ những vị trí đó, ông đưa ra những đề nghị để giữ lấy cái gốc trong khi vẫn hội nhập vào xã hội mới ở chung quanh. Ông nói về vai trò của gia đình của bữa cơm gia đình, về truyền thống phải giữ và hội nhập như thế nào trong việc dạy trẻ nên người, và nhất là nên người Việt, một thắc mắc, một vấn đề, một khó khăn, một lo lắng của hầu hết mọi gia đình Việt Nam ở hải ngoại.

Nhìn chung, năm 1988 là một năm đáng khích lệ về mặt sách vở. Nhiều tác giả mới đã góp mặt với người đọc. Các nhà văn có tên tuổi từ trước 1975 ở trong nước vẫn tiếp tục viết: Mai Thảo, Duyên Anh, Triều Giang, Nguyễn Mộng Giác, Nhật Tiến...đều có sách xuất bản trong năm nay. Ngô Nguyên Dũng, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Hoàng Bắc là những người viết mới nổi ở hải ngoại, nhưng lại hứa hẹn rất nhiều, và tài năng của các tác giả này đã được thấy rất rõ ngay trong các tác phẩm đầu tay. Các nhà xuất bản Văn Nghệ, Làng Văn, Nam Á, Xuân Thu, Văn Lang đã bận rộn suốt năm, làm cho sinh hoạt sách vở Việt ngữ vô cùng sinh động. Những điều vừa kể làm chúng ta tin chắc việc sáng tác bằng Việt ngữ, xuất bản các tác phẩm Việt ngữ, và đọc sách Việt nhất định sẽ là những sinh hoạt còn được tiếp tục rất mạnh mẽ ở ngoài Việt Nam. Nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam không còn coi những sinh hoạt này chỉ là những việc làm không bền như những năm đầu sau biến cố 1975 nữa. Việc ở trong nước có những bài viết về những cuốn sách xuất bản ở hải ngoại là bằng cớ cho thấy đã có những thay đổi trong cách nhìn của họ.

Những cuốn sách của năm 1988 đã đánh tan những nghi ngờ từ năm 1975 còn sót lại ở trong đầu một số người. Đó là sự lo ngại rồi đây, sau mười năm, mười lăm năm, ai sẽ viết, và ai sẽ đọc các sách Việt ngữ ở hải ngoại?

Câu trả lời là nay đã gần mười lăm năm kể từ khi đợt di cư đầu tiên của người Việt đến các bờ biển Mỹ Châu, Âu Châu và Úc Châu, và sinh hoạt viết, đọc sách Việt ngữ chưa bao giờ lớn mạnh như năm 1988.

Năm 1988 làm người ta có thể tin trong nhiều năm sắp tới, sẽ vẫn còn có sách tiếng Việt được viết và được in, được đọc ở hải ngoại.

Sự lo ngại kể trên cũng chỉ là nỗi băn khoăn thiếu căn bản như câu hỏi về ba trăm năm sau của tác giả truyện Kiều vậy.

**Bùi Bảo Trúc**

*Mai Thảo*

## *Ngũ tạng*

*Mùa đông đã tới mưa tê thấp*
*Lại úng đầy thân bất toại từ*
*Giải nắng ung thư mùa hạ trước*
*Đã hủy xong phần lục phủ hư*

## *Thủy tận*

*Em đi vừa khuất trên đầu phố*
*Anh đuổi theo sau bóng đã nhòa*
*Đứng sững. Mới hay lìa cách đã*
*sơn cùng thủy tận giữa đôi ta*

## *Mừng tuổi mình*

*Một dấu tròn to vĩ đại tròn*
*Là mày, mừng tuổi đó nghe con*
*Trong không ngoài rỗng không gì hết*
*Không cả không là cái số không*

## *Đường xa*

*Chiều muộn, đường xa mới nửa chừng*
*Chập chùng rừng tiếp núi mung lung*
*Đêm nay về đó bên kia núi*
*Chân mỏi còn qua tới mấy rừng?*

## *Hoa muộn*

*Một đóa vui cuối ngày mới nở*
*Đài nửa chừng hoa nhụy đã tàn*
*Nâng bông nở muộn vào nguyên đán*
*Cho cũng riêng mình chút đỉnh xuân*

*Luân Hoán*

## *Thơ Xuân Kỷ Tỵ*

*còn giữ núi sông trong hồn hưu lạc*
*đâu có lo gì không có mùa Xuân*
*em xuống phố Tàu mua đòn bánh tét*
*một ít hạt dưa, mứt bí, mứt gừng*
*ta đón giao thừa giữa đêm bão tuyết*
*nuốt khói hương trầm về viếng cố hương.*

*nhớ giữa móng tay gội đầu chải tóc*
*mặc áo dài xanh thêu phượng thêu rồng*
*mang guốc sơn mài quai nhung đen mượt*
*quấn quít theo mưa xuân giọt trong lòng.*

*em cảm thấy không mùa xuân bước tới*
*đứng trước cửa nhà vui vẻ bấm chuông*
*nấu nước pha trà ta mừng khách quí*
*rót mời riêng em tràn chén yêu thương.*

*để ta nhớ xem mình chừ mấy tuổi*
*xuất nhập những gì già nửa đời trai*
*tá tấp những đâu giữa trời đất rộng*
*mà nuôi mộng thành kẻ sĩ mai sau.*

*này hỡi em yêu hỏi giùm Thượng đế*
*lì xì cho ta năm mới những gì*
*chẳng có lẽ nào sao y bổn cũ:*
*một mớ buồn phiền lẩm cẩm như ri!*

*Văn Học số 36,37/20*

*Nguyễn Ngọc Bích*

## *Một năm văn học nở rộ: Tiểu thuyết*

Tổng kết tình hình văn học năm 1987, báo *Làng Văn* năm ngoái có nói: "Năm Đinh Mão cũng mở được một bước tiến bộ nhảy vọt trong ngành xuất bản. Gần một trăm tựa sách đã được in trong năm, số in tương đương với số in tại Sài-gòn ngày trước, mặc dù số lượng người Việt tại hải ngoại (1,5 triệu) chưa bằng 1/10 dân số VNCH" (số 42 ra tháng 2-1988). Tôi không rõ tác giả bài báo dựa vào đâu để khẳng định là "gần một trăm tựa sách" (tôi đoán ý là định nói "nhan sách" và cũng chỉ định nói đến sách mới thôi, chứ không kể những sách in lại) là "số in tương đương với số in tại Sài-gòn ngày trước" vì chắc chắn là "Sài-gòn ngày trước" in hơn 100 nhan sách mới một năm. Sự kiện này không lạ vì "Sài-gòn ngày trước" đại diện cho cả một quốc gia nên ngoài những sách sáng-tác về mặt văn-chương thì người ta còn in ra nhiều thứ sách khác nữa -- như sách giáo khoa, kỹ thuật, thống kê, tuyên truyền, v.v...

Do vậy nên tôi cho ý của hai tác giả bài báo trong *Làng Văn* nhằm nói nhiều hơn về những tác phẩm sáng tác ở hải ngoại, mà nếu đúng như vậy thì "gần một trăm tựa sách" mới trong một năm phải được coi là một điều đáng hãnh diện thật. Nói cách khác, mức sản xuất của chúng ta ở hải ngoại không những đã đè bẹp mức sản xuất lèo tèo, èo uột (dăm ba cuốn thơ, hai ba chục bài báo có nội dung) của cái mà báo *Đất Việt* ở Canada gọi là "cộng đồng" Việt kiều "ngày nay ủng hộ chính quyền ở Việt Nam" (chữ của tác giả Vĩnh Xương trong ĐV số ra tháng 10-1987) mà còn ngang ngửa với số sách báo sáng tác ở trong nước lúc này. Đủ chứng tỏ là 65 triệu dân mà bị CS kềm kẹp thì không được ăn được nói bằng 1 triệu rưỡi người có tự do. Đó là mới nói về mặt lượng, còn phẩm thì tự do cũng tựa như hơi thở đối với con người sáng tác: sáng tác trong một khung cảnh tự do, bao giờ chúng ta cũng nói thật được hơn là sáng tác để nhắm có đảng tính, giai cấp đấu tranh tính và nhân dân tính (như CS thường đòi hỏi ở các nhà văn, nhà thơ của họ).

## RỪNG VĂN.

Một triệu chứng của sự phong phú của nền văn học Việt nam hải ngoại có thể thấy được trong nhu cầu sắp xếp, định nghĩa các khuynh hướng trong nền văn học ấy. Trong năm, ta thấy vấn đề đó được đặt ra ở nhiều nơi, trong lãnh vực tiểu thuyết cũng như trong thơ. Vẫn bài báo trong *Làng Văn* nói trên đã nói đến những "nhóm" như:

— Văn chương đấu tranh, tố Cộng.

— Khuynh hướng xã hội, nói về cuộc sống khó hòa nhập trên đất khách.

— Khuynh hướng hoài cổ, ngậm ngùi tiếc nhớ dĩ vãng.

— Khuynh hướng phóng sự xã hội, lịch sử.

— Khuynh hướng giao lưu văn hóa.

Bùi Vĩnh Phúc, trong *Văn học* số 30 (tháng 7-1988), thì lại phân tích thành những "nhánh" như sau:

— Nhánh hoài cảm, nhớ nhà

— Nhánh lên đường, chiến đấu

— Nhánh thích nghi

— Nhánh hội nhập

— Nhánh tiếp cận lịch sử, xã hội

— Nhánh duy cảm, duy nhiên.

Bàng bạc ở đằng sau lối sắp xếp của Bùi Vĩnh Phúc ta thấy như có ý định muốn quy một vài "nhánh" nói trên vào một lớp tuổi nào đó: lớp tuổi 60 hay gần 60 thuộc nhánh hoài cảm, nhớ nhà (như Võ Phiến, Võ Đình...), lớp trung niên -- nhất là lớp có kinh qua kinh nghiệm cộng sản, lớp ra sau này -- thì đi vào nhánh lên đường, chiến đấu, nhánh thích nghi phần lớn là phụ nữ, còn nhánh hội nhập thì hầu hết là tuổi trẻ, thiếu hay không có quá khứ Việt nam. Chỉ riêng có hai nhánh cuối cùng là không thấy Bùi Vĩnh Phúc gán cho một lớp tuổi nào nhất định.

Dầu gọi là "nhánh" hay "nhóm" thì ta vẫn có thể thấy là Bùi Vĩnh Phúc ít nhiều đồng ý với hai tác giả trong báo *Làng Văn*. Trong sáu khuynh hướng mà Bùi Vĩnh Phúc nêu ra thì cũng đã có đến bốn khuynh hướng mà hai bên đồng ý với nhau trong căn bản, mặc dầu đi vào chi tiết thì một tác giả có thể nằm trong hơn một "nhóm" hay "nhánh", hoặc một tác giả có thể được xếp theo một khuynh hướng ở trong *Làng Văn* mà lại theo một khuynh hướng khác ở trong bài của Bùi Vĩnh Phúc. Tỷ dụ như Tưởng Năng Tiến được Bùi Vĩnh Phúc xếp trong "nhánh lên đường, chiến đấu" song cũng lại được cho là nhen nhúm đi vào khuynh hướng "thích nghi" như số lớn các nhà văn nữ. Cao Xuân Huy được Bùi Vĩnh Phúc xếp trong dòng "lên đường, chiến đấu" thì *Làng Văn* lại xếp vào "khuynh hướng phóng sự xã hội, lịch sử." Rõ ràng là đâu đó ta còn những cái trục trặc trong chi tiết.

Sở dĩ có hiện tượng đó là vì hai lối phân tích nói trên đều dựa vào

cảm quan và ít nhiều vào nội dung, không dựa vào những yếu tố khác, đôi khi ý nghĩa hơn. Một khuynh hướng như "đấu tranh, tố Cộng" (mà BVP gọi là "lên đường, chiến đấu") thì quá lớn, trong khi đó hai khuynh hướng của Bùi Vĩnh Phúc ("thích nghi" và "hội nhập") thì *Làng Văn* lại chỉ cho là một ("cuộc sống khó hòa nhập trên đất khách"). Mặt khác, nhiều khuynh hướng rõ rệt lại không được nêu ra để trình bầy hay phân tích. Tỷ dụ:

- Văn chương tù đày, học tập, cải tạo (phần lớn là hồi ký song cũng có cả thơ như *Hoa Địa Ngục* của Nguyễn Chí Thiện, thơ Linh Thoại, Trần Kha trong *Tấm mát ngọn sông đào*, thơ của Tù nhân -- in chung với Phan Tấn Hải -- trong *Ở một nơi gọi là Việt Nam*, một số thơ của Luân Hoán hay của Nguyễn Mậu Lâm trong *Nổi lửa*, v.v...)
- Văn học có địa phương tính như các nhà văn Miền Nam mà Hồ Trường An có dịp điểm tên trong bài "Bạt" anh viết cho tập truyện mới nhất của Nguyễn Văn Ba, cuốn *Làm mai, Lãnh nợ, Gác cu, Cầm Châu* (Phù Sa xb ở Saskatoon, Canada) : Phạm Thăng, Huỳnh Hữu Cửu, Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Võ Kỳ Điền, Nguyễn Văn Sâm, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Tấn Hưng, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Cao Bình Minh...
- Văn học nữ lưu nở rộ ở hải ngoại, một tiếp nối khá tự nhiên của một nền văn học nữ lưu gần như phát triển đến độ cực thịnh ở miền Nam Tự do trước đây.

## MỘT KHUYNH HƯỚNG NỔI BẬT : DÒNG NỮ LƯU.

Nhìn từ góc độ mà tôi đề nghị, chúng ta có thể thấy là một vài khuynh hướng vẫn giữ được phong độ của một vài năm trước, một hai khuynh hướng khác thì lại đang nhen nhúm và có cơ phát triển, trong khi đó thì một hai khuynh hướng lại như đã cạn dần.

Khuynh hướng thứ nhất mà tôi muốn nói đến là nền văn học nữ lưu. Trong năm, dòng văn học nữ lưu vẫn cuồn cuộn chảy nhưng người ta để ý phần lớn là những tên tuổi mới với những cuốn sách đầu tay. Triều Giang có *Bọt biển* (Houston: Tác giả tự xuất bản), một trong những truyện dài hiếm có do một nhà văn nữ (ít nhất cũng kể từ Minh Đức Hoài Trinh hay Túy Hồng trên đất Mỹ) về cuộc sống của người "thuyền nhân" VN đi tỵ nạn ở Thái (trại Songkhla). Giới thiệu cuốn sách, Nhật Tiến đã viết: "Trong bầu không khí vừa ngột ngạt, vừa tạm bợ đó, những con người đã chung sống trong yêu thương và hận thù, trong trung thành và phản trắc, trong đùm bọc và cấu xé với một tốc độ gay gắt, hối hả khác thường như chính bản chất khác thường vốn có của đời sống một trại tị nạn." Đây là một sáng kiến rất độc đáo vì nếu truyện ngắn viết về các trại thì rất nhiều, gần như không có một tác giả nào đi qua kinh nghiệm ở trại mà không có những mẩu chuyện để kể về đời sống ở đó, song có lẽ Triều Giang là người đầu tiên nhìn ra cái khả năng tính của kịch trong một thế giới

thu hẹp và bít bùng như thế (làm ta nhớ đến câu, "L'enfer, c'est autrui" của Sartre trong kịch *Huis Clos*, "Không Lối Ra").

Ở Âu Châu, Thanh Phương, một tác giả vắng bóng từ lâu, đã trở lại với độc giả qua tác phẩm *Quê hương trong ngấn lệ* (tập truyện Paris: Nam Á) và Huỳnh Dung (ở Thụy Sĩ) có truyện dài ký sự *Thiên đường của Thy*. Nhưng đáng để ý hơn cả có lẽ là sự ra quân góp mặt thành sách của một số cây bút mới: Nguyễn Thị Hoàng Bắc ra mắt tập truyện *Long lanh hạt bụi* (Văn Nghệ xb) ngày 30-10 tại Trường Luật George Mason University, Trần Kim Vy ở Houston có *Lỡ một chuyến đi* (tự xb), Diễm Châu cũng có tập truyện *Đường tình em đi* (Tự xb) và lạ lùng nhất là cuốn *Tình yêu Linh-mục* mà nhà xuất bản Đông Phương ghi là của tác giả "T.N. Quỳnh Giao" nhưng ký giả Vũ Triều Nghi ở San Jose đưa ra thư ngỏ nhờ báo chí đăng để đòi lại quyền trứ tác của cô (theo nội dung bức thư, ông Quốc Nam đã lấy hai truyện vừa của cô, trước đây viết cho báo *Đông Phương* của ông, gom lại thành một xong cọng thêm một truyện nữa của người khác để in thành cuốn *Tình yêu Linh mục*, đồng thời in cả ảnh của cô rất to để làm quảng cáo, chỉ ghi tác giả là TNQG như trên -- một việc làm thật mờ ám nếu không muốn nói là quái đản!).

Song nếu chỉ nói đến những tác giả có sách in ra thì là một sự thiếu sót vô cùng so với sự hiện diện thật hùng hậu của các cây bút nữ trên các báo hải ngoại như *Văn học*, *Văn*, nhất là *Làng Văn*. Trong bài tổng kết văn học năm ngoái, *Làng Văn* đã nhắc đến những đóng góp của "Trần Diệu Hằng, Lê thị Huệ, Phan thị Trọng Tuyến, Vi Khuê, Hàn Song Tường, Như Chi, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Trần Mộng Tú, Tuệ Nga v.v... cùng với sự tái xuất hiện của Thanh Phương, Nguyễn Thị Vinh, Túy Hồng, Thiếu Mai... với sự đóng góp mới của Đặng Thị Quế Phượng, Huyền Châu, Cao Bình Minh, Trịnh Gia Mỹ, Vũ Quỳnh Hương, Nguyễn thị Ngọc Lan, Phạm thị Ngọc, Hoàng Dung, Hoàng Gia Long, Cỏ Tháng Giêng, v.v..." Bùi Vĩnh Phúc trong *Văn Học* tỉ mỉ hơn chỉ là liệt kê tên: "Nổi bật là Trần Diệu Hằng, dịu dàng, uyển chuyển với *Vũ điệu của loài công* và *Mưa đất lạ;* Lê Thị Huệ với những nét sâu sắc trong *Bụi hồng;* Phan thị Trọng Tuyến... rẽ ra nhiều khuynh hướng khác biệt, trong đó cũng có đậm nét của khuynh hướng 'nhớ nhà'; Cao Bình Minh táo bạo và nghịch ngợm... Vũ Quỳnh Hương nổi bật với lối suy nghĩ cùng bút pháp điêu luyện, tài hoa trong "Vận tốc trung bình" và "Miền vĩnh phúc"; Nguyễn thị Ngọc Nhung trầm lặng trong *Đêm rồi cũng đi qua;* Nguyễn thị Hoàng Bắc dí dỏm...; Trần thị Kim Lan nhân ái... cố gắng đem những tâm tình Việt Mỹ và các giống dân khác lại gần nhau... Và đặc biệt, một người cũ, Túy Hồng, luôn luôn thông minh và tinh sắc, sau hơn một chục năm... cố thủ, từ chối nhìn vào đời sống Mỹ, đã đang tỏ vẻ 'thích nghi' với truyện dài *Mưa thầm trên bông phấn*, đăng trên báo *Phụ Nữ Ngày nay*. ". Đã đành, ta cũng còn có thể đưa thêm một số tên nữa vào

danh sách trên đây như Điệp Mỹ Linh, người thường âu lo về giáo dục trẻ Việt trên đất Mỹ (đặc biệt ở tuổi sắp thành nhân), Nguyễn thị Thanh Bình (nghe đâu cũng sắp có sách ra dưới hình thức một tập truyện), v.v...

Nhân đây, ta không thể không nhắc đến tuyển tập *Trăng đất khách* do Làng Văn tung ra năm 87, một tập hợp của 39 cây bút nữ ở hải-ngoại (gồm cả văn lẫn thơ). Đối với những ai phân vân, không biết khả năng đóng góp của dòng văn học nữ lưu như thế nào thì đây là một khởi điểm rất tốt để có một sự đánh giá đầu tiên, một tập hợp rất thuận tiện để bắt đầu làm quen với dòng văn học này.

Nhân đang nói đến tuyển tập thì năm 88 xem chừng cũng khá phồn thịnh về mặt tuyển tập. Nếu trong mười mấy năm trời trước đó ta chỉ có một vài tuyển tập như của Hoàng Ngọc Ẩn (90 tác giả) và Thái Tú Hạp (mới ra tập I song dự tính sẽ gồm 104 tác giả cả thảy) thì riêng trong một hai năm nay đã có, ngoài *Trăng Đất Khách* nói trên, *Ngọn cỏ khô trên thung lũng mùa xuân* (tuyển tập 21 nam tác giả, vừa văn vừa thơ, cũng do Làng Văn xuất bản), rồi theo các thế hệ có *Tuyển tập 23 người viết sau 1975* (Giới thiệu do Nguyễn Mạnh Trinh) rồi đến *Mùa Hè năm 1999*... (Người Việt xuất bản), giới thiệu 22 tác giả còn ở lớp tuổi 20. Theo địa phương, ta có *Văn Bút Giai phẩm Mùa Xuân* (do Văn bút Việt Nam Hải ngoại Gia-nã-đại in ra, Làng Văn phát hành), giới thiệu 37 tác phẩm của các tác giả khác nhau, in ra vừa vặn để đưa về dự (và tặng những người về tham gia) Đại hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại 1988, đại hội thế giới đầu tiên của VBVNHN tổ chức tại Hoa Thịnh Đốn từ ngày 1 đến ngày 3 tháng 4-1988. Theo tin từ Âu châu thì Văn bút Việt Nam Hải Ngoại trung tâm Âu châu cũng dự tính ra tuyển tập vào mùa Hè nhưng tôi chưa được trông thấy mặt, còn như Văn bút miền Đông thì đang chuẩn bị sang năm ra tuyển tập văn học Việt Nam trong tiếng Anh, Văn bút Gia-nã-đại (Quebec-Montreal) chuẩn bị ra tuyển tập trong hai thứ tiếng Anh và Pháp, tất cả nhằm trưng ra với thế giới nhân kỳ Đại hội Văn bút Thế giới mùa Hè 1989 ở Montreal. Theo chủ đề, nhà xuất bản Nhân Văn trong năm cũng cho ra tuyển tập *Nước mắt Sài Gòn*, phần lớn do những cộng tác viên trong nhóm Nhân Văn đóng góp.

## CÁC CÂY BÚT MIỀN NAM.

Một hiện tượng nổi bật trong văn học Việt Nam hải ngoại chính là chỗ đứng rất vững vàng của các cây bút gốc miền Nam. Không những họ hiện diện mà thôi, đây còn là dòng văn học mang nhiều sáng tạo tính nhất ở trong nền văn học của chúng ta ở nước ngoài. (Có người tỏ vẻ phiền lòng khi nghe tôi nói đến dòng văn học này như một dòng tách biệt, tại vì có bạn nói: "Tại sao anh lại phân biệt một dòng văn học với địa phương tính miền Nam? Tại sao anh lại không nói đến một dòng văn học với địa phương tính miền Bắc hay một miền nào

khác? Anh không cẩn thận sẽ thành khơi sâu những dị biệt địa phương như Trung, Nam, Bắc ở trong cộng đồng và văn học chúng ta!" Tôi xin trả lời ngay: "Vậy bạn hãy định nghĩa cho tôi xem thế nào là một nền văn học có địa phương tính miền Bắc hay một miền nào khác. Tôi sẽ sẵn sàng công nhận nếu bạn làm được việc đó một cách rõ ràng, minh bạch." Sự thực là không có một nền văn học với địa phương tính rõ ràng là của miền Bắc hay của miền Trung, hay một miền nhỏ hơn thế nữa--tỷ dụ của miền biển Bắc Việt hay của Huế, của Nha Trang hay Quảng Bình, chẳng hạn. Lẽ ra--trên lý thuyết--thì viết một truyện hay một quyển sách với ngôn ngữ đặc thù của miền Trung, của Huế chẳng hạn, thì phải dễ hơn viết một tác phẩm với hơi khí "miệt vườn" vì tiếng Trung quá khác với tiếng của các miền khác. Ấy vậy mà sao khi ta thấy một truyện có "nì, mô, răng, rứa" trong đó thì ta thường chỉ có nghĩ là truyện cười hoặc tác giả dụng ý đưa vào mấy câu đối thoại như vậy để cho có "màu sắc địa phương" song đó chưa thể gọi là có một dòng văn học riêng của miền Trung hay Huế. Ta cứ việc đọc các đặc san *Sông Hương* sẽ thấy phần nào là nhận định của tôi có cơ sở.)

Trở lại các nhà văn miền Nam thì năm nay phải thấy là sự ra quân của họ khá ngạo nghễ. Hồ Trường An, người đầu đàn về lượng sáng tác, có *Đêm chong đèn,* truyện dài do Văn Khoa in ra; *Chuyện quê Nam,* tuyển tập truyện ngắn đồng quê miền Nam, do Làng Văn dự tính tung ra từ mùa Hè; *Lớp sóng phế hưng,* truyện dài phong tục do Tủ Sách Cành Nam tái bản với lời giới thiệu và lời bạt mới; cũng như *Giai thoại hồng,* ký sự về các nhà văn nữ, đã giao cho Tổ hợp xuất bản Miền Đông để nhằm tung ra vào năm tới. Trong năm, nhà xuất bản Văn Nghệ của Thầy Từ Mẫn Võ Thắng Tiết cũng cho ra *Dòng chữ tâm tình,* được giới thiệu là "tập truyện đầu tay của Ngô Nguyên Dũng, một người xa quê hương đã 18 năm nhưng... ở đâu, lúc nào tác giả cũng thao thức nhớ về người cũ cảnh cũ. Mười truyện trong tập là mười tâm tình, được viết với một lối văn tuy có vẻ dung dị nhưng trầm lắng, sâu sắc." Diễm Châu và một số nhà văn nữ đáng nhẽ cũng phải được kể trong dòng văn học này. Đến cuối năm, ta lại có một sự đóng góp rất đặc sắc của Nguyễn Văn Ba, một cựu giáo sư đại học chưa hề viết truyện bao giờ ở quê nhà, nhưng lại góp mặt một cách rất tâm tình ý nhị tuy rất bình dị, không bóng bẩy, không ngoa ngôn ngay từ tập truyện đầu tay của ông, tập *Làm mai, Lãnh nợ, Gác cu, Cầm chầu* (nhan sách dựa trên câu tục ngữ "Ở đời có bốn cái ngu/ Làm mai...").

Năm ngoái, khi làm tổng kết văn học, tôi đã để sót một trong những tác phẩm lớn nhất của năm 87, tập truyện *Nụ cười tre trúc* của Kiệt Tấn do nhà Văn Nghệ xuất bản. Bùi Vĩnh Phúc đã không sai khi cho rằng trong tập truyện, Kiệt Tấn "đã cho thấy tính cách đa dạng và tài hoa trong đời sống và trong văn phong của ông. Hoà mình vào

thiên nhiên đến tận cùng, tự bỏ lạc mình trong cảm giác đến tận gốc, Kiệt Tấn xoá bỏ một loạt những 'ngăn cấm' trong cái gọi là luân lý, đạo đức cũ của văn chương Việt. Ông trình bày một cách tự do và đầy nhiệt tình, nhiệt hứng những cảm giác của một chàng trai mới lớn trước đời sống (tình dục) và thiên nhiên. Đối với Kiệt Tấn, những kinh nghiệm trong đời sống của ông--trong sáng, thơ ngây, đắm đuối, dật lạc, hồn nhiên, mê muội...--ở những góc cạnh sâu thẳm và thân thiết nhất đều được khai mở và cho bùng vỡ... Kiệt Tấn sống thật, viết thật, và từ đó để độc giả phán xét về đời mình." Nhận xét của Bùi Vĩnh Phúc xem ra đã sâu sắc nhưng tôi cho anh chưa nắm được một đặc điểm chính yếu của văn phong Kiệt Tấn, đó là sự quyến luyến gắn bó giữa thơ và nhạc và văn và cải lương và kinh kệ (nhà Phật) trong tác phẩm của anh. Tất cả quyện lại với nhau làm thành một văn phong Kiệt Tấn rất độc đáo, rất miền Nam--một thứ thi văn nhạc giao duyên mà tôi cho là tiêu biểu cho 21 năm miền Nam tự do! (Để xem anh thành công đến độ nào, tôi cho ta nên đọc truyện "Nụ cười tre trúc" nhớ mẹ của anh và truyện "Bến đò trao thơ." Thực sự, ta có thể nói là Kiệt Tấn gần như tay không đã dựng hẳn nên một văn phong cổ điển mới của anh: Văn của anh, nói cho cùng, đầy ắp điển tích nhưng những điển tích đây là lấy trong văn học cận hiện đại của Việt Nam, đặc biệt của Miền Nam tự do, từ thơ Nguyễn Bính, Phạm Thiên Thư, Thanh Tâm Tuyền, từ nhạc mới, "nhạc vàng", nhạc tình cảm, từ ca dao, dân ca miền Nam đến cải lương, hát bội, *Lục vân Tiên* hay cả *Kiều*. Nhưng khi muốn mới thật mới, Kiệt Tấn cũng có thể có "Ngoài cửa kiếng" hay "Em điên xoã tóc," một trong những kiệt tác ở trong văn học của chúng ta ngày hôm nay.)

Kiệt Tấn đặc sắc như vậy nhưng đó là Kiệt Tấn hay ít nhiều phảng phất một cá tính của cây bút miền Nam? Văn nghệ thế giới, nói chung, thường rất ngại một sự trộn lẫn của các thể loại (genre mixing) nhưng đặc điểm của văn nghệ miền Nam thường tỏ ra rất táo bạo về mặt này. Người không thích thì gọi đó là lai căng nhưng bình tâm mà nói, phải công nhận là khi nó thành công thì nó lạ lùng. Thi nhạc giao duyên, chẳng hạn, xuất phát từ miền Nam tự do: đang hát nhạc mới chuyển cái đùng qua cải lương, xong ngược lại, xong lại ngâm, xong lại hát... Đọc Hồ Trường An, ta thấy lối viết văn này được khai thác tận mạng, Nguyễn văn Ba cũng thế, nhưng Kiệt Tấn thì... quá cỡ!

## CÁC NHÀ VĂN LỚN.

Trong các nhà văn lớn, làm việc đều đặn, ta thấy Nguyễn Ngọc Ngạn cho in lại *The Will of Heaven* (Văn Lang tái bản), tác phẩm đầu tay của anh khi mới đặt chân sang Thế Giới Tự do song lại viết ngay trong tiếng Anh, bên cạnh việc cho ra *Sau lần cửa khép* (Văn Lang xuất bản), truyện dài về cuộc sống của một gia đình bác sĩ ở hải ngoại, và *Trong quan tài buồn* (Văn Lang xuất bản), một truyện dài vô cùng

độc đáo về nông thôn miền Bắc sau vụ sửa sai tiếp theo cuộc cách mạng ruộng đất đẫm máu vào những năm 50. Truyện của Nguyễn Ngọc Ngạn bao giờ cũng đầy hành động và đi rất nhanh, đọc rất hấp dẫn, nhưng ta phải ngả mũ chào anh vì anh đã thành công vượt bực trong việc tạo dựng lại không khí của những ngày sửa sai, với tất cả những cái hận thù, toan tính và tàn ác của nó. Phải nói là cuốn *Trong quan tài buồn* có một sức thuyết phục rất mạnh, trội vượt hơn hẳn những tác phẩm về cải cách ruộng đất hay sửa sai (gần như không có) ở miền Bắc.

Duyên Anh, mặc dù gặp rủi ro khi đi chơi ở Cali song vẫn giữ được phong độ phần nào: Sau *Sài gòn ngày dài nhất* do nhà xuất bản Xuân Thu in ra và *Nhà tù* do nhà Nam Á tung ra ở Pháp, anh lại có *Nhánh cỏ mộng mơ*.

Nguyễn Mộng Giác, ngoài việc đi làm và trông coi tờ Văn Học, cũng đã hoàn tất cuốn *Bèo giạt*, tức Tập 4 của *Mùa Biển Động* (trường thiên tiểu thuyết), do nhà Văn Nghệ in ra. Như vậy, ta có thể tin tưởng được là anh sẽ hoàn tất toàn bộ *Mùa Biển Động* vào giữa năm 89 như anh đã hứa hẹn, để văn học Việt Nam ở Hải ngoại sẽ có được một đại tác phẩm tương đương với *Chiến Tranh và Hoà Bình* của Lev Tolstoi. Ngoài ra, nhà Văn Nghệ cũng cho tái bản các tập I, II và III của *Mùa Biển Động*, tập *Ngựa nản chân bon* (tập truyện đầu tay của anh ở hải ngoại, tái bản lần này là lần thứ ba), và *Đường một chiều* (một tác phẩm của anh in ở trong nước từ 1974). Như vậy, rõ ràng là, cùng với tập truyện *Xuôi dòng* (cũng do Văn Nghệ xuất bản), hầu hết các tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác đều có người đọc.

Nhà Văn Nghệ cũng cho in lại tập truyện xuất sắc của Nhật Tiến, tập *Tiếng kèn*, tác phẩm đầu tiên của anh in ra ở hải ngoại, nhưng đáng kể là cuốn *Mồ hôi của đá*, truyện dài đầu tiên của anh xuất bản ở hải ngoại do Tủ Sách Cành Nam ở Virginia in ra vào những ngày cuối năm. Đây là một cuốn tiểu thuyết có luận đề (roman à thèse), trong đó anh gửi gắm nhiều tư tưởng về một giải pháp tương lai cho Việt Nam--một giải pháp mà anh cho là không thể nào đi ra ngoài hai hướng nhân bản và dân tộc. Bùi Ngọc Đường cũng đã có bài giải thích về "khuynh hướng sáng tác mới" này của Nhật Tiến. Cũng có luận đề là *Những cánh bèo tam thập* của Nguyễn Tường Phong mà nhà bình bút Phạm Nam Sách dành cho rất nhiều cảm tình trong một bài điểm sách tường tận: Những "cánh bèo tam thập" là lứa tuổi 30 ngày hôm nay, một loại thế hệ "angry young men" của Việt Nam, bực dọc, tức tối, nhiều khi chửi thề để mạt sát một cộng đồng tưởng chừng như mất hết ý thức, những đàn anh đã vấp phải những lỗi lầm quá to lớn để đưa đất nước vào điêu linh mà rồi vẫn không học được gì cả. Tuy nhiên, Nguyễn Tường Phong không phải là hoàn toàn vô vọng. Chương 11, anh lại nói về một giải pháp lãnh đạo.

Mai Thảo trong năm có *Một đêm thứ Bảy*, tập truyện do Tổ hợp

Xuất bản miền Đông in ra và cũng tổ chức ra mắt ngay sau ngày đại hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại ở trường Luật George Mason University. Đã từ lâu, Mai Thảo không thuộc phe nhóm nào và nhất định đi con đường nghệ thuật của riêng anh, con đường canh tân chữ nghĩa (ngôn từ và ngữ pháp) và cũng là một cách vẽ ra một con đường cổ điển mới trong văn học Việt Nam. Truyện của anh chậm rãi, có cái bao la của núi rừng, cỏ cây nhưng không thiếu phần tế nhị, tâm lý và đôi khi cũng dí dỏm nữa.

Võ Phiến trong năm tương đối vắng trừ một bài viết rất giá trị về những đặc tính của tiếng Việt (trong *Văn học* số 32), tuy nhiên *Võ Phiến Toàn tập* thì vẫn được tiến hành đều đặn do nhà Văn Nghệ. Dự tính sẽ có 14 tập cả thảy, cho đến giờ những tập sau đây đã ra mắt độc giả: *Tùy Bút I, Tùy Bút II, Tập Luận, Truyện ngắn I, Tiểu thuyết II, Tiểu luận* và *20 Năm Văn Học Miền Nam 54-75* (tái bản). Trong năm nhà Văn Nghệ cũng lại cho ra mấy tác phẩm của Võ Hồng: *Hoa bươm bướm, Như cánh chim bay và Con suối mùa Xuân;* một truyện dài của Ngô Thế Vinh, Vòng đai xanh; và đặc biệt, *Hồi ký III* của Nguyễn Hiến Lê, gồm những nhận xét rất xác đáng của ông về sự thất bại của cộng sản sau khi chiếm xong miền Nam.

## MẤY KHÁM PHÁ RỰC RỠ

Đầu năm Mai Kim Ngọc, nhà văn bác sĩ, làm cho mọi người ngỡ ngàng thích thú với truyện dài *Muôn kiếp cô liêu* của anh (Văn Nghệ xuất bản). Anh là một hiện tượng lạ, tự nhiên đột xuất nhập làng văn với những truyện ngắn thật dễ thương và nhân hậu, sau được gom thành tập truyện *Một chút riêng tư* do nhà Văn Nghệ in ra vào năm 87, tiếp ngay sau đó là *Tập truyện Lỗ Tấn* (truyện dịch do nhà Văn Khoa xuất bản), để rồi làm kinh ngạc mọi người với *Muôn kiếp cô liêu,* với bút pháp vững chãi và sự dàn dựng truyện thật tài tình.

Giữa năm, đất Hoa đô bị chấn động bởi một văn tài thật bất ngờ. Nhân dịp anh Võ Văn Ái đi công tác về nhân quyền Việt Nam ở Hoa Kỳ, Cơ sở Quê Mẹ ở Pháp đã cho ra mắt cuốn *Quê Nhà* của Ý Lan, tên Việt của một người nữ Hồng-mao (Penelope Faulkner), một người chưa bao giờ được biết tận mắt nước Việt Nam nhưng sử dụng tiếng Việt và ngòi bút giỏi hơn không biết bao nhiêu là người Việt "chính cống". Chị Ý Lan đã gây bàng hoàng, sửng sốt cho tất cả mọi người hôm ra mắt sách của chị bằng những lời đối đáp duyên dáng, tinh nghịch, sâu sắc, trí thức, chứng tỏ một sự hiểu biết quá rõ về quê hương, đất nước, tâm lý Việt Nam. Cuốn *Quê Nhà* của chị, nửa truyện ngắn nửa khảo luận, là một đóng góp lớn trong văn học Việt Nam ngày hôm nay. Tác giả của nó Việt Nam tới độ lấy tiếng Việt làm quê hương tinh thần của mình và viết dí dỏm không thua gì một tâm hồn lớn của Việt Nam.

Nhưng lạ lùng không kém là trong cùng năm, ta lại có một người

ngoại quốc thứ hai viết sách bằng tiếng Việt và viết rất lưu loát. Đó là linh mục Dominici Đỗ Minh Trí với cuốn *Việt Nam Quê Hương tôi* của ông, một cuốn sách trên 300 trang và đã được Thế Uyên điểm trong *Văn học.(*)* Tình "đồng bào" mà Ỷ Lan và Cha Đỗ Minh Trí đã xin chia sẻ với người Việt đã làm cho một số trong chúng ta phải ngượng vì như anh Vĩnh Kham đã có dịp nhận định, chúng ta nhiều khi không "đáng" được làm đồng bào với những người mà có thể yêu nước Việt Nam đến như thế được.

Một vài ngã rẽ mới trong năm: Phạm Quốc Bảo có *Mười ngày du ký* (Hoa Thịnh Đốn Việt Báo xb), chưa thể gọi là thành công lắm--không phải vì tác giả không có tài mà có lẽ vì thể du ký (travelogue) là một thể không mấy quen thuộc đối với độc giả Việt Nam (mặc dù thể này đã có từ lâu trong văn học VN, từ *Thượng Kinh ký sự* của Lãn Ông đến du ký ra "Bắc kỳ" của Trương Vĩnh Ký). Hạo Chu có *Ghế Bông* (tác giả tự xb) song "ghế" ở đây không phải là chỗ để ngồi mà là "gái Mỹ".

Sức sáng tác của người Việt ở khắp năm châu đều có vẻ trên đà đi lên với những nơi như Úc châu hay Gia-nã-đại hoặc Nhật Bản cũng bắt theo được phần nào nhịp náo nhiệt của Hoa kỳ: ở Úc châu, Vũ Đăng Khoa có *Rước em lên đồi,* tập truyện, Nguyễn Tư ra đến tác phẩm thứ 5 của anh với *Người tù ở lại* (Trầm lặng xb); ở Gia-nã-đại, ngoài cơ sở có tầm vóc quốc tế của nhóm Nguyễn Hữu Nghĩa và Nguyên Hương (Làng Văn, Văn Lang, Việt Publication) ta cũng đã thấy năm nay có Nguyễn Văn Ba ở Saskatoon và Nguyễn hải Bình và Hải Phong với *Vùng yêu đương* (Tác giả tự xb).

Khuynh hướng tranh đấu thì có một tập truyện rất đặc sắc của Nguyễn Từ Hanh, *Dốc nguyệt trào sông* do nhà Đông Tiến in ra. Tập *Trở về* của Huỳnh Trung Chánh có lẽ cũng xếp được trong dòng này (tập truyện này do Nguồn Sống xb), cũng như trường hợp *Những cánh bèo tam thập* đã nói ở trên.

Cuối cùng, Đỗ vẫn Trọn cho sản xuất, với sự tiếp tay của Mai Hân và Hoàng Anh Tuấn, cuốn sách nói (talking book) đầu tiên của người Việt ở hải ngoại với tác phẩm *Nỗi niềm mang theo.*

Sách in ra rất đẹp và kèm theo sách, nếu muốn, độc giả có thể tìm mua một băng cát xét đọc văn Đỗ vẫn Trọn do Mai Hân và Hoàng Anh Tuấn thực hiện.

**Springfield, Virginia**
**Ngày 29 tháng 12, 1988**

** Gốc người Ý, cha Dominici đã cho là Chúa run rủi ông để đưa ông đến quê hương thứ hai của ông là Việt Nam.*
*Trước 1975, ông là giảng sư ở Đại chủng viện Giáo hoàng ở Đà lạt và sau đấy, số phận của ông lại đưa ông sang giúp "đồng bào" ông ở Galang Nam dương rồi Bataan Phi luật tân.*

*Nguyên Sa*

## *Bãi xa*

*Ta vừa thức giấc đã chiều*
*Một trời sương trắng đã vào đầy sông*
*Con sông thì chưa có chồng*
*Sương hôm vẫn vậy thích nằm quanh co*
*Ta cong mình xuống bãi xa*
*Con sông thấy lạnh bước qua nằm cùng ...*

## *Hậu giải phẫu*

*Cửa biển vào đầy gian phòng*
*Từng giọt nước mặn chạy vòng tới tim*
*Ta mơ hồ thấy giọt quen*
*Giọt thơ tuổi trẻ giọt em ngày nào*
*Mơ hồ trăm lưỡi nghịch đao*
*Đâm vào cổ họng chém vào thịt da*
*Dây trời trói ngọn núi thua*
*Mơ hồ vũ trụ lúc chưa khởi đầu*

*Định Nguyên*

## *Quê hương, ngày nào?*

*Quê hương mai đón anh về*
*Nắng hanh bên giậu tường vi lụa vàng*
*Đón anh thuyền cũ lại sang*
*Nước sông vốc mát đôi bàn tay không*
*Mai về mắt bỗng rưng rưng*
*Buồn xưa khóc nốt tuổi mừng hôm nay*
*Cho anh mượn chiếc khăn tay*
*Đoàn viên thấm giọt lệ này cho nhau*
*Dắt anh ra ngó cây cau*
*Nhớ cha, nhớ mẹ lá trầu tơ duyên*
*Mai về lạ ngõ tre quen*
*Hỏi thăm hàng xóm láng giềng cũng ra*
*Mai về bưởi có ra hoa*
*Tay em mười ngón nõn nà quê hương*
*Luống xưa vàng ngọn cải ngồng*
*Cho anh thương lại một dòng áo hoa*
*Mai về thăm mộ mẹ cha*
*Trăm năm thèm tiếng khóc oà trẻ thơ.*

*Nguyễn Đồng*

# *Tranh Tết, tìm lại những hình ảnh chưa bao giờ có thật*

Cho tới ngày hôm nay, mỗi khi bất thần cảm thấy có cái gì đổi thay trong khí trời - một chút gió gây gây lạnh buổi sáng sớm, hay cơn nắng trưa bỗng sáng rực hơn mà cái nóng lại dịu dàng hơn -, tôi lại nao nao nhớ ra rằng mùa Tết đang đến. Những năm ở xứ lạnh, lúc đó là giữa mùa tuyết rơi, một cảm nhận tương tự như vậy đôi khi cũng xảy đến, như một cố gắng tìm cái tương phản để chống lại bầu không khí giá buốt. Bây giờ ở Cali, trong sự chuyển mình của thời tiết vào lúc cuối năm, trong nắng trong gió thỉnh thoảng có chút gì rất gần gũi thân thuộc, làm nhớ nắng và gió những ngày cuối năm ở nhà những năm xưa, tôi không khỏi lại cảm thấy xôn xao trong lòng.

Trong lúc lòng nao nao đến đỗi như một cơn rùng mình ấy, không biết bao nhiêu hình ảnh như được bấm nút tự động không ngớt hiện về, xô đuổi nhau, chợt sáng chợt tắt trong trí tưởng tôi. Những *hồn ma cũ* đó chăng, theo cách nói của Bình Nguyên Lộc.

Trong vô số những "hình ảnh hồn ma cũ" đó, phần lớn chỉ có tính cách riêng tư mà tôi xin được phép không kể ra làm chi, thường hay không ngừng làm tôi thắc mắc nhất có lẽ chính là những hình ảnh về Tranh Tết. Có cả một loạt nhiều bức tranh Tết. Mỗi bức tranh là một hình ảnh. Mỗi bức tranh cũng là một bố cục tập hợp nhiều hình ảnh. Những chi tiết về màu sắc, đường nét, cách tạo dáng cũng làm thành những loại hình ảnh khác nhau. Nhiều hình ảnh chen chúc xô đuổi nhau trong cái khoảnh khắc ngắn ngủi của một cơn rùng mình trong

trí tưởng thì nhất định là phải cực kỳ hỗn độn, chẳng hình nào rõ ra hình nào, chẳng mầu nào rõ ra mầu nào. Nhưng bù lại, nó trở nên sống động biết bao nhiêu! Sống động như ở trong một trạng thái hồi tưởng. Như là nhớ lại, sống lại những gì đã trải qua, đã sống qua, và đã sống thật là sống, cho nên mới có đủ sức mạnh đánh thức hồi ức như một cơn mộng dữ. Nó giống hệt như hồi tưởng, nhưng gán cho nó cái tên hồi tưởng thì chắc chắn là một điều đáng hoài nghi. Cho nên, cho tới ngày hôm nay, cũng như nhiều lần qua, trong lúc xôn xao, cảm thức mùa Tết, tôi lại không khỏi băn khoăn tự hỏi đó có phải là những gì đã thật có, hay thật ra chỉ là những hình ảnh chưa bao giờ có thật?

Tôi đã sống những năm đầu tiên thời thơ ấu trong một làng nhỏ miền Hậu Giang. Năm lên sáu, sau thời gian tản cư, tôi rời làng ra tỉnh ở, và không bao giờ có dịp trở về thăm làng cũ một lần nào. Kinh nghiệm về đời sống làng xã của tôi như vậy quả thật là ngắn ngủi.

Nhưng tuổi thơ là tờ giấy trắng trên đó những ấn tượng đã ghi lên rồi thì không bao giờ phai mờ. Bằng chứng là tôi còn nhớ rõ nhiều thứ rất vụn vặt: từ mấy loại trùn đào dưới đất tới con cá bã trầu, con chim chìa vôi; từ cảnh nơi làm giấy tờ hộ tịch, ở đó thỉnh thoảng tôi thấy có người bị bắt đóng trăng, và cũng là nơi lâu lâu được đóng kín hết cửa nẻo để nhiều người hò hét bắt dơi nấu cháo; từ cảnh có ít nhiều mầu sắc như buổi lễ cúng đình, đoàn học trò lễ áo thụng lọng tía lung linh in bóng dưới nước khi đi qua cầu, hay lễ tống ôn, chiếc bè kết bằng bẹ chuối trang hoàng sặc sỡ, cho tới cảnh lạ lùng những người tập phóng phi tiễn hay vác tầm vong vạt nhọn tập đi một hai.

Tôi nhớ được nhiều thứ, có điều dù trở đi trở lại kiểm điểm bao nhiêu lần đi nữa, trong tất cả những thứ nhớ lại từ sinh hoạt làng xã đó của tôi, không hề có bóng dáng một bức tranh Tết nào. Chuyện không lạ. Khi mà tôi đã phải học chữ vỡ lòng theo lối truyền khẩu và tập viết những chữ đầu tiên với cái que tre vuốt nhọn và tàu lá chuối, thì một tờ giấy đôi khi cũng còn là chuyện khó thấy, huống hồ là một bức tranh Tết.

Những từ ngữ tranh Tết, tranh gà lợn, phiên chợ Tết mới đầu đối với tôi là những từ ngữ cực kỳ xa lạ, từ từ len lỏi gia nhập vào kho ngữ vựng trong đầu tôi theo những bài học thuộc lòng và tập đọc ở trường tỉnh lỵ, và phải thú thật ngay rằng tôi đã chỉ đoán hiểu những từ ngữ ấy một cách thật là lờ mờ.

Con nít đứa nào cũng ưa tranh ảnh và khoái Tết. Khi từ ngữ Tranh Tết, một, hai năm sau đó, đối với tôi đã bớt lờ mờ hơn một chút, trí tưởng tượng liên kết được ý niệm tranh và ý niệm Tết với nhau, óc tò mò của tôi bị kích thích dữ lợn. Tranh Tết được liệt kê thêm vào sau cây nêu, pháo, là những thứ ham muốn cho ngày Tết mà hồi đó tôi lấy làm náo nức vô cùng, và đã hết sức ấm ức là không hề được biết, được nghe thấy một lần nào. Thay vào đó có những cái Tết mà ngay ngày

mùng một cũng phải đóng kín cửa cái, tiếng giày đinh lính lê dương rầm rập, tiếng thì thào đầy lo âu về chuyện "bao bố nhìn mặt" ở ngay ngoài mặt đường trước nhà; hoặc giữa đêm ba mươi nghe đủ thứ tiếng súng nổi liên hồi làm mọi người trong nhà phải chun xuống dưới bộ ván ngựa bằng gỗ dầy có tấn gạch xung quanh.

Rồi thì những năm có vẻ như là thanh bình cũng đã đến. Trong thành phố những giờ giới nghiêm ban đêm được thu ngắn lần lần, rồi bãi bỏ hẳn. Và ngày Tết đã được phép đốt pháo. Năm đầu tiên Tết được phép đốt pháo, tôi tuy chưa hẳn đã hết tuổi thiếu niên nhưng cũng không còn ở lứa tuổi mà chuyện ăn Tết gợi lên thật nhiều náo nức rộn rực. Với số sách báo cũ mà ba tôi mang về nhà, những thứ Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Phổ Thông Bán Nguyệt San, tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn, tôi cũng đã có một số ý niệm rõ ràng hơn đối với cái từ ngữ mới đầu hoàn toàn xa lạ ấy: Tranh Tết. Tôi cũng đoán hiểu được dễ dàng tại sao nó cũng được gọi là tranh gà lợn. Ba tôi có một bộ sưu tập báo Xuân. Ông giữ được đủ bộ từ số báo Xuân đầu tiên xuất hiện sau ngày hồi cư, báo ở Sài gòn cũng có, báo từ Hà Nội cũng có (trước 1954). Khi tôi đến tuổi biết lục bộ báo nầy ra để coi chơi thì chúng đã được đóng lại thành năm cuốn dầy cộm, kích thước khác nhau. Có một tờ in hình bìa tranh lợn đàn. Có một tờ in hình bìa tranh trạng chuột vinh quy, mang lễ vật cho mèo đại. Với những kiến thức đã đến lần lần một cách thụ động về Tranh Tết, tôi đã nhận biết ra được ngay đó là những tranh in lại hoặc vẽ phỏng theo tranh Tết mộc bản. Hai mẫu bìa đó ít ra cũng giúp tôi không còn liên tưởng đồng hóa một cách đại khái Tranh Tết với những tranh "cò bay ngựa chạy, đưa ông Táo về Trời", hay tranh mụ bà... Những loại tranh nầy, khá phổ thông ở miền Nam hồi đó, chỉ là những tờ giấy súc nhỏ, cũng in bằng bản khắc gỗ, nhưng nét khắc phần lớn vụng về, và được in một cách cẩu thả, thỉnh thoảng mới tình cờ bắt gặp được một mẫu hay hay bất ngờ.

Bấy giờ ở trường trung học tỉnh tôi có một giáo sư từ Hà Nội vào, phụ trách môn hội họa, đã học trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội. Ông là một người yêu mỹ thuật rất nhiệt tình và rất tận tâm với học trò. Khi tôi lên học lớp đệ tam thì trong chương trình giáo khoa không còn có môn hội họa nữa. Tôi tới nhà ông học vẽ mỗi buổi tối từ sau bữa cơm chiều và thường là tới thật khuya, có khi tới một, hai giờ sáng. Những thứ từ trước vẫn làm tôi thắc mắc, tranh lụa, sơn mài, bây giờ không còn là những bí mật xa xôi nữa, và dĩ nhiên, cả cái "huyền thoại" tranh Tết cũng lần lần được ông giải tỏa một cách rất tỉ mỉ.

Với kinh nghiệm và sự say mê, ông mô tả cho tôi nghe thế nào là những nét độc đáo trong mầu sắc và đường nét của những tranh mộc bản, thế nào là kỹ thuật làm tranh khắc gỗ dân gian, từ khắc bằng gỗ thị, gỗ mỡ, tới giấy dó, vì được làm bằng cây dó, và giấy dó được quét điệp bằng chổi thông ra làm sao. Mầu sắc thì toàn là từ chất liệu thiên

nhiên: mầu trắng điệp, từ vỏ con điệp tán nhỏ mịn; mầu vàng, từ hoa hòe hay hạt dành dành; màu đỏ vang, đun lấy từ gỗ vang, khác với đỏ son, từ bột sỏi son tán mịn; mầu xanh, từ lá chàm; mầu đen, từ than rơm và than lá tre khô. Nghe những lời giảng say sưa của ông, tôi mơ màng quên đi những Van Gogh, Gauguin và cảm thấy lâng lâng tự hào về một nền hội họa của "con nhện giăng tơ" hay của "ánh trăng vàng đổ đi." Lần lần tôi tìm đọc được nhiều tài liệu hơn về tranh Tết. Nhiều bài khảo luận được viết với những lời tán dương nhiệt thành như lời giảng của vị giáo sư hội họa của tôi. Cuốn sách dầy gần 500 trang của Maurice Durand cho tôi một cái nhìn gần như toàn diện về tranh mộc bản dân gian. Tôi được đọc những câu như:

"Tranh gà, tranh lụa đỏ như xôi gấc, vàng như mùa lúa chín, xanh như lá mạ, hay vàng như nghệ kho cá, xanh như cốm non, đỏ như ngô già, nâu như đất cầy, toàn những màu sắc quen thuộc thân mến từ bao nhiêu đời người rồi. Những mầu sắc ấy in sâu vào tâm não nông dân, hết thế hệ này đến thế hệ khác thành những màu sắc dân tộc rồi. Những mầu sắc xanh đỏ chói rực của tranh Tàu, tranh Tây nó chướng quá, nó không mộc mạc, quen thuộc như những màu xanh, đỏ thô kịch, điềm đạm, thật thà, của tranh lợn, tranh gà."

(Lê Văn Hòe, *Lề sống của tranh gà tranh lợn*, Xuân Văn Nghệ, Quý Tỵ, trang 6-7)

Tiếc thay, với bao nhiêu tò mò, bao nhiêu hiểu biết nhặt nhạnh được, thấy được rất nhiều hình chụp đen trắng, tới bấy giờ tôi vẫn chưa từng được nhìn tận mắt một bức tranh mộc bản thứ thiệt, một tranh Tết nguyên bản một trăm phần trăm, hoặc ít ra một phiên bản in ốp-xết trung thực tối đa.

Rút cục rồi thì cũng đến lúc sự tò mò của tôi được thỏa mãn. Tôi được xem nhiều mẫu phiên bản in săn sóc và trung thực, tôi được thấy nhiều mẫu in tay trên giấy dó, giấy điệp. Với cái náo nức hăm hở kéo dài từ lâu, những hình ảnh này đã đi vào hồi ức tôi một cách mau lẹ, thường khi choáng ngợp một vị trí bừng sáng trong trí tưởng tôi. Tôi lục lọi nhiều thư viện, đi qua nhiều bảo tàng viện, trải qua nhiều khoảng cách thời gian những ngày long đong lưu lạc mà cứ mỗi lần chợt nghĩ tới những hình ảnh, sao tôi lại nghe chừng như vẫn có cái không ổn, có cái gì thiếu sót trong cảm thức của tôi đối với những bức tranh Tết.

Cái thiếu sót đã không được thấy được sống một bức tranh Tết trong toàn diện đời sống đích thực của nó. Bức tranh Tết trong quá trình sản xuất gia đình, cha mẹ con cái ngồi bệt dưới nền đất lạnh in, bôi điệp, tô mầu. Bức tranh Tết của một làng quê, bản khắc được chuyền tay nhau, trao đổi nhau, nhà nọ chạy sang nhà kia mượn thuốc, mượn cọ, trong những tiếng cười vui khúc khích. Bức tranh Tết phơi mình dưới nắng Xuân, trong một phiên chợ Tết. Bức tranh

Tết reo cười trên tấm vách phên hay vách đất lam lũ. Tôi vẫn lấy làm hoài nghi về cái gọi là "bảo tàng viện tưởng tượng". Những hình in được cắt xén ngay ngắn trong các cuốn sách về mỹ thuật làm sao đem đến được cái cảm xúc giống với cái cảm xúc của người đang đứng dưới vòm giáo đường Sixtine, của người đang lần theo vách đá gồ ghề trong hang Lascaux. Thì về trường hợp tranh Tết cũng vậy. Tranh Tết được in lại, đóng khung treo trên tường một phòng khách tân thời hẳn nhiên có giá trị về phương diện tạo hình không khác gì bao nhiêu với bức tranh Tết nguyên bản nào đó ngày xưa. Nhưng, coi chừng, liệu nó có sống động, có gợi lên một đời sống hội vui, tràn đầy ý nghĩa chúc tụng và lạc quan, như khi nó nằm thô sơ trên tấm vách nghèo nàn mà đem lại ánh sáng tươi cười cho cả gian nhà ẩm thấp? Tranh Tết là Tết, là hội vui, là *hoan lễ*. Nó chỉ sống đời sống thật sự của nó, mang trọng đầy đủ ý nghĩa thật sự của nó, khi nó được xuất hiện với tư cách một đóng góp cho hoan lễ. Hoan lễ không phải là nghi lễ, lại càng không phải là nghi thức. Đó là hội vui, là sự thoải mái giữa thời gian những ngày lao động tự nhiên. Khác hẳn trường hợp khi lao động không còn được là lao động tự do mà chỉ là thân phận lao động, bấy giờ giữa những ngày lao động bị bó buộc chỉ có những ngày nghỉ lễ, chứ không hề có hoan lễ, không hề có hội vui. Sự thiếu sót thấm thía trong cảm thức của tôi đối với hình ảnh những bức tranh Tết nằm trong sự thiếu sót được chứng kiến, được sống một hội vui, một hoan lễ của dân tộc tôi, trong suốt những ngày tháng qua của đời tôi. Quả thật, tôi chưa từng được sống một ngày hoan lễ theo như ý nghĩa đã nói, mà có lẽ chỉ đã bị sống và được thấy rất nhiều lễ hoang.

Một ngày mùa hè ở Paris, trong một tiệm sách nhỏ ở gần khu Latinh, tôi thấy có bầy bán những bức tranh Tết mộc bản, tuy dĩ nhiên không phải một trăm phần trăm là tranh Tết chợ quê ngày xưa, nhưng rất đúng, rất chính xác, với giấy dó và phấn điệp thật sự, và với màu mực in tinh xảo. Tôi tần ngần lật từng tờ xem. Bao nhiêu những thắc mắc từ thời xa xưa của tôi về tranh Tết bỗng kéo về như những lần chớp giữa cơn mưa lớn ban đêm. Những ngày thơ ấu tha hồ ào ào chạy về. Tôi vừa đi qua vườn Luxembourg, tôi nhớ bài tập đọc trích lại của Anatole France. Những chiếc lá rơi trên vai những pho tượng. Tôi lan man nghĩ tới Marcel Proust. Cầm chiếc bánh madeleine, Proust rùng mình, không biết bao nhiêu những hình ảnh ngày xưa bỗng nhiên hiện về. Proust đi tìm lại những ngày đã mất. Nhưng nghĩ cho cùng, những ngày đã mất của Proust vẫn là những ngày ông đã sống thật, đã có thật. Còn tôi, tôi đang cầm trên tay một bức tranh Tết, tuy không đúng là tranh Tết thật sự theo đúng trường hợp và điều kiện xuất hiện của nó, nhưng có đầy đủ những đặc tính vật chất của một bức tranh Tết thật sự, chẳng lẽ những hình ảnh tranh Tết đối với tôi lại là không có thật? Không, những hình ảnh đó nhất định đã phải có thật, bỗng nhiên tôi lại tin chắc như vậy. Nhất định chúng nó ít ra

cũng phải có những lúc đã có thật, những hình ảnh về tranh Tết, những bức tranh Tết reo cười chúc tụng, như những ngày hoan lễ, những ngày hội vui ít ra từng lúc nào đó cũng đã từng có thật trong lịch sử của dân tộc tôi, nhờ đó dân tộc tôi còn luôn luôn có mặt, trong bất cứ điều kiện nào, trong bất kỳ trường hợp nào, và dĩ nhiên nhất định là ngay cả trong lúc nầy, ở đây, trong tâm khảm tôi. Những hình ảnh chưa bao giờ có thật đối với tôi bỗng trở nên lù lù có thật, cũng như sẽ phải có thật một ngày nào đó một hoan lễ, một hội vui thật sự cho dân tộc tôi.

Ở Nam Cali mùa Tết đang đến dưới nhiều hình thức. Tôi đã tình cờ sống qua những ngày Tết ở nhiều xứ lạ khác nhau. Ở xứ này hay xứ khác, tôi từng nghe những lời luyến tiếc về một hương vị ngày Tết nào đó ngày xưa. Ở đâu cũng không thiếu bánh chưng, dưa hành, một cành hoa giống hệt mai hay đào, một giò thủy tiên hay một chậu cúc. Nhưng mỗi người vẫn cảm thấy không đủ, vẫn nhớ nhung một cái gì đó ở một nơi nào đó một ngày nào đó thời xa xưa. Nhớ nhung và luyến tiếc. Ba trăm năm sau, ai người khóc Tố Như? Bây giờ, ở đây, ai người luyến tiếc những bức tranh Tết? Biết đâu chừng những câu hỏi nhỏ nhoi như vậy cũng làm lệch thêm được chút xíu cái cán cân chênh vênh giữa quê nhà và đất lạ.

***Nguyễn Đồng***


**PHƯỢNG 's**

**GENERAL MERCHANDISE**

**TRUNG TÂM MUA BÁN:**
**QUÀ TẶNG, MỸ PHẨM**
**QUẦN ÁO TRẺ EM. XÁCH TAY.**

ĐẶC BIỆT : Bán sỉ và lẻ tranh sơn mài, giá hạ.
Nhận VISA- MASTER CARD.
LAYAWAY-U.P.S.
***9681 Bolsa Ave. # 11 & 12***
***Westminster, CA. 92683***

**(714) 839. 1066**

( Trong khu Crystal Palace trước chợ Man Wah )

*Mở cửa 7 ngày từ 10:00 AM - 8:00 PM*
** Cần đại lý ở các tiểu bang* ***Kính mời***

*Nguyễn thị Hợp: Phỏng theo mộc bản dân gian, tranh lụa, 1981*

*Nguyễn Đồng: Phỏng theo một bản dân gian. Bút nì, 1974*

*Nguyễn Bá Trạc*

## *Kể chuyện*

### *1. Đêm mưa ở Bangkok*

*Trong một đêm mùa hè*
*giữa thành phố Bangkok*
*nhìn ra, trời tối đen*
*lờ mờ ngọn đèn ống*

Bên kia là Việt Nam

*Bây giờ, nghĩ gì?*
*Tại sao viết ra?*
*Có điều chân thật?*
*Hay vẫn chỉ là vẻ đẹp điêu ngoa?*

*Có gì khác giữa văn chương nghệ thuật*
*một bức thư?*
*câu chuyện phiếm?*
*tiếng cười khàn?*

*Có lúc viết, hiển nhiên là khóc*
*đẩy linh hồn lui xuống vực sâu*
*viết như chụp ảnh*
*tấm ảnh không mầu*
*cả quê hương trong bóng tối âu sầu.*

*Viết, thắt dây luận lý*
*Đem niềm tin về chuộc tàn phai?*
*Rút hạnh phúc ra từ quá khứ*
*Bình yên ngồi kết lại tương lai?*

*Đêm nay nghĩ gì?!*
*Tại sao viết ra?!*
*Sẽ có điều chân thật?*
*hay vẫn chỉ là vẻ đẹp điêu ngoa?*

*Tự hỏi người ta làm gì những bức thư*
*cất mãi trong ngăn tủ mọt rỗng*
*Người ta làm gì những bài thơ...*
*Sau hết, những bài thơ có thể làm được gì*
*trên con đường dài huýt sáo ra đi?*

*Bangkok 3.7.88*

### *2. Mắt Bidong*

*"Mắt em là bể oán cừu" (!)*
*Hồn anh phiêu giạt trôi vào mắt em*
*Đêm khuya đen nhánh hạt huyền*
*Một đêm trăng sáng giong thuyền ra khơi*

*Bangkok 19.11.88*

### *3. Cha và Con*

*Hai ngôi nhà trắng da trời*
*Dăm hàng cây biếc xanh tươi một vùng*
*Mở ra đi, cánh cửa hồng*
*Cho con bé nhỏ (bò vào) lòng cha yêu.*

*Bangkok 19.11.88*

### *4.Nhớ mây trắng trên trời Segamat*

*Tháng tư trở về từ Melaka*
*những đám mây xuất hiện một lần rồi mất*
*Giá bây giờ chỉ còn yêu mây trắng trên trời*
*Segamat*
*Chỉ một buổi trưa ấy thôi*

*Vì niềm vui rất mau*
*và những niềm đau rất dài.*

*Nhớ một lần bay qua bầu trời Segamat*

*trên bụi chuối, hàng dừa, trên vòm lá lốt*
*qua những hàng cau:*

*Khi linh hồn bay*
*những chuyến bay mau.*

*San Jose 15.12.88*

***5. Phép mầu***

*Nhiều lúc không biết mình*
*đang buồn hay vui*
*Có an lạc trong tâm hồn hay không?*
*Khi trở về thấy cành khô trụi lá*
*giữa mùa đông*

*Thành phố lọt thỏm trong*
*nỗi buồn trắng trợn*
*Bác bạn già đánh cá football*
*Buổi sớm mai chim kêu trái hồng chín ửng*
*Vậy cứ vui, hay đã thấy buồn?*

*Tờ báo*
*quyển sách*
*lòng yêu văn nghệ*
*Đêm weekend xanh đỏ tím vàng*
*Cốc nước cam, ly rượu đắng*
*Bàn bạc trận đòn như tử văn chương.*

*Đời bế tắc hay không bế tắc?*
*Hay chỉ âu sầu mấy tháng mùa đông*
*Biết đâu?*
*xuân về hoa nở?!*

*Như bấy lâu nay đã nhận phép mầu?!?*

*Garden Grove Ngày cuối năm 1988*

***Hẹn kỳ sau***

*Chưa vói tay đã chạm niềm đau*
*Hòn đảo xanh chôn nỗi oán cừu*
*Có những vần thơ chưa thể viết*
*Như nỗi sầu hiu quạnh giữa đêm thâu.*

*Garden Grove 2.1.1989.*

***Nguyễn Bá Trạc***

*Nguyễn Văn ghi*

# *Vài Suy Nghĩ Của Người Sáng Tác*

*Nhằm giới thiệu đến bạn đọc một số suy nghĩ của người cầm bút đối với sáng tác của mình, cũng như đối với sáng tác của bạn hữu, tạp chí Văn Học số Mùa Xuân Kỷ Tỵ này đưa ra một thử nghiệm mới, bằng cách tổ chức một buổi gặp gỡ cuối năm giữa năm nhà văn: Định Nguyên, Nhật Tiến, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Mộng Giác và Nguyễn Xuân Hoàng. Đây là những tác giả có sách xuất bản trong năm (Định Nguyên với Đường Xương Trắng, Hoàng Khởi Phong với Ngày N+..., Nhật Tiến với Mở Hôi Của Đá và Nguyễn Mộng Giác với Bèo Giạt) hoặc sách đang lên khuôn (Nguyễn Xuân Hoàng với Sa Mạc, truyện dài và Tự Truyện Của Một Người Vô Tích Sự, truyện ngắn).*

*Tác giả* Ngày N+... *mở đầu và tác giả* Sa Mạc *sẽ kết thúc buổi gặp gỡ cuối năm. Tuy nhiên, do tình hình trang báo có giới hạn, nên trong số xuân này, tạp chí Văn Học chỉ có thể gửi đến bạn đọc mấy suy nghĩ của hai nhà văn Định Nguyên và Hoàng Khởi Phong.*

*Phần còn lại của các nhà văn Nhật Tiến, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác sẽ được giới thiệu trong các số kế tiếp.*

## Không Khí Ô Nhiễm

HOÀNG KHỞI PHONG: Tôi tưởng tôi sẽ không cầm bút nữa. Đầu tiên khi mới tới đất Mỹ, những kinh nghiệm đau thương hãy còn nóng hổi trong tôi. Năm 1976, tôi cùng vài người bạn làm nhà xuất

bản Bố Cái. Và cuốn sách đầu tiên tôi in có tên là *Ngửng Mặt Nhìn Trăng Sáng* cùng một vài tập thơ. Vào giai đoạn này độc giả còn vắng vẻ và những cây bút cũng không đông đảo như bây giờ. Một hôm tôi tình cờ thấy tác phẩm của mình xuất hiện ở một chỗ không xứng đáng, từ đó trở đi tôi không viết nữa. Cũng dễ đã mười năm. Rồi những anh em cầm bút sang sau, có người là bạn cũ và cũng có người là bạn mới, tạo nên một không khí mới. Tình cờ cách đây không lâu, ông Võ Thắng Tiết, giám đốc nhà xuất bản Văn Nghệ, có đề nghị tôi cho tái bản quyển *Ngửng Mặt Nhìn Trăng Sáng*. Tôi nghĩ khi viết tác phẩm trên, tôi chưa thể hiện được đầy đủ những kinh nghiệm đau đớn và đậm nét trong giai đoạn từ đầu tháng 3, 1975 đến ngày mất nước, thành thử tôi muốn viết lại. Thực ra, cũng không phải viết lại mà là viết thêm vào. Do đó quyển *Ngày N+*..có phần được viết cách đây khoảng 11 năm, và phần đó chính là phần đầu tiên của quyển sách viết về giai đoạn của đường Liên Tỉnh Lộ Bảy. Hơn 200 trang còn lại, tôi mới viết sau này. Phải thú thật một điều là tôi cám ơn tất cả các anh đến sau đã đánh thức con người viết lách trong tôi.

Có nhiều lý do khiến tôi không cầm bút. Một trong những lý do đó là sự ô nhiễm trong sinh hoạt nghệ thuật của chúng ta. Và tuy không viết nhưng con người sáng tác trong tôi vẫn tồn tại.

Là người làm ca đêm, mỗi lần bấm nút tôi cứ suy nghĩ thôi, suy nghĩ cho chóng hết giờ để về. Và thường thì những suy nghĩ đó đều nằm trong vấn đề viết lách, dẫu tôi biết rằng tôi không viết nữa. Nhưng rất may là cơ hội nó đến. Và tôi đã viết bằng tất cả sự suy nghĩ chân thành nhất của tôi có được trong suốt mười năm đi làm ca đêm chờ sáng để về.

NGUYỄN MỘNG GIÁC: Anh Hoàng Khởi Phong vừa nói rằng một trong những lý do khiến anh ngưng cầm viết trên mười năm chính là vì cái không khí ô nhiễm trong sinh hoạt văn học nghệ thuật. Thật sự tình trạng có đáng bi quan quá như vậy không?

HOÀNG KHỞI PHONG: Dĩ nhiên, dưới mắt chủ quan tôi, mười năm không viết, làm toàn những chuyện ấm a ấm ớ, mũi tôi chắc chắn là ngửi thấy những điều như thế.

NHẬT TIẾN: Như vậy theo anh bây giờ có khá hơn?

HKP: Chắc chắn là phải khá hơn thì tôi mới viết lại chứ!

ĐỊNH NGUYÊN: Tôi cũng đồng ý với anh Hoàng Khởi Phong ngay từ lúc đầu tiên tiếp xúc với anh. Tôi là người sang sau, mười năm sau 75 mới tới Hoa Kỳ. Tuy vậy tôi cho rằng điều đó nó vui, vì nó thể hiện được cái gọi là tự do sáng tác, tự do văn nghệ. Có nghĩa là trăm hoa đua nở mà trong đó có cả hoa cứt lợn nữa. Không có gì là bi quan. Trái lại tôi cho rằng đó là một hiện tượng đáng mừng, vì tôi cứ tưởng là nền văn chương Việt Nam hải ngoại không có hoặc đã chết.

**Những Độc Giả Thầm Lặng**

*Văn Học số 36,37/45*

NT: Tôi thì khác, tôi không đặt vấn đề về sự ô nhiễm trong hàng ngũ những người viết văn làm báo. Vấn đề ở đây không phải do những người trong cùng hàng ngũ của mình, mà là vấn đề độc giả. Độc giả có còn quan tâm đến văn học nghệ thuật hay không? Có bao nhiêu độc giả đọc mình? Nếu trả lời được câu hỏi này mà anh thấy bi quan chắc anh không thể cầm bút được. Phần tôi, tôi thấy vẫn còn những độc giả thầm lặng, những người cũng đã thấy rõ ô nhiễm trong làng báo làng văn, họ vẫn tiếp đón những tác phẩm đúng mức của các nhà văn một cách nồng nhiệt. Mặt khác, tôi vẫn thấy một cuốn sách in ra xong, nằm trong kệ thư viện trong năm, mười năm sau thì cũng vẫn có người tìm đến. Hay biết đâu trong một thời gian nữa ở Việt Nam, người đọc có cơ hội đọc tác phẩm của mình. Thì đó là lý do mình cầm bút, chứ không phải là báo lá cải hay không khí ô nhiễm trong sinh hoạt văn nghệ.

HKP: Sau này tôi có nhìn lại chính quan điểm của mình. Dần dần được tiếp xúc lại với anh em, được viết lách lại, tôi cũng đã làm hồi sinh tôi. Nếu không làm sao tôi viết nổi cuốn *Ngày N+*..

Bây giờ, xin đề nghị các anh đi trực tiếp vào quyển sách của tôi. Tôi chân thành xin các anh đưa ra những lời phê bình nghiêm khắc nhất để tôi có thể sửa khuyết điểm của tôi trong những cuốn sau.

## Kinh Nghiệm Của Những Sáng Tác

NGUYỄN XUÂN HOÀNG: Cuộc gặp mặt cuối năm ở đây như là một cách nhìn lại công việc mình đã làm, nhìn lại mình viết tác phẩm trong hoàn cảnh nào, mình muốn nói điều gì qua tác phẩm đó. Sáng tác của mình có đóng góp được gì cho cuộc sống và bằng kỹ thuật nào mình đã sử dụng để thể hiện nó. Nói chung là mình sẽ đưa ra về quá trình hình thành tác phẩm hơn là làm công việc phê bình

ĐN: Tôi cũng đồng ý với Nguyễn Xuân Hoàng là mình không nên phê bình về bất cứ mặt nào của cuốn sách. Tôi đề nghị là chính tác giả nói về kinh nghiệm sáng tác của mình. Cái gì thúc đẩy mình viết cuốn sách đó. Và người khác cảm nhận cuốn sách của mình ra sao khi đọc cuốn này. Chẳng hạn khi Hoàng Khởi Phong viết cuốn *Ngày N+*.., anh thu được ở nó kinh nghiệm gì hoặc nó cho anh kinh nghiệm gì. Kể cả việc anh gặp trở ngại gì đó về mặt tư tưởng hay về mặt cảm xúc. Bởi vì trong khi viết, tôi cũng có gặp trở ngại, hoặc tìm được ở nó về mặt sáng tác.

## Kinh Nghiệm Trước 75 Đã Khai Thác Hết

NGUYỄN MỘNG GIÁC: Chẳng hạn những người ra đi từ năm 75 nay phần lớn không còn viết lách một cách hăng hái như trước nữa.

Hỏi thăm một số người thì tôi được trả lời là kinh nghiệm cũ trước 75 họ đã viết hết rồi. Mà đó là những kinh nghiệm đau thương, có nhắc lại cũng chẳng ích gì. Còn kinh nghiệm mới ở Mỹ họ chưa hiểu rõ, nên không dám viết. Một đề tài mà những người đi sau thường viết là đề tài về Việt Nam. Đề tài sau 75 thì họ không có, họ không tự tin, nên họ không viết. Trường hợp anh Hoàng Khởi Phong viết lại kinh nghiệm di tản trên quốc lộ 7 và những ngày cuối cùng của miền Nam Việt Nam là những kinh nghiệm đau thương mà nhiều người tránh không muốn nhắc tới. Khi anh Hoàng Khởi Phong viết cuốn đó, anh có nghĩ như một số người đi năm 75 không?

HKP: Tôi xin trả lời là tuy tôi là một nhà văn nhưng tôi rất ít viết. Những người khác họ sẽ trả lời anh là họ đã viết hết cả rồi, nhưng tôi chưa viết, nên bây giờ tôi bắt đầu viết. Vả lại thực sự tôi có đọc một số tác phẩm của các nhà văn trước 75 viết về những kinh nghiệm đau thương đó, nhưng tôi vẫn có cảm giác là họ viết vì một nhu cầu nào đó. Tôi thì tôi viết bằng tấm lòng của tôi. Vì tôi suy nghĩ lâu rồi, mà tôi không có cơ hội viết ra. Lúc tôi đã viết nó thì tôi không có đủ phương tiện thực hiện nó.

NT: Tôi thì tôi có nhận xét như thế này: Thật sự mà nói, tôi không đồng ý câu nói đề tài trước 75 đã khai thác hết rồi. Cơn sụp đổ đó lớn lao và kinh hoàng quá, sở dĩ người ta mang mặc cảm, định kiến khai thác hết rồi là vì tâm trạng lúc bấy giờ của người cầm bút chỉ thấy sụp đổ, tan rã, thất vọng ê chề, chứ không nhìn thấy những khía cạnh khác lẫn lộn trong sự sụp đổ tan tành đó. Cho nên trong thời điểm ấy ta chỉ viết về những gì đau thương, tan rã thôi. Nhưng bên cạnh đau thương tan rã còn có những sức sống, những đối kháng tuyệt vời, có tính nhân bản sâu sắc, nhưng người ta vì tâm trạng lúc bấy giờ không muốn nhìn lại. Bây giờ anh Hoàng Khởi Phong viết lại thời điểm này, tôi thấy rất hay, bởi vì tất cả những tâm trạng ê chề bây giờ nó lắng xuống hết rồi. Bây giờ người ta bình tĩnh nhìn lại nó một cách khách quan. Có lẽ vì thế mà *Ngày N+*..của anh rọi sáng nhiều hình ảnh trước đây nhiều người chưa biết đến. Có khi một vài cảnh rất nhỏ thôi mà nó bày tỏ sức đối kháng, tinh thần quả cảm, sự chiến đấu anh dũng của những người trong những phút tuyệt vọng nhất. Tôi lấy một ví dụ nhỏ như một ông trung sĩ đi sửa các xe trong hoàn cảnh hỗn loạn ấy. Tôi nhìn cái đó như một sự đề kháng, sức chiến đấu ở những phút cuối cùng, đầy dẫy những hình ảnh đẹp ở trong những khung cảnh như vậy. Ta nên khai thác những khía cạnh đó, cho thấy Việt Nam sụp đổ không phải là sự thất bại hoàn toàn, mà là vẫn có những bàn tay chống đỡ, từ người lính nhỏ nhoi trên một tiền đồn vắng vẻ hoặc trên một quốc lộ đầy dẫy bom đạn mà vẫn có những hình ảnh chiến đấu. Tôi nghĩ rằng khi ta viết ta nên khai thác đề tài này, cho thấy người Việt Nam thật sự gắn bó với quê hương, với lý tưởng của mình. Và như thế, nó góp cho giới trẻ bây giờ một cái nhìn khác hơn về sự sụp

đổ của Việt Nam Cộng Hoà. Anh Hoàng Khởi Phong trong tác phẩm của mình đã gợi lên được điều này.

## Viết Khi Sự Kiện Còn Nóng Hổi

ĐN: Tôi hoàn toàn đồng ý quan điểm của anh Nhật Tiến. Những tác phẩm được viết khi sự kiện còn nóng bỏng dễ khiến tác phẩm thiếu chín chắn, nó đầy chất chủ quan, định kiến. *Ngày N*..được Hoàng Khởi Phong viết với mức độ trầm tĩnh và với tất cả tấm lòng.

NMG: Tôi xin đưa ra một vấn đề là: Giả sử cuốn *Đường Xương Trắng* cũng như cuốn *Ngày N*..mô tả trung thực tình trạng rối loạn của miền Nam trong những ngày gần kề 30-4 không phải do những quân nhân trực tiếp viết ra như Định Nguyên và Hoàng Khởi Phong thì trong tình trạng hiện nay người viết có thể bị phản ứng gì không? Hay chẳng hạn nói xa hơn nữa, cuốn hồi ký khác của Cao Xuân Huy, *Tháng Ba Gẫy Súng*, do một người không phải là quân nhân viết ra, có gặp phải phản ứng không? Đó là câu hỏi đặt ra cho Định Nguyên và Hoàng Khởi Phong.

ĐN: Tôi có thể trả lời ngay như thế này. Tác phẩm được viết do tấm lòng của mỗi tác giả chứ không phải do tác giả là người lính trực tiếp cầm súng hay không cầm súng. Chỉ có điều trong trường hợp người lính trực tiếp cầm súng thì họ không phải tưởng tượng. Ưu điểm là họ có thể nhìn thấy tận mắt, nghe tận tai tất cả những diễn biến đó.

HKP: Tôi đồng ý với Định Nguyên, nhưng tôi muốn bổ túc ý này: Trước khi anh viết với tư cách người lính, anh phải có tư cách nhà văn. Tư cách người lính bổ khuyết cho tư cách nhà văn.

## "Something Wrong"

NT: Tôi nghĩ có lẽ câu trả lời của anh Hoàng Khởi Phong chưa sát ý của anh Nguyễn Mộng Giác. Theo tôi có lẽ anh Nguyễn Mộng Giác muốn nói khi anh viết về quân đội, anh phải là quân nhân, như thế để tránh sự ngộ nhận. Điều này đúng. Bởi vì rằng trong tương lai tôi không biết thế nào chứ nhìn vào không sinh hoạt văn học và sách báo hiện tại, tôi có cảm giác nếu không có một nhãn hiệu thì nó kẹt lắm. Một nhà văn viết về tù cải tạo, ông ta phải là người tù cải tạo thì người ta mới tin. Cho nên dù một nhà văn có tài có thể thu thập tất cả các dữ kiện để viết bằng tấm lòng của mình vẫn sẽ bị nhìn một cách sai lạc. Tôi cho đó là một hiện tượng bất công, một cái gì đó *Something wrong* trong sinh hoạt.

(Nhiều tiếng cười)

HKP: Rồi thì mọi người cũng phải nhìn thấy cái quan trọng nhất là giá trị của tác phẩm, chứ không phải là ở những lời khen chê bên

ngoài. Điều quan trọng là anh muốn gửi gấm điều gì qua tác phẩm của anh.

## "Con Tem"

NT: Anh gửi gấm điều gì trong tác phẩm của anh chưa đủ. Nếu cái gì đó mà người ta dễ chấp nhận thì không sao. Nhưng nếu điều gì đó mà nghịch nhĩ hay quá mới mẻ và không có *cái tem* dán vào thì ông *mệt* ghê lắm.
(Nhiều người cười to)
HKP: Tôi rất chán nản việc cứ phải dán cho nhau một cái nhãn hiệu, rất là khó chịu.
NT: Điều đó đáng buồn, và nó vẫn còn tồn tại.
ĐN: Tôi nghĩ đơn giản như thế này. Cái gì nó cũng *logic* thôi. Nói về tác phẩm là ta nói về nhà văn hay nói về người lính. Chỉ có nhà văn mới tạo nên tác phẩm văn học.
NT: Bởi thế nó mới *"wrong"*
ĐN: Chứ người lính đâu tạo nên tác phẩm. Vậy thì khi viết một tác phẩm thì phải với tư cách nhà văn trước tư cách người lính.
NT:...Đúng! Cái đó là chắc chắn!
ĐN:...Người lính chỉ là bổ túc kinh nghiệm cho nhà văn mà thôi.
NT: Không, đấy là ông chỉ phát biểu trên quan điểm lý luận thôi, chứ trên thực tế thì khác ông à!
NMG: Tôi xin hỏi thẳng Định Nguyên là khi ông ghi tiểu sử của ông rằng ông là sĩ quan Thuỷ quân lục chiến, trong thâm tâm ông có phải là ông đã tự dán con tem cho khỏi bị *đánh* không?
HKP: Câu hỏi này tôi thấy *đã* lắm đó!
(Nhiều tiếng cười)
ĐN: Tôi đồng ý trên thực tế là có chuyện đó. Tôi xác nhận là có định kiến như thế. Nhưng thái độ của một nhà văn là anh có can đảm hay không. Phần tôi, tôi tự nhận là mình có can đảm
NT: (cười) Sau khi ông đã có *con tem* rồi!
(Nhiều tiếng cười)

## Tự Do Hay Không Tự Do

NMG: Điều này cũng liên quan tới cái mà anh Nhật Tiến, hình như năm ngoái thì phải, đặt vấn đề tự do sáng tác, mà rất nhiều người không đồng ý trong đó có tôi. Anh nói là ở hải ngoại không có tự do sáng tác. Tôi cho không phải như vậy. Nó tùy thuộc vào mình thôi. Mà ngược lại tôi cho rằng không có cơ hội nào nhà văn hoàn toàn tự do như ở đây. Muốn viết gì thì viết, không bị kiểm duyệt, in lúc nào cũng được hết. Còn tác phẩm mình in ra rồi vì những lời viết mà có

những lời khen chê, lời chửi bới...thì úc nào, ở đâu cũng xảy ra.

NT: Trong khi tôi khẳng định là nhà văn hải ngoại không có tự do, thì điều đó nó mang ý nghĩa như thế này, chứ không phải là không được viết. Như tôi trả lời cho cô Triều Giang trên tờ Ngày Nay, tôi đưa ra câu hỏi này: Khi một nhà văn cầm bút viết mà vẫn còn phải e ngại về sự bạo hành, hoặc áp lực, hoặc chụp mũ...thì như thế có phải là hoàn toàn tự do hay không. Tôi đặt câu hỏi đó, nó mang ý nghĩa đó. Tất cả ăn thua ở ông, nếu ông can đảm viết thì ông sẽ được viết tất cả những gì ông muốn viết ra, nhưng khi vì sự can đảm đó ông phải trả giá bằng sinh mạng của ông thì lúc bấy giờ ông có tự do không? Tại sao các ông chưa trả lời câu hỏi này?

NXH: Theo tôi, vấn đề là mình viết cái gì để được gọi là tự do viết lách. Phải chăng tự do viết những lời chửi rủa, bôi nhọ người khác cũng là tự do viết lách?

NT: Đấy là nói chuyện tự do chửi rủa. Chứ thực ra ngay cả đối tượng đàng hoàng, đặt vấn đề nghiêm chỉnh vẫn phải trả giá. Chẳng hạn khi ông đi ngược lại một số suy nghĩ sẵn có thì dù ông đặt ra một cách nghiêm chỉnh vẫn có thể có vấn đề.

NMG: Tôi nghĩ là anh Nhật Tiến đòi hỏi quá nhiều trong sinh hoạt văn chương. Bởi vì, bây giờ cứ nói về cái nước Mỹ này, rõ ràng là nước tự do tư tưởng, tự do phát biểu nhưng không tránh được những ý kiến quá khích. Một cuốn phim ra đời chẳng hạn, bên cạnh những lời khen cũng có những lời chê thậm tệ, có những cú điện thoại đe dọa nữa. Khi một tác phẩm nghệ thuật đến một tầm mức nào đó, gây ảnh hưởng trên đa số tâm tình của quần chúng, tất nhiên có phản ứng, không thể tránh được. Đòi hỏi một không khí bình yên hoàn toàn cho sinh hoạt, tôi cho là không có nước nào có và cũng không có hoàn cảnh nào có cả.

ĐN: Tôi, tôi đồng ý với anh Nguyễn Mộng Giác. Chính câu hỏi anh đặt ra là động lực khiến tôi làm thơ Giập Mật vừa được nhà xuất bản Người Việt phát hành. Tôi muốn thể hiện rằng chúng ta có tự do sáng tác.

NT: Chắc chắn rằng sự khen chê nằm trong bình diện văn chương thì chừng đó là chuyện không khí tự do. Nhưng trả lời một bài văn bằng một cuộc hành hung hoặc trả lời một ngòi bút bằng một khẩu súng thì cái đó chênh lệch nhau quá đáng, đâu có được.

ĐN: Nhưng anh thấy rõ rằng những hành động đó vẫn bị lên án. Thực sự nếu hành hung nhà văn vì lý do tác phẩm...

NT: Tôi sợ rằng ngay cả sự lên án cũng không dám tự do lên án. Người ta cũng còn sợ nữa. Lên án cũng rụt rè, không biết mình có bị đồng hóa không. Tôi thấy tôi vẫn không thoải mái về vấn đề đó.

NMG: Nhưng tôi thấy tình trạng đâu có đáng bi quan quá như vậy. Những ý kiến cực đoan, những lời chụp mũ, phỉ báng, tôi thấy càng ngày càng lạc lõng.

ĐN: Như thế là có tốt hơn!
NT: Nhưng khi các anh nói có tốt hơn thì các anh đã công nhận sự thực là có xấu. Như vậy là tôi đâu có sai!
NMG: Xin trở lại cuốn sách của Hoàng Khởi Phong. Trong không khí đó, cả một kinh nghiệm dài ở giai đoạn Hoàng Khởi Phong viết trong cuốn Ngày..N + 1...đó
HKP: *Ngày N cộng* thôi, không có *một* ông ơi...

## Viết Và Lựa Chọn

NMG: Đương nhiên là kinh nghiệm thực có nhiều và khi viết người cầm bút nào cũng có sự lựa chọn. Hoặc lựa chọn cái tiêu biểu, hoặc lựa chọn cái mà mình cho là giá trị nhất. Trong quá trình chọn lọc như vậy, Hoàng Khởi Phong có bị ảnh hưởng nào về những điều mà dư luận sẽ nói tới, sẽ bàn tới hay không? Sự lựa chọn này đối với Hoàng Khởi Phong như thế nào?
HKP: Nói ra thì tôi nghĩ rằng ông sẽ cho là tôi nói láo, nhưng thực tình là khi viết tôi giống như bị đồng nhập đó ông ơi. Tôi nghĩ sao viết vậy, bởi vì tất cả những thứ đó tôi nghĩ đã quá lâu rồi...Trước khi viết, ngày nào tôi cũng suy nghĩ. Mỗi lần suy nghĩ bỏ đi được một số nhưng điều tôi cảm thấy thừa thãi, và tôi lại thêm một vài điều mà tôi thấy thiếu sót. Cho tới khi cơ duyên tình cờ, ông Võ Thắng Tiết nói với tôi là ông muốn tái bản lại cuốn *Ngửng Mặt Nhìn Trăng Sáng*. Và tôi đã trả lời là đó chỉ là phần đầu, tôi viết chưa trọn vẹn. Ông hãy để tôi viết lại. Tôi ngồi vào và viết cuốn sách đó trong hai tháng rưỡi. Cho nên tôi cũng không bao giờ để ý đến chuyện khen chê là gì. Tôi giống như một thằng cứ nằm chiêm bao mãi, rồi đến một hôm cái chiêm bao đó nó thật. Tôi tuyệt không bao giờ nghĩ đến cái hậu quả sẽ xảy đến sau nó.
NXH: Ông cho tôi hỏi một câu là ông muốn nói gì với người đọc qua cuốn *Ngày N +*..
HKP: Thật ra phần tôi muốn nói với độc giả, chính là cái thư trong phần chót của tác phẩm . Tôi muốn gửi tới lứa trẻ sự thất bại của thế hệ chúng tôi trên cả lãnh vực đấu tranh, trên cả lãnh vực văn chương. Xin lỗi, không phải văn chương, mà cái sinh hoạt văn chương, có một dạo tôi thở mà nghĩ nó bị ô nhiễm như tôi đã nói lúc đầu. Tôi cho rằng họ sẽ tiến lên. Chẳng mấy chốc mà bọn trẻ nó lớn lên, nếu chúng ta bị bế tắc,...tôi muốn gửi cho họ một chút tin tưởng. Chúng ta đang ở đáy Parabol, và nó sắp sửa chuyển hệ số gốc để cất đầu lên...
NT: Anh Hoàng Khởi Phong nói anh muốn gửi cho giới trẻ tâm sự của anh, nhưng tôi muốn hỏi rằng có bao nhiêu phần trăm giới trẻ bây giờ có thể cảm nhận được điều mà anh viết trong cuốn *Ngày N +*..
HKP: Tôi biết là con số đó khiêm nhường thôi, nhưng tôi vẫn tin. Lúc nào tôi cũng tin. Mà hồi nãy anh có nói là biết đâu tác phẩm của chúng

ta có thể một dịp nào đó trở về Việt Nam cơ mà! Hà cớ gì chúng ta cứ phải nghĩ đến những đứa trẻ hải ngoại. Chúng ta viết văn chương Việt mà!

NMG: Một số người đọc công nhận *Ngày N+*..có lửa trong đó. Tuy viết về sự thất bại nhưng tác phẩm Hoàng Khởi Phong vẫn có chất lửa bên trong.

NXH: Đọc cuốn *Ngày N+*..của Hoàng Khởi Phong, tôi cảm nhận được tính chất máu thịt của nó, nó có hơi thở của đời sống. Điểm thứ hai mà tôi thấy là Hồi ký của Hoàng Khởi Phong đầy tính văn chương.

NMG: Sẵn liên quan đến đề tài và thể loại, tôi nghĩ mình chuyển sang quyển *Đường Xương Trắng* của Định Nguyên là hợp lý nhất.

## Khiếp Sợ Tổ Quốc

ĐN: Khi ra tù cải tạo của Cộng Sản vào năm 83, tôi không còn gì hết, phải làm đủ mọi thứ nghề kể cả việc buôn bán ve chai để sống. Tôi bị cái ám ảnh trong tù là phải ra đi, biết chắc là không còn cách nào khác, đành phải ra đi. Lúc đầu tôi chưa nghĩ là mình có thể đi được. Nhưng đầu chỉ nghĩ đến chuyện ra khỏi Việt Nam thôi. Theo tình hình mà tôi thu lượm được trong thời gian lang thang bán ve chai ở Saigon thì trong lúc đang chiến tranh, chúng nó nới lỏng mọi thứ, không kiểm soát được.

Tất cả dân trôi sông lạc chợ hết đường đều trốn sang Cam Bốt làm ăn kiếm sống. Nhưng qua đến nơi rồi, tôi lại kiếm cách đi. Và sau cùng tôi tới được nơi mà tôi không ngờ tới được. Kỷ niệm xúc động nhất là khi tôi "được" bọn Khmer Đỏ bắt, và biết chắc là mình đã tới được đất Thái rồi, tự nhiên tôi khóc như một đứa trẻ con. Suốt mười năm trời tôi đã không khóc và tôi tự nhủ là mình không bao giờ khóc. Vậy mà tôi đã khóc. Qua đến Mỹ, tôi thấy thật may là anh em cầm bút vẫn sinh hoạt. Tôi vui mừng vì cứ nghĩ là không còn gì hết. Anh nào sang đây cũng là cu li thôi, không còn ai viết lách gì hết. Và tôi rất ngạc nhiên. Nhân chủ nhiệm tờ *Người Việt*, anh Đỗ Ngọc Yến nghe chuyện tôi kể đã yêu cầu tôi viết lại. Thay vì viết theo dạng hồi ký, tôi đã viết theo dạng tiểu thuyết: Hồi ký tiểu thuyết có nhiều nhân vật. Tất cả sự kiện là có thật. Nhân vật là hư cấu. Bối cảnh tôi đưa ra là Việt Nam sau mười năm.

Cái "thèm" tôi muốn đưa ra, là có phải người ta đi tìm tự do như một lý tưởng như người ta vẫn nói hay không? Cá nhân tôi, tôi phủ nhận điều đó. Tôi vẫn quan niệm rằng không có gì đẹp bằng ở quê hương.

Tôi bỏ ra đi vì tôi khiếp sợ tổ quốc mình chứ tôi không đi tìm tự do, như người ta vẫn nói. Bởi vì tôi không thể sống trong tổ quốc của tôi

mà tôi phải ra đi. Chuyện lao tù của tôi có thể khác với chuyện lao tù của người khác. Tôi không viết với một định kiến sẵn có mà nhiều khi rất khác với cái có thực. Cái có thực là ở đâu người ta cũng tìm thấy hạnh phúc hết. Không phải trong lao tù Cộng Sản mà không có hạnh phúc. Người ta có hạnh phúc để mà sống chớ. Hoặc là khi tuyệt vọng quá người ta trở nên chai lì đi, người ta không biết đến nỗi khổ nữa, ngày qua ngày không còn thắc mắc nữa. Tôi muốn đưa ra một kinh nghiệm ít người biết là hành trình đằng đẵng từ Việt Nam qua đất Miên cho tới Thái. Đó là một kinh nghiệm ít người trải qua. Tôi muốn đưa ra cho thấy là tôi không có thành kiến.

Tôi sống được ở Miên và sang được đất Thái là cũng nhờ họ. Nhờ sự tốt bụng của họ mà tôi thoát được. Tuy nhiên có vài trở ngại là trong cuốn *Đường Xương Trắng*: 1) Tôi viết theo tính cách hàng tuần cho nên nó thiếu nhất quán. 2) Nó lại quá nhiều sự kiện mà tôi muốn đưa vào nên nó ôm đồm.

Thế nhưng cái ưu điểm của nó là tôi viết với tấm lòng thành thật, cảm xúc thực sự của tôi. Trong cuốn sách này, tôi có đưa ra nhiều phê phán, về những nhân vật của chế độ cũ, về cách sống cũ. Tôi chắc là sẽ có phản ứng. Nhưng mà với tư cách là nhà văn, như Nguyễn Xuân Hoàng nói, là phải viết trung thực. Còn cái chuyện đánh giá là thuộc về độc giả.

NT: Có một câu hỏi đặt ra là khi anh khởi sự viết cuốn sách này và anh đặt tên cho nó là *Đường Xương Trắng*, thì chắc là anh định viết về thảm kịch tập trung trên bước đường đi tìm tự do qua ngã đường bộ thôi. Nhưng đến lúc hoàn tất cuốn sách thì những thảm kịch đó thật là nhẹ, mà anh lại xoay qua một hướng khác, anh chỉ nói những hoàn cảnh, nghịch cảnh trong xã hội, trên con đường đi hoặc là trên đất Campuchia. Và đó có phải là sự thay đổi trong lúc sáng tác của anh không?

## Vùng Đất Ung Thư

ĐN: Vâng, lúc đầu thì tôi định chỉ viết về chuyện đó thôi, nhưng sau này tôi nghĩ là nhân có dịp nên tôi vẽ ra khung cảnh xã hội lớn hơn. Đầu tiên tôi định đặt là *Vùng Đất Ung Thư* nó hợp với tác phẩm tôi hơn. Nhưng lỡ tờ *Người Việt* đã in như trên rồi.

NT: Tên sau hay hơn...

ĐN: Tôi vẽ ra cảnh Việt Nam và cả cảnh Đông Dương. Tôi muốn đưa ra một bức tranh lớn hơn.

NMG: Tôi đoán có lẽ tên truyện sẽ làm một số độc giả bị hụt hẫng. Tại vì khi đọc loáng thoáng truyện này đăng trên *Người Việt*, họ có một định kiến sẵn có rằng đây là một kinh nghiệm ít ai trải qua, về vụ vượt biên đường bộ. Thứ nhì nữa là độc giả cũng tò mò về tình trạng bộ đội

Việt Nam ở Campuchia và nghịch cảnh của Campuchia sau khi Pol Pot đổ .Thành ra khi đọc *Đường Xương Trắng* người đọc có định kiến là sẽ được đọc cái đoạn đường đó, và tất cả những bi thảm đổ vỡ của Campuchia, cũng như những gian nan của đoạn đường đó là *chính*. Nhưng khi đọc 450 trang của cuốn sách thì thấy trong đó phần *Đường Xương Trắng* chính của nó chỉ chiếm được 1/3 thôi, và 2/3 còn lại là đoạn đường từ ngày Cộng Sản vào, bị đi cải tạo, sống lêu bêu ở Saigon và giai đoạn sống ở Nam Vang. Có lẽ đó là cái làm độc giả hụt hẫng về nhan đề. Tôi cũng đồng ý với anh Nhật Tiến là nhan đề sau hay hơn. Cái thứ nhì nữa là cuốn *Đường Xương Trắng* khác cuốn *Ngày N+..* ở chỗ *Ngày N+..* là một cuốn hồi ký, anh Hoàng Khởi Phong xưng *Tôi* và tất cả mọi diễn tiến thời sự đều qua kinh nghiệm *chủ quan* của Hoàng Khởi Phong. Còn anh Định Nguyên gọi tác phẩm mình là *hồi ký tiểu thuyết*. Không biết là chữ *Hồi ký tiểu thuyết* có hợp hay không, bởi vì nếu là *Hồi ký* thì hoàn toàn dựa vào một nhân vật xưng *Tôi*, và dựa trên sự thực 100o/o còn nếu là *Tiểu thuyết* thì quyền tưởng tượng, quyền thêm thắt là quyền tối thượng của người cầm bút. Khi ghép *Hồi ký* vào với *Tiểu thuyết*, tôi không biết có trục trặc gì không?

ĐN: Lúc đầu tôi định viết một quyển dưới dạng hồi ký. Nhưng tôi quan niệm phải viết cách nào để lôi cuốn người đọc, để người đọc có thể cảm nhận được mình muốn nói điều gì. Có thể đó là chủ quan của tôi, nhưng tôi quan niệm sáng tác như thế. Cái điều tôi muốn gửi gấm là *Hồi ký*, còn làm sao cho lôi cuốn người đọc, đó là *tiểu thuyết*. Đấy là quan niệm của tôi khi sáng tác cuốn *Đường Xương Trắng*.

## Hồi Ký? Tiểu Thuyết? Hồi Ký - Tiểu Thuyết?

NT: Theo tôi những điều anh muốn gửi gấm phải có trên cả *tiểu thuyết* lẫn *hồi ký* chứ! Vấn đề chính danh là có cái từ *Hồi ký-tiểu thuyết* hay không? Nói chung có một loại văn chương gọi là *"Hồi ký-tiểu thuyết"* hay không? Chứ còn khi một người viết dù tiểu thuyết hay viết kịch đều muốn gửi gấm chứ đâu phải chỉ có hồi ký mới gửi gấm được...Có cái *thể* loại đó không? Hay nói rõ hơn từ trước đến nay ngoài cuốn *Đường Xương Trắng* của *Định Nguyên*, đã có tác phẩm nào trong văn chương Việt Nam, kể từ thời Tự Lực Văn Đoàn trở lại ở dạng *Hồi ký-Tiểu thuyết* không?

ĐN: Tôi nghĩ rằng người ta không dùng cái từ đó, nhưng mà có nhiều chứ. Bộ *Ba Sinh Hương Lửa* của Doãn Quốc Sỹ chẳng hạn...

NT: Anh nên nhớ là có nhiều cuốn tiểu thuyết nhân vật xưng tôi, nhưng không phải *hồi ký*. Tôi lấy ví dụ cuốn *Những Người Áo Trắng* của tôi chẳng hạn, nhân vật Quỳnh xưng tôi, nhưng không phải là tôi, Quỳnh là một cô gái...Nhưng xác định như vậy có quan trọng hay

không?

NMG: Theo tôi nghĩ thì có quan trọng. Trong một trang của cuốn sách này, tác giả đề rõ tên nhân vật chính là Nguyễn Đình Định. Tên thật của Định Nguyên cũng thế. Thành ra người đọc sẽ rối đầu, không biết đâu thật giả. Nhân vật Định và cô Thảo đi theo một đường, nhân vật Nguyễn lại đi một đường khác. Có hai cuộc vượt biên đường bộ chớ không phải là một.

ĐN: Vâng, hai lộ trình khác nhau. Tôi cần nói rõ mới hiểu được. Trên mặt tiểu thuyết là hai nhân vật, nhưng trên mặt sáng tác chỉ là một thôi. Hai đoạn đời khác nhau, hai lứa tuổi khác nhau.

NMG: Nhưng chắc chắn anh sẽ gặp điều này: Chẳng hạn, người đọc ở Âu Châu hoặc ở miền Đông đọc xong sách thấy cuối cùng nhân vật Nguyễn Đình Định và cô vợ tên Thảo đều là hai nhân vật thất bại! Cô Thảo chết, và họ sẽ nghĩ là ông Định Nguyên đang sống cảnh goá bụa. Hai vợ chồng cùng đi mà ông Định Nguyên sang đây chỉ có một mình thôi. Nhưng rồi họ biết không phải vậy. Ông Định Nguyên vẫn có bà vợ ở đây mà! Thế là kẹt. Nó kẹt chính do chữ *hồi ký*. Tôi nghĩ đúng ra đây là cuốn *tiểu thuyết* hơn là cuốn hồi ký.

ĐN: Rõ ràng là viết dưới dạng tiểu thuyết, nhưng vì tôi vẫn quan niệm là mình kể lại một cách trung thực một đoạn đời của mình, thì nó vẫn mang tính cách hồi ký.

NT: Hình như ông muốn chứng tỏ rằng những sự kiện trong cuốn này là xác thực cho nên ông ghi là hồi ký. Thế nhưng vì hồi ký chỉ có một nhân vật đứng ra kể chuyện thôi, trong khi ông lại bung ra hai kiểu đời như thế kia, nên ông phải ngoắc thêm một cái nữa thành ra tiểu thuyết.

NXH: Theo tôi không thể có loại *Hồi ký Tiểu thuyết*. Bởi vì với hồi ký, người viết đương nhiên là xưng tôi ngôi thứ nhất số ít, ông ta phải đưa ra những sự kiện có thực, đặt trong một không gian có thực và một thời gian cũng có thực. Cái thực của tiểu thuyết khác với cái thực của hồi ký. Bởi vì hai thể loại này chứa đựng hai nội dung hoàn toàn khác nhau.

NT: Tôi nhớ hình như trước đây có một từ là *Phóng sự-Tiểu thuyết*.

NMG: Cái đó thì khác. Vì trong trường hợp này người viết đóng vai quan sát. Văn chương Cộng Sản có đặt ra một thể loại mới và phát triển khá nhiều. Họ lấy tên là *Truyện ký*, tức là không phải là *ký* mà cũng không phải là *truyện*. Nó được quyền thêm thắt, mặc dù tính *xác thực* chiếm phần đa số, còn phần *truyện* chiếm phần ít hơn. Và trong loại truyện ký đó tác giả vẫn đóng vai quan sát viên. Tôi nghĩ đúng ra *Đường Xương Trắng* là một cuốn tiểu thuyết thì nó chính danh hơn. Tôi muốn nói thêm một điều là kinh nghiệm cần cho một người viết văn, thì có lẽ, trong số năm người ở đây không ai trải qua được những kinh nghiệm quý giá như Định Nguyên. Kinh nghiệm về cuộc chiến

cũng trực tiếp và sôi động. Sau 75 thời gian lang bạt, bị bạc đãi, bị khốn khổ, trong bốn người còn lại, số phận Định Nguyên là số phận bi đát nhất. Tôi nhớ những ngày sau tháng Tư 75, tôi gặp Định Nguyên ở ngoài chợ trời, đúng như một người ăn mày: thân tàn ma dại, chân bị thương, ngồi bán sách ở vỉa đường. Sau bị đi học tập từ Nam chí Bắc trải qua những trại cải tạo lớn lao nhất, tàn khốc nhất. Rồi về vượt biên thì lại vượt biên theo một thể thức nguy hiểm nhất, khốc liệt khó khăn nhất. Kinh nghiệm quý giá đó là một kho tàng không ai có được. Và cuốn *Đường Xương Trắng* này, phải công nhận là sự mô tả về xã hội Campuchia, nhất là tâm tình của lớp bộ đội trẻ là điều mà Định Nguyên là người đầu tiên nhắc tới. Những tình cảnh cha đi lính Quốc gia, con đi lính Cộng Sản, tâm tình của họ, nếp sống trôi sông lạc chợ của Việt kiều ở Campuchia, biết bao nhiêu chất liệu quý giá cho tiểu thuyết, có lẽ chưa có ai đề cập tới ngoài Định Nguyên. Tôi cho đó là cái giá trị nhất của hồi ký này. Nhất là đọc một phần ba về sau, từ lúc các nhân vật Nguyễn, Định và Thảo, rời Nam Vang đi về các vùng khác. Nhiều cảnh rất sống động: Sinh hoạt đơn vị bộ đội ở Battambang; cảnh nơi trại giam, cảnh Út Đức nói chuyện với người nữ tù trí thức ở Campuchia... rất hay! Nhưng tôi có cảm tưởng là đầu ôm đồm quá, thành ra chuyện chính bị loãng đi.

## Quá Nhiều Sự Kiện

ĐN: Tôi biết tôi đưa vào quá nhiều sự kiện là một khuyết điểm. Nhưng tôi cho đó cũng là một phần quan trọng. Bởi vì tôi muốn cho thấy không nhân vật nào của tôi là nhân vật muốn ra đi cả. Nếu không có những diễn tiến như một cái đòn bẩy để đi đến một quyết định để ra đi. Lấy trường hợp nhân vật Nguyễn là một nhân vật thê thảm nhất: Anh ta đi ở tù, vợ anh ta ở nhà vượt biển với một người đàn ông khác, bỏ con cái lại. Và mẹ thì mù lòa. Khi trở về, anh ta không có lý do gì để đi được cả, đến nỗi một người bạn cho đi không cũng không đi được, chỉ gởi con đi, phải nói dối với con là mình sẽ đi. Nhưng mà rồi, có một sự kiện khác là bà mẹ bịnh nặng mất đi. Cũng như nhân vật Định ra tù, sống hạnh phúc với một mối tình rất là đẹp. Tuy nghèo nàn thiếu đủ mọi thứ phải đạp xích lô. Chàng chở nàng đi xích lô. Nhưng sau đó hạnh phúc của họ bị đe dọa thường trực. Một thứ hạnh phúc xót xa. Để rồi cuối cùng không có một chọn lựa nào khác phải ra đi.

Tôi nghĩ rằng nó ôm đồm thì đúng, nhưng mà không thể thiếu được vì nó là động lực. Bởi vì những nhân vật này không muốn ra đi mà! Họ nghĩ rằng nếu mình sống được ở tổ quốc mình thì mình sống. Thành ra tôi thấy nó cần thiết.

NT: Khi anh lấy nhan đề *Đường Xương Trắng* thì xương trắng là của Campuchia hay xương trắng của những người tị nạn bị bỏ xác?

ĐN: Tôi muốn nói tất cả.
NT: Tôi muốn hỏi anh một cách tò mò là tỉ lệ xương trắng của người vượt biên đường bộ đóng góp vào cánh đồng xương trắng là bao nhiêu phần trăm?
ĐN: Tôi không thể xác định tỉ lệ, nhưng tôi có thể nói là rất nhiều. Cứ mười người vượt biên đường bộ thì chừng ba hay bốn người tới mà thôi. Còn tỉ lệ vượt biên bao nhiêu thì tôi không biết được.
NMG: Khi nãy ở phần đầu câu chuyện, anh Định Nguyên có nói tới những điều gửi gấm cho người đọc. Chẳng hạn chuyện đi tìm tự do là quá trừu tượng, không nghĩ tới. Cái động cơ chính là khiếp sợ tổ quốc mình, lưu lạc trên quê hương mình nên ra đi. Đó cũng là điểm vừa kinh hoàng vừa ngược thời thượng nữa. Hơn nữa, trong *Đường Xương Trắng*, Định Nguyên mô tả tâm tình của người bộ đội tại Campuchia cũng khác với thời thượng hiện nay, không phải răng đen mã tấu trong những sách phổ thông, mà là một lớp bộ đội khác, xuất xứ khác, lý lịch khác. Những người bộ đội mà cha là sĩ quan của chế độ cũ, con phải đi bộ đội. Ngay cả những bộ đội ngoài Bắc vô, trong sách Định Nguyên cũng khác với mô thức thông thường. Khi anh Định Nguyên đưa ra cái khác đó, anh muốn đưa ra chuyển hướng mới hay anh chỉ trình bày một sự thực đơn giản ?
ĐN: Tôi muốn nói sự thực với tư cách là một nhà văn. Bởi vì bằng kinh nghiệm sống tôi viết như tôi đã thấy. Những người lính này chẳng khác gì những người lính chúng ta. Đến nỗi tôi phải phì cười mà nói rằng "Đúng, thằng lính mẹ nào cũng thế mà thôi!" Cũng bấy nhiêu tâm tình, gặp người đồng hương là vui mừng là giúp đỡ mọi cái, rồi giữa đơn vị hậu cần và đơn vị tác chiến...Nhưng có một điều chua xót mà tôi muốn đưa ra là đời cha đi lính quốc gia đời con đi lính Cộng Sản.

## Tình Đồng Hương

NT: Những tình đồng hương có ở Campuchia, nó có ở Hoa Kỳ không? (Nhiều tiếng cười)
NXH: Có phải vì trong cuộc sống khó khăn, hoạn nạn, lâm nguy nghèo khổ, người ta dễ gần gũi nhau hơn là trong một cuộc sống đầy đủ vật chất và ổn định?
NT: Tôi có thắc mắc ngược lại là trong không khí trại tị nạn, cũng khốn đốn hoạn nạn mà sao người ta lại gấu ó nhau. Nhất là trại tị nạn Hồng Kông thì kinh khủng lắm. Bắn nhau, chém giết nhau, đập đầu cho vọt óc ra còn đâm nhiều nhát nữa mà chỉ vì những chuyện rất là nhỏ. Cái đó thì sao?
ĐN: Theo tôi, không khí *depress* của các trại tị nạn làm cho người ta mất bình thường đi.

NT: Còn những người ở trại tị nạn cả bảy, tám năm trời thì sao?
ĐN: Chính vì bị ở lâu như một người tù chi phối tâm lý họ...
HKP: Hơn nữa ở trại tị nạn, người ta ở trong hàng rào, bị chi phối bởi qui chế tị nạn về đủ mọi thứ. Rồi có cả sự phân chia khẩu phần hàng ngày, thành ra có sự làm sao để khẩu phần của mình hơn người kia một tí. Chứ bây giờ thử quăng anh vào một thành phố hoàn toàn xa lạ, cùng với năm, mười lăm người, để các anh tự do, không ai đánh đập các anh, nhưng rõ ràng là các anh bị cô đơn trong một thành phố lớn như vậy. Tôi nghĩ rằng hoàn cảnh đó dễ làm cho người tị nạn ở những vùng xa xôi gần nhau hơn. Họ có một mối lo chung là sự cô đơn.
ĐN: Trong trại tị nạn còn có sự khác biệt nhau về phương diện kinh tế, tinh thần. Có người có diện đi, có người không. Có người có thân nhân, có người nghèo khổ, không đủ tiền mua một điếu thuốc...
NMG: Trong cuốn *Đường Xương Trắng*, tôi còn có một nhận xét nữa là trong tất cả mọi giai đoạn khổ nhất của hành trình đó, từ chuyện Cộng Sản vào, đi cải tạo, trở về sống gian khổ ở Saigon, suốt chặng đường vượt biên đường bộ...có vẻ như Định Nguyên có khuynh hướng cố gắng tạo một cái gì đó cho nhẹ lại, cho thơ mộng một chút. Anh tạo ra một mối tình, Định và Thảo yêu nhau trên đường vượt biên. Tôi không biết đó có phải là sự nhạy cảm của từng tác giả hay không. Ngay những chuyện Định Nguyên viết trước kia cũng vậy.
ĐN: Cái đó rất là riêng tư. Tôi thấy trong hoàn cảnh nào cũng có cái đẹp, cái thơ mộng. Như thế người ta mới sống được. Tôi ví dụ như ngay trong cơn sốt rét người ta cũng có cái khoái cảm của nó. Không có gì là tuyệt đối đau khổ và cũng không có gì là tuyệt đối hạnh phúc. Trong cuốn sách tôi đã viết có những người chờ đợi thì cũng có những người không chờ đợi. Hạnh phúc và đau khổ không có gì tuyệt đối.

*Nguyễn Văn* ghi

Trong những số tới: Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác và Nguyễn Xuân Hoàng.

*Nguyễn Mạnh Trinh*

## *Xuân tận*

*Ra góc vườn sau tìm sợi nắng*
*Lập Xuân sao vẫn lạnh tấc trời*
*Tận đáy thâm tâm còn thẳm lặng*
*Áo ai hồng biếc vẫn mù khơi.*

*Nghĩ mãi sầu quanh từ vô hạn*
*Chưa xong năm tháng ngại dốc lên*
*Tơ nhện quẩn quanh lời than vãn*
*Lụa óng đành loang giọt mực đen.*

*Thơ đã trầm luân vầng bụi phủ*
*Mười ba năm tưởng đã tận cùng*
*Chuyện vãn thiên thu đường ngõ cũ*
*Nhói thầm đứt đoạn phiếm đàn rung.*

*Hỏi lại xuân già sao thoảng bóng*
*Ảnh hình ai tóc xõa ngang vai*
*Lãng đãng mù sương khuôn cửa trống*
*Nhớ thôi cánh bướm vẫy hiên ngoài.*

*Có lúc dưng không trời đất chật*
*Hồn dõi đông tây áng mặt trời*
*Thánh thi trang giở niềm bí mật.*
*Đ tảng còn in một chỗ ngồi.*

*Có phải hôm ngay mùng một Tết*
*Bốn mươi tuổi sao vẫn lạ lùng*
*Chạy mệt áo cơm đành một kiếp*
*Mũi tên đã bật buổi giương cung*

*Rượu biếc sắc lam xanh ngọn gió*
*Cùng đây, còn lại chút son hề*
*Kệ nắng vàng rêu trên lá cỏ*
*Khoác ta chiếc áo sợi buồn se.*

*Nguyễn Mạnh Trinh*
*Cuối năm 1988*

*Trần Thị Kim Lan*

## *Ngày Xuân Ra Phố*

Trân kín đáo rảo mắt nhìn quanh phòng làm việc. Thấy mọi người đang bận rộn việc riêng, chị an tâm rút nhẹ tờ hóa đơn ra khỏi máy chữ. Nhanh tay, chị ấn tọt nó vào giỏ xách kế bên. Cái giỏ đầy giấy độn đã phình ra thấy rõ. Trân ngồi xê qua ép cho cái giỏ xẹp vào. Chị cảm thấy ngượng cho chính mình. Đây là lần thứ năm chị đánh sai con số trên tờ hóa đơn. Mắt đã thấy cứng ở hai mí. Đèn néon chói lòa. Lưng đau nhói. Hai bả vai cứng ngắc. Chồng hóa đơn còn nhiều. Cái đà này thì khó hy vọng nó vơi đi. Chị lấy hơi thở hắt ra thật mạnh, nghĩ thầm nước Mỹ giàu có sao người ta cho chị cái máy chữ cũ kỹ nặng trình trịch như thế này. Lại nghĩ tiếp, đàn bà Việt Nam qua đây nhiều người bóng lộn, áo quần tươm tất, phấn son thơm phức, da vẻ hồng hào mướt rượt. Họ lái xe hơi, mang kiếng đen gọng trắng, nụ cười, ánh mắt, dáng đi tất cả đều nghiên cứu kỹ, có cân đo đúng độ lượng thấy ham. Còn chị sao âm thầm chịu đựng trong một góc phòng của kho chứa hàng, kiên trì ấn từng con số. Trật, hư, bôi cạo. Mắt cứ láu liên nhìn trước nhìn sau sợ người ta bắt gặp chị phí quá nhiều giấy. Chị đang phân vân không biết có nên bỏ tờ hóa đơn thứ sáu hay chịu khó sửa lại chỗ bị hư bỗng thấy có tay ai đặt nhẹ trên vai mình. Debbie, cô bạn làm việc cùng phòng đã đến sau lưng chị từ lúc nào. Nó xin lỗi đã làm chị giật mình, nghiêng người nhỏ nhẹ nói:

- Để tôi đánh giùm cho Trân nhé. Cái thứ đánh máy này kỳ lắm. Hễ trật được là trật hoài. Hồi mới học, tôi bỏ cả hãng giấy người ta mới đánh được. Bây giờ tôi quất như mưa rào, vậy mà có hôm

cũng chịu. Mấy lúc như vậy là tôi giả đau bỏ sở về quách.

Trân ngạc nhiên hỏi giọng lo ngại:

- Thật sao? Dám về hả?

- Gì mà không dám. Phải biết thương cái thân mình chứ. Khi nào nó báo động là không thể nhận chịu thêm một khổ hình nào nữa là mình phải nghe nó, không thì nguy lắm. Chị có sao không? Bịnh hay có chuyện chi buồn?

- Chắc tôi nhớ nhà. Những ngày này bên xứ tôi chuẩn bị ăn Tết. Tết là ngày mừng đầu năm, lớn như dịp lễ Giáng Sinh ở đây vậy. Hôm qua tôi nhìn lịch đã thấy buồn buồn.

- Lấy vài ngày nghỉ bịnh đi chơi đi. Cộng đồng người Việt của chị có tổ chức gì không?

- Tôi ở xa cộng đồng tôi lắm. Chỗ tôi toàn người Mỹ.

- Cũng nên nghỉ đi chơi đi. Ra phố mua cái áo, đôi giày gì đó. Tự thưởng mình. Tự làm cho mình vui. Lâu lâu tôi lấy một ngày nghỉ đi làm da mặt, mua sắm vài món ưa thích, vào một nhà hàng sang trọng, có rượu khai vị, có tiếng dương cầm, có người phục vụ ân cần. Thấy dễ chịu lắm. Mình làm việc cực khổ có quyền hưởng. Cũng đừng ngại đi một mình. Tại sao phải đợi người khác làm cho mình vui?

Trân rụt rè hỏi:

- Tôi nghỉ rồi ai đánh máy hóa đơn cho kịp giao hàng?

- Chuyện đó của Hãng, để lão chủ lo. Nghĩ tới cái thân mình trước đã. Chiều nay báo nghỉ bịnh đi. Làm bộ nhăn mặt càng tốt. Chị biết không, chị ở Việt Nam lâu quá không biết làm bộ.

- Người xứ tôi làm bộ cũng khá lắm. Chỉ tại tôi chưa nghĩ ra điều đó và cũng nhát gan.

Chồng hóa đơn với dần. Trân cám ơn bạn rối rít. Debbie nhỏ tuổi hơn chị nhưng nó đối xử với chị như kẻ cả, luôn luôn tỏ ra nhiều kinh nghiệm về cuộc đời hơn chị. Nó vỗ vai, xoa đầu chị, làm giúp những việc thật đơn giản nhưng vì chị mới tập sự nên thấy thật khó khăn. Nó làm việc nhanh, xong ngồi tréo chân hút thuốc thảnh thơi. Nó gọi xếp bằng tên, chất vấn, đối đáp ngang hàng. Còn chị vẫn một điều thưa ông, hai điều thưa ông, tránh né, sợ sệt, cười cầu hòa, cười thay điều muốn nói, cười mong được thông cảm, cười cho qua, cười để được yên thân. Xếp chị bối rối không hiểu sao mụ đàn bà da vàng mũi tẹt thú gì cũng cười. Nó ngu ngơ hay nó ám chỉ gì mình đây. Đàn bà vốn đã khó hiểu, đàn bà ngoại quốc với ông ta còn khó hiểu hơn. Có khi hắn đang đùa với Debbie, thấy chị nhìn, hắn nghiêm nét mặt. Chị lại cười!

Trân nể Debbie. Nếp sống và những suy nghĩ của chị đã có chiều hướng thay đổi theo sự hướng dẫn của nó. Hành động táo bạo đầu tiên của chị là cáo bệnh xin nghỉ phép hai ngày. Giờ tan sở hai người bạn trao nhau cái nhìn ẩn ý, lấy làm thú vị. Nó rỉ vào tai chị:

- Đi chơi vui nhé!

Chợt thấy lão xếp đi ngang nó nói to:

- Chúc bạn mau bình phục!

Trân dậy sớm, ngồi nghĩ miên man không biết phải làm gì cho hết một ngày nhàn hạ. Chị bao giờ cũng vụng về lúng túng, cảm thấy như mất điểm tựa khi những hành động của chị không gắn liền với những chữ "nhiệm vụ", "bổn phận", "công trình". Chị thầm nói: "Cha, phải mặc quần áo gì coi cho được đây. Vào cửa hàng sang trọng mà mặc lôi thôi coi quê mùa cục mịch quá. Còn mặc bộ suit màu ngà ngà để dành đi đám cưới đám ma thì phải mang giày cao gót." Chị sợ giày cao gót lắm. Người ta đi thoăn thoắt, bước nào bước nấy vững trân như chưa một lần vấp ngã trong đời, còn chị rán kềm cho mấy cũng xiêu xiêu vẹo vẹo. Đó là chưa kể làm sao rượt theo xe buýt. Trễ một chuyến phải đứng chờ nửa giờ trên giày cao gót! Cực khổ tấm thân. "Hay là mặc cái áo đầm hàng len có sọc mờ?" Cũng không ổn. Cái áo mất dây thắt lưng nên người ta bán rẻ cho trống chỗ. Chị ngắm áo thích lắm, kiểu đơn sơ như chiếc áo dài quen thuộc, cổ vuông tay rộng. Cả năm rồi mà chưa mặc lần nào, chỉ vì chưa có dịp mua dây thắt lưng. Nghĩ mãi về quần áo chị thấy nặng đầu, bỏ cuộc ra đứng chỗ cửa sổ nhìn xuống đường. Chị nghe mặc cảm của một người có tội, thấy như bị lọt ra khỏi guồng máy đang quay. Xe cộ qua lại vội vàng, trẻ con đi học, người lớn đi làm, vừa đi vừa tục cà phê, dồn, nhét miếng bánh cuối cùng vào miệng, nhai ngồm ngoàm, tất cả rượt theo xe buýt, cà vạt bay phất phới sau lưng. "Chậc, không biết nên để cho guồng máy nó nghiến nát mình hay cố thoát ra khỏi nó để rồi thấy mình lạc lõng. Vấn đề nặng nề nan giải quá, thôi để lúc khác hẵn hay." Chị xem đồng hồ. Còn nửa giờ nữa sẽ tới giờ làm việc. Chị sẽ ngồi vào bàn trước máy đánh chữ, gắn cái hóa đơn vào máy....Chị khựng lại không dám nghĩ tiếp, sợ phải nhớ đến cái đoạn lấy hóa đơn ra giấu vào giỏ, và Debbie lại phải ngồi xuống vừa tiếp tay vừa thủ thỉ khuyên bảo. À, Debbie. Nhớ tới Debbie chị thấy vui. Nó dạy chị phải tập suy nghĩ theo chiều hướng lạc quan. Phải tự tin, phải chủ động trong mọi trường hợp. Chơi thì phải chí thú chuyện chơi, chuẩn bị chu đáo, sắp xếp chương trình như đi làm vậy. Như thế mới vui. Con người cần được hưởng thụ. Thân thể có những đòi hỏi của nó. Bỏ rơi nó thì nó trả thù mình, làm cho mình đau ốm, buồn rầu, vật vã. Cứ lo cho người khác không lo cho bản thân mình là một hình thức vô nhân đạo, bởi vì cá nhân mình cũng là một con người. Chị lẩm nhẩm những câu kinh Debbie truyền tụng hằng ngày và chị cương quyết phải đi chơi một bữa thật vui. Cuối cùng chị chẳng chọn gì khác hơn là bộ đồ ấm rộng rãi dễ chịu, mang đôi giày thật êm, hăng hái mở cửa bước ra ngoài. Bà Malley ở căn đối diện nghe tiếng chị khóa cửa lách cách bước ra chào hỏi:

- Hello, bữa nay sao con đi làm muộn vậy?

Trân chưa kịp đáp thì Bà đã níu chị lại, cẩn thận ngó trước ngó sau, nói nhỏ, giọng bí mật:

- Nè, con biết gì không? Căn số 3 có...chuột!

Chị đang muốn vui nên sẵn sàng làm vui lòng người khác. Chị giả bộ nhăn mặt tỏ vẻ ghê tởm, làm như ở xứ chị không hề có con vật gớm ghiếc đó. Được thể Bà nói tiếp:

- Xứ này bây giờ hỗn độn quá, đủ thứ người đến ở làm dơ dáy. Mấy mươi năm về trước đâu đến nỗi tồi tệ như vậy. Bỗng Bà trực nhớ Trân cũng là người phương xa đến tá túc nên vội chữa:

-...Ăn ở như con thì đâu có ai trách cứ gì được.

"Trời" Trân nói thầm trong bụng. "Bà đâu có biết con thèm cá khô, thứ cá khô khô quẹt, mặn mặn, cứng cứng, thơm thơm, bùi bùi, quẹt chút xíu để vào miệng là nước bọt tươm ra ướp mềm cơm gạo đỏ. Vậy mà con phải kho với muối, lúc gần ăn mới lén lén cho vào một muỗng nước mắm, xong lật đật đậy nắp soong lại ngay. Sợ nó bay qua Bà, Bà chê con là người của dân tộc kém văn minh, ăn đồ hôi thúi.

Trân xoay bước định đi thì Bà lại ghì vai lại trút thêm một điều tâm sự, giọng càng có vẻ bí mật hơn:

- Con coi, lão John hồi hôm tự nhiên lại "đòi".

Trân nhướng mắt chờ nghe tiếp. Bà vội vàng cắt nghĩa:

- Con nghĩ, lão bịnh gần chết, ngũ tạng lục phủ chỗ nào cũng hư người còng kềnh như con gấu, lên xuống cầu thang thở phì phò. Lão năm nay 79. Gần 80 rồi còn gì. Chắc lão thành tinh nên mới "đòi" bậy bạ vậy.

Trân gật đầu lia lịa, ừ hử, à há tỏ ý biểu đồng tình. Chị rán chịu trận cho Bà kể tiếp chuyện thằng con trai thất nghiệp về ăn cắp tiền trợ cấp của bà mua áo da chạy mô tô cho đúng bộ, chuyện người chị già 85 tuổi trách bà thiếu chu đáo, chuyện anh chàng quản gia làm biếng không năng chùi cầu thang, thay bóng đèn để cho Bà té, chuyện Bà giấu cái bánh kem mà ông Malley vẫn tìm ra cho được, ăn vô tên hư hử, chuyện...đủ thứ chuyện, nhiều vấn đề quá. Trân sẵn sàng chia sẻ với Bà, nhưng hôm khác kia. Chị không muốn tin dị đoan nhưng chịu ảnh hưởng ông bà tổ tiên nên ngày đầu năm chị chỉ muốn nghe điều lành, tránh điều dữ. Chị tìm cớ từ giã chạy vụt xuống cầu thang ra khỏi cửa. Thoát! Tưởng thế chứ chưa thoát. Anh chàng quản gia dừng tay quét dọn gọi giật chị lại:

- Ê, Trân! đi đâu đó? Không đi làm hả? Có nhớ mang chìa khóa theo không? Đàn bà, ôi đàn bà! Ta có thể giết họ bất kỳ lúc nào.

Trân nghĩ phải dừng lại nói chuyện qua loa mới được. Chỗ còn nghĩa. Rủi quên chìa khóa, rủi cầu nghẹt, ống nước không thông còn biết réo gọi ai. Cùng lắm là nghe anh ta kể ba điều bốn chuyện xong trở lại cái đề tài muôn thuở về người vợ ngoại tình. Ngoại tình ngay trên cái giường ngủ anh mua cưới chị. Từ ngày ly dị anh quyết ở một mình, hận đàn bà tới chết. Bữa nay anh ta có một đề tài lạ. Anh ta nói

- Trân, tới hốt dùm đống rác coi. Biết cái này là gì không? Cây mục. Nó mục là tại sâu, tại già nua cần cỗi. Có mấy thằng điên nghiên cứu xem tại sao mục! Nghe đâu có cha nào đó còn dành cả đời nghiên cứu tiếng con nít khóc! Điên cả. Tôi bảo là người Mỹ điên cả mà.

Trân thối thoát:

- Ừ điên cả! Anh thấy tôi điên. Tôi thấy anh điên. Chiều gặp lại nhé, Tony. Bây giờ đi có chuyện.

Trân chạy vụt qua đường đứng chờ xe, thở hổn hển. Nhìn trở qua thấy anh ta lắc đầu môi mấp máy. Chắc chắn là anh ta đang nói: "Đàn bà, ôi đàn bà! Không thể sống với họ cũng không thể thiếu họ."

Chưa kịp bình tâm nghĩ tiếp chuyện đi chơi Trân đã nghe tiếng nói của một bà đang đến gần đong đưa dáng đứng, cười với chị:

- Kìa cô em. Áo đẹp quá! Cô em lúc nào mặc cũng lịch sự.

"Bà này khen thì chớ vội mừng." Trân nghĩ. "Thôi đúng rồi. Bữa trước mang giày hai chiếc hai kiểu khác nhau. Bữa nay về độc có mỗi một bên chân mày. Chị sốt sắng đáp:

- Dạ chào Bác. Bác có khỏe không?

- Khỏe. Khỏe lắm. Vẫn còn ở Dưỡng Trí Viện. Mới về thăm con gái xong. Cô em đi đâu trông hớn hở thế?

- Hôm nay ngày đầu năm mà.

- Ừa vậy sao? Hóa ra bệnh của Bác vẫn còn nặng. Bác sĩ bảo chỉ mất trí nhớ ngắn hạn thôi. Nào ngờ ngày đầu năm mà Bác cũng quên mất!

- Không đâu. Trí nhớ của Bác còn tốt lắm. Hôm nay ngày Tết của xứ con...của người Việt Nam.

Người đàn bà cười nhẹ mừng rỡ, kêu trời nho nhỏ:

- Trời ơi, vậy mà Bác tưởng Bác lú lẫn đến không còn nhớ cả những ngày quan trọng trong năm. Ừ phải đấy. Xứ này bây giờ ngày nào lại chẳng là ngày đầu năm. Mỗi dân tộc một ngày khác nhau. Nghĩ cũng hay hay, vui vui. Chúc mừng năm mới cô em nhé!

"Chúc mừng năm mới!" Trân nghe thật lạ tai. Không có mùi hương thoang thoảng, không nghe tiếng pháo, không có hoa mai, hoa đào, không có trẻ con mặc đồ mới, không có tiếng cười của người lớn lắc bầu cua. "Tôi đang ở đâu đây? Bà này nói cái gì vậy?" Trân thầm độc thoại, mắt nhìn xa vắng. Người đàn bà lại cất tiếng e dè hỏi:

- Này cô em, cho Bác hỏi cái này. Hôm trước nghe cô em nói có làm việc ở bệnh viện, cô em giải thích dùm vì sao mà Bác mất trí nhớ. Bác làm thơ ký, đánh máy xong cái thư, một lát sau đánh lại cùng một bức thư thêm lần nữa.

- Bác làm công việc đó bao nhiêu năm rồi?

- Ba mươi lăm năm.

- Có lẽ làm mãi một việc như thế Bác nản quá nên làm trước quên sau, hoặc mắt và tay Bác nhuần nhuyễn, cứ thấy chữ là Bác đánh không suy nghĩ.

- Cô em nghĩ Bác phải làm sao? Bác không muốn vô công ngồi rỗi

nghề ở bệnh viện.

- Bác thử làm việc gì không đòi hỏi nhiều trí nhớ. Chẳng hạn như làm cho một cửa hàng bán quần áo. Khách xổ hàng ra, Bác xếp lại. Chẳng lẽ Bác tự ý xổ hàng đã xếp!

- À, ý kiến thật hay. Có vậy mà Bác năn nỉ mấy ông bác sĩ không chịu nói.

- Bác cũng không nên tin con. Bác sĩ người ta nói có sách mách có chứng. Con nói cho vui. Nói vô trách nhiệm mà.

- Bậy nào. Bác cám ơn cô em biết mấy. Kìa xe tới!

Lên xe Trân cố tình không ngồi gần người đàn bà. Trân muốn tâm trí yên ổn để nghĩ về ngày Tết. "Ngày mồng một gia đình mình hồi đó ra sao nhỉ? À, má xức dầu tóc mượn cho láng, xong búi lại công phu khéo léo hơn ngày thường. Áo quần thẳng thớm, má đi ra đi vào chờ con cháu đến, môi chúm chím, lòng vui vui. Trên bàn thờ khói hương nghi ngút cuốn, quyện hai cái lư hương đồng bóng loáng, quấn quít bên mâm trái cây có cam vàng, vú sữa tím, nải chuối xanh, trái thanh long màu đỏ. Mấy cành hoa mai chao nhẹ rắc những đốm vàng lác đác." Nhưng kìa sao Trân nghe rõ bên tai có người nói tiếng Anh:

- Lấy ngón tay ra em, em mút mãi nó sẽ trắng xát ra như mặt chị vậy.

Trân quay nhìn sang chỗ có tiếng nói. Chị thấy có một cô bé da đen mắt tròn xoe đang trân trân nhìn làn da trắng nuốt của thiếu nữ ngồi bên cạnh. Cô bé từ từ rút ngón tay ra khỏi mồm, ra dáng suy nghĩ. Chợt cô bé nói:

- Thôi trắng cũng được. Mút ngón tay ngon quá!

Trân cười. Nghĩ sao thấm ý lại cười. Bà ngồi bên cạnh thấy chị cứ ngó thẳng về phía trước cười một mình, liếc mắt nhìn nghi ngờ, nhích người ra xa. Trân ngượng, quay sang cười dã lã. Bà ta càng sợ, nhích ra xa hơn nữa, ngồi nép sát vào thành xe, thấy tội nghiệp. Trân lúng túng cựa quậy trên ghế ngồi. Chợt thấy một bà lão vừa bước lên xe, chị nhân cơ hội đứng lên nhường chỗ. Bà lão phản đối:

- Ai thấy tôi nhường chỗ là tôi giận lắm. Tôi già chứ có yếu đâu. Ngồi đi. Ngồi đi. Trân lại càng lúng túng không dám ngẩng mặt ngó ai. Đợi xe ngừng chị vội vã phóng xuống xe. Thoát!

Trân đi loanh quanh qua các đường phố cửa hàng. Chị dừng lại ngắm một chiếc ví da có viền những tua nhỏ rất khéo. Loại da đặc biệt đắt tiền, nghĩ bụng em gái chị mê những đồ dùng như vậy. À, cô em gái. Cô này mới đặc biệt. Nó thèm nâng niu chiều chuộng, thèm sống hạnh phúc, thèm được nhìn thấy, được biểu lộ tài năng. Không có gì thỏa mãn, nó đá tung cuộc đời, con trời bằng cái vung. Đêm cuối năm nó khóc bù cho năm cũ, cho trôi hết ưu phiền. Sang năm mới mặc áo dài thướt tha, đốt nén hương thành kính, sửa lại đóa hồng, cài hoa trên tóc, sà vào lòng mẹ nũng nịu đòi cưng. Bà mẹ vuốt mái tóc dài của cô con gái út, ôm nó hôn như ngày còn bé bỏng ngây thơ. Trân đã rơm

rớm nước mắt, buồn cho em giờ xa cách mẹ, lấy ai bù đắp những thiếu thốn của cuộc đời. Buồn cho em chừng ấy ước mơ, giờ thu nhỏ lại chỉ còn niềm ước mơ sơ đẳng nhất là có cơm ăn áo mặc hằng ngày. Đất nước nghèo nên nghèo cả ước mơ.

"Như thế này không được. Phải nghĩ đến mình, đừng nghĩ đến ai hết. Debbie nó dặn rất kỹ. Cứ lo bao đồng, mình chết ai thương. Hôm nay là ngày Tết. Mình đi chơi, đi làm da mặt, đi mua áo mới...Thôi, không dám làm da mặt đâu. Chưa lần nào đến Thẩm Mỹ Viện, hỏi người ta ngượng chết. Lại nghe nói họ còn dụ mua vài thứ kem dưỡng da cũng mất cả trăm bạc. Không mua người ta liếc nhình khinh bỉ. Thôi thì ít nhứt cũng phải mua một cái áo mới chứ. Chẳng lẽ lại về không." Nghĩ vậy Trân bước vào một cửa hàng. Đi một lúc đã thấy chóng mặt. Bạn bè đã loại Trân ra, không còn rủ rê gì nữa, từ khi biết chị bất tài trong việc mua sắm. Chị đi miễn cưỡng không thấy hứng thú, mắt hoa lên thấy áo nào như áo nấy, kiểu cọ đến ngượng ngùng. Chị có những người bạn chỉ cần một cái với tay trên đống hàng sale là chợp đúng món hàng hội đủ năm, sáu tiêu chuẩn một lúc: giá rẻ, vải tốt, kiểu hợp thời trang, dễ giặt ủi, mập mặc đẹp, ốm trông hay hay. Riêng chị chỉ mong tìm được món nào mặc vào cảm thấy dễ chịu và dừng ai chú ý phê phán cũ, mới, đẹp, xấu gì cả. Đi mãi mỏi chân, đói bụng, chị nghĩ cứ mua một cái cho đắt là xong. Tiền nào của nấy. Phải mạnh tay ít nhất một lần. Trân mang áo lại quày trả tiền. Cô thâu ngân nhìn giá tiền, nhìn chị, cân phân ráp nối giữa cái áo và con người, đọc rõ mỗi con số, dằn từng tiếng:

- Một trăm bảy mươi chín đồng chín cắc chín.

Đoạn cô ta nhướng mắt nhìn Trân chờ đợi. Trân viết chi phiếu, mừng thầm chưa tới một trăm tám mươi. Còn rẻ. Cô thâu ngân bỏ cái áo vào bao giấy thảy trước mặt chị, không nhìn một ai, lạnh lùng nói:

- Người kế tiếp!

Trân hối hận đã không chịu khó trang điểm một chút. Lười biếng cũng có khi thật là phiền. Thôi kệ, chuyện lặt vặt. Trân tự trách mình sao mất thăng bằng. Khi thì mua áo giá chỉ một đô la, lúc lại lỏng tay phung phí. Bỗng có tiếng chuông báo động rè lên từng hồi. Trân nhớn nhác nhìn quanh, thấy khách hàng đang hướng mắt về phía chị. Người nữ cảnh sát viên to sồ nức ra từng khúc đến bên chị bảo đưa cái bao giấy. Chị vở lẽ là chuông báo động có hàng bị đánh cắp. "Trời mình mà ăn cắp sao?" Chị lính quýnh tìm cái hóa đơn làm bằng. May quá! lần này sao chị cẩn thận xếp cất vào ví. Cô cảnh sát nhìn tờ hóa đơn, nhìn giá tiền áo, lật qua lật lại, chỉ cái nút nhựa báo động gắn dưới lai áo, dịu dàng nói:

- Xin lỗi, cô thâu ngân vô ý quên tháo cái nút nhựa ra. Nhiều khách hàng trước khi quay bước gửi lại chị cái nhìn thông cảm. Có kẻ còn thoáng chút nghi ngờ, tiếc sao chuyện không thành sự thật. Trân mất hứng, bớt hăm hở về cái áo mới. Ra khỏi cửa hàng chị mừng hít thở

khí trời. Mùi thịt nướng đâu đó bay thơm phức. Chị đến góc đường mua một miếng terriyaki đang cháy xèo xèo trên ngọn lửa. Trả một đô la, bước vào quán ăn Au Bon Pain, mua một ổ bánh mì nhỏ. Xong tìm một cái bàn trống dưới cây dù đỏ. Chỗ lý tưởng. Khách khá đông, không ai để ý đến chị ngồi một mình. Lại được nhìn kẻ đến người đi trong khu mua sắm, được xem mấy người da đen đứng hát trước một dãy thùng phi lật úp dùng làm trống. Miếng thịt thơm phức. Chị thấy vui vui. Vừa kéo ghế ngồi đã nghe có tiếng hỏi:

- Xin lỗi. Cho qua ngồi chung được không?

Trân vồn vã, mừng trong bụng bớt lẻ loi. Người đàn bà luống tuổi tay rung rung mở nắp ly cà phê, miệng lẩm bẩm như đang nói điều gì.

- Xin lỗi, Bà nói gì ạ?

Người đàn bà không trả lời, nói tiếp một mình.

- Trả cái áo xong, ghé lấy đồ giặt. Còi báo động phòng hỏa hoạn bị hư. Đêm nào cũng réo vài lần thì chỉ có nước đau tim mà chết. Cô em uống gì đó?

- Dạ nước cam, orange juice.

Người đàn bà nheo mắt nhìn cái chai Trân đang cầm, nói:

- Orangina, sao nói là orange juice. Nói cái gì thì phải nói cho đúng.

"Thôi chết, lại gặp kiểu này nữa." Trân nghĩ thầm. Nhưng chị đang thèm nói chuyện nên gật đầu xin lỗi, hăm hở mở đầu câu chuyện.

- Bà biết gì không?

- Làm sao tôi biết được chuyện của em?

Trân cụt hứng nhưng cũng rán nói tiếp điều định nói:

- Em mua miếng thịt này có một đồng. Ổ bánh 30 xu. Tổng cộng có một đồng ba mươi xu mà có một bữa ăn trưa ngon miệng.

Chị phục cho cái sáng kiến của mình, dựa lưng vào thành ghế cười thỏa thích. Người đàn bà mặt bất động, không phụ họa, không hưởng ứng, nói thật ý mình:

- Qua không chịu nổi mùi thịt đó. Qua thích tuna sandwich hơn. Cô em ăn từ từ. Nhai kỹ. Đừng nuốt vội không tốt cho bao tử. Những con chim bữa nay không thấy. Chúng bay đi về đâu nhỉ? À, người đàn bà đang nhảy múa. Còn thằng cha kia nữa, trời âm u thế này sao lại mang kính đen.

Trân ngẩng lên nhìn bên kia lề đường. Quả thật có một bà điên từ đâu xuất hiện đang múa theo nhịp trống. Đầu đội nón lông đỏ, mắt vẽ như anh hề đang khóc miệng cười ngây ngô. Cái mông to độn nhiều lớp áo rách tả tơi ngoáy tròn lúc chậm rãi, lúc vội vàng. Người đàn ông mang kính đen đứng như trời trồng không biết đang theo dõi ai. Trân muốn vui, muốn hòa đồn, nhưng chị thấy bất an nên đứng lên từ giã. Người đàn gà gật đầu nhắc nhở:

- Mặc áo vào kẻo lạnh cô em.

"Bà này trước kia nhất định không làm mẹ cũng làm cô giáo. Thấy cái gì cũng sai. Thấy ai làm gì cũng muốn nhắc." Trân vừa đi vừa nghĩ.

Tiếng đập thùng phi xình xình, tiếng hát dồn dập, hổn hển, thật trầm rồi thật bổng, chữ cuối cùng rời rạc vút lên cao, tiếng hát của những người da đen đòi yêu thương: "Baby, baby. baby, please love me bề...è...bí...í..."

Trân tạt vào tiệm Donkin Donut định mua vài cái bánh về cho bà Malley. Bánh nhiều loại quá, chị phân vân không biết bà cụ thích bánh nào. Mãi nghĩ ngợi tới phiên lúc nào chị không hay, lắp bắp trả lời cô bán hàng. Cô ta nghe không rõ gằn giọng hỏi đi hỏi lại. Khách đứng xếp hàng mua bánh sốt ruột ngó chị. Cô bé bán bánh lẩm bẩm: "Stupid!" Chị đau quá. Ngày xuân ngày Tết mà bị chửi là đồ ngu coi như ngu suốt năm! "Có ai biết ngày gì đâu mà kiêng cữ cho mình." Chị nghĩ vậy mà nói thật nhỏ: "Xin lỗi. Cám ơn.", xong lủi thủi bước ra khỏi tiệm. Vừa đi vừa tức mình đã xin lỗi và cám ơn người đã chửi mình ngu! Thôi về cho xong.

Chị xuống hầm đợi xe điện. Có hai người đàn ông Việt Nam đang tất tả đi tới. Chị chuẩn bị một nụ cười chào đón người đồng hương. Môi chưa hé đã phải vội vàng mím lại. Một trong hai người nói to:

- ĐM, đàn bà Việt Nam qua đây hư hết, kiếm một con sạch sẽ không ra.

Oan ức quá, chị lầm lũi tìm chỗ ngồi. Thấy chị đến, cô gái tóc bạch kim khô xơ xác ngồi nơi băng gỗ xê ra nhường chỗ. Chị cười thân thiện, cô ta càu nhàu:

- Lấy thuế của dân cho cố để đi xe cũ một trăm năm. Chờ cả tiếng đồng hồ xe chưa tới. Nghe nói Boston tưởng sang trọng văn minh lắm. Tới đây rồi biết. Ở sở ra hồi ba giờ, bây giờ còn đứng ngóng ở đây.

Trân chưa tới trình độ thắc mắc xe cũ hay xe mới nên nói lảng cho cô gái đỡ bực mình:

- Đi làm được về sớm thích nhỉ!

- Thích gì? Về nhà cũng chỉ có con mèo để nói chuyện thôi. Lão tài xế lúc nãy còn chúc "Have a nice day!" Hừ, chúc một ngày vui, đã bốn giờ chiều còn ngày cái nỗi gì. Đêm đến như chớp mắt. Em ghét ban đêm chị biết không?

"Trời! Hôm nay sao gặp kiểu này nhiều quá, toàn các bậc "siêu nhân", những con người vượt cả con người, muốn nói gì thì nói, nói với bất cứ ai, bất luận lúc nào ở đâu. Những nghi thức, ước lệ của xã hội đối với các vị đều trở thành vô nghĩa. Trân ái ngại ngồi yên. Cô gái xê lại phân trần:

- Chị nghĩ, em bị chứng kinh phong, lâu lâu giựt một lần. Gia đình em làm như em bị gì ghê lắm. Em giận ra ở riêng một mình.

Trân đang nản, buồn cho mình, buồn cho người nên hết muốn bọc xuôi, chị quất ngược cho đỡ giận đời:

- Thôi vậy cũng ổn, một mình tự do muốn giựt giờ nào giựt, chẳng phiền đến ai.

Cô gái thất vọng, quay sang nói chuyện với người khác.

Xe điện cuối cùng cũng đến. Người người chen chúc chật như nêm. Trân len vào một góc đứng cho yên thân. Cửa đóng sầm, xe giựt mạnh, mọi người ngã chúi vào nhau. Ai đang nhắm mắt cũng không thấy cần mở mắt. Người ngồi ngủ ngồi, người đứng treo tay, dựa đầu ngủ đứng. Trân không khỏi chú ý một cậu thanh niên tóc vàng, da trắng, người mập mạp, mặt tròn trông thật hớn hở đang ngó quanh quất như có điều gìmuốn nói. Một lúc, tìm được đối tượng, cậu ta nhìn thẳng vào một chú bé người Á Đông mang kính trắng tay đang ôm bị sách, dáng mệt mỏi, lấy trong túi áo ra một miếng giấy viết húy hoáy điều gì không rõ. Chú bé mang kính trắng gật đầu, vẻ mặt tươi hẳn lên. Cậu thanh niên gật đầu. Hai người cười với nhau. Chú bé nói nhỏ bên tai người ngồi cạnh. Người này nói với người kia. Ai nghe xong cũng gật đầu mỉm cười với cậu thanh niên. Đến phiên Trân, chị vẫy vẫy tay mừng. Cậu thanh niên đáp lại bằng nụ cười rạng rỡ, gật đầu lia lịa. Trân cảm động nghe lòng sung sướng. Chị vui cho niềm vui lớn của cậu thanh niên câm điếc mới lãnh được số lương lần thứ nhất trong đời. Ngày đầu năm bỗng trở thành ý nghĩa.

Trân về đến đầu ngõ nghe Tony báo tin xe cứu cấp đưa ông Malley vào bệnh viện. Nửa giờ sau ông tắt thở. Bà Malley ngất xỉu từng hồi. Thằng con "trời đánh", theo lời Tony, về an ủi mẹ, tỏ vẻ thương yêu hơn tất cả bao giờ. Trân chợt hiểu. Hóa ra ông Malley đòi gần vợ để giã từ. Ông sắp đi làm ma mà bà tưởng ông thành tinh. Ôi, cái sự tưởng nó làm cho con người ta xa cách! Chị thầm nói với ông: "Con xin hứa với ông, ông Malley, một hôm nào đó khi con sang cuốn tóc cho Bà, con sẽ thủ thỉ cùng Bà ước vọng cao quý của ông."

Chị vào phòng đóng cửa thầm nghĩ không biết phải nói gì với Debbie. Một ngày đi chơi như thế đối với nó coi như hoàn toàn thất bại. Cũng may là có cái áo để khoe cho nó mừng. Rồi sẽ mang trả lại sau. Thôi thì có sao nói vậy. Chị sẽ nói không nghe tiếng pháo nhưng thấy được nụ cười, nụ cười hạnh phúc của một người bất hạnh. Lạc quan như thế chắc Debbie sẽ hài lòng. Cũng có thể nó nghĩ chị có cái lý luận của một người buồn đi góp nhặt niềm vui. Sao cũng được. Năm mới chị chỉ cầu mong được tồn tại một cách bình thường, bình thường hơn những con người điên điên dại dại ngoài kia. Ở đất nước sang giàu này, em gái chị làm sao biết được, sống là phải dè chừng, phải cân nhắc thật kỹ cho từng ước mơ.

***Trần Thị Kim Lan***

*Trịnh Y Thư*

## *Xuân tâm*

*Tưởng đã xa rồi giấc mộng Xuân*
*Bấy nhiêu năm vẫn bấy nhiêu lần*
*Hương trầm một nén cay khoé mắt*
*Gió lạnh hiên ngoài lạnh châu thân.*

*Có lúc thử nhìn hoa Xuân nở*
*Cũng mong tìm lại chút hương xưa*
*Hay lòng chỉ thấy tràn nỗi thẹn*
*Non nước thoảng như vết bụi mờ.*

*Ngước mắt nhìn vào đêm tức nghẹn*
*Triều dâng nước vỡ hận ly tan*
*Tháng năm tim đã chừng như mỏi*
*Đốm lửa thâu canh muốn nguội tàn.*

*Buổi sáng vờ ra nhìn Xuân mới*
*Nắng tràn lên ngực ngỡ niềm vui*
*Cánh hoa trước gió lay lay nhẹ*
*Rụng xuống nền sương thoáng ngậm ngùi.*

*Hà Trung*

## *Xuân thì*

*Chiều trên thềm hoang*
*chờ đón em về.*
*Chẳng là bên nhau*
*cũng là nương náu.*
*Cho dù biết khung xưa*
*lụa đã ố rồi.*
*Một lần trơm tơ*
*cũng dấu tay người.*

*Người, tìm trên những khóm biếc*
*bóng dáng xuân qua*
*rất êm đềm*
*ngày nào đứng bên thềm.*
*Đời, chìm trong những tiếng bước*
*khuất xa xuân thì*
*mịt mù bóng ai về.*

*Một lần xa nhau*
*để lại không nhiều.*
*Một cành rơi mau*
*rét run trong chiều.*
*Một lần chờ nhau*
*ước mơ không nhiều.*
*Một dòng sông đêm*
*ánh lên chân cầu.*

*Giờ trong chiều sương*
*dìu dắt nhau về*
*Một lần bên nhau*
*ngàn đời nương náu.*
*Cho dù biết thời gian*
*làm dấu tích buồn.*
*Đời con hoang vu*
*còn cánh tay trần.*

***Hà Trung***
*.1.1.1989*

*Văn Học số 36,37/71*

*Chân Phương*

## *Thêm Một Mùa Xuân*

Tắt máy xe nhưng chưa vội rút chìa khóa, Kiệt tựa người vào lưng ghế mở đôi mắt buồn ngủ ngước nhìn cảnh vật. Ngôi biệt thự tọa lạc trên ngọn đồi trước mặt đẹp như một tấm bưu ảnh. Trời có vẻ xanh hơn mọi hôm. Một chú sóc bám vào thân cây sồi trần trụi thong thả leo xuống. Như đã nhập định từ nhiều kiếp, dăm tảng đá to nằm lặng lẽ quanh đồi. Lại một tuần trôi qua, Kiệt lẩm bẩm nói. Nghề dạy học cho phép anh ra về sớm. Mặc dù sáng phải đến lớp sớm hơn nhưng bù lại trưa nào cũng thế, độ hai giờ là anh có thể lái chiếc xe con cóc tha hồ tìm chỗ đậu bên hè đường trống trải vì các láng giềng lúc ấy đều còn bận việc ở sở làm hoặc xưởng.

Soát hộp thư vứt đi mấy tờ quảng cáo và nhặt ít phong bì, anh mở cửa vào nhà. Rửa mặt, uống ly nước suối, ăn vặt miếng bánh trái nho xong, thày giáo Kiệt cởi bộ đồ trịnh trọng thay vào cái quần jean và đôi tennis shoes. Thông thường thì anh đã đánh một giấc trưa muộn hoặc thong dong đọc ít trang sách, nghe một bản nhạc, tận hưởng chút hạnh phúc bỏ túi của những giờ weekend đầu tiên. Nhưng hôm nay anh có cái hẹn đưa con đến nha sĩ. Lại ra đường, mở máy xe, quanh quẩn mấy con đường nhỏ đến ngôi trường tiểu học, lại tìm chỗ đậu, đi tới lui chờ giờ bọn nhóc tan học.

Hình như lúc nào cũng phải tranh thủ làm thêm một việc gì đấy, anh có cảm giác như thế kể từ ngày nhập cuộc vào đời sống Hoa Kỳ thịnh vượng này. Không mua sắm, sức khoẻ, răng cỏ thì cũng thuế má, bảo hiểm, học hành chi đó... Bên kia ngã tư, chiếc cần câu khổng lồ đang xoay tròn, nhắc theo một khối vật liệu bí hiểm. Trên đầu khu phố bình dân, cánh hải âu trắng chao đi chao lại lẻ loi. Trong khi Kiệt

đang lơ đãng ngó mông, người đàn bà mặc áo khoác trắng vừa xuống trạm xe buýt bước đến phía anh hỏi nhẹ:

— Anh ra chi sớm vậy?

Kiệt ngoảnh lại nhìn vợ, hơi mỉm cười nhưng không nói gì. Lúc nào anh cũng có thể bị bất ngờ vì dung nhan của chị. Mùa đông đang lui bước và những ngày vào Xuân có vẻ nuông chiều nước da của Thanh hơn. Mắt to đen, đôi má phớt hồng, cặp môi xinh — đúng là một gương mặt được tạo hóa thiên vị.

— Em xin nghỉ việc sớm đi theo con. Có lẽ bữa nay người ta sẽ nhổ một hai cái răng của nó. Tội nghiệp!

Anh hỏi vợ vài câu thông lệ về văn phòng từ thiện nơi chị làm việc, trong đầu lại nghĩ ngợi đến chuyện khác. Cũng may vợ chồng đều có bảo hiểm răng và sức khoẻ. Mấy cái răng sữa của thằng bé làm sao chống nổi sức tấn công của kẹo bánh, nước ngọt, sôcôla của đế quốc quảng cáo này!

Cổng trường vừa mở. Bầy chim con thoát tổ la gọi rượt đuổi nhau, tức thì làm huyên náo cả góc sân. Hai vợ chồng đứng ngắm đứa con đang chạy cút bắt với lũ bạn nhỏ quanh các băng đá và mấy thân cây mới trồng giữa sân trường. Tuy không nói ra, anh vẫn cảm thấy và chia sẻ niềm hân hoan tự hào của vợ chồng khi nhìn thằng bé khoẻ mạnh nhanh nhẹn có đôi mắt và khuôn mặt sáng láng vừa chạy ào tới trước mặt hai người:

— Chào ba, chào mẹ. Bữa nay con được thêm một cái giấy khen nữa đó mẹ!

Trong khi chị sửa lại cho ngay ngắn chiếc áo ấm của con, anh đưa tay xách cả túi học túi học trò lẫn cặp da của vợ vừa cười nói:

— Xin mời hoàng hậu và hoàng tử lên kiệu rồng đi dạo mát.

*
* *

Chiếc xe ngoặt ra đại lộ Commonwealth, phóng nhanh qua mấy đoạn đường lồi lõm. Đường xá Boston có lẽ xấu nhất nhì nước Mỹ, cứ hết mùa đông tuyết giá là nứt nẻ, hư hao nhiều thêm. Đến một ngả tư lớn, Kiệt ép xe qua lane trái, chờ mũi tên xanh bật cháy.

— Anh có biết đường đó không?

— Yên tâm. Tay nha sĩ này ở gần rạp chiếu bóng anh đưa em đi xem mới tháng trước đây.

— Anh nói hay lắm. Chốc nữa rồi lại lạc đường cho xem.

Kiệt bật cười, vừa sang số vừa rẽ theo cho kịp xe đằng trước. Anh quá biết tính hay lo vặt của vợ, nhứt là chuyện xe cộ đường xá. Chị vẫn thường gây anh, rầy rà khi thì vượt đèn vàng, khi thì qua mặt ẩu, khi thì chạy lấn đường... Trong khi Thanh không biết rằng chồng mình phải timing trong đầu từng phút đồng thời phải chú tâm so sánh đoạn đường trước mặt với những đường gạch chi chít trong bản đồ

mà anh vừa cố học cho thuộc sáng đó hoặc đêm trước. Chị không lái xe nên không thể hiểu sự đãng trí lúc nào đó có thể xảy ra cho một bộ thần kinh bị chi phối cùng lúc bởi bao nhiêu là dữ kiện: Thời khắc, những ngả đường chưa quen, sự nhọc mệt của thần trí, đàn xe hung hăng giành lối cho kịp buổi hẹn kinh doanh hoặc tâm tình gì đó. Và làm sao anh có thể giải thích cái phương trình vừa tâm lý vừa toán học của những tế bào não bị bão hòa vì phải xử lý trong chớp mắt quá nhiều tín hiệu thông tin.

Bỏ lại sau lưng cái hồ nước rộng, anh phóng xe qua khu Brookline. Hai bên đường, hàng cổ thụ trơ cành nhánh đâm vào thinh không im ắng. Các tòa biệt thự kính cổng cao tường của dân Do Thái trưởng giả nằm thiếp giấc dưới ánh nắng ấm buổi chiều. Anh còn nhớ lần đầu bị lạc tại vùng này, cả tiếng đồng hồ lái xe vòng qua vòng lại, sau khi đã mở tấm bản đồ rách bươm dò tìm định hướng nhiều lần, cuối cùng phải ghé trạm xăng nhờ chỉ dẫn. Thành phố này còn mới đối với anh; thu đông mới có hai mùa vật lộn với nó thì làm gì mà thuộc hết chưa được các ngóc ngách của đại đô thị văn hóa này. Chỉ có hai tuyến đã trở thành thân quen với Kiệt: từ nhà xuống phố Tàu và từ nhà qua khu Cambridge nhờ những buổi cơm cuối tuần có cánh chua với cá kho và những chiều nhâm nhi với bánh tây cùng bạn làm việc bên trường Harvard.

— Đèn đỏ, đèn đỏ sao ba chạy luôn. Cậu bé ngồi băng sau bỗng la lớn.

– Cám ơn chú. Trong xe này có thêm một cảnh sát lưu thông nữa từ khi nào vậy, hỡi má cu Bi?

Anh vừa đùa chọc vợ, vừa giải thích cho con là phải nhìn kỹ xem cái đèn đỏ ấy nằm ở đâu, chính giữa hoặc bên trái hay bên phải, chạy hay nhường là tùy vào lane đang chạy và đèn lưu thông tương ứng với lane. Chị không cười, có lẽ bị căng thẳng vì tốc độ chiếc xe hơi nhanh và con đường hai chiều không được rộng lắm:

— Anh coi chừng ngã tư đằng trước. Thắng bớt đi, có chiếc xe vừa thò đầu ra đó.

— Nó phải ngừng bảng stop nhường đường cho mình mà.

Anh chịu khó phân trần với vợ vừa bật đèn hiệu quẹo phải. Chiếc xe nhập vào dòng lưu thông chiều thứ sáu trên đường số Chín. Sau vài lần ngừng đèn đỏ, anh bẻ tay lại quẹo vô khu thương xá Chestnut Hill, vòng ra bãi đậu phía sau cho xe chạy chậm lại tìm chỗ vào. Bước ra đóng cửa xe xong, Kiệt nhìn đồng hồ tay nói với vợ:

– Còn năm phút mới tới giờ hẹn, người đẹp yên bụng chưa?

*
* *

Đưa Thanh và con đi tìm phòng nha sĩ xong, anh trở lên cửa chính của dưỡng đường với cuốn truyện trên tay. Lúc nào trên xe

cũng có bỏ theo vài quyển sách, phòng hờ những lúc chờ đợi lâu lắc như thế này. Ngồi trên chiếc ghế gỗ cạnh máy điện thoại ngay phía sau tấm kính cửa lớn ra vào, anh lật sách tìm cái truyện ngắn đọc dở. Đọc được khoảng nửa trang , anh xếp sách lại cảm thấy khó thể tập trung tư tưởng theo dòng chữ chi chít lâu hơn. Có lẽ vì thiếu ngủ và mấy buổi dạy liên tiếp phải nói quá nhiều, Kiệt nghĩ bụng.

Anh nhắm mắt ngồi yên một chập đoạn đứng lên đi quanh quẩn trong dưỡng đường. Xuống mấy bậc thanh dẫn qua khu nha phòng, anh đứng ngắm mảnh vườn giữa nhà trang trí theo kiểu Nhật. Hai tảng đá to dựng thẳng bên nhau, khe suối ở giữa chảy róc rách xuống cái bồn nước tráng men xanh lơ thả mấy cánh bèo, bông súng. Cảnh này đã trở thành thời thượng, ở đâu cũng gặp suối giả, bồn nhân tạo, đồng xu vứt đầy bên trong. Không chịu được cái khiếu thẩm mỹ lai căng nửa mùa của tác giả công trình, Kiệt leo trở lên lầu đi vòng bao lơn, ghé vào tiệm thuốc tây ngó bâng quơ các nhãn thuộc cảm mạo nhức đầu, đoạn bước trở ra sau khi đã trả tiền mua gói kẹo bạc hà. Anh đến gần cửa ra vào, tay bóc bỏ viên kẹo, mắt ngắm khoảng trời trên bãi đậu xe. Một cặp vợ chồng già đến trước cửa, bà dìu ông đi từng bước nhỏ khó khăn. Kiệt kéo giùm họ tấm cửa kính đồ sộ, nhìn theo người đàn ông Mỹ luống tuổi có đôi mắt sưng mở hết lên và gương mặt trắng xám không còn thần khí. Lại tim mạch hay gan thận gì đây, anh nghĩ thoáng rồi trở lại chỗ ngồi khi nãy tựa vào sát vách nhìn ra ngoài. Chẳng biết cu con có đủ can đảm nằm yên chịu đựng cơn thử thách kéo dài của những mũi khoan, kim chích tê và kềm nha sĩ hay không?

Nhìn mấy hàng cây trụi lá cuối bãi đậu và bầu trời hanh xế không mây một lúc chán, Kiệt quay vào đọc danh sách các bác sĩ và chuyên khoa của họ gắn trên bảng chỉ dẫn lớn nơi phòng đợi. Dưỡng đường nằm giữa khu nhà giàu nên tập trung được nhiều danh y và có thể trị liệu gần hết các chứng bệnh thông thường như tim mạch, tiêu hóa, phụ khoa hoặc đặc biệt như giải phẫu thẩm mỹ và tâm trí. Trong lúc anh đang đọc, một đôi vợ chồng già khác đưa nhau ra. Bà nhỏ người nhưng tráng kiện hơn ông, một lão to cao khoát áo coat nặng nề lom khom nhích từng bước. Bà dìu ông ra xe rồi ngồi vào chỗ lái, lanh lợi điều khiển chiếc xe Hoa Kỳ dài đắt tiền mới toanh ra khỏi bãi. Anh có cảm giác mình đang chứng kiến một cuộn phim tài liệu về ngày tàn của giới middle class, bối cảnh là khu thương xá, bãi đậu xe nặc danh kia, thành phần diễn xuất là khách hàng của dưỡng đường sang trọng này. Đây là đoạn cuối ít lời nhất, đáp số cho phương trình vĩnh cửu, thăng hoa những sai lầm chứng khoáng, dâu bể thị trường và cuộc việt dã đua tranh. Kiệt chợt nhớ lại một đoạn Cựu Ước nói về cái chết và chuỗi ngày cuối của cha anh, câm lặng và bán thân bất toại.

Một chị trẻ tuổi vừa ra khỏi phòng khám, bông băng quấn kín phần mũi. Kiệt ái ngại nhìn nét mặt lo âu của cô nàng, chẳng hiểu vụ

giải phẫu thẩm mỹ vừa xong mỹ mãn hay là có vấn đề. Ôi thân xác con người, ôi mắt mũi cằm môi ngực! Cũng may mình không phải là đàn bà của cuối thế kỷ hai mươi này... Rảnh tay, anh lại kéo cửa cho một ông lão thấp béo, đầu đội nón dạ đen và quàng khăn kín cổ. Tay túm bao giấy thuốc men, ông ta hơi khập khiễng bước về góc thương xá đằng kia. Người khách tiếp theo bước vào là một giai nhân cao hơn Kiệt nửa đầu, tóc hung và đôi mắt đen tô viền đậm. Kiệt không thể không chú ý đến cặp chân săn và thon , o cuisses nerveuses et fines, và màu son burgundy kiêu kỳ. Khỏe đẹp, trẻ trung như thế chẳng lẽ có bệnh kín hay là, Kiệt chơi trò đoán mò, hay là divan psychanalytique giải tỏa ẩn ức. Có thể lắm, các cơ thịt hơi căng quanh khoé môi và ánh mắt phẫn hận đã chẳng tố giác một não trạng không được bình an cho lắm hay sao? Anh lại liên tưởng đến những đêm trằn trọc mất ngủ của Thanh, những chiều chúa nhật cau có, thiếu hòa khí giữa hai vợ chồng vì cơn stress cổ điển trước ngày thứ hai.

*
* *

Đang miên man nghĩ ngợi về cái giá phải trả để sinh tồn giữa tốc độ, âm thanh và cuồng nộ Tân Anh Quốc, mơ màng hồi tưởng một ngày đạp xe thăm vườn ở Lái Thiêu hoặc buổi trưa nào nằm ngủ ổ rơm giữa làng quê Quảng Nam, tuần trăng mật ngày xưa với vợ trên Đà Lạt và những cuộc đi dạo thong dong của hai người trên mấy ngọn đồi thơm mùi nhựa thông lãng đãng mây trắng trên đầu, anh quên không kịp kéo cửa cho cặp vợ chồng già ban nãy vừa trở ra. Thần khí ông ta không có gì khá hơn lúc đầu dưới đôi mắt húp như bị phù thủng nặng. Tựa hẳn vào bà, ông lê chân cố bước về chiếc xe đậu gần. Cái ngày phải dùng xe lăn và cáng cứu thương đối với lão không còn xa lắm. Cuộc hẹn cuối cùng! Kiệt được dịp xem lại khúc phim câm lần nữa: bà mở cửa đỡ ông ngồi xuống nệm xe xong, trở qua cầm lái đưa chiếc xe sang trọng chậm chạp lăn bánh khỏi bãi. Anh buồn cười nghĩ đến bao nhiêu triệu lão ông khắp nước Mỹ và cuốn sách anh đọc trước đây cũng khá lâu nói về những tài sản kếch sù đủ loại của Hoa Kỳ nằm trong tay các góa phụ được tạo hóa thiên vị cho phép được hít thở khí trời thêm dăm bảy mùa xuân. Đó là lý do giải thích sự phồn thịnh của nhà thờ, và cũng ít ai có thể ngờ đến cái kết thúc rất triết lý là của César lại được trả về cho Chúa.

Kiệt đã ngậm đến viên kẹo thứ ba mà chẳng thấy vợ con động tịnh gì. Để đỡ sốt ruột, anh lục tìm đồng cắc bỏ vào máy điện thoại cho tay bạn thân bên Cambridge, định bụng hẹn một chầu cà phê đấu láo sáng thứ bảy. Tiếng chuông réo vang ở đầu dây bên kia, anh kiên nhẫn đếm đến tiếng thứ mười mới móc ống nghe trở lại máy, rồi ấn cần lấy lại đồng cắc bỏ vào túi. Anh chàng giờ này chắc đang nhai croissant và uống cà phê đen trước một bản kinh Tây tạng rắm rối ở cái quán góc

square ồn ào náo nhiệt, thỉnh thoảng đưa mắt ngắm các tay ghiền đang chú mục vào mấy con hậu con mã bằng gỗ khắc ở các bàn bên cạnh. Kiệt lại thả rong ý tưởng theo mấy quán sách, tiệm nhạc, lẫn lộn trong đầu quá khứ và hiện tại, cất bước lang thang ở một nơi nào đó không cụ thể rõ ràng, có thể là New York hay Sài Gòn, Nam Vang hay Hà Nội, Huế hoặc Manila, đốt điếu thuốc trí nhớ bên một bờ sông quen hay một góc phố lạ, ngắm chút ánh nắng không biết có phải đang lung linh trên những tàng cây cuối bãi kia hoặc vừa hắt đến từ lăng kính bụi mờ của hồi ức xa xăm... Buổi chiều thứ sáu lặng lờ trôi chậm. Xe đậu gần kín bãi, thanh niên thiếu nữ với các kiểu xe thời trang gọn đẹp tấp nập ghé vào. Kiệt nhớ đến rạp chiếu bóng bên cạnh và cuốn phim ăn khách từ vài tuần rồi; lại liên tưởng đến tuổi trẻ và những cuộc vui vô tâm của anh ở một thời cổ tích biền biệt ngút ngàn...

*
* *

Sau lưng anh chợt nổi lên nhiều tiếng chân trên mấy bậc thang. Kiệt phân biệt được những âm thanh những bước trẻ con chạy gấp và anh quay lại. Thằng bé con anh, miệng ngậm đầy bông gòn thấm loang máu, chạy nhanh tới ôm chặt lưng cha, ánh mắt vui mừng vì đã thoát nạn. Đằng sau, vợ anh khoan thai dìu một bà đưa ra cửa, vừa đi chị vừa trò chuyện nhỏ nhẹ với người đàn bà ngoại quốc xấp xỉ sáu mươi. Đẩy cửa kiếng cho bà xong, chị trở ra nắm tay con và nói với chồng:

— Con nó giỏi lắm. Y tá, nha sĩ đều khen là ít con nít nào can đảm bằng.

Kiệt vuốt má con rồi xoay qua ngắm Thanh. Anh buột miệng nói, nửa thật nửa đùa:

— Từ nãy giờ ngắm thiên hạ vào ra, già nua, bệnh tật, mỏi mệt, anh hơi cảm thấy bi quan. Nhìn thấy em tươi đẹp giữa chỗ này, anh cứ ngỡ mình chiêm bao. Cũng may là anh còn em còn con trên cõi đời này.

— Thôi đi, chàng thi sĩ gàn của tôi. Con nó đói bụng rồi và em cũng mệt. Anh rán chạy cho cẩn thận, lái xe đưa mẹ con tui về đến nhà rồi muốn chiêm bao tiếp cho tới sáng mai cũng được.

*
* *

Họ lên xe ra về. Lúc lái qua trước dưỡng đường, Kiệt để ý thấy bà lục tuần đi với Thanh lúc nãy chưa về. Ngồi trên mép bồn hoa cạnh cửa, bà ta ngước mắt nhìn về phía trời xa nơi thỉnh thoảng có đàn chim bay qua mấy tàn cây. Gương mặt héo hắt của bà lúc ấy ánh lên một niềm hân hoan khó tả. Kiệt chợt nghĩ ra, có lẽ bà ta đang chờ đợi mùa Xuân. Sáng nay ở trường anh, cô giáo Mỹ dạy lớp bên cạnh đã

khoe với anh đóa hoa cô ta mang vào để trên bàn vừa nói:

— Anh có vui không? Mùa Đông sắp từ biệt chúng ta rồi đấy.

Anh cho xe chạy theo lối cũ, rẽ đại lộ Commonwealth thẳng xuống đường Harvard quẹo trái rồi ghé tiệm rượu lớn ở ngã tư. Tìm kiếm một hồi, anh đổi ý định mua một chai Pouilly-Fuissé cuvée spéciale thế mạng cho mấy lon bia. Trở vào xe, anh mở máy vừa bảo với vợ:

— Tối nay thi sĩ mời em nhậu rượu vang. Miếng phó mát roquefort mua từ Tết tới giờ ăn chưa hết nửa, tối nay anh sẽ lai rai cho nó khỏi bị quá đát.

Ngừng xe lại giữa ngã tư chờ cho mấy chiếc xe khác chạy qua, Kiệt tình cờ liếc thấy ánh trăng mọc sớm cuối phố. Mặt trăng không còn tròn đầy mà đã hao khuyết khá nhiều, chênh vênh bên mép dãy nhà nhiều tầng tróc vôi cáu bẩn. Vừa nhấn ga vọt tới, anh vừa nghĩ bụng: nguyên tiêu qua mất mấy ngày rồi, giờ mới hay.

*Chân Phương*

*Hoàng Xuân Sơn*

## *Thơ hồng*

*Vẫn làm thơ khi chân nhịp máy*
*Vẫn nhìn đời lăng kính màu xanh*
*Ở khúc nào lòng không ấy nảy*
*Buồn vui đâu là của riêng mình*

*Hãy bước tới bước tới bước tới!*
*Đi trên những mảnh tình còn xuân*
*Cửa rộng mở cho lòng phơi phới*
*Vòng tay ôm nhịp sống đơn thuần*

*Như nhịp đập trái tim kỳ diệu*
*Sống vẫn đây sống hẳn còn đây*
*Dù hệ kiếp hao mòn thân tượng*
*Tâm dung ơi bát nước tràn đầy*

*Hãy cúi xuống chưa từng bắt gặp*
*Bóng nhỏ nhoi theo suốt chặng đời*
*Như bào ảnh có là chân ảnh*
*Ngắm nụ cười độ lượng hồng tươi.*

*Nguyễn Thị Ngọc Nhung*

# *Trông về quê mẹ.*

*Chiều chiều ra đứng cửa sau*
*Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.*
(Ca dao)

Dì tôi qua đây hai năm mà dì đã ở ba bốn tiểu bang khác nhau. Nhưng đó không phải là ý muốn của dì, bởi dì ở chung với con gái và con rể. Chúng dọn đâu dì theo đó. Lúc dì ở Hawaii, dì viết thư nhiều và dài, ý chừng dì buồn lắm.

*Dì ơi, bên này có xoài tượng, có mít, có ổi giống Việt Nam mình lắm. Dì có qua đây, ăn một bụng thỏa thuê. Lá chuối xanh mướt, tha hồ mà gói bánh. Dì qua chơi với tôi, chị em mình gói bánh tét, bánh ít nhưn dừa, nhưn đậu mà ăn. Sao tôi nhớ nhà quá dì ôi. Má tôi năm nay già quá rồi mà hổng có đứa nào thương. Gởi cho má tôi vài trăm mà tụi con Hường cũng chận lấy mất. Tội nghiệp má tôi già yếu, năm nay cũng gần chín chục. Con mắt hết thấy đường, con cháu không ai lo, để bà mò đường mà đi. Dì ôi, tôi khóc hết nước mắt mà không biết làm sao. Đời tôi nhiều cay đắng quá dì à.*

Người mà dì gọi bằng dì trong thư là má tôi, dì gọi theo con gái dì, chứ má tôi vai em, má dì là chị ruột của ông ngoại tôi. Dì siêng viết thư cho má tôi, cái nào cũng đầy tình cảm chân thành. Dì gởi tấm hình dì đứng bên cây xoài tượng, trái đeo lủng lẳng đầy cây. Một tấm khác, dì mặc quần ngắn ẵm cháu ngoại đứng bên hồ nước cạn, sau lưng là đám chuối rậm rạp. Ba tôi khen dì "tiến bộ", chịu mặc quần ngắn chớ như

má tôi thì chắc là không bao giờ. Dì viết như đang nói:

*Có bữa tôi buồn quá dì ôi. Nhớ đủ thứ chuyện. Nhớ hồi đó thằng Phú lạy xin chị mà chị thương nó quá. Em có nhớ nó không. Nó gạt ba chị lấy tiền. Lúc gần chết, nó ăn năn. Chị thương nó muốn đứt ruột.*

Đọc tới đoạn này, má tôi ngừng lại, cố nhớ để giải thích với tụi tôi "thằng Phú" là ai mà dì tôi "thương muốn đứt ruột".

— Dì tụi bây nhớ dai thiệt. Thằng Phú này, để coi, nó gạt dượng Sáu là ông già của dì, gặt tiêu đám lúa bên Tam Cảnh, nói là góp cho Việt Minh mà thật ra là bỏ túi xài riêng. Rồi đã xong đâu, nó rao với tụi Việt Minh là dượng Sáu móc nối với Tây lúc nó ruồng. Báo hại cả nhà dì bị một phen lên gan lên ruột mất tài sản, thiếu chút nữa thì đói. Sau này, thằng Phú bị chặt đầu, tội chi thì má không biết nhưng lúc sắp chết, nó lạy chị ăn năn hối lỗi. Nó hại cả nhà dì mà dì cũng tha lỗi cho nó được, thiệt cái dì này, bụng còn lớn hơn thúng nia.

Mà bụng của dì tôi lớn thật. Dì không thù ghét ai cả. Ngay cả chồng dì, bỏ dì đi lấy người khác, rồi bỏ người đó, bỏ luôn con, dì cũng không nói lời nào, đem đứa nhỏ về nuôi tới lớn. Em chồng dì, bỏ con để tái giá, dì cũng đem về nuôi luôn. Mà phải dì giàu có thì nói làm gì, đằng này, dì nghèo lắm. Gia sản ông cha thì lúc Việt Minh nổi dậy thì đã tả tơi không còn bao nhiêu. Sau tới thời cộng hòa thì biến thành vùng xôi đậu, dì tản cư ra chợ rồi trôi lên Sàigòn. Dì sống bằng cách nấu xôi chè bán dạo. Lâu lâu, nghe tụi tôi có đứa nào thi đậu bằng chi, dì đem qua một nồi chè đậu để thưởng. Dì làm bánh nấu chè, nhất định không ai bằng. Dì viết cho má tôi như thế này:

*Con Nhãn sướng lắm em à. Chị nghĩ trời thương nó nên độ chồng nó làm ăn khá. Tháng mười này chồng nó về hưu. Tiền hưu chính phủ trả thấy mà ham. Tụi nó sẽ dọn về Cali mua nhà. Chồng nó có mấy hãng lớn mời làm. Nó may mắn làm gì ôi. Nhưng nó không hiểu tôi dì à. Tôi nấu chè không ai ăn. Tôi làm bánh nó không rớ tới. Còn biểu má không lo hưởng thụ, nấu nướng chi ba cái đồ mất công. Dì ôi, chị làm sao hưởng thụ được khi bà con ở nhà chết đói? Chị có được đồng nào, gởi về nuôi má chị với đám con dì Năm Tỉnh, đám con của con Phí. Vậy mà có đủ đâu. Gởi hoài, xin hoài. Như bỏ muối vô biển. Dì ôi, đọc thư xin tiền mà chị đứt ruột, nước mắt rớt hồi nào không hay. Con Nhãn không cho chị đọc thư, nói là má khóc hoài tôi trả thư lại cho người gởi. Thành ra chị đọc thư, khóc mà phải giấu. Nó đâu hiểu được bụng tôi. Mình thương quê cha đất tổ. Thương từ cái nhà lá cho tới cây dừa, đường mương cho tới con rạch. Nó đi lâu quá rồi nên quên hết trơn. Nó biến thành Mỹ rồi dì ơi. Tôi buồn con cái quá. Thấy tụi nó thành danh giàu có mà mừng nhưng mình với nó không hiểu nhau được. Nên tôi buồn mà không nói ra. Dì ôi, con của dì đứa nào cũng dễ thương hết. Tụi nó biết thương dì chớ con tôi thì nó cũng thương tôi nhưng nó không chịu hiểu tôi. Hôm nào dì nghỉ ba bốn ngày, qua đây chơi với tôi, hai chị em mình tâm sự ngày đêm không*

*hết. Em ôi, mình lớn tuổi rồi, sức còn được bao lâu. Thôi, em nghe chị, nghỉ đại vài bữa đi chơi. Mấy đứa nhỏ con em cũng giỏi dắn, em giao hết cho tụi nó làm, đi chơi với chị, mình hú hí với nhau, chị em già, nói chuyện ngày xưa cho đã miệng.*

Thư dì viết, ba hồi xưng tôi, bốn hồi kêu em, xưng chị nhưng dì viết rất chân tình nên má tôi đọc mà rưng rưng nước mắt. Chị Nhãn là con gái lớn của dì, có chồng Mỹ, được ba trai. Dì thương cháu ngoại lắm, viết cho má tôi:

*Thằng Tommy hồi tôi mới qua, nó lạ lắm. Cứ hỏi má nó tôi là ai. Nó dễ thương lắm dì ơi. Đi theo tôi hoài, nắm tay hun hít. Tụi nó không biết tiếng Việt, kêu tôi bằng nó này nó nọ. Tôi nghe mà bắt tức cười. Mà dì coi, tôi đâu có biết tiếng Mỹ nên bà ngoại nói chuyện với cháu phải ra dấu như người câm. Hai đứa kia lớn rồi nên chê ngoại, chỉ mình thằng Tommy chịu chơi với ngoại. Tôi hỏi nó sợ ai thì nó nói là sợ ba nó. Thằng rể của tôi hiền lắm dì à, nhưng mà khi nó nổi giận thì chó mèo cũng tìm đường mà trốn. Nó la một tiếng từ trên xuống dưới im phăng phắc. Coi vậy mà nó không khó bằng con Nhãn. Em coi, xứ văn minh thì người ta tắm bồn, tắm vòi sen. Mình hổng quen nên để nước văng tùm lum ra ngoài. Vậy mà nó cũng la tôi um xùm. Tôi buồn lắm dì ơi. Nhà quê mình hồi đó, nhảy mương tắm, có sao đâu. Tụi nó văn minh, mình nhà quê, làm tụi nó tủi hổ thì chị không muốn. Dù gì thì mình đang ở chung với nó. Nó la chị hoài, nói má không tiến bộ. Chị buồn hết sức em ơi, khóc ngày khóc đêm. Mà khóc thì cũng phải dấu nó, không thôi nó cũng la. Nói má khóc hoài kỳ vậy? Bảo lãnh má qua đây rồi má phải vui chớ, thoát khỏi địa ngục rồi sao má lại khóc? Nó không hiểu mình, em ơi.*

Má tôi nói chị Nhãn quên mình là người Việt. Chồng chị có chức vụ cao trong quân đội nên chị hĩnh mũi. Có khác gì các bà tướng bà tá hồi đó đâu!. Cỡ thấp thì không thèm giao thiệp, chỉ chơi với các bà có chồng cùng cấp bực hoặc cao hơn thôi. Chị Nhãn có tiền nên siêng đi mỹ viện. Chị sửa mũi, sửa mắt, cắt môi, cắt đồng tiền, v.v... chị sửa nhiều đến độ chị hết giống người Việt mà giống lai Tây lai Mỹ. Giải phẫu quá trớn nên nét đẹp chị cứng ngắc như pho tượng vô hồn trong khi trí nhớ và tính tình thay đổi. Dì tôi viết:

*Con Nhãn tính đi căng da bụng hay lột da bụng gì đó, tôi không biết, nó sợ sanh để nhiều bụng xấu xí chồng chê. Tôi thấy nó làm chuyện tầm xàm mà buồn. Chồng nó cũng lớn tuổi rồi chớ phải còn trai trẻ đâu mà sợ nó đi chơi theo gái. Hơn nữa, con Nhãn cũng gọn gàng, không có xồ xề chi hết. Nhưng dì à, nó có tiền, muốn làm gì thì làm. Phải chi nó nhín ra một chút tiền sửa sắc đẹp đó, gởi về nuôi đám con dì Ba Cửu ba tháng. Thấy nó phí tiền mà tôi đứt ruột. Nó đâu thèm đọc thư Việt Nam gởi qua, nói là thư xin tiền, đọc phí thì giờ! Dì ôi, nó đâu hiểu, quê cha của mình. Chị đọc thơ coi bà con ai còn ai mất, ấy, nó đâu thèm hiểu cho chị. Người ta nghèo đói quá phải cho*

*xin tiền chớ. Có người về Việt Nam, chị gởi cho má chị một trăm, dì năm Tỉnh một trăm, con Phi một trăm, vợ chồng tám Nho năm chục, con Ên năm chục, vợ chồng tư Sào một trăm. Đi biết năm trăm rồi dì thấy không. Tội nghiệp con Trà, làm lương có đồng nào dốc ra gởi hết cho bà con. Thấy nó gởi mà tôi đau lòng bị không có tiền phụ nó. Đi xin tiền xã hội thì con Nhãn không cho mà làm bánh nấu chè bán cũng không được. Nó nói má làm nhục con. Trời đất, em ơi, chị lấy tiền đâu ra mà gởi nuôi má chị? Hổng lẽ chị đi xin nó? Nó còn gia đình con cái phải lo, chị cũng hiểu, nêu đâu dám bắt nó nuôi thêm bà ngoại. Không phải nó quên ngoại nó nhưng nó nói gởi nhiều thì đám bà con quanh ngoại nó giành giựt lẫn nhau chớ ngoại già rồi, ăn uống bao nhiêu. Thà gởi ít, không ai thèm giựt của bà già thì bà già mới có cháo húp qua ngày. Nó lý luận như vậy thì tôi biết nói sao. Chuyện tranh giành thì cũng không phải lỗi ở bà con mình. Ai cũng đòi hết trơn nên túng phải làm càn. Tôi hiểu vậy nên nhắm mắt mà gởi, đứa nào thương ngoại nội thì dành lại cho bà già, đứa nào lủm hết thì thôi. Con Nhãn có tiền mà xài kỹ lắm dì ôi trong khi con Trà nghèo hơn mà xài rộng rãi.*

Trà là em ruột chị Nhãn, con út của dì tôi. Chị sống gần San Diego. Chị đẹp lại có duyên, hiền lành, nhiều người theo đuổi nhưng không hiểu sao, chị cứ sống một mình. Nên dì tôi than:

*Con Trà nó kén lắm em. Có thằng kỹ sư người Đài Loan đi theo nó mà nó không ưng. Chị nói nó kén lắm rồi ở giá mà nó không nghe. Coi bộ nó nhìn cao. Con cái nói không nghe thì thôi. Nó nói với chị là nó không muốn lấy chồng sớm. Dì ôi, nó đã ba mươi mấy rồi. Nó nói má lấy chồng sớm rồi khổ vì chồng vì con nên nó không muốn khổ giống tôi. Ừ, mà số tôi khổ thiệt dì ôi. Chồng tôi viết thơ xin thuốc trị lao. Tội nghiệp con Trà gởi tiền cho ba nó hoài, nuôi lũ em khác mẹ. Tôi cũng tội nghiệp ổng, bị lao nặng lắm em à. Chắc cũng có ngày ho ra máu mà chết. Lũ con đông quá, biết lấy gì ăn. Nghe than mà chị tủi quá. Hồi chị đi, chị có cho bên đó mấy chỉ vàng. Đem theo mà làm gì. Chị nghĩ qua bên này sung sướng, mấy chỉ vàng nghĩa lý gì. Vậy mà có mấy bữa đã xài hết. Chị tới đây mới có một tháng đã nhận được thư xin tiền của ổng. Khổ quá em ôi. Chỗ này khí hậu giống xứ mình qúa nên chị càng nhớ nhà hơn. Chừng nào em muốn dưỡng già, về đây hai chị em mình cất cái chòi ở chung cho vui. Tụi nhỏ nó giống Mỹ quá, mình ở không được mà mình không vui thì tụi nó cũng buồn lây. Chị không muốn con cái khổ vì chị nên nó nói gì chị nghe nấy. Con Trà không chịu lấy chồng cũng không sao. Miễn nó vui vẻ là chị mừng cho nó. Em à, cháu ngoại của em còn có đứa biết nói tiếng Việt, chớ cháu ngoại của chị, phân nữa là Mỹ rồi, đâu có bắt nó học tiếng Việt được. Thằng Tommy biết kêu bằng ngoại là hay lắm đó. Ba nó đâu có muốn nó học tiếng Việc làm chi vô ích. Ba nó là Mỹ mà. Thành ra cũng phải. Em ơi, nhập giang tùy khúc vậy. Chị cũng lên dạy cho thằng Tommy*

*tiếng Việt nam mà phải dặn nó đừng cho ba nó biết.* Ổng la một tiếng là mấy mẹ con chạy như vịt. Coi nghiêm vậy mà nó dễ thương hơn con Nhãn đó dì. Con rể mà nó cũng biết để ý lo cho tôi. Lâu lâu thấy tôi buồn thì nó hỏi má có muốn về Cali thăm bà con để nó mua vé. Còn con Nhãn thì còn lâu. Nó ngu lắm. Bà con là cái tình thắm thiết không bỏ được. Huống gì, chị em mình mấy chục năm rồi. Chị nhớ như in lúc nhỏ, em háu ăn. Ăn khoai thì ăn một rổ. Ăn bắp thì ăn ba bốn trái. Bởi vậy mà em tròn vo, dễ thương hết sức trong khi chị hay buồn, biếng ăn nên lúc nào cũng ốm o. Qua đây rồi, ăn cái gì cũng không thấy ngon, nên chị ít ăn lắm. Thịt thà ăn làm chi, thêm nặng bụng. Mà nhìn miếng thịt là chị muốn khóc rồi. Ở nhà, kiếm một miếng mỡ đỏ con mắt không ra. Cứ chiều chiều là chị buồn hết sức. Nhớ nhà, nhớ cha nhớ mẹ. Nhớ luôn cây chuối bè rau muống dẫy rau lang. Nhớ chuyện em chị chết oan vì mối đò dọc. Em thấy đó, tụi thằng Tám Còi hại em chị, chặt đầu thằng nhỏ không thương tiếc. Lập tòa án nhân dân, mà dân nào lại đi xử mấy cái chuyện oan ức như vậy? Thành ra cũng chỉ có mấy đứa Việt cộng thôi chớ đâu có ai. Tụi nó trói kẻ em chị gãy lìa cánh tay, xét nhà thấy có miếng kiếng coi mặt rồi tri hô lên là em chị làm gián điệp. Em ôi, chị tưởng như mới hôm qua đây thôi, còn nghe nghẹn trong cổ họng. Vợ chồng tám Còi ban ngày làm dân, đưa đò, ban đêm làm giặc về giết hại dân lành. Hễ nhắc tới thì chị buồn lắm em à. Bây giờ, nghe đâu thằng Tám không nhà không cửa, làm cha liệt sĩ đó nghe, lại có công giải phóng, mà không có được cùi bắp để cạp. Quả báo hết dì ơi. Xưa hét ra lửa, chặt đầu đồng bào như đi gặt luá, rồi có sang qúy hơn ai đâu? Ấy, chị xá tội cho tụi nó, trời hại tụi nó không có chổ cắm dùi, bây giờ già rồi mà không có miếng ăn, phải đi ăn mày đồng bào. Thôi, chị cũng xá tội cho tụi nó, mình khổ quá, thêm oán thêm thù đâu có lợi lộc gì cho ai.

Thư dì viết, chuyện này nhảy sang chuyện kia. Đang từ năm tám mươi mấy, dì nhảy cái rột về năm bốn mươi mấy rồi làm cái ổ, trở lại thời đại nguyên tử. Dì nói chuyện quẩn quanh. Dì nhớ nhà quá nên men theo trí nhớ. Dì viết như nói. Thư dì viết dài ba bốn trang giấy lớn, chữ xiêu vẹo không ngay hàng thẳng lối dù trên giấy có gạch hàng màu xanh. Có khi, dì viết lộn xộn, tụi tôi đọc hoài không ra nghĩa, ý dì mau hơn tay viết nên dì dứt ngang câu để nói chuyện khác. Đọc tới đó, bỗng nhiên không hiểu dì muốn nói gì, có khi má tôi nhẩm đi nhẩm lại như cố tìm cái ý trốn lánh đâu đó dưới mặt chữ mà vẫn không ra. Bà đưa em tôi đọc, rồi đưa ba tôi, đưa giáp vòng hết nhà mà có khi đành chịu, không ai hiểu nổi dì muốn nói gì. Có thư dì nói về bệnh tật:

*Dì ôi, con Phi viết thư xin thuốc. Nói chồng nó ung thư bao tử nặng lắm, lở lói bên trong. Còn con Hai, cháu thằng tư Sào, kể là đốn củi trong rừng rủi ro sao mà chặt trúng chân. Làm độc, có giòi, xin thuốc ghẻ. Má con Hường thì xin thuốc lao. Nói con Cưởng bị ung thư óc. Dì ôi, thư Việt Nam cái nào bệnh cũng gần chết. Tôi đọc mà*

*nổi da gà. Tiền thì không có lấy đâu mà gởi. Nước Việt Nam của mình bây giờ là một ổ vi trùng khổng lồ. Bệnh ung thư, bệnh cùi hủi, lao phổi, đau màng óc. Em ôi, chị muốn mua hết thuốc ở đây để gởi về cho bà con nhưng ngặt không tiền. Xin con Nhãn thì coi sao được. Nó nói má mua cho má thì con đưa, mà má mua cho mấy người ở Việt Nam thì dẹp. Em ôi, chị thấy mình ở đây cũng khổ nhưng vẫn còn sướng hơn bà con ở bên đó. Thành ra em đừng có buồn giống như chị mà chết sớm. Người già ở đây coi bộ khổ quá em à. Em nên vui sống để khỏi bệnh tật mà khổ con cháu. Nghĩ tới ngày nào đó, mình cũng sẽ già yếu bệnh tật mà khổ con cháu. Nghĩ tới ngày nào đó mình cũng sẽ già yếu bệnh tật mà chị buồn. Chị mong mình chết thật an lành, khỏi bệnh tật tốn hao tiền của của tụi nó, chớ không phải chị sợ bệnh tật đau đớn.* Ở đây, gì hở ra cũng tiền. Riết rồi nói đến tiền, chị ớn lắm. Tối chị ngủ không được. Cứ nhắm mắt là nằm mơ thấy nhà ba chị hồi đó. Mau quá mấy chục năm rồi dì ôi. Bây giờ ăn cái gì chị cũng không thấy ngon, bị nhớ quê hoài, bụng dạ đâu mà ăn. Tôi sụt hết năm ký. Thấy hình dì mập ra, chị mừng cho dì. Em à, trời lạnh, em nhớ mang vớ cho ấm chân. Bên này khí hậu mát mẻ như Việt Nam, chị nhớ nhà vô kể. Nhớ luôn cả con Luốc nhà em nuôi lúc nhỏ. Chị em mình ưa cỡi trên lưng nó bị nó mập quá, lưng bằng như tấm ván, để chén nước không đổ. Chị nhớ hồi đó đi học gặp con rắn hổ mang, em sợ quá nắm áo chị không thả, làm đổ bình mực ướt hết áo chị. Về nhà cậu Bảy giặt hoài không ra. Chị nhớ luôn cái đám cưới của em có nhảy đầm tân thời hết sức. Mau cấp kỳ em à, chưa gì mà đã mấy chục năm.

Mấy đứa em của tôi, ưa đùa giỡn, tới đoạn này thì ré lên.

– Đám cưới có nhảy đầm! Văn minh hết sức! Hồi đó chắc là vừa đốt đuốc vừa nhảy đầm phải không má? J' ai deux amours...

Rõ ràng là má tôi hơi đỏ mặt khi nghe nhắc đến đám cưới năm xưa. Ba tôi gật gật đầu.

– Ờ, đám cưới lớn hết sức. Cái đó là do má tụi bây muốn... còn nhảy đầm là tao muốn! Bả muốn đám cưới lớn để dằn mặt cô Tư Cườm.

Ba tôi hồi còn trẻ đẹp trai nên có nhiều cô nhiều bà đi theo. Ông kể chuyện cô Tư Cườm.

– Hồi đó tao ở trong đoàn Văn công. Tối ngày lo viết kịch, đặt nhạc, vẽ phông cảnh. Rồi tới lúc đi gấp, không kịp từ giã má tụi bây, tao mới viết cái thư, nhờ cô Tư Cườm đưa lại. Ai dè cô Tư Cườm cũng có cảm tình, - tới đây, ông chớp chớp mắt - với tao, nên cô giấu biệt cái thơ. Nói với má tụi bây là tao đi luôn không trở lại, không biết má tụi bây đi đâu... Sau nhờ gặp dì Ba mới vỡ lẽ. Rồi, tao bỏ đoàn, bỏ "gánh" văn công, ở lại lấy má tụi bây. Coi vậy mà đã mấy mươi năm rồi, mau quá. Thời gian đi như nước chảy. Mới trẻ đó mà giờ già cỗi. Cháu nội cháu ngoại đầy sân.

Thành ra, mỗi lần được thư dì, má tôi buồn hết buổi. Thư nào dì

cũng ít nhiều nhắc tới chuyện cũ. Coi bộ dì cảm thấy thoải mái khi nhắc chuyện cũ hơn là kể chuyện mới. Dì lại viết:

*Con Huệ đi Việt Nam về kể tôi nghe. Dì ôi, thiên hạ phè phởn lắm đa. Ai chết chết, ai sống sống. Em coi đó, đồ chị gởi về, chia tam chia tứ không đủ nên phải gạt bên này, lường bên kia, để lủm hết gói một mình. Con Phi đành đoạn gạt bà ngoại của nó, là má chị đây chớ ai, để lấy bứt phần tiền của bà già. Em ôi, nghèo đói quá nên sanh đạo tặc. Chị cũng xí xóa cho nó chớ biết làm sao, nó đông con quá. Nghe nói nó cũng có cháu ngoại mới đầy tháng. Em coi đó, bà ngoại của nó, bà cố của con nó chớ ít sao, mà nó đành gạt bà già. Má chị đui hết thấy đường rồi nên biết đường đâu mà tránh. Nghĩ tới má chị sống với lũ con cháu gian manh mà chị buồn quá em ơi. Không biết kiếp trước chị có làm gì nên tội mà bây giờ chị không nuôi má được, còn con thì coi chi chẳng ra gì. Chị giận quá, viết thơ về chửi tụi nó, tụi bây để ngoại [illegible] là tội ngập đầu đó nghe. Mà thôi, dì ôi, chửi con cháu cũng không ích lợi gì. Chị khổ từ nhỏ tới lớn, chữ nghĩa học hành chẳng có bao nhiêu. Chị chỉ biết ăn ở hiền lành, mà sao ông trời không thương chị. Kiếp trước chắc chị ăn vụng dầu của hòa thượng nên kiếp này chị trả hoài cũng chưa hết tội. Đất nước huề bình rồi mà tôi không thấy giàu, không thấy vui. Tối ngày chỉ thấy buồn thấy khổ. Hết thấy bệnh tật tới thấy tù tội. Em ôi, bởi vậy mà chị buồn hoài. Đáng lẽ mình phải được về quê dưỡng già. Sức chị em mình lội được bao năm nữa, phải không em?*

*Chị tuổi con Trâu nên khổ suốt đời, em à, còn em, chị nhớ em tuổi con Mèo, sướng lắm. Nói vậy mà tôi thấy dì cũng làm cực quá. Bữa nào, dì nghỉ đại một tháng, qua đây chị em mình hú hí. Trái măng cụt, dì ôi, thấy mà muốn đứt ruột. Hôm qua, chị ra chợ, mua được trái mít, đem về giấu trong buồng mà hít. Cái mùi của nó, y hệt như xưa. Chị nằm mà hửi nó hoài rồi nước mắt rớt hồi nào không hay. Cái mùi làm chị nhớ quá, nát ruột nát gan hết em ôi.*

Má tôi kể. Nhà dì Ba hồi đó giàu lắm. Lúc dì còn nhỏ kia. Nền nhà đúc cao tới đầu con Liên. Ở trong vườn mà nền đúc là giàu hết cỡ đó nghe. Cột nhà bằng gỗ lim, cột nào cột nấy, hai đứa nhỏ ôm mới hết. Đồ đồng, đồ cẩn xà cừ, ôi thôi, kể sao cho hết. Trước sân là một hàng kiểng đủ loại cây. Dượng Sáu lúc đó chưa già nhưng đã mê cây kiểng nên không thiết chuyện lúa ruộng vườn tược, giao hết cho dì Sáu. Tối ngày ông chỉ ra vô tỉa kiểng mà thôi. Dì đứng thứ ba trong đám con bảy đứa. Nhà giàu nhưng tính tình dì dượng Sáu hiền lành nên đám con đứa nào cũng khờ dại. Riêng dì tôi có tánh thương người rộng rãi. Dì đi học với má tôi nên thân lắm. Sáng sớm là đốt đuốc đi học chung hai ba đứa. Dì đi trước, má đi sau, tòn teng bình mực tím xách theo. Dì siêng học hơn má nhiều. Má học một chữ thì dì đã thuộc tới mười chữ. Vô lớp, dì chăm chỉ, ngoan ngoãn trong khi má phá thầy phá lớp như quỉ. Cứ vài bữa là thầy tới nhà mắng vốn. Lớp học trong

vườn, học trò đâu có bao đứa, lại đang chiến tranh nên rã sớm. Má tôi có được trình độ tiểu học hồi đó, rồi thôi, rồi theo ngoại tôi thương hồ buôn bán. Má tôi kể dượng Sáu chết lúc Tây ruồng, vì ông thương đám cây kiểng, rán nấn ná chôn chén kiểu, che đám kiểng mà bị bắn chết. Tây đốt tiêu nhà dì, hai ngày mới rụi. Má dì vốn yếu đuối, bệnh hoạn lại thêm tâm thần bất an từ khi chồng chết nên gia đình suy sụp luôn. Bà dạy con gái nữ công gia chánh rất giỏi nhưng lại không biết làm ăn buôn bán nên gia cảnh càng lúc càng nghèo. Dì tôi làm bánh nấu ăn món chi cũng biết và cũng đều làm rất ngon. Má tôi thì trái lại, bàn có tính cứng rắn, lại thích theo ông ngoại thương hồ chớ không thích ở nhàn vùi đầu trong xó bếp. Hễ bà ngoại tôi mắng mỏ hăm he "Mày không học làm bánh, mai mốt lấy bánh đâu mà ăn" thì má tôi trả treo " Mai mốt lớn, con làm nhiều tiền con mua". Bà ngoại giáng cho má tôi mấy cây đũa bếp. Tánh má tôi không mềm mại nhiều nước mắt như dì nhưng hai chị em họ lại thân nhau khắng khít.

*Em ôi, chị nhớ hồi nhỏ em liến khỉ lắm. Ngồi một chỗ không được. Cậu Bảy phải cột em bằng sợi dây dừa, mà em cũng cắn đứt dây ra chơi với chị. Em làm ná bắn thòi lòi, chị ngồi vò đất làm đạn cho em bắn. Mình phơi đất trên cái nia phơi chuối của cậu Bảy làm chuối dính đầy đất. Em lấy mo cau bó đít làm cậu Bảy tức cười mà đánh em không được. Em ưa lấy vôi ăn trầu của mợ Bảy cho thòi lòi ăn rồi coi nó say, bò bậy bò bạ. Hồi đó, cậu Bảy chở em qua sông Tiền Đức, gió thổi, em ôm tấm rèm tre xuống nước. Cậu Bảy nhảy xuống, chân đạp trúng đầu em, nhờ vậy mà vớt được em. Số trời hết em thấy không. Phải hồi đó cậu Bảy không đạp trúng em thì làm sao vớt em được. Bởi vậy mà chị suy nghĩ hoài. Cái gì cũng có số của nó hết. Má chị hồi đó cứ răn chị hoài. Tánh mày hay thương hão, lớn lên khổ đa con. Chị nghiệm thấy má chị nói đúng lắm. Hồi chị thương ba con Nhãn, má chị cản hết sức. Nói là cái thằng có con mắt liếc ngang liếc dọc, là cái thằng ưa mèo mỡ. Chị không nghe lời má, nhất định lấy, rồi chịu khổ. Bởi vậy, chị thương má chị hết sức. Cái gì bà nói cũng đúng hết trơn. Người lớn, em thấy không, kinh nghiệm việc đời, nói thì mình nên nghe. Bây giờ thì khác, con cái tụi nó khôn lớn văn minh hơn mình, nên tụi nó không thèm nghe mình nói. Nhiều đêm nằm xuống, chị bỗng giựt mình như như không dè bây giờ mình trôi dạt ở đây. Hồi đó chị em mình đâu có thấy được cái ngày này. Số mạng hết hà, em ôi. Nghe chị đi, bớt bớt lại, đừng oán thù chi ai. Mai mốt mình chết, cái hồn nó cũng nhẹ. Dặn em thì dặn vậy, chớ chị biết khó lắm. Có lúc chị cũng tức mình tức mẩy. Tại lũ côn đồ ác điều kia mà mình mới ra như vầy. Dì ôi, tối ngủ, con mắt thì nhắm mà cái bụng thì mở bung ra. Đêm nào cũng nằm mơ thấy về nhà với má tôi. Dì ơi, thấy má còn trẻ, con mắt còn sáng. Tỉnh dậy, tôi khóc hết buổi sáng. Mà thôi, em đừng bắt chước chị, khóc hoài không tốt. Bụng dạ em gan góc hơn chị. Mấy lần chạy giặc, trốn Tây ruồng, em cố nơ theo nồi bắp luộc mà ăn trong*

*khi chị sợ quá, khóc tì tì cho tới lúc yên mới thôi. Chị biết, em can đảm hơn chị nhiều. Tối ngày chị khóc hoài, dị quá. Thằng Tommy thấy tôi khóc là đi lấy khăn cho bà ngoại. Nó nói là nó sợ ngoại khóc nhiều hư mắt. Em ơi, cháu ngoại nó ễ thương như vậy mình làm khổ nó sao đành. Nên nhiều bữa, chị dẫn nó đi lòng vòng quanh nhà, nó ưa lắm. Mấy bà cháu dẫn nhau ra cái ao nhỏ gần đó. Thấy cái ao cạn mà tôi nhớ sông rạch quê mình dì ôi. Tuần rồi, con Kiểng ghé chở tôi lên chơi trên vườn. Em ơi, em qua đây rồi hai chị em mình lên đó nữa. Giống quê mình lắm em à. Chị đi mân mê từng cây dừa lửa, dừa xiêm cho tới dừa khô. Cây nào chị cũng muốn ôm mà khóc. Em ơi, chị rờ cây dừa, chị ngó tàu lá chuối, chị vuốt cây đu đủ, có khác chi quê mình, mà không phải quê mình nên chị mới tủi. Còn nữa, em à, nhiều lắm. Mãng cầu xiêm nè, mãng cầu ta nè, cây ổi hoang trái nhỏ xíu vàng lườm, cây mít, cây xoài. Chị đứng ngoài vườn mà tay chân bủn rủn. Mùi vỏ dừa khô đốt thơm phức, y hệt như lúc chị em mình nướng cá lóc, vùi khoai. Con Kiểng kêu chặt cho chị trái dừa mà chị uống nước dừa không vô. Bị nó nghẹn ở cổ họng. Chị thấy giống như mới hôm qua, cậu Bảy đi giựt dừa, mấy thiên. Em còn là con gái nhỏ xíu, đi chỉa dừa dưới mương chất đống chờ lột vỏ. Mấy hôm gần Tết, cậu Bảy tát mương, mình chia nhau quạt lửa than dừa nướng tôm càng thơm phức, ăn liền tại chỗ, gạch tôm thật béo. Ở đây cũng có tôm càng xanh giống mình nhưng nhỏ hơn. Em à, cái mùi đất vườn, nó ngầy ngậy thơm thơm lạ lắm nên chị cứ đứng ngoài vườn mà hít hoài. Con Kiểng nó là người dưng mà còn biết tánh mình chớ con mình thì nó không thèm để ý tới. Rồi thấy cái nhà nhỏ xíu sơ sịa mà tôi cũng muốn khóc vì nó giống nhà xứ mình quá. Em ôi, phải chi có tiền, mua đất ở đây, chị em mình dưỡng già, khỏi ở chung chạ với con cháu mà buồn khổ, em biết không, ngoài vườn cũng có mương nhỏ dọc dài, trời đất, sao mà giống quê mẹ quá. Chị đứng mà chân bủn rủn muốn té. Nước mắt gạt không hết, cứ tuôn ra hoài. Tới chiều, không biết nó nấu cái gì mà hun củi vỏ dừa, chắc để hun muỗi, khói trắng bay, mùi nồng thơm cay mắt. Bận về, tôi cứ khóc hoài cho tới tận cửa nhà mà phải dấu con Nhãn, sợ nó la con Kiểng làm tôi khóc mà không cho tôi chơi. Con Kiểng nó tốt hết sức dì à. Nó biểu tôi cứ gói bánh, nấu chè đi, rồi đem qua nó. Bao nhiêu nó cũng ăn hết. Tội nghiệp, con nhỏ tốt quá chừng. Nó nói nó mất mẹ sớm, bây giờ thương tôi như thương mẹ nó. Dì ôi, mấy đứa con nuôi của tôi, đứa nào cũng thương tôi, con ruột cũng thương tôi nhưng nó khắt khe với tôi quá. Con Hà ở xa mà gọi điện thoại hỏi thăm má hoài. Con Trân cũng vậy. Đứa nào cũng nói chị Nhãn được ở gần má sướng quá. Vậy mà có nghe nó nói sướng đâu? Bánh trái làm bao nhiêu thì nó đem đổ bấy nhiêu. Riết rồi tôi không thèm làm nữa dì à. Hễ nói nó là ở Việt Nam người ta không có ăn thì nó vùng vằng nói thì má đừng nấu nữa, khỏi mất công đổ để rồi má tiếc.*

Dì ở Hawaii cũng gần hai năm. Cái hình sau cùng gởi qua thấy dì tươi tỉnh hơn, và cũng mặc quần ngắn. Má tôi nói dì này tiến bộ quá chớ má tôi đến nay vẫn chưa mặc được cái gì hở chân. Dì lớn hơn má tôi độ hai, ba tuổi. Lúc má tôi uốn tóc thì dì hãy còn nơ cái búi tóc sau ót. Tôi mê nhìn mấy người đàn bà nhà quê chưng diện cho mái tóc xức dầu dừa láng mướt này lắm. Người chải chuốt cẩn thận lâu lắc nhất là dì Tư tôi. Dì Tư cũng là chị em bạn dì với dì tôi. Tóc dì Tư ít, nên dì có thêm chút tóc mượn. Thường là dì ngồi chải tới chải lui, chải có nếp lược trên tóc thật thẳng mới thôi. Dì rẽ chút xíu tóc bên tai, đẩy nhẹ một chút cho nó uốn thành một đường cong nơi trán rồi mới kẹp lại bên màng tang. Bên kia tai, dì chải thẳng ra sau, túm lại một mớ, rồi bắt đầu cuốn thành một vòng tròn nơi tay. Dì lại lấy lược, chải một lát cho mớ tóc thật thẳng, rồi để mớ tóc mượn thật khéo ở giữa, quấn mớ tóc thật ở ngoài rồi bới thành một búi tròn quay. Có khi dì lại xổ ra bới lại vì nó cao quá hoặc thấp quá nơi gáy, hoặc có mấy sợi tóc con không chịu nằm yên. Dì tôi hãy còn bới tóc như dì Tư khi má tôi lên Sàigòn sinh sống và uốn tóc. Hình như đầu thập niên bảy mươi, dì mới uốn tóc. Thành thử cái hình ảnh tôi vẫn giữ về dì là gương mặt hiền lành với đầu tóc bới. Bây giờ, dì mặc quần ngắn, coi trẻ trung yêu đời lắm. Nhưng không phải vậy.

*Dì ơi, tháng tư này tôi về lại Cali. Vợ chồng con Nhãn muốn về đó mua nhà lập nghiệp. Thằng rể của tôi về hưu rồi. Tôi cũng muốn về với con Trà nhưng ngặt con Nhãn mới có thêm đứa nữa. Tội nghiệp, nó vất vả nên tôi ẩm bồng cháu ngoại phụ nó. Thằng nhỏ út này có cái mặt hệt ba nó. Lúc nó đòi bú, nó kêu khao khao thấy thương lắm em à. Con Nhãn nó cũng thương tôi nên mua bảo hiểm nhân thọ cho tôi. Thấy nó trả tiền mỗi tháng mà tôi đứt ruột. Thôi thì nó muốn vậy, chớ theo tôi thì để tiền đó tôi gởi về nhà cho bà con mình đang đói.*

Má tôi trợn mắt. Cái dì này ngây thơ quá. Mai mốt dì chết rồi thì con Nhãn hưởng chớ ai. Không lẽ nó giàu quá mà lại sợ không có tiền mua hòm cho dì?

*Em à, chị ở bám con Nhãn nhiều khi cũng bực mình. Già cả rồi lại không nghề ngỗng chi hết làm sao sống một mình được? Tối nằm gác tay lên trán, chị nghĩ phải hồi đó lúc Tây ruồng mà chị chết thì đâu có chuyện ngày nay. Rồi chị nghĩ lại, như vậy cũng không đúng dì à. Mình có tội với Trời Phật thì phải trả cho hết chớ còn trốn tránh, đời con cháu nó khổ tội cho nó. Bởi nghĩ vậy nên chị ước còn bao nhiêu khổ nữa, chị chịu hết để mấy đứa nhỏ đừng có đứa nào khổ như chị. Đó, rồi chị nằm cứ miên man nhớ hết cái này tới cái kia. Hồi nhỏ, mấy chị em mình cứ lên chỗ mả cũ, cái mả đá ong chỗ miễu cây Kèo đó, nhảy lên nhảy xuống, không biết kính mờ mả người chết, em thấy không, tội nặng lắm. Nhưng rồi, nghĩ tới nữa, tôi thấy cái đời người ta nó cũng mỏng manh lắm dì à. Mình còn sống được bao ngày nữa? Em tôi nó chết yểu trong khi má tôi tới giờ vẫn còn sống đặng khóc con*

*khóc cháu. Má tôi nhờ con cháu ngoại là con Viên, viết thơ cho tôi. Con nhỏ viết chữ tốt lắm, tròn vo như cái bánh bèo. Má tôi dạy tôi đừng có khóc nhiều hại sức khỏe. Dì ôi, má tôi đâu có thấy đường mà dặn gởi hình về. Tôi gởi về, con Viên tả cho ngoại nghe, kể là ngoại khóc nhiều lắm, rồi khen là chị mập có da có thịt hơn hồi đó. Em ôi, má chị mờ mắt lâu rồi, chắc má chị nhớ hồi đó, lúc chị còn ốm nhom, chớ lúc để con một bầy, đứa sống đứa chết, thì chị bề xề nhưng má chị lúc này lẫn rồi. Con Viên nói có bữa ngoại không chịu ăn, cứ rờ rờ hột cơm rồi nói là không biết thứ chi không dám ăn. Dì ôi, nghĩ tới lúc má tôi chết không biết ai chôn mà tôi buồn quá. Tôi ở đây rồi cũng gởi nắm xương tàn xứ người. Muốn về quê hết sức mà không dám nói ra sợ con Nhãn nó buồn là má muốn ở quê sao má đòi bảo lãnh làm chi. Con nó không hiểu tôi.*

Dì tôi trở lại California. Thư từ vắng hơn lúc trước. Ba tôi nói chắc dì tụi bây lo nuôi cháu, thì giờ đâu mà viết thư. Tính ra, cháu ngoại dì, đứa út, khoảng mười tháng trở lại nên dì bận tâm cũng phải. Nhưng rồi, thư dì cũng đến:

*Em ôi, chị về lại Cali rồi mà không biết cách em bao xa. Chị không dám hỏi con Nhãn, sợ nó nói má hay lôi thôi. Lúc này chắc dì làm nhiều lắm phải không? Không thấy thơ dì là tôi biết ngay dì bận. Dì ôi, tôi không có bận như dì nhưng tôi buồn quá. Buồn đến độ hết muốn viết thơ. Viết cho em mà cứ than buồn hoài kỳ quá. Chị không muốn em buồn lây. Không biết sao mà chị cứ nhớ nhà hoài em à. Có bữa nhớ muốn đứt ruột. Ở bên Hawaii chị còn được thấy cây ổi, cây xoài, về đây, không thấy gì hết, lại còn buồn hơn. Con Nhãn nó nói má kỳ quá, ở Hawaii thì nói giống nhà nên nhớ, về đây thì lại nói không giống nên nhớ nhà hơn. Mà thiệt, nó giận tôi cũng phải dì à, lôi thôi quá. Tôi nói dì nghe, có khi cái nhớ nó tràn ngang cửa họng, tức tức lồng ngực, tôi sợ có ngày ói ra trái tim. Thôi, dì đừng bắt chước tôi nhớ bậy nhớ bạ rồi buồn mà làm khổ con cháu. Mình đã ăn nhờ ở cậy nó mà không biết làm cho nó vui. Em à, mới hồi chiều chị được cái thơ của con Lý. Không biết em còn nhớ con Lý, con dì Ba Bửu không? Nó bây giờ có chồng ở Hàm Long. Nó viết cho chị hay vợ chồng Bảy Cao bữa nay biến thành Bảy chột bị nó đui hết một mắt. Em thấy quả báo chưa? Hồi đó nó hại cậu Bảy, bắt cậu Bảy mua thuốc tây cho nó đem vô bưng, bắt cậu Bảy đóng thuế đất. Chị còn nhớ có lần nó lấy luôn cái máy đuôi tôm của cậu, em thiệt là gan, dám vô vườn đòi lại cái máy. Nó ác quá, giết không biết bao nhiêu người. Tội ngập mặt ngập mày nên trời bắt nó nhảy mương làm sao cho cái lá nhọn đâm ngay tròng mắt, đui hết một con. Con cái thì đứa chết bên Mên, đứa đi làm bé người ta bị con vợn lớn lột quần đánh ngay chợ Bến Tre, nhục nhã. Bây giờ là quả báo đó dì. Hồi đó nó đâu biết được có ngày hôm nay phải không em? Nếu biết thì có lẽ nó đã ăn năn hối cải từ lâu chớ có đâu mà hại người cùng quê cùng xứ. Dì ôi, nghĩ tới chuyện ngày mai*

*tôi cũng khổ. Mà chết rồi thì hết chuyện, dì thấy không, đáng lẽ tôi cũng không nên buồn làm chi nhưng ngặt nỗi cái đầu của mình không chịu quên. Ngồi đâu nhớ đó. Đi cũng nhớ, mà nằm cũng nhớ.* Ăn chi cũng nhớ, nói gì cũng nhớ. Riết rồi tôi sợ quá dì ôi, nhớ hoài chắc chết. Nghiệt quá, nhớ chi mà nhớ rành rẽ như chỉ bàn tay. Em à, hôm nào chị biểu tụi nó chở chị xuống em chơi, mình nói chuyện cho đã thèm. Tụi nhỏ không có nhớ chuyện gì hết em à. Tụi nó quên để sống chớ chị thì không làm như vậy được. Hễ mình quên là mình chết. Em à, con Trà nó thương chị lắm nên nó nói để nó bày tiệc ở nhà hàng ăn mừng đáo tuế. Chị nói với nó hồi đó ngoại sáu chục tuổi đâu có ăn mừng sanh nhựt đáo tuế gì hết, bây giờ bày đặt ăn mừng tuổi chị chi cho thêm tủi, thôi, để tiền đó gởi về nuôi ngoại còn có ích hơn. Phải không dì? Vui sướng gì mà ăn? Tội nghiệp con Trà nó thương tôi nên nó mới muốn bày tiệc. Em ơi, em trả lời cho chị rõ, nếu bây giờ chị đi xin tiền xã hội có được không? Hay là em bày chị cách chi để chị làm có tiền nuôi thân chị. Ở với con cháu bực mình lắm em. Vợ chồng em còn khỏe mạnh, làm ăn buơng chải, thấy mà ham, nhìn lại thân chị mà buồn. Con cháu nó thương nhưng nó không hiểu mình. Chị như ở tù buồn bực lắm em ơi. Làm cái chi nó cũng cấm cũng cản. Ở thì mình dốt nát quê mùa nên không hiểu được cái văn minh của xứ người nhưng bắt chị ngồi không mà ăn thì làm sao chị chịu cho nổi? Mấy mươi năm đầu tắt mặt tối chị không thấy khổ, chớ còn bây giờ ngồi không ăn, chị lại thấy khổ hơn xưa. Biết nói làm sao cho nó hiểu đây em? Phần thì mình lại không biết nói tiếng Mỹ, dốt đặc cán mai, nó không buông cho chị đi đâu hết cũng phải nhưng em thấy bà Thân không? Bả còn dốt hơn chị em mình mà dám một mình đi xe đò qua ba bốn tiểu bang về Cali. Hồi chị ở Hawaii có bà Tám Nương, nhờ chị coi cháu cho bả, trả tháng năm trăm, mà con Nhãn nhất định không cho chị làm. Để giữ con cho nó không có cắt bạc nào gởi về nuôi má tôi. Con Nhãn xài tiền kỹ quá nên hai tháng nó lại bỏ băng tám ngàn đồng. Chồng nó làm lương cao lắm em à nhưng chị không thể xin tiền tụi nó để nuôi má chị được. Con Nhãn sửa sắc đẹp nhiều quá nên tính tình bây giờ dị hợm lắm em. Có bữa nó nạt chị như nạt con nó. Có hôm thì nó dạy chị như dạy con nó. Chị buồn lắm em ơi. Nó đồng bóng giống chị chồng của chị lắm. Bả gọi điện thoại cho chị thì chị nói con Nhãn nó giống chị lắm chị ôi. Bả làm thinh.

Dì ôi, con Nhãn nó muốn tìm nhà để ở vĩnh viễn nên kén chọn. Mỗi ngày nó đi tới đi lui coi nhà mà không ưng cái nào cả. *Ở đây cách Monterey có hai tiếng thôi. Xuống San Francisco có một tiếng. Chồng con Nhãn làm gần đây nên nó cũng muốn mua nhà ở chỗ này. Tết này tôi về dưới đó, mấy năm rồi không ở nhà con Trà. Nó nói má về ở với con để con nuôi má. Tôi nghe mà tứa nước mắt. Tụi nó tốt với tôi quá nhưng em à, làm sao cho tụi nó hiểu là má còn khỏe mạnh nên má không muốn ngồi một chỗ mà ăn. Tụi nó có thương nên tụi nó mới*

*muốn tôi ở một chỗ nhưng tụi nó không hiểu tôi. Em ơi, chị ra vô mỗi ngày mà buồn quá. Sống với con cháu thiệt là bực mà không biết nói làm sao cho nó hiểu bụng mình.*

Má tôi đọc hết thư, nhìn mông lung. Thật vậy, biết nói làm sao?


**REX**
**INSURANCE AGENCY**

**VĂN PHÒNG BẢO HIỂM CHUYÊN NGHIỆP**

**TRẦN CÔNG TIẾN, Ph.D.**

SANTA ANA OFFICE
2709 8. 17 th St. Suite C
Santa Ana, CA. 92703
**(714) 554. 4742**

WESTMINSTER OFFICE
10451 Bolsa Ave. Suite 207
Westminster, CA. 92683
**(714) 531. 1341**

**BẢO HIỂM XE**

Giá hạ cho quí vị mới có bằng lái, quí vị có quá trình lái xe không tốt , các em sinh viên học sinh.

**NHÂN THỌ, SỨC KHOẺ, NHÀ, BONDS, THƯƠNG MẠI**

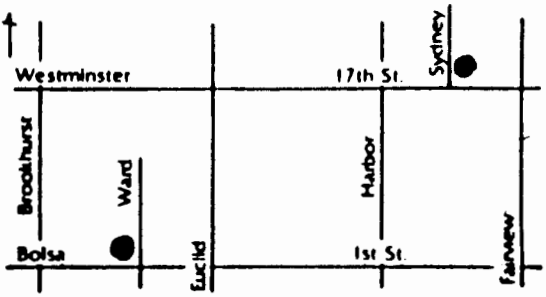


Văn phòng Santa Ana rất tiện lợi cho quí vị ở Orange, Tustin, Santa Ana, Garden Grove. Shopping Center chỉ có tầng trệt và chỗ đậu xe rộng rãi.

*Kính chúc quí khách một năm Kỷ Tỵ khang an , thịnh vượng*

*Phạm Quốc Bảo*

## *Cuối thu ở Washington D.C.*

*Suốt đêm qua mưa ai biết chăng*
*Sáng mờ sương cuộn thông bớt xanh*
*bỗng trưa nắng nhả tơ vàng óng*
*phiến đỏ lá phong cố bám cành*

*Thu đã vào sâu giữa thủ đô*
*mấy ngày bịn rịn hơi thở hè (1)*
*người về từ tây nam nắng ấm*
*thấy dội trong lòng chút ủ ê.*

*Chợt dấy luyến lưu ngày tháng cũ*
*mới hay quấn quít suốt đời nay*
*dù ai xa lạ cho mình đủ*
*một lần nhìn lại nhớ thêm dài.*

*Tự hỏi mai đường lên bắc giá*
*bất ngờ thăm bạn có hàn huyên*
*hay tuyết đã lạnh sâu lòng dạ*
*như cụm lá vàng mục giữa khuya?*

*Phạm Quốc Bảo*

*tháng 11/88*

*(1) indian summer' s days*

*Văn Học số 36,37/92*

*Võ Đình*

## *Xứ mây mù.*

Ở làng Knoxburg, quận Pocahontas, trong dãy núi Yew thuộc tiểu bang West Virginia, Hoa kỳ, có một cô bé tên là Mary. Đáng ra, ở tuổi mười ba Mary đã lên lớp tám, nhưng vì cô bé "ngớ ngẩn" -- người Mỹ gọi là "*mentally retarded*" -- nên còn ở lại lớp bảy, chỉ học chậm đi một năm, thế là may mắn lắm rồi, vì Mary được dạy kèm thêm bởi cô giáo hết sức tận tụy trong chương trình đặc biệt của hệ thống trường quận.

Cha của Mary cờ bạc rượu chè đã đời rồi bỏ đi đâu biệt tăm, coi như đã chết. Mẹ và Mary cùng hai em nhỏ sống đạm bạc trong một xóm "sơ mi xanh"--*blue collar*--dân thợ thuyền, lao động. Mary "ngớ ngẩn" nhưng xem lại còn ngoan hơn nhiều trẻ em cùng lứa vì biết lo việc nhà, phụ mẹ làm bếp, giặt rũ, quét tước...

Cái "*mental retardation*" của Mary chỉ thật tội nghiệp khi mỗi ngày nó đặt chân đến trường. Học thì nghe đâu quên đó, quên vì không hiểu, quên vì trí nhớ èo uột. Đọc thì trật trệu, vấp váp, viết thì xiêu vẹo, ngoằn ngoèo. Trong giờ nghỉ ăn trưa, Mary bị coi như đồ bỏ: cô bé áo xống lôi thôi, nói năng ngọng nghịu, mù tịt về các "*fashions*", các "*shows*", các "*hits*". Bọn con gái không thèm chơi với Mary, chê nó dở hơi, nhà quê, củ lần. Còn bọn con trai thì thằng ngu nhất, xấu trai nhất cũng chẳng thèm để mắt đến nó. Mary là thứ con gái trời bắt xấu, quá, quá xấu. Mà cái xấu của kẻ "ngớ ngẩn" trông càng đáng thương: đầu nó nghiêng ngả ngả, tóc tai rũ rượi, hai mắt không cân đối, nằm quá sát vào sống mũi, miệng nó luôn luôn há ra như thể không có cơ hàm. Con gái mười ba mà thân hình đã xồ xề nặng nhọc. Mary phục phịch dưới những chiếc áo cũn cỡn, những

chiếc váy bên cao bên thấp, những màu sắc lòe loẹt xấu xí. Cái tuổi mười ba, tuổi chim sơn ca hát trên cành hoa, tuổi con nai tơ nhảy cỡn trên cỏ mượt xanh, tuổ con cừu non mũi hồng và len trắng nõn, cái tuổi mười ba của Mary sao mà thảm nảo!

Năm ngày mỗi tuần, Mary đi bộ từ nhà đến trường ban sáng, rồi từ trường về nhà buổi chiều, lủi thủi vòng theo con đường hẻm, hai bên là vườn sau của những căn nhà khiêm tốn. Tay ôm chồng sách vở, đầu nghiêng nghiêng vẹo vẹo, miệng lẩu bẩu như nói như hát, Mary đi một mình, chân đá đá vào lề cỏ, lẩn thẩn, lếch thếch, Mary đi một mình, từ thứ hai đến thứ sáu, năm ngày mỗi tuần. Đôi lúc, Mary cười một mình. Tiếng cười vô cớ, lạc giọng, u ơ.

Một hôm, đi học về, ngang qua vườn sau có hàng rào lưới sắt của ông bà Waterston, Mary dừng lại vì con chó va của họ bỗng chạy vụt ra từ cái "nhà chó"--*doghouse*-- của nó. Mary gọi "hi, doggie, hi doggie" nhưng con chó cứ sủa vang. Thay vì bỏ đi, Mary lại ngơ ngơ đứng tại chỗ, cố làm thân với nó. Mary càng nói ngọt, con chó càng hung hăng. Mary thò tay qua hàng rào sắt vẩy vẩy, con chó liền chồm lại. Nó xù lông, nhe nanh, thật dữ tợn. Rồi nhảy vọt lên, táp mấy phát đốp đốp, nghe rợn người. Sau đây là một đoạn trong băng ghi âm của Sharon B. , cô giáo phụ trách chương trình đặc biệt của hệ thống trường quận dành cho các học sinh "ngớ ngẩn".

- SHARON: *Sao tay em sưới cả như thế này, Mary?*
- *MARY:* Em sợ quá. Thường ngày con chó nhà Waterston có dữ như vậy đâu.
- SHARON: *Sao em không bỏ đi đi?*
- MARY: Em muốn làm bạn với nó.
- SHARON: *Rồi sao, em có làm bạn với nó được chút nào không?*
- MARY: Em chưa kịp...Nó đã táp trúng tay em. May có ông Nam nắm vai em kéo ra xa khỏi hàng rào.
- SHARON: *Ông này là ông nào đó, Mary?*
- MARY: Ông Nam có vườn sau song song với vườn nhà ông bà Waterson.
- SHARON: *Ông tên là gì? Em viết, "spell" sao?*
- MARY: M - A - N
- SHARON: *MAN. Man là đàn ông, là người. Tên lạ nhỉ!*
- MARY: Không, không, không phải MAN, Cô. NAM. Ổng nói ổng là người VietNamese!
- SHARON: *Trời đất! Nam. N - A - M. Ừ, thôi cũng được. O.k. Ông Nam là ai vậy, Mary?*
- MARY: Em đâu có biết.
- SHARON: *Em mới nói ổng là người Việt nam mà. VietNamese. Namese, em nghe chưa. Ổng có nói chuyện với em mà.*
- MARY: Có.

- SHARON: *Ổng nói gì với em?*
- MARY: Ổng nói em đừng thò tay qua hàng rào nữa, chó cắn đứt tay. Ổng nói em về nhà đi. Rồi ổng quay vô vườn, đóng cái cửa sắt bọc lưới lại.
- SHARON: *Vậy thôi à? Thế là em đi về chớ?*
- MARY: Không. Em qua đứng phía hàng rào vườn ông Nam. Em xem ổng làm việc. Chiều nào đi học về em cũng thấy ổng sau vườn cả.
- SHARON: *Ông Nam làm gì ngoài vườn, em có biết không?*
- MARY: Không, em đâu có biết. Em chỉ thấy vườn sau của ông Nam có một ụ đất. Lớn như chiếc xe hơi vậy đó. Giống như một hòn núi nhỏ. Cô biết không, em nghĩ đó là một ngôi mộ. *A tomb.* Dưới mộ có một cái lều gỗ, một cái *hut nhỏ xíu, chỉ bằng cái "nhà chim"-- birdhouse-- thôi. Chung quanh cái lều, có chất đá cục thật lớn.*
- *SHARON: Em có hỏi ông Nam về ụ đất đó không?*
- MARY: Không. Em sợ nó lắm. Em đứng ngó một lúc lâu thì ông Nam quơ tay nói: "Cô bé đi về nhà đi!" *--Run on home, now, girl!--*
-SHARON: *Em nói sao?*
-MARY:...
-SHARON: *Sao? Sao em im re vậy? Em nói sao?*
—MARY: Em hỏi ông Nam vậy chớ có phải cái hut nhỏ xíu đó là nhà ổng không. Em hỏi "*Is it your home?*" Em không có nói *house*. Em đâu có ngu. Nhà ổng, *house* ổng kia kìa, ai không biết! Em muốn biết có phải cái lều tí hon là *home* của ổng kia vì khi nào em cũng thấy ông Nam làm gì ở gần đó.
-SHARON: *Thế ông Nam nói sao?*
-MARY: Ổng không nói gì cả. Ổng chỉ cười.

Chiều chiều, đi học về dọc theo con đường hẻm, hai bên có hàng rào lưới sắt, Mary dừng lại khi thấy bóng ông Nam lui cui trong vườn. Con bé "ngớ ngẩn" đứng ngó, ông Nam thì cứ làm vườn. Mary đứng ngó ông Nam một cách ngờ nghệch, miệng cười vu vơ. Có khi nó cầm cây bút *Bic* gõ gõ vào giàn rào sắt ngân vang leng keng như tiếng phong linh làm bằng mảnh chai.

Ông Nam trồng rau, nhổ cỏ, ông Nam cào lá, ông Nam xúc tuyết, mùa nào Mary cũng thấy ông Nam lui cui ngoài vườn. Mary chẳng thấy ông Nam nói chuyện với ai cả. Ông cũng chẳng nói gì với nó cả. Một hôm ông chỉ hỏi nó: "Nhà cô bé ở đâu?" Mary quơ tay tứ tung:"Sau đó!" Ông Nam chỉ hỏi vậy rồi quay lưng, tiếp tục làm vườn. Mary đứng ngó chán, ra về, vừa bước đi vừa huýt gió. Con gái mười ba mà huýt gió, lại huýt dở ẹt! Mary ngoái cổ lại, thấy ông Nam hất cái mũ vải xanh ra sau đầu, nhìn theo nó. Nó cũng cười, cái miệng cười mà như mếu. Nó kêu:"Bye!"

Quận Pocahontas miền núi, mùa thu thường có sương mù. Như

nhiều làng khác trong vùng, Knoxburg lũng đồi loạn xạ, đường ngang hẻm dọc, phía nào cũng trồi lên tụt xuống mấy cái dốc quanh co. Sáng chiều sương mù có khi dầy đặc, sừng sững giăng ngang hàng hàng lớp lớp thành lũy trắng xóa. Chỗ này một đỉnh đồi bị phủ kín. Nơi kia một chân núi bị lấp che. Người tinh mắt cách mấy cũng không biết đâu mà phanh phui cho ra cái khí thế đích thực của chốn nước non chẳng có gì là hiểm trở này.

Mùa thu ấy sương mù bao phủ cả làng hết ngày này qua ngày nọ. Mary đi dọc theo bờ hàng rào lưới sắt, bên trong rậm rạp những dâu dại và *pussy willows,* mà chỉ thấy cái chóp của ụ đất (trong thâm tâm, Mary biết rằng đó là một ngôi mộ) ụ đất lừng lững sau vườn nhà ông Nam. Mù dầy quá nó không thấy được túp lều nhỏ, cái *hut* tí hon ở chân "ngôi mộ". Chỉ thấy những tảng đá gồ ghề nằm lác đác đó đây. Cây lê liễu bên cạnh "ngôi mộ", cành lá đã khá thưa thớt, những lá còn dính lại trên cây đã vàng úa cong queo. Thỉnh thoảng, một chiếc lá rùng mình, lìa cành, bay thấp thoáng trong sương.

Đến chiều, mù càng dầy hơn. Mary đi học về trễ, lủi thủi lần theo lề cỏ bên ngoài hàng rào. Nó cầm cây bút *Bic* trong tay, vừa đi vừa khải nhẹ vạo lưới sắt. Nó thích thú với tiếng động duy nhất đó trong sương mù. Tiếng động "tạch tạch" thật khô khan vô vị nhưng có một cái gì ấm áp làm cho nó cảm thấy an tâm. Thì ra nó vẫn sờ sợ ông Nam thế nào ấy. Hè năm ngoái, nó thấy ông dọn nhà đến. Rồi nó chỉ thấy ông một mình ngoài vườn. Rồi hôm ấy, nếu không có ông kéo nó đi, bảo nó về nhà thì nó đã bị con chó nhà ông bà Waterston cắn nát tay. Vậy mà nó vẫn thấy ngài ngại môi khi đi theo con hẻm dọc vườn sau nhà ông. Nó sợn ụ đất quái dị, trồi lên sau nhà ông Nam như một con rùa khổng lồ. Nó tự hỏi không biết đó là mộ của ai, thân thích nào của ông Nam.

Mary sợ cũng vì *Mom* nó cứ căn đi dặn lại là "*Mary con đừng nói chuyện với cái ông "VietNamese" đó, ừ, Mom biết, ổng giúp con khỏi chó cắn nhưng con nghe Mom, đừng có đứng lại nói chuyện với ổng, và nếu ổng có rủ con vô trong vườn ổng thì đừng có vô, phải chạy về nhà ngay tức khắc, Mary, con nghe không?!*" Mary không hiểu tại sao *Mom* căn dặn như vậy hoài. Nó, nó không thấy ông Nam có gì đáng sợ cả. Đôi khi, đang bận làm vườn, thấy nó đi ngang qua, ông còn quơ tay ra dáng nói "*hi*" với nó kia mà. Có sợ chăng là nó sợ cái ụ đất, cái con rùa khổng lồ, cái ngôi mộ sau nhà ông Nam. chưa bao giờ nó sợ ai hay sợ cái gì như vậy. Rồi một chuyện xảy ra làm cho nó ngơ ngác chẳng biết làm sao nữa.

Một chiều thứ sáu, sau giờ học Mary còn ở lại thêm một tiếng với *team,* đội bóng chuyền của lớp bảy. Khi đi ngang qua vườn nhà ông Nam thì trời đã gần chạng vạng. Đâu đâu cũng trùng trùng mây mù giăng mắc. Nhưng khi nhìn vào khu vườn nhỏ, nó còn thấy được "ngôi mộ" với cây lệ liễu và những hòn đá lớn. Nó đứng lại ngắm chiếc

lều con, chiếc *hut* của ông Nam ẩn hiện sau đám lá trúc còn khá xanh. Bỗng dưng Mary cảm thấy rờn rợn. Nó ngước lên. Từ phía sau "ngôi mộ", phía đối diện với cây lệ liễu, có một người đàn bà. Mù dần đến nỗi nó chỉ thấy người đàn bà từ đầu đến ngang gối. Và người đàn bà đang từ từ *trôi giạt* về phía nó. Mary sợ quá, chưa kịp chạy đi, thì nghe tiếng ai gọi từ đâu thật xa, tiếng ai như ông Nam: "*Mary, Mary*". Nó còn đang quýnh quáng chưa biết làm sao thì đã thấy ông Nam hiện ra bên cạnh người đàn bà.

Bây giờ nó thấy rõ đó là một người đàn bà Á đông. Tóc nàng xõa dài đen nhánh. Mary thấy rõ cả thân thể người đàn bà dưới chiếc *nightgown*, áo ngủ dài trắng tinh. Ở nhà, Mary đã nhiều lần tình cờ thấy mẹ nó vô tình hở hang như thế, trong phòng ngủ, trong phòng tắm. Mà lần nào nó bắt gặp mẹ nó những lúc hớ hênh, Mary cũng cảm thấy khó chịu, xấu hổ với thân thể mẹ nó như nó xấu hổ với c ái thân thể xa lạ và cục mịch của chính nó. Đằng này, Mary mê mẩn nhìn người đàn bà. Cách nhau cỡ đến độ ba chục bộ, nhưng nó thấy thật rõ ràng: người đàn bà mặc áo ngủ mỏng mà chẳng khác chi nàng trần truồng. Toàn thân nàng lồ lộ, óng chuốt. Mary sững sờ. Nó muốn quỳ xuống. Nước mắt nó rưng rưng.

Rồi Mary thấy ông Nam ôm gọn lấy người đàn bà. Ông Nam chồm người về phía trước, và người đàn bà ngả người ra sau, như dựa hẳn vào "ngôi mộ". Những cành lá lệ liễu lơ thơ phe phẩy. Mary nín thở đứng yên. Miệng nó khô ran. Nó run cả tứ chi. Rồi một vạt mù từ đâu ở cuối vườn lù lù trôi ra, thoạt đầu còn mỏng manh sương khói nhưng bỗng chốc mịt mùng bao vây lấy người đàn ông và người đàn bà. Ông Nam mặc đồ đen, Mary còn thấy ông khá rõ. Nhưng khuôn mặt trắng và thân thể mới lồ lộ ban nãy của người đàn bà bây giờ đã nhạt nhòa đi rồi, và tan biến vào với mây mù...Bỗng chốc, Mary thấy ông Nam chỉ còn đó một mình. Ông đứng khom khom, đầu ông cúi cúi, ông đang đứng *cầu nguyện*. Và từ hai tay ông khoanh tròn, một mái tóc lớn, thật lớn, và dài, thật dài, và đen, thật đen, một suối tóc đen ngòm tuôn trào...

Mary vùng bỏ chạy. Đến ngã tư sau con hẻm, nó mới ngoái cổ lại. Nó thấy chỉ còn một vùng mây mù trắng xoá. Và chót vót trên vùng mây mù đó là đọt cây ẻo lả của cây lệ liễu, phất phơ như vẫy gọi.

Trong trí óc ngu ngơ mù mờ của Mary đâu có một góc nhỏ tí ti đôi lúc một hai lần chớp lóe sáng một cách vô cùng bất ngờ. Nó đem buổi tình cờ nhìn trộm ông Nam và người đàn bà đó kể cho cô Sharon nghe, nhưng cái lóe sáng nào đó trong não cân nó không cho phép nó kể đầy đủ như thường lệ. Mary nói nó vẫn tưởng ông Nam ở một mình. Nay thì nó biết có một người đàn bà với ông. Thế thôi. Nó không nói gì về chuyện thấy ông Nam ôm người đàn bà sau "ngôi mộ". Nó chỉ tả thật kỹ cái dáng đứng như cầu nguyện của ông Nam.

Nó nhắc đi nhắc lại về mái tóc lớn, thật dài, thật đen tuôn trào từ vòng tay ông.

- SHARON: *Em có tin có ma không? Do you bilieve in ghosts, Mary?*
- MARY: Em không biết
- SHARON: *Vậy hôm thứ sáu qua, em thấy người đàn bà tóc đen hiện ra, rồi biến mất, em có nghĩ rằng đó là một con ma không?*
- MARY: Em không biết, Cô.
- SHARON: *Thế tại sao em bỏ chạy, em sợ cái gì?*

Mary ngoẽo đầu qua một bên. Nó nhớ lại thân hình lõa lồ đẹp đẽ của người đàn bà thốt nhiên nhạt nhòa rồi biến lẫn mất vào mây mù. Nó nhớ lại rằng trong tay ông Nam chỉ còn lại một mớ tóc lớn, thật dài, tuôn trào như một dòng suối đen ngòm...Không, không phải thế, nó không sợ. Nó bỏ chạy vì đâu đó trong trí óc mù mờ ngớ ngẩn của nó, nó mơ hồ biết rằng...Mary nhớ lại nó đứng nấp sau mấy gốc *pussy willows* nhìn vô vườn sau nhà ông Nam. Nó nhớ rõ là tim nó đập liên hồi. Miệng nó khô ran, và chân tay nó bủn rủn. Nóng bừng cả mặt, nó cuối đầu. Cô Sharon lập lại câu hỏi:
- SHARON: *Tại sao em bỏ chạy hỡ Mary? Em sợ cái gì?*
- MARY: Em có sợ cái gì đâu!

Mùa thu đột ngột chấm dứt sau mấy trận gió táp mưa sa làm rụng hết lá vàng. Các loại cây thông thường trong vùng như lê, táo, sồi, phong bị bóc lột sạch nhẵn chỉ còn lại những thân cành đen đìu khô khốc. Đúng vào đêm Giáng Sinh, có một trận tuyết nhẹ đầu mùa, một trận tuyết nhẹ như bụi phấn. Rồi trời trở thật lạnh.

Tuần lễ đầu tháng hai dương lịch, một trận bão tuyết dữ dội đổ xuống dồn dập trong ba ngày hai đêm. Tuyết ngập cả ba phần tư tiểu bang. Các tiệm phố đóng cửa. Các trường học nghỉ học. Ngay cả sự sống như ngừng đọng lại.

Con bé Mary ở nhà, hết chơi với hai em lại đến coi T.V. Nó buồn chán. Ở trường, trong lớp, nó thui thủi một mình nhưng nó vẫn thấy "hơn" ở nhà. Sự xa cách với các trẻ đồng lứa tạo nên một thế giới tuy riêng biệt nhưng an toàn, và đem lại cho nó cái thích thú của sự cô đơn, của những tẩn mẩn riêng tư. Ở nhà, mẹ và hai em đối xử với nó một cách bình thường, không hất hủi như đám học trò, mà cũng không chu đáo như cô Sharon, khiến nó tưởng như nó phải gánh thêm một bổn phận nào đó ở ngoài tầm tay, làm cho nó bứt rứt lo ngại vu vơ. Trong những ngày tuyết rơi liên tục, Mary kẹt cứng ở nhà. Đến ngày thứ ba, nó chịu hết nổi, nó mặc áo đội mũ để ra khỏi nhà. Nó đi lang thang một mình dưới tuyết. Nó há miệng ra thật rộng để những bông tuyết bay ngang chui tọt vào miệng. Tuyết phủ trùm lấy trán, lấy má, lấy cằm nó...

Mary quẹo vào con hẻm dọc theo vườn sau nhà ông Nam--bây giờ ngập tuyết đến gần đầu gối--lúc nào không hay. Hàng rào lưới được bọc bởi một lớp tuyết dày. Mary vừa đi vừa úp bàn tay đeo găng lên hàng rào, vuốt ngả lớp tuyết rơi lả chả. "Ngôi mộ" sau vườn ông Nam đã trở thành một ngọn núi tuyết. Những cành lệ liễu trĩu nặng bông tuyết trắng, khom mình xuống thấp, rũ rượi.

"Mary!" Ông Nam. Mary biết là ông Nam, tuy rằng ông mặc *snorkel jacket* có mũ che kín mít.

"Tuyết nhiều ghê há, Mary?"

Tiếng nói ông Nam, nó nghe thật lạ. Cái mũ áo --*hood*-- dầy cộm, che kín mít cả đầu, mũi và miệng ông, chỉ chừa lại đôi mắt long lanh sau cặp kính. Nó thụt lùi một bước. Nhưng người đàn ông đã tiến lại gần:

*I have a little present for you!*.Ông có chút quà cho em đây nè!

Và ông Nam rút ra từ túi áo một vật gì nho nhỏ. Ông với tay qua hàng rào đưa cho nó.

*Here, take it, just a little something for you.* Đây, cầm lấy, chút quà cho em đây.

Mary lưỡng lự. Đó là một miếng giấy, một phong bì vuông vuông, màu đỏ thắm, có hình kim nhũ óng ánh. Ông Nam chuồi cái phong bì đỏ đến gần nó hơn, đầu gật gật ra vẻ khuyến khích. Mary đưa tay ra, rồi rút ngay lại. Ông Nam nói:

*Today is New Year's Day for us, you know. We give one another presents, just like at Christmas. Take it, it's for you.* Hôm nay là ngày đầu năm của người Á đông đó em. Như Giáng Sinh vậy đó. Đây, cầm lấy, quà của em đó.

Mary lại đưa tay ra, ngần ngừ, rồi chộp lấy phong bì đỏ, miệng vừa nói *thanks*, chân đã vụt chạy đi.

Vừa khuất góc quẹo của con hẻm và cái ga-ra của ông Waterston, nó vội quay đầu lại. Kịp đúng vào lúc ông Nam vừa bước chân lên hiên. Có ai đó đang mở rộng cánh cửa sau rước ông vào. Mary không nhận rõ mặt người ấy. Nó chỉ thấy một mái tóc lớn, thật dài, thật đen nhánh, ngời ngời trên nền áo màu hồng ấm, màu của hoa hồng-cẩu-mộc. Lúc ấy Mary sực nhớ rằng cũng màu hồng đó đã làm cho nó chú ý đến chân "ngôi mộ" khi ông Nam chưa xuất hiện. Chung quanh cái lều, *hut* nhỏ, nó thấy lấm tấm những chấm hồng lớn bằng đồng xu *penny*, và nó tưởng đó là dấu vết để lại của những giọt máu đào đã thấm sâu vào mấy tấc tuyết trắng. Dấu vết của một con thú nhỏ bị thương. Nhìn kỹ hơn, nó nhận ra đó là những mảnh giấy nhỏ xíu màu hồng, hồng như màu áo của người nào đó có mái tóc đen dài đã mở cửa sau cho ông Nam.

Mary hít một hơi dài. Đâu đây trong không gian trĩu nặng hơi nước, nó lại thấy thoang thoảng cái mùi hăng hắc thơm nồng nó từng được ngửi chiều lễ Độc lập, *July Fourth*, năm vừa qua...

Bỗng dưng Mary thấy thật sung sướng. Nó cởi một chiếc găng ra, thò tay vào túi áo. Nó mân mê cái quà nhỏ ông Nam mới cho. Mary không biết trong chiếc phong bì đó có cái gì, và nó cũng chưa muốn biết. Nó chỉ mân mê nền giấy vừa cứng vừa láng của chiếc phong bì nhỏ. Nó tin rằng trong bóng tối của cái túi áo ngự hàn, ánh kim nhũ đang lóng lánh sáng lên. Mary phóng chân đá nát một cục tuyết nằm bên lề đường. Nhìn tuyết vụn tung tóe bay lên, nó ngoác miệng cười, tiếng cười lạc giọng, u ơ.

**VÕ ĐÌNH**

NHA Y SĨ

DƯ THỊ MỸ LAN

GENERAL DENTISTRY

*Kính chúc quí khách*
*một năm Kỷ Tỵ khang an, thịnh vượng*

***Chữa bệnh Nướu Răng***

**9141 Bolsa Ave., Suite 302**
**Westminster, CA 92683**
**(714) 898-6449**

Giờ làm việc:
Ngày thường: từ 10Am đến 7PM
Thứ Bảy: từ 9AM đến 6PM
Chủ Nhật: từ 10AM đến 2PM

*Đào Trung Đạo*

## *Sinh nhật thơ tù ngục*

*Đêm tội đồ thiên tài hấp hối*
*trong câm nín sỏi đá nhục hình*
*độc thoại cùng mặt trời đen tháng giêng ký ức*
*lịm tắt ngoài song cửa vườn tưởng niệm bình minh:*

*một đời biệt xứ*

*Có còn chút hơi ấm nào trên bàn tay rũ liệt?*
*hay trong lệ ngấn lưng tròng*
*anh sửng sốt lay gọi bóng mình*
*đang âm thầm trối trăng theo những bước chân hụt vấp úp mặt*
*vào mùa đông tê buốt*
*trên những hầm hố hằng hà địa ngục*
*lẩn lút lời nguyền rủa âm hồn treo trên mũi súng giảo hình:*

*một đời biệt xứ*

*Em hãy đến cùng anh soi bóng*
*(đêm nguyệt tận quê nhà em có hay?)*
*trên giòng sông mùa xuân tang chế*
*thả trôi những năm tháng phôi pha*
*những ngăn cách Ngân hà những mỏi mòn tinh-đẩu*
*những ước mơ liệm kín hồn người:*

*làm ánh nến tỏa ngời sinh nhật*
*soi suốt những cửa khép ngục tù*
*làm con nước nguồn xô dạt*
*những biên giới chắn ngang những ngả đường địa ngục*
*làm vòng hoa trao tặng thiên tài*
*ngày trở về cùng nhân gian thiên cổ.*

*Đào Trung Đạo*

*Văn Học số 36,37/101*

*Thế Uyên*

## *Kẻ Sĩ Và Thiền Sư*

*Đức Nhuận: Tăng sĩ Phật giáo, tên thực Đồng Văn Kha, pháp danh Thích Đức Nhuận, sinh ngày 22-12-1926 tại làng Duyên-bình phủ Xuân Trường, Nam Định, Bắc Việt. Xuất gia từ năm 18 tuổi, hiện trụ trì tại chùa Giác Minh Sài Gòn, giữ chức Chánh Thư Ký viện Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, giáo sư Dân Tộc học và Phật học thuộc Viện Đại Học Vạn Hạnh, chủ trương các tạp chí Thống Nhất, Vạn Hạnh... Tác phẩm:* Gió Thiêng, *thơ 1959,* Phật học Tinh hoa *1961 và 1971,* Trao cho thời đại một nội dung Phật chất *1967,* Chuyển hiện đạo Phật vào thời đại, *1968.*

Sau năm 1970, tôi có soạn một bộ Quốc Văn cho các lớp 6, 7, 8 và 9 của Trung học Việt Nam. Trong phần văn xuôi hiện kim, tôi có trích văn của hai thiền sư Việt là Nhất Hạnh và Đức Nhuận. Phần trích trên đây là phần tiểu sử của Đức Nhuận, xét như một nhà văn, ghi ở phần tiểu sử các nhà văn ở phần chót cuốn Quốc văn này.

Xét về phương diện tôn giáo, tôi là một Phật tử, nhưng là một Phật tử không thuần thành. Khi còn nhỏ, tôi theo cha mẹ, nhất là theo mẹ tới các chùa trong những Tết và lễ lớn trong năm. Khi vào tuổi thiếu niên, bà ngoại tôi (mẹ của các Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam và mẹ tôi) xuất gia vào chùa theo thủ tục Phật giáo Việt Nam vẫn dành cho các bậc vương phi hay hoàng tộc thời xưa, nghĩa là được phong ngay làm sư cụ (hồi đó chưa có các chức Thượng Tọa, Đại Đức), dĩ nhiên là một thứ sư cụ danh dự. Nhưng dù danh dự hay thật thụ, thì bà tôi cũng ở các chùa, và ở rất nhiều chùa khác nhau, từ nơi thờ Hai Bà Trưng, một ngôi chùa ở ven sông Hồng năm 1946-1950, một vài ngôi chùa ở Hà Nội...đến những ngôi chùa ở Sài-gòn sau năm 1954.

Và theo đúng truyền thống "cháu bà nội tội bà ngoại", bà ngoại tôi ở chùa nào thì tôi lui tới khá thường xuyên ngôi chùa đó. Tôi thân thuộc rất nhiều chùa, trèo biết bao nhiêu cây trong chùa, leo lên biết bao nhiêu gác chuông để coi chú tiểu hoặc một vị ni trẻ măng đánh chuông thường lệ trong ngày... Kể như tôi hồi trẻ có bị ướp trong khói hương và tiếng chuông của Phật cũng không sai mấy.

Nhưng lui tới nơi thờ Phật nhiều như vậy cũng không làm tôi hiểu rõ giáo lý Phật giáo hơn một thanh niên Việt Nam trung bình khác. Tôi có nghe giảng kinh mấy khi — và đôi khi có nghe thì cũng chẳng hiểu gì. Sau khi bà ngoại tôi mất đi rồi, ở nơi tôi chỉ còn lưu lại một dấu vết: tôi vẫn thích cảnh chùa, nhất là cái không khí yên tĩnh, phẳng lặng ngàn đời của những nơi này. Khi đã lớn, mỗi khi tâm hồn rối loạn, lo nghĩ, tôi vẫn hay dừng xe trước một vài ngôi chùa quen thuộc, chậm rãi đi qua sân chùa, vào chính diện. Tôi chưa bao giờ thắp một nén hương nào cắm lên trước tượng Phật. Tôi chỉ kiếm một cái cột hay một vách tường, ngồi dựa lưng vào đó, ngắm đức Phật mỉm cười bất tuyệt, vĩnh cửu trên cao. Tôi cứ ngồi im lặng như thế thôi, đến khi tâm hồn lắng xuống, mọi mối lo âu hay suy tư lắng dần, trở lại đúng vị trí khiêm tốn trong cuộc đời, giòng đời trôi như vũ bão ngoài kia. Đến lúc đó, tôi đứng dậy, rời khỏi chùa. Không một cúi đầu, không một lời cầu kinh nào.

Ngoài những lúc tự ý kiếm tới chùa như thế, tôi còn đến chùa nhiều lần nào những dịp Tết, lễ hay tang lễ nữa trong năm — cả ba họ của tôi, họ mẹ, họ cha và họ bên vợ đều là Phật tử. Nhưng nếu khi còn nhỏ, tôi chỉ im lặng nhìn mẹ tôi lễ Phật, thì khi đã lập gia đình, tôi chỉ nhìn Thi, vợ tôi, lễ Phật theo đúng nghi thức. Và dĩ nhiên khỏi nói ai cũng có thể đồng ý rằng không gì thú vị an bình cho bằng khi theo cả mẹ và vợ tới chùa, nhìn vợ yêu của mình quỳ bên cạnh mẹ già, khấn Phật và cầu xin đức Phật che chở cho những người thân — dứt khoát trong đó có...tôi. Nhưng tôi chỉ là Phật tử có tới đó thôi, không qui y, không Pháp danh, không ăn chay...Tôi vẫn khoái làm người lặn hụp trong bể khổ, lâu lâu mệt quá...leo lên bờ trong vài khoảng khắc, nương nhờ cửa Phật nghỉ cho hồi sức. Nhận xét về chính mình, tôi vẫn tự bảo mình là một Phật tử không thuần thành là vì thế.

Vào tuổi trung niên, đã trở thành một nhà giáo dạy văn và là nhà văn đã nhiều năm, do cả hai nghiệp vụ này, tôi hiểu rõ triết lý Phật giáo hơn. Trong đời sống, do hoạt động văn hóa văn nghệ, tôi quen với hai tăng sĩ chuyên về xuất bản là Thanh Tuệ (nhà xuất bản An Tiêm) và Từ Mẫn (nhà xuất bản Lá Bối). Còn về thầy Đức Nhuận, tôi chỉ được biết đến ông khi nhóm văn hoá Thái Độ tổ chức một cuộc phỏng vấn với đề tài là *Người Việt quốc gia có cần phải làm một cuộc cách mạng xã hội không cộng sản không mới hi vọng thắng được cộng sản?* Nhóm chủ biên nêu ra một danh sách các nhà lãnh đạo tinh thần và văn hóa trên toàn quốc thuộc đủ mọi thành phần và khuynh

hướng khác nhau. Thí dụ như về Công giáo, thì phỏng vấn linh mục Hoàng Quỳnh (tiêu biểu cho thành phần chống cộng cực đoan theo tinh thần thủ cựu của cộng đồng Vatican I, tương tự như Hồng Y Spellman của Hoa Kỳ), linh mục Cao Văn Luận (tiêu biểu cho khuynh hướng trung dung) và linh mục Chân Tín (tiêu biểu cho khuynh hướng hòa giải với mọi chế độ cộng sản, theo tinh thần của Cộng đồng Vatican II của Giáo hoàng Jeanne 22 và các vị kế tục. Về Phật giáo thì phỏng vấn Thượng tọa Tâm Châu (tiêu biểu cho khuynh hướng bảo thủ và chống cộng với bất cứ giá nào), thượng tọa Trí Quang (tiêu biểu cho khuynh hướng hòa giải với đảng Cộng sản và nhất là Mặt Trận của Nguyễn Hữu Thọ). Còn với phe trung dung của Phật giáo, nhóm chủ biên đưa ra tên thầy Đức Nhuận, Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống, trụ trì tại chùa Giác Minh đường Phan Thanh Giản. Nói tới Thượng tọa Đức Nhuận, thì thời đó tôi không biết rõ, nhưng chùa Giác Minh thì tôi rất quen thuộc. Lý do rất giản dị: sau 1954, bà ngoại tôi đã lui tới ngôi chùa này rất nhiều. Khi bà mất đi, con cháu đã chôn cất bà tại nghĩa trang của chùa Giác Minh tại Gò Vấp. Sau đó, cả họ chọn nghĩa trang Giác Minh làm nghĩa trang của giòng họ: vợ Thạch Lam, vợ Hoàng Đạo, ông anh cả Nhất Linh, ông bố tôi, và dĩ nhiên cả Nhất Linh, đều mai táng tại cùng nghĩa trang này chưa kể vài ba con cháu khác nữa...

Sau cuộc phỏng vấn toàn quốc này (hầu hết những người được phỏng vấn đều đồng ý rằng cần phải có một cuộc cách mạng xã hội không cộng sản, mới có thể chống lại đảng cộng sản), nhóm Thái Độ có tổ chức một buổi họp mặt nhân dịp tập san Thái Độ được một năm, tôi có mời một số nhà lãnh đạo các tôn giáo. Thầy Đức Nhuận, trong bộ áo bình dị đến bằng xe xích lô, linh mục Cao Văn Luận cũng bình dị không kém trong bộ áo đen, nhưng đến bằng xe hơi riêng có tài xế lái. Vợ tôi, với tư cách nữ chủ, đã mời thầy Đức Nhuận và linh mục Cao Văn Luận ngồi chung một ghế dài kê ở vị trí chính trong phòng khách, cho hợp với chức vị của hai vị đó, và cũng để tiện cho nàng pha trà, mang hoa quả ra mời khách. Còn linh mục Nguyễn Ngọc Lan, hồi đó rất tả, tách ra ngồi tít cuối phòng và không từ chối một vài ly rượu vang pha trái cây dành cho thực khách hôm đó. Dĩ nhiên lớp trẻ bọn tôi đều rất thú vị khi nhìn thấy hai vị tăng lữ này đàm đạo với nhau rất thoải mái. Người chủ biên là tôi, vì bận với bạn bè khách khứa, thỉnh thoảng mới ghé gần nói với mỗi vị vài câu truyện văn hóa thông thường. Trước khi ra về, thầy Đức Nhuận ân cần mời tôi ghé tới thăm thầy ở chùa. Tôi vui vẻ nhận lời, và khi định đưa tay bắt giã từ theo thói quen, thì thầy không bắt, chỉ giơ hai tay lên chắp trước ngực chào tôi giã từ. Kể từ đó khởi đầu cho một tình bạn lạ kỳ kéo dài trong rất nhiều năm, xuyên mọi đổi dời cũng như dâu biển. Một tình bạn mà khi giã từ nhau, bao giờ thầy Đức Nhuận cũng chắp tay trên ngực chào, còn tôi thì đứng thẳng và cúi đầu đáp lễ.

Kể từ đó, bận gì thì bận, đi lễ chùa nào thì đi, nhưng một năm ít nhất hai lần tôi cùng gia đình đều tới chùa Giác Minh: ngày 1 Tết và lễ Vu Lan trong tháng 7 âm lịch. Dĩ nhiên tôi còn ghé tới nhiều lần khác vì những lý do văn hóa và chính trị, nhất là về văn hóa. Hai bên thường tặng sách báo cho nhau và bàn luận về nhiều vấn đề. Không phải bao giờ chúng tôi cũng đồng ý với nhau. Nhưng nếu tôi trẻ và sôi nổi, thì thầy, đúng là một thiền sư, lúc nào cũng điềm đạm. Theo lời dặn của thầy, mỗi lần tới chùa, tôi đều đi thẳng vào phía sau, đi cầu thang trong, lên phòng khách riêng của thầy. Sau đó, chỉ việc gõ cửa phòng thầy ngay kế đó, là thầy sẽ ra. Những khi bàn về những việc quan trọng, thì thầy mời tôi vào trong phòng riêng. Nhưng dù ngồi ở phòng khách nhỏ hay phòng riêng, bao giờ thầy cũng tự tay pha trà mời tôi. Chú tiểu, nếu có được gọi tới, thì để sai những việc vặt khác. Hai người vừa hút thuốc lá vừa bàn mọi chuyện — thầy Đức Nhuận là một thiền sư hiếm có hút thuốc lá thoải mái, và dĩ nhiên là rất có tinh thần văn nghệ để có thể hiểu được giới cầm viết như tôi. Đã thế, dù là Chánh Thư ký Viện Tăng Thống chuyên về nội bộ của hàng tăng ni, thầy lại rất quan tâm tới thời sự, một điểm nữa làm cho tôi dễ thân với thầy.

Dĩ nhiên thầy đã vài lần đề nghị tôi có một hợp tác thân thiết với Phật giáo, thời đó đang nhiều quyền lực thế lực hơn bao giờ hết. Tôi đã ngần ngại. Tôi đã bầy tỏ lo ngại là nếu Phật giáo đi vào vòng tranh chấp quyền lực như thế, e chỉ có hại cho đạo pháp mà thôi. Một lần, trong lúc thảo luận, thì một vị sư áo nâu đi băng qua, chắp tay chào tôi. Tôi không biết vị sư trẻ mập mạp, dáng đi như một Samourai ấy là ai. Thầy Đức Nhuận phải nói tôi mới biết đó là đại đức Giác Đức, một tăng sĩ tốt nghiệp đại học ở Mỹ về, một trong những mũi dùi xung kích của Phật giáo tranh đấu.

Khi ra đến cầu thang chuẩn bị ra về, thầy Giác Đức xuất hiện, mời hai vợ chồng tôi lên phòng thầy đàm đạo. Thầy ở trên lầu ba của chùa. Khi bước chân vào trai phòng của vị sư trẻ này, cả hai vợ chồng tôi đều ngạc nhiên. Giác Minh là một ngôi chùa đúng nghĩa là chùa với các phòng ốc kiến trúc cổ điển, mọi sự sạch sẽ tối đa và không khí trầm lặng. Phòng khách riêng của thầy Đức Nhuận không khác gì mọi phương trượng của các thiền sư thời xưa. Trên chiếc bàn thấp, bao giờ cũng là một vài bông hoa hay đôi khi chỉ là một vài cành lá, tất cả được tỉa chọn khéo léo như cỏ cây trong phòng trà đạo của Nhật Bản. Phòng riêng của thầy cũng giản dị, một chiếc giường cá nhân, một bộ bàn ghế nhỏ, và bàn làm việc đầy sách báo. Trên tường, ngoài tranh đức Phật, chỉ còn một bức về một chữ Tâm rất lớn, phóng bút linh hoạt như bão biển của một cậu bé thần đồng về viết chữ của Đại Hàn...Bởi thế dĩ nhiên tôi chờ đợi phòng thầy Giác Đức cũng tương tự. Thực tế thì lại khác hẳn: vị sư trẻ này hầu như đã mang nguyên văn căn phòng kiểu Mỹ của thầy khi còn du học về chùa Giác Minh. Và dĩ

nhiên không thiếu một nồi cơm điện, một restroom. Thầy cắt nghĩa với Thi, vợ tôi, rằng thầy không thể ăn một bữa đúng ngọ như các vị sư khác cùng sơn môn. Và dĩ nhiên sư trụ trì Đức Nhuận đã cho phép thầy được thổi cơm ăn thêm bất kể khi nào muốn. Thầy Giác Đức cùng lứa tuổi nên câu truyện giữa ba chúng tôi phóng khoáng, bay bổng và sôi nổi hơn.

Trong lần gặp gỡ sau, tôi có nhắc tới thầy Giác Đức cùng căn phòng kiểu Mỹ trên lầu ba của chùa, thì thầy Đức Nhuận chỉ mỉm cười, vẫn nụ cười điềm đạm ấy, nhỏ nhẹ bảo tôi đường lối của thầy không hề câu chấp những truyện chi tiết. Thuyền về bến giác, kiểu thuyền đâu quan trọng, mà quan trọng là tấm lòng của người trên thuyền. Dĩ nhiên tôi đồng ý dễ dàng quan điểm đó. Cũng như lần ghé chùa Vĩnh Nghiêm hồi mới khánh thành, tôi có chỉ những tranh vẽ cảnh địa ngục với đủ ác quỷ đang trừng phạt những người phạm tội, mà bảo: Những cái này đâu phải là Phật giáo...Vị sư đi cùng đã mỉm cười: Giáo lý của đức Phật phải tùy theo cái tâm cái sức của chúng sinh mà phổ cập. Những bức vẽ này đâu có dành cho những người như anh, mà dành cho những Phật tử tâm hồn giản dị chất phác. Ít nhất những bức tranh ấy cũng làm cho các bà già ích kỷ nhà giàu độc ác bớt ác độc đi, biết sợ mà tránh điều dữ làm điều lành....Và với một cách lý giải như thế, tôi thường chỉ cười vì hết ý kiến!

Thời gian cứ qua, tình bạn giữa thầy Đức Nhuận và tôi cứ nhẹ nhàng và bền vững. Có một lần duy nhất tôi thấy thầy không vui ra mặt khi tôi cùng cả nhóm Thái Độ từ chối không tham gia một phong trào quan trọng của Phật giáo. Khi tiễn ra về lần này, thầy đưa tôi xuống cầu thang và hỏi một lần nữa tại sao đã từ chối. Thời đó, đọc đã quá nhiều công án, tôi đâm ra cũng hơi...thiền, nên đã chỉ lên bầu trời, lúc ấy đang là mùa mưa nên đầy những đám mây xám và thấp bay qua rất nhanh. Thịnh suy như lộ thảo đầu phô, danh lợi ở cuộc đời này cùng chẳng qua như những đám mây kia thôi.

Thời gian lại tiếp tục trôi qua nữa và tương quan giữa thầy và tôi vẫn không thay đổi. Cá nhân tôi cũng như anh em nhóm Thái Độ cũng chưa một lần nào thực sự tham gia một phong trào của Phật giáo, bất kể do khuynh hướng nào chủ trương. Mỗi lần ra mắt sách hay có một buổi họp của bên Thái Độ, thầy vẫn cứ đến. Có một lần ở quán Hầm Gió của Nam Lộc, nếu nhóm đã từ chối không để một thủ tướng đương thời ghé đến "chỉ như một người yêu thích văn nghệ thôi", nhưng thiệp mời vẫn cứ gửi tới chùa Giác Minh như thường lệ. Và không có cảnh gì có tính chất...thiền hơn thầy Đức Nhuận ngồi trong một góc quán này uống trà giữa giới trẻ, trong đó không thiếu vài nữ nhân xinh đẹp. Hình ảnh này làm tôi nhớ đến một công án khá nổi tiếng: "Hai vị sư Nhật đang đi về chùa thì gặp một cô gheisa xinh đẹp đang lưỡng lự không biết làm sao băng qua lòng đường lầy lội. Vị sư thứ nhất đến gần, bồng giùm cô gái qua đường cho khỏi dơ áo đẹp.

Khi về gần tới cổng chùa, vị sư thứ hai trách vị sư thứ nhất là tại sao là nhà sư mà lại đi bồng gái đẹp như thế. Vị sư thứ nhất trả lời: "Tôi bế giùm cô gái và đã đặt cô ta bên vỉa hè đối diện từ lâu rồi. Còn anh, nếu không nói ra, thì tôi đâu biết xém chút nữa anh bế cô gái đẹp ấy vào tận trong chùa chúng ta!"

Sau 1970, tôi bắt đầu soạn một bộ giáo khoa Việt văn cho cấp trung học. Với tư cách là giáo sư Việt văn của Bộ Giáo dục, tôi đã chán phải sử dụng những bộ giáo khoa quá lỗi thời rồi. Tốt nhất là soạn cho mình và soạn cho lớp giáo sư đồng nghiệp trẻ một bộ luôn, theo phương pháp mới nhất của Pháp cũng như Mỹ...Với quan điểm này, không thể thiếu những bài văn cung cấp kiến thức căn bản cho học sinh về Phật giáo. Tôi đã chọn hai nhà văn tiêu biểu cho văn chương Phật giáo là Nhất Hạnh và Đức Nhuận. Nhất Hạnh cho loại văn tả cảnh tả tình, ký sự. Đức Nhuận cho văn biên khảo. Tôi muốn có một bài đọc thêm về tiểu sử Thích Ca viết theo lối văn học sử mà kiếm hoài không ra. Sau tôi nhớ trong cuốn *Chuyển hiện đạo Phật vào thời đại*, thầy Đức Nhuận đã đưa ra một nhận định rất mới về Thích Ca: Thích Ca chỉ là một vĩ nhân của nhân loại, một nhà tư tưởng, văn hóa lớn. Và đạo Phật, xét về một phương diện nào đó, chỉ là một ý thức hệ, một nền văn hóa lớn của loài người.

Nhớ lại nhận định này, tôi mới tìm ra một đoạn tiểu sử Đức Phật rất hợp với sách giáo khoa trong cuốn *Phật học Tinh hoa* của thầy để cho vào quốc văn lớp 6. Về triết lý Phật giáo, tôi lấy một công án do thầy viết lại, cho vào cuốn lớp 8.

Trích văn ai phải soạn tiểu sử nhà văn đó. Nhờ vậy tôi mới biết thầy Đức Nhuận sinh năm 1921: thầy cao tuổi hơn tôi tưởng nhiều lắm. Đã thế, chắc tại lối tu chăng, thời gian qua có làm tôi già dần, chứ thầy thì gần như không. Nhưng dù tưởng là trẻ hơn hay già hơn thì ngay từ những ngày đầu quen biết, tôi vẫn giữ tương quan giữa những người làm văn hóa với nhau. Tôi vẫn gọi thầy bằng thầy và xưng tôi. Khi chào giã từ, thầy chắp tay trước ngực, còn tôi thì chưa bao giờ đáp lễ lại theo kiểu một Phật tử cả. Nhưng Thi, vợ tôi, lại khác. Nàng đến chùa từ nhỏ như một Phật tử, bởi thế, dù theo tôi gặp thầy Đức Nhuận bao nhiêu lần, nàng vẫn xưng con như mọi tín đồ khác. Đôi khi nhận ra sự kiện xưng hô lung tung, chồng thì xưng hô tôi, vợ thì xưng con, tôi cũng thấy ngộ nghĩnh. Sau cùng tôi cũng kệ mọi sự là như vậy khi hiểu rằng tương quan thực sự giữa tôi và thầy là thứ tương quan truyền thống giữa kẻ sĩ và thiền sư thời xưa. Nhiều kẻ sĩ vẫn kết bạn với nhà sư, đến chùa đánh cờ, bàn luận về Phật pháp và thế sự với thiền sư. Giao thiệp thì thân tình, nhưng kẻ sĩ vẫn cứ là kẻ sĩ, thiền sư vẫn cứ là thiền sư.

Tương quan kiểu này lắm khi cũng kẹt trên thực tế. Rất nhiều khi đang ngồi cùng ghế dài nói chuyện với thầy, có những người già, nhất là phía nữ, dón dén bỏ dép bước vào, quỳ gối lạy chào hoặc giã từ sư

trụ trì và xưng con. Tôi hiểu vai vế của thầy trong giới tăng lữ rất là cao, các cụ già có quỳ gối như thế cũng là truyện bình thường. Chỉ có điều mỗi lần gặp cảnh đó, tôi bao giờ cũng vội vàng đứng dậy lui ra xa để tránh những cái lạy của những người ngang tuổi mẹ mình như thế.

Lũ con tôi dần dần lớn lên, chúng đã coi chùa Giác Minh như chùa của chúng, ngôi chùa sẽ không thể nào quên trong cuộc đời. Còn thầy Đức Nhuận, cũng là thầy của tụi nó, một nhà sư thân thuộc và bao dung. Mỗi đầu năm tới chùa, bao giờ chúng cũng được thầy gọi vào phòng khách riêng nhận tiền lì xì, rồi sau đó tha hồ chạy chơi trong chùa, đôi khi còn ở lại khua đũa khua bát "ăn cơm chùa", hiểu theo nghĩa nào cũng đúng, một bữa... Trẻ con nào cũng có trực giác bén nhạy để hiểu ai là người quan tâm và thương chúng thực sự và nếu chúng có quý mến thầy thì cũng là điều tự nhiên.

Con người của thầy Đức Nhuận, theo cái biết của bọn tôi, là như thế. Rất gần gũi với cuộc đời và con người. Thầy chưa hề là một nhà sư thoát tục, không hề bắt chước Đạt Ma Sư Tổ quay lưng lại cuộc đời mà diện bích năm bảy năm. Nói theo ngôn ngữ lớp trẻ thời đó, thầy chưa hẳn là một thiền sư 100%, thầy còn ràng buộc nhiều với nhân thế. Có một lần, ngày mồng một Tết, hai vợ chồng tôi đến trễ nên gặp cảnh phòng thầy đang đông đảo những nhân sĩ quen thân trong đó có cả những người nhờ thầy mà nắm những chức vụ cao trong chính quyền đương thời. Dĩ nhiên dưới mắt thầy, thì nhà văn như tôi được trọng hơn, thí dụ như dân biểu chẳng hạn một chút, nên tôi được nhường ghế ngồi ngay. Ngồi xuống rồi, tôi mới nhận ra Thi còn đứng. Giáo sư Nguyễn Thành Vinh, một bạn cố tri của cả hai vợ chồng đã nhanh nhẩu can thiệp, bảo vợ tôi: "Thi ngồi tạm đây đi". *Đây* chính là đầu giường nhỏ của thầy Đức Nhuận, lúc đó hoàn toàn bỏ trống vì khách nào cũng vậy, không ai ngồi lên giường của sư trụ trì. Sáng hôm đó, dĩ nhiên Thi mặc áo dài cổ truyền màu vàng với chiếc quần lụa trắng mỏng của nữ nhân miền nhiệt đới. Tôi không kịp phản ứng thì nàng, hồi đó còn rất trẻ và ngây thơ, đã vén tà áo dài ngồi xuống. Tất cả mọi sự diễn ra rất nhanh, nhưng tôi kịp nhận ra trong lúc Thi đặt cái phần để ngồi xinh xắn của nàng xuống, tôi nhận thấy một thoáng nhíu mày xuất hiện trên nét mặt thầy.

Hai vợ chồng đều thích đọc văn Võ Phiến. Trong một cuốn sách của nhà văn này đã có đoạn kể câu truyện một nhà sư rất đạo hạnh nhưng cũng rất tử tâm. Một hôm đi đường, nhà sư này đã nhặt giùm một cô gái đẹp chiếc giày rớt xuống sình, bằng cách dùng một ngón tay móc lên. Nhiều năm về sau, khi viên tịch, hỏa thiêu thì toàn thân vị sư thành xá lợi, ngoại trừ có một ngón tay - đúng ngón tay vị này đã dùng để móc giùm chiếc giày cô gái mấy chục năm về trước. Chẳng biết ông bạn già Võ Phiến kiếm trong sử sách nào câu truyện này, nhưng nó đã là một cái cớ để tôi trách Thi đã vô tâm, dám ngồi xuống giường thầy như thế, dám làm mất cỡ chục năm tu hành của thầy...

Dĩ nhiên đây chỉ là kể lại một câu truyện đùa bỡn giữa hai vợ chồng trẻ, nhưng cái nhíu mày thoáng qua của thầy Đức Nhuận là có thực, và chính Thi cũng đã nhận thấy. Riêng phần tôi, tôi vẫn nghĩ thầy còn ràng buộc nhiều với nhân thế, hẳn hệ lụy chắc chưa thể hết được.

Thời gian lại tiếp tục qua đều. Sau 30 tháng 4, 1975, ở một trại cải tạo trên rừng xa, có lần tôi nhận được thư Thi kể nàng quá buồn khổ, quá cô đơn nên đã đến chùa Giác Minh thăm. Nàng đã khóc với thầy, và vị sư trụ trì cao tuổi này, để an ủi nàng, đã đứng dậy xuống mở chính điện, tự tay thắp hương, thỉnh chuông để Thi có thể lễ Phật một mình trong ngôi chùa vắng lặng. Thi kể nàng đã cảm thấy được an ủi vô cùng sau khóa lễ đó. Nàng cũng kể thêm là thầy có nói thầy vẫn luôn luôn cầu đức Phật che chở cho tôi cũng như nhiều nhà văn nhà thơ quen biết khác đang lâm cảnh tù đày chưa biết ngày nào được tha. Đọc xong bức thư này, tôi đã xúc động vô cùng. Tôi đã phải ngửng đầu lên nhìn ra trảng tranh đang chuyển động nhịp nhàng dưới nắng chiều một lúc lâu mới bình tâm được. Hình ảnh vị sư già trong ngôi chùa vắng ân cần săn sóc, làm dịp nổi khổ đau cho người vợ trẻ, người mẹ trẻ như Thi, là một bức vẽ thủy mạc tuyệt vời minh họa cho lòng từ bi, độ lượng truyền thống của tôn giáo cổ truyền này.

Sau khi được tha về, dĩ nhiên Thi và tôi đạp xe tới chùa Giác Minh thăm thầy. Nhiều năm xa cách trôi qua, hình hài tôi có thay đổi, thân thể to ra và đen thêm vì những năm lao động, nhưng thầy thì vẫn thế. Tôi có cảm tưởng ông thần thời gian chỉ chạm khẽ đôi cánh của mình vào thầy mà thôi. Cách tiếp đón cũng vậy. Thầy đón chào ngày về của tôi với một nụ cười nhỏ nhẹ, làm như tôi chưa từng xa Sài gòn ngày nào. Thầy vẫn tự tay pha trà mời tôi. Theo tục lệ xưa giữa hai người, bao giờ thầy cũng chú giải thứ trà đang pha gốc ở đâu, Đài Loan, Trung Hoa hay Singapore và do ai mang tới tặng. Trước 75, khẩu vị của tôi về trà còn rất trâu bò, trà nào cũng giống trà nào. Bây giờ, sau nhiều năm uống lá trùm bao, uống sâm đất, uống lá hà thủ ô trên rừng, tôi biết thưởng thức vị trà hơn xưa. Tôi đã có một thay đổi nhỏ. Và thầy cũng thế. Xưa kia, thầy chỉ chú giải về trà. Bây giờ, thuốc lá hiếm và đắt, nhất là thuốc lá ngoại quốc, nên khi mời tôi thuốc lá ngon, thầy lại chú giải do ai mang tới tặng chùa. Câu truyện hàn huyên hôm đó cũng rất giản dị: thầy có tài làm tôi thấy những biến cố lớn như tù đầy của tôi, với hai lần đau suýt nữa mang thân làm mồi cho mối trên rừng, hay tai nạn tế nhúng cả một bàn tay vào chảo nước đang sôi...chỉ là những điểm chấm phá nhỏ không đáng gì trong bức tranh toàn cảnh của cuộc đời.

Dĩ nhiên tôi hỏi thầy về tương quan giữa Phật giáo và chính quyền mới. Thầy cho biết là không tốt đẹp gì. Đảng CSVN đã có tổ chức một Đại Hội mời tất cả những người lãnh đạo của Phật giáo tới dự để bầu ra một giáo hội mới, dĩ nhiên với một số nhà sư quốc doanh nắm vai chủ chốt. Thầy đã có kể rằng một thượng tọa, tôi không kể tên nơi đây

để tránh khỏi phiền lụy tới vị đó ở Việt Nam, đã đứng lên tuyên bố: "Chúng tôi do Phật tử bầu ra. Chỉ có các Phật tử mới có quyền chấm dứt nhiệm vụ của chúng tôi mà thôi. Chúng tôi sẵn sàng từ chức, nhưng trước các Phật tử mà thôi...". Thầy mời tôi cạn thêm một ly trà Đài Loan, châm thêm một điếu thuốc mới, rồi mới kể tiếp: "Sau câu tuyên bố đó, tất cả các tăng sĩ nhất tề đứng dậy, chắp tay cúi chào các đại diện Đảng rồi im lặng ra về. Kể từ đó đến nay cũng chưa thấy họ nói năng gì đến việc triệu tập một Đại hội Phật giáo nào khác."

Nghe thầy kể, tôi thấy là mọi sự không ổn rồi. Không bao giờ Đảng CS lại chấp nhận một thế lực tinh thần thứ hai, một ý thức hệ thứ hai, dù là của tôn giáo, trong vùng đất do họ quản lý mà không chấp nhận sự khống chế của Đảng. Dĩ nhiên đảng CSVN chẳng bao giờ làm cái truyện kiểu "hỏa thiêu Thiếu Lâm tự", nhưng sóng gió đỏ chắc chắn sẽ thổi thốc vào tam quan các chùa. Nhưng tôi không lo ngại gì nhiều vì trong thời gian cải tạo, tôi đã được biết các tăng sĩ Phật giáo — trong mấy năm đầu chỉ có các tuyên úy Phật giáo có mang cấp bậc sĩ quan — là thành phần chịu đựng chế độ cải tạo dễ dàng khinh khoái. Cái khổ số một là vật chất như ăn đói, ở cực thì các thầy bình thường ra đã ăn chay và ăn ít, nhiều sơn môn còn cả ngày chỉ ăn có một bữa chính ngọ — nay được ăn ba bữa, dù ít ỏi, cũng vẫn là quá nhiều...Còn về ở, thì ngồi trên nệm cỏ trong hang đá còn được, xá gì mấy lán trại trong trại cải tạo. Cái khổ thứ hai là xa gia đình, thì tu sĩ Phật giáo xuất gia từ lâu, không vợ không con. Cõi hồng trần đã xa lánh từ lâu...Tôi có đưa những ý kiến này ra, thầy Đức Nhuận chỉ cười, vẫn nụ cười hiền hậu, điềm đạm ấy.

Khi tiễn hai đứa tôi ra cầu thang, thầy nói một câu nhỏ ngắn với Thi, Thi gật. Thầy liền rút trong túi ra một tờ giấy bạc, trịnh trọng đưa bằng hai tay cho Thi. Thi cười, cầm ngay lấy bỏ túi. Trong đời tôi, chưa bao giờ tôi thấy ai giúp tiền kẻ khác mà đưa trịnh trọng đến như thế. Ra khỏi chùa, Thi cười tươi như hoa, rủ tôi: "Bây giờ em bao anh đi ăn phở Tàu Bay nghe, rồi uống cà phê Lão Tử..." Tô phở Tàu Bay hôm đó là tô phở đầu tiên tôi được ăn kể từ khi ở rừng về, khỏi nói ai cũng biết là ngon tuyệt vời. Rồi ly cà phê ở quán ông già ngay bên cạnh — ông già này thường được bọn tôi gọi là Lão Tử bởi vì khi còn là sinh viên trẻ, tiền nong ít, ông vẫn cho bọn tôi biên sổ, bao giờ có trả sau, không bao giờ thúc hối và ai có lỡ lưu lạc giang hồ với cõi lính, vài ba năm sau trở về trả cũng được. Trời hôm đó u ám vì còn là mùa mưa, tô phở nóng ngon tuyệt, ly cà phê nhỏ nơi gốc cây quen thuộc trong quán sát lòng đường với người mình thương yêu trong tầm tay: hạnh phúc đến là như thế, ngập trong giòng đời trầm luân... Vài tuần sau gặp lại, tôi đã kể cho thầy nghe tiền chùa thầy cho hôm đó bọn tôi đã sử dụng như thế nào và hạnh phúc ra sao, thầy chỉ cười, vẫn điềm đạm như thế thôi.

Về sau này Thi kể tôi mới biết trong quá khứ, thầy đã từng giúp tiền cho nàng mỗi khi nàng tất tả ngược xuôi năm con không xong. Thầy không giàu từ trước 75, bây giờ còn nghèo hơn, những khoản thầy đưa thường nhỏ, nhưng cũng cứu nguy được vài ngày gạo. Ngày mồng một Tết, thầy lì xì đủ cho những đứa con nào theo bố mẹ đến chùa. Những bà già đến lễ chùa đầu xuân, thường trịnh trọng để tiền cúng vào trong một cái dĩa, thầy để sang một bên, đợi mấy bà đi ra, lì xì lại cho lớp trẻ. Của thập phương cho lại bá tánh.

Nhưng tiền chùa, không phải tôi chỉ được nhận từ phía ngôi chùa quen thuộc lâu năm này. Từ tít mù bên Âu châu, tôi còn quen biết những tăng sĩ và Phật tử khác nữa. Ở nơi xa xôi ấy, những con người từ tâm đã bỏ công sức ra trồng được một vườn mận vài trăm cây. Bao nhiêu huê lợi thu được, gửi về Việt Nam chia xẻ cho những người khốn cùng. Những khoản trợ giúp bất thường và bất ngờ đến ấy, đã cứu nguy cho gia đình tôi nhiều lần. Một lần tôi đã biên một bức thư trịnh trọng cám ơn khu bên đó, và vị thiền sư trụ trì nơi vườn mận châu Âu đó trả lời, khuyên tôi hãy cứ nhận trong lúc cần, và mai mốt khi ra khỏi cảnh nguy, hãy quên đi. Như mây nổi khi tan quên bầu trời, nước sông ra biển quên các chân cầu. Nhưng dĩ nhiên tôi không phải là mây, cũng chẳng là nước trong giòng sông. Sau khi đặt chân lên vùng đất đã chọn lựa làm quê thứ hai, ngay khi lãnh được khoản trợ cấp tị nạn đầu tiên, cả gia đình tôi đều đồng ý gửi ngay một khoản $100 về cứu nguy bạn bè thân thuộc Sài gòn. Có một trăm thôi mà chia xẻ cho 12 gia đình. Bọn tôi không sợ người quê nhà chê ít vì mới ngày nào chưa xa gì, ai ghé chơi tặng cho ba ký gạo  khẩu phần một ngày  bọn tôi đã mừng như bây giờ ở trên cái xứ Mỹ này ai tặng bọn tôi một cái xe hơi. Có thể nói bọn tôi đã học được từ thầy Đức Nhuận, từ khu Phật tử nơi vườn mận châu Âu rằng của chùa khi cần nên nhận, nhưng trả thì không cần cúng chùa tô chuông đúc tượng chi hết: hãy trả lại bằng cách cho những người khác đang lâm cảnh khốn cùng...

Thời gian còn lại vẫn cứ qua đều, tình bạn giữa thầy và tôi vẫn cứ đều đặn, bình thản như thế thôi. Thầy vẫn tha thiết với dân tộc, thầy vẫn quan tâm tới chúng sinh, và dĩ nhiên bởi vì thế, thầy không cảm tình với đảng CSVN, với chủ nghĩa Mác Lê-nin. Thầy có lần nói với tôi: đạo Phật đến miền đất Việt, thời nào cũng giúp ích cho dân tộc, ở trong chúng sinh để làm bớt nỗi khổ của chúng sinh. Còn cái đạo của ông Mác ông Lê, biết bao giờ mới làm được như thế...Đến biết bao giờ, làm sao tôi trả lời được câu hỏi đó. Với tôi, trước sau tôi vẫn nghĩ rằng tôn giáo tốt là tôn giáo làm dịu đau khổ cho nhân dân, kể cả chúng sinh ngoài đạo của mình, rồi kế đó mới là làm cho con người trở thành bác ái hơn, nhân từ hơn, thương yêu nhau hơn. Còn với các chủ nghĩa, thì chủ nghĩa nào, nếu mang du nhập vào Việt Nam, cũng chỉ để cứu giúp cho dân Việt thoát khỏi vòng nô lệ ngoại bang, kế đó là

mang lại tự do tối thiểu cùng cơm no áo ấm cho tất cả. Chủ nghĩa, là để phục vụ cho dân tộc. Chưa ai hi sanh quyền lợi, hạnh phúc của dân tộc cho một chủ nghĩa ngoại lai bao giờ — ngoại trừ những đảng viên của đảng CSVN.

Lần cuối cùng tôi gặp thầy, cũng lại vào mùa mưa của miền Nam. Hai chúng tôi vừa gạt nước mưa trên tóc dưới hiên chùa, đã gặp thầy vui vẻ từ một phòng cạnh chính điện bước ra, tay cầm một xấp bản thảo đánh máy. Ít khi vui vẻ lộ hẳn ra ngoài như thế. Lúc ngồi uống trà nóng trên phòng khách quen thuộc, thầy cho biết đã gần hoàn tất cuốn lịch sử về Phật giáo Việt Nam. Tôi đồng ý dễ dàng rằng nếu những người như thầy không viết về lịch sử Phật giáo, thì còn ai đủ khả năng hơn...Mặc khác, về phần tôi, tôi cũng trình bày ước mơ sau này, khi tới được Hoa Kỳ, sẽ viết một cuốn lịch sử Việt Nam. Không phải viết theo kiểu cho người Việt đọc hay học mà viết cho người Mỹ, theo lối như André Maurois đã viết về lịch sử Anh quốc. Người Mỹ đã ràng buộc biết bao với phần đất Việt Nam, đã chết bao nhiêu người tại đây, mà thử hỏi có mấy ai biết gì về dân tộc Việt.

Sau đó thầy bị bắt, bị bắt ngay từ chùa Giác Minh. Tôi không cần đọc cáo trạng do đảng CSVN đưa ra cũng biết công an lại ghép cho thầy những tội thông dụng như âm mưu lật đổ chính quyền, tàng trữ vũ khí, truyền đơn, tay sai của CIA...

Ở Việt Nam cũng như tại nước ngoài, chẳng ai tin ở những cáo trạng ấy. Đảng CSVN bắt thầy chỉ vì thầy là một nhà văn, và là một tăng sĩ đầy lòng thương yêu dân tộc mình. Có vậy thôi. Hơn bốn năm sau, đọc báo chí tôi mới được biết thầy đã bị xử 10 năm tù — có báo đăng là 15 năm. Thầy đã cao tuổi lắm rồi, thì cho dù là 10 năm tù thôi, thầy còn cơ hội trở lại ngôi chùa thân thuộc cũ nữa hay không. Và tôi trong cuộc đời còn lại — tóc tôi cũng đã bạc lắm rồi — không hiểu còn có dịp gặp lại thầy nữa hay không đây. Nhưng tôi biết chắc một điều, nếu có gặp lại, thì vẫn tại Việt Nam (thầy không "kẹt" ở lại, mà thầy *chọn* ở lại với dân tộc và đất nước mình), chắc thầy vẫn tiếp tôi giản dị như xưa, và những câu mở đầu vẫn bình thường, làm như là chưa hề có ngăn sông cách biển nào đã xảy ra giữa hai người.

Thầy cũng có thể sẽ chết trong tù. Giả thử truyện đó có xảy ra, thì tôi cũng chỉ sẽ ngậm ngùi nhìn lên trời kiếm đám mây trắng hay xám. Tôi sẽ rán không để cho mình xúc động nhiều. Bởi vì thầysẽ không muốn tôi như thế. Kiếp người, kiếp của thầy hay kiếp của tôi, dài hơn hay ngắn hơn năm mười năm, cũng chưa đáng một góc sát-na nào trong thời gian vô thủy vô chung. Còn cái hình hài, đáng gì đâu hơn một hạt cát trong muôn ngàn triệu hạt cát trên khắp các giòng sông, các ven biển trên thế gian này...Chắc chắn thầy sẽ nói với tôi đại khái như thế, với nụ cười điềm đạm cố hữu. Rồi thầy sẽ mời tôi châm một điếu thuốc lá, để khói bay vào hư không tịch mịch.

THẾ UYÊN

Tháng 11 năm 88

*Khoa Hữu*

## *Trái tim người qua sông Cửu long*

*I*

*Ta về một tấc lòng xuyên Việt*
*trách gì sông nước cuộc bể dâu*
*ta về vẫn hai bờ tâm huyết*
*người nhớ sông, sông cũng bạc đầu.*

*Ta vui, từ bước chân ta bước*
*Ta vui, úp mặt trong bàn tay*
*Ta vui, sao lòng ta thổn thức*
*như sông cuồn cuộn sóng hồn này.*

*mười năm về, đời bên bờ Bắc*
*mười năm về nhớ siết như sông*
*đợi chuyến phà sang gọi ký ức*
*nặng lòng ta chuyến Bắc giữa giòng.*

*Ai vẽ mùa Xuân chen sắc Hạ*
*tháng ngày trong trí nhớ như tranh*
*ôi, yêu dấu nồng nàn như cỏ*
*yêu dấu như giọt nước trầm mình.*

*Và lớp lớp thuyền đi ngang dọc*
*lớp lớp người thủa ấy về đâu*
*Ta hiểu, mỗi đời là hạt thóc*
*gieo mầm cho đất một đời sau.*

*Kè đá thức trắng đêm sương phủ*
*huyền hoặc trăng trên đá mài gươm*
*bỏ núi, xa rừng, trăng viễn xứ*
*đá sắt son lòng đá ngậm ngùi...*

*Ta về hồi tưởng sông truyền thuyết*
*chín con rồng ẩn tích về đây*
*chọn đất thiêng gửi dấu móng vuốt*
*qua ngàn năm sót chút hình hài.*

*Ta về tưởng giữa giòng trống giục*
*Sóng thét, bầy voi trận xuất binh*
*cuồn cuộn đi như ngọn nước siết*
*bóng mây dồn theo bóng Quang Trung.*

*hai bờ chật quân ngồi nghỉ khát*
*Dưới mặt trời kết mảng qua sông*
*bạt núi, bạt ngàn, xóa dấu vết*
*quên máu xương, gởi nước tấm lòng.*

*Đoàn quân ấy Nam chinh, Bắc phạt*
*dọc ngang đời khai mở biên cương*
*bở vía, kinh hồn lân bang giặc*
*về phương Nam thần thoại Đông phương.*

*Thời niên thiếu cha cho áo vải*
*áo mẹ may thành áo long bào*
*nước có nguồn cây từ cội ấy*
*ơn sâu, nghĩa cả nặng ngàn sau.*

*Ta về mưa nắng như trời đất*
*Sông núi chờ ta dẫu mười năm*
*Ví dù ta còn sót nước mắt*
*nói làm sao, chuyện của cõi lòng?*

*Ta về, mây nước theo ngày tháng*
*chút ước mơ và chút phong trần*
*bến Bắc cũ — hồn người về muộn*
*Bến đời ta hay bến quê hương?*

*II*

*Ta về Nhật Nguyệt soi vầng trán*
*Lịch Sử còn lưu dấu cổ kim.*

***Khoa Hữu***
*Miền tây — Việt Nam*

*Văn Học số 36,37/114*

*Ngô Nguyên Dũng*

## *Bắt đầu năm thứ mười chín*

Nhân nghe giọng anh Sinh kêu lên ngạc nhiên bên kia đường dây điện thoại:

— Ủa, Nhân đó hả? Xuống đây hồi nào, sao không ghé nhà anh?

— Tới đây hôm qua, có chút chuyện, nhân tiện gọi tới hỏi thăm sức khoẻ anh chị và các cháu.

Anh Sinh nói hấp tấp:

— Vậy hả? Gia đình anh vẫn khoẻ. Em đang ở đâu?

Nhân đáp mà hai mắt không ngừng theo dõi những cuộn khói xám lờ lững bay lên từ những ống khói xây bằng gạch nung trên dãy mái nhà xếp lớp bên ngoài khung kính, có tuyết bám đầy:

— Trong một khách sạn nằm sau nhà ga.

Anh Sinh cằn nhằn:

— Thằng này, sao không tới nhà anh: Bày đặt ở khách sạn chi cho tốn tiền!

Rồi không đợi nghe Nhân phân bua, giọng anh trở nên gấp rút:

— Mà thôi, anh em mình sẽ nói chuyện sau. Cho anh tên và địa chỉ khách sạn. Trưa mai anh tạt ngang đón em đi ăn cơm trưa. Nhớ sửa soạn sẵn, anh tới là đi liền. Bây giờ anh có việc, phải cúp ngay. Mai gặp lại nghe Nhân!

Nhân "dạ" nhỏ, cho anh Sinh những chi tiết anh ấy cần biết rồi cúp máy. Tiếng o o rối loạn vang lên bên tai Nhân. Chàng gác ống nghe lên chiếc điện thoại màu xám nằm trên mặt tủ con đặt ở đầu giường, mệt mỏi ngã xuống, kéo chăn đắp tới cổ. Nhân tự trách, tự

nhiên từ miền Bắc đáp xe lửa xuống miền Nam, tìm vào một khách sạn tồi tàn ngủ qua đêm, sáng dậy thấy người ngầy ngật, có lẽ đang nhuốm bệnh.

Thật ra, không hẳn "tự nhiên" mà Nhân tìm tới thành phố này. Ngoài gia đình anh Sinh, Nhân còn quen thêm một cặp vợ chồng son trẻ người bản xứ từ khi còn đi học. Họ cứ biên thư, gọi điện thoại rủ chàng xuống đây chơi, không lo tốn kém, có nơi ăn chốn ngủ đàng hoàng. Và thêm một nguyên nhân nữa...Nhân mở trừng hai mắt ngó lên trần nhà sơn vôi trắng, nước mắt đoanh tròng. Đã bao năm rồi, hai anh em không còn liên lạc thường xuyên như lúc anh Sinh chưa lập gia đình, chưa có con và đời sống vật chất chưa ổn định. Để mỗi năm ra giêng, cận Tết ta, đáy lòng Nhân lại ùn ùn nổi sóng. Tâm tư chàng ngứa ngáy như bị dị ứng, bắt chàng phải lên đường. Đi và tìm kiếm. Gói ghém hành trang như kẻ du mục mải miết đi cho trọn vòng đời lẩn quẩn.

Nhân bất chấp cả chứng bệnh tâm lý có định kỳ, hằng năm gần Tết lại tái phát. Người chàng mệt lả, hâm hấp nóng. Ngủ với những giấc mộng chắp nối. Đầu óc xáo trộn như bức tranh của người loạn trí. Chàng bước ra đời sống huyên náo với cơn bệnh. Không vui cũng không buồn. Trạng thái tâm tình chàng phẳng phiu như một tờ giấy trắng. Từ khi ra trường tới nay, Nhân vẫn còn thất nghiệp. Niềm tự tin, lạc quan lúc vừa đi trọn học trình bây giờ nhỏ choắt lại như trái cây bị phơi nắng lâu ngày. Chàng sống với mớ tiền trợ cấp thất nghiệp ít ỏi, ngoài mặt lúc nào cũng ra vẻ yêu đời, nhưng bên trong phải vuốt ve vỗ về ghê lắm, Nhân mới khỏi bật lên lời than oán. Mỗi lần gọi điện thoại nói chuyện với anh Sinh, Nhân lại bẽn lẽn trả lời câu hỏi "có tìm ra việc chưa" của anh ấy: "Em vẫn còn 'bảy nghiệp" anh à!". Anh Sinh không trách mắng, không đặt ra những nghi vấn này nọ, chỉ nhỏ nhẹ hỏi: "Lúc này khó tìm việc vậy sao?" Rồi anh hối hả, sự hối hả thường trực gần như giả tạo, cất tiếng xin lỗi Nhân, không thể nói chuyện lâu hơn vì bao nhiêu công việc đang chờ được giải quyết.

Nhân chán ngán. Anh em chàng là hai thái cực. Anh Sinh với những thường nhật bề bộn, ngộp thở với nghề nghiệp. Còn ngày tháng của Nhân dài tới độ tưởng như không có những ánh sáng bắt đầu và những đêm kết thúc. Anh Sinh còn có một cuộc sống vật chất no nê, trương phình lộ liễu với ngôi nhà riêng miệt ngoài thành phố, với chiếc Mercedes, với những mùa hè tắm nắng ở nam Âu hay bắc Phi, với những quán ăn ba sao bốn sao kiểu cách. Và biết bao nhiêu mâu thuẫn khác nữa với đời sống Nhân. Mỗi sáng Nhân lười lĩnh thức dậy lúc 9 giờ, điểm tâm bằng một khoanh bánh mì nướng trét ma-ga-rin thoa mứt và một tách cà-phê sữa. Sau đó nếu hứng, chàng sẽ ghé ngang sở lao động để hỏi thăm xem họ có chỗ làm nào giới thiệu cho chàng. Vẫn những cái lắc đầu cố định. Vẫn những khuôn mặt buồn chán ngồi đợi ngoài hành lang. Chiếc thang máy không cửa vẫn

tuần tự lên xuống. Rồi Nhân lững thững ra trạm xe điện xuôi về công viên Westfalen, không quen ghé qua tiệm bánh mua hai ổ bánh mì con. Bầy bồ câu và lũ thiên nga đang chờ chàng. Nơi chiếc băng gỗ đó, bên cạnh cái thùng rác sơn xanh, trước một thửa đất trồng hoa, Nhân nhàn nhã vung tay ném những mẩu bánh mì bẻ vụn cho bầy bồ câu xập xoè cánh mổ. Ngồi với chúng một đoạn, chàng thong thả đi về hướng hồ nước với ổ bánh còn lại dành cho mấy con thiên nga. Lần nào cũng vậy, thấy chàng tới, bầy thiên nga lẹ làng bơi lại. Nhân giỡn với chúng bằng cách tung mẩu bánh lên cao. Ban đầu chúng còn vụng về bắt hụt. Sau vài lần cố gắng, có vài con đã thuần thục lắm rồi. Khi Nhân ném bánh vừa tầm, chúng nghểnh cổ ra, hai chân đạp nước trườn lên cao, mỏ ngoạm chặt lấy nuốt trửng xuống, phát ra cùng lúc một tràng tiếng kêu trầm đục chừng như thích thú với trò chơi ấy.

Một hồi, hết bánh mì, bầy thiên nga tản mác. Nhân ngồi duỗi chân tới trước, hai tay chắp sau gáy dựa ra sau, tâm hồn lợn cợn những cảm xúc đối nghịch. Một đầu ngày bình lặng êm ả. Nỗi chán ngán vì những hành động lập lại. Rồi những mùa trôi qua lặng lẽ. Có bao giờ chàng cảm nhận được cơn bệnh của thời tiết. Đó có phải là những ngày bão thổi qua đây. Bên ngoài mưa gió cuồng nộ, trong căn phòng nhỏ Nhân nằm thao thức với những ý nghĩ vừa lên cơn sốt. Chàng nhớ lại những kỷ niệm thời thơ ấu với anh Sinh ở quê nhà. Cuối năm âm lịch là Tết.

*
* *

*" — Nhân ơi! Nhân ơi!*

*Nhân còn mê mụội trong giấc ngủ trưa mùng Hai. Tiếng gọi thều thào của anh Sinh lại vang lên bên ngoài cánh cửa có hàng song sắt sơn xanh:*

*— Nhân ơi... E, ê, Nhân...*

*Anh lượm những viên pháo lép nằm vương vãi trên sân nhà, ném vô chỗ Nhân nằm. Một viên trúng ngay mặt Nhân làm tỉnh giấc. Nhân dụi mắt ngó ra sân nắng. Khuôn mặt anh Sinh hồng lên như choáng hơi men. Anh cười toét miệng, giơ tay ngoắt ngoắt, giọng mềm nhũn dụ khị:*

*— Ê, ra đây anh nói cái này cho nghe. Ngộ lắm!*

*Nhân xỏ chân vô dép, rón rén ngó qua giường ngủ của ba. Ba nằm day mặt vô tường, tiếng ngáy đều và êm. Nhân không dám đẩy cánh cửa treo, sợ gây tiếng động, nên khum người chui qua.*

*Anh Sinh đứng chờ Nhân ở hàng ba, bên khung gỗ hình bán nguyệt trồng dây trầu bà bò bò quấn quýt. Thấy Nhân, anh Sinh quỳ xuống đưa cho Nhân một viên kẹo cao su thổi bong bóng, nói:*

*— Anh mua cho Nhân đó.*

*Cặp mắt Nhân sáng lên, mở tròn vo. Giọng anh Sinh trở nên luống cuống bất chợt:*

*— Nhân nè...Em còn bao nhiêu tiền...cho anh mượn.*

*Hai mắt Nhân hết tròn vo, mà hơi ngơ ngác. Anh Sinh tiếp:*

*— Chiều nay trả liền. Hứa danh dự, chiều nay anh trả liền, có lời đàng hoàng.*

*— Nhân nhớ tới món tiền "ăn" được sáng này trong bàn xì-dách với má, dì và các anh chị em khác. Hôm nay Nhân được tổ đãi, nếu không "xì" thì cũng hai mươi dài dài, không thì 11 nút rồi rút thêm con mười hay lá hình. Đôi khi Nhân được 16 nút, "đủ tuổi" rồi mà vẫn làm gan rút thêm 5 ngon ơ. Có lần Nhân được "ngũ linh" nữa chớ. "Ăn mấy ván liền, Nhân hùn với má làm cái. Hai má con "vùa" nhiều quá trời, đến nỗi các tay con không cho làm cái nữa. Xong ván bài, Nhân hí hửng vuốt từng tờ giấy bạc cho thẳng thớm. Những tờ cũ, Nhân gấp lại làm tư, làm tám bỏ vô con heo đất chung với những đồng tiền cắc. Còn mớ giấy bạc mới, Nhân xếp vào hộp giấy đưa cho má cất trong tủ khoá lại.*

*Trong những cuộc vui chơi gia đình đó, thường không có mặt anh Sinh. Anh có những trò bài bạc khác căng thẳng và hứng thú hơn nhiều. Sáng sớm, sau bữa điểm tâm, anh Sinh lái vespa đi mất. Trưa về ăn cơm rồi lại đi cho tới tối.*

*Nhân hỏi một câu ngớ ngẩn:*

*— Bộ anh thua hết tiền rồi sao?*

*Anh Sinh ngó Nhân bằng nét mặt thiểu não, tuyệt vọng.*

*— Ừ...Anh hứa là anh sẽ trả Nhân nội trong tối nay.*

*Nhớ tới mớ tiền bỏ trong con heo đất, Nhân bối rối:*

*— Mà em bỏ hết vô con heo rồi.*

*— Thì lấy ra.*

*— Phải đập mới lấy ra được.*

*— Ừ, thì đập.*

*Thấy bộ mặt của Nhân phụng phịu không bằng lòng, anh Sinh vỗ về:*

*— Chiều nay trả lại cho Nhân, anh còn cho thêm nữa, dư sức mua mười con heo đất.*

*Nhân nghe bùi tai. Con heo của Nhân nhỏ xíu, phải mua một con khác lớn hơn để đọ với mấy con heo bự kền của các chị. Nhân ngẫm nghĩ, mình đập con heo này, lấy tiền cho anh Sinh mượn, sau đó dùng số tiền lời mua con heo bự, lại còn đựng nặng trịch mớ tiền giấy cùng những đồng tiền cắc lắc nghe lao xao.*

*Nghĩ rồi, Nhân kêu anh Sinh đứng chờ ở đó. Nhân lên phòng khách, nhón chân thò tay lấy chiếc chìa khoá bỏ trong thẩu bằng sứ, mở tủ dựng ở góc nhà dùng để đựng vật dụng linh kỉnh.*

*Mới đầu Nhân định cất con heo trong tủ quần áo, nhưng bị mấy chị la, con heo đất hôi rình mà mày đem bỏ chung với quần áo hả. Ừ, không hiểu mấy ông các chú tô điểm con heo bằng thứ sơn gì mà đưa lên mũi ngửi, Nhân thấy mùi thum thủm. Cầm lâu trong tay, màu sơn*

*lan qua mấy ngón tay Nhân đỏ kẻ. Nhưng mỗi lần đi ngang tiệm chạp phô, thấy lũ heo đất xếp hàng xinh xắn trên kệ, Nhân lại năn nỉ chị mua cho bằng được. Những con heo đất được Nhân "nuôi", không bao giờ mập. Mới bỏ ống được vài chục bạc, Nhân đã dùng dao cạy lấy ra để mua những món đồ chơi khác lôi cuốn hơn. Cạy không được, Nhân lấy búa đập bể toang. Những lần ấy, Nhân không buồn cũng không vui. Món tiền dành dụm nhỏ nhoi không đủ làm Nhân sung sướng. Còn con heo đất lại không đáng giá tới độ khiến Nhân phải tiếc rẻ. Nhân chỉ thương con heo. Bây giờ, trong vài phút tới đây, nó không còn "sống" nữa. Nhân ôm nó vô lòng, mơn vuốt cái đầu sơn đỏ trơn láng, nhủ thầm, đừng buồn và đừng khóc nhe heo!*

*Rồi Nhân đưa nó cho anh Sinh. Vừa lên tiếng nói " để em đi lấy cây búa" thì anh Sinh đã ngăn lại, "thôi không cần". Cùng lúc anh nâng con heo đất lên tới buông tay. Những mảnh vỡ tung toé, rơi xuống nằm lẫn lộn với mớ tiền giấy tiền cắc. Nhân đứng ngây người ngó anh Sinh hấp tấp cúi xuống nhặt nhanh, nét mặt anh không giấu được niềm vui.*

*Cả thảy là 285 đồng.*

*Anh Sinh cười toét, bỏ tiền vô bóp, giơ tay vuốt tóc Nhân:*

*— Chiều nay em còn được nhiều hơn vậy nữa.*

*Nhân nhếch môi cười đáp lời anh. Nhân mở cửa cho anh Sinh lái vespa chạy ra đường cái. Còn lại một mình nơi hàng ba, Sinh cặm cụi lấy chổi quét dọn những mảnh vụn vàng tứ tung. Nhân tìm thấy một đồng năm đồng nằm sát bên chậu bông móng tay. Nhân lượm lên, rầu rĩ như vừa thua hết láng trong ván bài mùng hai Tết.*

*
* *

Nhân ngồi dậy, cố chống cự với cơn sốt bất ngờ. Chàng đi vào phòng tắm, vặn nước thật nóng, nằm ngâm mười lăm phút rồi chà mạnh tấm khăn lông khắp người. Nhân ngó lớp da thịt đỏ ửng phản chiếu trong tấm gương hình chữ nhật. Vừa chợp mắt mệt mỏi trong cơn bệnh thường niên mà chàng đã mộng mị quàng xiên. Lũ chim bồ câu và bầy thiên nga của những sáng thất nghiệp. Con heo đất có lớp sơn hồi hám với anh Sinh và những đồng tiền năm mới. Nhân nhủ thầm, mình có thể mất tất cả nhưng không thể quên được tiếng kêu thều thào yếu ớt gần như van xin của anh Sinh vào buổi trưa Tết năm nào. "*Nhân ơi, Nhân ơi*". Bây giờ, chàng muốn lặp lại tiếng gọi đó, thay vì "*Nhân ơi*" mà là "*anh Sinh ơi*". Nhưng chàng vẫn câm lặng. Có một khoảng cách kiên cố ngăn chia chàng với anh Sinh. Nhân không muốn đứng từ dưới thấp, ngẩng đầu gọi với lên bằng tiếng rên của một sinh vật trong cơn tuyệt vọng. Vị trí của chàng. Hừm, bằng cấp của Nhân không cho phép chàng làm như vậy. Hay đúng hơn, nó khiến Nhân mọc thêm những tự ái che lấp cả cảm tình gia đình thông thường. Nhân muốn gọi "anh Sinh anh Sinh, em tha lỗi cho anh vì cầu

chuyện mớ tiền bỏ ống ngày Tết dạo nào". Nhưng Nhân vẫn nín bặt. Chàng không muốn khơi lại kỷ niệm có thể làm anh Sinh nghi ngờ chàng muốn nhờ vả điều gì. Không, em vẫn sinh sống bình thường thế thôi. Mớ tiền trợ cấp thất nghiệp không nhiều, nhưng nếu em khéo dành dụm, vẫn có thể gởi về giúp ba má, mỗi năm một lần trước Tết.

Nhân quấn tấm khăn lông quanh người, ngồi xuống thành bồn tắm. Chàng cảm thấy nhột nhạt ở hai gò má. Chàng soi mặt trong gương. Lần đầu tiên, Nhân vừa khóc vừa soi gương. Một phong cách để chàng nhìn thẳng vô sự thật ngỡ ngàng.

Sau đó, Nhân gọi điện thoại cho vợ chồng Christian và Kira. Hai người bắt Nhân phải tới viếng họ ngay lập tức. Chàng còn ngần ngừ thì Kira đã đề nghị sẽ lái xe tới đón chàng ngay tại khách sạn. Nhân hốt hoảng la lên, không, không và vẽ ra trong trí mặt tiền tồi tàn của nhà ngủ, tấm bảng lấp đèn vàng vọt kể hàng chữ *"Bahnhof-Hotel"*, bờ tường xám, những khung cửa mở hơi nước và trong những ngõ ngách đầy bóng tối gần đó có những người đàn bà đứng đón khách với vẻ mặt lạnh lùng. Nhân đề nghị rước chàng trước nhà ga, vì chàng cần mua một vài món lặt vặt ở đó.

Nhân cúp máy, mặc áo choàng bằng nỉ. Mười tám năm trước đây, má đã đặt may cho chàng chiếc áo khoác này ở nhà may Adam đường Tự Do. Kiểu đã lỗi thời, dài tới đầu gối, cổ nhỏ, túi xéo và eo chật. Vậy mà Nhân vẫn còn quyến luyến chiếc áo khoác như khao khát một vòng ôm thân thuộc. Chàng có cảm tưởng, ẩn trong những sớ len là cả khung trời ký ức mênh mông.

Nhân quấn thêm chiếc khăn quàng bằng len hai vòng quanh cổ. Rồi chàng mang giày mùa đông, rời phòng, xuống nhà dưới gởi chiếc chìa khoá nơi quầy nhận và bước ra ngoài trời cuối đông xám xịt. Tuyết lắc rắc rơi. Băng qua một con đường rộng là tới nhà ga chính. Nhân ghé tiệm hoa mua một bó rẻ tiền tặng Kira. Chàng không biết hoa tên gì, hỏi cô gái tính tiền thì biết đó là cẩm chướng. Những nhánh hoa màu hồng tái nở trọn vẹn lạc lõng trên tay Nhân.

Khi đứng chờ Kira trước nhà ga, Nhân tưởng như mình đang có hẹn với người yêu. Tự nhiên, tâm hồn Nhân hồi hộp kỳ lạ. Gặp Christian và Kira lần này, Nhân cảm thấy không giống những lần trước nữa. Một nỗi bất an vô cớ lan tới. Có phải đó là hậu quả của cơn sốt mỗi cuối năm? Những kháng chất trong thân thể chàng vào dịp này lại trở nên yếu ớt, không đủ sức chống chọi lại những độc tố của hoài niệm. Hay khoảng thời gian tất niên có những hạt bụi vô hình gây nên chứng dị ứng? Chàng sang đây cũng vào một chiều cuối năm, mười tám năm về trước.

*
* *

Chỗ Christian và Kira ở nằm ven đồi, nhìn xuống dòng sông bên dưới. Mùa đông, ánh sáng tắt sớm, Kira phải bật đèn rọi khi lái xe

chạy từ chân đồi vòng lên.

Ba người học chung trường đại học. Giữa chừng Kira bỏ ngang vì không còn hứng thú. Christian tiếp tục với Nhân đi trọn con đường khoa bảng. Christian gầy, đeo kiếng cận. Khuôn mặt đĩnh ngộ. Tóc nâu sẫm. Còn Kira thấp cỡ ngang Nhân, người hơi đẫy, có nụ cười xinh tươi như trẻ con. Trong khi Nhân vẫn còn thất nghiệp thì Christian tìm được chỗ làm ngay khi mới ra trường. Lương cao, chưa có con, vậy mà cuộc sống của hai người vẫn bình dị như thời còn là sinh viên.

Cả hai đều có óc thẩm mỹ, chuộng cái đẹp của nghệ thuật. Nhân thấy những kệ sách phơi gáy dựa tường. Đèn trần, đèn chụp vàng mờ ấm cúng. Những bức tranh ấn tượng, màu nước, tranh lụa đông phương treo đầy trên tường vôi màu ngà. Trên bệ cửa sổ, chậu xương rồng giáng sinh nở muộn, giờ này vẫn còn chi chít bông màu đỏ thẫm.

Christian ôm chầm lấy Nhân, tay vỗ lưng chàng, giọng mừng rỡ:

— Sao bé con, khoẻ không?

Nhân bắt được mùi thuốc píp vướng trên áo len của Christian.

— Thất nghiệp nhưng vẫn khoẻ.

Nhân không muốn nhắc tới cơn sốt đêm qua. Chàng đã coi nó như một chứng bệnh định kỳ, mỗi năm một lần, không quan trọng.

Rồi Christian quàng tay qua lưng Nhân dẫn vào nhà, trong khi Kira lúi cúi đóng cửa nhà xe rồi vòng ra phía sau theo ngõ nhà bếp, hỏi vọng lên:

— Nhân ơi, mày uống cà phê hay trà?

— Cho tao một tách cà phê đi Kira!

Christian dúi Nhân ngồi xuống ghế nệm, nheo mắt cười:

— Với hai muỗng đường, không sữa như lúc tụi mình còn làm chung phòng thí nghiệm ở trường đại học chớ gì?

— Không, với đường và với sữa. Tao thay đổi rồi. Tao sợ những tách cà-phê đen.

— Vậy à? Một điểm khác lạ. Còn những thay đổi nào khác nữa không?

Nhân làm ra vẻ trịnh trọng:

— Còn chớ, nhưng có nhất thiết phải kể ra không?

Kira cũng vừa bước vô phòng khách, nghe được câu chuyện, vội vàng chêm vào:

— Không. Ít ra là bây giờ, tụi mình còn nhiều thì giờ để nói chuyện mà. Cả đống kỷ niệm cũ, không nhắc lại, tao sẽ ấm ức ăn ngủ không yên.

Christian trêu:

— Cưng mà ăn ngủ không yên à? Coi thằng nhỏ đang ngồi kia, ốm nhom, tụi mình phải lo tẩm bổ cho nó mới được.

Kira gật gù:

— Ờ, tao thấy mầy ốm yếu quá đó Nhân. Nhà có bánh kem, để

tao lấy cho mày ăn.

Nhân định nói "thôi, bánh với kẹo tao chê", nhưng thấy vẻ thành thật của Kira, chàng cảm động, chỉ thốt được hai chữ "cám ơn".

Buổi chiều nơi đất khách vào một ngày cuối đông lạnh quắn tay chân, theo âm lịch thì sắp sửa tới Tết, Nhân ngồi ăn bánh kem, uống cà phê với hai người bạn cũ. Rồi chàng và Christian chụm đầu vào nhau coi lại quyển dán hình lưu niệm. Ảnh chụp những buổi lễ ra trường, có nón tiến sĩ, có sâm banh, xúc-xích và thịt heo nướng, nhiều món rau trộn khác nhau. Hôm Nhân ra trường, có thêm món chả giò và gỏi đu đủ. Trong khi Kira sửa soạn bữa ăn tối có bánh mì và thịt nguội, Nhân và Christian nhắc lại những cái tên quen của thời quá khứ. Con Karin với những tâm tính đàn bà thất thường. Thằng Thomas lúc nào cũng ăn diện đẹp đẽ. Thằng Michael thỉnh thoảng lại uống bia lén một mình trong phòng thí nghiệm. Con Petra và thằng Arndt bị Christian bắt gặp hôn nhau trong văn phòng...

Với Nhân, đó là những cánh cửa vừa đóng lại. Còn vô số cánh cửa đã khép kín lặng lẽ từ lâu lắm rồi, vẫn chưa được chàng tìm cách mở ra để hồi ức thổn thức. Phải có một người ngồi xuống cạnh chàng, khơi lại những tro than đã lạnh. Nhân chạnh lòng nhớ tới giọng gọi thều thào van lơn của anh Sinh năm xưa: *"Nhân ơi, Nhân ơi"*.

*
* *

Nhân ngủ lại nhà Christian và Kira đêm đó. Christian đưa cho chàng bộ quần áo ngủ kêu mặc thử. Nhân xỏ vô người rồi há miệng cười thấy tay chân bơi lội quờ quạng trong đó. Christian nói:

— Đâu có sao, ngủ vậy cho ấm.

Rồi Christian hỏi, mày muốn ngủ một mình ngoài phòng khách hay vô giường nằm chung với tụi tao? Nhân muốn tự mình kêu lên *"Nhân ơi, Nhân ơi"*, nhưng ngó nét mặt nửa mời mọc nửa van nài của Christian, chàng biết nó không nói giỡn. Nhân há miệng không thốt nên lời như con cá ngắc ngoải thở trên cát. Và Nhân bước lệt bệt theo Christian vô phòng ngủ đèn mờ. Tường sơn vôi hồng cánh sen với kệ sách, những bức tranh, tượng một người đàn bà khoả thân bằng đồng đen đội chụp đèn hắt ngược lên trần nhà. Nhân ngả nằm xuống giữa Christian và Kira. Chàng đang rơi vào cơn mộng chập chờn giữa quá khứ và thực tại. Nhân muốn gọi *"anh Sinh ơi"*, nhưng tiếng kêu tắt nghẽn ở cổ. Bên tai chàng là tiếng thì thầm của Kira, thượng đế ơi, mày ốm thật sự đó Nhân, người toàn xương, nhưng mày có làn da mịn như da con nít, như vỏ trái mơ, ôm tao đi, Nhân ơi, ôm tao đi. Con Kira vừa ra tín hiệu gọi Nhân để chàng xoay qua đổi thế nằm. Trên lưng chàng, bàn tay của Christian đi tìm cảm giác. Mọi thứ đều mờ nhoè trước mắt Nhân. Cảm xúc này quá mới, xô Nhân chạy tới. Chàng thận trọng vuốt ve Kira, trong khi Christian vẫn không ngừng xoa vuốt phiến lưng chàng. Nhân úp mặt xuống cổ Kira, bắt được ở

cổ mình một cảm giác tương tự. Trong khoảnh khắc, Nhân mất hết ý niệm thời gian. Những dự tính to tát tiêu tan. Những mỹ từ văn chương và đất nước, tương lai và dân tộc gẫy vỡ thảm thương dưới chân chàng. Nhân muốn quỳ xuống chắp chúng lại rồi ôm mặt khóc, nhưng thân xác chàng hợp cùng dục cảm mê đắm lúc ấy vĩ đại vô cùng. Chúng che kín những con đường lý trí. Nhân đã bứt rứt khổ sở với những ý nghĩ phải làm một cái gì cho quê hương. Từng năm lại trôi qua, chàng vẫn chưa làm được điều chi đáng kể. Cùng lúc, dường như Nhân đang hoài nghi, và lạc lõng. Chàng mất tin tưởng ở lớp người đi trước. Trong dòng sông đầy phù sa hoài niệm đắm đuối, bên cạnh hai người bạn dị chủng, Nhân lại nhớ tới cái Tết năm xưa.

*"Tối đó anh Sinh không mang tiền về trả Nhân như đã hứa. Buổi chiều Nhân mê mải học cách chơi bài tứ sắc nên quên chuyện con heo đất. Tới lúc ngồi vào bàn ăn, thấy chỗ ngồi của anh Sinh bỏ trống, Nhân mới sực nhớ lại. Lòng Nhân phân vân ngờ vực. Sau bữa cơm tối, Nhân chơi giỡn lơ đễnh với tâm trạng của một đứa trẻ bị người lớn dụ dỗ lấy mất món tiền lì xì. Nhân tự an ủi, anh Sinh chỉ mượn tạm thôi mà, anh ấy sẽ cho Nhân nhiều hơn nữa. Khuya lắm, anh Sinh vẫn chưa về. Nhân mệt mỏi leo lên bộ ván gỗ mun, ngủ với những giấc mộng chập chờn.*

*Buổi sáng, nắng đầu ngày len qua cành ổi chiếu tràn căn phòng ngủ, nhảy múa theo gió trên tấm lưới mùng. Nhân tỉnh giấc. Ý nghĩ đầu tiên là dáo dác ngó qua giường anh Sinh tìm kiếm, thì bắt gặp anh Sinh nằm ngủ mê mệt bên cạnh Nhân. Đôi khi đi chơi về trễ, anh Sinh làm biếng giăng mùng, lấy gối chui vô mùng Nhân ngủ ké. Nhân dụi mắt ngó kỹ dáng điệu anh Sinh. Anh ngủ với bàn tay để trên bụng, còn cánh tay kia thả cong nằm trên ván. Nét mặt anh hồng hào phơi phới. Vầng trán rộng hứng một lọn tóc loà xoà. Hai mắt anh nhắm kín, nhưng dưới làn mi, Nhân kề mặt thật gần để quan sát thì thấy dường như hai tròng mắt anh cử động liên hồi. Anh Sinh đang chiêm ngưỡng một giấc chiêm bao hay đôi mắt anh cũng biết đập theo nhịp tim? Úp tai gần hai cánh mũi anh Sinh, Nhân nghe hơi thở anh khò khè thật nhỏ. Tiếng "è è" lẫn với tiếng "o o" phát ra lần lượt, đều đặn như người nhạc công đang tập thổi hai nốt nhạc độc nhất.*

*Nhân bận rộn ngắm khuôn mặt anh Sinh trong giấc ngủ muộn sáng mùng Ba Tết năm nào, muốn tìm trên mắt mũi môi đó một dấu hiệu báo Nhân biết anh Sinh thắng hay thua bạc tối qua. Không thấy gì hết. Nét mặt ấy bình thản kỳ lạ, tưởng như vô giác. Nhân không tìm ra đáp số cho bài toán quá khó khăn, rón rén dở mùng chui ra, đi xuống nhà dưới. Nơi đó không còn những chộn rộn, những bộ mặt háo hức đón Tết của những người trong gia đình như vài hôm trước. Hôm nay là mùng Ba rồi, Nhân nghĩ thầm nuối tiếc, gần hết Tết, mất những ngày vui nhất trong năm. Và Nhân mất luôn cả số tiền "ăn"*

*được trong ván bài xì-dách sáng mùng Hai, cùng với con heo đất có lớp sơn đỏ chói bốc mùi thum thủm".*

*
* *

Nhân trở lại khách sạn vào sáng hôm sau, chờ tới giờ hẹn đi ăn trưa với anh Sinh. Gần mười một giờ rưỡi có tiếng gõ cửa. Nhân vội vàng chạy ra kéo mạnh cửa lệch qua một bên. Hai anh em ngó nhau dò xét mất vài giây. Anh Sinh lúc này mập ra. Còn Nhân thì...Anh Sinh kêu lên:

— Trời, em có bệnh hoạn gì không mà sao ốm quá vậy?

Rồi anh bắt tay Nhân. Trời ơi, anh Sinh, sao anh không kéo em vô lòng cất giọng vỗ về như ngày xưa lúc anh cho em hay rằng anh thua sạch túi trong canh bạc mùng Hai Tết? Em đã tha thứ và nhỏ nhẹ nói với anh, thôi không sao đâu, để em kêu...má trả cho anh.

Nhân cười đáp:

— Tưởng bị bệnh rồi đó chứ. Hôm qua em lên cơn sốt nhẹ.

Nhân dẫn anh Sinh vô phòng, chỉ ghế cho anh ngồi. Anh không ngồi, đứng ngắm căn phòng với nét mặt dửng dưng. Một khuôn mặt pha lê trong suốt và trống rỗng.

— Phòng này em trả bao nhiêu?

— Năm mươi đồng một ngày có điểm tâm.

— Quá mắc so với vị trí khách sạn và tiện nghi của căn phòng.

— Em đâu cần gì, chỉ muốn có chỗ ngủ.

Anh Sinh ngó thẳng vô mắt Nhân:

— Vậy sao em không tới nhà anh?

Nhân lúng túng:

— Em có định tới đây đâu. Tự nhiên buồn buồn, nổi hứng lấy xe lửa chạy về đây chơi vài ngày. Mà anh có nhớ hôm nay là bắt đầu Tết bên mình không?

Mặt anh Sinh ngơ ngác:

— Ủa vậy hả? Anh lo làm ăn quá, có biết trời biết đất gì nữa đâu. Thì ra chiều nay là giao thừa ở bên nhà.

Anh Sinh ôm đầu, thả người rơi xuống ghế. Bộ côm-lê bằng len mịn màu xám hoàn toàn không hợp với lớp vải bọc ghế nệm màu kẹo dâu tây đỏ sẫm. Trước đó Nhân không để ý, bây giờ mới nhận thấy nét diêm dúa rẻ tiền của căn phòng. Màn cửa sổ bằng vải lưới thô sợi màu vàng cam. Trên chiếc bàn con đặt cạnh giường ngủ, có bình sứ cắm những nhánh hoa vải đã đổi màu tái nhợt. Trên tường, một tấm tranh in lại vẽ cảnh hoàng hôn miền núi với màu sắc rực rỡ giả tạo và đường cọ thô sơ không nắng chiếu. Sự hiện diện của anh Sinh trong căn phòng này lạc lõng đáng thương, gần như đối nghịch. Như âm và dương. Như giữa hai anh em có nhiều lớp kính chia cách. Bao nhiêu năm xa nhà là bấy nhiêu lớp kính.

Thừ người lặng lẽ một hồi, anh Sinh đứng dậy vỗ vai Nhân:

— Đi thay quần áo rồi anh đãi em một bữa cơm trưa.

Nhân ngẩn mặt ra:

— Em mang giầy, mặc áo khoác, quấn thêm khăn quàng là xong, đâu cần thay áo quần gì nữa.

Ánh mắt anh Sinh lướt nhanh lên bộ y phục Nhân mặc trên người. Sơ-mi ca-rô đỏ trang bằng nỉ mỏng. Hột nút trên cùng không cài, để lộ chiếc áo thun trắng. Quần *jeans* bạc thếch, không thắt lưng. So ra, nguyên bộ quần áo của Nhân không đáng giá bằng đôi giày da mùa đông đắt tiền anh Sinh đang mang.

Anh Sinh nói nhanh để giấu vẻ bối rối:

— Ờ, nếu xong rồi thì anh em mình đi!

*
* *

Nhân đứng giữa Kira và Christian dõi mắt ngắm hai con vịt trắng bơi nhởn nhơ ở gần bờ. Chỗ nước lắng, bên những phiến đá xám, đọng một lớp băng tuyết trong suốt. Nhân hỏi lửng lơ:

— Trời lạnh vậy mà sao cặp vịt trời vẫn chịu được, phải có lý do nào đó!

Kira mau mắn giải thích:

— Biết tại sao không? Tới mùa đông, lông chúng mọc chậm hơn, lại không ngấm nước, dưới làn da bọc thêm một lớp mỡ chống lạnh....

Nhân cười:

— Mày lầm rồi. Tao muốn nói tới cái lạnh của tâm hồn.

Christian bật cười theo. Kira ngơ ngác. Nhân tiếp lời:

— Mọi động vật đều giống nhau. Khi chúng có đôi, có hạnh phúc, sẽ không bị ngoại cảnh chi phối nữa.

Kira hiểu ra, úp mặt vào một bên vai Nhân, cười rũ rượi. Nhân muốn thừa dịp này kể cho Kira và Christian nghe kỷ niệm ngày xưa của chàng với anh Sinh, về con heo đất và mớ tiền đã cho anh ấy mượn. Đối với Nhân thuở trước, nó quan trọng chừng nào, thì bây giờ nó phù phiếm chừng ấy. Không có gì bền vững với thời gian. Những buổi trưa nắng ấm ngày Tết dạo nào già nua theo năm tháng, dần dà đậm đặc lại thành một điểm sáng ngời trong ký ức chàng. Không ngờ, mùa đông năm nay, khi Nhân sửa soạn nhón chân bước sang năm ly hương thứ mười chín, điểm sáng ấy chợt hồng lên rực rỡ. Có phải Nhân là một loài chim nước vừa tìm ra những tâm hồn đồng điệu? Chàng nhớ lại bữa ăn trưa nay với anh Sinh. Khi nhấc ly rượu lên chúc mừng năm mới, nước mắt Nhân ứa đầy khoé. Anh Sinh chỉ cần kêu lên hai tiếng "*Nhân ơi*", có lẽ chàng đã bật khóc oà. Nhưng không, anh Sinh lẳng lặng chúi đầu vào tấm thực đơn xếp hàng chi chít tên những món ăn, những loại rượu đắt tiền. Cá hương với bánh mì bơ. *Rib-Eye-Steak* với khoai tây nướng và sốt sữa chua. Xà lách trộn sốt *Hollandaise*. Tráng miệng bằng *coctail* trái cây. Trước khi rời

quán, anh Sinh móc trong túi ra một xấp ngân phiếu, cặm cụi ghi lên một con số, nguệch ngoạc một chữ ký, đẩy tới trước mặt Nhân. Anh không nói một lời nào cả. Nét mặt anh rạng lên như vừa làm xong một việc thiện. Nhân run run gấp tờ giấy lại, bỏ vào túi áo choàng, lí nhí lời cám ơn. Đáng lẽ đó là lúc chàng phải cảm động bật khóc mới đúng. Đằng này, Nhân cảm thấy lòng mình nguội lạnh như đống gạch đá còn sót lại của một lâu đài quá khứ rất nguy ngay. Những đền quách tuổi thơ đã sụp đổ. Hào quang tắt ngúm trong cõi hồi ức chàng. Những giấc mơ đã bắt đầu mệt mỏi. Bộ mặt trơ trẽn của thực tế cơm áo thừa cơ lộ diện. Nhân ngó chúng bằng ánh mắt dửng dưng trong suốt.

Bây giờ, đứng cạnh Kira và Christian bên dòng sông mùa đông, Nhân lặng lẽ rút ra tờ ngân phiếu cầm trong tay. Chàng đã đập vỡ con heo đất yêu quý, cho anh Sinh mượn mớ tiền mặt để hôm nay nhận lại mảnh giấy này đây. Những kháng thể bùng dậy trong người Nhân. Bản tính ương ngạnh nổi lên. Nhân gấp tờ giấy lại, xé toạt làm hai. Rồi gấp lại, và xé nát...Nhân tung những mảnh vụn lên không. Một làn gió thốc qua, thổi bay tản mạn như những mảnh *confetti*. Phía trước, Kira và Christian quay lại, cất giọng gọi lơ lớ:

— *Nhân ơi, Nhân ơi...*

**NGÔ NGUYÊN DŨNG**
(Tết Kỷ Tỵ 1989)

---

# ĐÓN ĐỌC :
# VĂN HỌC SỐ TÂN NIÊN
## RA NGÀY 1.3.1989

---

*Nguyễn đức Bạt Ngàn*

## *Lịch sử*

*Mèo trèo lên ngọn cau*
*Hỏi thăm nhà chuột vắng*
*Bốn nghìn năm thương đau*
*Bao oan hồn mưa nắng*

## *Tổ quốc*

*Mầm sống tàn non cao*
*Nghe tanh nồng máu Mẹ*
*Cha tuyệt mù phương nao*
*Tâm hao mòn đáy bể*

## *Lên đường*

*Còn lạnh một đường gươm*
*ở bên này chiến lũy*
*Vẫn niềm tin tơ ươm*
*giữa lòng ta - chiến sĩ*

# PHỎNG VẤN VỀ
# SINH HOẠT VĂN NGHỆ HẢI NGOẠI

NGUYỄN MẠNH TRINH thực hiện

## *Nhạc sĩ Phạm Duy*

*Văn Học: Anh đã phát biểu rằng văn chương Việt Nam cần phải đi trên những con đường mới và đoạn tuyệt hẳn với những suy nghĩ cũ. Trong âm nhạc, anh đã làm việc ấy với "Mười Bài Rong Ca", phóng cái nhìn về tương lai của những thế hệ tiếp sau.*

*Nhưng nếu nhìn ngược lại suy nghĩ ấy, anh có nhận xét gì về mười bốn năm âm nhạc Việt Nam Hải Ngoại?*

Phạm Duy: Đầu năm 1988, trước khi soạn 10 bài rong ca, tôi có nói đùa với hai anh bạn mà tôi rất yêu, rằng: "Các cậu trẻ hơn tôi mà người thì *nản chân bon*, người thì *đi trên mây*..." Thân yêu lắm cho nên mới dám nói như vậy!

Đó cũng có thể chỉ là một lời nhận xét rất nông cạn của tôi mà thôi! Tôi đâu có lần nào dám phát biểu rằng "Văn chương Việt Nam cần phải đi trên những con đường mới và đoạn tuyệt hẳn với những suy nghĩ cũ", như anh đã nói? Cũng có thể trong những lần gặp gỡ anh em trong làng văn, làng nhạc...tôi có đưa ra nhận định: "Hình như đầu óc của những người cộng sản đã bị ngưng lại sau năm 1945 và hình như đầu óc của người quốc gia cũng ngưng lại sau 1975." Đó là nhận xét của một người đọc sách và nghe nhạc chứ không phải là của một người chủ trương một đường hướng văn nghệ nào đó. Có thể tại tôi sống ru rú ở cái Thị trấn Giữa Đàng chật hẹp này cho nên chưa đọc được hay nghe được những tác phẩm nào mà đề tài thoát được ra

ngoài những dĩ vãng, hoặc là dĩ vãng được "thần thánh hóa" một cách lố bịch hay là dĩ vãng đen tối, trầm luân, ê chề, nhục nhã...

Soạn 10 bài rong ca, vô tình tôi giúp hai anh bạn thân yêu: con ngựa hồng sẽ không nản chân bon mà sẽ giơ chân đạp vỡ yên cương tung vó phi qua lỗ bé tròn kim...người tình già ở trên mây sẽ từ đầu non đi xuống trần gian hóa sinh thành người tình trẻ. Và những năm 2000 thì gần với chúng ta quá - còn có 11 năm nữa thôi - người tình già và con ngựa hồng tiện thể đi luôn vào thế kỷ mới, giản dị vậy thôi!

Mười bốn năm Tân Nhạc à? Ngay cả đến năm mươi năm Tân nhạc, "moa" cũng quên rồi, xin lỗi, tha cho "moa", nghĩ lại mệt quá, miễn trả lời nghe.

## *Họa sĩ Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*

*Văn Học: Anh chị có thể cho độc giả Văn Học một vài nhận xét về nền Hội Họa của chúng ta hiện nay không?*

Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp: Có phải ý anh muốn nói chúng ta là người Việt hải ngoại? Chúng tôi không có đủ điều kiện để có nhận xét chung về nền hội họa của chúng ta ở hải ngoại hiện nay, nhưng chúng tôi có thể trả lời chắc chắn rằng có một sinh hoạt hội họa Việt Nam ở hải ngoại, và sinh hoạt đó cũng phong phú, đa dạng như ở các sinh hoạt văn học nghệ thuật khác. Ngay từ cách đây đã lâu, chúng ta đã nghe thấy hoạt động hội họa của Vũ Cao Đàm, Mai Trung Thứ, Lê Phổ, Lê Thị Lựu, Phạm Tăng...Hy vọng rằng trong tương lai chúng ta sẽ có thể tổ chức được những triển lãm lớn, tập hợp được nhiều họa sĩ Việt Nam ở hải ngoại — hằng năm, hoặc mỗi hai năm, hoặc ít ra mỗi bốn năm —, cộng với phương tiện truyền thông đầy đủ hơn, để đại đa số người Việt yêu nghệ thuật đang sống rải rác trên khắp thế giới dễ dàng theo dõi sinh hoạt đó hơn.

## *Võ Đình*

*Văn Học: Anh là người đóng góp rất nhiều cho sinh hoạt văn học nghệ thuật hải ngoại với những cuộc triển lãm họa phẩm, những phụ bản trong những cuốn sách văn chương và những bài tùy bút bay bướm và sâu sắc.*

*Qua mười bốn năm lưu vong của văn học nghệ thuật, anh nghĩ gì về hội họa và văn học hiện nay?*

Võ Đình: Thưa anh, mới đây, tháng 10/88, trên *Làng Văn* tôi có nói chuyện khá dông dài trên mặt báo, tôi đã đề cập đến hội họa và văn học Việt Nam hải ngoại hiện nay. Chắc nhiều bạn đọc có lưu ý, xin miễn nhắc lại ở đây những điều đã nói rồi. Chỉ xin thêm đôi lời.

*Về Hội Họa*: Ngoài những cây cọ đã thành danh trước 75, và một hai người sau 75, chúng ta chưa có cơ hội và phương tiện làm quen

với hội họa "trẻ" Việt Nam hải ngoại, như chúng ta đã khá quen thuộc với những cây bút (thơ và văn) sau 75. Lý do rất nhiều, rất đa dạng, rất rắc rối, rất khó khăn. Sự "vắng mặt" của hội họa là một chỗ trống toang toác, một thiếu sót nặng nề. Sự "vắng mặt" này đâu có nghĩa rằng không có những người - già và trẻ - vẫn làm việc, âm thầm, lẻ loi. Nó có nghĩa rằng cộng đồng Việt Nam hải ngoại chưa phải là môi trường - dù rằng trong những kích thước thật khiêm tốn - có khả năng đùm bọc, nuôi dưỡng, và khích lệ cho họ. Hiện tượng này có thể giải thích với những cơ duyên bên ngoài hội họa như vấn đề kinh tế, phương tiện phổ biến, điều kiện địa điểm, thời gian...và bên trong hội họa như chính bản chất của nó: ngôn ngữ, bút pháp...Cái "cõi" vẽ nó kỳ cục lắm, thưa anh.

*Về Văn Chương:* Tôi lạc quan thấy nhiều cây bút trẻ. Thấy một vài tài năng mới, đáng chú ý. Thấy những nhà xuất bản đứng đắn, can đảm, có cả lượng và phẩm. Nhưng tôi cũng lo ngại. Hình như giai đoạn đấm ngực than trời đã qua khá nhiều và hiện nay có khuynh hướng khai thác những đề tài ở chốn "tạm dung". Tôi lo ngại rằng khai thác kỹ quá rồi mất tiêu vào chốn "ở tạm" này luôn. Cái khó là làm sao chấp nhận được hiện tại mà vẫn nuôi dưỡng được quá khứ. Và như vậy mới có thể nhìn xa về tương lai.

Tôi lạc quan thấy nhiều cây bút trẻ. Nhưng tôi cũng bi quan e rằng trong khi số người viết không giảm đi (ít nhất về lượng) thì số người đọc lại tụt xuống. Tôi mong rằng tôi lầm, lầm to, khi nhận xét rằng ngay cả những "người lớn" (trưởng thành khi rời Việt Nam) cũng càng ngày đọc càng ít. Cứ đổ lỗi cho "cuộc sống hối hả đuổi theo đồng hồ của Mỹ" cho nó tiện. Còn những bạn khi rời quê hương còn là những "thằng nhóc, con bé", lại là chuyện khác. Thằng Cu 10 tuổi năm 75 giờ là chàng kỹ sư 24 tuổi rồi...

## *Đỗ Đình Tuân*

*Văn Học: Ngành xuất bản tại hải ngoại rõ ràng đã có sự phát triển và số lượng độc giả đã tăng ở mức độ lạc quan. Với tư cách người chủ trương nhà xuất bản Văn Khoa, anh có thể cho độc giả Văn Học biết những chi tiết về sự phát triển ấy? Và anh có thể tiên đoán được tình trạng xuất bản trong những năm tiếp?*

Đỗ Đình Tuân: Khi nhiều đồng bào tị nạn mình đã ổn định về sinh kế thì ngành xuất bản mới phát triển để đáp ứng nhu cầu tinh thần của đồng bào. Ngoài ra những đồng bào mới sang hoặc từ các trại , hoặc trực tiếp từ Việt Nam qua đều tìm mua những sách hồi ký, hồi ký chiến tranh, hồi ký chiến trường của những trận đánh cuối, hồi ký cải tạo, hồi ký vượt biên để tìm hiểu thêm về giai đoạn kinh hoàng vừa qua của lịch sử và của chính mình. Một nền văn học hải ngoại đang thành hình với nhiều cây viết mới khá đặc sắc. Điển hình là cuốn *"23*

*Người Viết Mới* "đã được đón nhận rất đặc biệt. Tình trạng xuất bản sách mới cũng rất khả quan, số ấn bản trung bình tăng đôi chút sẽ tới khoảng 2000 cuốn cho sách tiểu thuyết và khoảng 5000 cuốn cho hồi ký giá trị. Tuy nhiên vì có nhiều sáng tác mới nên độc giả phải lựa chọn và trong tương lai, những sáng tác cần phải đặc sắc mới được tìm mua và đọc. Có một điều là vì tình trạng sống rải rác của đồng bào ở nhiều địa phương khác nên vẫn không có thêm các tiệm sách bán lẻ, nhất là tại Orange County. Kỹ thuật ấn loát chữ viết tại Mỹ thì nay đã rất hoàn hảo với khả năng bỏ dấu, sắp trang, và in bìa nhiều mầu.

Trong tương lai xa thì tôi khá lạc quan vì sách vở văn chương chữ nghĩa là cái gạch nối độc nhất của người Việt tại khắp nơi trên thế giới, khi những liên hệ khác bị mất dần theo thời gian và khoảng cách, dĩ nhiên là với điều kiện con cháu chúng ta vẫn còn đọc được tiếng Việt.

## *Lê Đình Điểu*

*Văn Học: Anh có nhận xét gì về hiện trạng báo chí Việt Nam hiện nay.*
Lê Đình Điểu: Báo chí Việt ngữ hải ngoại hiện nay đạt được nhiều bước tiến đáng kể.

Về quản trị, nhiều tờ báo đã có lời, hoặc ít ra cân bằng được chi và thu, để tờ báo sống còn và người làm báo...còn sống.

Về chuyên môn, những tiến bộ trong ngành xếp chữ điện tử giúp người làm báo giảm được nhiều công sức. Tôi nhớ, mới năm 1983 nhiều báo còn phải dùng máy chữ và bỏ dấu tay. Dùng phototypeset có dấu tiếng Việt đã là một bước tiến đáng kể. Đến 1987, các máy desk-top publishing ra đời đã thu gọn được cả một tòa soạn bừa bộn, tấp nập vào một cái bàn với một người vừa viết, vừa xếp chữ, vừa layout.

Về nội dung, vai trò truyền thông của báo chí được công nhận và ngày một rõ nét, chứ không bị "tràn ngập" bởi vai trò chính trị nữa. Độc giả bắt đầu có thói quen tìm tin trong báo.

Nếu độc giả tích cực hơn, bằng cách đóng góp ý kiến về các vấn đề, như độc giả các báo Âu, Mỹ, thì báo chí thực sự đóng góp vào việc hình thành nếp sống dân chủ.

*Văn Học: Anh có hài lòng với những công việc anh đã làm và hoàn tất ở nhật báo Người Việt?*
Lê Đình Điểu: Đã làm thì nhiều, nhưng hoàn tất thì hình như chưa có gì. Thành ra không hài lòng với chính mình.

Nhưng những nỗ lực chung của gần 30 anh chị em trong tòa báo đã giúp tờ Người Việt đứng vững và phát triển.

## *Nguyễn Hưng Quốc*

*Văn Học: Anh là một nhà phê bình văn học có suy nghĩ sâu sắc và thận*

*trọng. Vậy anh thử có một vài nhận xét về thi ca hiện nay, có thể so sánh với thời kỳ thi ca trước năm 1975 không?*

Nguyễn Hưng Quốc: Theo tôi, sự hình thành của một nền thơ lớn nào cũng trải qua hai giai đoạn: một là cố gắng phát hiện ra cái nguồn cảm xúc chung của thời đại và hai là, thể hiện cái nguồn cảm xúc chung ấy qua rung động thẩm mỹ riêng của nhà thơ.

Ở giai đoạn đầu, nền thơ hải ngoại có một điều may mắn: nhà thơ không cần phải tìm kiếm nữa. Mọi người, từ nhà thơ đến độc giả thơ và ngay cả những người không bao giờ đọc thơ, cũng đều gặp gỡ nhau ở một tâm sự chung: tâm sự lưu vong. Thơ, do đó, dễ được thông cảm. Không phải nền thơ nào cũng có sự thuận lợi như vậy. Nhớ lại coi, trước năm 75, ở miền Nam, lòng người ly tán biết bao nhiêu. *"Bìm bịp chiều chiều kêu nước lớn. Đi, đi đâu, chèo chống mải mê. Đến ngả ba, đành theo một lối. Tiếc ngẩn không cùng theo lối kia."* Thơ Tô Thùy Yên. Trong hoàn cảnh ấy, khó có ai có thể trở thành tri âm của tất cả mọi người.

Nhưng dường như chúng ta chưa thành công mấy ở giai đoạn thứ hai, là, cô sắc cái đại dương kia: tâm sự chung, thành ra cái hạt muối này: thơ. Tâm sự chung của thời đại là khối tinh vân khổng lồ bay lênh đênh trong vũ trụ. Nó khổng lồ nhưng nó rất lênh đênh. Bằng sự nhạy cảm, bằng năng lực tưởng tượng, bằng tài hoa cấu tứ và bằng trình độ sử dụng ngôn ngữ, mỗi nhà thơ phải tìm cách kết tinh từ khối tinh vân mênh mông mù loãng kia thành những mặt trời thơ, những mặt trăng thơ, những vì sao thơ.

Thơ của chúng ta ở hải ngoại, từ gần 14 năm nay, có cái nền, cái không gian bát ngát, song còn hiếm hoi quá, những ngọn đỉnh thật nguy nga. Mà đánh giá một nền thơ là phải nhìn từ những ngọn đỉnh ấy. Thơ chúng ta là một thân cây nhiều nhánh, nhiều hoa trái xum xuê. Nhưng chưa là đại thụ.

Nguyên nhân? Có sự khiếm khuyết ở giai đoạn đầu: có lẽ các nhà thơ chưa sống đến tận cùng cái thân phận và cái tâm sự lưu vong của mình. Lại có sự khiếm khuyết ở giai đoạn sau: dường như các nhà thơ chưa chú ý đúng mức đến việc xây dựng một phong cách thơ riêng. Khiếm khuyết thứ nhất làm cho thơ hải ngoại, nhìn chung, ít bài hay bằng những bài thơ từ trong nước gửi ra. Thơ trong nước, cất lên từ đau đớn thật, có cái gì dữ dội hơn, mãnh liệt hơn, có cái nồng nàn của tâm huyết, cái hôi hổi của cuộc sống. Nó là muối bể thật, trong khi thơ của chúng ta, thành thật mà nói, khá nhiều là muối hóa học. Khiếm khuyết thứ hai làm cho thơ hải ngoại, nhìn chung, ít người có cái tầm vóc lồng lộng của những tài thơ thuở trước. Có mấy ai ở hải ngoại hiện nay, thực sự đổi mới thơ, ở khía cạnh nghệ thuật, như một Thanh Tâm Tuyền, một Tô Thùy Yên, một Nhã Ca...ngày nọ?

Thơ hải ngoại buồn. Thì cũng chả lạ. Thơ vốn buồn. Thơ lữ thứ lại càng buồn. Nhớ Cao Bá Nhạ trong *"Tự tình khúc"*: *"Câu lữ thứ cảm*

*hòa nét mực*". Nhớ Nguyễn Điền trong *"Thu dạ lữ hoài ngâm"*: *"Cảnh du lữ câu thơ thổn thức"*. Nhớ Nguyễn Bính trong *"Xuân tha hương"*: *"Chén rượu tha hương! Trời! Đắng lắm!"*. Có điều, nỗi buồn trong thơ lưu vong hẳn phải khác nỗi buồn chỉ xa quê nhà một cõi sóng chiều của Thôi Hiệu, một cõi trời chiều của bà huyện Thanh Quan? Buồn, tự nó, trong thơ, chưa hẳn dở. Nó chỉ dở khi dừng lại nửa vời trong những lối quen cũ. Người đọc thơ đòi hỏi nhà thơ một sự đi đến tận cùng mọi ngõ ngách, mọi cung bậc khác nhau của nỗi niềm xa xứ. Vả lại, đâu phải chỉ nỗi buồn. Ngay cả tình yêu trên đất khách, giữa Paris hay Cali, tôi ngờ là cũng khác xa cái tình yêu ngày nào còn trên quê hương.

Một nhận xét nữa: thơ hải ngoại càng ngày càng nặng về trí tuệ. Đó là một hướng đi hay nếu nhà thơ đừng có dùng trí tuệ để khỏa lấp sự nghèo nàn trong cảm xúc. Cùng chiều với sự gia tăng chất trí tuệ, có hiện tượng khác: càng lúc thơ càng ít chất tạo hình. Thơ xa họa. Thơ trở thành trần trụi, có lúc chỉ còn là một chuỗi những ý tưởng chồng chất lên nhau, nối đuôi nhau. Hậu quả: thơ trở thành khô khan và nặng nề. Có lúc, tôi đã cố tìm song quả thực đã gặp không nhiều những câu thơ thật đẹp, cái mà Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính...ngày trước đã là triệu phú.

Dĩ nhiên không nên bi quan. *Rồi trái cây sẽ chín*. Hình như tựa đề một truyện ngắn của Võ Hồng. 14 năm chưa phải là nhiều. Ngó vào nền thơ công khai của cộng sản trong nước đang mòn dần trong bế tắc đến độ có kẻ thảng thốt báo động *"Thơ SOS?"*(SGGP 3.1.88), chúng ta sẽ tự tin hơn. Là, dù sao, nền thơ lưu lạc cũng đã tạo được cho mình một trời biển mênh mông: tôi muốn nói đến sự phong phú trong đề tài và sự đa dạng trong phong cách. Là, dù sao, chúng ta cũng đã có những trái cây đang hườm, đợi già nắng để chín muồi: tôi muốn nhắc để những nhà thơ trẻ, từ sau 75, ở hải ngoại, xuất hiện mỗi năm một đông với một đặc điểm khá giống nhau là tính chất gân guốc, khỏe khoắn, cứng cáp trong ngôn ngữ và tính chất phóng túng, rộng rãi, đôi khi, pha một chút nghênh ngang trong tư tưởng, trong cảm xúc.

## *Nhà thơ Nguyên Sa*

*Văn Học: Là một nhà thơ đã gắn gũi với văn chương Việt Nam suốt mấy chục năm, anh có ý nghĩ gì về thơ Việt Nam hải ngoại hiện nay sau mười bốn năm lưu vong. Những điểm mạnh và những điểm yếu, và những dự phóng của nền thi ca ấy*

Nguyên Sa: Rất thành thật, tôi không đọc được đầy đủ các sách báo Việt ngữ xuất bản ở hải ngoại, sinh hoạt văn học nghệ thuật diễn ra trong một không gian quá rộng lớn theo sự định cư của đồng bào. Bởi đó, tôi không nắm vững sự hiện hữu của thi ca hải ngoại, bản chất và các yếu tính của nó.

## *Nguyễn Đức Lập*

*Văn Học: Nhiều tác giả vừa làm thơ vừa viết văn thường trân trọng với thơ của mình hơn là văn. Riêng anh, anh có vẻ hơi "lãnh đạm" với Nàng Thơ. Vậy anh có thể cho độc giả của Văn Học biết những suy nghĩ của mình về vấn đề này.*

Nguyễn Đức Lập: Câu hỏi của anh làm cho tôi, tự nhiên, cảm thấy tội lỗi quá trời. Tôi tự hỏi: có thiệt là mình đã "lãnh đạm với Nàng Thơ"?

Thiệt ra, tôi gắn bó với thơ từ hồi còn nhỏ xíu. Không phải là tôi biết làm thơ từ hồi còn nhỏ xíu đâu. Tôi thuộc thơ. Hồi đó, tối tối, thầy tôi thường ngâm thơ, theo giọng Hát Bội Bình Định. Mỗi lần thầy tôi cất giọng, em tôi, đang khóc, nín khe liền. Chắc nó sợ quá, không dám khóc, chớ không phải vì mê thơ mà nín khóc. Tôi thuộc thơ từ đó.

Bài đầu tiên tôi thuộc là một bài thơ chữ Nho. Tôi không biết tựa, không biết tác giả, không biết xuất xứ, chỉ biết bài thơ có bốn câu, mỗi câu bốn chữ. Bài thơ là tiếng khóc của dân chúng đối với một vị quan địa phương khi ông này chết vì sự mẫn cán và tinh thần trách nhiệm. Bài thơ như vầy

*Công vô độ hà*
*Công cảnh độ hà*
*Độ hà công tử*
*Thùy nại công hà?*

Thầy tôi đã dịch như sau:

*Ông chớ qua sông*
*Ông cứ qua sông*
*Qua sông, ông chết*
*Làm sao chừ ông?*

Bài thơ nầy ngộ lắm, nguyên tác cũng vậy, mà bài dịch cũng vậy, thẳng thét một lèo, thiệt thà mà quê mùa, giống như lời một bà mẹ rầy con *"Tao biểu mầy đừng leo cây, mà mấy cứ leo cây, bây giờ mầy té cây, tao biết làm sao?"*, hay như một bà mẹ khóc con *"Má biểu con đừng đi Lôi Hổ, con cứ đi Lôi Hổ, bây giờ hổ nó lôi con, má biết làm sao?"*

Ai có dè một bài thơ thiệt thà chơn chất như vậy mà truyền tới hơn một ngàn năm, từ bên Tàu qua bên Ta, từ chữ Hán qua chữ Nôm, đi thẳng một lèo vô đầu một thằng bé sáu tuổi là tôi.

Rồi từ từ, tôi thuộc thêm nhiều thơ khác nữa như Chức Cẩm Hồi Văn của nàng Tô Huệ, *"Quân thừa hoàng chiếu an biên thú, Tống quân, tống biệt hà kiều lộ..."* hay Biệt Ngu Cơ của Sở Bá Vương Hạng Võ *"Lực bạc sơn hề, khí cái thế, thời bất lợi hề, chuy bất thệ..."*

Kể ra như vậy, để thấy, lẩm rẩm mà tôi quen biết với Nàng Thơ, qua cái chuyện thuộc thơ, cũng hơn ba mươi năm có lẻ.

Rồi, tôi cũng tập tành làm thơ khi được thầy tôi dạy về cách thức

làm một bài thơ Đường luật. Tôi muốn khùng đời về cái thể thức nầy, nào vần nào điệu, nào niêm nào luật, nào bằng nào trắc, nào "nhứt, tam, ngũ bất luận; Nhị, tứ, lục phân minh".

Lúc đó, Nàng Thơ, đối với tôi là một trung niên mỹ phụ quyền quý trang nghiêm, kín cổng cao tường, mà lại khó tánh nữa chớ.

Tôi chỉ thấy Nàng thơ đẹp, thướt tha, yểu điệu, thanh thoát, nõn nường qua những bài lục bát, từ trường thiên như Bích Câu Kỳ Ngộ, Phan Trần Truyện, Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du, Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, Tỳ Bà Truyện của Nguyễn Bính, tới những đoản khúc của Nguyễn Bính, Lưu Trọng Lư, Huy Cận, Bàng Bá Lân, Huê Phong v.v...

Nhưng, tôi thật sự mê Nàng Thơ qua ca dao. Đó là một nàng thơ mộc mạc nhưng không phải là không biết cách tô điểm chải chuốt, phóng túng nhưng chưa tới nỗi bụi đời, dám ăn dám nói, dám cười thoải mái, dám thúc cùi chỏ ngang hông, dám bỏ chưn chèo khi cần thiết.

Với "Nàng Thơ ca dao", tôi có thể trả lời được tại sao bốn câu thơ "ông chớ qua sông" lại truyền đời mà lọt vô trí nhớ của tôi.

Anh thấy không? Tôi đâu có "lãnh đạm" với Nàng Thơ. Nồng nàn là đằng khác. Có lẽ mỗi người biểu lộ một sự nồng nàn khác nhau. Sự nồng nàn ở tôi như cục than hồng vùi trong tro, chớ không như lửa ngọn. Có thể là như vậy.

Tôi làm thơ từ hồi đó tới bây giờ. Có điều là tôi ít phổ biến trên báo. Theo đề nghị và sự giúp đỡ của bạn bè, tôi chỉ xuất bản một tập thơ mỏng dánh, độ hai mươi bài, *"Những đêm không ngủ"* coi như là một kỷ niệm với anh em.

Tôi phổ biến chuyện ngắn, chuyện dài vì tôi muốn kể cho mọi người nghe những điều đã xảy ra mà tôi biết, tôi nghe, tôi thấy.

Còn thơ, đối với tôi, khá riêng tư. Thường thì tôi làm thơ trong lúc buồn, trong lúc thất chí, trong lúc đau, trong lúc hận, kể cả những lúc ngạo đời.

Tôi không muốn đem những tình cảm riêng tư đó để làm phiền lòng độc giả. Tôi không muốn đem những tâm sự lòng thòng lưới thưởi của mình ra làm buồn lây tới người đọc.

Nói cho anh yên lòng, tôi không lơ là với thơ đâu. Tôi vẫn làm thơ, tôi vẫn học thuộc thơ của người khác, tôi vẫn ngâm thơ mỗi khi có một mình, giữa căn phòng trống trơn, mà...mà...tôi sống một mình tối ngày...

*Văn Học: Anh có thấy một lực lượng người viết mới trong Văn Học Việt Nam hải ngoại hiện nay? Nhận định riêng của anh?*

Nguyễn Đức Lập: Ai cũng nhận thấy điều đó cả, sự kiện có rất nhiều người cầm bút xuất hiện sau năm 75, tại hải ngoại. Tôi cũng là một trong số đó. Và, cũng vì là một trong số đó, tôi không dám có một nhận định riêng nào liên quan tới "chúng tôi".

Tôi chỉ dè dặt mà nói rằng những người cầm bút sau năm 75, có quá nhiều đề tài để viết, vì đã trải qua nhiều biến chuyển, thay đổi trong lịch sử, trong xã hội, trong gia đình và trong đời sống riêng tư. Sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa, lao tù Cộng sản, những hiểm nguy trên biển cả, trên đường bộ, đời sống trong trại tị nạn, những bỡ ngỡ khi tới đệ tam quốc gia, sự hội nhập vào xã hội mới, lòng hoài niệm thiết tha đối với quê hương, ý chí muốn khôi phục đất nước...tất cả đều là những đề tài lớn.

Nhìn vào số lượng những tác phẩm đã được xuất bản tại hải ngoại, rồi so sánh với hai mươi năm văn học miền Nam, bốn mươi năm văn học miền Bắc, ai cũng thấy sự đóng góp đáng kể của những người cầm bút nói chung, và những người viết sau 75 nói riêng, ở hải ngoại, vào nền văn học Việt.

Nói chung, có một thế hệ đã trải qua cuộc chiến, hiểu ra bản chất của cuộc chiến, bầm dập vào thời hậu chiến, đang sống lưu vong. Thế hệ đó đang lên tiếng.

Rồi có một thế hệ kế tiếp, không bị ảnh hưởng nhiều ở cuộc chiến, lớn lên trong một xã hội mới, nhận lãnh sự giáo dục của xã hội nầy, nhưng vẫn gắn bó với chủng tộc. Thế hệ nầy bắt đầu lên tiếng

## *Mai Thảo*

*Văn Học: Tạp chí Văn được coi như là nơi phát xuất những cây bút mới có triển vọng. Qua những năm của văn học Việt Nam hải ngoại, Văn đã tạo những bước đi đầu tiên cho những cây bút nào đáng được lưu ý của văn giới? Và thêm vào đó, anh có thể cho độc giả Văn Học biết những cái giống nhau và khác nhau của hai nền văn học trước năm 1975 và văn học hải ngoại bây giờ?*

Mai Thảo: Không chỉ ở *Văn*. Mà từ những diễn đàn tôi đã điều khiển ở bên nhà, như mấy tờ *Sáng Tạo, Vấn Đề, Nghệ Thuật*, phần đất dành cho anh em viết mới và thân ái đón tiếp họ tới bao giờ cũng được nói rõ ngay từ bài viết trang đầu. Từ số báo ra mắt. Công việc này cho cái thích của tôi trước đã. Bản thân tôi, tới bây giờ vẫn chỉ muốn được nhìn mình như một người viết mới, mãi mãi. Và sung sướng những khi nào còn nhìn thấy được mình như vậy. Giới thiệu những tài năng mới trên tạp chí cũng là hợp lý thôi. Những người viết mới, tên tuổi chưa người biết, cõi viết vừa dựng còn là một xa lạ, một cách biệt hoàn toàn với người đọc mới cần một phần đất tiếp nhận và giới thiệu. Để lên đường. Những tác giả đã thành danh, tự đến với người đọc bằng tác phẩm và danh tiếng mình, đâu cần ai giới thiệu nữa.

Vậy coi *Văn* là nơi phát xuất một số người viết có tương lai và triển vọng cũng đúng. Nhưng mấy chữ "tạo những bước đầu" trong câu hỏi thì không đúng lắm đâu. *Văn* không tạo. Tôi cũng vậy. Kể cả một bước đầu, cho một người nào. Tài năng ở văn chương là một tự thành. Anh em viết mới tự tạo ra văn chương họ. Không có *Văn*, ở họ,

vẫn có những lên đường, chỉ sớm hay muộn mà thôi.

Những ai đáng được lưu ý? Tất cả. Tùy thuộc ở từng thẩm định, về nhìn thấy thế nào là một triển vọng. Đại khái như một nhà dìu dắt thể thao này tinh mắt, chỉ nhìn thấy dáng vẻ của một tay đấm trẻ mới thượng đài lần đầu đã biết y sẽ trở thành một võ sỹ vô địch. Mà một nhà dìu dắt và tìm kiếm tài năng mới thiếu tinh mắt không thấy được. Đoạn câu hỏi này với tôi là lớp nhà văn nữ mới hiện nay. Ở văn truyện của họ. Không ở thơ. Và xin miễn kể tên ai.

Trước 1975 ở bên nhà và sau 1975 ở ngoài nước, hai lớp nhà văn trước sau thật ra chỉ là sau trước mà thôi. Vẫn là cùng một thời, chung một dòng. Vẫn là một tiếp nối ở trên và ở ngoài mọi đứt đoạn khác, tạo ra bởi biến cố và bởi lưu vong. Cho nên tôi chẳng thấy khác biệt gì lắm. Những ai đã cố gắng giải thích về một hiện tượng khác biệt lớn lao, giải thích đã không thỏa đáng còn nhiều khi chỉ là tưởng tượng.

## *Nhật Tiến*

*Văn Học: Với mẫu người xông xáo và luôn luôn tìm kiếm những điều mới lạ trong văn chương như anh, anh có nghĩ rằng cần phải có thêm nhiều tâm tư thời đại trong văn học hiện nay? Hình như trong những bài viết gần đây của anh, những đề tài mới và những tâm tư mới được biểu lộ. Anh có thể cho độc giả của Văn Học biết về những biến chuyển ấy?*

Nhật Tiến: Trước hết, tôi không muốn tự nhận mình là người luôn luôn xông xáo và tìm kiếm những điều mới lạ trong văn chương. Nếu quả thực đã có những sự chuyển biến trong những sáng tác của tôi gần đây thì đó là những chuyển biến về nhận thức của chính tôi chứ không phải nó bắt nguồn từ đời sống. Đời sống, trước sau nó vẫn là như thế, với những sự kiện vẫn hằng tồn tại và với nhiều khía cạnh phong phú. Vấn đề là ở chỗ người viết cảm nhận được đến đâu những sự kiện ấy để chuyển hóa nó vào văn chương. Nói khác đi, tôi không muốn tự cho mình là một người viết thích khai phá những điều mới lạ. Điều mới lạ đối với tôi không mang ý nghĩa gì hết. Tôi chỉ mong mỏi đi tìm cái đúng, cái chân thực, cái sự thực vốn có thể đang bị quên lãng hay bị nhận chìm đi trong cái rừng dầy đặc của thành kiến cố hữu. Tôi cho rằng đó mới là điều đáng nói, đáng viết và đôi khi đòi hỏi người ta phải có can đảm để nói ra, viết ra.

Trong nhiều năm trở lại đây, tôi có cảm tưởng người cầm bút ở hải ngoại tránh né nhiều vấn đề liên quan mật thiết đến những khía cạnh nóng bỏng của quê hương (phải chăng đó là điều mà người phỏng vấn gọi là "tâm tư thời đại"?). Nếu quả đúng như thế thì văn học hiện nay còn thiếu nhiều những sáng tác mang nội dung tâm tư thời đại, hay nói cho đúng hơn, thiếu một sự mổ xẻ cặn kẽ, trung thực và can đảm về những tâm tư và cảm nghĩ của những con người lưu vong đối với

hoàn cảnh hiện nay của đất nước. Mà sở dĩ có cái tình trạng ấy, phải chăng đã bắt nguồn từ nhiều lý do, như thể thiếu đào sâu, thiếu kinh nghiệm sống, hoặc ngay cả sự phải đối diện với một tình trạng thực tế trong đó dù ở xứ tự do bạo lực vẫn có thể áp đặt một cách hung hãn và dễ dàng lên sinh mạng của chính người cầm bút. Nói gọn lại, văn học hiện thời của chúng ta, tuy phong phú về thể tài, dồi dào về số lượng, nhưng vắng bóng một cách nhìn thẳng thắn, trung thực và khách quan về những vấn đề nóng bỏng của quê hương và dân tộc.

*Văn Học: Qua thời kỳ làm Chủ Tịch Văn Bút Nam Cali, anh có nghĩ đang có sự "ngồi gần lại với nhau" của những người cầm bút lưu vong Việt Nam không?*

Nhật Tiến: Sáu tháng nhận làm Chủ tịch Ban Chấp Hành lâm thời Trung Tâm Văn Bút Nam Cali, đã có lúc tôi tự ví như mình nhắm mắt nhận uống một liều thuốc đắng, bởi vào thời điểm đó, đã có biết bao nhiêu bài báo được đưa ra với những nội dung đầy ngộ nhận hay xuyên tạc. Theo tôi, đó là thời kỳ rối rắm nhất, khiến dư luận độc giả, quần chúng chán nản và ngộ nhận nhiều nhất, nhưng đồng thời đó cũng là một thời kỳ cần thiết để làm viên gạch lót đường cho Ban Chấp Hành chính thức được bầu ra sau này. Bây giờ thì tôi cảm thấy lạc quan hơn nhiều, bởi vì thông qua danh sách Ban Chấp Hành chính thức do nhà thơ Viên Linh làm chủ tịch, đã có những tên tuổi ngồi lại được với nhau, và trong thực tế hoạt động, Ban Chấp Hành mới đã có những thành quả tích cực, hữu hiệu. Tôi rất tin tưởng ở những hoạt động của Văn Bút trong tương lai dưới sự điều động của Tân Ban Thường Vụ được bầu ra từ tháng 9, 1988.

## *Nguyễn Xuân Hoàng*

*Văn Học: Anh là một người muốn có sự mới lạ trong văn chương và đã sinh hoạt rất lâu trong giới cầm bút. Anh có nghĩ văn chương Việt Nam hiện nay là một đoạn đường nối tiếp của văn chương Việt Nam trước năm 1975?*

*Anh có nghĩ đời sống văn chương và đời sống thực tế là một? Những truyện dài, khai thác những biến cố trong đời sống người Việt lưu vong có phải là cây cầu nối hai đời sống ấy?*

Nguyễn Xuân Hoàng: Tôi thấy khó trả lời dù một cách tương đối về một câu hỏi gồm nhiều câu hỏi của anh. Dù sao tôi cũng xin được nói một vài suy nghĩ về mấy vấn đề sau:

Trước hết, theo tôi, văn chương hải ngoại của chúng ta, tuy có một nội dung mới do những hoàn cảnh mới của đời sống xã hội đặt ra, những biến cố to lớn của lịch sử "đổ ập" xuống thân phận của dân tộc và cá nhân, nhưng văn chương ấy vẫn đang đi tiếp con đường của nền văn chương trước Bảy Lăm. Tôi không nghĩ rằng có thể có một thứ văn chương nào nẩy sinh từ một chốn hư vô, không dây mơ rễ má với

gốc rễ của nó.

Vấn đề là cái hình thức nào chứa đựng nội dung mới này. Đi tìm một cách viết mới cho đời sống mới, với những trăn trở mới, có thể cũng là một trong những suy nghĩ của người cầm bút hải ngoại.

Cũng trong ý nghĩ ấy, tôi cho rằng văn chương có đời sống riêng của nó, không thể đồng hóa nó vào với đời sống thực tế. Ai lại bắt ông họa sĩ làm công việc của nhà nhiếp ảnh.

Tuy vậy, tôi đang có trong đầu một đôi điều nhỏ bé khi nghĩ về những chữ *Nàng* và *Chàng* trong tiểu thuyết chúng ta. Tôi muốn, nếu có dịp, đưa vấn đề này ra cho tạp chí Văn Học như một suy nghĩ để tranh luận.

## *Nguyễn Văn Sâm*

*Văn Học: Trong một bài điểm sách, anh có nói văn xuôi đã diễn tả được gần hết bằng ngôn ngữ đặc thù những điều cần diễn tả, còn thơ thì chưa làm được công việc ấy trong thời kỳ hiện nay. Sau 14 năm văn học, anh có thể cho độc giả Văn Học biết rõ hơn về nhận xét ấy.*

Nguyễn Văn Sâm: Tôi nghĩ thi sĩ Nguyễn Mạnh Trinh đã hiểu câu nói, nhưng vốn trọng thơ nên đem ra "quay" người nói mà thôi. Tuy vậy, đây cũng là một dịp để tôi nói thêm cho rõ.

Trong thời gian từ tạo dựng đến nay, văn chương hải ngoại đã diễn tả và nói lên được nhiều điều, ta có thể kể:

- Những bẽ bàng, vô nhân, đói khổ, chia ly, bạo hành ở quê nhà.
- Tận cùng của thương đau và nhân tính trong lao tù.
- Thảm cảnh trên bể Đông và những đau thương ở trại
- Những ngày bi thảm tháng 4/75.
- Đời sống bơ vơ, lếnh loảng, không hội nhập của lớp già / nếp sống cuồng vội qua hội nhập của lớp trẻ.
- Những tiếc thương cho quá khứ và kỷ niệm đã mất.
- Quê hương như một khuất bóng được ước mơ...

Diễn tả những ý này, văn có khả năng trình bày bằng những *mô tả sự kiện* và những *giải phẫu tâm trạng*. Ở cả hai bình diện đều đã có nhiều cây bút trội khiến cho những điều đã nói ở trên đều được nói hết - để ghi lại tội của người tạo ra hoàn cảnh và đời sống của những nạn nhân của hoàn cảnh đó.

Người viết nói chung *vẫn còn bị văn chương ghi trong chương trình trung học ở Việt Nam ngày xưa* ám ảnh nên phần mô tả sự kiện quá lấn lướt, trong khi đó phần giải phẫu tâm trạng chưa được dồi dào. Một vài người viết theo lối *sự kiện* cố đi vào lối *tâm trạng* nhưng không thành công.

Trong khi đó thơ cũng chỉ diễn tả những vấn đề nêu trên, chưa có ý mới quan trọng được trình làng, nhưng thơ lại diễn tả tâm trạng, bổ xung cho phần yếu kém của văn. Ta thấy như là có một sự phân công

nhưng thật ra chỉ vì "sự cảm thấy phù hợp với thể loại nào đó" của người cầm bút; thế thôi.

Tuy vậy, vài điều đã nói ở trên *thơ* bỏ qua, hay được khai thác rất ít. Có thể có vài vấn đề thuộc dạng mô tả chi li vốn không phù hợp với tính " đi thẳng vào cảm xúc", ít lời của thơ.

Khi sáng tác, dù văn hay thơ, người viết cũng cố tìm tòi ngôn ngữ đặc thù để tạo cảm xúc tối đa cho người đọc. Đã có người tìm tòi ngôn ngữ thích hợp và của riêng mình (*đôn hậu:* Nguyễn Mộng Giác, Nhật Tiến, *lãng đãng bềnh bồng tâm trạng:* Mai Thảo, *cụ thể:* Nguyễn Văn Sâm) đã có người khơi dậy những cấu trúc ngôn ngữ từ lâu tiềm ẩn (Ngô Nguyên Dũng, Kiệt Tấn, Thế Giang, Nguyễn Thị Hoàng Bắc...) Còn thơ, tôi chưa thấy hết, có lẽ, nhưng một Cao Tần chục năm trước, một Viên Linh sáu bảy năm gần đây, Ngu Yên và Nguyễn Đức Bạt Ngàn mới đây chưa tạo được những đặc thù cho thơ bằng ngôn ngữ mặc dầu đã tạo được bằng mặt ý tưởng.

Sự phân chia này nói vậy chớ là một giả vấn đề bởi vì văn thơ chỉ là những biểu hiện khác nhau trên mặt hình thức diễn tả của một tâm tình Việt Nam hải ngoại. Không ai đặt vấn đề trong thời VNCH binh chủng nào, dù hay TQLC, có công nhiều trong việc giữ đất. Mọi sự vật khi cần để được khảo sát tường tận hơn, thường được chia ra thành nhiều yếu tố nhỏ. Văn chương hải ngoại chia ra văn, thơ, nhưng không nên vướng trong phần nhỏ đó mà quên sự vật, nhất là sự vật đó dùng để làm gì? Ở đây: tìm hiểu tâm tình chúng ta.

*Văn Học: Anh có nghĩ gì về lối phân biệt "văn chương chính thống và lưu vong" trong thời kỳ văn học hiện nay?*

Nguyễn Văn Sâm: Tôi không hiểu là chúng ta đồng ý nhau chưa về những khái niệm mơ hồ văn chương chính thống, văn chương lưu vong. Tôi không cho nền văn chương CSVN ở quê nhà là văn chương chính thống. Nó không *chính* tý nào cả khi mà cưỡng bức trong cách viết vẫn là điều bắt buộc. Tôi cũng không nghĩ là những điều chúng ta viết ở ngoài nước từ mười mấy năm nay tạo thành một nền văn chương *lưu* vong. Nó không *vong* chút nào hết, nó bị *lưu đày* thì có (nếu nói văn chương của người Việt lưu vong thì được, nhưng dài dòng quá). Hiểu ngược lại ta chính thống họ lưu vong thì có lý (kiểu nói của thi sĩ Đỗ Quý Toàn) nhưng cũng *cưỡng từ* vì văn chương của họ, không thể gọi là lưu vong mà là thứ văn chương *vong thân* quên chính cái văn chương để khoác cái áo chính trị và đảng nhiệm vào.

Vậy tôi xin hiểu ý câu hỏi như là "có ý kiến gì về văn chương ở trong nước và văn chương hải ngoại" (hiểu như ngoài quê hương chớ không phải ngoài biển)

Câu hỏi có ngoại hàm quá rộng nên tôi bối rối:

A/ Về bản chất của chúng?

Sinh ra từ bản chất của hai chế độ nên (1) *Văn chương trong nước:* phát triển tùy theo tâm tình của kẻ lãnh đạo: đề cao cá nhân, chửi bới,

ninh bợ, né tránh, phục vụ giai đoạn...trước thời NVL và chống cán bộ sai lầm, đả kích nhân viên hạ tầng, đối lập cuội sau nầy. (2)*Văn chương hải ngoại:* vườn hoa mộc lan về những điều đã trả lời trên câu hỏi I, thỉnh thoảng cũng có cỏ dại, dâm dục, rừng mỡ, hậu ý ở những tác giả nôn nóng tạo cho mình một cái tên, hay cần một món tiền nhỏ.

B/ Về kỹ thuật?

Ý niệm trong nước cộng với ý niệm CS khiến kỹ thuật văn chương trong nước là kỹ thuật của tiền thế chiến thứ hai, thiên về mô tả sự kiện, nhiều đối thoại, diễn tiến theo thời gian và *"có thể hiểu được"* vì điều mô tả gần với con người ở ngoài đời (ăn nói, hành động, suy nghĩ). Ý niệm và thực tế hải ngoại đưa đến một số kỹ thuật mới như diễn biến nội tâm, đối thoại nội tâm, độc thoại, xáo trộn thời gian, nhị trùng bản ngã, phân tích hiện tượng luận v.v...là những kỹ thuật không mới đối với văn chương ngoại quốc nhưng tương đối mới với văn chương trong nước giờ đây.

C/ Về tương lai?

Cả hai vẫn sinh tồn chừng nào còn hai cộng đồng khác nhau. Một đàng lợi thế về quyền bính để áp đặt, một đàng ưu điểm về nhân tâm để thu hút

D/ Về nghiên cứu, lý luận, phê bình:

Phe hải ngoại thua đậm về mặt nầy nhưng xin nói thêm cho rõ: không phải vì thiếu người tài mà vì thiếu tài liệu tại chỗ, thì giờ và loại độc giả chịu đọc, chịu ủng hộ. Những vấn đề nặng óc cần kiến thức vững.

Phe trong nước thắng vì có tài liệu tại chỗ, thời giờ nhiều và nhất là chui được vào trong cái vỏ an toàn khỏi lo sợ phạm những điều cấm...

E/ Về đề tài?

Tôi không có ý niệm làm bảng so sánh hai thứ văn chương của dân tộc Việt đau khổ nhân câu hỏi anh đặt ra nên xin dừng ở đây.

Tóm lại câu trả lời: Người viết ở hải ngoại chúng ta cần cố gắng hơn nữa, cần sử dụng thì giờ viết đúng đắn hơn. Những người viết ở bên kia ăn cơm chúa nên phải múa bút thôi, ý niệm cố gắng không thể có, nhưng họ ở trong quê hương nguồn ngôn ngữ của họ dễ được tiếp dưỡng.

Nếu ta không đem tấm lòng mình, tâm tình mình mà sống cho văn chương thì ta dễ bỏ trôi để sống theo đời sống bình thường, lúc đó không những ưu điểm của văn chương hải ngoại mà chính văn chương hải ngoại cũng bị tiêu diệt nữa (một vài cây viết mới lòe lèn bây giờ vắng bóng, những tờ *Văn, Văn Học*, đang chật vật là các báo hiệu...)

## *Nguyễn Ngọc Ngạn*

*Văn Học: Anh là người viết sách có nhiều độc giả nhất và là một*

*khuôn mặt mới rất được để ý của Văn Học Việt Nam Hải Ngoại. Với đề tài Việt Nam từ xã hội miền Bắc xã hội chủ nghĩa, miền Nam trại tù và đời sống khổ cực bấp bênh, và ở hải ngoại với đời sống vật chất làm chủ, anh có nghĩ đời sống ấy chỉ toàn những điều bi quan nên anh đã phải làm vui bằng những điều châm biếm. Vậy, anh có nghĩ rằng chúng ta sẽ phải có hành động tích cực hơn như trực diện với kẻ thù, chống Cộng một cách triệt để hơn?*

Nguyễn Ngọc Ngạn: Trước cuộc sống đa dạng, mỗi người chỉ nhìn thấy nó từ một góc cạnh. Với tôi, đời không phải chỉ toàn những điều bi quan khiến tôi phải làm vui bằng những điều châm biếm. Thực ra, đó chỉ là cách hành văn tự nhiên của tôi mà thôi. Vả lại, trong sách của tôi, nếu có đôi khi châm biếm, thì sự châm biếm ấy chỉ là phương tiện, không phải là mục tiêu.

Về "hành động tích cực hơn, chống Cộng triệt để hơn" mà anh nêu ra, theo tôi nghĩ, trên lãnh vực văn học, chúng ta đã làm từ lâu rồi, không cần phải thay đổi gì nữa. Những đóng góp của người cầm bút ở hải ngoại trên mặt trận văn học chống Cộng có thể ở nhiều mức độ cao, thấp khác nhau, cách thế diễn tả và sử dụng ngôn ngữ khác nhau, nhưng tựu trung đều như những dòng suối nhỏ đổ vào một nguồn. Có người đòi hỏi nhà văn nhà báo phải viết toàn những lời mạnh mẽ, căm hờn, để đả kích Cộng Sản. Và chỉ như thế mới coi là tác phẩm chống Cộng! Tôi cho đó là một ý nghĩ rất hẹp hòi. Những người ấy, chắc sẽ ngơ ngác không hiểu tại sao báo chí Cộng Sản lại gọi nhà văn Mai Thảo là "nhà văn chống Cộng số một ở Sài gòn", bởi vì họ chỉ thấy ông viết toàn chuyện lãng mạn, khề khà bên chén rượu, điếu thuốc. Những người ấy cũng sẽ không hiểu được tại sao báo Cộng Sản lại đánh giá tờ Văn, Văn Học hay Làng Văn ở hải ngoại là "dùng văn nghệ đánh phá hệ tư tưởng Mác-xít". Như tôi vừa nói ở trên, đường chúng ta đang đi từ hơn mười năm nay, xin cứ tiếp tục tiến bước. Cần nhất là bền bỉ, không bị lung lạc.

*Văn Học: Anh có thể cho độc giả Văn Học biết dự trù về những tác phẩm mới của anh?*

Nguyễn Ngọc Ngạn: Tôi đang in truyện dài "Đếm Những Mảnh Tình" để phát hành vào dịp Tết này. Tôi không có dự trù gì lâu dài, nhưng với mức độ hiện tại thì mỗi năm sẽ in được hai cuốn sách mới.

## *Phạm Quốc Bảo*

*Văn Học: Anh là người viết đều tay và sinh hoạt thường xuyên với báo chí. Như vậy anh có tin tưởng rằng Văn Học Việt Nam sẽ khởi sắc hơn so với những thời kỳ trước?*

*Riêng cá nhân anh, anh có tin tưởng vào những công việc mình đang theo đuổi không?*

Phạm Quốc Bảo: Mỗi thời kỳ văn học đều gắn liền với giai đoạn lịch

sử dân tộc và đất nước, với hoàn cảnh và môi trường sống, nên theo tôi, thời kỳ văn học nào cũng có những đặc sắc riêng biệt cả. Không thể và không nên so sánh thời kỳ này với thời kỳ kia của văn học một dân tộc như Việt Nam.

Từ năm 1975 đến nay, sinh hoạt văn học trong nước có hai lối rõ rệt. Một là các sáng tác phẩm được công khai phổ biến cho thấy chưa thoát khỏi ảnh hưởng chỉ đạo của nhà nước Cộng sản. Ngay cả những tác phẩm xuất hiện trong vòng hai năm nay. Chẳng hạn *Cù Lao Tràm* của Nguyễn Mạnh Tuấn, *Thời xa vắng* của Lê Lựu ...*Tướng Hồi Hưu* của Nguyễn Huy Thiệp hay *"Hà Nội Trong Mắt Ai"* và *"Chuyện Tử Tế"* phim tài liệu. Tất cả xem ra vẫn còn nằm trong kế hoạch tuyên truyền cho chủ trương "cởi mở" và "tái phối trí" đang là phong trào phổ biến của các nước thuộc khối Cộng sản thế giới hiện nay. Người ta tự hỏi có thể sẽ xảy ra một hiện tượng nay mai kiểu giống như vụ "nhân văn giai phẩm" ở miền Bắc Việt Nam vào những năm cuối thập niên 1950 chăng? Tuy nhiên, dù muốn dù không những tác phẩm tiêu biểu nêu trên cũng có giá trị đặc sắc trong giới hạn riêng thời kỳ này: nương theo chính sách Việt Cộng cho "xả hơi", giới văn nghệ trong nước đã cho "xì" ra những uất ức dồn nén cả trên ba mươi năm nay.

Hai là sinh hoạt "văn nghệ đúng nghĩa" ở trong nước, như trường hợp nhóm "văn nghệ chân đất", đã được lọt ra hải ngoại một số tác phẩm đáng kể như Nguyễn Chí Thiện với *Hoa Địa Ngục*, Hồ Khanh với *"Đi"*, Nguyễn Mậu Lâm và nhóm văn nghệ Sông Hàn với *"Nổi Lửa"*...Văn nghệ chính thống này là một phong trào đặc biệt quan trọng và lớn lao nhất trong thời kỳ này của Việt Nam, vì nó can đảm đưa ra vấn đề áp bức nhân quyền ở trong nước, vì nó đặt thẳng vấn đề căn bản nhất của văn nghệ là nhân bản trong thực trạng Việt Nam.

Ở hải ngoại, nhờ vào nỗ lực không ngừng của giới cầm bút Việt tị nạn, các tác phẩm mới viết được xuất bản mỗi lúc một nhiều kể từ đầu thập niên 1980 trở lại đây. Mặc dù căn bản người Việt hải ngoại có tự do tư tưởng và phát biểu, có cơ hội và điều kiện nâng tầm nhìn rộng ra thế giới, nhưng vẫn còn nhiều giới hạn khác ràng buộc, khiến sinh hoạt văn học chưa có nội dung và chất lượng hợp với tầm vóc của nó. Tuy nhiên ta có quyền hy vọng trong tương lai gần, điều vừa nêu sẽ thực sự khởi sắc khi giới cầm bút xây dựng được tư thế độc lập của họ.

Đặc biệt một năm nay người ta thảo luận nhiều về quan niệm nền văn học Việt Nam chính thống chỉ được tiếp nối ở giới cầm bút hải ngoại. Cá nhân tôi nghĩ rằng chính thống hay không là do chúng ta có thực hiện được hay chưa, bằng tác phẩm, chứ không ở chỗ mệnh danh suông là xong.

Tôi không đặt vấn đề tin tưởng ở câu trả lời này. Công việc viết là một mặt trong đời sống của tôi hiện nay. Không viết tức là tôi lãng quên đi một phần đời đáng sống nhất của tôi đấy.

## *Hồ Trường An*

*Văn Học: Anh là người đã có mặt tại hải ngoại từ năm 1977 và đã sinh hoạt rất lâu dài với những liên hệ văn nghệ mật thiết. Anh có thể cho độc giả Văn Học biết những nhận định về sự hình thành cũng như phát triển của văn học nghệ thuật Việt Nam hải ngoại*

Hồ Trường An: Theo kinh nghiệm bản thân, tôi nhận thấy như sau:

*Từ năm 1977-1983:* Sinh hoạt văn chương ở hải ngoại rất yếu ớt. Lớp di tản thì không chịu cầm bút. Văn nghệ sĩ đã sống dưới chế độ Cộng sản từ năm năm trở xuống, có cơ hội may mắn vượt biên thì chẳng có bao nhiêu. Lúc đó tôi làm tổng thư ký tòa soạn cho tập san *Quê Mẹ* ở Paris, tìm người viết báo đã khó huống hồ là viết văn. Đọc các báo bạn ở Mỹ, ở Úc, tôi nhận thấy chỉ có tờ *Việt Chiến* ở Viginia là có tầm vóc văn chương đáng kể. Quên, còn tờ *Văn Học Nghệ Thuật* do ông Võ Phiến chủ trương nữa. Nhưng *Việt Chiến* đã đưa ra những Nguyễn Ngọc Ngạn (bên văn), Hoàng Xuân Sơn (bên thơ). Hà Thúc Sinh, Lâm Hảo Dũng và Hồ Trường An cũng nhờ Việt Chiến mà tên tuổi được trở thành quen biết với độc giả ở Hoa Kỳ và ở Bắc Mỹ, vì hồi ở Việt Nam cả ba tên tuổi hãy còn lu câm.

*Từ năm 1983 tới nay:* Nhờ có Mai Thảo chủ trương *Văn*, nhờ Nguyễn Mộng Giác chăm sóc *Văn Học Nghệ Thuật* (kỳ tái bản) rồi chăm sóc *Văn học* hiện giờ, nhờ có Nguyên Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa, chủ trương *Làng Văn*, phong trào văn chương ở hải ngoại trở nên xôm tụ. Có thể đây là một điều đáng mừng. Mà không đáng mừng sao được. Cán bộ văn nghệ Cộng sản ở hải ngoại đã bắt đầu khen ông này, chê ông nọ bên hàng ngũ văn chương tụi mình. Thế có nghĩa là họ đang quan tâm nên âm mưu mạ lỵ hoặc chia rẽ. Điều cần nhất là mình đừng dao động, đừng chửi những kẻ được họ khen hoặc những kẻ bị họ xuyên tạc...

Tính đến nay những cây bút mới có bản lãnh phải kể: Nguyễn Ngọc Ngạn, Thế Giang, Ngô Nguyên Dũng, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Ý Thuần, Nguyên Nghĩa, Lê Đại Lãng, vừa viết sắc sảo vừa dài hơi (cũng cần ở điểm này chớ bộ). Đừng có như Trình Giảo Kim oanh liệt chỉ có ba nhát búa đầu, rồi bỏ chạy cong đuôi... Muốn được như vậy, phải viết cuộc đời ở nhiều [illegible]ật. Thà viết *cái Ngã* một cách thành khẩn, chi ly, sắc sảo, còn hơn viết cái *vượt cái Ngã* mà hời hợt, giả dối, làm thầy đời người đọc. Nhà văn lớn của nhân loại là Marcel Proust vẫn chọn cái ngã mà viết, viết chuyện ngồi lê đôi mách tưởi hột sen mà vẫn là bậc thầy...(qua bộ *Đi Tìm Thời Gian Đã Mất*). Ông Võ Phiến mang tiếng chẻ sợi tóc làm tư, chớ ông Proust chẻ sợi tóc làm mười.

Về trường giang tiểu thuyết, *"Mùa Biển Động"* của Nguyễn Mộng Giác tuy có kích thước khá lớn, nhưng, Giác không cho những nhân vật chính như Ngữ, Ngô, Tường, Nam cái thắc mắc nhiều về kiếp nhân sinh, về cuộc tìm kiếm hạnh phúc qua sự giải phóng của tâm

thức như Bá tước Pierre hoặc hoàng thân André Bolkonski trong *"Chiến Tranh và Hòa Bình"* đã từng tư duy, từng tìm kiếm (dù là vô vọng đi nữa).

Văn chương ở hải ngoại có cái kẹt ở chỗ tác giả chỉ thích làm nhân chứng cho xã hội Việt Nam dưới ách Cộng sản và họ ngả bên kẻ bị chà đạp nhân phẩm, tự do và nhân phẩm...Điều đó rất tốt. Nhưng coi chừng, tác giả nào cũng làm như vậy, văn chương đều mặc bộ đồng phục như nhau, buồn lắm đó.

Văn chương hải ngoại ít có một tác phẩm tư tưởng có kích thước thiệt lớn. Nhưng Nguyễn Mộng Giác, Võ Đình và Trần Trúc Giang chịu khó làm cuộc khởi hành (bên văn), Nguyễn Bá Trạc, Ngu Yên, Đặng Thị Quế Phượng, Trần Sa, Như Chi (bên thơ), coi mòi thành công rồi đó.

Đáng kể thứ hai là văn, những cây bút nữ mới toanh bắt đầu khởi nghiệp ở hải ngoại: Trần Diệu Hằng, Lê Thị Huệ, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Cao Bình Minh, Phạm Thị Ngọc, Trần Thị Kim Lan, Nguyễn Thị Thanh Bình (bên văn). Trần Mộng Tú, Đặng Thị Quế Phượng, Như Chi, Hàn Song Tường, Trịnh Gia Mỹ, Trần Sa, Vũ Thùy Hạnh (bên thơ)

Còn nói thêm trong 14 năm qua, ngành thơ đã được sống mạnh dù tác giả bỏ tiền túi ra in: Bắc Phong, Cung Vũ, Phan Ni Tấn, Hoàng Xuân Sơn, Trần Thiện Hiệp, Nguyễn Bá Trạc, Ngu Yên, Phạm Quang Ngọc, Nguyễn Tất Nhiên, Hà Thúc Sinh, Lâm Hảo Dũng, Thái Tú Hạp, Luân Hoán.

## *Bùi Vĩnh Phúc*

*Văn Học: Trong sinh hoạt văn học Việt Nam hải ngoại thiếu vắng rất rõ nét phần phê bình và nhận định văn học. Anh có nghĩ sẽ đi vào con đường ấy để lấp một chỗ trống cần thiết?*

Bùi Vĩnh Phúc: Theo tôi, không phải chúng ta chỉ thiếu người làm việc trong lãnh vực phê bình và nhận định văn học ở ngoài nước trong giai đoạn này. Chúng ta đã thiếu vắng những người làm công việc ấy ngay từ khi còn ở quê nhà. Dĩ nhiên, khi nói về quê nhà, ở đây, tôi chỉ muốn nói tới sinh hoạt văn học nghệ thuật ở miền Nam, với những tự do ở trong một giới hạn nào đó của nó. Tôi không nói đến miền Bắc. Bởi lẽ, tại miền Bắc, xét trên mặt hiện tượng, người ta thấy có sự "phân công" hợp lý hơn trong các lãnh vực sinh hoạt "văn học nghệ thuật", nhưng trong bản chất, sự hợp lý này cũng chỉ có tính cách biểu kiến. Bởi lẽ, mặc dù có được một vài nhà phê bình và nhận định văn học sâu sắc, miền Bắc không thiếu những nhà phê bình và nhận định văn học theo giọng điệu "cung đình". Nghĩa là họ chỉ là dội âm của những biểu quyết, đường lối, chính sách do Đảng đề ra. Những dội âm ấy không

phản ánh một nền văn học thật sự vì nó không làm sáng lên được tính tự do trong sáng tác của người cầm bút.

Ở miền Nam, giai đoạn từ 1954 đến 1975, mặc dù thăng trầm và biến đổi theo những bối cảnh sống văn hóa khác biệt do thời cuộc tạo nên, một dòng văn học tự do đã được phát triển một cách khá đẹp đẽ. Với một trời Việt trên đầu và đất Việt dưới chân, trong cái nôi văn hóa quê nhà, những người làm văn học nghệ thuật thời đó cũng như chúng ta nhìn lại bây giờ cũng chỉ thấy trong lãnh vực phê bình và nhận định văn học có mặt một vài người làm việc thật sự. Tôi nhớ Đặng Tiến, Cao Huy Khanh, Nguyễn Văn Trung, Đỗ Long Vân...Bây giờ, tại nước ngoài, bối cảnh sống văn hóa của chúng ta nhìn theo mối tương quan của nó với nhịp sinh hoạt văn học Việt ngoài nước càng làm cho công việc nhận định, phê bình văn học trở nên khó khăn và mất thời giờ nhiều hơn, nếu thật sự người ta muốn làm việc một cách nghiêm chỉnh và đều đặn.

Tôi quan niệm phê bình và nhận định văn học không phải chỉ là việc đọc, điểm, hay phê bình một quyển sách. Dĩ nhiên, đây là một phần vụ quan trọng có tính kích thích hai chiều. Kích thích người đọc tìm đến tác phẩm (từ đó, lôi kéo đến việc tìm hiểu về tác giả cũng như về hoàn cảnh sống và sáng tác của họ) và kích thích tác giả trong những nỗ lực làm tốt, làm mới hơn nữa những sáng tác của mình...Phần vụ này, như thế, được xem như một thứ dung môi có tác dụng kết hợp hai chiều, tạo một điều kiện tốt đẹp để một dòng văn học có thể triển nở.

Dù sao, phê bình và nhận định văn học không phải chỉ có như thế. Người làm công việc nhận định, phê bình phải trình bày được các khía cạnh biểu hiện của cái diện mạo văn chương, văn học của cái thời mà ông ta sống (Đại danh từ nhân vật ngôi thứ ba, số ít, nam tính ở đây được chọn để tiện cho việc diễn đạt). Ông ta phải làm cho độc giả thấy được những chuyển mình hay những trào lưu của cái dòng văn học ấy. Phê bình và nhận định văn học có thể đi song hành với sáng tác và chia sẻ cái khí hậu, cái thời tiết của một mùa văn chương, của một dòng văn học với sáng tác. Nó có thể đi sau sáng tác để trình bày, soi chiếu, đánh giá những sáng tác. Và có khi nó phải đi lên trước để định hướng tới cho cả một dòng văn học. Giá trị của sự định hướng đó phần lớn sẽ nằm ở sự chấp nhận của những người sáng tác nói chung, và, hơn hết, của khối lượng đông đảo người đọc. Và đó lại là một vấn đề khác nữa. Nói một cách vui đùa, nhà sáng tác đôi lúc có thể ngủ. Nhiều lúc được quyền mơ mộng. Nhưng nhà phê bình, nhận định văn học thì thường ít khi được dành cho những cái quyền này. Có lẽ chính vì thế mà người ta ngại bước vào lãnh vực này chăng?

Riêng về phần tôi, tôi không chủ ý...đem mình điền vào chỗ trống. Thật sự, tôi thấy mình vừa sáng tác, vừa viết một số nhận định, phê bình văn học theo cách riêng của tôi. Duy trong vòng ba, bốn năm trở lại đây, tôi có khuynh hướng nghiêng nặng về lãnh vực sau. Ngoài ra,

tôi không muốn lựa chọn giữa phê bình, nhận định và sáng tác. Khi thấy mình có một thôi thúc để viết về một điều gì đó, cái thể loại được chọn để trình bày tự nhiên sáng ra ở trong tôi. Và tôi diễn nó ra theo cái cách mà tôi thấy nó nên được diễn ra như thế. Hình như chúng ta thường có khuynh hướng phân biệt giới sáng tác và giới nhận định, phê bình..., từ đó, xếp loại một người cầm bút vào trong một giới nào đó. Có người còn đi đến chỗ suy nghĩ là một người đã ở trong lãnh vực này thì không nên bước vào lãnh vực kia. Thật sự, một người chỉ phê bình và nhận định sẽ làm công việc của họ với một số lợi điểm và bất lợi điểm nào đó. Ngược lại, một người vừa sáng tác vừa nhận định phê bình cũng làm công việc của họ với một số lợi điểm và bất lợi điểm khác. Vấn đề quan trọng, tôi nghĩ, chính là cái chất được chứa đựng ở bên trong. Tôi nghĩ cái phẩm quan trọng hơn cái thể và cái lượng. Trong văn chương thế giới, có nhiều nhà văn nổi tiếng đã để lại những công trình phê bình rất đáng giá, tạm kể D. H. Lawrenre, J.P. Sartre, Beaudelaire, Anais Nin...

Nhìn vào sinh hoạt văn học nghệ thuật ngoài nước một hai năm qua, tôi không lạc quan cũng không chủ quan, chỉ thấy không có gì để phải bi quan cả. Ngay trong lãnh vực nhận định, phê bình, tôi cũng thấy có những hiện tượng, những dấu hiệu tốt. Tôi chưa làm được hết những điều tôi muốn làm trong phạm vi này; nhưng tôi sẽ cố đóng góp phần mình trong khả năng và điều kiện, hoàn cảnh sống của tôi cho phép.

*Văn Học: Và ở vị trí người nhận định văn học, anh có nhận xét nào về mười bốn năm văn học lưu vong?*

Bùi Vĩnh Phúc: Đề tài của câu hỏi thứ hai quá rộng. Nói chung, tôi thấy có những điểm mới và tích cực. Tôi đã thử bàn về nó trong một bài đăng trên *Văn Học* cách đây khoảng bốn, năm tháng. Dù sao, dòng văn chương, văn học ngoài nước có một dung lượng lớn với những chi, những nhánh có những điểm đồng và dị khá phức tạp, lại biến đổi khá nhanh theo triều lên xuống và thổ ngơi, khí hậu từng vùng, bởi thế, vẫn nên được cập nhật hóa. Chính cái thổ ngơi, khí hậu viết nơi mỗi nhà văn, nhà thơ của ta trong cái hoàn cảnh sống bên ngoài đất nước này cũng chịu những thay đổi. Những thay đổi này, đổ lên chữ viết, đổ lên đề tài, là những thay đổi phải được theo dõi đều nếu chúng ta thật sự muốn biết rõ diện mạo của dòng văn chương Việt ngoài nước.

## *Bùi Bảo Trúc*

*Văn Học: Anh là người theo sát sinh hoạt văn học qua những bài điểm sách trên đài VOA. Anh có thấy những hiện tượng nào đặc biệt về tác giả và tác phẩm trong năm vừa qua? Và có nhận xét nào về nền văn học ấy? Bi quan? Lạc quan?*

Bùi Bảo Trúc: Trong năm qua, theo tôi, đây là những tác giả và tác phẩm đáng lưu ý nhất: Phạm Công Thiện và cuốn *Đi Cho Hết Một Đêm Hoang Vu Trên Mặt Đất*; Nguyễn Mậu Lâm với tập thơ *Nổi Lửa* gửi từ trong nước ra, và được Quê Mẹ in mới đây; Nguyễn Hưng Quốc và tập khảo luận *Nghệ Thuật Thơ Việt Nam*; Hoàng Khởi Phong và tập hồi ký *Ngày N+*; Nguyễn Thị Hoàng Bắc và tập truyện ngắn *Long Lanh Hạt Bụi*; Hoàng Xuân Sơn và tập thơ *Viễn Phố*; Ngô Nguyên Dũng và tập truyện ngắn *Dòng Chữ Tâm Tình*, cuối cùng là Lê Tuyên và *Chinh Phụ Ngâm và Tâm Thức Lãng Mạn của Kẻ Lưu Đày*.

Những người yêu mến Phạm Công Thiện đã gặp lại được họ Phạm trong cuốn *Đi Cho Hết Một Đêm Hoang Vu Trên Mặt Đất*. Độc giả sẽ tìm thấy một Phạm Công Thiện thật hơn, gần gũi hơn, người hơn trong cuốn sách mới này của ông. Tập thơ Nguyễn Mậu Lâm gửi ra nước ngoài từ tháng 3 năm 1987, nhưng chỉ được in lại thành tập hồi gần đây, là một tiếng nói can đảm, bất khuất, mà lại rất văn chương. Tập khảo luận của Nguyễn Hưng Quốc là một cuốn sách rất nên đọc của những người yêu thơ, cũng như những người làm thơ. Cuốn hồi ký của Hoàng Khởi Phong là những dòng chữ chân thật của một người lính có suy nghĩ. Nguyễn Thị Hoàng Bắc là một cây viết có chân tài mà tới nay chúng ta chỉ thấy được một phần nhỏ. Tập thơ Hoàng Xuân Sơn là tập thơ hay nhất trong năm. Ngô Nguyên Dũng với số tuổi của tác giả, với số năm sống ở ngoài Việt Nam của tác giả, với văn chương của tác giả làm cho chúng ta tin tưởng nhiều vào một thế hệ nhà văn mới của tiếng Việt. Cuốn khảo luận của Lê Tuyên, mặc dù chỉ là nguyên văn những bài giảng của ông tại đại học Huế trước đây, nhưng cũng là một tác phẩm mà người đọc chờ đợi từ lâu.

Mấy năm trước đây, đã có nhiều người thắc mắc có hay không có một nền văn học Việt Nam hải ngoại. Bây giờ tôi không còn nghe thấy câu hỏi đó nữa. Vậy thì câu trả lời đã có. Đó là ở hải ngoại, có một dòng văn học Việt, một dòng văn học rất khỏe mạnh. Trong hai năm qua, mục Điểm Sách Việt Hải Ngoại của chương trình Việt Ngữ đài Tiếng Nói Hoa Kỳ mà tôi phụ trách đã giới thiệu với các thính giả trong nước hơn một trăm cuốn sách. Đó là những cuốn sách được viết và xuất bản sau năm 1975 của các tác giả Việt Nam (một số ở trong nước) ở hải ngoại. Lúc đầu, tôi hơi ngại không biết liệu có đủ sách để giới thiệu cho các thính giả mỗi tuần một cuốn hay không. Nhưng điều lo lắng đó của tôi quả là vô căn cứ. Hiện nay, số sách mà tôi chưa điểm còn rất nhiều, và cứ trong chiều hướng tốt đẹp của hôm nay thì...không biết đến bao giờ mới giới thiệu hết được sách Việt xuất bản ở hải ngoại. Vậy thì phải nói là tôi rất lạc quan về sinh hoạt sách vở ở hải ngoại. Chúng ta có Phạm Cao Dương tiếp tục viết về sử Việt, Vũ Đình Trác, Lê Tuyên với các tác phẩm biên khảo văn học, chúng ta có hồi ký viết về những ngày vừa qua của Hoàng Khởi

Phong, Phạm Huấn, chúng ta có thơ của Ngu Yên, Hà Thúc Sinh, Hoàng Xuân Sơn, Trịnh Gia Mỹ, chúng ta có truyện ngắn, truyện dài, trường thiên tiểu thuyết. Các nhà văn của trước năm 1975 viết lại. Các nhà văn sau năm 1975 bắt đầu viết bằng một hàng ngũ đông đảo. Tuyển tập 23 người viết sau năm 1975 là một con số hơi thiếu sót. Số người viết sau năm 1975 phải nhiều hơn thế. Dòng văn học này đã lên đường trở về nước bằng những cách không chính thức. Thí dụ Hồ Khanh đã được đọc tại Sài Gòn. Võ Phiến, Lê Tất Điều, Mai Thảo, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Ngọc Ngạn đã trở về Việt Nam bằng tác phẩm của các ông. Đó là những phương tiện và cách không chính thức. Tôi tin sẽ có một ngày, có thể gần, có thể xa, bởi nếu Boris Pasternak đã được đọc công khai ở Liên Xô, thì Trần Diệu Hằng, Nguyễn Bá Trạc, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Đức Lập, Phan Tấn Hải cũng sẽ được đọc ở Việt Nam. Ít nhất thì bây giờ những tên tuổi vừa kể cũng đã được nghe nói ở Việt Nam.

## *Nguyễn Thị Hoàng Bắc*

*Văn Học: Có người nói nếu tái lập giải Văn Học Nghệ Thuật thì giải ấy có thể lọt vào tay một cây bút nữ giới nào đó như năm 1965 ở Việt Nam. Chị có nghĩ câu nói ấy đúng đắn không? Và trong giả thiết, chị nghĩ chị sẽ mang tập truyện ngắn mới xuất bản để dự giải?*

Nguyễn Thị Hoàng Bắc: Tôi tưởng đâu anh hỏi: "việc ấy có thể thật sự xảy ra được không" thì hơi khó giải quyết. Chớ còn đứng đắn? Sao lại không nhỉ? Coi bộ người đặt câu hỏi nghi ngờ kha khá về giá trị và khả năng của các cây bút phái nữ chăng?

Một cách chủ quan, tôi thấy lực lượng "phe tôi" đông đảo lắm: những người cầm bút trước 75 nay vẫn còn sung sức như chị Túy Hồng, Vi Khuê, Trùng Dương, Thanh Phương..., lớp sau ở hải ngoại thừa thắng xông lên ào ạt cả thơ lẫn văn như Lê Thị Huệ, Phan Thị Trọng Tuyến, Trần Diệu Hằng, Cỏ Tháng Giêng, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Trần Mộng Tú, Vũ Quỳnh Hương, Đặng Thị Quế Phương, Như Chi, Trần Thị Kim Lan, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Thanh Bình, Cao Bình Minh..., bốn biển năm châu đều có mặt. Nhưng không phải một mình tôi nói tôi nói tốt cho cho "phe tôi" đâu. Này nhé, ông Mai Thảo chả nói: *"Văn chương lưu vong chủ yếu là văn chương nữ giới, chỉ còn là văn chương nữ giới"*, ông Nguyễn Mộng Giác thì *"Sự xuất hiện đông đảo của nhiều nhà văn nữ vài năm gần đây trên diễn đàn văn chương hải ngoại đã trở thành một hiện tượng quan trọng cần tìm hiểu một cách thấu đáo"*. Và cả ba tờ báo quan trọng Văn, Làng Văn, Văn Học đều có số đặc biệt dành cho thơ văn phái nữ. Riêng Làng Văn thì ông Nguyễn Hữu Nghĩa còn cho xuất bản nguyên một tuyển tập các cây bút nữ "những vầng trăng đất khách", mà nếu tôi nhớ không lầm, thì nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh có lần khi nói về tập sách này đã tự ví mình như *"con ong nhỏ lạc vào*

*vườn hoa trăm sắc trăm hương*". Phải vậy chăng? Và cũng nghe đâu, tuyển tập "Trăng Đất Khách" là best-seller của năm 1988 nữa đó anh!

"Phe tôi" càng đông đảo thì càng dễ giựt giải, sách của các bà các cô (Trăng Đất Khách chẳng hạn) bán chạy, thì văn, thì tài của họ chắc không đến nỗi tệ. Anh mà nghi ngờ sự thiếu đứng đắn của câu nói trên thì sợ có người ác miệng họ nghi ngờ lại là anh đang "ganh ghét" phe chúng tôi và "rét run" cho phe các anh đấy!

Giả thiết thứ hai? Như trên tôi đã thưa là càng đông thì lại càng dễ trúng giải, tôi sẽ mang tập truyện mới xuất bản của mình đến dự giải ngay chứ, nhưng chỉ với một mục đích duy nhất là cho "đông vui" hoặc để "biểu dương lực lượng" mà thôi. Vì biết mình biết ta, nên tôi chắc chắn một điều là người trúng giải sẽ nhất định không phải là tôi. Do đó, để đền ơn anh đã phí chút thì giờ hỏi đáp nãy giờ với tôi, tôi xin hẹn sẽ...chia bớt anh nửa giải khi tôi trúng thưởng.

## *Trịnh Y Thư*

*Văn Học: Anh là một trong những người thực hiện "Tuyển Tập 23 Người Viết Sau 1975". Vậy anh có nhận xét gì về nền văn học Việt Nam lưu vong với những khuôn mặt mới ấy? Có phải đã có một con đường mới hay chúng ta vẫn còn quanh quẩn ở con đường văn học xưa cũ?*

Trịnh Y Thư: Sau 1975, tại hải ngoại xuất hiện một thế hệ những người cầm bút mới mà có lẽ đã hiển lộ nhiều nét riêng biệt từ những năm đầu của thập niên 80. Do hoàn cảnh lịch sử vô cùng đặc biệt, thời đại văn học sau 1975 của những người cầm bút tại hải ngoại không giống bất cứ một thời đại nào tại Việt Nam trước đó. Khác với thời kỳ tương đối yên ổn ngay sau 1954, người của giai đoạn sau 1975 đã phải trải qua nhiều biến động trọng đại của đất nước khiến toàn bộ đời sống và giá trị con người bị đảo lộn. Họ không kịp dừng lại để thử ghé đôi mắt tò mò tìm kiếm những gì lạ lẫm quanh mình. Vì thế mặc dù hầu hết đều sinh sống tại các quốc gia Tây Phương, họ không màng nhìn xuống nam bán cầu xem quan niệm về văn nghệ của Gabriel García Márquez ra sao hay ngước lên phương bắc xem nghệ thuật hậu tiên tiến của Âu Mỹ đang có những trào lưu, xu hướng gì mới lạ. Họ hối hả viết ra những điều cần viết như thể nếu để lâu những điều đó có thể bốc hơi bay mất. Những gì họ viết hầu hết là tả chân, là sự thực. Nhưng cái sự thực đó đôi khi còn siêu thực hơn siêu thực, vị lai hơn vị lai; và sự "làm mới" trong văn chương ở đây có vẻ như chưa cần thiết mặc dù vẫn có một vài đóa hoa lạ tươi thắm ẩn hiện đó đây.

*Văn Học: Khi nói đến nền văn học của người Việt chúng ta ở đây (ngoài Việt Nam) nên dùng tính từ "lưu vong" hay tính từ "hải ngoại"?*

Trịnh Y Thư: Nhiều người quan niệm từ "lưu vong" mang nặng tính cách tiêu cực khi dùng để nói đến nền văn học của những người Việt

Nam tị nạn cộng sản. Hiện nay, ở Việt Nam cũng như ở Nga Sô, những văn nghệ phẩm thành hình dưới chỉ thị của đảng và nhà nước Cộng sản đều là những sản phẩm phi nhân bản. Dĩ nhiên, chúng không thể tồn tại theo chiều dài lịch sử dân tộc. Nhưng chúng ta không có cái may mắn như các văn nghệ sĩ Nga Sô. Khi ở trong nước, họ vẫn có điều kiện cho ra đời những sáng tác thơ văn đầy nhân bản và có giá trị. Những tác phẩm đó được luân lưu, chuyền tay nhau đọc trong giới trí thức và sinh viên dưới dạng "con đuông"; và mãi cho đến gần đây, một số rất ít được phép ấn hành để phổ biến trong đại chúng. Những nhà văn đó, trong thời kỳ bị cấm đoán, vẫn ngấm ngầm gửi ra ngoại quốc những tác phẩm của mình. Nếu chính quyền Nga có biện pháp mạnh nào đối với họ thì lập tức cả thế giới ồn ào lên tiếng can thiệp. Cùng lắm, họ chỉ bị trục xuất như trường hợp của văn hào Solzhenitsyn. Vô hình trung, ở trong nước họ có dòng văn học nhân bản bên cạnh loại văn nghệ "hiện thực xã hội chủ nghĩa". Khi ra nước ngoài, họ có dòng văn học lưu vong. Cả hai hỗ tương lẫn nhau để thành dòng văn học Nga chính thống và từ "lưu vong" của họ không hề mang mặc cảm tiêu cực.

Việt nam chúng ta bất hạnh hơn thế nhiều. Nhưng mặc dù không có bằng chứng cụ thể, tôi vẫn tin tưởng một cách mãnh liệt là trong nước bây giờ không thiếu những tác phẩm đang được âm thầm viết bằng mồ hôi, máu và nước mắt của toàn dân Việt. Những tác phẩm sống chết với dòng sinh mệnh dân tộc. Ở trong nước, được ấp ủ, chúng kiên nhẫn đợi chờ. Ra nước ngoài, chúng bùng vỡ thành ngọn triều lưu sóng cả.

Đối với riêng tôi, cả hai từ "lưu vong" lẫn "hải ngoại" đều không thích hợp. Ngày nay, chúng ta có quyền tự hào về một nền văn học tự do và nhân bản trải đều khắp nơi trên thế giới, và cả trong nước, để đương đầu với thứ văn nghệ phi nhân bản của Cộng sản.

## *Hoàng Khởi Phong*

*Văn Học: Trong một bài điểm sách anh có nhắc văn chương Việt Nam cần phải có "lãng mạn cần thiết". Với cuốn "Ngày N*..." đã được phát hành với những mảnh đời sống thật bốc lửa và những tâm tư thời thế ngùn ngụt, sự "lãng mạn cần thiết" ấy có hiện diện không?*

Hoàng Khởi Phong: Lãng Mạn: Tôi không nhớ đã đề cập đến hai chữ này trong dịp nào. Đối với tôi, từ năm 1967 năm tôi thực sự góp mặt với chữ nghĩa bằng một tập thơ, dạo đó tôi còn trẻ nên chữ nghĩa có vẻ "đao to, búa lớn" tôi nghĩ về thơ không có hoa, bướm, không có tình ái, bởi vì tôi mong "Thơ Làm Lớn Dậy Con Người", tôi mang đời sống thật của tôi, của những người thân cận tôi, vào trong văn chương mà đời sống của những người lính trong chiến tranh, dẫu có muốn lãng mạn thì cũng chẳng có mấy dịp. Do đó lãng mạn đối với

riêng cá nhân tôi phải chăng là một thứ xa xỉ phẩm khan hiếm trong đời sống. Do sự khan hiếm này nên có thể trong một lúc nào đó tôi thèm có nó, đã đề cập đến nó mà anh có dịp đọc trong một bài viết nào đó. Điều quan trọng là như thế nào mới đáng gọi là lãng mạn. Nó có phải là những bất lực trong đời sống được thi vị hóa chăng? Nó có phải là những ảo tưởng không lối thoát được diễn tả bằng những danh từ hoa mỹ chăng? Nó có phải là những mối tình yêu cuồng, sống vội trong những quyển sách được sản xuất do nhu cầu những mong đáp ứng đời sống ngột ngạt của chiến tranh không? Tôi e rằng không. Trước tiên hết văn chương đối với tôi chỉ là phản ảnh của đời sống. Dẫu trí tưởng tượng của nhà văn có phong phú cách mấy cũng không thể bao trùm, phủ lấp đời sống. Văn chương nếu chỉ ngồi trong phòng văn rồi dùng trí tưởng tượng để viết về đời sống, về cõi chết, nó có vẻ gần giống như tiêu bạc giả, do đó lãng mạn nếu có cũng chỉ là "giả vờ lãng mạn".

Anh đề cập tới quyển sách tôi vừa hoàn tất: "Ngày Nt" như anh biết đây là một tập hồi ký, tôi viết lại những gì mắt thấy tai nghe, cùng với những cảm nghĩ của tôi được dẫn dắt bởi những hình ảnh tôi bắt gặp. Tôi viết bằng rung động của trái tim tôi, và người đọc nếu cảm thông được sẽ rung động bằng trái tim của họ. Do đó nếu có một chút nào lãng mạn thì đó là cái lãng mạn của đời sống không phải của nhà văn, không phải của tôi. Dầu gì chăng nữa, bản thân tôi, tôi cũng mong có được chút lãng mạn, một chút lãng mạn cuối mùa và cuối đời. "Lãng mạn" hơn nữa thì đây chính là "lãng mạn dối già" kiểu có còn hơn không."

*Văn Học: Qua 14 năm Văn Học Việt Nam, anh có nhận xét gì về thời kỳ văn học ấy?*

Hoàng Khởi Phong: Thật khó mà trả lời câu hỏi này, bởi nó có hai phần vui và buồn. Vui vì những tiến bộ, và buồn dĩ nhiên do những thoái bộ. Năm 1976, vừa gặp nhau tôi và Hoàng Chính Nghĩa đã thân nhau ngay, và bắt tay vào việc làm nhà xuất bản Bố Cái, phải nói ngay đây là công lao của Nghĩa nhiều, tôi chỉ viết và ngồi cạnh những lúc Nghĩa phải đánh máy, phải bỏ dấu cho những trang sách sẽ đi in bởi lúc đó còn dùng máy I.B.M. quả cầu không có dấu. Rồi nếp sống định cư mỗi lúc nhu cầu mỗi gia tăng, đời sống tạm ổn định, cơm áo và xe cộ xứ người cuốn chúng tôi đi, cho tới một hôm nào đó đi chợ mua một thùng mì, tôi thấy công trình của Nghĩa và tôi được bầy bán trên một cái kệ, cũng trên cái kệ dài này, có một khoảng người chủ chợ bầy bán những chai nước mắm, những lọ mắm tôm, mắm nêm. Tôi hiểu được một điều khi tác phẩm còn đang hình thành thì tác giả và tác phẩm là một. Khi quyển sách in xong, quyển sách có một đời sống tách bạch hẳn với tác giả. Nó được đón nhận, bị hắt hủi tùy ở hoàn cảnh, tùy cơ duyên và tùy ở người thưởng ngoạn. Tôi không biết vì lý do gì mà Hoàng Chính Nghĩa hết viết nhưng cá nhân tôi tôi biết, dễ

đến 10 năm liền, năm thì mười họa tôi mới sờ đến bút. Những nhà văn sang sau, những nhà văn mới xuất hiện khơi lại sinh hoạt văn chương có một lúc dường như bị nghẽn. Đó là điều vui, không một người cầm bút nào không vui khi thấy lại cái dòng sông mình đã từng bơi lội trong đó. Do những thay đổi của thời tiết, của trời đất, của con người bị khô cằn, trở lại dòng sông những hình thù xấu xí, kệch cỡm, những rác rưởi, bây giờ con nước đó dâng lên, không còn phải lội trong vũng bùn sền sệt. Dẫu rác rưởi còn đó, nhưng con nước cũng phủ bớt đi những xấu xí, kệch cỡm. Đó là điều vui, đó là sinh khí tối thiểu cho sinh hoạt chữ nghĩa nơi xứ người. Trong điều vui này tôi thành thật biết ơn những người dành cả đời mình cho chữ nghĩa thí dụ như thầy Từ Mẫn một người chủ trương nhà xuất bản Văn Nghệ, ông đã từ khước thái độ in lại bất cứ những quyển sách Việt ngữ nào có được trong tay, bất kể là sách tái bản hay truyện nhảm nhí, truyện chưởng, dẫu biết rằng người đọc thiếu sách cũng không thể làm như vậy, đây là con buôn và là con buôn thiếu lương thiện khi in lại những sách của tác giả còn kẹt lại Việt Nam, mà không hề biết đến tác quyền của những tác giả đang sống những ngày đói khổ nhất nơi quê nhà, trong khi họ tồn kho hàng trăm ngàn cuốn sách đem lợi nhuận đến cho họ mỗi ngày.

Về điều buồn cũng không phải ít, lấy ví dụ con nước vừa nêu ở trên, cái dòng nước hiện nay được tích tụ bởi nhiều thứ không phải là...nước. Báo chí hải ngoại đóng góp một phần không nhỏ cho sự tái xuất hiện của sinh hoạt văn chương nhưng báo chí hải ngoại cũng đóng góp một phần không nhỏ trong việc làm cho dòng nước không được thuần chất, không được trong trẻo. Dẫu vẫn biết bạc giả muôn đời là bạc giả, vàng được thử bằng lửa, văn chương được xác định bởi thời gian, những người yêu chuộng chữ nghĩa chắc đôi lúc cũng phải ngán ngẩm thấy thư mục của những nhà xuất bản lên tới con số hàng ngàn, và "văn hóa được bảo tồn" cật lực. Đôi lần tại các tiệm ăn, tôi nhìn thấy những người sống về nghề phát hành báo, đội một bó lớn báo, vất cái huỵch xuống đất rồi quày quả đi ra đội một bó báo khác. Dường như chúng ta đạt được cái lượng mà quên đi cái phẩm. Những cây bút mới, thật mà khó xác định cảm nghĩ vui và buồn. Có thật nhiều quyển sách in đẹp, in thật đẹp thôi, vậy là đủ rồi, cần gì biết trong cái bìa đẹp đẽ có cái gì? Dường như chúng ta có khá nhiều hội văn bút. Đôi lúc tôi ngớ ngẩn tự hỏi: có nhiều văn bút như vậy để làm gì?

Tôi có cả trăm điều muốn nói về câu hỏi này, xin đúc lại một điểm: chúng ta có tiến bộ về số lượng nhưng cần phải nghĩ và viết nghiêm túc hơn để đừng có thoái bộ về phẩm.

*Nguyễn Ngọc Thuận*

## *Ánh xuân*

*đuổi bắt hoài hư không*
*hụt hơi trong vực thẳm*
*xa chút ánh xuân hồng*
*hắt bên trời thảm đạm*

## *Cô quạnh*

*xứ người đêm ba mươi*
*xung quanh vắng tiếng cười*
*giao thừa không hoa nở*
*tìm đâu ngày xuân tươi*

## *Xuân mời rượu*

*rót rượu mời bóng, bóng không uống*
*rót rượu mời ta, ta ngại ngùng*
*ném cốc rượu buồn trên thảm mới*
*ngồi đón xuân chợt lòng tịnh không.*

*nguyễn ngọc thuận*

## *Mùa xuân hằng vĩnh nỗi đam mê*

*ta trôi giữa tháng ngày xứ lạ*
*vật vờ như kẻ sống trong mơ*
*như con đồng múa trưa tàn tạ*
*nói chuyện âm cung buổi lạc cờ*

*quanh ta cửa khép mù sương tỏa*
*nhạc hắt hiu lời của tuyết rơi*
*đã phủ trắng đồng trăng quạnh quẽ*
*hồn ai về nhập khói chơi vơi*

*một tay ta níu bờ luân lạc*
*miệng hát nghêu ngao khúc tuyệt đời*
*một tay ta vẫy chào hoang sắc*
*từ trời tuôn xuống mới, tinh khôi*

*khi ta ngủ trống đêm khua mỏi*
*thả mộng điêu tàn lạnh xám đông*
*ta lặng đứng nghe người luận tội*
*lòng hoài chan chảy suối hư không*

*ẩn mãi trong ta hồn độ lượng*
*mùa xuân hằng vĩnh nỗi đam mê*
*mắt neo tận góc trời tâm tưởng*
*đợi bóng tang thương hiện não nề.*

*Nguyễn Ngọc Thuận*

*Văn Học số 36,37/155*

*Nguyễn Thị Hoàng Bắc*

## *Chi lạ rứa?*

*Tôi muốn có một người tri kỷ*
*Nhưng dòng đời như rứa biết mần răng*
*Tôi muốn kêu muốn gọi thưa rằng*
*Chờ tôi với, a, cười, chi lạ rứa*
*(Nguyễn Thị Hoàng)*

Yêu một người đã có vợ? Vâng chàng bị vợ hắt ra đường, như người ta hắt chén nước nguội không còn muốn uống nước nữa, như chiếc áo cũ mặc hoài đã nhàm chán cái màu sắc ủ ê không còn hợp thời trang, tôi tưởng thế, nên tôi "nhặt", nói theo giọng Bắc kỳ của chàng và "lượm" về nói theo giọng Trung kỳ của tôi. Rứa thì có chi mà phải mắc cỡ, mặc cảm, hay xấu hổ hè, vì tội lấy chồng người hay giựt chồng bà? Nên tôi đi chơi với chàng hai tuần một lần, một tuần hai lần, vào những dịp cuối tuần, tôi thường tự nhắc mình, nào, cứ vênh mặt lên mà đi...

Tôi vốn yêu thích đặc biệt những nét "triết gia", "văn sĩ" của bọn đàn ông con trai mà tôi tự giảng giải ra nào là: thâm trầm, sâu kín, lắng đọng v.v... Lần đầu gặp tôi, tôi thấy chàng ... á khẩu, chẳng nói năng gì mà cũng chẳng mấy để ý đến tôi, rứa mà tôi bị sét đánh liền tại chỗ mới là lạ. Đôi lúc khác thấy chàng ba hoa xích thố giữa đám bạn bè đàn ông, chàng tranh cãi đuà cợt dữ dội, tôi không hề chú ý nội dung nói gì, chỉ lảng vảng gần cạnh đó... khi chàng im lặng dứt câu chuyện... vẻ mặt lại bơ vơ lạc lõng tần ngần... trời, tôi "chịu" hết sức! Lúc còn nhỏ xíu, có ai biết được khi tôi còn đang mặc ống cao ống thấp đã mê "lén" một ông thầy dạy học vì ông có mái tóc quăn bềnh

bồng như của:

*Chàng Huy Cận khi xưa hay buồn lắm*
*Gió trăng ơi nay có nhớ chàng không?*
*Hơn một lần chàng đã gửi cho trăng*
*Nỗi hiu quạnh của lòng sầu vô cớ (1)*

Quyển Thi nhân Việt Nam mà ba tôi thường kê ở đầu giường để đọc ngủ, tôi chuyên môn lén coi trộm hình chàng từ những năm còn học lớp ba! Lớn lên một chút học tới đệ tam, tôi biết thêm Xuân Diệu "cóp" kiểu tóc bềnh bồng hơn của Chateaubriand nên tôi sẵn sàng mê luôn cả Xuân Diệu, Huy Cận và... món thịt bò chiên.

Bắc kỳ thường nói giọng... kỳ cục:

— Đi phố với anh không? Đi mua mấy thứ dấm dớ...

Tôi diễu:

— Rứa mà trưa ni mình ăn xà lách với *dấm* hả anh? Còn "*vớ*", vớ anh lủng chỗ nào đã thò ngón chân cái ra ngoài chưa mà đòi đi mua?

Trương ngớ người ra cười ngất vì cái tật hay diễu cuả tôi.

Rừng Skyline đầy những lá vàng lá đỏ, trời trên cao như mờ ảo vì cái vẻ lộng lẫy dữ dội của thiên nhiên phía dưới. Dưới vòm lá rực, đạp chân lên đám lá khô vàng, tôi chẳng những là con nai vàng ngơ ngác mà còn là con nai vàng run rẩy trước cái tiềm lực an lặng không lời mà tràn trề sức sống mãnh liệt của thiên nhiên. Phải chăng đấy là cái vẻ "anh hoa phát tiết ra ngoài" quá đáng, đẹp một lúc dữ dội trước khi tàn phai rụng cành, cái phút huy hoàng trước khi chợt tối của muôn ngàn lá cây rừng trầm mặc? Nhựa cây như thu gọn lại đậm đặc trong cây cành thân cội, co gọn lại để tự bảo vệ cho cây qua khỏi được mùa đông lê thê tuyết giá, trời, nghĩ đến đám tuyết quái ác trắng xóa đóng băng cứng từng mảng bao quanh cành, vậy mà những mạch xanh vẫn rạo rực ấm áp chảy trong cây... Tôi thương những cây cành khô yếu, tôi yêu những lá vàng lá đỏ trang điểm lộng lẫy lần cuối cho cây trước khi giã từ mãi mãi ra đi... Nhưng rồi muà xuân sang năm lại có những lá mầm xanh mới thay thế cho lớp lá năm trước đã phai tàn bụi mủn dưới chân, lại điểm trang diêm dúa cho cây, lại hiến tặng cho đời cái thiên nhiên kỳ ảo...

Thấy tôi cứ đứng ì ra nguyên một chỗ lặng người ngớ ngẩn không nói chẳng rằng, chàng "*dục*":

(Cũng vì chữ "*dục*" này mà hai đứa gây nhau một trận nên thân. Hôm tôi đến phòng chơi, đang nằm dài dưới sàn lười biếng thả hồn theo Phạm Thiên Thư "*leo lên cành bưởi khóc người rưng rưng*", bỗng chàng nói giật giọng:

— Thục, 7 giờ rồi!

Giật mình tôi nổi cáu bất ngờ:

— Anh vô duyên!

Và vẫn còn nghe ấm ức trong khi giọng hát vẫn nhả ra dặt dìu từ băng nhạc cuốn hút tai tôi lắng nghe:

*Thôi thì thôi chỉ là phù vân*
*Thôi thì thôi nhé có ngắn ấy thôi (2)*

Âm thanh dừng bặt lại rồi ngưng đọng ngân nga mãi, nhưng cơn giận trong lòng tôi vẫn không thể nào tan được:

— Anh đuổi em về?

Xưa nay chàng vẫn bảo tính tình tôi ngang ngược không ai bằng, tôi nghe máu nóng bốc lên đầu, "đã đời" quá nên đùng đùng đứng dậy cầm ví, tuy vậy không quên lấy tay cào cào phủi phủi mấy cái lên mình cho tóc tai áo quần thẳng thớm một tí (tôi vốn không gò chuyện ăn mặc lắm, vui thì diện buồn thì thôi), tôi xụ mặt xụ mày:

— Ra lấy xe chở em về!

Trương cứ *thanh minh thanh nga* hoài sau đó:

- Anh *dục* em về vì.. thế này, thế nọ... anh *dục* em về... là để dì khỏi lo... anh *dục* chứ không phải anh đuổi v.v..

Lần này chàng lại *dục (*ôi, sao chữ "dục" của Bắc kỳ nghe nó gấp gáp hối thúc, đánh đuổi quá dữ rứa? Tôi nghĩ hoài không ra sau cùng bí quá đổ cho là vì nó giống hệt một câu thơ đầy hối thúc tiếng Tàu! Tiếng Tàu, tiếng Mỹ, tiếng Tây nghe vẫn mệt nhiều hơn tiếng mình: Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi)

— Còn lắm chỗ đẹp hơn nữa, ta đi thôi!

Mưa như mưa trong "Adieu aux armes", mưa như mưa của Rashomon, mưa như đời tôi buồn không bao giờ hết và có phải tình chàng còn sót lại cho tôi được như mưa?

Chiếc xe đi trong mưa như xe tăng lội nước, như con vịt khổng lồ bằng sắt tung tăng bơi trong hồ, những lúc nước toé lên trước gương xe, tôi nghe như tiếng reo thầm vang dội của một thời trẻ dại ngân nga, những trò chơi điên đuổi rượt nhau té nước, bên mương nước sau hè hay ở con suối cuối dốc ngập nước. Già đầu rồi nhưng máu nhi đồng lâu lâu bỗng nổi dậy, tôi đột nhiên mở kính xe thò mặt ra ngoài cho gió hắt mặt ướt mèm, lúc bước xuống xe tôi vờ sụp chân vào một lỗ hổng cho giầy tất thấm lạnh loi ngoi.

Chàng gắt... củ kiệu:

- Đi đứng cẩn thận chút coi, tóc tai quần áo ướt mem về nhà thế nào cũng *ốm.*

Tôi như cây nhang, như cọng cỏ may xoay tròn trước gió, mập làm răng được mà anh lại lo mình ốm?

Nhưng dần dà mặt trận nổ dài trên hai chiến tuyến Trung kỳ Bắc kỳ mô, "hắn" còn nổ lung tung như pháo Tết trên nhiều khoảng khác nữa, rứa mới là đổ nợ, trời ơi!

Đi ăn cơm Tàu, tôi đòi ăn seafood, chàng gật và gọi: có một món xào tôm cá mực thập cẩm.

Anh nói:

— Ăn mấy món này anh bị allergie, về nhà tha hồ ngứa gãi nhé!

Tôi ân hận:

— Rứa mà anh không nói trước, em mô biết...

Để chuộc lỗi, tôi suồng sã một tí:

— Thôi tí nữa về, để em... gãi lưng cho!

Chàng nghệch ra vì ... cảm động. Nhưng khổ cho tôi sau đó, tôi

đã cười mếu máo khi nghe chàng nói tiếp:

— Trước khi *bà ấy* (chàng gọi vợ mình là *bà ấy* đầy vẻ tôn trọng), ừ, trước khi *bà ấy* bỏ đi, hai thằng nhỏ thường gãi lưng cho anh mỗi khi anh kêu ngứa. Chúng nó có cái trò hay lắm (chàng ngần ngừ nghĩ ngợi, thổn thức hồi niệm, giọng khe khẽ thì thào như đang nói cho chính mình nghe), hai đứa chúng nó tranh nhau viết chữ lên lưng anh rồi thi nhau hỏi: đố bố chữ này là chữ gì, chữ kia là chữ gì, anh vờ không biết, đoán sai, đoán trật hết, thế là chúng nó lại tranh nhau viết chữ khác, tha hồ cho nó gãi lưng anh...

Chàng cảm động, tần ngần, ngơ ngẩn lặng thinh. Trước mặt chàng lởn vởn... hình ảnh vợ con, mặc kệ tôi, tôi ngồi một đống đường đường như núi... Thái sơn trước mặt chàng mà chàng đâu thèm ngó thấy.

Chàng lại *thanh nga thanh ngỗng* yếu xìu khiến tôi càng ức:

— Cha con, nhớ chúng nó chứ, em bảo làm sao mà không nhớ tụi nhỏ được... còn *bà ấy*, em đừng ghen nhảm, *bà ấy* bỏ anh mà đi mà...

Chàng nói vớt vát ngượng ngạo không giống ai lúc đưa tôi vào cửa và hôn tôi:

— Anh yêu em lắm, và chưa hề yêu ai như đang yêu em.

Tôi mà tóm được câu đó thấy hình dáng mặt mày chân tay mặt mũi "hắn" ra răng như một món đồ có thể mua được ngoài phố, như cái ví cầm tay, như cái khăn quàng cổ mà chàng mua tặng cho tôi, thì tôi lập tức xách quăng vào xe ném trả lại cho chàng rồi. Tiếc thay "hắn" chỉ là một câu nói "gió thổi qua cầu" bay qua cửa miệng chàng thoảng qua tai tôi rồi bay mất. Thiệt ra thì "hắn" có bay mất giùm tôi mô, "hắn" cứ nằm ngân nga vang dội mãi trong đầu tôi, trong tim tôi khiến tôi gần bể ngực.

Ôi, chàng làm sao biết được tôi mang bệnh đau tim ngày càng nặng chỉ vì cái tiếng Việt nói bằng giọng Bắc kỳ của chàng.

— Em biết không, có một con đười ươi gorilla bên Luân Đôn nó lớn gần bằng tuổi anh (?), vậy mà nó sinh ra lớn lên trong sở thú quanh quẩn suốt đời trong một cái chuồng. Mới đây nó vừa qua đời (đười ươi mà qua đời, chàng nói giống như đang kể chuyện về một người bạn thân của mình)

Tôi ngu ngơ chia xẻ:

— Tội nghiệp hắn quá hỉ!

Nhưng đâu phải anh chỉ đang nói chuyện đười ươi:

— Thế mà ở Việt Nam có những người lúc "giải phóng" mới ba mươi, bốn mươi, mười ba năm rồi vẫn còn đang ở trong tù, thoát một cái bây giờ đã thành những ông lão. Còn bao nhiêu ngàn người như thế sống mòn trong các trại tập trung? Cái án thầy Tuệ Sĩ, từ tử hình giảm xuống hai mươi năm mà cả nước mừng hết lớn. Thời gian, lắm khi cũng chỉ có một ý nghĩa tương đối...

Anh lắc đầu như xua đuổi rồi trầm ngâm thở khói mênh mang.

Tôi kiếm chuyện khác nói cho vui:

— Lễ Tạ Ơn này em nghỉ, anh có nghỉ, ta đi chơi xa?

Chàng chợt giật mình tỉnh mộng:

— À, sang nhỉ, em quý phái nhỉ, cũng nghỉ lễ như ai! Chỗ anh làm lúc nào chả có việc, anh chả biết làm gì cho hết ngày nên đã ghi tên đi trực rồi.

Nước mắt tôi ứa ra đầy nước mắt nhưng lẽ nào để cho chàng thấy được. Hóa ra họ nào có nghĩ đến mình bao nhiêu, lời mời gọi, rủ rê của mình đang bị ném trả lại một cách phũ phàng tàn nhẫn đến như vậy sao?

Dường như biết mình quá lỡ lời, chàng hỏi lại:

— Em bảo đi xa hả, em thích đi đâu, hay chủ nhật tới này anh đưa em đi...

Tôi bắt đầu lo sợ vu vơ. Giáng sinh năm ngoái, chàng kể, anh vẫn phải đi làm, vì như thế lương được trả phụ trội, lại có tí quà cho mấy đứa trẻ con! Chàng lại kể, có lần, anh dịch một quyển sách được mấy trăm bạc, đưa cho *bà ấy* bảo em thích mua sắm thứ gì thì cứ sắm đi cho vừa ý. Sau đó lại vùi đầu vào công việc, anh làm hai job, một chính một phụ hầu hết mọi người tị nạn ở đây dù mới tới hay đã ở lâu, ba bốn hôm nhìn lại vẫn thấy số tiền ấy vẫn nằm nguyên ở đầu giường. Anh lấy làm lạ không hiểu *bà ấy* muốn gì, không muốn nhận quà của chồng, không muốn xài tiền của chồng, và ý tứ ra làm sao. Đàn bà chỉ tổ rắc rối!

Tôi lặng thinh rồi dằn không được nổi tò mò:

— Rồi răng nữa hả anh?

— Răng thì răng? Chàng nhại giọng chọc quê chơi và khẽ cười một tiếng thì lại buồn hiu:

— Sau ấy, *bà ấy* bảo là đã lấy tiền ấy để tiêu vào tiền chợ rồi!

Gió ở đâu bên tai vù vù, có nghe lời tôi van vỉ? Lá khô mùa thu đã rụng dày giăng khắp lối đi, đám cây bên cửa sổ phòng đã trơ cành trụi lá như những ngón tay gầy khô lều khều đưa ra đóng gió. Cuộc sống phải chăng như một cái lưới ác hiểm, tôi lắm khi vùng vẫy, nhấn ga chiếc xe đời khi lên đèo khi xuống dốc, những lúc tuyệt vọng muốn buông rã rời tay lái, mặc cho chiếc xe đời tôi lôi tôi chạy về đâu... những lúc sang lane quanh queo góc nay chỗ nọ, những vùng vẫy, cuối cùng vẫn thấy mình vẫn còn trong mặt lưới. Tôi đâu phải là thứ cá có hàm răng đặc biệt gì để cắn tung được lưới, tôi hệt như bao nhiêu người khác, tôi nào có được thứ bùa phép gì để hơn được người xung quanh? Tôi ngu xuẩn yêu chàng, ngu xuẩn ghen ghét với vợ con chàng, trong khi vợ chàng ghen ghét với sự bù đầu tận tụy công việc vì vợ con của chàng. Rứa ra vòng lẩn quẩn lẩn thẩn quanh co như trò chơi cút bắt vẽ một vòng tròn giới hạn và tên mù là tôi cứ chụp nhầm ôm đại kẻ nọ người kia?

Người đàn bà ấy — mà chàng vẫn gọi một cách trang trọng là *bà ấy* — *bà ấy* đã không chịu đựng nổi một cuộc đời nhàm chán đều đặn và đầy đủ bên chàng đến nỗi phải dứt áo ra đi — một cách vùng vẫy thoát lưới? Tôi là loài cá cô đơn đang định đâm đầu lao vào mắt lưới trong khi chàng ngư phủ ơ thờ chẳng hề thấy giăng câu?

Giăng câu? Hay đây là cách giăng câu mới lạ của chàng: khi chàng nài nỉ xin cho được tấm ảnh của tôi, tôi đến phòng, thấy tôi trong ảnh được sắp xếp lủ khủ với một dãy cái trời cái sụt với ảnh của các con chàng. Trong khi tôi đứng ngơ ngác bên cội cây một mình, thì hai thằng bé hóa thành tám đứa rồi cái ngồi cái đứng cái khóc cái cười bao quanh tôi đang mặt mày méo mó thảm hại. Tôi tiếc thầm: chỉ còn thiếu ảnh *bà ấy* nữa là bách khoa từ điển đủ bộ!

Mưa nên trời mau tối, mưa nên những chiếc dù đủ màu đen đỏ như những tai nấm đột nhiên mọc lô nhô chập chờn trên đường phố chiều nay. Tôi lội phố một mình, giày ủng cao ướt sũng, mưa như thế này chỉ mát chứ không lạnh, tôi yêu mưa nên thích dầm mưa. Thay vì về ngày nhà sau giờ tan sở, tôi lang thang dưới phố lên đèn, mưa dịu dàng như an ủi thầm tôi. Tôi sợ căn phòng trơ vơ lạnh dù đang mở máy sưởi, tôi sợ co ro một mình nghe ấm nước sôi reo reo, chờ một món ăn mà tay mình xào qua nấu lại, nghe mãi cái mùi xào như cái máy mà miệng chẳng thèm ăn. Tôi đã qua cái lứa thèm ăn nhớ ngủ, tôi đi xào xạc như một thứ vạc ăn đêm lẻ loi trong phòng, tôi uống nước trà đặc của dì, nghe tiếng dì ho khẽ trong phòng, xem ti-vi ở ghế, chờ vu vơ một cú điện thoại nào đó mãi không có, tôi đành ngủ gục ở ghế sô-pha. Sáng mai lại thức dậy lại nghe một thứ tiếng nước sôi trên lò, lại mở một ngón đèn vừa phải, lại trang điểm, lại áo quần và lại lái xe ra đi... Những tấm check đem về đổi với những tờ bill gởi tới, những bức thư từ quê hương xa xôi và những món quà phải có bốn mùa xuân hạ thu đông. Ngược lại tôi cũng nhận được những giây phút lặng người ấm áp, món quà nhỏ bỗng trở thành quí giá, lời cám ơn nặng hơn giá trị khiến mình bỗng nhiên lời lãi. Phải chăng hạnh phúc chỉ có thể nhìn thấy trừ đằng xa?

Chiếc xe đời tôi đâu thể buông tay dậm lút ga và mặc kệ cho hắn tới mô thì tới, và tôi lại phải đều đặn đi về.

Nhưng chiều nay tôi nhất định phá lệ không tuân theo tiếng đồng hồ tích tắc *dục* tôi đã tới giờ ăn, *này nhé* đã tới giờ ngủ, *bảo* tôi phải đi về ... và ôi, tôi lại nhớ da diết nhớ cái tiếng Việt nói theo giọng Bắc kỳ.

— Chi lạ rứa, anh nói thiệt hay nói chơi rứa anh?

— Anh không đùa đâu, anh muốn gặp em ngay bây giờ, chờ anh dưới parking.

Tôi gác máy, tròng vội cái áo sweater vô đầu rồi chạy vội xuống ba tầng gác đứng chờ. Ánh đèn xe chàng loé sáng từ xa rồi từ từ êm êm đậu lại.

— Tay em sao lạnh thế này? *Bà ấy* ...

Bỗng nhiên tôi kinh hoàng nhận ra tiếng *bà ấy* lần này chàng nói sao mà nghiêm trọng quá, *bà ấy*, nữ chủ nhân của chàng, nữ hung thần phù thủy của tôi, *bà ấy* sắp làm gì tôi, làm gì chàng? Quả nhiên trực giác của đàn bà không sai:

— ... *Bà ấy* bãi nại ... không đòi ly dị nữa!

Chiếc xe như tắc máy nghẹt thở dù nó vẫn chạy êm ru. Nếu chàng chở tôi — như ở Việt nam — người ta vẫn chở nhau bằng xe đạp hoặc xe gắn máy, tôi đã sung sướng nhảy ào xuống đường, ngoắc một chiếc xích lô hoặc đi bộ một mạch về tới nhà, có phải nhẹ nhàng giải thoát như cổi được cái ách của ... bọn Giải phóng miền Nam không? Trời ơi sao không khí ngột ngạt động đặc thế này, hai cái buồng phổi lép, bốn cái lỗ mũi rộng, oxy nào trong cái vòm tù xe chật ních này cung cấp cho đủ? Tôi quay kính hạ cửa thở gấp gáp nhưng vẫn âm thầm bướng bỉnh hướng mặt sang phía bên đường, đưa lưng về phía họ để họ khỏi nhìn thấy là mũi tôi đang phập phồng và ngực tôi gần sắp vỡ tung.

*Thôi thì thôi mộ người tà dương*
*Thôi thì thôi nhé đoạn trường thế thôi (2)*

Chiều ni, ba mươi Tết Việt nam và chẳng là gì của Mỹ, trời yên tĩnh đang tạnh và tôi đang hiu hắt hát theo đàn, nhớ một giọng nói đã xa, nhớ một vòng tay ôm đã lỏng.

*Không ai về thăm chiều nay*
*Cho tôi chết giữa vòng tay một người (3)*
*Mưa xứ Huế, như mạ thường nói, mưa thúi đất, mưa nổi bong bóng phập phồng, mưa triền miên vô tận ngày này qua tháng khác, mưa mãi mưa hoài, mưa không muốn tạnh.*

*Mạ cũng hay hát ru em biến chế từ một câu hò mái đẩy:*
*Anh nói với em*
*Như rìu chém xuống đá*
*Như rạ chém vào đất*
*Như mật rót vào tai*
*Bây chừ anh lạc dạ nghe ai*
*Để em bơ vơ giữa chốn non Đoài*
*Ngó đã thảm chưa?*

Thiệt là dị ồm, thiệt là trễn sượng người mà chàng lạc dạ nghe ra đó là tôi chớ chẳng ai mô! Vợ chàng chỉ ly thân để thử thách chàng trong vòng một năm và vì chàng chẳng có tội tình gì đáng kể, *bà ấy* đã hồi tâm nghĩ lại, *bà ấy* đã tha thứ cho chàng. *Bà ấy* đã quăng ra, nhặt lại, ném bóng lung tung rồi lại bắt bóng về. Tôi chẳng có mồi mà lại đi bắt bóng, cho đáng kiếp đời cái thứ gái già mà chưa chịu yên thân.

— *Bà ấy* không yêu anh, anh cũng không yêu *bà ấy*, rốt cục lại chỉ còn có bổn phận.

Tôi đăm đăm nhìn người đàn ông đứng tuổi tóc mai đã có nhiều sợi bạc:

íTóc mai sợi ngắn sợi dài
Lấy nhau chẳng đặng thương hoài ngàn năm (4)

Chàng định trở về loanh quanh hạnh phúc với cái cày bổn phận và loay hoay với những nghĩ ngợi miên man sự thế như chưa hề chưa xẻ được cùng ai!

Có lần cùng xem ti-vi nói chuyện lăng nhăng, chàng bảo:

— Tụi Mỹ này nó ghê quá, kỹ thuật cái gì nó cũng có thể cải tiến canh tân được hết. Phi cơ Stealth bây giờ có thể thoát được mạng lưới radar, chi phí nó là 500 triệu đấy ... kỹ thuật trồng cây, thí dụ như cây cà chua chẳng hạn, chỉ cần chôn một cuốn tape gắn sẵn những hạt cà cách đều sẵn, thế là những hàng cây cà thẳng tắp đều khoảng sẽ mọc lên.

— Nếu cây lúa của mình cũng rứa, thì chắc cái nghề đối đáp hát hò lúc đi cấy chắc là phải thất nghiệp mất, nhưng không sao, đàn bà con gái Việt nam từ nay sẽ hết bệnh khom lưng!

Chàng tặc lưỡi:

— Máy chụp ảnh, ô tô dù tối tân hiện đại cách mấy cũng vẫn mỗi năm mỗi cải tiến được để dụ dỗ moi tiền của khách hàng ...

Tôi vẫn để mắt không rời trên tivi bỗng giật mình nghe chàng thở hắt ra một hơi dài:

— Chỉ có bộ óc và những bộ phận của con người hình thành từ mấy triệu năm nay là không có gì thay đổi được, không có cái gì thừa, không gì thiếu, thật là kỳ diệu, thật là một tuyệt vời hoàn hảo!

Im lặng, nhưng tôi biết chàng định nói điều gì giống như về một Đấng Sáng Tạo.

— Nhưng ...

Tôi buột miệng, chàng cau mặt khó chịu nhìn tôi, nhưng mặc kệ, tôi cứ làm lơ ngổ ngáo kênh lại chàng:

— Nhưng ... con mắt thì răng, con mắt ở trước cái mặt này thì Thượng Đế hoàn hảo chi mô, răng không chịu cho con người thấy được bộ mặt thiệt của chính hắn?

Chàng kinh ngạc và hình như ... chán ngán, nhìn tôi:

Em tài thật, lúc nào cũng kiếm được chuyện để chê người khác, kể cả chê Thượng Đế! Huống chi anh, em cho là anh mang mặt nạ này mặt nạ nọ ...

Vui vẻ, chàng kể chuyện bên Nam Mỹ: khách du lịch chụp ảnh Polaroid cho bọn thổ dân ở một bộ lạc bán khai, tụi thổ dân xem ảnh mừng, chỉ vô ảnh, nhìn ra thằng ni, thằng nớ, thằng tê; ... rồi tới phiên chính ảnh hắn, hắn lại ngơ ngác chẳng biết là ai!

Tôi cười suốt cả buổi trong khi chàng oán trời trách đất:

Lạ nhỉ, *bà ấy* vẫn than phiền anh đủ chuyện, bảo anh chỉ mất thì giờ vì những chuyện vô duyên. Em làm sao cười lâu thế nhỉ?

Vì em là con đười ươi.

Giờ thì chàng ai oán: "yêu em quá, tội em quá, nhưng em còn cả

tương lai trước mặt, "anh không đành bỏ tụi trẻ con" và "giờ em muốn bảo anh làm gì, tùy ý em, anh xin vâng".

*Nhìn nàng môi đã nhạt son*
*Giật mình ta nhớ vợ con ở nhà*

Tôi gỡ vội vòng tay ôm đã lỏng của chàng, tránh cái hôn vì lại phải tô lại môi cho đậm, lại phải tự lái chuyến xe đời rong ruổi, nhưng lần sắp tới, nhất định sẽ không ... ủi xe vô một ông mô mới bị vợ đuổi. Chừ thì, lần này tới phiên tôi, tôi được quyền lên mặt ... đuổi chàng. Ừ, vì đâu phải đuổi chàng là chỉ độc quyền của một người đàn bà tên là ... *bà ấy*. Còn có một người đàn bà khác nữa tên là ...*cô ấy*, là tôi, để mai sau vợ chàng có hạch tội, chàng sẽ se sẽ nói rằng:

— *Cô ấy* chỉ là bạn, *cô ấy* nếu có gì chỉ là một chút tình qua đường, phần anh, chỉ cần một người vợ đằm thắm như em thôi.

Giả dụ nếu nàng mà nổi hung lên làm dữ, chắc chàng sẽ vuốt lưng và vỗ nhẹ vào vai, như nhiều lần chàng vẫn dỗ dành tôi: Chỉ tại em bỏ anh mà đi nên anh buồn ... *Cô ấy* ... mấy cô gái Huế ấy mà ... họ lãng mạn quá trời!

Tôi cầu xin những điều tôi tưởng tượng trên về vợ chàng sẽ đúng phong phóc, còn tôi sẽ dứt khoát nói tiếng đuổi chàng và rồi sự đời tuy có quay cuồng nhưng rồi sẽ suông đuột và sẽ chẳng có gì đáng nói.

*Nguyễn Thị Hoàng Bắc*

*(1) Thơ Huy Cận*
*(2) Thơ Phạm Thiên Thư*
*(3) Thơ Nguyễn Thị Hoàng*
*(4) Ca dao*
*(5) Thơ Lưu Trọng Lư*

*Nguyễn Việt Thường*

## *Tình sử*

*— Anh có trở lại cùng đêm*
*với em*
*Thành kẻ đồng hành trong bóng tối khốn khổ?*

*Hay vẫn gục say trong hơi đông.*
*Mà ngủ mơ về một khung cửa sổ,*
*Mở ra nhìn một cánh đồng.*

*Hay vẫn quen ngày mai*
*là thứ hai, là ngày đầu tuần*
*Công sở nhai và nuốt người tám tiếng,*
*bầy người vào ra, hàng hàng bầy kiến,*
*nhập dòng tất tả đôi chân.*

*Hay đã quên rồi hơi thở*
*của đêm là những hương hơi*
*từ lá cây không chịu ngủ yên*
*cho ánh trăng dịu dàng nỗi nhớ.*

*— Em hãy khóc cùng với anh*
*bằng lời giọt sương đọng muộn*
*hãy bỏ quên đi ngàn ngàn ước muốn.*
*mà nghe tim nói lời chân thành.*

*Hãy khóc trên vai anh ấm áp,*
*bởi vì bóng tối phủ chậm chập,*
*và thu nhỏ đi thế giới cùng nỗi ưu phiền,*
*Hãy làm ướt vai anh bằng những giọt nước mắt hiền,*
*Thật hiền như khuôn mặt em,*
*Khi trao hôn,*
*Môi ấm.*

*— Anh có trở về cùng đêm*
*với em,*
*nói lời im lặng?*

*Hay vẫn mộng ôm đời trao tặng trái tim*
*cho những kẻ vong ân*
*trong dòng người hung hãn*
*dùng roi đời quất lên đài trán*
*những lần.*

*Hãy vẫn giữ được nụ cười son trẻ,*
*khi nhìn bé thơ nhớ lại đời mình,*
*trong sự dữ có sự hiền đi kế,*
*hề hấn gì, tin là cứ tin!*

*— Anh sẽ về cùng đêm*
*với em.*
*Với bóng tối*
*với niềm tin*
*về niềm hạnh phúc vĩnh viễn*
*Bởi vì kỷ niệm thì đã cũ*
*mà những tưởng nghĩ luôn mới trong anh,*
*Bởi vì em trong anh*
*chân thành.*
*Như ánh sáng.*

*Thụy Khuê*

## *Các nhà văn viết về đàn bà*

Ông phụ trách bài vở và điều hành chung giục viết một bài cho báo Tết. Tôi lâm vào cõi bí. Hăm bảy cái Xuân sống ở xứ người lạnh buốt, Tết đến trời cứ tối thui, phải mò ra đường đã là một cực hình, những kỷ niệm về Xuân nơi quê nhà dường như cũng tránh cái rét, cuốn chăn, cuốn gói rút xuống tận... đáy lòng. Muốn moi ra, cũng mất bộn ngày giờ, có đâu ngay được.

Viết gì đây? Không lẽ lại "điểm sách"? Tết nhất, điểm ai? Khen thì được, ngày Tết mà chê người ta , thì họ giận suốt năm, có khi suốt đời nữa cũng nên.

Tự nhiên tôi nghĩ đến các cụ ngày xưa. Các cụ không khoái sự hiện diện của đàn bà (giữa thanh thiên bạch nhật thôi); nhất là ngày Tết "ra ngõ gặp gái xui xẻo cả năm". Ghét của nào, mình trao của ấy, chi bằng ta chép lại lời các cụ nói về đàn bà, mở rộng ra một tí, chép cả lời các ông, các anh ngày nay... nữa, ngày Xuân đọc lại "sổ đời" cũng có nhiều lý thú lắm.

Xưa nay tôi không hề có ý định viết một một bài về nam nữ bình quyền, vì nhiều lẽ:

Lẽ thứ nhất: Từ khi ra đời tới giờ, tôi chưa bao giờ là nạn nhân của chế độ phụ quyền. (Như thế không có nghĩa là chúng tôi đang sống trong một xã hội lý tưởng, người đàn bà được nể trọng và ai nấy đều sung sướng trong hoàn cảnh mình. Sự thật u ám hơn nhiều.)

Lẽ thứ hai, về phương diện quyền thế hay quyền hành: người ta tiếm quyền, đoạt quyền, hay cầm quyền, chứ nếu lơ mơ muốn "đòi

hỏi" hay "xin xỏ" chút quyền chắc chẳng ai cho, mà nếu họ có cho đi nữa mình không đủ sức cũng chẳng thể giữ nổi. Khi ra chợ, muốn mua bao gạo hai mươi lăm ký, tôi còn phải nhờ chồng hay con trai xách hộ, thì việc "đòi hỏi" xin họ tí quyền hành có vẻ hơi khôi hài.

— Lẽ thứ ba, nghề gì không biết, chứ trong nghề cầm bút, bạn là phái yếu chỉ có lợi: Bạn viết lăng nhăng được vài ba truyện ngắn, có mấy bài thơ đăng báo, là các nhà văn nam - trời sinh ra đã có cảm tình với đàn bà - tâng ngay bạn là "nhà văn nữ có nhiều triển vọng", là "cây bút nữ rất phong phú hiện giờ". Nếu bạn viết "đọc được" thì họ sẽ xầm xì hỏi nhau về nhan sắc của bạn, nếu bạn viết "kha khá" mà lại đẹp nữa, tiếng tăm bạn sẽ nổi như cồn. (Các nhà văn nam có đẹp cũng chẳng ăn thua gì cả!)

Vậy tôi chẳng dại gì mà đòi hỏi nam nữ bình quyền.

*
* *

Cụ Vương Hồng Sển bảo cổ nhân dạy rằng:

Ở đời có bốn cái ngu

Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu.

Bạn đừng vội cười, gác cu đây là đi rình chim cu, chứ không có ý gì bậy bạ đâu. Theo kinh nghiệm sống, cụ đổi lại là: "diễn thuyết, làm mai, gác cu và cầm chầu". Tôi xin mạn phép cụ, đổi lại cho tôi: "Ở đời có ba cái ngu: diễn thuyết, làm mai, và đòi hỏi nam nữ bình quyền". Hai món: gác cu và cầm chầu, đàn bà không thích làm nên không thể mắc hai cái ngu ấy.

Tôi ham đọc các cụ, vì mới tập viết, không có ý, phải đọc các cụ để cóp. Ít lâu nay phải làm việc ấy, tôi mới "nghiên cứu" thấy rằng: nghề cóp cũng lắm công phu. Thí dụ bạn cứ cóp y chang, từ ý đến lời trong nguyên tác, như một số nhà văn miền Bắc, viết ra câu nào câu nấy rặt mùi mác-xít lê-nin-nít, y như các ông tổ của họ, thì bị cụ Phan Khôi chửi: "con tằm ăn dâu nó nhả ra tơ, các anh ăn gì nhả nấy!..." Vậy khi cóp, trước nhất dạ dầy bạn phải tốt, nghiền ngẫm cho kỹ, đến khi nhả, gần như phi tang, mới không bị chửi.

Bạn đọc nhiều, muốn độc giả thấy rõ sự hiểu biết sâu rộng của bạn, nên sau mỗi bài viết, bạn kê khai danh sách các tác phẩm tra cứu. Có lần tôi đã đọc một bài báo dài bốn, năm trang mà phần chú thích các sách tham khảo của tác giả chiếm gần hai trang. Làm như thế thì độc giả sợ bạn lắm, tuy lối trình bày ấy hơi nguy hiểm. Nếu bài viết của bạn xuất sắc, độc giả sẽ làm thinh. Nhưng nếu bạn đọc toàn sách hay ho cả, mà lại sản xuất ra một bài rất tầm thường, e rằng độc giả sẽ cười bạn ăn cơm thịt mà nhả ra cả rác đống, bạn chưa được như con tằm đâu.

Đọc các cụ, ngoài thú cóp ra, tôi học được lắm cái thần tình. Như nói về sự nghiệp Trưng Nữ Vương, sử thần Ngô Sĩ Liên chép: " Vua

rất hùng dũng, đuổi Tô Định, dựng nước xưng vương, nhưng vì vua đàn bà, không thể làm nên công tái tạo".

Câu này xem ra rất hợp lô-gích (đàn ông). Hơn nữa, bọn nữ nhi thường tình, đầu óc thiển cận, kiến thức hẹp hòi, làm sao có đủ chữ nghĩa để phê phán người xưa. Nếu bạn lẩn thẩn muốn tìm hiểu: Tại sao trong hơn nghìn năm Bắc thuộc chỉ có hai cuộc khởi nghĩa, lại là phái nữ, thì một vài nhà khảo cứu hiện đại (1) giải thích rất khoa học rằng: nước ta hồi đó theo chế độ mẫu hệ, đàn bà khởi nghĩa là lẽ đương nhiên.

Ấy thế, nhưng xét lại vẫn có điều không ổn: khi hai bà khởi nghĩa, nếu nước ta dưới chế độ mẫu hệ, thì chắc chắn trong thời kỳ đó, người đàn bà cũng được chút nể trọng như trong các xã hội mẫu quyền ở nhiều chủng tộc khác. Vậy mà khi hai bà thất trận ở Cẩm Khê, Ngô sử thần lại phê thêm một câu - nói trộm tiên sinh - có lẽ hơi dớ dẩn - như thế này: "Quân chúng cũng cho vua là đàn bà, sợ không đánh nổi địch, bèn tan chạy. Quốc thống lại mất."

Nếu các thuyết mẫu hệ của các vị học giả đứng vững kẻ hậu sinh xin mạn phép các cụ, sửa lại câu trên: "Quân chúng cũng cho vua là "đàn ông", sợ không đánh nổi, bèn tan chạy. Quốc thống lại mất".

Đến cái án Lệ Chi viên (Vườn Vải), lối phê phán của các cụ lại càng lạ lùng nữa: Vua Lê Thái Tông về nhà Nguyễn Trãi chơi. Vua vẫn thích vợ Nguyễn Trãi là Nguyễn Thị Lộ, người đẹp, giỏi văn chương, khi ấy vua mới hai mươi tuổi.

Đêm khuya ở Lệ Chi viên, vua đột ngột mất. Bọn quyền thần xưa nay vẫn ghét Nguyễn Trãi, bí mật đưa xa giá về triều, nhân cơ hội buộc tội Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ, xử tru di tam tộc. Lời bàn chung của các sử gia Ngô Sĩ Liên, Phan Phu Tiên, Vũ Quỳnh, Phạm Công Trứ về việc ấy:

"Nữ sắc làm hại người ta quá lắm. Thị Lộ chỉ là một người đàn bà thôi, Thái Tông yêu nó làm thân phải chết, Nguyễn Trãi lấy nó mà cả họ bị diệt, không đề phòng mà được ư?"

Thái Tông, có lẽ vì uống rượu say, rồi hành lạc thâu đêm, nên trúng gió chăng? Nếu quả như vậy, có chết cũng đáng đời. Thời nay, nếu còn sống cũng phải ra tòa vì tội xâm phạm tiết hạnh.

Riêng Nguyễn Thị Lộ, người đàn bà thông minh và xinh đẹp ấy, sinh nhầm thời, bị hàm oan và bị hành quyết ba lần: - Một lần dưới con mắt đa tình của ông vua háo sắc - Lần thứ nhì dưới lưỡi dao oan nghiệt của bọn quan lại triều Lê - và lần thứ ba dưới ngòi bút miệt thị của các nhà nho.

Tuy nhiên, không phải ngòi bút nhà nho nào cũng "tàn sát" phụ nữ như thế. Trong Tam Quốc Chí, dưới ngòi bút La Quán Trung (nếu đích xác La Quán Trung là tác giả Tam Quốc Chí), người đàn bà có những nét đẹp thống khoái phi thường:

Bà mẹ Từ Thức, coi cái chết nhẹ như bông, cả gan chửi bọn gian

hùng, cầm nghiên mực đập vào mặt Tào Tháo.

Điêu Thuyền dùng khoé mắt, nụ cười, để chặt đầu Đổng Trác, nàng thành công khi bao nhiêu trung thần ra tay trước nàng đều thất bại.

Đến màn Lưu Bị quì mọp trước Tôn phu nhân, rồi khóc rống lên thảm thiết: "Nếu phu nhân không thương mà cứu cho, tôi xin chết ngay trước xe", khiến phu nhân động lòng trắc ẩn, múa tít đại đao vừa làm tướng mở đường, vừa làm tướng đoạn hậu, dắt Lưu Bị về Hán:

"Phu quân cứ đi trước, để thiếp với Tử Long chịu mặt sau". Khổng Minh, người thông minh nhất thời của Tam Quốc, có bà vợ xấu như Chung Vô Diệm, nhưng có ai biết, trong bao nhiêu kế hoạch, trận đồ, bà đã mách nước cho quân sư?

Những người đàn bà trong Tam Quốc Chí, nhiều khi chỉ xuất hiện chốc lát, nhưng lưu ý độc giả đến muôn đời. Tam Quốc Chí trở thành cổ kim tuyệt bút có lẽ cũng ở chỗ tác giả diễn biến cuộc đời trong cái thế quân bình giữa nam nữ.

Ở đời nhà Minh, tư tưởng của La Quán Trung còn hiện đại mới mẻ hơn nhiều cụ đồ xứ ta hồi đầu thế kỷ. Nhà văn Đặng Thai Mai kể chuyện một cụ đồ dạy học ở làng ông: Khi cụ thấy cụ bà quét nhà, muốn chạy lại quét giúp, nhưng bao giờ cụ cũng bảo trước: "hượm" (khoan đã) - để cụ bà kịp thời vứt chổi xuống sàn nhà cho cụ nhặt, khỏi trao tận tay - Nam nữ thụ thụ bất thân mà!

Một hôm cụ bà đi vắng, bỗng dưng trời nổi cơn dông. Ông cụ nhìn ra sân, thấy quần áo phơi ngoài dậu sắp ướt. Cụ vội vàng chạy ra, thu dọn quần áo của cụ vào nhà rồi loay hoay tìm kiếm khắp nơi một vật gì, cuối cùng cụ phải chạy sang hàng xóm, mượn cái sào... để khều váy của cụ bà ở ngoài sân vào. Bàn tay dơ sách thánh hiền, làm sao cầm vào của nhơ đó được!

Cụ cẩn thận thế, tôi chẳng hiểu khi làm chuyện kia, cụ phải cầm mấy cái sào.

Nhưng chúng ta đừng tưởng chỉ có nhà nho mới có những ý nghĩ gàn dặc về đàn bà như thế: Một ông bác sĩ Tây phương, tôi quên tên, đã "khám phá" ra rằng: óc đàn bà nhỏ hơn óc đàn ông!

Mới đây thôi, ở Pháp, một vị nữ bác sĩ giải phẫu kể chuyện: Bà đang sửa soạn mổ một nam bệnh nhân. Ông ta lơ láo nhìn ngang nhìn dọc rồi hỏi: "Bác sĩ đâu?". Bà ấy trả lời: "Chính tôi!". Thế là con bệnh bổ choàng dậy, la làng: "Cứu tôi với! Cứu tôi với! Người ta để y tá mổ tôi".

Freud có lần giải thích hay định nghĩa: "nữ tính là sự thèm muốn dương vật". Freud làm tôi liên tưởng tới câu của Lâm Ngữ Đường: "Khi người ta thích định nghĩa là đã tiến thêm một bước nữa đến gần sự ngu muội". Nói như thế, không phải Lâm Ngữ Đường lúc nào cũng sáng suốt cả đâu. Khi ông viết một câu như vậy, thì ông cũng tối lắm, tối gần bằng như Freud: "Dùng ngôn ngữ tối tăm để diễn tả

những tư tưởng sáng sủa là lối viết của những người suốt đời độc thân vì họ không bao giờ phải giải thích một cái gì cho vợ nghe". Muốn nói xỏ Kant and Buttler, ông suy bụng ta ra bụng người đấy, làm như vợ ai cũng ngu cả. Câu này gần giống câu của Nam Cao: "Viết được một bài thật ít lời nhưng vẫn đủ ý và đọc lên đàn bà trẻ con nghe cũng hiểu, tôi cũng thấy sung sướng như viết được một truyện ngắn chính tôi ưng ý". Nam Cao viết câu này năm 1947, và Lâm Ngữ Đường khoảng 1940. Tương đối cùng thời, Nam Cao sống trong xã hội Việt Nam, ít tiếp xúc với tư tưởng và xã hội Tây phương, tuyên bố như thế còn nghe được. Lâm Ngữ Đường là người hấp thụ văn hóa Âu Mỹ, mà còn nói "Đàn bà bất tất phải hiểu văn chương, nhưng phải đẹp", thì thật chướng. Trong đời ông đã "gặp" bao nhiêu người đàn bà làm cho ông tởn: thứ nhất là Võ Tắc Thiên, rồi chính ông thuật lại: "nhiều phụ nữ Anh, Mỹ đã làm cho tôi kinh hồn vì những hiểu biết của họ về kinh tế, môn mà không bao giờ tôi có đủ can đảm để học", ấy là không kể đến những người đàn bà xa gần ông đã biết tiếng như Anh Hoàng Elizabeth Đệ Nhất, Nga Hoàng Catherine Đệ Nhị.

*
* *

Học giả Nguyễn Hiến Lê chê bài "Hai Sắc Hoa Tigôn", bảo cả bài thơ chỉ là lời kể lể của đàn bà, lôi thôi, thiếu nghệ thuật, trừ hai câu:

Từ đấy thu rồi thu lại thu

và: Mà từng thu chết từng thu chết!

Có điệu nhạc trầm buồn đặc biệt. Ông cũng khe khắt với đàn bà (nếu T T Kh là đàn bà).

Bài "Hai sắc hoa Ti gôn", theo tôi, được truyền tụng, có lẽ không phải vì lời lẽ hay nghệ thuật của bài thơ, mà vì hai chữ "người ấy" lần đầu tiên xuất hiện trong thơ, và được đặt vào những chỗ đắc địa.

"Người ấy" xuất hiện trong văn xuôi đã từ lâu, trong truyện ngắn đầu tiên của Việt Nam, truyện "Thầy Lazaro Phiền" do Nguyễn Trọng Quản viết, văn chương quốc ngữ thế kỷ mười chín, viết về "người ấy" như sau:

"*Người ấy*", không lịch sự thật, song coi phải thế người mà thôi: tiếng nói dịu dàng, mặt mũi cách điệu, tính nết ăn ở thì dễ làm cho người ta thương lắm. *Người ấy* là con bà dì thầy Liễu.

Ban đầu khi người đi đến thì tôi cũng tưởng là như bà con, mà cách ít tháng thì tôi lại đem lòng thương, cùng hằng tưởng đến *người ấy* luôn. Tôi đã thương *người ấy* như vậy một năm chẵn, cho đến khi thi đậu mà ra khỏi trường.

Song dầu mà tôi thương người ấy mặc lòng, tôi cũng chẳng tỏ sự ấy ra cho thầy Liễu là anh em thiết nghĩa với tôi hay".

"Người ấy" đây là người yêu của thầy Lazaro Phiền, khi nàng về làm vợ thầy Phiền rồi, thì thầy Lazaro gọi nàng là "người bạn" hay

"bạn tôi". Thế kỷ nào cũng thế, làm người yêu vẫn thơ mộng hơn làm vợ!

Trở về với bài Hai Sắc Hoa Tigôn, TTKh viết:

"Người ấy thường hay ngắm lạnh lùng".

Câu thơ trên không gì đặc biệt, vô nghĩa nữa là đằng khác. Nhưng dư âm hai tiếng "người ấy" như rụt rè, e lệ, muốn nhắc đến người yêu mà sợ bị ai bắt được quả tang, hai chữ "lạnh lùng" đặt không đúng chỗ làm ý thơ thêm vụng dại, lạ tai và âm điệu trầm buồn như kéo dài thêm mãi ra. Đến hai câu:

Nếu biết rằng tôi đã có chồng

Trời ơi, người ấy có buồn không?

Lời thơ bình dị như lời kể lể thật, nhưng đọc lên đầm đẫm nhớ nhung, tiếc nuối, như tiếng nức nở trong lòng không biết ngỏ cùng ai, chỉ có mình nói với mình, vậy thôi. Thời ấy không phải chỉ có đàn bà mới than khóc. Thi sĩ Đông Hồ khóc vợ cũng lâm ly lắm.

Riêng hai câu thơ mà học giả họ Nguyễn khen ở trên, tôi lại thấy rất cổ điển, sáo nữa. Xem thế, đọc thơ, mỗi người, mỗi tuổi, có một cảm xúc khác nhau.

*
* *

Trong các nhà văn, người yêu đàn bà nhất phải kể đến Vũ Bằng, trước hết ông yêu vợ, xa vắng đằng đẵng bao năm mà năm nào ông cũng thương nhớ hết thảy mười hai tháng. Nhưng khi ông viết về các món ăn, hình ảnh người đàn bà của ông còn ly kỳ hơn nữa. Hãy đọc Vũ Bằng viết về bánh đúc:

"Bánh trông mịn mặt, chung quanh mỏng, giữa phồng, trông như da thịt mát rợi của người đàn bà mới tắm. Cắn một miếng thật ngọt rồi vừa nhai vừa ngẫm nghĩ, ta thấy rằng ta đã tạo hạnh phúc cho khẩu cái của ta."

Ấy mới là bánh đúc, sang đến cái bánh xuân cầu, da thịt đàn bà còn có mùi vị hơn nhiều:

"Đó là cái ngon của da thịt cô gái quê đẹp mê mệt, đẹp lành mạnh lâm ly, trong khi bao cái ngon khác là cái ngon của cô gái tỉnh thành xanh xao và bịnh hoạn".

Quí vị thực khách đàn ông đọc những đoạn này chắc khoái lắm. Vả lại thời buổi Vũ Bằng "đàn ông biết đánh tổ tôm, biết ăn thịt chó, xem nôm Thúy Kiều"; trong những buổi đánh chén say sưa như thế, trí tưởng tượng của họ ngao du sơn thủy, nói quàng nói xiên là phải.

*
* *

Nhà văn Võ Phiến khi viết về các nữ sĩ, ông rất hào hoa. Nhìn lại văn học miền Nam, ông nhận xét: "Thoạt đầu trên văn đàn nghe tiếng

ồm ồm, cuối cùng nghe ra éo éo". Nhưng ông kịp thời "sửa sai" ngay sau đó: "Nam phái chỉ kịp trông thấy một viễn tượng thua sút, chứ kỳ thực chưa nếm mùi thua sút". Khi nhận xét về phái tính trong văn chương miền Nam, ông chia làm hai thời kỳ: Từ năm bốn đến sáu mươi, các nhà văn có khuynh hướng viết cho loại độc giả tiêu biểu có nam tính nổi bật, đề tài suy tưởng như : *Thần Tháp Rùa, Đêm Giã Từ Hà Nội*... Từ sáu bảy sáu tám trở đi, các tác giả chuyển sang viết cho loại độc giả có nữ tính nổi bật: tiểu thuyết tình cảm, tuổi ngọc, kiểu *Yêu*, kiểu *Vòng Tay Học Trò, Mười Đêm Ngà Ngọc*, lứa tuổi thích ô mai... Theo ông , khi người viết trụt tuổi, xuống đường, viết cho đàn bà con nít đọc, thì trình độ văn chương miền Nam, cũng bị hạ thấp theo.

Nói thế, tôi e tội nghiệp đàn bà con nít lắm. Áng chừng họ không dính dáng gì đến hiện tượng "xuống thấp" của các nhà văn.

Xã hội nào cũng có những độc giả mọi cỡ tuổi, đủ mọi trình độ văn hóa. Con người chọn sách đọc theo trình độ văn hóa, tuổi tác và sở thích của mình. Phái tính cũng là một yếu tố quyết định sự lựa chọn, nhưng phái tính không nâng cao hay hạ thấp trình độ văn hoá con người. Một người ưa đọc Kim Dung và một người thích đọc Quỳnh Dao, phái tính khác nhau, nhưng ai biết trình độ người nào cao hơn người nào? Riêng xã hội ta, từ năm sáu bảy trở đi, so với những năm sáu mươi trở về trước, trình độ hiểu biết của họ gia tăng gấp bội, không lẽ họ lại tìm đọc những loại truyện "thấp" hơn trước."?

Hiện tượng một số nhà văn ngày trước viết "cao", sau sáu bảy sáu tám viết "thấp" đi, hoàn toàn tùy thuộc vào cá nhân những nhà văn ấy: có thể họ muốn kiếm tiền nhanh và nhiều, vì thế phải viết lẹ, sản xuất loại sách thương mại, hợp với thị hiếu một số độc giả nào đó (chưa hẳn là phái nữ, nếu khán giả xem phim X, đa số là đàn ông, thì người đọc tiểu thuyết khiêu dâm, tiểu thuyết ái tình, tiểu thuyết viết về xã hội du đãng, chắc gì chủ yếu đã là đàn bà?)

Cái không khí viết nhanh ấy đã được một nhà văn lớn thuật lại như kỷ lục chạy thi khiến ông phục sát đất: một bà, mồm vừa nói chuyện, tay vừa thoăn thoắt đánh máy bài! Nếu nghề viết mà phục nhau ở những kỷ lục điền kinh ấy thì còn gì là văn chương chữ nghĩa nữa!

Khi "nhà văn" sản xuất văn chương bán kí lô như thế, độc giả nói chung, phụ nữ hay nhi đồng nói riêng, chỉ là "nạn nhân của thời cuộc" như mọi người khác. Trái lại, chỗ đứng trên văn đàn của một số nữ sĩ viết theo số lượng mà không quan tâm đến phẩm chất, e rằng khiêm nhượng lắm.

"*Không người đàn ông nào thoát ly đàn bà mà sống được. Nếu người ta nhận rằng ai cũng có mẹ, thì không một người nào có thể miệt thị đàn bà được*". Lời Lâm Ngữ Đường phô diễn ít nhiều tính cách mâu

thuần trong tư tưởng ông ở một số vấn đề: trong đó có vấn đề phụ nữ. Ông không miệt thị đàn bà, nhiều chỗ ông còn đề cao họ nữa, nhưng ông cho đàn bà (nói chung) vào loại ngu, đẹp là tốt rồi, không cần có kiến thức rộng rãi.

"*Đàn ông không thể sống với đàn bà được; mà không đàn bà cũng không thể sống được*". Lời than của Oscar Wilde phản ảnh phần nào tâm trạng các nhà văn khi viết về đàn bà: Đàn bà làm họ lúng túng, nhận xét sự việc ở đời, các nhà văn như Lâm Ngữ Đường có thể tinh tế, sáng suốt đến 80 phần trăm, nhưng khi viết về đàn bà, họ hay trật đường rầy, có khi sai tới 100 phần trăm.

Nâng cao hạ thấp người đàn bà, hai thái độ tuy đối nghịch nhau nhưng cùng một chủ đích. Cách duy nhất tôn trọng phụ nữ, theo tôi, là xét họ đúng với giá trị của họ.

*Thụy Khuê*

*Chú Thích:*

*Nhà văn Vũ Ngọc Phan trong "Tục Ngữ Ca Dao Việt Nam" viết: "Nghiên cứu về sử liệu Việt Nam, trong ngôn ngữ, có người đã kể câu: "Năm cha ba mẹ" và viết: Ta có thể ngờ rằng đó là nhắc lại cái tình trạng tạp giao hay cái tình trạng chồng chung vợ chạ. Đến như "Sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông". Câu này thì rõ ràng lắm nó tóm tắt cái quá trình tạp giao, từ mẫu hệ rồi đến phụ hệ".*

---

**ĐÍNH CHÍNH:** Trong bài *Đọc Muôn kiếp cô liêu* của Mai Kim Ngọc, do Thụy Khuê viết trên Văn Học số 35, Văn Học đã xếp chữ nhầm lời trích Đặng Thai Mai ở cuối bài, trang 121. Xin quí bạn đọc đính chính lại thành :"Trong câu chuyện sáng tác này, tôi thấy rằng trừ những bậc thiên tài xin khem không dám nói, còn những người 'thiên phận tầm thường' thì in *mình* (không phải in *hình*) ra muộn một tí mà có phần hay".

Xin cáo lỗi cùng chị Thụy Khuê và quí bạn đọc.

*Hoàng Khởi Phong*

## *Tùy Bút*

Khi nhận lời viết "tùy bút" cho số Xuân Văn Học tôi tưởng chừng dễ, nào ngờ tôi đâu có được tùy tiện phóng bút bởi một lẽ giản dị đây là số đặc biệt về Tết. Cái "tùy" của tôi nằm gọn lỏn trong chữ Tết. Nó khó ở chỗ 13 năm nay, tôi không được hưởng Tết bao giờ. Tết gợi cho tôi những buồn khổ, nhớ nhung. Tết gợi cho tôi những nghìn trùng xa cách. Tết gợi cho tôi những chua cay chán nản. Tết bây giờ chỉ gợi cho tôi một ý niệm rất mơ hồ về thời gian. Đã có lúc tôi muốn xô đuổi cái ý niệm mơ hồ này, như liệng một chiếc giầy cũ xuống cống. Sau cùng tôi vẫn phải giữ chiếc giày, bởi 8, 10 thiên hạ đều có nguyên một đôi giày mới nói chi tới quần lụa áo là.

Cách đây chín năm, con trai tôi vượt biển. Nó đi cùng hai đứa cháu ruột con anh tôi. Hai đứa lớn bị bắt, một mình con tôi chưa đầy tám tuổi tới được Bidong. Tôi đón nó tưởng chừng như giấc mộng. Từ đó hai cha con tôi ấp ủ những tháng Chạp buồn. Từ lúc có nó, tôi tâm nguyện một điều trong những lúc giao thời của cũ mới. Điều tôi tâm nguyện đâu có lớn lao gì, tôi mong nó đọc, viết, nói và hiểu tiếng Việt cặn kẽ, tôi gắng sức rèn cặp những năm đầu, gần mười năm qua đi, nó nói tiếng Việt rành, nhưng cái thư viết về nhà ngớ ngẩn, đầu Ngô mình Sở. Khoảng mấy năm gần đây, tôi buồn bã thấy nó lớn lên như những cây sậy ven đường, Mỹ không ra Mỹ và Việt cũng không thuần Việt. Cái hố ngăn cách giữa hai bố con cứ mỗi ngày một xa. Chẳng bao nữa cái hố không còn là một cái hố. Nó sẽ thành một vực sâu. Tôi vẫn tin chắc tuổi già của tôi sẽ không bao giờ ở trong viện dưỡng lão. Nhưng tôi cũng biết chắc con tôi sẽ phụng dưỡng tôi không giống cách của

anh em tôi phụng dưỡng đấng sinh thành và tôi hy vọng tôi đủ sức chịu đựng sự khác biệt này.

Tôi không muốn viết những điều buồn bã, nhưng trong tôi có thật hiếm điều vui. Ít nhất "tùy bút" dẫu cho có bị gò vào Tết vẫn "tùy" ở lòng mình.

Tôi có một ý nghĩ nhỏ về điều vui. Nghĩ cho cùng nó cũng chẳng vui gì: Tôi cho rằng bất cứ ai dẫu cho có đầy đủ gia đình, hiện diện đủ ba bốn thế hệ ở nơi đây, trong những ngày giáp năm này mà không có gợn một chút buồn, tôi có cảm giác đó là người phạm tội, một cái tội không có tòa án nào định được tội danh. Xin đừng một ai ngộ nhận tôi đau buồn, và muốn mọi người đau buồn không ít thì nhiều. Đó chẳng qua là một chút lòng, một chút nhân, một chút nào đó của đời sống, một chút nào đó của đất trời mở rộng.

Vậy thì xin đừng một ai muốn tôi viết về điều vui, khi trong tôi điều đó thật hiếm. Xin đừng ai bắt tôi làm thơ, viết văn ca tụng một mùa xuân chiến thắng, khi bóng dáng những đoàn quân kiêu hùng đã khuất lấp dưới chân mây, khi những người anh hùng đích thực giờ đây yên nghỉ trong lòng đất, dưới làn nước vô lượng của đại dương. Xin đừng ai bắt tôi viết về cộng đồng đoàn kết khi chúng ta có 100, 1000 đoàn thể. Ở nơi đây chúng ta có sự sung túc, nhưng tôi không thể viết về sung túc khi mới vài tháng trước đây, trong một lá thư vượt bao quan ải, vượt nghìn trùng sóng gió tới tôi, trong thư cô em tôi viết cô có con gà mái ấp, nở được một đàn gà con đẹp óng như tơ, cháu con anh Ba tôi tới nhà, nằng nặc xin một con. Con em tôi tưởng nó thích vẻ đẹp của chú gà nhỏ, nhưng không, thằng bé xin về nuôi chỉ mong cho lớn để được ăn thịt gà, được ăn cả một cái đùi gà.

Tôi cố viết đôi điều về hạnh phúc, một chút hạnh phúc thật nhỏ như về thăm quê nhà, tôi không đứng về phe chống đối cật lực, tôi lại càng không đứng về phe cổ võ. Chống đối cật lực ư? Có ai hiểu được cha tôi qua đời ba năm trước, mẹ tôi nối gót theo sau trước ngày mãn hạn đại tang vỏn vẹn bốn ngày. Bà cụ đi thăm mộ và mời cụ ông về ăn giỗ, nào ngờ bị tai nạn giữa đường. Có ai hiểu được một đứa em lêu lổng thiếu thời, bỗng một hôm trở nên ngoan muốn phụng dưỡng bố mẹ, bị tước đi cái hạnh phúc nhỏ nhoi đó. Có ai hiểu được tôi còn một người vợ, một con gái nhỏ. Tôi ân hận về sự ra đi một mình, dẫu hoàn cảnh hiểm nguy đến đâu tôi vẫn nghĩ là không một lời bào chữa nào đủ. Đã 13 năm nay tôi muốn hôn vợ, ôm con, ngó trời đất cũ (1). Nhưng tôi cũng không thể và càng không thể đứng về phe những kẻ lái buôn, đầu cơ và tích trữ lòng tưởng nhớ quê nhà, cái lòng tưởng nhớ này có lúc thật và có lúc giả. Nếu không giả sao lại có những kẻ vênh váo áo gấm đi về, vung vãi tiền của, nói truyện trời xa. Hãy gạt bỏ ý niệm tỵ nạn kinh tế hay tỵ nạn chính trị. Hãy nói về tấm lòng, tôi lợm giọng khi nghĩ đến những hạng người này. Do đó tôi không đứng về phe chống đối chuyện về một cách cật lực. Tôi nghĩ đến những người già, đã trải qua

3, 4 cuộc đời nơi quê nhà, nên có một biệt lệ của lòng nhân, với những cụ già tóc như mây trắng, cuối đời muốn nhìn lại cố hương. Chúng ta không thể nhân danh bất cứ cái gì để cấm cản. Vả lại chúng ta đã thua một kẻ địch mà lòng vô nhân là vũ khí chính, chúng ta muốn đánh bại họ ư? Lòng nhân bản chính là vũ khí hữu hiệu nhất. Nhưng tôi chống, cực lực chống những kẻ sớm đánh tối đầu, những con buôn đầy lòng xảo trá, những kẻ hợm hĩnh giả hình. Ngay tại đây tôi cũng chống những kẻ làm việc thiện không vì việc thiện. Họ xuất hiện ở mọi diễn đàn cốt chỉ làm nổi bật phương danh họ. Những ai làm việc thiện vì việc thiện, tôi cầu mong họ được dồi dào sức khỏe, sáng suốt và minh mẫn để việc thiện họ làm có hiệu quả hơn.

Mấy hôm nay trời chuyển mưa và gió lớn. Bão ở đâu kéo về, những đám mây chó mỗi buổi chiều, những đám mây Tần mỏng mảnh ban trưa bị những đám mây đen thô bạo đến chiếm cả vùng trời. Bão có lẽ rớt tự bên kia bờ biển, gió có lẽ cũng tự bên kia bờ biển, một loại gió thổi tạt vào mặt giống như gió Lào, chắc chắn đây không phải là gió Santa Ana, đây là gió Trường sơn, gió rớt trên những cổ thành, gió xoáy trên những mộ địa, gió ở khắp hoàn vũ tụ lại ở đó, và đã băng đại dương.

Cũng không hẳn chỉ có gió của trời đất, trong mỗi chúng ta lúc nào cũng có những cơn gió ẩn nấp đâu đó, nó chờ một dịp nào đó, bắt đầu cất cánh. Hơn mười năm trước, trong cái Tết ly hương đầu, còn một chút hơi hướm quê nhà, tôi có làm được một bài thơ trong đêm giao thừa, xin chép vào đây để chấm dứt cái "tùy của Tết:

*Gió ở quê nhà*

*Có phải đêm nay ta đầy ba mươi hai tuổi?*
*Có ba mươi hai năm mèo mó chắp làm người*
*Có ba mươi hai năm trôi dài trong bóng tối*
*Có ba mươi hai năm ngồi đợi một bình minh*
*Buổi chiều nay ta uống rượu thật nhiều*
*Ta chợt thấy ta là người lạ mặt*
*Hỡi bằng hữu của một thời tụ tập*
*Tan về đâu sau trận chiến não nề*
*Có còn chăng những câu thơ hào sảng*
*Có còn chăng tiếng hát đượm hồn người*
*Có còn chăng những men đời chất ngất*
*Đời thật buồn như tiếng mõ canh canh*
*Sao quanh ta bỗng nhiên im lặng*
*Và gió ở quê nhà thổi lộng hồn ta*

***Hoàng Khởi Phong***

---

(1) Mượn ý một câu thơ của Cao Tần

*Nguyễn Văn Sâm*

## *Kẻ thua cuộc*

Đứa con gái út tôi dọn cơm. Bữa nào cũng vậy, cá mòi phát trong trại tỵ nạn, khi thì chiên với cơm, khi thì chiên với vài tép tỏi, khi thì để vậy, chỉ cần trong lon trút ra. Cá mòi làm chuẩn liên tục mấy tháng khiến tôi nhiều lúc ợ bay mùi dầu cá. Mỗi khi cơm dọn lên tôi cảm thấy bực mình, như muốn phản đối một điều gì đó.

Vợ tôi lau chén đũa bằng miếng giẻ rách không được sạch lắm.

Không biết "ông ứng bà hành" gì tôi mở miệng phê bình, nếu em đừng lau thì tốt hơn, miếng giẻ coi bộ dơ.

Khói lửa bốc lên từ đó. Nàng cằn nhằn đủ thứ chuyện, kết tội tôi muôn ngàn điều. Tất cả tội kết lại bởi vì chúng tôi nghèo, đến trại với hai bàn tay trắng và niềm ô nhục hằn sâu trong giấc ngủ do sự hèn nhát của tôi trước bất hạnh của hai người thân nhất đời. Tiền bạc không rửa được nỗi ô nhục nhưng làm cho người ta dễ quên nó. Chúng tôi không có và hình như vợ tôi đang đi tìm. Tôi nghe lảng vảng trong gió ác thần sẽ đến đè bẹp hạnh phúc của mình. Tôi thấy trong ánh mắt vợ tôi số mệnh đen đủi quấn quít bước chân tôi.

Tôi mặc nàng lải nhải nhưng lúc nãy một câu nói của nàng làm tôi như bật dậy sau giấc ngủ say:

— Ai biểu hồi đó làm tỉnh trưởng mà ngu không ăn hối lộ. Ngu mà tưởng mình trong sạch, cao thượng!

Tôi từng chịu đựng mấy năm trời những câu chửi mắng xối xả trên đầu một cách vô cớ. Người ta phùng mang để tỏ ra mình trên trước, oai quyền. Tôi co mình lại để tự xóa bằng cách cố quên rằng mình từng cầm quân, từng coi sóc cả tỉnh. Tôi không còn là ông Đại

Tá nữa, cái đó đã hẳn, rõ như ban ngày. Nhưng tôi cũng không còn là người tên Trung; cái đó không rõ ràng nhưng là như vậy đó. Lạ à? Này nhé, tôi không còn tức giận khi bị hạ nhục, không còn cãi cho ra lẽ trước những chuyện trái tai, không còn cười khẩy khi nghe một câu nói chửi cha kiến thức và nhất là không biểu lộ sắc mặt chống đối hay bất bình khi cái đoàn thể mà trước đây tôi là một thành phần từng trân trọng từng lăn xả hết sức mình để làm cho nó đẹp, bị bêu xấu, hạ nhục, gán ghép cho cả ngàn thuộc tính xấu xa ghê tởm. Khi người ta không thuộc về thì người ta coi thường cái thành phần đó. Lúc nhỏ tôi ưa giỡn vô ý thức, "la như chệt chìm tàu", "ở dơ như mèn mọi", "ác như tụi mặt gạch". Bây giờ thì "dã man như ngụy, ăn bám, bóc lột" ... chỉ là điều mà người đứng bên ngoài tập thể của tôi gán ghép cho tôi, không đáng quan tâm về sự chân xác của nó. Ý niệm Trung quốc và [illegible], chẳng hạn. Có điều sự gán cho một thuộc tính nầy có tính cách áp chế và bắt tôi, người trong tập thể chịu sự mạ lỵ đó, chấp nhận là thật. Chỉ còn bịt tai, tôi đã bịt tai theo cách ai cũng làm lúc đó, tự biến thành cái ghế, cây cột, tự coi như cái lu, cái bàn. Sự hiện hữu của tôi, một người đã hóa thân thành sự hiện hữu của một món đồ vật, thứ vô tri. Tệ hơn, tôi không còn hiện hữu dưới mắt họ và tôi không còn hiện hữu với chính tôi. Vô lý hả. Thiệt đó. Nếu tôi hiện hữu, tôi phải có thái độ chớ. Nhảy chồm lên, nay phản đối bằng lời, hay đỏ mặt mím môi, cùng hơn nữa, nuốt nước miếng. Vậy mà tôi đã làm gì? Dửng dưng, không động tâm, không động thân.

Bây giờ trước câu nói vừa kể, tôi phản ứng và phản ứng quá lố nữa là khác. Người vợ chia ngọt sẻ bùi đã nói một câu không còn trời đất nào nữa. Người vợ đứng vô hàng ngũ người coi tôi như đồ vật. Đâu phải ngu. Tôi có cái triết lý của tôi chớ. Tôi có cái giá trị của tôi để làm chuyện này hay chuyện kia. Hối lộ là chuyện quá dễ làm nhưng khó tránh. Tôi tránh hối lộ để thấy mình lớn, mình điều khiển mình. Như cha tôi thường nói khi tôi mới lớn: "Giặc ngoài dễ tránh, thù trong khó ngừa. Thù trong là những ham muốn làm hạ giá trị chính mình. Nhớ đó con".

Tôi cãi hơi dài dòng với máu chạy rần rần trên mặt, trái với thói quen học được tám năm nay trong đó:

Nghèo thì chịu, chớ bợn nhơ thì thà hôi nhỏ đừng cắp sách đi học, đừng có cha làm thầy giáo. Đừng ngồi trên thiên hạ để biểu họ làm điều hay điều phải thúc đẩy họ chết cho tổ quốc.

Vợ tôi ngó bằng đuôi mắt không đồng ý.

Tiền tài như phấn thổ. Chung quanh đây bao nhiêu người giàu nứt vách mà cũng sống dưới tấm ni-lông như mình. Đâu có bền! Không có thì khỏi mất, khỏi buồn.

Vợ tôi lấy lược chải đầu.

Anh không ngụy biện, anh muốn an nhiên không nghĩ đến tiền.

Nàng đứng dậy.

— Hối tiếc cho một hành vi đạo đức trong quá khứ sẽ làm biến phẩm hành vi đó đi. Phải sao chịu vậy.

Tôi nhớ đến chuyện ông quan tuổi Tý tiếc mình sao không tuổi Sửu! Thằng đó cà-rà chỗ mấy cái sập cách chỗ tôi năm, sáu gia đình. Con vợ tôi ngó về phía đó.

— Nói chuyện với anh mệt quá. Bất lực rồi viện dẫn nhân nghĩa để che đậy cho khiếm khuyết của mình.

Tôi hết chịu đựng nổi, xô ngã công trình bảo vệ hạnh phúc mấy tháng nay:

— Em lựa chọn người không đúng ý em, đó mới là khiếm khuyết: khiếm khuyết trong phán đoán.

— Tôi đang sửa chữa.

Câu nói như lưỡi thép của gươm máy đi qua mình tôi ngọt xớt.

Vợ tôi sáng mắt lên khi nó đi qua chỗ chúng tôi. Mặt nó trẻ hơn tôi, hùng dũng và đầy nam tính nhưng có vẻ lưu manh.

— Không thể sửa chữa trong quá khứ. Tương lai chưa có nên cũng không có chuyện sửa chữa.

— Rẽ hướng khác là tránh đi lối mòn sai lầm, là sửa chữa. Võ biền mà bày đặt văn chương.

Tôi nuốt nước bọt và nuốt luôn trái cấm Adam xuống bụng.

Nàng biểu con tôi ăn rồi dẹp, má đi văn phòng trại xếp thuốc men, tối về. Mắt nàng hướng theo hướng nó đi. Về mé khu rừng cao su gần giáp bờ đá chỗ mấy con tàu hư nằm ụ.

Tôi ực hết ly nước dối cơn đói còn đang mè nheo vì chưa được ăn đúng mức. Tôi nằm thẳng thở hào-hển vì chuyện vừa rồi. Khi người ta có một mục tiêu thì tất cả những lý do đưa ra không phải vì giá trị của lý do mà vì cái mục tiêu. Tiền bạc hay ngu mà nàng đưa ra làm yếu tính của tôi chỉ là những miếng bửng xi-măng lót cho đường rẽ về phía nó, tôi biết chứ sao không?

Khi xưa tôi nằm trong tù, khổ cực sao nàng không bỏ? Đến bờ tự do sao lại nói chuyện chia ly? Hay lúc trước ở trong vùng xoi mói của người quen nên chưa tự do. Giờ bốn bề bạn mới, xa lạ, không ai có quá khứ nên dễ hành động.

Đứa con tôi trở về sau khi rửa chén ở giếng, nói:

— Má đi về phía vườn cao su chứ đâu có đi về phía văn phòng trại, thằng "Cọp" ghê lắm ba ơi!

Tôi biểu con tôi nín đi mầy nhỏ biết gì. Người ta đồn rùm beng là lớn nhỏ gì lên đó cũng nộp thịt cho Cọp. Con tôi nó còn ý thức thằng Cọp "ghê lắm". Hèn gì không đòi rẽ hướng khác?

Một thằng mắc tòi nào đó ca một câu đùa mà như tên bắn vào tim tôi: "Đời một người con gái, một lần đánh mất quần Jean, đau khổ thật nhiều".

Tôi chợt có ý định giết vợ. Bữa nào đó chận nó trên đường giả vờ

rủ ra câu tâu vợ chồng tâm sự, bịt miệng nó lại trấn nước. Nuôi ý nghĩ đó, tôi thấy dễ chịu trong lòng.

Câu nói đã tạo bản án tử hình cho nó: "Ai biểu hồi đó làm tỉnh trưởng mà ngu không ăn hối lộ". Nó hạ nhục chúng tôi quá. Khôn nghĩa là ăn hối lộ! Chúng tôi, tất cả tập thể chúng tôi ngày xưa đã khôn kiểu đó! Chết là đáng. Tao ghét ai lớn lên trong hàng ngũ mà quay lại chửi bới hàng ngũ đó. Mày trước chẳng hãnh diện vì tao sao?

Tôi ngồi dậy thấy con nhỏ ngồi co ro, làm thân:

Chắc bả gần về rồi, bả bực bội đi một vòng cho hạ hỏa trước khi lên văn phòng.

Rầy con, rồi nói dối bằng một luận cứ khó chấp nhận tôi thấy mình vô lý. Tôi xếp nó vào hàng trẻ con, không biết rằng nó đã vượt qua giai đoạn nầy bằng tám năm bương chải không có tôi, nó đã trưởng thành bằng chính sự xé rách thân thể mình trong cuộc hải trình tìm sống. Không một đứa trẻ nào còn là trẻ con khi chứng kiến bao nhiêu chuyện kỳ lạ chung quanh. Sự thơ ngây biến mất bởi những khí độc, mèo mỡ, thay đổi, giành giựt, gấu-ó-vì-bất-cứ-một-thứ-gì-có-thể-chiếm-hữu bay lên che mờ các sinh hoạt trong trại.

Tôi xếp loại con tôi vào hàng trẻ con như vợ tôi đồng dạng tôi với võ biền. Võ biền sao được khi trong chiến đấu tôi vẫn mở mắt ra để thấy tất cả những biến chuyển chính trị chung quanh ào ào như thác đổ, phải tìm những kết luận triết lý cho từng số phận hẩm hiu của người dân trong vùng tôi coi sóc. Võ biền sao được khi tôi phải trang bị cho mình bằng thật nhiều ý nghĩ khôn ngoan để tránh khỏi điên rồ trong những năm đáng quên đó?

Con người ta dễ bị xếp loại, xếp hạng. Tôi nhớ đứa con tôi và tôi nữa và biết bao nhiêu người trong trại nữa, đã nhìn ông thầy tu người Thái với ánh mắt đã nhìn tên hải tặc từng nằm trên mình nó, sau đó cười thân thiện với nó. Biết bao nhiêu lần thầy làm lễ mà trí tôi lơ mơ trong thời gian hãi hùng của hai tháng trước và muốn đá ghế đứng dậy bước ra ngoài?

Tôi lơ mơ trong đầu hình ảnh đức Phật hiền từ trên bục cao, rồi thiếp đi thật lâu. Tỉnh dậy đèn trong trại đã đốt lên sáng choang...

Con tôi thấy tôi trở mình nhắc:

— Ba ơi, cô Hoàng ở trại hai về hồi nãy giờ mà sao má chưa về?

Tôi biểu con nhỏ ra ngóng ở đầu dãy coi má nó về chưa. Con nhỏ chạy đi tôi mới thấy mình là lạ. Từ đó về đây vài bước chớ mấy, tại sao phải ra đó ngóng trông? Tại sao tôi buồn hắt hiu từ lúc nó đi tới giờ chớ? Nó phải lên văn phòng giúp xếp lại thuốc men chứ có gì đâu? Thằng "Cọp" ghê lắm nhưng nó làm được gì. Ở đấy còn mấy đứa nữa, đâu có dễ! Miệng thiên hạ độc, hơi nào nghe. Ở trại chứ đâu phải trên biển nữa, trừ khi phải quyến rũ bằng tiền bạc. Cái lưng to bản, rắn chắc hằn vào lớp áo sơ mi của thằng Cọp khiến tôi nhớ lại mình đang bệnh hoạn, ốm yếu, sinh lực bị vắt cạn, thời gian chưa bù lại được.

Tôi liếc mắt xuống chỗ ông lò, nơi đó để con dao dùng trong việc bếp núc.

Hai mẹ con tụi nó tíu tít, tay choàng hông nhau đi vào. Người đàn bà ngó tôi có chút bối rối, bẽn lẽn. Một mớ tóc hoang dại trên đầu như vừa trải qua một trận phong ba. Đứa con tôi nhìn thấy gì đó không biết và vẻ sợ hãi lộ trên gương mặt. Nó đứng im, mặt tái xanh ngó cha rồi ngó mẹ.

Tôi mỉm cười thân thiện hỏi em đi đâu mà không cần nghe người đàn bà trả lời vừa tìm trong trí những lý do nầy nọ. Tôi biết mình thua cuộc, bỏ ý định trừng phạt người đàn bà đó. Không thua ai hết, không thua đời, không thua xã hội mà thua tương lai của con tôi, thể hiện qua cặp mắt của nó một giây trước.

*Nguyễn văn Sâm*

## THÔNG BÁO CỦA UCI LIBRARY VIETNAM/SOUTHEAST ASIA ARCHIVE

Sau một thời gian chuẩn vị, Trung tâm văn khố Việt Nam và Đông Nam Á nay đặt cơ sở thường trực tại lầu 3 của Thư viện Đại học UCI.

Tất cả sách báo tài liệu về Việt Nam nay được lưu trữ tại cơ sở này. Đại học UCI đã đặt mua 40 luận án liên quan tới Việt Nam và Đông Nam Á, và hơn một nửa số này Trung tâm văn khố đã nhận được. Nhiều sách báo Việt ngữ cũng đã được những cơ quan xuất bản, học viện, đoàn thể, tác giả trực tiếp gửi tặng Trung tâm.

Trung tâm Văn khố Việt Nam và Đông Nam Á trân trọng kính xin cộng đồng người Việt hợp tác chặt chẽ với Trung tâm, bằng cách gửi về cho chúng tôi các tài liệu, sách báo liên quan tới Việt Nam để chúng tôi phân loại, phiên dịch và lưu trữ. Mong ước của Đại học UCI là Trung tâm Văn khố VN/ĐNA sẽ là một nguồn tài liệu dồi dào, đầy đủ nhất cho các học giả, văn nghệ sĩ khắp nơi tham khảo.

Trung tâm Văn khố cũng sẽ thông báo hằng tháng diễn tiến hoạt động của Trung tâm.

Mọi liên lạc về Trung tâm Văn khố VN/ĐNA, xin liên lạc với:

***Anna Frank***
***UCI Library Vietnam/Southeast Asia Archive***
***The University Library***
***PO Box 19557***
***Irvine, California, 92713***

*Diệu Tần*

## *Thư ngỏ gửi nhà văn Nhật Tiến*

Sau khi đọc lại truyện ngắn "*Những sự thực cần được nói ra*" của anh, anh cho được xưng hô thế cho tiện việc và thân hơn — trong số tết Mậu Thìn — tôi xin được viết lá thư này gửi anh như một lời thăm hỏi và làm quen. Lá thư này, tôi nói với anh Nguyễn Mộng Giác, xem như thay cho bài Tết thường lệ của tôi mà anh Giác nhắc cho số Tết Kỷ Tỵ Văn học, đồng thời là một tiếng nói thứ nhì sau tiếng nói thứ nhất của anh.

Đúng ra, tôi đã gặp anh vài lần, dạo chúng ta và các bạn khác trong ngành gọi là chiến tranh lòng người, ở bên nhà. Qua đây, đất rộng người thưa ở cùng một bang tôi vẫn chưa có duyên gặp anh. Truyện ngắn ghi trên của anh đã gây một sự hiểu lầm trong giới cầm bút và trong độc giả, không thuận lợi cho con đường anh đang theo đuổi. Tôi nghĩ viết những dòng này để chúng ta tâm sự, tôi thực sự tôn trọng quý mến và muốn được đối thoại với anh trong tình anh em cầm bút hải ngoại. Viết gửi anh không ngoài ý muốn để độc giả đừng hiểu lầm thành tâm thiện ý của anh, mong duy trì được sự tươi sáng trong văn nghiệp mà anh đã gây dựng trong quá khứ. Chúng ta thử xét lại, xem độc giả khó tính, chật hẹp hay chính chúng ta đã có những nhận thức và quan điểm lập trường mà giới trẻ cho là lẩm cẩm, hoặc những người khó tính khác cho là khó hiểu, thiếu dứt khoát.

Công bằng mà nhận xét, những truyện ngắn của anh sau này hầu như không có cốt truyện. Anh đã thoát ra khuôn sáo thông lệ để dựng được những truyện có chủ đề. Tuy anh chưa viết đến loại luận đề, nhưng độc giả mến văn tài anh, từ năm 1984 đã thấy anh chuyển

hướng. Đúng như anh đã nói trong số báo Ngày nay 169, anh đã có những nhận thức mới về sáng tác, nhận thức đã đổi và quan điểm sáng tác cũng đã thay đổi. Anh không còn bằng lòng những tác phẩm cũ, những tác phẩm đã đưa anh lên một chỗ ngồi có trải chiếu cạp điều, anh đã được trao tặng giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật vì chúng. Anh nói, trước đây anh chỉ mới đưa ra, mới trình bày một xã hội thôi. Giờ đây anh thao thức, nghiền ngẫm để theo một một quan niệm mới là *cải tiến* * làm cho tốt hơn cái xã hội ấy. Tôi nghĩ đó là một tất nhiên trong quá trình viết lách của cả cuộc đời một người cầm bút, rất đáng hoan nghênh.

Trong khi có những nhà văn, nhà thơ chúng ta ở ngoài nước không thích nhận trách nhiệm, không muốn loại văn nghệ nhân sinh văn nghệ dấn thân, thì anh và có tôi ủng hộ anh, chúng ta muốn có một loại văn nghệ muốn làm cho xã hội tốt đẹp hơn. Trong khi một số văn nghệ sĩ chúng ta không thay đổi nhận thức, thay đổi quan niệm sáng tác như Doãn Quốc Sỹ ở trong tù bên nhà, ở nước ngoài có Tạ Tỵ, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn ngọc Ngạn, Hà thúc Sinh không có nhận thức và quan niệm sáng tác mới nhưng đều có tính cách chống cộng sản mạnh mẽ, thì anh lại có quan niệm mới, chống cộng một cách sâu sắc, trúng khía. Đó là điều hay, ở nước người, trăm hoa đua nở, càng có nhiều cách viết chống cộng khác nhau, càng quý.

Qua truyện *Cánh Cửa* và các truyện ngắn khác, NSTCĐNR cũng chỉ là những cái khung, cái cớ để anh móc vào đó những tư tưởng quan niệm mới của anh. Nhân vật của anh là nhân vật điển hình. Truyện của anh vẫn đôn hậu, tỉ tê, hiền lành, không cần nhiều tình tiết ly kỳ mà muốn đi sâu vào tâm lý con người.

Viết theo cung cách như anh bây giờ,dường như đã có Doãn Quốc Sỹ đã viết và đã thành công, ví dụ gần trước 75 nhất, quyển Sầu Mây. Họ Doãn có thiện tâm đã rung động và với bút pháp hơi cổ điển, với lý luận sắc bén đã thuyết phục người đọc. Đọc truyện của Doãn quốc Sỹ, chúng ta không đoán được kết cuộc, không có cảm tưởng bị quảng cáo tuyên truyền. Phải nhận rằng lối viết lồng quan điểm lập trường vào rất khó thành công, kiểu "người người thi đua, ngành ngành thi đua" và khóc "Ối ông Xít ta lin". Chưởng phong của họ Doãn thực bậc thượng thừa, toàn là chiêu "cách không", nhưng đối phương bị thấm đòn.

Điều gì khiến chúng ta viết cứ bị rơi vào cái khô khan, nhàm chán đó? Đó là nội dung tư tưởng. Tư tưởng, quan điểm chính trị nhiều khi đã đè bẹp kỹ thuật, làm hại đến văn tài sẵn có. Chúng ta thường đã để trí óc bắt nạt con tim nhiều quá.

Một số sự kiện, chi tiết truyện của anh, có lẽ vì quá chú trọng đến quan điểm, anh đã có những sơ hở tuy nhỏ, nhưng theo thiển ý rất quan trọng. Từ đó, đã dẫn đến những tâm lý nhân vật - theo độc giả -

có phần gượng ép, sai lạc, không gánh nổi trong trách phải chuyên chở thông điệp. Độc giả cho rằng anh đã gán ghép cho ông Vinh, một người vắng mặt trên sân khấu nhưng lại là vai chính, là một điển hình xấu, cố chấp, *một chiều, thanh kiếm*. Đó là một cựu viên chức hay cựu quân nhân miền Nam đã có một hành động rất ác độc, dã man, cả về tinh thần lẫn vật chất với vợ con còn kẹt lại bên nhà. Nguyên do cũng chỉ vì cô Vân, con gái lớn ông Vinh đã dám viết thư kể tất cả sự thực ở gia đình và xã hội bên nhà cho bố biết, kể cả dám gửi ảnh thằng Vũ, con trai ông Vinh. Đó là những điều không nên nói ra cho một ông bố quá thù cựu, chống cộng quá khích ở bên Mỹ biết. Bà vợ ông, bà Tâm đã dám làm thư ký công đoàn trong một hợp tác xã, con gái ông đã dám làm cô giáo lại cả gan có chồng trong ban văn nghệ nghiệp dư, con trai út lại dám là một "cháu ngoan bác Hồ" được quàng khăn đỏ. Chỉ vì thế mà ông Vinh giận. Ông giận đến nỗi tàn nhẫn đã sáu tháng rồi, không thèm có một lá thư thăm hỏi, không tiếp tục gửi quà cho vợ con đang cơn túng quẫn, để đến nỗi bà vợ suýt nữa phải vay nợ thêm một lần nữa.

Riêng tôi, tôi hiểu anh muốn có một điển hình xấu, bố của Vân một bên, để cân xứng với một ông bố của Hoàn, bí thư đoàn thanh niên, một tay cộng sản cấp cao trong một tỉnh đạo, chỉ biết căm thù và bạo lực, ở bên kia đầu cầu. Cả hai ông bố thuộc loại cũ, lỗi thời. Khổ một nỗi, đa số độc giả không đồng ý với anh khi anh dựng một điển hình quá xấu bên Quốc gia, bên Cộng hoà. Họ nói rằng trong chế độ cũ, có những nhà cầm quyền dở, chính trị gia kém, tướng bẩn, sỹ quan dốt, nhưng cũng vẫn có nhà cầm quyền tốt, chính trị gia tài, tướng sạch, sỹ quan giỏi chứ!

Họ cho là anh đã bất công, đã chê người phía mình, không chê phía địch. Trong các truyện ngắn, trong diễn văn, trong bài phỏng vấn, anh luôn luôn nêu lên cái phi nhân, cái thành kiến, cái ngu dốt của phía quốc gia. Ví dụ trong chuyện "Cánh Cửa" anh đã dựng một cựu sỹ quan pháo binh và là một tù cải tạo, tên là là Trường, có một nhãn quan hẹp hòi, ấu trĩ, ngu dốt. *Ông Trường chỉ biết rằng nước Việt nam có lãnh thổ từ vĩ tuyến 17 mở vào thôi, và nếu có kháng chiến phục quốc, chỉ cần đòi lại phần đất cũ đó mà thôi* (*).

Độc giả nói anh đã dựng một ông Vinh điển hình không đúng tâm lý. Không có một người đàn ông Việt nam nào ở nước ngoài lại nỡ đối xử tệ bạc với vợ con đến thế. Giả sử bà vợ có bỏ ông, bỏ hai con để lấy cán bộ, ông Vinh sẽ giận vợ nhưng ông vẫn phải viết thư và phải tiếp tế cho hai đứa con. Dường như không có một người đàn ông Việt nam nào "độc thân bắt buộc" sống trên xứ người, có vợ con bên nhà lại nhẫn tâm như nhân vật Vinh. Độc giả nói nguyên do anh đưa ra khiến ông Vinh giận vợ con nằm trong ý thức hệ. Trên thực tế, họ bảo: Đến năm 88, nếu có vợ làm thư ký công đoàn, con làm cô giáo được quàng

khăn đỏ, cũng chẳng có gì trầm trọng, chẳng có gì ghê gớm. Điều đó ai cũng biết, chẳng có gì lạ. Cũng chẳng cần phải giấu và ông Vinh cũng chẳng có gì phải nổi giận. Sống trong chế độ cộng sản ai cũng phải sống, ông Vinh chắc thông cảm và không giận vợ con đâu. Độc giả bảo nhân vật Vinh là một điển hình không thực, không thể có ở cộng đồng người Việt. Ông đã giết vợ giết con không gươm không giáo. Như vậy cô Vân không gây ra *thảm họa gia đình* và ông Vinh không cho đó là *tội lỗi tầy trời* đâu.

Ngược lại, về phía người anh em bên kia, thì điển hình xấu có thật, có rất nhiều, ai cũng thấy cũng nghe. Có một anh cựu đại tá tù cải tạo Hóc môn, bố anh là tướng miền Bắc, tướng S.H. Anh viết một lá thưa ra hỏi thăm bố, đại ý nói lên tình cảm cha con và nhắc khéo là anh vẫn học tập tốt, lao động giỏi, có hy vọng ông bố sẽ móc anh ra khỏi trại cải tạo sớm sớm. Ít lâu sau anh đưa cho bọn tù, trong đó có tôi, xem lá thư được ông tướng ngoài Bắc gửi trả lại với mấy chữ phê bên cạnh: "Đã xem". Không bao giờ anh nhận được lá thư nào khác của bố, cũng như anh không thèm viết lá thư nào khác nữa. Dĩ nhiên, anh vẫn được ở trong tù như mọi người. Chắc anh thừa hiểu lý do tại sao người bố không dám cứu người con ra khỏi trại, phải không anh Nhật Tiến? Đấy là tình phụ tử chỉ có trong xã hội cộng sản. Và có thật. Chứ không hư cấu, không bịa đặt.

Thưa anh, đi sâu vào câu chuyện, anh đã cho Vân, một cô gái lớn lên trong đói rét, khổ nhục, nghi kỵ, một xã hội đang băng hoại cả về đạo đức lẫn kinh tế, đã có những hành động thiếu suy xét, tế nhị với bố. Nếu cô đã biết bố cô là người như thế nào, cô phải chín chắn, khéo léo hơn khi kể chuyện thực cho bố nghe, nếu đúng chuyện đó có hại cho gia đình. Tôi được tiếp xúc với vài thanh thiếu niên VN mới ra được ngoại quốc, trên phương diện nào đó, đã trưởng thành, đã khôn lớn ra nhiều lắm. Họ bị những ngọn roi của chế độ, của chính sách quất cho tơi bời nên họ biết né tránh, biết im lặng, biết cười trừ. Họ khôn lớn hơn những lớp cùng tuổi sinh ra ở ngoại quốc hay sống ở ngoại quốc từ nhỏ. Chi tiết này, độc giả cũng cho là người viết đã không nắm vững tâm lý thanh niên bên nhà.

Bà Tâm, vợ ông Vinh cũng đánh giá chồng quá thấp, đáng lẽ sống với chồng ngót hai chục năm, bà phải hiểu chồng hơn ai hết. Anh cho bà Tâm nhận xét về chồng "*Ông ấy không thể hiểu được nguồn cơn của những người bên này*". Như vậy thì ông Vinh, một người chống cộng kịch liệt, ngây thơ và vô tâm quá. Ai ở nước ngoài còn thân nhân ruột thịt bên nhà, nếu không hiểu rõ hết được nguồn cơn, ít nhất cũng hiểu được một nửa sự thực bên nhà. Qua báo chí ngoại quốc, báo Việt ngữ, qua vô tuyến truyền hình, qua đồng bào mới được định cư, ông Vinh phải hiểu tình hình bên nhà chứ!

Cô con gái còn đánh giá ông bố — điển hình cho miền Nam, cho

chế độ Cộng hòa ... tệ hại hơn nữa. Cô nói: *Con biết rằng ba đi từ năm 75 nên trong đầu óc ba, bất cứ cái gì dính dáng đến chế độ cộng sản là hủi, con là hủi, thằng Vũ là hủi.* Người cựu công chức, cán bộ, quân nhân Việt nam cộng hòa như anh và tôi không đến nỗi nặng thành kiến, một chiều thế đâu, phải không anh? Đúng ra có một vài thứ, chế độ Cộng Sản không là hủi, ngược lại rất lành lặn, rất thơm tho. Chẳng hạn như khi làm từ điển Việt ... Anh, Anh ... Việt thì cái gọi là ủy ban khoa học xã hội, viện ngôn ngữ học nhà nước ta, các đồng chí biên soạn cứ việc bê nguyên tổng hợp các từ điển đã in ở miền Nam thêm bớt, và nhét vào một số ví dụ tuyên truyền cho đảng, là xong một công trình văn hóa. Chẳng hạn như phong trào bình dân học vụ và sau 75, chiến dịch diệt giặc dốt phản động rầm rộ chỉ có bề mặt, chỉ nhằm mục đích cao đẹp là buộc dân phải biết chữ chỉ để biết cách đi bỏ phiếu và đủ để đọc thông cáo nhà nước. Chẳng hạn như cộng sản sợ mang tiếng vong bản, đã biết lấy lòng nhân tài ở nước ngoài, như đã tổ chức nguyên một ngày hội làng Láng, hát quan họ cho nhạc sĩ Trần văn Khê thu thanh, thu hình, huy động cả làng bỏ luôn một ngày lao động sản xuất để phục vụ công tác biểu diễn văn hóa này. Một người xa quê hương lâu năm như ông Khê sao không khỏi xúc động và cảm ơn nước ta hết lời, những lời khen đó là những lời tuyên truyền lợi hại.

Có nhiều thân nhân đồng bào ngoài nước là sinh viên, cán bộ khoa học kỹ thuật phục vụ cộng sản, ngay cả là đảng viên nữa, đồng bào có coi họ là hủi đâu. Cô giáo, cậu bé quàng khăn đỏ và thư ký công đoàn thì quá nhẹ nhàng, không có gì phải hốt hoảng cả. Thiếu gì đảng viên cộng sản nhưng tâm hồn vẫn là người Việt. Chỉ vì "*tay đã nhúng chàm*" vẫn tâm sự, vẫn thức giục thân nhân bạn bè mau xuôi Nam (1954) hay mau xuống thuyền cho lẹ?

Một sơ hở khác, độc giả cho biết, khi anh cho Hoan, một bí thư chi đoàn thanh niên nhà trường, đã bị bỏ đuổi ra khỏi nhà vì phản động tư tưởng, mà vẫn giữ chức bí thư chi đoàn thanh niên cộng sản là sai thực tế. Hoan, con một cán bộ cao cấp miền Bắc, bạn trai của Vân. Có lẽ anh Nhật Tiến quên rằng nguyên tắc sinh hoạt đoàn và đảng đều có một hệ thống trong theo dõi. Khi một cậu thanh niên đã bị vết xấu trong hồ sơ, thanh niên đó sẽ không được sinh hoạt đoàn nữa, đừng nói gì được chọn làm bí thư chi đoàn. Ông bố cán bộ lãnh đạo sẽ không chậm trễ gì để gửi thành tích xấu của cậu con phản động cho hệ thống đoàn.

Anh đã tạo ra một thế hệ già lẫn trẻ, *chỉ biết căm thù và bạo lực* để rồi anh tạo ra một thế hệ trẻ không cần căm thù và bạo lực. Đó là thực tế, theo đúng tiến trình xã hội. Nhưng độc giả không đồng ý với anh đã dựng một diễn tiến phát quốc gia quá xấu. Nếu giả thử ông Vinh là một nhân vật chính phủ, một sĩ quan phải căm thù và dùng bạo lực vào thời từ 55 đến 75 để chống cầm thù bạo lực cộng sản, có phải là một tội không?

*Văn Học số 39, 32, 187*

Nếu ông Vinh không biết căm thù cộng sản và dùng chiến tranh chống cộng sản thì có lẽ miền Nam đã kéo cờ trắng từ những năm 60 kia. Ngược lại, chủ nghĩa cộng sản lấy căm thù và bạo lực làm nền tảng. Nếu không biết gây mâu thuẫn, tạo căm hờn, nếu không biết dùng võ lực áp đảo, không biết dùng sức mạnh vô sản chuyên chính thì không còn là cộng sản nữa. Không có cơ sở căm thù và bạo lực thì cái búa là cái búa bằng bông, cái liềm là liềm bằng giấy.

Phía bên này đầu cân, điển hình xấu, ông Vinh, chỉ là trường hợp cá nhân, không thể để đồng cái xấu, *cái phi nhân* cho cả một nền cộng hòa, cho cả một thực tế quốc gia được. Hơn nữa, điển hình xấu đó, hết thời rồi, ngã ngựa rồi, sẽ dần dần bị triệt tiêu. Nếu có thực một ông Vinh xấu định xuất hiện cũng sẽ không được đồng bào trong ngoài nước ủng hộ. Chỉ khổ một nỗi, giới trẻ từ 20 đến 30 ở ngoại quốc sẽ hiểu sai lớp tuổi 50 - 60 trở lên là những kẻ già nua cực kỳ ngu dốt gian ác, nếu họ tin những chi tiết trong NSTCĐNR là đúng.

Độc giả kỹ tính hơn chút nữa, họ thắc mắc về từ "cải tiến" xã hội của anh. Cải tiến, cải cách, cải lương, khiến độc giả liên tưởng đến chủ trương "đổi mới" hiện đang được áp dụng bên nhà. Cũng không ngăn được độc giả nghĩ đến chủ trương Glanost, Perestroika của Nga hiện nay. Liên tưởng vậy thì hại cho anh, anh bị hiểu sai nhiều quá, nhưng cũng khó ngăn được nhận xét của họ.

Độc giả cũng muốn xác định với anh là các cộng đồng người Việt ở nước ngoài không *chế riễu, mỉa mai trách móc sự nghèo đói ngu dốt, sự tham lam, sự nhỏ mọn trong đời sống* đâu. Họ lại càng không ngu đần gì đi coi nhân dân bên nhà *là thù địch mà ta cần cổ võ để tiêu diệt* đâu.

Thưa anh, chê trách sỉ vả, những điển hình xấu của chế độ cộng hòa cũ là việc nên làm trước 75, ở bên nhà. Còn bây giờ, những năm cuối của thập niên 80, sắp sang 90, hình như là thừa.

Độc giả, anh và tôi phải nhìn đi nhìn lại để tìm đích danh thủ phạm đang làm cho uy thế tổ quốc Việt nam xuống thấp, đang làm cho nhân dân đói khổ lầm than, đang làm cho đất nước bị cô lập, điêu tàn. Mười ba năm trải dài, lỗi đó chắc không thể để mãi lên đầu một số ông Vinh xấu phi nhân được nữa. Chúng ta khẳng định rằng trách nhiệm phải là những lãnh đạo đảng viên cộng sản VN và nhà nước hiện nay. Họ không phải là tất cả đảng viên cộng sản, lại càng không phải là toàn thể dân tộc Việt nam.

Nói về cái xã hội Việt nam hiện nay trong truyện có đoạn văn đã gây hiểu lầm sâu sắc và đã bị đả kích dữ dội: *Ba con muốn được nghe tin tức về những đứa con sống bình thường, lương thiện hay là chỉ muốn nghe thấy tin tức chúng nó* (Vân và Vũ) *vì chống đối nhà trường, xã hội mà phải lang thang vất vưởng đầu đường xó chợ? Có lẽ sự chống đối sẽ làm cho ông ấy* (ông Vinh) *vui lòng, nhưng ông ấy lại không muốn các con mình phải tư tưởng hay lê la ở bên lề xã hội ...*

thì dường như xa đất nước tám, chín năm anh đã chia hiểu rõ xã hội bên đó ra sao. Nếu anh hiểu rõ hơn chắc anh sẽ không viết những dòng trên. Nếu quả thật các ông Vinh nối tiếp ý chí chống cộng sản mà bị tù đầy thì ông phải tự hào, ông phải chấp nhận chứ. Ông Vinh sẽ không có *mâu thuẫn kỳ dị* như con gái ông nghĩ đâu.

Xin nhắc lại, viết truyện ngắn, truyện dài có chủ đề khá phức tạp. Phải tối thiểu nắm được những sự kiện, những chi tiết thực tại xã hội muốn diễn tả, muốn cải tiến. Xã hội Việt nam hiện nay lại càng có nhiều biến đổi, rối rắm, phức tạp. Chính anh công nhận không còn viết được cho thiếu nhi nữa, cũng nhận là viết về Việt nam hơi khó vì đã rời đất nước ngót chục năm. Điều đó là một trở ngại chung cho những người viết ở bên ngoài nước. Anh cũng đã nhắc đến một khủng hoảng sáng tác. Có những thời gian nhà văn nhà thơ cảm thấy trống rỗng, không biết viết gì, ngồi trước tờ giấy trắng hàng giờ mà không nặn ra được một chữ. Chúng ta trăn trở, tìm kiếm. Suy tư để tìm một hướng đi mỗi một quan điểm sáng tác mới. Đột biến đó rất cần thiết cho quá trình sáng tác.

Dường như anh đã cố gắng nhiều quá để có được một quan điểm viết mới, một khám phá tìm tòi phi thường, rất đáng quý. Tuy nhiên, nếu độc giả, người tiếp thu, người thưởng ngoạn đa số lại không hiểu chúng ta, hoặc hiểu sai tư tưởng chúng ta thì lỗi ở họ vì họ chậm, thiếu hướng dẫn và cũng lỗi ở người viết, người gửi thông điệp. Thông điệp của chúng ta cao quá, khó hiểu quá, thiếu minh bạch, chính xác cũng khiến người nhận hoang mang, lúng túng. Nếu người tiếp thu không hiểu ta lại là số đông thì ta nên xem xét lại. Hoặc là phải hạ thấp trình độ truyền đạt hoặc xét lại khả năng, kỹ năng truyền đạt của ta, chẳng hạn.

Chúng ta không muốn làm *mõ chợ,* hay *chỉ biết nhởn nhơ quay về tiếc nuối một quá khứ tưởng là vàng son,* cũng như đa số nhà văn nhà thơ chúng ta ở bên ngoài nước không chỉ *thích những sinh hoạt dễ dãi, những đề tài sáng tạo có tác dụng ru ngủ chính mình trong một cái nôi vị kỷ, chật hẹp* ... tránh không đụng chạm *cực đoan chính trị hay những cơn nung nấu hận thù.* Có nhiều người trong chúng ta cũng *can đảm* lắm chứ. Họ không khiếp nhược, chưa chịu coi trận chiến đã chấm dứt.

Tôi nghĩ nhởn nhơ quay về tiếc nuối một quá khứ đẹp, những kỷ niệm vàng son — nếu không rõ rệt tính tuyên truyền — ở quê hương, thì cũng nên viết lắm chứ. Có hại gì đâu? Còn những ý kiến tiếp theo của anh thì tôi không rõ anh muốn ám chỉ đến ai những tác phẩm nào chỉ thích dễ dãi, những cây bút nào viết để ru ngủ chính mình, thích vị kỷ chật hẹp? Đi xa hơn, anh nhắc đến bức tường *cực đoan chính trị* hay *những cơn nung nấu hận thù,* thì thú thực, độc giả và tôi chưa hiểu anh định nói gì. Tưởng anh cũng nên giúp độc giả biết cụ thể hơn thế nào là cực đoan chính trị, thế nào là nung nấu hận thù? Ai cực

đoan, cực đoan với ai, ai nung nấu hận thù? hận thù ai? cực đoan và hận thù có lợi hay có hại? Cần phải duy trì hay hủy bỏ cực đoan, hận thù đó? Anh có nói đến *độc quyền, độc tôn, độc diễn.* Xin anh hé một chút cho biết những người nào như thế để độc giả bỏ rơi họ, không thèm đọc họ nữa.

Anh nói anh sẽ có *can đảm, sẵn sàng nhận lãnh những búa rìu có thể sẽ đến từ nhiều phía.* Anh Mai Thảo bảo anh là một nhà văn còn đứng ở ngoài nắng. Đó là một nhận xét khách quan, chưa hẳn đã là một lời khen tặng. Hơn nữa giá trị của một nhà văn là ở thực chất tác phẩm của người ấy, lời khen tặng là hương hoa văn nghệ thôi và nhiều khi còn mang vẻ lịch thiệp xã giao.

Thưa anh Nhật Tiến,

Có những người bạn văn chúng ta dường như không mắc vào những lỗi lầm anh nêu trên. Họ cũng chẳng có được nhận thức mới và có quan điểm sáng tác mới. Họ đã viết hay mới viết sau 75, nhưng họ không quen dùng những từ vĩ đại, to lớn. Họ vẫn tiếp tục viết, vẽ, làm thơ, họa hoằn lắm mới làm kịch, ca hát chống cộng như thường lệ. Dường như họ chỉ trau chuốt thêm văn tài, sửa đổi chút ít kỹ thuật, nhưng họ không hề thay đổi quan điểm sáng tác. Vậy mà họ vẫn thành công, họ vẫn *chống cộng sản sâu sắc và trúng khía,* đồng bào, độc giả vẫn yêu mến họ. Họ chẳng bao giờ phải đứng phơi ngoài nắng và không phải nơm nớp lo sợ búa rìu tưởng tượng từ nhiều phía chém tới.

Anh Nhật Tiến, được biết anh là một nhà văn có tâm huyết, muốn làm một điều gì tốt đẹp cho quê hương, anh còn là một nhà hướng đạo. Một lần nữa tôi biểu tỏ sự quý mến và tôn trọng anh. Tôi rất mong nhận được hồi âm của anh, trong tình thân giữa những người cầm bút và trong tinh thần xây dựng.

*Diệu Tần*

*(*)Ghi chú: những chữ in xiêng là nguyên văn của nhà văn Nhật Tiến*

*Trần Diệu Hằng*

## *Tháng bệnh của Bà Ngoại*

Đã hơn một năm, kể từ ngày tậu được Little American dream, Mẹ rất ít khi có thời giờ thăm Bà Ngoại, Bà vẫn ở với bác Quỳnh. Vừa là Mẹ, vừa "cố gắng" là Cha, vừa là công nhân đi mần tám tiếng, vừa là sinh viên già ngoắc còn lót tót trở lại ghế nhà trường, nên mẹ chẳng thể nào còn là con có hiếu.

Mẹ nghĩ về chuyện các ông bà già ở xứ Mỹ chui vào nursing home với một cảm giác thấm thía ngậm ngùi. Có một, hai, hay một chục đứa con quần quật chạy đua với đời sống như thế thì cha mẹ nào cũng phải đi vào viện dưỡng lão hết. Tệ hơn nữa là Bà Ngoại không thể nói bằng tay ở cái tuổi ngoài bẩy mươi đau ốm rề rề này.

Sau khi phục vụ, chăm sóc cho ông ngoại trong nhiều năm, Bà Ngoại đã như một thân cây hết nhựa, một tim dầu lụn tàn. Như vậy mà Mẹ chỉ đưa Bà đi bác sĩ đâu được một hai lần, và chưa hề tự tay nấu được cho Bà bát cháo. Thảng hoặc, nghĩ tới Bà, Mẹ thấy kiến cắn nhè nhẹ trong ruột, nhưng rồi chuyện nhà cửa, con cái, chuyện học, chuyện làm, chuyện đau khổ, sầu não, lo lắng bận rộn cái đời của Mẹ, của Chôm và của Bon vẫn cứ lôi phăng Mẹ đi. Đúng là nước mắt chảy xuôi, sông thì một giòng ra biển, có đâu lệ ngược về mắt mà biển trở ra sông?

Một cuối tuần, Mẹ gọi bác Quỳnh để hỏi Bà Ngoại có muốn xuống chơi một tuần. Mẹ tính đi mướn phim Tầu về cho Bà coi, tuổi của Bà thì không có món giải trí nào khác, nhưng vẫn thắc mắc không hiểu Mẹ có chỉ được cho Bà cách sử dụng video? Khi Mẹ đi làm, ai sẽ mở cho Bà xem? Chiều tối Mẹ trở về thì Bà đi ngủ sớm. Đó là chưa kể

Chôm và Bon la hét nghịch ngợm phá phách sự yên lặng cần thiết cho Bà, hoặc nheo nhéo đòi chiếm màn ảnh Ti-vi cho phim Công Chúa Ngủ Trong Rừng hoặc Chú Chó Plato hoặc Anh Vịt Donald gì đó.

Mẹ gọi vì muốn Bà hiểu rằng Mẹ vẫn nghĩ tới Bà, và vì kiến cắn cái lương tâm chậm chạp của Mẹ đã khá nhiều và hơi lâu.

Bà Ngoại trả lời Mẹ bằng một giọng vui mừng nhưng mệt mỏi. Bà nói có lẽ không đi được vì mỗi sáng Bà vẫn phải dậy để mở cửa cho Ông Tám tới săn sóc Ông Ngoại. Bác Quỳnh và đứa con gái đã rời nhà trước đó. Mẹ hỏi chẳng lẽ chuyện nhỏ như vậy mà Bà cũng phải bận tâm sao? Sự thật là Bà vẫn cứ muốn bận tâm và Mẹ chẳng làm gì được về điều đó cả.

Một tuần sau, Bác Quỳnh cho Mẹ biết Bà đã vào nhà thương.

Bà chỉ ở trong nhà thương có hai ngày. (Càng ngày phí tổn y tế càng lớn cho nên những nhà thương có khuynh hướng cho người bệnh về nhà ngay sau khi họ thấy có thể được. Y phí cho người bệnh cũng như những hàng hoá mắc tiền, nhịp độ ra vô phải nhịp nhàng mau chóng thì vấn đề lời lãi cuả nhà thương mới được đều đặn). Khi Mẹ có thể tìm được chỗ gửi Chôm và Bon thì Bà Ngoại đã về nhà.

Một cuộc bàn luận giữa Mẹ và các Bác đưa đến quyết định phải kiếm thêm một người chăm sóc Bà Ngoại. Dân Việt tỵ nạn chúng ta sống dính chùm nhau ở nơi này tuy xảy ra lắm chuyện không tốt nhưng một trong những chuyện rất tốt là vụ tìm người săn sóc các ông bà già tại nhà. Ông Bà không phải ú ớ nói chuyện bằng tay hoặc khóc thầm trong viện dưỡng lão mà Mẹ và các Bác thì cũng thoát tội bất hiếu.

Rồi kế tiếp là vấn đề tiền. Mướn một người mỗi ngày tới coi Bà thì phải trả người ta cho đáng công đi tới đi lui. Dùng hết tiền già của Bà chưa chắc đủ, lại còn khoản Bà muốn bớt lại để chắt chiu gởi về Việt Nam phụ nuôi đám cháu con Bác Phú? Tụi nó rục rịch vượt biên hoài chưa xong, tiền thì mất năm ba bận rồi.

Mẹ nẩy ra một ý kiến là góp tiền gửi Bon với tiền coi Bà lại thì Bà phải tốn ít mà con số lên khá bộn. Đem Bà Ngoại về ở Little American Dream, mướn một người trông cả hai bà cháu là chu toàn. Nhà của ba mẹ con lại ở ngay trung tâm của thủ đô tỵ nạn, việc mướn người dễ dàng hơn so với địa điểm nhà Bác Quỳnh.

Các Bác đều thở phào.

Mẹ cũng thở phào. Mẹ lãnh trách nhiệm rao vặt tìm người. Nhưng trên đường về Mẹ mới nghĩ tới những buổi tối và những cuối tuần. Hỡi ơi, những buổi tối chỉ có mình Mẹ với hai đứa, Mẹ đã thở không ra hơi vì đứa này đánh đứa kia, đứa nọ chê cơm đứa kia đòi nước, nay thêm Bà nữa thì Mẹ xoay sở ra sao?

Mẹ hơi sợ. Mẹ hơi lo. Nhưng nghĩ tới cái tim dầu sắp lụn Mẹ tự nhủ rằng tới đâu hay tới đó, dù thế nào thì ít nhất Mẹ cũng được nấu cho Bà vài bát cháo, mai sau ruột gan Mẹ đỡ bị kiến cắn tơi bời.

- Chữ gì đây Chôm?
- M...
- Em bé này tên gì?
- Mary.
- Giỏi quá. Lật trang tới con.
- S... Snake. Snake là con rắn đấy mẹ.
- Đánh vần chữ đó đi con. S. N. A. K. E.
- Mẹ...

Ngồi ở ghế bên cạnh, Bòn Bon không cảm thấy yên tâm vì cậu ta chẳng được tham dự gì vào trò chơi này cả. Bon trèo qua chui vào lòng mẹ.

- E. Elephant.
- Elephant tiếng Việt là gì con?
- Con voi.
- Giỏi qúa. Mẹ hoan hô Chôm.

Tới đây thì Bon sốt ruột quá rồi. Nhanh như chớp, nó thò tay kéo một cái rẹt quyển sách Chôm đang đọc. Chôm hét lên:

- Mẹ. Bon lấy sách của con.
- Bon, buông ra con. Mẹ lấy cho quyển khác.
- Á...á.
- Á...á.

Trật tự lớp học chỉ trong nháy mắt đã chấm dứt. Tôi lo gỡ tay Bon mà không làm rách cuốn sách. Thằng nhỏ đẹp trai và đáo để khóc ré lên giận dỗi.

Dường như có tiếng chuông leng keng. Đúng rồi. Chuông của Bà Ngoại đang lắc trong phòng. Tôi quơ mấy cuốn sách nhét vào chiếc cặp nhựa cất lên đầu tủ để phòng ngừa bàn tay phá hoại của Bon. Đến lượt Chôm phản đối, nó đang...hiếu học lắm.

- Mẹ. Con muốn sách. Sách của con.
- Cất đi. Tí nữã mẹ dạy tiếp.
- Thôi. Con không chịu đâu.

Khi tôi quay lưng đi thì nước mắt Chôm đã lăn dài từng giòng. Khóc là một chuyện cực kỳ dễ đối với nó.

Tôi bỏ mặc hai chị em "song ca", chạy vào phòng Bà Ngoại.

-Gì thế mẹ?

-Con xem đã tới tám giờ chưa, lấy cháo cho mẹ ăn.

-Vâng.

Cháo nấu với thịt và các thứ rau, xay nhỏ thành một thứ chất lỏng đặc sền sệt. Tôi múc từ hộp nhựa lớn đổ vào bát nhỏ, bỏ vào microwave. Tạ ơn cái máy xay và lò nấu bằng làn sóng điện, không có hai thứ này chắc việc săn sóc đồ ăn cuả Bà Ngoại lâu lắc hơn nhiều. Bon ngửa mặt lên trời khóc, trì kéo quần mẹ muốn tụt. Tôi ngậm miệng không nói gì hết, thoáng có cảm giác muốn hét nó vài tiếng, nhưng mà vô ích thôi.

Tít. Tít. Cái lò điện ngừng. Mở cửa lò. Lấy bát cháo ra. Tính bước đi mà không đặng vì Bon rị chặt một bên quần. Để bát cháo xuống quầy bếp. Gỡ bàn tay nhỏ xíu ra. Nó khóc ngất như ai đánh. Cái thằng càng ngày càng giở thói bắt nạt mẹ. Mày tưởng mẹ chịu thua ư?

Không nói gì hết. Cầm bát cháo lên, đi qua hành lang phòng ngủ.

Tại sao mẹ lại choàng cái khăn tùm hụp trên đầu tối ngày vậy nhỉ? Khăn xục xịch, đầu tóc xốc xếch.

- Con cởi khăn ra cho mẹ nhé.

- Thôi. Mẹ lạnh.

Vén lại mớ tóc xoã xuống trán. Tóc mẹ bạc hết rồi. Cột lại gút thắt của chiếc khăn ở dưới cằm. Luồn tay xuống dưới cổ nhắc người ốm dậy. Chúng đau dạ dày làm hơi thở bà nặng mùi. Hơi hếch cái mũi lên phía trên chút xíu. Trời ạ, mới có thế đã ớn. Ngày xưa người ta còn nếm phân cha mẹ mà định bệnh thì sao? Kéo thêm hai chiếc gối đệm đằng sau lưng cho chắc. Đưa bát cháo cho bà cụ. Bon và Chôm đã theo vào tới cửa phòng. Dường như cảnh Bà Ngoại run rẩy trên giường có làm chúng nó "cảm động" chút đỉnh nên khóc nhỏ giọng lại. Bát nhựa chưá chừng năm bẩy thìa cháo mà tay bà lẩy bẩy cầm không vững.

- Thôi để con đút.

Bờ môi nhỏ hé ra đón nhận. Chút một. Chút một. Ngừng cho chỗ chất lỏng sền sệt trôi qua cuống họng người bệnh. Căn phòng ngập thứ ánh sáng vàng ệnh. Trên mặt tủ la liệt thuốc men, khăn mặt, xà bông, ly tách, bánh lạt không muối, dầu cù là con hổ, dụng cụ đo áp huyết. Màn kéo kín bưng. Không khí bệnh hoạn.

Đứa con gái chừng mười tuổi nằm trên giường, đôi mắt nhắm nghiền, hơi thở nhọc mệt đứt quãng. Người đàn bà trạc tứ tuần bới tóc, mặc chiếc áo bà ba trắng cổ tròn nghiêng mình xuống, gọi nhỏ:

- Dậy ăn tí cháo đi con.

- Á hụ?..Thôi...con không muốn.

- Ăn một chút cho có sức con ạ.

- Ghét cháo lắm.

- Thế con ăn phở vậy nhé.

Đứa con gái ra vẻ miễn cưỡng gật đầu. Khi bà mẹ quay lưng đi thì trên gương mặt mệt mỏi của nó thoáng một nụ cười mỉm tinh quái.

Xuân hạ thu đông hay nắng và mưa? Hoa Kỳ hay Việt Nam? Mái tôn nóng hầm vùng Khánh Hội hay Litle American Dream giữa thủ đô tỵ nạn quận Cam tiểu bang Ca- líp? Ngày tháng, không gian thay đổi, mở ra những thế giới nhỏ: mỗi phần đời cắt ra thành một lát thời gian. Những thế giới nhỏ hiện ra ngắt quãng như những đoạn phim rời trên màn ảnh, còn rồi mất, tới rồi lui, nhưng trên hết thảy, phải chăng TÌNH YÊU còn ở lại?

Này các con của ta, một ngày nào ta sẽ già yếu như Bà Ngoại, hơi thở ta rồi cũng hôi hám nặng mùi, lồng ngực ta rồi cũng thoi thóp như

buổi chiều tàn. Khi đó ta sẽ tha thứ cho N. cũng như N. sẽ tha thứ cho ta, ta sẽ tha thứ cho bà H., ông D., bà B., ông X., điều quan trọng hơn cả là ta sẽ tha thứ cho ta. Điều ấy nếu có được là nhờ TÌNH YÊU từ các con như sức nặng vận chuyển trái đất. Ta không cách chi sắp xếp lại những khoanh cuả ổ bánh mì đã cắt và bị làm lộn xộn tùm lum thứ tự, nhưng ta sẽ ẩn trong một lát bánh nhỏ, lát bánh có cánh tung mình bay vào vũ trụ, chịu trăm ngàn thử thách của những mũi tên THIỆN, ÁC, GIẢ, CHƠN. Ta chà xát lòng ta cho bật máu SỰ THẬT, ta đứng giữa biên giới của mọi điều mọi sự mọi gía trị hy vọng cuối đời sẽ QUÁN được sự việc. Hãy giúp ta trở thành Bà Ngoại của ngày mai và êm đềm đi vào lòng đất. Trời ơi ta sợ hãi biết bao những sự héo tàn!

Bữa ăn ngắn ngủi của bà Ngoại đã xong. Bà nhìn tôi bằng đôi mắt lờ đờ mệt mỏi, nhưng giọng của Bà tỉnh táo, Bà còn cố tỏ ra mình là một người minh mẫn biết được những điều bí ẩn:

- Này con. Con xem chừng, chớ có nghe chị Vui nói nhé, me nghĩ nó là Việt Cộng đấy.

- Việt Cộng à. Không đâu mẹ ơi. Mẹ lú lẫn nói mê rồi.

Bàn tay thô gầy cuả Bà Ngoại lần mò tìm những ngón tay tôi, nắm chặt lấy, giật giật, kéo kéo:

- Nó là Việt Cộng thật mà. Ban ngày con đi làm nó dẫn một ông Mỹ nào to lớn đen thui vào đây, chỉ trỏ khắp nơi trong nhà. Mẹ sợ quá đi mất mà không biết kêu ai. Mẹ sợ cả hai đứa cắt cổ mẹ.

Tôi khổ sở:

- Mẹ, mẹ làm sao vậy? Làm gì có Việt Cộng nào? Đó là chị Vui tụi con thuê tới trông mẹ đấy mà. Chị ấy tốt lắm. Mẹ đừng trách móc la mắng, chị ấy bỏ không làm thì kiếm người khác không dễ gì đâu.

Bà Ngoại quay đi giận dỗi:

- Cô không nghe tôi thì thôi.

Tôi ngẩn người khi nhớ ra một việc.

- A thôi con biết rồi. Đó là ông thợ sửa ống nước con gọi tới đó mà. Con có dặn chị Vui cho ống vào nhà chỉ chỗ ống nước bị rỉ.

Bà Ngoại im lặng, nhắm mắt.

- Thôi mẹ ngủ đi cho khoẻ. Đừng nghĩ ngợi lẩn thẩn nữa nhé.

Dấu hiệu cuả một chứng bệnh gì nữa đây? Bà Ngoại đau bao tử, đái đường, đau tim, yếu gan, nhức lưng, xương sống có một đoạn bị rập, nhưng chưa bao giờ lẫn. Vài tháng trước bà còn viết được thư cho Bác Phú ở Việt Nam, dù viết với đôi tay run, đầu cúi sát xuống trang giấy và cặp mắt cố nheo nhíu chống lại sức tàn phá của thời gian.

Tại sao bà cho "Việt Cộng" Vui và "ông Mỹ to lớn" đi chung một cặp? Coi bộ Bà "tiên đoán" thời sự hơi sớm! Hay đó là những mối ám ảnh trong tiềm thức, những viễn ảnh thấp thoáng cuả thần chết?

Đang ngủ thì choàng tỉnh. Dường như có cái gì không ổn đã xảy ra. Bòn Bon nằm bên cạnh chổng mông lên trời lấn mẹ ra sát mép giường

thiếu điều muốn rớt. Chôm Chôm ngủ ngon lành ở giường bên kia. Trở dậy đi qua phòng Bà Ngoại. Trong ánh đỏ quạch của chiếc đèn đêm thấy chăn mền lộn xộn nhưng giường trống trơn. Dụi mắt. Nghe tiếng lịch kịch nhỏ ngoài phòng khách. Bà Ngoại nằm úp xấp, đang cựa quậy trên chiếc "ghế túi vải", một bàn tay cầm cây ba-toong dấm dúi quơ quào.

- Trời ơi sao nửa đêm mẹ dậy đi đâu cho ngã vậy.

Vực Bà dậy không dễ. Bà càng cố gắng trợ giúp người đỡ thì càng như kéo trì cả hai xuống đất. Tỉnh hẳn ngủ vì sợ hãi. Bà Ngoại thầm thì bên tai:

- Tôi đang ngủ thì nghe thấy tiếng súng. Không biết là Tây ruồng hay Việt Cộng về.

- Khổ quá. Làm gì có tiếng súng nào đâu mẹ.

- Rõ ràng là súng ở ngay nhà bên cạnh mà lại.

- Mẹ cầm cây ba- toong chống bên kia đi, con đỡ bên này. Rồi. Cố đứng dậy nhen.

Bậm môi lấy gân kéo lên. Xong. Thở hào hển. Cánh tay Bà Ngoại quàng chặt cần cổ.

- Mẹ có sao không? Có đau chỗ nào không?

- Không. Tôi đi xem cửa ngõ đã đóng chưa.

- Đóng hết rồi. Con đóng từ tối cơ mà.

- Cửa kia chưa khoá kìa. Cô trẻ còn chạy được. Tôi già yếu làm sao chống đỡ?

- Trời ơi. Thôi đi ngủ mẹ ơi. Mai con phải đi làm sớm lắm.

Bòn Bon tỉnh dậy khóc ré.

- Mẹ. Mẹ.

Cây ba- toong khua lịch kịch. Một người già bước rất chậm. Một đứa nhỏ khóc ré. Rồi thêm một đứa lớn hơn thức giấc khóc òa. Người đàn bà Mẹ của các Con và Con của Bà Ngoại cũng khóc, nhưng lệ không chảy thành dòng.

Đêm yên tĩnh trở lại. Mối sợ hãi của người già đã chìm vào giấc ngủ. Trận chiến của Mẹ bắt đầu. Niềm Cô Đơn vừa cất tiếng rên rỉ thì Sự Tự Hào hét lên quát mắng. Nỗi Ăn Năn vừa muốn cất lời thì Niềm Phẫn Nộ ào tới lấp che. Những Yêu Thương vừa muốn hát khúc ca hàn gắn. Sự Khinh Bạc đã cười dài ngạo mạn. Con đường Vắng Ngắt đôi hàng cây trơ trọi đẹp ghê hồn. Con đường Êm Đềm hoa cỏ hiền hòa cũng mỉm cười nhắc nhở. Sống Thản Nhiên tính chuyện làm tiền mua nhà mua xe tính chuyện nghỉ hè coi bộ khoẻ, không nuối tiếc dĩ vãng, không bi quan ngày mai. Nhưng cái Tâm về đâu? Về đâu?

Bà Ngoại là một thứ cây không sanh thêm cành non an phận chết trên miền đất mới. Mẹ là một thứ cây nửa mùa, thân dưới nẩy thêm hai cành mới tinh nhưng ngọn trên thì ngưng sống, hay Mẹ là một kẻ lữ hành đi băng ngang nhiều thế giới nhanh chóng đến độ con mắt suốt đời mở lớn ngạc nhiên? Mẹ là người Á hay Âu? Là người đàn bà

yếu mềm cần một vòng tay che chở hay là tượng đá đanh mặt sống quên đau? Mẹ là người phụ nữ rắc rối của thời đại mệt nhọc hay người đàn bà bình thường sống nép trong khuôn cửa gia đình? Mẹ tiết hạnh khả phong của nghìn năm cũ hay Mẹ vững vàng tự do cách mạng, lướt trên đường đời sống không cần xã hội, sống cho Người Đàn Bà của thế kỷ hai mươi mốt viết hoa? Mẹ là tâm hồn khoáng đạt phiêu du trong nghìn thế giới tư tưởng hay là kẻ an phận chỉ cảm thấy yên tâm đi lại trong căn bếp quèn? Mẹ là người lẩn thẩn mộng mơ hay kẻ dẫn dắt đương đầu với thực tế hàng ngày? Mẹ hèn nhát xấu xa hay tốt lành cao thượng? Mẹ phản bội hay bị gạt lừa? Mẹ yêu thương hay ích kỷ? Mẹ là Việt Nam tha hương hay Mỹ da vàng vui vẻ? Mẹ tối ngày mơ phục quốc hay cúi đầu chấp nhận nơi này làm quê hương?

Mẹ là AI?

Câu hỏi của thời đại Mẹ chúng ta là AI? Thế giới nào có thật?

Dường như tất cả đều có thật. Nhân gian là một hành lang đẹp, hai bên lộng gương. Ở mỗi một ngõ quặt người ta thấy hành lang rộng hơn vì nhiều gương, thêm bóng. Đâu phải bóng A không là ta mà bóng B là? Khi nào thấy mọi bóng đều là ta thì đạt tới một sự dễ chịu.

Người Cộng sản định nghĩa Một sự thật, vẽ ra Một thế giới. Này hỡi các con, Mẹ đã không nhận thế giới đó và Mẹ vẫn đang đi tìm thế giới của mình.

Bà Ngoại không có câu hỏi nữa. Chỉ còn lại những nỗi ám ảnh. Câu hỏi nào sẽ được đặt ra trong thời đại của Các Con?

*

* *

Ngày chủ nhật bắt đầu bằng cuốn phim hoạt họa Donald Duck đã coi chừng mấy chục lần. Ba mẹ con ngồi trên chiếc ghế sofa ở phòng khách. Mẹ ngồi giữa, Bon bên trái, Chôm bên phải. Thỉnh thoảng Chôm đưa ngón cái lên mút và bị Mẹ giật ra, khi Mẹ hỏi Con lên mấy tuổi? Chôm tự giác rút tay về, cười trừ.

Chôm đã ăn hết cereal trong chén màu đỏ. Chén màu xanh của Bon còn nguyên. Bao nhiêu lần Mẹ đưa chiếc muỗng nhỏ vào tận miệng mời mọc là bấy nhiêu lần Bon lắc đầu. Mẹ dọa bỏ đi, dọa đánh đòn, dỗ cho kẹo. Không ăn thua gì. Cái lắc đầu quay ngoắt, cái nhăn mặt, cái mỉm cười lếu láo của Bon khiến Mẹ không hài lòng chút nào.

- Bon. Con không ăn gì hết làm sao sống?

Cuối cùng thì Bon chỉ vào miệng:

- Bon đau.

- Đau làm sao? Há mồm mẹ xem.

Cái lưỡi nhỏ xíu đọng một lớp trắng bệt ngay giữa.

- Thôi chết. Con lại bị bệnh cũ rồi. Hai đứa ngồi xuống để mẹ đi lấy thuốc.

Tủ thuốc ở hành lang. Lấy hai que bông gòn quệt thuốc. Trở lại phòng khách.

- Bon ơi. Lại đây mẹ cho kẹo. Kẹo ở sau lưng mẹ nè.

- Kẹo hả?

Thằng nhỏ chạy vòng phía sau lưng, nhìn. Bà mẹ xoay người đấu que thuốc.

- Thôi.

- Kẹo thật mà. Lại đây.

Bế thằng nhỏ lên lòng, ẵm ngửa. Lấy đầu gối kẹp hai chân. Nó hiểu ngay sự gì sắp xảy ra. Hai cánh tay tới tấp đập lung tung. Cái lưng rướn cong, toàn thân dẫy dụa kịch liệt.

- Thôi. Thôi.

Cố nhét một tay của nó vào nách. Một tay luồn dưới cổ để giữ tay kia của thằng nhỏ. Giữ được tay ngoài tuột tay trong. Lính quýnh. Tấm thân bé xíu mà mạnh ghê hồn. Ghìm được nó còn chưa xong nói gì quệt thuốc vào lưỡi. Cố gắng một lúc thì cầm được que thuốc dí vô miệng. Bây giờ thì nó thôi, không dẫy nữa. Nằm tỉnh bơ. Đôi mắt hạt nhãn nhìn mẹ thách thức. Đôi môi hồng mím chặt bướng bỉnh. Vạch bờ môi ra thấy hai hàm răng chuột cắn chặt cứng. Điệu này trời gầm thì nó nhả. Hoặc một người giữ tay chân, một người bóp mũi? Không làm được việc này một mình. Thật chịu thua sao, bà mẹ vô dụng?

Dỗ dành thêm. Không kết quả.

- Mẹ. Bon nó sợ thuốc đấy mẹ ơi.

Một cố gắng sau cùng. Chưa thử đã biết không được.

- Chôm. Con giữ tay Bon được không?

- Ơ...được.

Đặt Bon xuống thảm.

- Một hai ba. Mẹ kẹp chân con giữ tay nghe chưa.

- Dạ.

Bình! Một cái chân xinh sút ra tặng bà chị quí một cú đạp nghe cái ịch. Chôm đầu hàng ngay, muốn mếu. Mẹ thở dài, đứng dậy. Còn nhỏ như thế mẹ và chị đã chịu thua.

Khi nào thì Bon trở thành một người đàn ông của gia đình này? Một người đàn ông mà Mẹ có thể tin cậy mà không sợ thất vọng, yêu dấu mà không phải coi thường?

Chín giờ rồi. Vẫn chưa nghe tiếng chuông leng keng của Bà Ngoại. Vứt que bông gòn tẩm thuốc ướt nhòe nước bọt, đi vào phòng ngủ phía trái của hành lang.

Bà ngủ há miệng, hơi thở khò khè phát ra từ cuống họng. Áo len và chăn dầy vẫn không che nổi thân thể đã tóp teo. Đứng bên giường nhìn, ngần ngừ muốn lay gọi lại thôi. Có lẽ đêm qua cơn đau nhức ở sống lưng lại hành Bà thiếu ngủ. Căn phòng ngột ngạt. Lấy xô đựng nước tiểu của Bà đem đi đổ. Rửa xô đem vào. Trả lại lại tấm nylon lót dưới ghế ngồi tiểu đã bị xô lệch. Tấm nylon ướt một khoảng, chắc là nước tiểu của Bà rơi rớt. Mùi khai nồng. Lau tấm nylon và rửa tay. Xịt khí thơm hoa hồng khắp phòng. Muốn kéo tấm màn che cửa

nhưng sợ Bà chói mắt thức giấc. Lúc không ngủ Bà cũng thích phòng tối nhỏ, kín bưng. Bà luôn sợ gió lùa, sợ lạnh.

Ở bên kia bức tường, hai con sóc đã ăn trộm hết những trái hạt dẻ ngon lành của vịt Donald. Vịt khám phá, rượt theo bắt ráo riết, sóc cũng dường vớ được khẩu cà nông nã pháo lại như mưa. Những trái pháo hạt dẻ. Những tràng cười rúc rích. Bốn con mắt trong, trong suốt.

Chín giờ ba mươi. Mười giờ. Mười giờ ba mươi. Mười một giờ. Bốn lần đi vào phòng bốn lần thấy Bà Ngoại vẫn ngủ há miệng. Lần thứ năm thì tôi lay gọi:

- Mẹ. Trưa quá rồi mẹ.

Bà Ngoại vẫn ngủ há miệng.

- Mẹ. Mẹ dậy ăn cháo mẹ ơi.

Bà Ngoại vẫn ngủ há miệng.

Tôi nắm hai cánh tay gầy đét lắc mạnh. Chỉ có vài tiếng ú ớ nhỏ từ cổ họng Bà Ngoại. Nhìn Bà thật kỹ, quan sát. Hơi thở vẫn đều, nhưng khò khè như người bị nghẹt.

Cù hai gan bàn chân. Có một chút phản ứng, hai hàng mi nhấp nháy nhưng người bệnh không thể trả lời, cũng không thể mở mắt. Lay nữa. Cù thêm. Lại một vài tiếng ú ớ vô nghĩa.

Tôi bắt đầu run. Mở ngăn kéo đựng thuốc tìm điện thoại của ông bác sĩ H. Không thấy. Lục thêm ngăn kéo dưới. Đây rồi. Tôi chụp ống nói bấm bẩy con số. Chuông reo năm lần mới có tiếng trả lời của người giữ việc liên lạc. Sẽ tìm bác sĩ. Chưa kịp để lại số phone đường dây bị cắt đứt thình lình.

Chôm lúp xúp chạy tới:

- Mẹ. Con muốn nói với bố.

Tôi hét :

- Đi ra chỗ khác mau.

- Mẹ, mẹ đừng hét con.

Hai chú sóc và anh vịt Donald bị bỏ quên. Đôi con mắt trong veo đỏ sọng liền lập tức, đôi hàng lệ lã chã, cái miệng nhỏ méo xệch.

- Con muốn bố, con muốn bố.

Có một cái gì tràn bờ khiến tôi điên lên.

- Không có bố nào ở đây hết. Chỉ có mẹ thôi, con biết chưa?

Chôm khóc thảm thiết. Tim đập phình phịch, Tôi quay mặt lại phía Chôm và quay số nhà bác Quỳnh. Reng reng. Không có ai trả lời. Quay số nhà bác Lãm. Reng reng. Reng hoài. Cả nhà đi biển hết rồi cô ơi.

Bon chạy tới kéo trì một bên quần.

- Mẹ. Mẹ. Bế con.

Tôi gỡ tay Bon ra, chạy vào phòng Bà lay gọi lần nữa.

- Mẹ. Mẹ. Tỉnh dậy đi mẹ.

Đưa tay khép miệng Bà Ngoại lại không được. Hàm cứng đơ. Tôi

giựt tóc mai Bà liên hồi. Tiếng khóc của Bon hòa với tiếng hét của tôi. Gò má tôi âm ấm.

Trời bên ngoài đã trưa rồi.

*
* *

Reng reng. Reng reng. Bỏ cái bát đang rửa xuống. Vặn nước cho trôi xà bông. Chùi vội tay vô chiếc khăn bông đỏ. Reng reng.

Ngàn đấy hả. Chị Kiểm đây. Vâng, ông bác sĩ H. nói mẹ sao? Hai cục bướu trong óc à. Trời đất ơi. Không mổ được. Mẹ già quá rồi chịu làm sao nổi. Mấy hôm nay tao với con Lãm thay phiên nhau chạy lên chạy xuống nhà thương mệt khờ người. Bây giờ mẹ tỉnh rồi, nhưng thỉnh thoảng vẫn nói năng lung tung. Mẹ cứ nằng nặc đuổi tao với con Lãm về, kẻo bị bệnh truyền nhiễm. Dặn tao phải ôm ví cho kỹ, nhìn trước nhìn sau kẻo bị giựt. Mẹ lúc hốt hoảng, lúc tỉnh táo. Kỳ lắm. Vào thăm được. Phòng số 122. Này, chẳng biết có phải vì hai cục bướu hay vì mẹ uống thuốc ngủ. Lục trong áo khoác của mẹ thấy mẹ viết nguệch ngoạc. Tôi đau ốm qúa chừng muốn ngủ luôn để khỏi phải phiền con cái. Mày có thấy mẹ uống thuốc ngủ không? Không thấy. Sáng ra đã không thấy mẹ dậy mà. Nửa tiếng em lại vào một lần. Chắc chắn là mẹ không hề dậy. Trừ phi mẹ uống hồi đêm. Sao không coi chừng mẹ? Thì... làm sao em biết được là mẹ có ý định gì? Mẹ cứ nói chuyện đến chết chóc hoài đấy thôi. Tưởng mẹ lẩm cẩm tuổi già. Mày thì lúc nào cũng cứ tưởng. Thôi từ nay nếu mẹ về đó thì cất biến lọ thuốc ngủ đi. Mẹ cứ nằng nặc đòi uống mới ngủ được. Vậy mẹ nằm trong đó bao lâu? Chưa biết. Đợi ông bác sĩ thần kinh nói sao đã. Chẳng lẽ...nếu để vậy lâu lâu mẹ lại ngất đi một lần à? Thì có cách nào hơn đâu. Ông H. bảo mổ là chết liền trên bàn mổ. Ơ thôi, đem tụi nhỏ sang để ở nhà con Lãm rồi vào thăm mẹ. Nó mới ở đây về đấy.

*
* *

Phòng số 122 có bốn cái giường. Giường ngoài cùng trống. Giường kế có một bà già nằm ngửa cổ trên gối, miệng há hốc và mũi có đút hai ống nylon. Giường thứ ba có một bà già nằm co quắp chúi mặt vào đống chăn nệm trải giường. Tôi đi qua giường này vào giường thứ tư nằm ở góc trong cùng. Bà Ngoại không há miệng, cũng không chúi mặt vào đống chăn. Bà Ngoại nằm ngửa, mặt ngay ngắn, mắt nhắm hờ.

- Mẹ. Mẹ.

Bá Ngoại mở mắt, như hơi hoảng hốt trong vài giây đầu tiên.

- Ngàn đấy à.

Vâng, con đây. Mẹ đỡ chưa mẹ.

- Mẹ muốn về nhà.

- Mẹ cố uống thuốc cho khỏi đi mới về được.

- Lúc nãy con nói gì với bọn công an?

- Công an nào?

- Mẹ thấy bác Phú nói là đưa mấy lạng vàng thì nó cho đi mà.

- Thôi, mẹ đừng nghĩ gì nữa. Công an đã đi mất hết rồi. Con thăm mẹ một chút rồi về để cho mẹ ngủ.

Bà Ngoại khép mắt lại. Mũi bà thẳng thắp. Da nhăn mà chưa mồi. Tất cả mọi nét trên gương mặt còn dấu vết của sự cân đối.

- Này hỡi bà hoa khôi của những bà hoa khôi tại chợ phiên hàng Đào. Đôi gò má đã từng ửng hồng, đôi mắt đã từng long lanh, đôi mắt đã từng tươi thắm, sắc đẹp từng lộng lẫy một thời. Dung nhan bà đến từ tiền kiếp nào để rồi đi vào hư vô, phát xuất từ thế giới nào để rồi sẽ trở về vùng cát bụi? Lòng bà đã từng tha thiết bao nỗi yêu đương? Tim bà đã từng tràn trề bao niềm thống hận?

- Mẹ. Con có đem bánh lạt vào cho mẹ đây. Mẹ muốn ăn không? Bà Ngoại mở mắt, lần tay xuống bụng, hốt hoảng:

- Ô, túi tiền của mẹ đâu?

- Chị Kiểm cất đi rồi. Mẹ đang mặc áo nhà thương mà.

- Thế à. Hôm nay là ngày Tết phải không? Để bà mừng tuổi cho các cháu.

- Không mẹ ạ. Tết đã qua rồi.

Ngưng vài giây, rồi đôi mắt đã mờ chợt tràn đầy sự tha thiết dịu dàng, mấy ngón tay gầy lật bật tìm kiếm.

- Này Ngàn, mẹ bảo. Thế nào rồi mẹ cũng chết. Chỉ thương con lẻ bạn một mình, chồng con lận đận. Mẹ lo cho con...

Một cục gì to tướng chặn ngay họng tôi nghe một cái ự. Một cảm giác cay xé mũi nhào tới đỡ không nổi. Tôi ôm lấy mặt Bà Ngoại mếu máo:

- Mẹ đừng lo cho con. Con không làm sao hết. Con không bao giờ làm sao hết. Con tự lo được mà...

Bà mẹ hiền, bà cụ hoa khôi, bà già bẩy mươi sáu tuổi, người bệnh thập tử nhất sinh không khóc. Bàn tay của người y tá đặt trên vai tôi giúp chặn lại cái giọng xúc cảm đã từng ào ạt truyền sang Chôm Chôm.

- Bà mẹ cô O.K mà. Chưa tới nỗi nào đâu. Nhưng mà bà không chịu uống thuốc. Viên thuốc bự cỡ này bà cứ phun ra hoài. Hay cô hỏi bà muốn tôi tán nhỏ ra không? Tôi ra hiệu hoài mà chắc bà không hiểu.

Tôi chùi vội nước mắt.

- Mẹ, mẹ phải cố uống thuốc. Con bảo bà y tá tán thuốc để mẹ uống cho dễ.

Người bệnh nhắm mắt, rùng mình. Bà y tá:

- Cô ra ngoài đợi chừng mười lăm phút. Tới giờ tôi thay rửa cho bệnh nhân rồi.

Khi tôi trở lại bên giường, Bà Ngoại khẩn khoản:

- Con đi về đi. Về trông con đi. Ở đây nguy hiểm lắm. Người ta sắp chết cả rồi kia. Con có thấy cái giường trống trơn đó không. Một bà nằm ở đó người ta đem đi hôm qua đấy.

Tôi vuốt nhẹ gò má hóp:

- Trong nhà thương người ta khử trùng hết rồi. Mẹ đừng lo. Mẹ đừng sợ gì hết. Mẹ cầu kinh đi. Mẹ ngủ đi.

- Hả. Cái gì?

Tôi cúi hơi thấp xuống, lập lại. Thật tức cười. Những câu nói với Bà Ngoại thường mất hết về dịu dàng vì phải nói như hét.

Bà già co quắp ở giường bên cạnh chợt cất tiếng rên hừ hừ.

- Mama. Mama.

Trời ơi, bà già gọi mẹ trong cơn đau!

Đôi mắt Bà Ngoại giương to sợ hãi:

- Mấy người y tá ở đây là Việt Cộng cả đấy con ạ. Thôi cho mẹ về đi. Mẹ muốn về.

Hai cục bướu đỏ phập phồng thở như có một đời sống riêng, chúng chèn ép những giây thần kinh trong bộ óc nằm dưới mái tóc bạc kia phải không? Những bà già trong phòng này tóc đều bạc. Da trắng da vàng da đen gì khi già tóc đều bạc trắng tuốt.

Không nhìn nổi sự sợ hãi của Bà Ngoại nữa. Mẹ sợ Sống và Bà Ngoại sợ Chết. Bà Ngoại gần đến cuối đường không cần chống đỡ. Mẹ còn xa lắc phải chống đỡ sự sợ hãi từng giây phút bằng TÌNH YÊU, bao nhiêu tình yêu đủ để xây pháo đài NIỀM TIN trong cuộc đời?

Chạy ra khỏi phòng 122. Chạy ra khỏi nhà thương. Chạy tới bãi đậu xe. Có nhiều sức ép từ nhiều phía trong nhiều ngày. Có nhiều mối đau thương cố nín nhịn trong nhiều ngày. Có nhiều sự thất vọng cố chống đỡ trong nhiều ngày.

Lái xe qua nhiều con đường. Tới một bãi đất trống dưới một chân đồi đầy hoa dại vàng. Lên kính xe kín mít. Nghĩ tới những điều đã làm ngủ không được. Khóc ồ ồ giống Chôm. Khóc ào ào giống Bon. Khóc tới bời bời dẫy dụa la hét giận dữ điên cuồng trong lòng xe. Khóc trút hết những áp lực cho nhẹ phổi lồng ngực. Một ngày nào giả bằng Bà Ngoại, không có gì quan trọng nữa cả.

Các con, rồi muôn nghìn thế kỷ nữa, những câu hỏi của chúng ta sẽ vẫn không ngoài TÌNH YÊU và SỰ CHẾT.

Thế giới có ngọn đồi hoa dại vàng và những giòng lệ ồ ồ ào ào chỉ được sống trong một giây của tư tưởng. Sau đó, tôi trở về đời sống ở Little American Dream.

***Trần Diệu Hằng***

*Trần Hoài Thư*

## *Gió qua Thành Nội*

Bên trời. Theo đồi núi chập chùng, theo hai mùa mưa nắng, theo tiếng dế của tuổi thơ, và tiếng thầm thì của tuổi trẻ. Bên trời, ở đó, có bao nhiêu dấu chân bỏ lại như thể hôm qua, để người xa nhà quá đau bật khóc. Bên trời, những vì sao nhỏ nào trên cao, hay biển Nha Trang, hay cao nguyên Ban Mê Thuột, hay trên những dãy lầu cao khi Saigòn đã đóng cửa lại. Bên trời, thấm thoát đã hơn mười năm, để hiểu rằng, mình còn có một chỗ để trở về. Trở về. Hôm qua. Tin nhà sao như tín hiệu tức tưởi. Ba ra đi rồi. Ba nhắm mắt rồi. Ba vĩnh biệt rồi. Ba không còn đợi thằng con, đứa cháu trở về rồi. . Như vậy, ba đã bỏ mà đi vào cõi cuối cùng. Và chấm hết.

Từ Quảng Bình, mồ mả ông bà ba bỏ lại. Và từ Huế, cơ nghiệp gà trống nuôi con ba cũng đã bỏ lại. Bỏ lại, như lần đầu theo con tàu sắt ra khơi xuôi về miền Nam. Ba đã lựa chọn đời sống, và tương lai cho con cháu. Nhưng ngày ấy, ba vẫn có chỗ để mà đến. Dù những ngày đầu tiên đầy lam lũ. Dù chiếc áo lương đen của ba càng lúc càng mờ phai giữa một thành nội đóng cửa. Dù nghề thầy thuốc của ba càng lúc càng khó khăn tội tình giữa một thế giới Tây y, nhưng ít ra, con đường ba đi, ba lựa chọn, ba đã đến đích. Bỏ Quảng Bình, bỏ Đồng Hới, bỏ mồ mả ông bà, ba lạy ba lạy, nhưng chẳng thà bỏ còn hơn sống với quỉ. Bỏ cơ nghiệp, nhưng cơ nghiệp có gì ở cõi này, trừ tiếng gọi thầm lặng của một kiếp đời: tự do yêu và ghét.

Ngày ấy con còn quá nhỏ để hiểu tại sao người ta lại dám bỏ cả một phần đời quí báu nhất của con người. Tại sao người ta lại dám chấp nhận đến một nơi vô định, chấp nhận một phần đất lạ lẫm của miền

xa. Tại sao người ta lại dám phủi tay, bỏ hết, bỏ sạch của cải mồ hôi nước mắt của mình, công lao mà mình đã cố tạo dựng, và chắc chắn là cả linh hồn của mình gởi trọn. Nhất là ba. Đêm nay, mấy mươi năm trở lại một thời gian, một không gian cũ, để lại càng hiểu hơn về nỗi đau bầm của người bỏ quê nhà. Ba chưa một ngày dính líu với bộ máy. Ba cũng chưa một ngày tung hô đả đảo. Ba đứng bên lề: giản dị như chiếc áo lương đen mà ba mặc suốt năm suốt tháng. Cao quí như nghề thầy thuốc mà ba giúp đời, giúp bà con, lân láng. Và khổ hạnh như người thiền sư. Và ung dung như vị đồ nho. Và cô độc như người còn lại cuối cùng của một thế giới. Như vậy tại sao ba lại mang thân gà trống dắt díu đàn con xuống tầu. Thì ra, ít ra ba đã còn tiên tri được sự thật. Một sự thật mà ngay cả thế hệ của con sau này cũng chẳng bao giờ biết nổi. Và chao ôi, khi biết được, thì đã quá muộn màng.

Những ngày đầu tiên ở Huế, với ba, thì quá lam lũ. Huế có những ngày mưa dầm, có những buổi trời lạnh căm căm, và gió thì cắt bầm da thịt. Và ba đã đứng ở giữa Huế, đi ở giữa Huế, chống đỡ cùng đời sống ở giữa Huế.

Vẫn chiếc áo lương đen cũ kỹ còn lại. Vẫn chiếc áo tơi nylon màu sậm đã rách. Và vẫn chiếc dù đen. Ba đã không những chống cự cùng cơm áo, mà còn chống cự cùng cái nền văn minh đang mỗi ngày mỗi lấn áp vào từng viên gạch của kinh thành cũ. Nhưng nếu cơm áo đã làm ba đau đớn cả trăm lần, thì cái nền văn minh kia đã làm ba đau đớn cả vạn lần. Ở đâu người ta cũng quay mặt. Ở đâu, khói bụi, và sản phẩm của những luồng gió từ phương Tây vẫn cuốn lốc, vẫn vần vũ. Ba đã đi tìm đến nhà những người thân chủ cũ. Mong đợi họ cho ba bấm tay xem lại kinh mạch, mong đợi để ba viết những toa thuốc Đông y, mong đợi cuối cùng người ta trả ít tiền công. Ba đi qua những phòng mạch bác sĩ chen chúc người. Ba nhìn người ta đang bị đầu độc bởi nước đá, bởi khói xe, bởi dầu mỡ, bởi trụ sinh. Và đau hơn nữa, ba nhìn những trang giấy kinh điển, những giòng chữ hiền nhân, những suy nghĩ vạn đại từ từ bay cuốn hay vùi dập dưới bước chân người không thương tiếc... Khi ấy, ba chỉ biết cúi đầu xuống, lưng khom xuống, và lượm, và nhặt, và bỏ vào trong túi của ba. Khi ấy, ba buồn bã nhìn về phía Đại Nội, trường Quốc-tử-giám, nơi mà ngày xưa ba đã từng học những dòng chữ thánh hiền. Huế những ngày đầu tiên, mây thì màu chì, và sũng nước, những con quạ đen in bóng trên thành quách cũ, từ Thượng Tứ, qua Đông Ba. Huế những ngày đầu tiên, đêm thấp thoáng những ngọn đèn lu mờ giữa dòng sông Hương, và tiếng hò Nam Ai thỉnh thoảng cất lên ủ dột. Huế, học trò Đồng Khánh, Quốc Học, bãi học về qua cầu như dòng thác, Huế có đài phát thanh ở bên chân cầu, còn nghe âm vang tiếng hát hợp ca của Ngọc Cẩm và Nguyễn hữu Thiết. Và Huế có một mình ba, đứng lại, còn lại một mình. Nhớ lại quê nhà mà lòng đau như kim chích. Nhớ lại sách vở thánh hiền mà tủi thân...

Nhưng ba không bao giờ chịu làm kẻ thua cuộc. Ba vẫn mặc chiếc áo lương đen, mang chiếc dù đen, mang chiếc áo tơi nylon màu rêu sậm, và đi bộ, đi mãi, đi miết. Từ Morin về Đập Đá. Từ Morin lên Phủ Cam. Từ Morin qua cầu Trường Tiền, qua Đông Ba, qua Thượng Tứ, vào hồ Tịnh Tâm, ngược về bến Ngự. Dáng ba nhỏ, gầy, hai chân ba khẳng khiu, hai vai ba hơi khom xuống. Đôi khi một chiếc xe phóng qua vũng nước, và cả người ba, mặt mũi ba bị dầm dề nước đọng. Đôi khi những con chó hung dữ sẵn sàng nhảy bổ vào người ba, nếu không nhờ cây dù bên người, chắc ba sẽ phải bỏ cuộc.

Rồi ba trở về cùng con. Anh cả đã được nhận vào trường Quốc Học. Và anh đã có một chân kèm trẻ. Còn con, nhỏ bé quá, để nhìn ba cam khổ mà không biết làm sao mà san sẻ. Không, con đã san sẻ cùng nỗi cay đắng của ba rồi. Như lúc hai cha con vào quán cơm xã hội bên bờ sông Hương. Như lúc hai cha con tìm đến một quán cơm tồi tàn nhất ở bên chợ Đông Ba. Như lúc bà bán cơm bĩu môi nói trắng trợn: *Quán tôi dơ bẩn, ông nên tìm chỗ khác,* chỉ vì ba lấy tờ giấy bọc trong mình lau đôi đũa cái chén. Cái cay đắng mà con nếm được trong tuổi thơ của con đã qua cái nhìn khinh mạn của người đời, sự quay lưng của xã hội, và kiếp đời của kẻ lưu vong, bỏ mồ mả ông bà chỉ vì lý tưởng của mình đã theo đuổi.

Những đêm mùa đông năm ấy, Huế đổi cơn, lạnh căm căm da thịt. Vì lạ lẫm, và vì hơi lạnh từ đất thịt của nền nhà bốc lên, thấm qua tấm chiếu mỏng khiến con không thể nào ngủ được. Ba cũng vậy, nằm bên con, mắt mở. Chúng ta đã không thể tưởng tượng có một ngày phải nương thân tại nhà của một người khác, trong khi ở quê nhà, chúng ta đã có cả một ngôi nhà gạch. Có nền xi măng, có giường rộng, có chiếu hoa, có mền dạ. Chúng ta không thể tưởng tượng sẽ có một ngày, chúng ta phải nương nhờ sự bố thí của người đời. Vì sao? Con tàu há mồm rời Đồng Hới xuôi về Nam đã cắt nghĩa được điều đó. Những ngày đầu tiên, sắp hàng nhận đồ cứu trợ đã cắt nghĩa được điều đó. Đài phát thanh suốt ngày cũng đã cắt nghĩa được điều đó. Nhưng họ không thể cắt nghĩa những giọt lệ thầm của chúng ta trong những đêm mùa đông ấy. Với ba, lệ thầm ấy là quá khứ. Và với con, lệ thầm ấy là mền không đủ ấm, là khoảng đêm thẫm dày đặc, là gió bên ngoài hú từng cơn, đập vào mái tôn kêu ầm ĩ, và là hạnh phúc bình an của mọi người.

Phải, với ba, lệ thầm ấy là quá khứ. Con người của ba đã nặng trĩu quá khứ. Ngay ở hiện tại, ba cũng là một ngọn đèn của quá khứ. Nhưng chao ơi, ngọn đèn ấy bây giờ ở đâu! Ngày xưa, mỗi lần ba ngủ không được, ba vẫn trở dậy một mình pha trà và đọc sách thánh hiền, hay ngâm những vần thơ cổ. Bây giờ, không ai cho phép ba trở dậy, để ngồi độc ẩm cùng bóng đêm. Người ta đang ngủ. Huế đang ngủ. Và cả kinh thành kia cũng đang ngủ. Nếu có thức, có chăng là những hồn ma từ những tầng gạch cổ rêu rong. Chúng thức để mà khóc cho một

thời đại. Nhưng dù sao đi nữa, chúng vẫn là hồn ma. Còn ba, ba lại là con người thật. So với chúng, ai khổ hơn ai?

*
* *

Từ một xóm nghèo bên Morin, ba lại dẫn con đi nương nhờ tại Đập Đá, rồi qua Bến Ngự, rồi về Phủ Cam, rồi qua Thành Nội... Cơm áo cuối cùng cũng xong. Những bà chủ nhà nghiệt ngã cuối cùng cũng xong. Những dốc lên dốc xuống cuối cùng cũng xong. Những ngày thì nóng đêm thì lạnh cuối cùng cũng xong. Dòng sông Hương vẫn xanh lơ. Đêm Nam Ai, Nam Bình vẫn bình bồng trên những chuyến đò đêm côi cút. Người di cư đã bắt đầu hòa nhập vào cuộc sống mới. Ông Bá đã trở thành một người thân tín của chế độ, và được giao một nhiệm vụ cao cấp của đảng chính quyền. Anh Trinh được phong chức trung sĩ nhất. Bác Cẩn được phong trung sĩ hậu cần. Ông Phán lên làm Phó Tỉnh trưởng hành chánh. Bây giờ họ mới tìm đến ba như ngày xưa họ đã từng tìm đến. Họ tìm đến, sau khi bệnh của họ, của vợ con họ, bác sĩ đã bó tay. Vợ họ kinh nguyệt trồi trụt. Họ hiếm muộn con cái. Con trai họ mộng tinh di tinh trầm trọng. Có người bị bệnh mất ngủ kinh niên. Ba là người cuối cùng để họ hy vọng. Và mỗi lần, kê toa thuốc xong, ba không bao giờ quên một câu dặn dò: Nhớ là đừng bao giờ dùng nước đá. Nước đá hàn, uống vào, sẽ hại không ít thì nhiều. Ba dặn họ như vậy, vì lương tâm của một vị thầy thuốc, hay là vì cái nền văn minh mới đang cuốn lốc mọi thứ trên đời mà ba tìm cách chối bỏ? Với con, vì cả hai. Ba vui mừng khi thấy con bệnh mà ba chữa trị đã bình phục, nhưng ba đau khổ không ít khi nhìn cốc nước đá lạnh mà người ta đã mời ba. Ba đã cố giải thích với họ về một nền văn minh chết người, kỳ lạ, đang tìm cách hủy diệt loài người. Tại sao những người xưa sống lâu cả trăm tuổi? Tại sao người ta bị bệnh tâm thần mỗi ngày mỗi nhiều... Thuốc trụ sinh là gì, có phải chẳng qua là nấm... vân vân và vân vân... Đôi khi gặp người tri kỷ, ba lại nói về cái độc hại và phá sản của nền văn hóa ngoại lai. Nó làm băng hoại gia đình, và xã hội. Ba trách thế hệ trẻ tuổi sa đọa, quên nguồn cội, thương mây khóc gió, không còn trọng thánh hiền.

Nhưng ba không biết, con đang ở trong thế hệ trẻ tuổi mà ba kết án.

Ba không biết con đã lớn lên giữa một thế giới đầy vô tâm mà ba đã từng chối bỏ ấy. Ba cũng không biết thế giới càng vô tâm, con người càng sống cho mình, càng cô độc, càng giận hờn, càng bất mãn, càng nổi loạn. Cô độc con còn có đất trời của xứ Huế này an ủi. Như bầu trời trên dòng sông Hương ngập mù sương. Như buổi chiều hoàng hôn, bước đi trên cầu Trường Tiền, thấy xa khuất là vành cầu Bạch Hổ, và nhìn được một mặt trời đỏ ối tắm cả một khúc sông mờ thẫm. Như mỗi lần có một cơn mưa nhỏ, uống hớp cà phê từ một quán nhỏ bên Đại Nội, để nhìn những người con gái khép nép bước qua. Ba không biết tuổi trẻ của con đã trôi qua bằng những câu thơ tiền chiến,

hay những trang sách trong *Đôi Bạn*, hay những tờ báo bí mật chuyền nhau đọc. Tuổi trẻ của con lại xâu xé, giành giựt, bị đối chọi, bị hành hạ bởi ý thức. Ba đã chối bỏ ý thức. Nhưng còn con. Ý thức qua sách vở mà con đã đọc, qua lịch sử mà con đã sống và lớn lên, qua xứ Huế mà con đã cô đơn, qua tình yêu mà con đã vấp phải, qua mấy bức tường thành lạnh lùng vô tri mà con đã bị giam hãm. Ý thức đã bắt con nổi loạn. Và chính vì thế, ba càng khiển trách, buồn bã vì con hơn ai hết. Ba muốn con lập thân, có nghĩa là đậu bằng cấp, có một chức vụ để người ta kiêng nể. Nhưng con, lạc loài đến vô tận, ngồi trong thư viện, đọc lại những trang sách của Sartre mà khóc thầm. Đời là gì, là hư vô, là nôn mửa, là bất cần, là sống cho mình. Đời là gì, chiến tranh ở đâu đó, trang báo hàng ngày đăng toàn những tin chiến sự, những hình ảnh thương tâm. Đời là gì, xung quanh người ta vẫn chạy đua, [illegible]am lam đến vô độ, vẫn tiếp tục bẩm bẩm, dạ dạ, vẫn thầy thầy [illegible]n, vẫn một nỗi buồn nhân sinh đến nhàm chán. Con đọc *Tội ác và Hình phạt* mà thương cho người trẻ tuổi. Tại sao? Tại sao? Đầu óc con muốn nổ bùng. Con đi dép, để tóc dài, để thách đố lại sách vở của thánh hiền. Con bỏ sách vở ở phía sau, bỏ bằng cấp lại phía sau, bỏ kinh điển ở phía sau, để coi đời như áng mây trắng... Con đuổi theo ảo tưởng như áng mây kia. Rồi ở đâu, thế giới này, những áng mây sẽ dịu dàng đậu lại, nương nhờ nhau, che chở nhau. Rồi ở đâu, cũng có ngày người Nam ôm kẻ Bắc, người Bắc ôm kẻ Nam. Khi người ta bắn con, viên đạn phá toạt da thịt con, mảnh lựu đạn cắm đầy hai bắp đùi con, con vẫn nhìn lên bầu trời, không oán trách, không giận hờn, không đổ tội. Không nghĩ là tại sao ba lại bỏ quê hương của mình để theo con tàu há mồm về Huế.

*
* *

Bây giờ, ba mươi bốn năm sau. Con lại bỏ quê nhà mà đến một nơi lạ lắm nhất trên đời. Áng mây trắng dịu dàng trên đầu con đã trở thành cái áng mây nặng chì tang tóc trên trại tập trung kinh Một, những giọt mưa tai ách trên rừng tràm Trà Tiên. Trong những ngày tháng lầm than ấy, nằm trên bờ cỏ, hay dựa vào gốc tràm để nhìn lên trời cao, con đã thấy mình quá lầm lẫn. Tại sao không chọn một thái độ quyết liệt như ba đã từng chọn. Tại sao lại thương xót kẻ thù khi kẻ thù chỉ biết moi mật mổ tim mình. Tại sao lại không bỏ chạy khi họ đến. Bạn bè con, những đôi mắt cũng đã từng nhìn những áng mây trắng ấy, tấm lòng của họ đã trong sạch như bầu trời quê hương đất nước ấy, hết người này đến người khác tiếp tục gục xuống. Thì ra nhân tính không thể sống cùng ma quỉ. Tình yêu thương không thể gần sát máu bạo lực. Lòng hiền từ đức độ chẳng thể cảm hóa những trái tim ngông cuồng. Thôi thì đành ra đi. Ở Việt Nam, đâu còn gì nữa, để mà nói về con người, về tình tự, về mây trắng.

Nhưng ở đây, con lại đang đuổi theo các áng mây u ám khác. Con muốn dừng lại để thở, chúng nó không cho con thở. Con muốn ngồi lại một lần, nhưng nó lại lôi con dậy. Con muốn mặc áo nhẹ tênh thong dong như người xưa, nhưng nó bắt con phải trùm trong bộ áo quần gọi là lịch sự tề chỉnh. Và chao ơi, lịch sử của con, đất nước của con cũng bị lôi ra mổ xẻ đành đoạn vô tâm. Bây giờ con đang điên đầu cùng kỹ thuật, bị vây trùm bởi cái vỏ *professional*. Mỗi ngày con nhìn nó, sống với nó và cô đơn với nó. Mỗi ngày con đóng kịch và cuối cùng, ngồi lại trong phòng, nhìn ra ngoài khung cửa kính. Con đang làm gì đây? Rồi hai ngón tay lại gõ vào *keyboard* rồi suy nghĩ, rồi thấy lại một nơi đậu lại trên màn ảnh. Đâu là nơi có bác Cấn, anh Trinh, ông giáo Anh, những người đã biết gọi ba bằng tiếng Thầy kính trọng. Đâu là nơi có ba mặc chiếc áo lương đen, và hai túi thầy đồ đã chứa những tờ giấy của thánh hiền. Ba đã can đảm chối từ luồng gió văn minh. Ba ngoảnh mặt lại. Ba đứng giữa đất trời như cây cổ thụ và ba đã chiến thắng.

Còn con, thì lòng sôi nổi, thì ước mơ đến điên cuồng, và mây trắng thì mù lòa tràn ngập. *Sống*, cái chữ ấy có nghĩa gì sao con mãi ưu tư thao thức, phải tìm tòi, khám phá, phải lăn xả, như con thiêu thân. Máu cũng đã chảy thấm cả ngực, nhưng có nghĩa gì đâu, để xin đôi mắt dịu dàng cho kiếp đời mệt lả. Đói rách, cơ hàn, hay danh tiếng lẫy lừng, có nghĩa gì đâu khi lòng cứ dằn vặt, cứ xung đột đêm ngày. Bước lên bục gỗ, hay đứng dưới vũng bùn của kinh Một, dưới cơn mưa xối xả, thì cuối cùng chỉ là một cơn mơ...

Phải, bây giờ con đã hiểu có một người can đảm nhất trên đời này, đạo hạnh nhất trên đời, và cũng buồn bã nhất trên đời. Tháng ba hay tháng chạp, năm này hay năm khác, con vẫn có hình ảnh của ba. Đêm xứ Mỹ hay ngày xứ Mỹ, qua thị trấn này hay về thị trấn khác, những con đường hun hút mênh mông rồi cũng cuối cùng về lại một điểm. Cái điểm đó, là ba ngồi lại, đôi mắt mù lòa, và hun hút trong dòng thiên cổ.

***Trần Hoài Thư***

*Nguyễn Ý Thuần*

## *Rồi cũng yêu nhau.*

Cho đến lúc cộng chung tiền điện thoại của hai người lại có thể đủ để làm một đám cưới nhỏ, họ vẫn chưa gặp nhau. Đúng ra, với những tiện nghi của xứ Mỹ này chỉ cần chút tiền- cỡ chừng một phần năm mươi của tiền điện thoại đã trả- cộng thêm vài ngày nghỉ, chàng hay nàng đều dư sức làm một cuộc thăm viếng để...ra mắt nhau. Nhưng họ vẫn không làm bởi những lý do...chúa ơi! Để lý giải những lý do dành cho kẻ đang yêu theo kiểu chàng và nàng thì họa may chỉ có Thượng đế mới làm được. Lần lựa, lần lựa họ tìm cách né nhau. Và hôm nay, mùa xuân của năm thứ hai đã đến.

Chàng hiền lành, đôn hậu và nàng dễ thương. Cả hai đều biết rõ về mình và nghĩ về nhau đúng như những điều họ đang có. Nghĩa là đứng trên cái nhìn bình thường của mọi người thì họ rất xứng đôi, rất xứng đáng để...cầm tay nhau đến nhà thờ. Nghĩa là họ hội đủ những điều kiện ắt có và đủ để thành một cặp vợ chồng hạnh phúc. Nghĩa là...tất cả mọi cái nghĩa là của mọi người đã nghĩ chàng và nàng đều đã nghĩ. Nhưng chỉ *nghĩ* thôi. Dám đâu mà thực hiện. Cả hai đành phải né nhau trong những dịp lễ có vài ngày nghỉ. Họ ngại! Rất đúng, họ ngại như những dòng chữ đầu tiên trong lá thư đầu tiên viết cho nhau.

A! Đến đây cần phải nói rõ, cả chàng và nàng đều không khoái cái mục "Tìm bạn bốn phương" tí nào cả. Không khoái đến độ giở một tờ báo lá cải nào có mục "Kết bạn thư tín" hoặc "Tìm bạn bốn phương" họ đều bĩu môi, lật sang trang khác. Với họ, cái trò chơi vớ vẩn này chỉ tổ làm tốn tiền tem. Chẳng được lợi lộc gì. Mất thời gian để ươm mơ một cách thiếu...nền tảng. Và nghĩ sẽ chẳng bao giờ họ

tham dự vào trò chơi này. Chẳng bao giờ. Đúng! sẽ chẳng bao giờ. Họ đã nghĩ và đã làm như thế. Cho đến bây giờ, mùa xuân thứ hai kể từ lá thư đầu tiên họ vẫn chưa được gặp nhau dù họ vẫn chẳng biết cái trò chơi đáng ghét "Tìm bạn bốn phương" là gì cả.

Đầu tiên là một truyện ngắn của chàng đăng trên báo. Nàng đọc và nhận thấy có những điều trùng hợp với mình. Sự tình cờ này đã đưa đến lá thư thứ nhất. Đại loại như hầu hết thư độc giả gởi cho người viết. Chàng đọc xong bỏ quên trong ngăn kéo. Nói cho cùng, lúc mới nhận được, chàng cũng định trả lời nhưng đọc thấy tên của nàng cuối thư chàng đâm...sợ! Ôi, cái sự sợ hãi kỳ cục và hiển nhiên của một gã đàn ông ngoài ba mươi thật khó lòng giải thích. Tên nàng quá đẹp. Tên nàng quá hay. Tên nàng quá dễ thương. Tên nàng nghe...cổ kính. Chàng nghĩ cả trăm lần tên nàng với một tĩnh từ cộng thêm chữ *quá*.

Hãy khoan trách chàng là lẩm cẩm, bởi đó là sự thật. Hãy tưởng tượng đến một cái tên thật đẹp nào đó- theo kiểu bạn nghĩ- về một người con gái đáng yêu nào đó - cũng theo kiểu bạn nghĩ- nhưng chưa gặp. Dĩ nhiên, cũng có thể chẳng bao giờ gặp trong đời bởi đó là ý nghĩ. Lũ đàn ông chúng ta thường *chế* ra một mẫu người như trên, để dành trong đầu. Chàng cũng thế, cũng chế ra một mẫu người. Và...Chúa ơi! Sự tình cờ thứ hai là cái tên của nàng *y chang* cái tên chàng cho là đẹp nhất với người con gái đáng yêu nhất của chàng. Nên run là phải.

Chàng đã ngẩn ngơ đọc tên nàng trên lá thư. Một lần. Hai lần. Ba lần. Rồi nhiều lần...Sau cùng, chàng hét lên, chạy ào ào vào buồng tắm. Thằng người trong gương hiện ra kỳ cục, chả đẹp trai tí nào cả. Làm sao sánh với người con gái có cái tên như thế? Nhưng thôi! Dù sao cũng phải rán thêm. Chàng vuốt tóc cẩn thận. Thằng người trong gương vẫn không khá hơn. Chàng mỉm cười nhè nhẹ. Thằng người trong gương vẫn cứ vô duyên. Nản lòng, chàng trở về phòng và chấm dứt ý định viết thư để... làm quen.

Cái ray rứt của hai tuần lễ đầu kéo dài trong từng đêm. Đi làm về, chàng lấy thư nàng ra đọc lại, ngắm nghía cái tên. Đã đời là đã. Rồi bật lên, cầm viết, lấy giấy, ghi ngày tháng. Xong ngồi yên, nhìn tờ giấy trắng bong đang chờ đợi. Cuối cùng bao giờ cũng là hành động cáu kỉnh vò nát tờ giấy và tắt đèn lên giường nằm. Đến tuần lễ thứ ba, chàng phải dọn nhà. Lá thư bị bỏ quên trong một cuốn sách.

Bởi bản tính hồn hậu nên chàng dễ dàng...bỏ quên mọi sự trong cuộc sống. Về nhà mới, chàng nhớ mang máng là lá thư có bỏ trong một cuốn sách nào đó. Chỉ thế thôi, còn cuốn nào chàng đành chịu. Nhìn đống sách vở lộn xộn chàng thở dài, làm sao có thể tìm được đây? Ngồi lật từng cuốn sách ư? Cũng được đi, vài trăm cuốn chứ mấy. Chàng tự hẹn mình sẽ bỏ ra một buổi cuối tuần để tìm lá thư.

Nhưng chỉ hẹn vậy thôi, đâu có một buổi cuối tuần nào chàng

được rảnh rỗi. Luôn luôn là những quán cà phê, những buổi họp mặt, những chầu nhậu. Đám bạn bè văn nghệ đã là lẽ sống thứ hai của chàng. Năm ngày trong tuần cắm đầu trong công việc, còn lại hai ngày phải xả hơi. Như quả bóng căng phồng được xì ra đúng lúc. Chàng thở phào mỗi chiều thứ sáu và bắt đầu *sống lại* với bạn bè. Nên việc bỏ ra một buổi cuối tuần để tìm lá thư nghe thấy dễ nhưng với chàng sao mà khó thực hiện. Cứ thế, chàng nguôi ngoai cái ray rứt được đọc lại lá thư với thú lẩm nhẩm đọc tên nàng. Dần dà, tên nàng chỉ nằm trong ý nghĩ và cuối cùng chàng chỉ nhớ *mang máng* là đã có một độc-giả-con-gái mang tên đó viết cho mình một lá thư.

Cuộc đời đầy rẫy những sự tình cờ, nếu quả đúng những sự tình cờ làm nên số mệnh, thì số mệnh tình cảm của chàng và nàng bắt nguồn từ việc ăn ở bừa bãi, bê bối của chàng. Chủ nhà sau ba tháng phát ngán vì ông khách "share" phòng quá nghệ sĩ - nghệ sĩ đến độ căn phòng chỉ còn giường ngủ là có thể ngồi hoặc nằm được, còn toàn bộ sàn phòng đều không có chỗ đặt chân, rác cộng với giấy, café cộng với tàn thuốc v.v..., căn phòng kỳ cục hết chỗ nói - đã phải mời chàng đi chỗ khác ở. Chàng vui vẻ dọn nhà lần thứ ba trong năm. Và định mệnh tình cảm do sự tình cờ trong việc cố tình ăn ở bừa bãi đã bắt đầu chuyện hai người từ đó.

Có một tật xấu từ ngày còn bé đến nay chàng vẫn không bỏ được là đọc sách khi đi vệ sinh. Luôn luôn theo chàng vào *restroom* là một cuốn sách. Bất kể cuốn gì; thơ, truyện, báo chí v.v...Đọc vài trang trong thế ngồi thoải mái. Và lạ lùng vô cùng, những trang sách đó thường được nhớ rất kỹ. Lại nữa, theo thời gian cái tật kỳ cục đó đã thành cái thú không bỏ được. Chàng đã xem đó là một điều hiển nhiên trong sinh hoạt như ăn phải nhai, khát phải uống...Tự nhiên như mọi hành động cần thiết khác để làm nên cuộc sống. Lần này cũng thế, đến nhà mới đống sách vở lộn xộn vất trên mặt thảm chưa kịp xếp vào kệ thì chàng nổi cơn đau bụng. Vớ đại một cuốn, chàng chạy ào vào *restroom*.

Trở lại với số mạng tình cảm của hai người, ta phải nói rõ là bắt nguồn từ sực tình cờ nhưng nơi chốn bắt đầu là *restroom*. Trong thế ngồi bình thường như trăm ngàn người thường khác, chàng lật cuốn sách. Lá thư của nàng hiện ra. Chàng ngạc nhiên và mừng rỡ. Đọc vội, đọc vội vàng như lá thư mới nhận được dù bấy nhiêu câu trong thư chàng đã thuộc lòng từ ba tháng trước. (Đến đây phải mở thêm một dấu ngoặc về việc thuộc lòng lá thư. *Chàng đã thuộc lòng lá thư của nàng trước lần đọc này*. Kẻo lại có sự ngộ nhận giữa những trang sách đã thuộc lòng và không khí của một cái *rest room* mà tại mất đi tính chất...thơ mộng của câu chuyện và nàng có thể giận chàng như chơi!). Mắt thì đọc, tay thì cầm nhưng lòng náo nức như vừa tìm thấy một điều gì tưởng mất. Cuối cùng, chàng vui vẻ rời khỏi *rest room* với lá thư được cầm cẩn thận trên tay.

Trong nỗi mừng, chàng khoe lá thư với người bạn làm thơ gốc không quân. Anh chàng này bản tính cẩn thận, sau khi đọc xong đã đưa ra nhận xét.

— Chữ viết cứng cáp qúa, có vẻ như đàn ông viết.

Chàng im lặng. Người bạn tiếp:

— Cô ta bảo mới 12 tuổi sang Mỹ, ở đây 13 năm. Làm sao có thể thích đọc tiếng Việt? Nói chi là viết một lá thư gọn ghẽ, chấm phẩy đàng hoàng như vầy?

Chàng cố chống chế:

— Thì có người này người kia chứ bộ. Biết đâu nhờ gia đình cô ta "kèm" kỹ lưỡng.

Người bạn nhún vai.

— Tôi nghĩ vậy đó. Còn ông muốn viết thư trả lời là tùy ông. Coi chừng "vào xiếc" của thằng nào à...

Chàng bắt đầu cảm thấy hình ảnh của người con gái hằng nghĩ lung lay. Thay vào đó là khuôn mặt của một thằng đàn ông nào đó, hiện lên với nguyên vẻ đểu cáng. Rồi tự nhiên, chàng đâm trách mình *tơm mơ* quá sớm, quá vội vã.

— Bây giờ tính sao?

Chàng hỏi với tất cả sự bối rối. Người bạn nhún vai cái nữa.

— Ai biết tính sao? Tùy ông à.

— Như ông, ông sẽ làm gì?

— Tui hả? Tui coi như không có, và quên liền.

Mẹ kiếp! Chàng nhìn gương mặt tỉnh *như không có gì* của người bạn mà bực mình. Đâu ai hiểu đã có những đêm chàng trăn trở đọc tên nàng..Đâu ai biết chàng bối rối khi nhìn đống sách để rầu rĩ không biết lá thư của nàng nằm trong cuốn nào. Đâu ai hay niềm vui tràn ngập *rest room* như chàng sáng nay...Chàng ngập ngừng,

— Sao tôi nghĩ cô ta là con gái thiệt ông à.

Người bạn định cười chế nhạo nhưng bắt gặp khuôn mặt như đưa đám của chàng lại thôi. Suy nghĩ một thoáng rồi anh ta vỗ vai chàng.

— Thôi! ông thử *test* xem sao.

— *Test?*

— Ờ! *Test* hay *check* cũng được.

— Bằng cách nào?

— Qua điện thoại.

— Điện thoại?

Chàng ngơ ngác hỏi lại. Người bạn gật đầu mỉm cười. Và chàng đã theo lời bạn, làm những điều mà anh ta gọi là *test* hay *check* qua điện thoại.

Có lẽ đến tận cuối đời chàng vẫn nhớ cái hoa thị nhỏ, đáng yêu đánh trước mười con số điện thoại nằm cuối lá thơ. Dù đã đọc lá thư hàng trăm lần, thuộc từng dấu phẩy, dấu chấm nhưng chàng vẫn

không để ý đến cái hoa thị với mười con số nằm ở đáy trang giấy. Lần nào chàng cũng ngưng tại án tên của nàng để lẩm nhẩm. Cho đến khi kế hoạch của người bạn được đưa ra chàng mới bối rối giở lại lá thơ và hú vía! Nàng đã cẩn thận để số điện thoại ở trang chót. Chàng sẽ thực hiện được cái *test* dễ dàng. Chúa ơi! cái hoa thị nhỏ vẫn bị bỏ quên bên cạnh mười con số sao hôm nay đáng yêu đến thế.

Nhưng dù sao cũng run. Run là cái chắc, thà không biết kết quả còn hơn khám phá ra tác giả lá thơ là một thằng đàn ông đểu cáng. Không biết thì còn mơ, còn mộng. Nhưng không *test* thì không được. Chàng đã nghĩ sẵn những tình huống để làm. Chàng run run bấm số phone khi lời dặn của người bạn vang lên trong đầu. *Nếu ông nhắc lên, hỏi cô ta mà gặp thằng đực rựa nào bảo cô ta đi vắng hay chờ tí thì nên cúp ngay. Trường hợp này chỉ từ thua tới huề. Thua là ông hiểu, còn huề là người ta giăn cảnh để kéo dài trò đùa với ông thêm một tí. Trong cái huề, ông phải feel thấy người ta có dàn cảnh hay không.* Người bạn cười hề hề sau ba trường hợp đưa ra. Hai điều trước rõ ràng là thua, chỉ còn tí tí hy vọng của trường hợp thứ ba thì cần phải *feel* mới thấy được. Sao mà khó khăn quá! Chàng áp ống nghe vào tai. Giọng cô gái Mỹ ở tổng đài léo nhéo về việc bấm lộn số. Chàng thở phào như được cất cục đá vô hình trên ngực khi buông điện thoại xuống. Nửa tiếc nửa mừng chàng lẩm bẩm một mình, khi bàn tay nắm chặt lại. Dám người ta cho số điện thoại chùa lắm à! Sao lại không dám khi mình chả là cái quái gì trong trò đùa của họ- nếu đúng là trò đùa. Mẹ kiếp! Có thể mình bấm lộn số trong lúc vội vã. Thu hết bình tĩnh, chàng bấm lại số cẩn thận. Có tiếng tích tích, rồi tiếng chuông reng đầu giây bên kia. *Vậy là số thật.* Chàng mừng rỡ reo lên, nhưng trống ngực đập mạnh hơn. Cái run lại đến.

— Hello

— Hello

Một giọng-con-gái-Bắc-Kỳ vang lên từ đầu giây bên kia. Chàng ngập ngừng. Tự nhiên thành cà lăm.

— Cho... tôi gặp... cô...

— Vâng, tôi đây!

Giọng cô gái Bắc Kỳ trong điện thoại thật dịu dàng. Chàng hét lên một câu chả ăn nhậu gì đến cuộc đối thoại. Hắn nàng chẳng giận hay ngạc nhiên. Bởi về sau, chàng kể lại tường hợp *test* với một câu trả lời kết qủa rất lạc quan: *Anh rơi vào trường hợp thứ tư.*

*
* *

Sau khi gởi lá thư, nàng bắt đầu ân hận. Đúng là hoảng. Chả quen biết gì hết mà đùng đùng viết thơ. Mà trời ơi! Lại viết thơ cho một người viết văn. Chắc chắn *hắn* sẽ cười mình. Chẳng có chuyện gì để viết một lá thơ dài đến ba trang. Ngay cả câu truyện của hắn viết cũng chẳng có gì, chứng minh là có liên quan đến nàng. Chỉ vì hơi

giông giống nhân vật, nàng đã cảm động viết thư. Lại còn ghi thêm địa chỉ và số điện thoại để liên lạc nữa chớ. Dù số điện thoại được nàng cố tình ghi tận cuối trang, rất dễ bỏ sót khi đọc-nhưng vẫn có. Để làm gì cơ? Đâu biết hắn thế nào? Tốt thì chả nói, còn xấu tính thì lá thơ đó sẽ thành một đề tài trong các câu chuyện. Chỉ nghĩ đến đây là nàng cảm thấy nóng bừng hai má và khó chịu với chính mình.

Cũng có lúc tự nhiên nàng nghĩ hắn sẽ đôn hậu và dễ mến như những gì hắn viết. *Văn là người* mà lị!. Hắn sẽ cảm động khi đọc thư nàng, và viết thư trả lời. Cũng có thể hắn sẽ coi đó như những lá thư độc giả viết cho hắn. Xem xong rồi xếp vào xó, không bao giờ biến lá thư thành một trò cười. Nàng tưởng tượng đến đủ thứ nhưng dù sao sự lo lắng vẫn nhiều hơn là hy vọng.

Hết tuần lễ đầu, với những ý nghĩ pha trộn đủ loại, nàng bắt đầu cảm thấy hắn *có vẻ* gần gũi. Tình cảm lãng mạn của một cô gái gốc miền biển, còn nguyên nét Việt Nam đã cho nàng những cái mỉm cười, những cái nhíu mày vô cớ hàng ngày. Hy vọng nhận được thư của hắn đột nhiên có nhiều hơn là những lần tự trách. Nàng bước vào tuần lễ thứ hai với nụ cười cho gã bưu tín viên đến mỗi chiều.

Nhưng điều đến với nàng không phải là một lá thơ. Đó là những cái nhảy mũi vô cớ, đến một cách vô duyên. Những cái nhảy mũi quái đản trong suốt hai tuần lễ liên tiếp. Lắm lúc trong sở làm, lắm lúc nửa đêm. Tưởng bệnh, đi bác sĩ thì chả có gì. Giữa nàng và những cái nhảy mũi đó có lẽ chỉ có trời mới giải thích được sự liên hệ. Cứ thế, hai tuần lễ nữa trôi qua, thư cũng không thấy mà điện thoại cũng chẳng có. Duy nhất chỉ có những cái nhảy mũi là đeo đẳng. Nàng bắt đầu bực bội và giận mình.

Ông bà cụ nàng ngạc nhiên về tính tình thay đổi của đứa con gái út vẫn được tiếng là hiền lành, dịu dàng. Con bé đâm ra khó tính và hay cau có. Lắm lúc những chuyện đâu đâu xảy ra cũng làm nó gắt gỏng. Chả bù với lúc trước, cười nói cả ngày. Ông bà cụ lo lắng đặt ra vài giả thuyết cho cô gái út cưng.

— Này bà, con bé dạo này đến lạ kỳ.

— Thày nó nghĩ sao?

Ông cụ ngần ngừ một lúc, rồ nói khẽ với bà cụ mặc dù bấy giờ chỉ có hai người trong phòng.

— Hay nó...phải lòng đứa nào mà không được....

— Phải lòng?

Bà cụ nhắc lại thẫn thờ và cảm thấy trời đất sụp đổ. Giời ơi! con bé mới ...hăm lăm mà đã khổ thế sao? Bà cụ quên mất dù nàng là con gái út, bé bỏng nhất nhà nhưng nếu chuyện đó xảy ra trên đất Mỹ với cô gái vào tuổi nàng là điều bình thường. Vẻ cuống quít của bà cụ làm ông cụ ái ngại.

— Tôi chỉ nghĩ thế, cũng chưa chắc.

— Ừ con bé ngoan thế...

Bà cụ vội vã nhận ngay ý kiến đó. Trầm ngâm thêm một lúc, ông cụ lại bảo:

– Nhưng dù sao bà cũng nên để ý đến con nhiều hơn nữa. Gạn hỏi nó xem sao, rỗ khổ con bé út ít nhà mình...

Ông cụ thở dài bỏ lửng câu nói. Và bà cụ bắt đầu theo dõi cô con gái cưng. Cuối cùng báo cáo lại với ông cụ.

– Nó bịnh đấy ông ạ

– Bịnh?

– Ông chẳng để ý gì đến con cái cả. Nó hắt xì cả đêm...Lại còn nghi oan cho con bé...

Mọi cái xảy ra cho cô gái cưng được bà cụ đổ cho những cái nhảy mũi và cơn bệnh không có. Nhưng đó chỉ là ý kiến của ông bà cụ nàng. Còn nàng những cơn ắt xì ít dần, rồi chấm dứt vào tuần lễ thứ tư mà chẳng cần viên thuốc nào cả. Song song với việc chấm dứt những cái nhảy mũi là nàng chấm dứt tâm trạng chờ thư và điện thoại. Bốn tuần là quá đủ. Cái thằng cha thật dễ ghét, làm phách, kiêu căng. Cứ tưởng như mình viết hay lắm ấy...Đã có lúc nàng nhất định không thèm đọc những gì hắn viết, nhưng ác thay liên tiếp trong ba tháng liên tiếp hai tờ tạp chí văn nghệ nàng mua hàng năm lại đăng liên tiếp bài của hắn. Nàng giở tờ báo, đọc cái tên hắn rồi bĩu môi, lật sang trang khác. Đó là tháng đầu. Tháng thứ hai tính từ cơn bệnh nhảy mũi nàng lật hai tờ báo ra. Vẫn thấy cái tên dễ ghét, kiêu căng, làm phách đó xuất hiện. Tháng thứ ba nhận báo nàng lật ra. Vẫn có hắn! Lần này cái tên hắn như một sự châm chọc vào diều cợt nàng. Bực mình không ít, nàng đọc cái truyện của hắn. Đọc với tất cả hậm hực để *vạch lá tìm sâu* (câu này, lúc sau nàng...thỏ thẻ khi kể lại với chàng chẳng có gì là hậm hực mà còn đáng yêu nữa mới chết). Được vài trang đầu nàng bật cười ròn rã. Đó là một cái truyện diễu của hắn. Ông bà cụ nhìn tràng cười của con gái đâm vui lây. Vừa lúc đó, chuông điện thoại reng. Nàng bốc lên. Bên kia giây nói một giọng đàn ông Bắc Kỳ lạ hoắc.

– Hello.

– Hello.

Nàng *feel* thấy người đàn ông đó ngập ngừng. Rồi tiếng nói đứt quãng, nhưng tự nhiên nàng nghe rõ ràng.

– Cho... tôi gặp... cô...

– Vâng tôi đây!

Nàng dịu dàng trả lời. Bên kia giây nói người đàn ông rất bất lịch sự , đã hét lên nghe chói tai.

– Đúng rồi! Đúng rồi!

Sau đó là *hắn* giới thiệu tên. Nàng ngạc nhiên, và sực nhớ trước mặt nàng là cái truyện đang đọc với cái tên không còn dễ ghét của *chàng*.

*
* *

Sắp đến mùa xuân thứ hai là nói cho nó văn vẻ, còn chàng với nàng thì đâu còn quan tâm điều gì khác. Thời gian với họ chỉ quan trọng vào những lúc bốc điện thoại nói chuyện với nhau và chỉ đáng nhớ khi công ty điện thoại gởi *bills* về. Từ tháng giêng của một năm đến bây giờ là tháng chạp của một năm là điểm đầu và điểm cuối thời gian. Khoảng thời gian này được một *nhân chứng* thành thật và nhiệt tâm nhất trong vấn đề nhắc nhở là công ty điện thoại. Mỗi tháng một lần, *nhân chứng* tận tụy làm tròn trách nhiệm với họ, đều đặn, không xao lãng. Hai mươi ba lần nhắc nhở được biểu diễn bằng hai mươi ba cái *bills* với những con số. Chàng vui vẻ ký *check*. Nàng vui vẻ ký *check*. Và công ty điện thoại cũng vui vẻ nhận *check*.

Tất cả đều vui vẻ như những câu chuyện vớ vẩn họ đã nói với nhau. Chẳng đâu vào đâu cả. Toàn chuyện trên trời dưới đất. Đại loại như:

— Em dạo này thế nào?

Chàng mở đầu, dù mới đêm hôm qua nàng vừa gọi.

— Vẫn khoẻ đi làm đều!

Chúa ơi! nghe nàng nói hình như hãng xưởng sắp đóng cửa đến nơi. Dĩ nhiên chàng tỏ ra quan tâm hơn.

— Ở sở vui chứ?

— Vui! Còn anh?

— Vui lắm. Anh làm báo mà lỵ...

Tiếp theo là chàng kể ra một lô chuyện xảy ra trong ngày tại tòa soạn tờ báo chàng làm. Nàng, bây giờ có thể hình dung được quang cảnh tòa soạn ra sao, ai ngồi đâu, công việc gì một cách dễ dàng bởi lần này có thể là lần thứ một trăm hay hơn nữa, chàng kể về tòa soạn. Ngược lại chàng cũng có thể hình dung được căn phòng nàng đang ở. Cái *cassette* để góc nào, bàn kê sát cửa sổ màu gì, kệ sách của nàng mới có cuốn sách nào...Hoặc lý kỳ hơn nữa nàng còn kể cho chàng nghe tối nay ăn cơm với món gì, rồi hỏi ngược lại- dĩ nhiên chàng cũng kể cho nàng nghe vừa ăn gì, uống mấy chai bia loại nào...Ôi! lòng dzòng có bấy nhiêu chuyện xảy ra. Nhưng vẫn nói! Bởi họ đã *ghiền* giọng nói của nhau.

Mà ghiền thật chứ chả chơi! Những lần nói chuyện trên trời dưới đất đã thành sự cần thiết với họ. Chỉ cần sau tiếng *Hello* của nhau là cả hai đều thấy lòng nao nao. Rồi chàng và nàng *thay phiên* nhau nói. Đề tài dĩ nhiên toàn những mẩu chuyện lãng xẹt mà chỉ có những người như họ mới thấy đáng yêu- như trăm ngàn mẩu chuyện đã có giữa trăm ngàn cặp tình nhân. Có lúc bí đề tài chàng bèn đọc một bài thơ mới làm. Sau thấy thơ còn ngắn, không đủ *đã*, chàng bèn đọc truyện ngắn mới viết. Nàng nghe, thỉnh thoảng...góp ý kiến. Chàng đồng ý thì câu chuyện tiếp tục, còn không đồng ý thì cả hai cùng bàn cãi. Say sưa bàn cãi đến độ quên hẳn tiền *long distance* từ Cali đến Dallas phải trả sòng phẳng chứ không thể thương lượng hay bàn cãi được. Chưa

hết! lâu lâu nàng còn rủ chàng...đánh cờ tướng. Chúa ơi! Những ván cờ tướng rất đáng yêu và rất đáng tiền. Chỉ cần từ con pháo đầu tiên nhúc nhích đến con tướng bay đầu là đủ *hết nửa lần nói chuyện*. Chỉ nửa lần thôi vì phần còn lại là họ...luận về bàn cờ vừa rồi. Đáng lẽ anh phải đi con xe, đúng ra em phải bỏ mã v.v...Hăng hái nói cho nhau nghe để cuối cùng buông điện thoại xuống là quên hết.

Nếu câu chuyện giữa hai người chỉ vẩn vơ, trên trời dưới đất thì công ty điện thoại đâu thoải mái thu tiền hàng tháng? Cũng phải *có gì* chứ? *Có gì* là có gì? Có gì sao được? Đến bây giờ họ vẫn chưa gặp nhau mà. Nhìn vào ai cũng thấy thế, cũng bảo thế. Nhưng đó là mọi người. Họ đâu phải mọi người, họ đâu bảo thế, họ đâu thấy thế? (Nhắc lại đến giờ này họ vẫn chưa gặp nhau làm sao mà thấy?). Nhưng họ đã nói, đã nghe và đã *cảm* thấy. Cái cảm này chính là cái *có gì* chỉ riêng họ có mà mọi người không có.

Với chúng ta, điều *có gì* của họ nhạt thếch, bình thường như những chuyện ấm ớ của các cặp tình nhân. Nhưng với họ, nhất là nàng thì đó là điều không được tiết lộ. Kỳ chết! Chửa gặp nhau, chửa biết mặt mũi của nhau ngang dọc thế nào mà cứ như là...Như thế nào? Chàng tủm tỉm cười, tưởng tượng đến mật nàng khi nói. Rồi vòng vo tam quốc mãi mới *dụ* được nàng đồng ý tiết lộ. Thật ra, việc tiết lộ những cái gọi là *có gì* của họ đâu có gì là quan trọng trong cuộc sống. Nhưng bởi câu chuyện này, bởi truyện ngắn này phải được hoàn tất nên đành phải dụ hai người đồng ý. Chúng ta dụ chàng, chàng dụ nàng. Diễn biến của hai lần dụ đã được hoàn tất. Chàng đã yên tâm không sợ nàng giận. Nàng vui vẻ không sợ xấu hổ và chúng ta lại tiếp tục.

Cái gọi là *có gì* có họ lẫn lộn vào những câu chuyện ấm ớ, hội tề. Nhưng cả hai đều cố gắng *bòn tro, đãi sạn* để tìm thấy những cái *có gì*. Họ rán tìm cũng như rán tìm cơ hội để gởi gấm điều gì đó trong các lần đối thoại. Như kể cho nhau nghe họ vừa ăn tối với món gì. Chàng thở dài rất cải lương.

— Anh lang thang như hồn ma không miếu.

— Sao anh không ăn chung với chủ nhà?

— Phiền lắm em ạ.

— Buồn quá nhỉ...

— Mỗi bữa ăn là một quán. Nhiều lúc nhìn thực đơn anh chẳng biết gọi món gì. Mà có gọi ra, một mình ngồi một bàn nhìn chung quanh anh thấy mình đúng là mồ côi. Tủi không ăn được....

Nàng bùi ngùi, nói nhỏ:

— Phải chi có em.

— Ừ phải chi có em thì đỡ biết mấy.

Họ im lặng khi hai cái phải chi được nói đã kéo họ gần lại một cách tự nhiên. Hoặc giả một lần sau khi đánh cờ tướng bằng mồm. Nàng hồn nhiên kể một câu chuyện vui về việc kén rể bằng đánh cờ

tướng bằng mồm. Xong cả hai phá lên cười. Nàng bảo.

— Có một điều trái ngược giữa anh và em.

— Lúc nào?

— Lúc đánh cờ tướng. Em là con gái mà luôn luôn đánh pháo đầu. Còn anh cứ gánh tượng mãi. Đàn ông con trai gì mà yếu xìu.

Chàng cười.

— *Tam thập nhi lập*. Ngày xưa các cụ bằng anh đã thành người, anh năm nay ba mươi mấy mà vẫn lông bông, đôi lúc nghĩ lại cũng cần phải thủ chứ. Biết đâu chả được vợ...

Nàng cười theo.

— Được sao mà mà dễ thế? Ít nhất cũng phải qua một màn thi đấu cờ tướng như chuyện em vừa kể...

Chàng suy nghĩ một thoáng, rồi bảo.

— Anh cũng có một câu chuyện cờ tướng kén chồng.

Kể đi.

Chàng bắt đầu chế ra câu chuyện.

— *Xưa có ông phú hộ Bắc Kỳ, người nhân nghĩa nên trời thương cho con cháu đầy đàn. Người nào cũng giỏi dang, thông minh. Đặc biệt là cô con gái út, đã xinh đẹp lại còn dịu dàng. Nhưng cô ta chẳng để ý đến ai cả. Ông phú hộ Bắc Kỳ rất thương yêu cô con gái rượu này. Cha con quấn quít bên nhau suốt ngày, có gì cũng san sẻ, cũng dành cho cô út. Ngay cả thú đánh cờ tướng ông phú hộ cũng...truyền cho con. Mỗi ngày là một cuộc cờ giữa hai bố con. Cứ thế năm 18, cô Út đã là một danh thủ về cờ tướng.*

*Dù thương con đến đâu cũng có ngày phải gả chồng cho con gái. Năm ấy, ông phú hộ kén rể. Điều kiện không phân biệt sang hèn, chỉ cần đánh với cô út ba ván cờ, nếu thắng thì thành rể. Các đấng đàn ông, con trai ùn ùn kéo đến thử sức. Dĩ nhiên là bại trận dài dài. Ban đầu thấy con gái thắng, ông cụ cũng khoái. Sau thấy cô út thắng hoài ông cụ đâm lo. Điệu này dám nó ế vì say men chiến thắng lắm à! Nhưng thương con, ông cụ chưa dám lựa lời để nói. Cuộc thi kén rể do ông cụ bày ra bây giờ lại thành mối lo của chính ông.*

*Nửa năm sau vẫn chưa có chàng trai nào đủ sức đánh ván thứ ba. Ông cụ đã rầu rĩ lại càng rầu rĩ. Nhưng cô út hình như say men chiến thắng thật. Cứ tỉnh bơ hạ từng đối thủ và vui vẻ sống.*

*Nửa năm nữa trôi qua, khách đến dự thi đã thưa dần. Dăm bữa, nửa tháng mới có người ghé đến. Nhưng vẫn là những bại tướng. Ông cụ nản lòng, định hủy cuộc thi nhưng cô út nằng nặc không chịu. Lại còn dọa tự tử nếu ông cụ ép uổng.*

*Nửa năm sau, khách đến chỉ có hai người. Và thua cả hai. Cái chái dựng lên để làm nơi tranh tài vắng teo, bộ cờ bụi bám đầy. Chả bù với những ngày mới mở cuộc thi, người vào ra tấp nập như trẩy hội. Giành giật, chen lấn nhau để được thử sức trước kẻo lại ân hận. Chỉ cần nhìn cái chái vắng tênh là ông cụ đủ não lòng khi hình dung*

*đến đoạn đời cũng vắng tênh, trong tương lai của cô út.*

*Đang rầu rĩ thì người nhà báo tin có người lỡ đường đến xin trọ. Ông cụ cho mời khách vào. Vừa gặp mặt chàng trai ông cụ có cảm tình ngay. Sau bữa cơm ông cụ và chàng trai đã có vẻ tâm đắc lắm. Cuối cùng là chuyện cờ tướng kén rể. Ông cụ gợi ý với chàng trai.*

*— Cháu biết đánh cờ chớ?*

*— Có nhưng xoàng lắm bác ạ.*

*Ông cụ hơi thất vọng, nhưng cũng khuyên chàng trai nên thử. Dĩ nhiên anh chàng nhận lời để khỏi làm phụ lòng ông chủ nhà tốt bụng.*

*Đêm ấy mười sáu, trăng tròn vằng vặc. Mảnh vườn với cái chái trở thành nên thơ. Không gian làm nao lòng người. Cô Út và chàng trai gặp nhau trong không khí đó.*

*Sau ván đầu ông cụ chán nản bỏ đi ngủ. Chàng trai đánh cờ quá tệ. Còn lại hai người họ đánh thêm ván thứ hai. Khi câu chuyện được nối giữa hai người trở nên thân mật, cô út thấy chàng trai thật dễ mến, mà câu chuyện giữa hai người đang đến hồi gây cấn. Cô út đang thích thú theo dõi đoạn đời do anh chàng kể. Và thua là dĩ nhiên. Thua để đánh thêm ván thứ ba cho câu chuyện được tiếp tục.*

*Đang ngủ, ông cụ bật dậy khi nghe người nhà báo cáo tình hình. Lần đầu tiên trong vòng hai năm mới có người được đánh ván bài thứ ba. Ông cụ vội vã chạy ra vườn trong ý nghĩ tràn đầy hy vọng: chàng trai chỉ nhường cô út ván đầu tiên. Hai ván sau sẽ thắng và...*

*Hình ảnh của đôi trai gái ngồi đối diện nhau trước bàn cờ làm ông cụ hài lòng. Họ xứng đôi quá xá. Rón rén bước vào chái, ông cụ theo dõi ván cờ đã bắt đầu.*

*Chàng trai bấy giờ đã đưa pháo sang ăn tốt đầu và chiếu tướng cô út. Cô út lui tượng thay vì gánh sĩ lên đỡ. Chàng trai lui con pháo lại một nước. Cô út nhìn chàng trai rất lâu rồi mỉm cười đưa tượng lên vị trí cũ.*

*Có chút ngạc nhiên hiện trên mặt chàng trai, rồi chàng ngước lên, bắt gặp ánh mắt cô út với cái cười dịu dàng. Chàng ngẩn ngơ, cô út ngẩn ngơ. Họ ngẩn ngơ quên hẳn những con cờ đang bày trước mặt.*

*Phía bên ngoài ông phú hộ Bắc kỳ cũng ngạc nhiên vì nước đi của cô con gái. Nhưng thay vì nhắc con, ông lại nhắc chàng trai với tất cả hy vọng.*

*- Đi đi cháu, đến lượt cháu rồi đấy.*

*Hai người trẻ tuổi giật mình. Chàng trai làm đúng như ý ông cụ và cô út. Cầm con pháo nhảy qua con tượng cô út vừa đặt xuống và ăn tướng. Bàn cờ kết thúc một cách thoải mái cho cả ba người sau gần hai năm không thoải mái của ông phú hộ.*

Chàng ngưng lại với câu hỏi trong tiếng cười của nàng.

Hay không em?

Vui quá.

Chàng cười theo:

— Em thấy không? Đàn bà con gái quá khôn ngoan đôi lúc cũng chỉ nên đi con tượng.

Bên kia dây nói, nàng đã thôi cười. Im lặng giữa hai người một lúc lâu, rồi nàng bảo.

— Từ nay em sẽ chỉ đi tượng lúc đánh cờ với anh!

*
* *

Suốt thời gian của hai mươi ba cái *bill* điện thoại họ đã có rất nhiều dịp để đến thăm nhau. Giáng Sinh, Lễ Tạ ơn...đủ thứ ngày nghỉ, nhưng họ đã không làm. Như đã nói, họ luôn luôn né nhau. Sự thân tình ngày càng tăng làm cho ý nghĩ về nhau ngày càng đẹp. Dần dà thành...lý tưởng. Trong chàng, nàng là một cô gái dịu dàng, nết na, dễ thương. Một cô gái Việt Nam lý tưởng trên đất Mỹ, trong khi mình chả là cái quái gì cả. Mấy năm trời lang thang, trôi nổi với cái nghề bạc bẽo, *hữu danh vô bạc* là làm báo Việt Nam ở Mỹ. Thư ký Toà soạn rồi Tổng thư ký. Trời ơi! nghe *oai* dễ sợ. Nhưng chỉ nên nghe thôi, chứ đừng gặp. Nản lắm và nản lắm. Gặp nhau để làm gì trong khi cuộc sống tương lai của chàng đen ngòm như màu mực in báo? Thôi, đành phải *né* vậy. Đành phải đến với nhau qua sự trung gian cũa hãng điện thoại. *Lâu rồi, đời mình cũng qua*...Nói cho cùng, chàng hoàn toàn không mang mặc cảm về công việc đang làm tí nào cả. Đôi lúc lại còn hãnh diện nữa là khác. Nhưng đó là đối với cuộc sống hay mọi người chung quanh. Còn nàng? Chỉ cần hình dung đến người con gái mang tên đó, dịu dàng như thế, hiền ngoan như thế mà đối diện vớ cái thằng trôi thân như chàng thì người ta thất vọng biết bao nhiêu? Tội nghiệp biết mấy khi nàng thất vọng...Chàng đột nhiên mang mặc cảm. Bởi thứ mặc cảm kỳ cục đó nên những lần lễ nghỉ chàng đều kiếm cớ không sang Dallas (nơi nàng ở) dù chưa một lần nàng mời đến. Cứ thoái thác bằng một lý do nào đó trước là chắc ăn!

Cũng thế, trong nàng, chàng là một người đàn ông lý tưởng. Chấp nhận đời sống vật chất eo hẹp để thực hiện...văn hóa! Chúa ơi! Nếu nàng nhìn thấy cảnh các *nhà văn hóa* phải cười cầu tài với thân chủ quảng cáo thì đau lòng và thất vọng biết mấy. Chàng đã hy sinh, lang thang khắp chốn để tiếp tục con đường. Lại nữa, qua những lần nói chuyện nàng thấy chàng hiện rõ nét đôn hậu, hiền lành. Ôi! mẫu người đàn ông Việt Nam trên đất Mỹ, trong khi mình chả là cái quái gì. Sang Mỹ từ ngày còn bé, ý niệm về quê hương lờ mờ, lúc có lúc không. Học xong, đi làm. Suốt ngày quẩn quanh một chỗ, chẳng biết gì ngoài sách vở. Gặp người *từng trải* như chàng ngại chết. Mình sẽ hiện nguyên hình một cô bé nhà quê lạc lõng trong con đường chàng đã chọn...Và cũng như chàng, nàng chả có tí ti mặc cảm nào đối với cuộc sống Mỹ. Công việc tốt, có bố mẹ, gia đình bên cạnh, dễ thương...một cô gái như vậy có gì phải ngại ngùng khi sống? Nhưng trong cái nhìn về những người làm văn nghệ của nàng quá đẹp nên

ngại ngùng là phải. Nàng cũng tìm cách né chàng. Để khỏi làm thất vọng nhau mà.

*
* *

Bây giờ là mùa xuân thứ hai, họ vẫn đang trong tình trạng *né* và *ghiền*. Tội nghiệp chàng, tội nghiệp nàng, tội nghiệp cả những tấm *check*. Đời đã lắm cảnh tội nghiệp sao ta nỡ để thêm một cảnh tội nghiệp nữa xảy ra cho hai người trong mùa xuân sắp đến? Bởi nếu không có ai nói cho họ biết những điều về nhau, họ sẽ kéo dài tình trạng *né* và *ghiền* đến tận cuối đời. Đâu ai đành thế? Nên truyện ngắn này phải được viết ra với một hy vọng đẹp như mùa xuân dành cho họ, bằng tất cả sự tin tưởng của chúng ta. *Họ sẽ không làm cho nhau thất vọng trong tình yêu.* Và bạn, nếu gặp chàng hay nàng trong mùa xuân này, hãy an ủi họ rằng:

Rồi cũng yêu nhau mà!

**NGUYỄN Ý THUẦN**


**BÁC SĨ TRẦN TIỄN HUYẾN**

**M.D., F.A.C.S.**

• Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát ( American Board of Surgery).

• Tốt nghiệp Siêu chuyên khoa Giải phẫu đường ruột và hậu môn.(American Board Qualified of Colon and Rectal Surgery).

• Hội viên Hội Bác sĩ Giải phẫu Hoa Kỳ ( Fellow, American College of Surgeons).

• Hội viên Hiệp hội Bác sĩ Giải phẫu đường ruột và hậu môn (American Society of Colon and Rectal Surgeons).

**CHUYÊN TRỊ VÀ GIẢI PHẪU**

• *Các bệnh trĩ và mạch lươn bằng tia laser ít đau, mau bình phục*

• *Bệnh đường ruột, ung thư ruột, táo bón kinh niên, ruột dư, sa ruột*

• *Sạn túi mật, vàng da, đau bụng*

• *Tầm ung thư ở vú và ngực*

• *Các loại bướu ở đầu và cổ*

• *Giải phẫu sửa cơ vòng âm đạo suy yếu do sinh đẻ hoặc tuổi tác*

• *Tiểu giải phẫu : Cắt qui đầu, cắt bướu ở da, các loại nốt ruồi.*

• *Suy tầm ung thư ruột và bộ tiêu hoá*

• *Soi đường ruột*

**MAGNOLIA CLINIC**

*14571 Magnolia St. Suite 207, Westminster CA 92683*

*By Appointment Only (714) 898.1177*

*Đỗ Khiêm*

## *Chuyện tình trong đường hầm*

Người con gái đánh đàn nốt thấp nốt cao một bản nhạc thời trang . Bản nhạc yêu cầu nàng không thuộc nên cái du dương đôi lúc vấp phải ngập ngừng. Đây chẳng phải là mùa mua sắm Giáng sinh trong thương xá với nhạc công thất nơ đen giày vernis bóng lúc lắc đầu dạo qua dạo lại những bài nhạc thuộc lòng hay lật tới lật lui cũng tìm thấy được ở trong tập nhạc kê trước giá. Đây là mùa vào hè trong hầm uống rượu và bài nhạc yêu cầu là bài sẽ được nghe ra rả khắp nơi, trong phòng nhảy, trên bãi biển, quán café, đài truyền hình đến phát chán trong vòng ba tháng tới để chẳng còn ai nhớ đến vào mười năm sau. Giờ này thì người con gái đánh đàn chưa thuộc được, còn sớm quá, chưa vào tháng sáu. Kẻ yêu cầu lúc này còn sành điệu tiền phong, bắt được trước cái điệu mà cả nước sẽ huýt sáo vào những lúc vẩn vơ trong phòng tắm trước gương rửa mặt hay khi ra cửa sổ nhìn ra phía ngoài bên bàn giấy trong suốt mùa đông sau. Ờ, *Tube de l'été* năm nay. *Tube de l'été* năm ngoái từ mấy tháng gần đây như đồ ăn ngày quá hạn tiêu thụ, chỉ hát nho nhỏ một mình thôi cũng đủ làm lợm giọng, nói gì đến dạo ầm lên trên cái streinway một nửa đuôi của hầm dưới Pub The Red Lion.

Hắn nhìn thấy loáng thoáng tờ giấy lớn bỏ vào cái ly bia một lít đựng bạc cắc đặt trước mặt người con gái ở một góc đàn. Nàng nghiêng đầu mỉm cười cám ơn, tóc đu đưa che một bên mặt như ngọn đèn bật tắt. Nàng dạo lại thêm một lần điệp khúc, cái rập rình lỡ cỡ với làn tóc lúc sáng lúc tối. Bóng đèn vít vào đuôi không chặt, sợi dây kim khí lúc bắt được điện lúc không đang rung rinh. *Yellow river... ta*

*tà ta tà tà... Yellow river.* Một vài nốt cuối cùng luống cuống, người con gái ngả đầu ra sau chấm dứt, sợi dây rung rinh chưa kịp đứt, hắn thở phào nhẹ nhõm, đèn chưa cháy bóng. Bộ tóc vàng trở về rủ nguyên trước ngực, lác đác một vài tiếng vỗ tay loé lên từ các góc tối ngòm trong hầm, có tiếng cười đùa của một đám đàn ông năm sáu đứa ở đằng sau lưng. Anh chàng yêu cầu bản nhạc còn đứng cạnh đàn xã giao gì đó, ba người con gái ngồi trước mặt hắn châu đầu vào nhau khúc khích. Hắn coi quang cảnh quen thuộc như một phim quảng cáo la de làm ra dáng đắt tiền. Con gái, một người thì thầm lặng. Hai người thì thầm thì nhỏ to. Ba người thì không còn thầm thì hay thầm lặng mà là khúc khích. Nghe quen như điệu tủ của mùa hè, nghe quen như quảng cáo màn ảnh, hay là với phụ nữ mình vẫn còn thành kiến. Bây giờ mới Hè, hăm he phụ nữ, hắn chưa quen. *Yellow river, yeah.*

*
* *

Ba người con gái nói thứ tiếng ngoại quốc hắn không hiểu. Vểnh tai ra nghe mãi hắn cũng chỉ đoán được những tiếng "có", "không", lẫn vào tiếng đàn giờ đã dịu dàng hơn loáng thoáng gì đó một tiếng ru miệt bắc. Người con gái ngồi đàn có vẻ thảnh thơi hơn, chẳng còn cần cười lịch sự, chẳng còn cần cười bâng quơ, tóc hai bên xõa xuống ngang hai vú. Nhìn thế này cũng đâu phải là vú nhỏ. Dưới làn áo đã chẳng ai đoán được lại phải còn rũ tóc xuống để che. Hắn bật cười một mình.

— Chuyện gì mà vui thế?

Kerstin hỏi làm cả hai cô ngồi bên ngưng lại lơ đãng quay sang nhìn hắn. Ba cô đối diện mình hình như hết chuyện để khúc khích rồi hay sao.

— Tao cười một mình, hắn dỗi. Hồi nãy tụi mày cười tao có hỏi gì đâu?

Trong ba người Kerstin đẹp nhất. Cả ba đều tóc vàng mắt xanh nhưng Kerstin tóc vàng nhuộm nâu, phải kẻ chân tóc ra mà nhìn mới biết, nàng ở bên Pháp lâu hơn nên nàng ngụy trang. Kerstin có lần bảo hắn "Mày muốn đoán ra con gái Thụy Điển mày nhìn cổ tay mới biết. Tụi tao to xương, con cháu Viking mà" — nàng chìa cổ tay cho hắn nắn". Tao 60 ký mà tao đâu có mập". Kerstin không mập thật, Kerstin to xương cổ tay, xương cổ chân và cả xương hông. Nhưng trong thập niên của Twiggy &Co, 60 ký nói ra nghe rùng rợn. Viking, đồ thô bạo. Hắn nhìn nàng, gắng tưởng tượng ra bộ xương bên trong da thịt, gắng tưởng tượng ra cái đầu lâu đằng sau khuôn mặt nhưng không được. Nếu có dịp, phải xin nàng cho xem quang tuyến . Chứ nhìn suông thế này, Kerstin rất dễ thương. Kerstin xanh mướt như cây xương rồng, thịt da mềm mại nhưng bên trong cứng cáp, hắn mới học được sau khi xem "*Que Viva Mexico*", cuốn phim bất thành của Eisenstein. Cây xương rồng cũng nhiều ích lợi lắm, chẳng riêng gì cây

tre cây trúc. Cây xương rồng cũng đẹp vậy, chẳng riêng gì cây liễu cây bồ. Con cháu của Viking đầu đội nón sừng tay cầm búa, Kerstin coi rất đẹp. Giờ nàng lại cười, làm đu đưa vết sẹo nhỏ ở một bên mép hắn thấy rất là duyên. Vết sẹo sự tích ra sao hắn không được rõ, của tổ tiên để lại sau những lần đột phá vùng duyên hải xứ người, cướp của, đốt nhà. Hắn lấy ngón tay dí vào vết sẹo ở cạnh góc môi cho nó thôi đừng rung rinh.

— Nãy tụi bay kể chuyện gì?

— Violette- Kerstin quay sang bạn- Violette hồi sáng ngồi café nghe lóm được chuyện giữa hai con nhỏ mới từ Thụy Điển sang đây lần đầu.

Violette vươn người ra khỏi bóng tối cho hắn rõ. Cô này chẳng to xương nhưng nhất định là vú bự. Cái thuyết của Kerstin là cái thuyết nhì nhằng. Violette cười, ngực rung rinh, hắn tưởng tượng hai đầu vú xô đẩy bên dưới áo. Hắn rút tay ra khỏi vết sẹo của Kerstin nhưng cái này hắn chịu. Nó rung rinh mặc nó, Violette hắn vừa mới gặp hôm nay.

— Mới sang thì đã sao.

— Tụi nó mới từ ở Gare du Nord ra, vào quán ngồi phê bình đàn ông, Violette kể. Mỗi lần có ai ra vào café, người thấp, người cao, người xấu người đẹp, tụi nó cũng nói được một câu. Tao ngồi sau lưng, nghe thấy hết, nó không để ý đến tao...

Violette ở bên Pháp được vài tháng, đổ hình đổi dạng, phục sức theo kiểu khác, làm sao mà nhận được là Thụy Điển. Hắn định nói "Tại mày thôi không đi guốc nữa, ai mà biết được mày đồng hương" nhưng lại thôi. Cứ để nàng kể, mấy khi được nghe con gái bình phẩm về đàn ông mà lại ngắt.

— Hai đứa nó ngồi suýt xoa những thằng vai ngang đít dẹp, tóc đen quăn, râu cạo không nhẵn. Mẫu người lý tưởng đàn ông Pháp của tụi nó...

*Latin lover,* phải rồi, người ta xuống đây tìm mặt trời, có gì khác tụi mày đâu, khác người đến trước kẻ đến sau, tại sao mà dè bỉu thế.

— Mày biết mẫu người Pháp lý tưởng của nó lại là gì không? Nàng tiếp. Không phải Pháp!

Violette nắc nẻ cười, hai đầu vú chắc lúc này bần bật. Thập niên này không đeo nịt vú.

— Những thằng mà tụi nó khen là đàn ông Pháp lý tưởng đều là Ả Rập!

Hắn thấy không có gì đáng cười. Ở Thụy Điển mà đứng nhìn thì bên kia eo biển, Đan Mạch đã là miền Nam. Omar Sharif cứ đóng mãi vai playboy Pháp đã có sao. Đời phải để cho người ta quá đáng một chút nó mới trọn nghĩa, Pháp là miền Nam, Ả Rập là miền Nam hơn một tí. Ở đây người ta bảo bên kia sông Loire đã là Ả Rập chắc chị này không được biết. Tổ tiên họ đeo lục lạc trên cờ xí, ngựa dậm chân

ngừng lại ở Poitiers. Cũng như tổ tiên mày Viking khiên ngắn kiếm dài lấy vùng Normandie làm nơi lập nghiệp khiến đến giờ con gái vùng đó tóc vẫn còn vàng và má vẫn còn hồng tao có nói gì đâu. Người Pháp mang tên Maurice, mang họ Morin đều gốc gác gì đó với Bắc Phi, đâu phải ai cũng như chàng Roland thổi tù và ngăn họ cho đến lúc vỡ cuống họng. Nhìn từ xa, na ná cả. Ở mùa đông đến đây tìm máu nóng, có lẫn vài anh hùng sa mạc với người đầu đội bê rê tay cắp bánh mì đứng quầy uống rượu đỏ cũng chẳng hại gì. Hắn nói:

— Tao sang Goreborg tao thích con gái Phần Lan mày có cười tao không?

Violette nheo mũi lại. Người Phần Lan là dân di cư sang Thụy Điển hành toàn những nghề tạp dịch hơi nhiều, tựa như người Bắc Phi ở đây. Chẳng phải thế mà con gái họ coi không được mắt. Có điều, bố mẹ Violette ắt phải thích Pháp mới đặt tên cho con là Violette, Pháp chính cống cơ, chứ nếu thích Ả Rập đã đặt tên cho con là *Schéhérazade* hay *Aida* rồi. Tên Violette nghe có vẻ kém không được Rimsky-Korsakov mà cũng không được Puccini phổ nhạc. Băng ba cô Thụy Điển này hắn hơi chán, hắn quay sang nhìn người con gái đánh đàn bằng góc mắt. Đêm đã về khuya nhưng gần vào Hè chẳng ai buồn đi ngủ sớm. Ly nước của hắn đã cạn, hắn không có tiền để gọi thêm ly khác. Người con gái nhẹ nhàng một tay "*Girl From the North Country*", chốc lát ngưng lại uống hớp nước có thính giả nào mua tặng. Hình như nàng có đưa cái cốc lên nhìn hắn cười nhưng hắn không chắc. Hắn ngồi nguyên tại chỗ, ăn đỡ lát chanh còn vắt vẻo ở thành ly của mình. Kerstin nói:

— Mày chưa biết chuyện Ả Rập của Violette.

Violette đã thụt trở lại vào bóng tối hắn không còn rõ mặt. Ngọn đèn chỉ còn chiếu một khoảng trên ngực nàng bất động. Cô thứ ba trong góc trầm ngâm chẳng nói năng gì. Đám đàn ông đằng sau lưng lịch kịch đứng dậy đi, coi bộ vẫn còn vui vẻ lắm. Một vài người lúc đi ngang liếc nhìn chào vào bàn hắn. Đêm nay không có đàn bà ngồi riêng trừ người con gái đánh đàn. Họ kéo nhau lên lầu, hai anh sau cùng còn nấn ná cạnh cái dương cầm nói một vài câu, lấy lưng che khuất người con gái. Hắn tự nhiên thấy mình may mắn, hạnh phúc trở lại.

Violette thọc một tay ra khoảng sáng nhấc cái ly trước mặt cầm quay quay nghịch. Nó cũng chỉ còn có một chút nước trong đáy, hắn dương mắt nhìn mới thấy được sóng sánh. "*Girl From the North Country*", hắn muốn hát khe khẽ theo.

— Một hôm tao đi tàu điện... ngay trên đường này nè (nàng vẫy nhẹ cái ly, mặt vẫn ở trong bóng tối, hắn đoán được một chút môi màu đỏ)

— Tao đi tàu điện ngầm, đứng cạnh một thằng người Ả Rập... Được một lúc, không nói năng gì cả, tao thấy kỳ kỳ, quay sang, nó

đang cầm tóc tao.

'Chết mẹ rồi' hắn nghĩ, lại một chuyện ngụ ngôn. Sau chuyện hai nàng từ phương Bắc đến chuyện một chàng từ phương Nam. Nàng thích râu đen không cạo nhẵn, chàng mê tóc vàng óng ả bạch kim... "*Where the wind is heavy, on the borderline...*" Bản nhạc đang đàn tiếp tục hát trong đầu hắn. Thiếu giọng Johnny Cash, thiếu giọng Bob Dylan phụ họa "*She is for me, lets her hair hanging down...*" người con gái đàn hình như để cho hắn. Ít ra câu chuyện này cũng còn lãng mạn. Chung một chuyến tàu, không nói năng gì, chàng cầm tóc đưa lên hít hà. Đỡ hơn nhiều những chàng đợi lúc tàu ngả nghiêng luồn tay vào váy phải không?

— Tao nhìn nó, nó nhìn lại tao, cũng không chịu buông. Cứ cầm một đầu tóc vân vê. Lúc đó, đến Franklin Roosevelt, đáng nhẽ thì tao xuống Etoile nhưng còn hai trạm, tao nghĩ thôi xuống đi bộ cũng được. Tàu ngưng lại, tao cầm tay gỡ tóc nó ra, bỏ xuống. Nó cũng xuống theo. Tao đi nhanh trong đường hầm, nó chạy theo đằng sau bắt kịp tao, đi ngang bên cạnh tao một lúc, tao không biết làm cách nào...

— Có đông người chung quanh không? Hắn hỏi.

"*She for me, lets her hair hanging down... That's the way. I remember the best.*" Tứng từng tưng tứng từng tưng tứng. Đúng là cô này đang đàn cho hắn. Hắn nhìn ngang, hai tên hồi nãy bỏ đi, người con gái ngồi đàn đang nhìn về phía hắn mỉm cười. "*If you're going to the North County Fair...*"

— Đông người, bốn giờ trưa mà, kẹt đầy trong hành lang đường hầm...

"*Remember me to one who lives there...*"

— Tao không biết làm cách nào, nó lại cầm tóc tao đưa lên. Giờ thì nó mới nói " Tóc mày đẹp quá."

Tứng từng tưng... "*She once was a true love of mine*"

— Rồi mày nói gì?

— Tao không nói gì hết. Tao gạt phắt tay nó ra...

"*... a true love of mine, a true love of mine. A true love of mine.*" Violette đưa đầu ra ánh sáng. Ừ, thì tóc nàng vàng có đẹp, hắn tưởng nàng sắp sửa bảo mình cầm lấy mà coi, tao không nói xạo đâu — nên định đưa tay ra. Violette vén một bên tóc lên khỏi trán.

— Nó rút ở đâu ra con dao cạo rạch ngay vào mặt tao rồi bỏ chạy.

Hắn nhìn thấy nốt sẹo dài chừng bốn, năm phân chạy từ đỉnh đầu xuống gần một bên lông mày. Vết sẹo thật nhỏ, dưới đèn hầm rượu nhìn như vài cọng tóc dưới dính vào nhau. Trong đường hầm lúc vừa mới rạch chắc cũng phải bê bết máu. Hắn rùng mình khẽ nhưng vẫn nhìn như bị thôi miên.

— Cũng may tao né được phần nào, Violette thả tóc xuống che

trở lại.

Chuyện tình trong đường hầm này chớp nhoáng vài ba phút. Thời gian của một bản hát mà ngụ ý hắn không được rõ. Người Ả Rập mắc kẹt gặp người con gái Bắc Âu chàng cho là lơi lả. Một trường hợp ngộ nhận về văn hóa, một chuyện tình chóng đến chóng đi và ít kỷ niệm khó mà phai nhạt hay chỉ là hung hãn không dằn được. *Dey* Alger ngày trước cũng chỉ vì nổi nóng cầm cái đuổi ruồi quạt sứ thần Pháp để cho Tây có cớ mang quân sang chiếm cả nước mà đô hộ. Bọn này trước sau vẫn thế, sẵn cái đuổi ruồi thì đập, sẵn cái dao cạo thì rạch, một thế kỷ rồi giao thiệp với người phương Bắc, dù là sứ thần hay người đẹp, mà cũng vẫn không thay. Hay là chàng tự ái dân tộc, cái một trăm năm căm giận giống mắt xanh ở đâu nó bùng lên khi bị Violette gạt phắt tay? Hắn không hiểu được, nhiều giải thuyết, sự việc là như vậy.

Biết đâu chàng cũng chỉ muốn xin vài sợi tóc, nàng vùng vằng thế nào lại bị dao đâm vào mặt. Một người sang Pháp không mang được một sợi tóc vàng nào về. Một người sang Pháp mang về một vết sẹo sáu mũi khâu nằm trên trán. Văn minh là gặp gỡ. Paris là một ngã tư đường chung đụng. Hầm tàu điện Franklin Roosevelt nơi giặc Maure và rợ Viking chạm vào nhau. Hắn phải thương cho nạn nhân thì mới đúng nhưng chắc gì thủ phạm đã hả hê được. Vết cắt này đau mày đau tao.

Hắn định an ủi một câu vô duyên như cái sẹo nhỏ coi càng lôi cuốn nhưng biết có thành thật cũng chẳng ai chịu tin nên biết điều dịu giọng:

— Cũng may mà nó nhỏ, mày để tóc thế này từ nãy giờ tao đâu có thấy.

Tao đâu có thấy cái khoảng cách giữa mày và nó, bé thôi, như lưỡi dao cạo râu. Cái khoảng cách giữa mày và tao, giữa những người ôm nhau, ngay cả lúc nằm trên nhau vẫn còn có chỗ để luồn qua một tờ giấy được. Ngay cả lúc tao nắm trong bụng mày. Bụng mày thì sao? Một vết cắt chưa thành sẹo để luồn vào ngọ nguậy. Hắn nhìn Violette nhưng nàng đã ngả người ra phía sau chỉ còn lại bàn tay trên bàn cầm hờ những ly nước cạn. Gần hai giờ đêm, quán sắp đóng, đâu đó trong hầm vẫn còn những cặp tình nhân ngồi núp trong các góc. Không ai nói gì tiếp, hắn đứng dậy đi ra phía đàn.

*
* *

Người con gái ngồi đàn ngửng đầu lên cười với hắn.

— Hồi nãy mày đánh " Girl From North Country" cho tao phải không? hắn hỏi.

— Ừ, chứ sao.

Hắn cầm cái ly của nàng lên uống.

— Sao mày không gọi nước- Marianne nói- hôm nay tao được nhiều tiền.

Nàng với lấy cái ly bia đựng đầy bạc cắc đưa cho hắn. Hắn nói:

— Túi tao rách hết rồi. Hắn cầm cả cái ly đổ vào xắc tay Marianne.

— Mày muốn nghe tao đàn nữa không?

— Thôi, đến giờ rồi, về nhà đàn guitare cũng được. Tao chán ngồi đây với mấy đứa bạn Thụy Điển của mày.

— Thụy Điển tao thì sao? Marianne đóng nắp đàn đứng dậy.

Hắn lại nhìn vào ngực nàng. Thế này mà cũng mặc cảm vú nhỏ, vú nhỏ hay to chẳng chết ai. Hắn nhớ lại lần đầu Marianne hai tay nắm chặt chiếc áo thun không cho kéo lên, nửa dưới trần trường uốn éo. "Đừng nhìn ngực tao, tao xấu hổ". Cũng chẳng cần. Hắn muốn về căn nhà sau đại lộ Victor Hugo, vào phòng, vươn người đổ chụp xuống cái nửa người không che đậy. Nửa người cũng chẳng sao vào giờ các tiệm rượu đã đóng cửa. Cần gì thấy vú vào lúc ở ngoài nhà trên đường chỉ còn rời rạc vài cặp chậm chậm về trễ. Paris sửa soạn để vào Hè, Marianne còn tháng nữa trở về Thụy Điển. Chỉ có câu chuyện Violette kể mới làm hắn đâm ra thắc mắc. Ngực Marianne hắn sờ đâu có gì đến nỗi, hay là... biết đâu trên ngực Marianne cũng có mang một vết sẹo dài do lưỡi dao cạo nào để lại.

— Thôi ra rủ tụi nó đi về, hắn nói. Thụy Điển tụi mày tao không hiểu. Mà cũng đâu phải có mình tao. Ả Rập tụi nó cũng không hiểu nốt...

Hắn quay lại nhìn ba cô ở bàn kéo nhau ra, tóc Violette lúc lắc che ngang trán, ở xa hắn đoán nhưng không nhìn ra vết sẹo ở mép Kerstin. Tháng nữa, Marianne về Thụy Điển trước, hè này Kerstin ở lại Paris thêm một thời gian.

Hắn cầm hai tay Marianne đưa lên ngang mặt và chắp lại như dây nàng cách vái:

— Khoảng cách văn hóa. Hắn nói.

Khoảng cách văn hóa nhưng nó chỉ là một cái khe. Tìm hiểu làm gì những chuyện tình thật nhanh trong đường hầm, những chuyện tình ít nhanh hơn một tí trong hầm rượu. Paris sắp vào hè, phụ nữ người ta chưa kịp quen trở lại, hắn buông tay Marianne ra. Một cái khe nhơm nhớp nhựa và trơn tuột hắn chỉ muốn lách mình vào nằm ở trong thật lâu...

*Đỗ Khiêm*

*Bùi Vĩnh Phúc*

# *Nhật ký lửa của một người thơ Đọc Ngày N+... của Hoàng Khởi Phong*

Hồi ký, theo đúng nghĩa của nó, là một thể văn qua đó người viết trở về để sống lại những kỷ niệm đã qua của mình, sống lại những kinh nghiệm mà đời sống đã ban phát cho mình (những ban phát này có khi rất nghiệt ngã, nhưng chính chúng giúp xác định tư cách và giá trị của một con người ), để rồi người viết ghi lại *những gì đã được sống lại* đó xuống giấy. Để gửi tới người đọc. Sau khi, trước hết, đã gửi tới chính mình.

Nếu ta chấp nhận sự chú giải về thể hồi ký như trên, điều vừa nói có thể được tạm gọi là định nghĩa (definition, denotation) của thể hồi ký. Nhưng hồi ký, cũng như bất cứ một từ nào, một quan niệm nào khác, ngoài *định nghĩa*, người ta còn có cho nó ít nhất một *gợi nghĩa* (connotation). *Gợi nghĩa* khác *định nghĩa* ở chỗ nó không trỏ vào cái thể, cái nghĩa, cái hình của đối tượng (sự vật, ý tưởng, quan niệm ...) được khảo sát, mà nó trỏ vào cái ý, cái tình, cái cảm mà đối tượng gợi ra nơi mỗi cá nhân khác biệt. Định nghĩa thì phổ quát và có tính chất chung; còn gợi nghĩa thì đặc thù và có thể khác biệt đối với từng người, mặc dù đối tượng khảo sát chỉ là một. Như thế, những từ (và những quan niệm) như *quốc gia, dân tộc, nhân dân, nhà nước, hòa bình, giải phóng, cách mạng* ... có những gợi nghĩa rất khác biệt dựa trên kinh và nghiệm của từng người hay từng nhóm người khác nhau.

Cái gợi nghĩa mà thể hồi ký đem lại có liên hệ rất nhiều đến những kinh và nghiệm mà người ta có được sau một hay nhiều lần

tiếp cận với thể loại này. Bằng cách chọn lựa những dữ kiện, những mảng sống ( có thật, hay có khi được hư cấu!) để đưa vào hồi ký, và bằng một lối sắp xếp nào đó, bằng một giọng văn nào đó, một phương pháp trình bày nào đó, tác giả hồi ký có thể có những mục đích khác nhau. Tuy nhiên, những kinh nghiệm gần đây nhất về một số hồi ký được viết bởi những chính khách Mỹ, bởi những nhân vật đã tham dự vào chính trường Mỹ, hay bởi những nhân vật được "may mắn" nhìn ngắm cái hậu trường của sân khấu chính trị này, hoặc gần cận hơn nữa — đối với người Việt tỵ nạn — là những kinh nhiệm về một loạt hồi ký đủ kiểu đủ thể của một số những nhân vật đã từng tham chính ở Việt Nam trong giai đoạn 1954-1975, đã cho người đọc một số gợi nghĩa không được tốt đẹp gì lắm về thể hồi ký. Mặc dù có đưa ra một số những kinh nghiệm sống hoặc một số tài liệu giúp soi sáng thêm được một số góc cạnh của lịch sử, nhiều hồi ký đã được viết ra từ một góc độ có tính toán kỹ lưỡng bằng một thứ lượng giác tâm lý, với mục đích chính của tác giả là tự bào chữa, tự đánh bóng, và, nếu là hồi ký lịch sử, tìm cách sắp xếp, định nghĩa lịch sử theo chiều hướng có lợi cho mình. Mục đích viết bây giờ là để tự bào chữa, hoặc để đả kích và bôi xấu những cá nhân, những phe nhóm khác mà mình không chấp nhận hoặc muốn loại trừ. Ít ra là trong ý thức mình, trong ước muốn của mình. *Hồi ký*, như thế, nhiều khi đã trở thành *tự bạch ký, tự biện ký, đả ký*, hay *kích ký*. Trong chiều hướng đó, có những quyển hồi ký mà ký danh của tác giả khiến người đọc phải lấy làm e ngại về nội dung hoặc sự trung thực của những gì được viết ra, cũng như làm người đọc phải ngờ về sự trung thực của chữ ký mà tác giả đã ký trên hồi ký của mình.

Từ những suy nghĩ không mấy phấn khởi trên, tôi hơi ngần ngại khi cầm trên tay tập hồi ký *Ngày N-0* ... của Hoàng Khởi Phong, một nhà thơ đã có thơ xuất bản từ những năm 1967, 1970 ở Saigon. Tuy nhiên, có một điều kích thích để tôi đọc hết tập hồi ký này chính là vì Hoàng Khởi Phong đã là một nhà thơ, một nhà văn, trước khi thành người viết hồi ký. Và phần đầu của tập hồi ký, Pleiku — Tuy Hòa, dài khoảng 70 trang trong toàn bộ 272 trang của quyển sách này, là phần tôi đã được đọc khi mới đặt chân lên đất Mỹ vào tháng 4 năm 1978, đã chứa những đoạn văn tôi coi là rất nghiêm chỉnh. Và điều quan trọng là nó có lửa. Và có chất văn chương.

Dạo ấy, thời đầu 1978, không khí văn chương ngoài nước chưa được sôi nổi và chưa có nhiều chất sáng tạo như giai đoạn hiện tại. Chỉ lèo tèo một vài tạp chí và một vài quyển sách in lại. Trong bối cảnh đó, tập sách *Ngửng mặt nhìn trăng sáng* (trong đó có in phần *Pleiku — Tuy Hòa* này của Hoàng Khởi Phong với tựa đề *Hành lang máu liên tỉnh lộ 7* ) với nội dung rất văn chương, với những suy nghĩ nghiêm chỉnh, những tâm tư gắn bó thiết tha với vận mệnh quê hương, đã

khiến tôi chú ý và đặc biệt yêu thích. Bây giờ, sau khoảng mười năm lăn mình vào đời sống hụt hẫng ở đây, Hoàng Khởi Phong lại tìm về quê nhà. Và khoảng hơn 200 trang sách còn lại của tập hồi ký *Ngày N+...* chính là kết quả của sự tìm về đó.

Cuốn sách, như một đoạn phim đen trắng (với những tác dụng cần thiết đáng chú ý của kỹ thuật phim đen trắng này), ghi lại hành trình gian khổ, đau đớn và bi thảm của dân và quân hai tỉnh Pleiku và Kontum về Tuy Hòa, khởi đi từ những ngày giữa tháng 3, 1975. Rồi sau đó, cảnh bi thảm ấy vây bọc lấy Nha Trang, Cam Ranh ..., gửi đi trên toàn thế giới qua đài BBC và VOA cũng như qua một số đài truyền hình ngoại quốc cái hình ảnh hai túi người vĩ đại bị dồn đẩy ở những thành phố duyên hải nam Việt Nam này.

Từ một nhiệm sở ở Pleiku, tác giả đã điều động một đoàn người di tản, và cùng với họ xuôi về Tuy Hòa. Tác giả, sau đó, được lệnh trở về Quy Nhơn để nhận trách nhiệm cuối ở đây. Rồi hoàn cảnh chiến cuộc đẩy ông về Nha Trang trong cảnh hiểm nghèo trên một chiếc ghe khẳm. Và rồi những cơn địa chấn lại đẩy ông trở lại Phú Quốc (nơi ông đã từng coi những trại giam tù binh ở đây) trong một tư thế khác, đáng buồn hơn. Rồi là những ngày chót ở Sài Gòn. Những suy tư thao thức và những uất hận, đau xót về định mệnh kỳ lạ và nghiệt ngã của Việt Nam. Cuối cùng,cái còn lại là những cuộn mây trắng vô bờ, bay ngơ ngác thất thần trong vùng trời đứt lìa của Subic Bay. Những dòng mây trôi kia đã thả nổi trong lòng người viết cũng như người đọc một nỗi niềm thương nhớ dằng dặc. Bên kia vùng trời đứt lìa ấy là Việt Nam, là quê nhà. Ở bên này, mây đã lênh láng bay đằng đẵng hơn mười ba năm trời. Và những trái tim thì vẫn còn đập. Tiếng đập đôi khi nghe như tiếng trống của thuở lâm hành.

Hoàng Khởi Phong, với quyển hồi ký này, đã để lộ rất trung thực cái con người nhà thơ và nhà văn nơi ông. Dĩ nhiên, trước hết, *Ngày N+...* không phải đã được viết ra từ vị thế của một nhà thơ, một nhà văn. Nó đã được viết ra từ chỗ đứng của một người chứng, một người lính, một sĩ quan thuộc quân lực Việt Nam Cộng Hòa . Từ vị trí nhìn ngắm đó của tác giả, người đọc có thể tin cậy vào những điều ông kể, đặc biệt là vào những biến cố dồn dập xảy ra trong cuộc di tản mà ông mô tả. Sự thật vẫn còn rất nóng hổi với tên tuổi của những người chứng khác, bên cạnh ông, được ông đưa vào những trang sách. Cuốn sách có hơi thở, có nhịp đập của những trái tim người. Và chính những hơi thở, những nhịp đập của trái tim ấy đã được tạo nên bởi những suy nghĩ, những rung động, những góc cạnh mà chỉ cái khả năng chụp bắt bén nhạy của một nhà văn, một nhà thơ mới cho phép tác giả ghi nhận như thế.

Trong *Ngày N+...*, có những cảnh như đã được ghi lại từ một ống kính tốt của một phóng viên chiến trường. Cảnh đoàn Thiếu sinh quân di hành và giây phút các em từ biệt nhau để đi về những cõi tử

biệt chia lìa khác nhau của cuộc đời (trang 26,62), cảnh vợ con binh sĩ đói khát, mệt mỏi, tiếng trẻ con khóc ngặt nghèo làm đứng tim người mẹ (trang 39,40), cảnh một người sĩ quan biệt kích đang trên xe Jeep bị Cộng Sản tập kích (trang 72,73), cảnh những đoàn người di tản từ Qui Nhơn (trang 89...), cảnh đoàn xe Jeep của tác giả cùng toán tuần tiễu đi kèm theo một chiếc GMC chở đầy tù binh bị phục kích trên dốc đèo Đại Lãnh...(trang 141), là một số cảnh đáng nhớ. Chúng như được quay bằng một máy quay phim tốt và được chiếu lại với hình ảnh sắc bén cùng với phần âm thanh nổi nhiều chiều. Hãy thử lấy một đoạn:

*"Lúc đó, tôi mới để ý tới trên đường thiên lý, không phải chỉ có một đoàn xe của tôi (...). Tôi muốn đoàn xe mình không bị chen kẽ bởi những xe lạ. Tất cả cứ trôi về phương Nam trong lúc nắng chiều lịm dần. Ban đầu, tôi còn nhìn thấy những xe chạy đầu, dần dần chỉ thấy vài xe trước mắt. Xe đã phải lên đèn, những chiếc xe đầu đoàn đã bắt đầu leo dốc đèo Đại Lãnh, đúng vào lúc đó tôi thấy một bó lửa túa ra từ bụi cây ven đường, một chiếc xe chạy bên hông đoàn xe tôi bị trúng đạn, nó chạy nghiêng hai bánh vài chục thước nữa trước khi lật bên vệ đường. Đoàn xe của tôi bị cắt khúc (...). Phúc thắng xe thật gấp, liếc mắt lại đằng sau, thấy đường trống, bẻ quặt tay lái, chân đạp thắng, chiếc xe như ồn lại, chồm lên vệ cỏ bên đường rồi trở mũi ngược lại Tuy Hòa không đầy chớp mắt (...) (trang 141)*

Bên cạnh những cảnh kinh hoàng sống chết đó, cũng có rất nhiều cảnh thơ mộng đã được ghi lại bằng tâm hồn và sự rung động của một nhà thơ:

*"Một khu rừng tuyệt đẹp, những thân cây cao, to, lá như lá bàng. Con đường đổ dốc thoai thoải, bên phải là hàng triệu tảng đá xanh lớn nhỏ, thỉnh thoảng một khối lớn như một căn nhà đứng chênh vênh chờ đổ, bên trái là một dòng sông nhỏ, nước trong veo, chảy xiết ... Bên kia sông là khu rừng tuyệt đẹp đó, chỉ có các cây lớn, thẳng tắp, nhiều cây cao hàng chục thước, thân lớn hơn sải tay, lá khô phủ đầy mặt đất. Bây giờ là tháng Ba, đang độ Xuân về (...) (trang 34)*

Hình ảnh một góc rừng Việt Nam được mô tả bỗng làm gợi nhớ một cảnh thơ mộng nào đó ở *Doctor Zhivago*, trong truyện cũng như trong phim. Một cảnh nào đó đã được Boris Pasternak viết ra với tâm hồn của một thi sĩ. Hoàng Khởi Phong, với những dòng chữ vừa kể, đã chia sẻ sự rung động của ông với những nhà thơ trước bất cứ một cảnh đẹp nào đó của thiên nhiên, của quê hương, của con người.

Trong một đoạn khác tả những thiếu nữ thanh xuân tắm đêm dưới ánh trăng non màu sữa, trong không khí đe dọa của chiến cuộc (trang 61), tác giả cho ta thấy cái tâm hồn nghệ sĩ của ông, lòng yêu mến cái đẹp, nhất là những cái đẹp mong manh, dễ vỡ, dễ bị tàn phá. Những thiếu nữ thanh xuân tắm đêm với quần áo trên người. Một cảnh đẹp không yên tâm. Một đe dọa chờ xuất hiện. Những suy nghĩ

của Hoàng Khởi Phong ở đây thật hết sức con người, hết sức nghệ thuật. Cuốn sách, hình dung như một cuốn phim, đang mở rộng mắt nhìn vào những cảnh chiến tranh tàn phá với lửa cháy và máu người, cảnh những thiếu nữ tắm đêm này có tác dụng hết sức nghệ thuật. Nó tách ra mà vẫn là một phần của cuốn phim. Tách ra, bởi vì nó quá thơ mộng, yên tĩnh, và đẹp... Ở đây, người ta ngửi thấy mùi thơm của cây lá, của núi rừng, của trời đất. Người ta nghe được tiếng xao động của những vì sao, tiếng trở mình của sương móc. Và người ta như sờ tay vào được cái chất êm và thơm của dòng trăng non chảy trôi như sữa kia. Những thiếu nữ và những tiếng cười khẽ, tiếng đập nước đùa giỡn của họ thì vẫn ở xa, nhưng người ta vẫn cảm thấy như sờ tay được vào cái chất đọng và êm và mềm và thơm như sữa kia. Cảnh sẽ được cắt ở đây. Tác dụng của nó là cho người xem một hơi thở, một dấu chỉ của sự sống, rồi sau đó, lại dẫn họ vào cái chủ đề chính của cuốn phim: lửa cháy và máu người. Những hơi thở lại hụt đi và thần kinh lại bắt đầu được kéo căng ra.

Dù sao, tôi muốn cảm ơn Hoàng Khởi Phong đã cho tôi nhiều hình ảnh đẹp và thơ qua quyển sách. Những hình ảnh này, tôi tin, sẽ dẫn người đọc đi hết cuốn sách, sống hết cuốn sách, như nó cần phải được đi và sống như thế. Cảnh tác giả tả khung cảnh đèo Đại Lãnh (trang 82) cũng là một đoạn thơ mộng. Cảnh người lính Biệt động quân ngồi thổi sáo trong khu rừng chuối hoang ở thượng nguồn của đập Đồng Cam (trang 55,56) lại là một cảnh thơ mộng khác. Cảnh này như một ám ảnh, trở về nhiều lần, trộn lẫn trong những mơ ước, những suy tư, thao thức của tác giả sau này.

Ngoài ra, phương pháp khắc họa hình ảnh của Hoàng Khởi Phong có được ưu điểm là tạo những ấn tượng rõ nét, đầy tính nghệ thuật trong mô tả của ông. Cảnh những chiếc hỏa long trang bị những khẩu đại liên sáu nòng bay vòng trên vùng giao tranh, những lằn đạn lửa của chúng vẽ thành những hình nón lật ngược, rồi những lằn đạn từ dưới đất bắn lên tạo thành những tiếp tuyến, những cát tuyến cho hình nón ... (trang 47) là một cảnh thật linh động, được khắc họa bằng những hình ảnh rực lửa. Suy nghĩ về cái chết của những thành phố của Hoàng Khởi Phong cũng là một suy nghĩ độc đáo. Nó chỉ có thể được thành hình nơi một tâm hồn hết sức nhạy bén và rung theo cùng một độ rung địa chấn với những cơn bão lửa, với những gẫy đổ và nứt toang chóng mặt kia. Cái suy nghĩ ấy là suy nghĩ của một kẻ đã từng chạm mặt sinh tử, của một sinh vật đã có những lúc chạm mặt với cái chết, một sinh vật bị săn đuổi để, cuối cùng, với cái trí khôn, cái suy nghĩ của một loài thú thượng đẳng là con người, nó trở về với cái bản năng của một con thú đi tìm đường sống. Không phải chỉ có người dân Việt Nam mới có cái kinh nghiệm đau thương ấy. Tất cả con người, ở mọi nơi và mọi thời trên trái đất này, đối mặt với chiến tranh, đều đã và đang phải chịu đựng cái kinh nghiệm tàn khốc ấy.

Hoàng Khởi Phong đã tả về cái chết của những thành phố như cái chết bi tráng của những con vật khác nhau đã bị dồn vào đường tử. Chia sẻ cái kinh nghiệm khốn khó, cái sinh mệnh đau thương của cả một dân tộc, sống như một sinh vật bị săn đuổi (Ôi Việt Nam, người không phải đã luôn là một sinh vật bị săn đuổi bởi lịch sử hay sao ?!), Hoàng Khởi Phong đã diễn tả cái kinh nghiệm bị săn đuổi, cái ý thức bị lấy mất sự sống kia, nơi các thành phố như thế này:

*"Tôi đã thấy những thành phố chết: Pleiku, Phú Bổn và bây giờ là Quy Nhơn, mỗi nơi chết một cách khác. Pleiku nơi có cả trăm ngàn quân, hàng trăm đơn vị lớn nhỏ chết như mãnh hổ trúng ngọn lao chí tử, nó lồng lên, sải bốn vó trên đường chạy trốn. Phú Bổn lại giống như một con nai trúng đạn, nằm thở dốc chờ chết. Nhưng Qui Nhơn thì khác hẳn, nó cũng là mãnh thú, chưa bị lao, chưa bị tên, nhưng đang bị dồn tới đường cùng. Hẻm núi ở trước mặt lại bị chặn, nó đang co cái thân thể khổng lồ lại. Nó biết được những gì sắp đến nên trông rõ sự đau đớn tuyệt vọng nơi mỗi con đường, mỗi ngõ hẻm, mỗi căn nhà, và mỗi người dân. Tôi thèm được nghe tiếng ngựa hí, voi lồng, quân reo, trống thúc (...) (trang 122)*

*"... Tuy Hòa giống như một con cá lớn đã lọt vó, bốn góc nước cứ cạn dần rồi trơ trên nền vải thưa. Bây giờ là Nha trang.*

*Nha Trang như là một thành phố chết bởi bệch dịch (...) (trang 191)*

Đó là Hoàng Khởi Phong. Hoàng Khởi Phong, một nhà văn, một nhà thơ sôi nổi, xót xa, sống và chết với sự sống và cái chết của dân tộc, của lịch sử Việt, đã ý thức và viết về cái kinh nghiệm Việt Nam bị lấy mất đi sự sống như thế.

Trong quyển hồi ký, cũng có nhiều đoạn cay đắng, xót xa khác như đoạn viết về Quy Nhơn (trang 137), đoạn tác giả đổ rượu xuống sông mời bằng hữu đã chết (trang 240), đoạn viết về cụ giáo tổng thống Trần Văn Hương (trang 278) ... Từ sự xót xa, cay đắng này đi đến việc lên án thái độ của các "danh tướng", lối sống của những người đã đè đầu cưỡi cổ nhân dân, bán máu dân ... không xa xôi gì. Tác giả, dù sao, trước khi lên án người khác, đã nghiêm khắc lên án chính mình. Một cách thành thật. Khi nào ông hãnh diện đã sống như một người lính, như một cấp chỉ huy, ông viết rõ. Và khi nào ông có những hành động, những suy nghĩ hèn nhát mà ông thấy xấu hổ với lương tâm mình, ông cũng viết rõ. Ngay cả chuyện "xuống xóm" của mình, ông cũng phơi bày ngay thẳng. Ở những điểm này, tôi thấy Hoàng Khởi Phong đã chân thật hơn nhiều người khác. Ông không ôm lấy tất cả những gì đẹp đẽ để bôi, để gắn lên con người mình. Ông thú nhận cả những điều sai, xấu và tỏ sự xấu hổ chân thật về những điều ấy, mặc dù ở một góc cạnh nào đó, ông có thể đổ thừa những sự sai xấu đó cho hoàn cảnh. Sự lên án của Hoàng Khởi Phong đối với

thái độ, tư cách của một số bậc "cha mẹ dân" có những biểu hiện đi từ sự diễu cợt, trào phúng đến sự cay độc, lên án gắt gao. Hồi ký là một thể văn hết sức chủ quan. Sự chủ quan nằm ở ngay cội rễ của thể loại này. Tuy nhiên, có những cách chủ quan khác nhau. Sự chủ quan một cách thành thật, trong đó, có sự tự đánh giá và nhìn lại chính nhân cách mình một cách không khoan nhượng qua những cơn sóng của lịch sử, của đời sống, là một sự chủ quan có nhiều điểm đáng tin cậy. Chúng ta không nhất thiết phải chia sẻ tất cả những quan điểm đánh giá những "khuôn mặt lịch sử" của tác giả, mặc dù sự đánh giá này được quy chiếu trên những dữ kiện lịch sử khách quan. Nhưng chúng ta cũng phải tôn trọng những đánh giá đó, vì, từ vị trí của tác giả như một người lính, một người chứng, ông có quyền đưa ra những đánh giá này. Điều nên để ý là hãy nhìn vào cái lửa, cái lòng của tác giả khi ông đưa ra những nhận xét, những đánh giá trên.

Sự đánh giá này, phần lớn, tôi nghĩ, phát xuất từ những suy nghĩ, những thao thức của một người dân Việt thật sự yêu nước. Hãy đọc trở lại những đoạn Hoàng Khởi Phong viết về Nguyễn Huệ, viết về nguyên nhân của sự tan rã của miền Nam, về sự giả tạo trong đời sống được biểu hiện nơi những cấp trên trở xuống, về thái độ của người Cộng Sản, về ước muốn mơ làm một người lính thời Quang Trung của chính ông ... Những đoạn văn ấy đầy lửa. Rạo rực và thiết tha biết bao. Hào sảng và cay đắng biết bao. Và cũng thật hết sức chân thành. Hãy đọc lại những đoạn ông viết về bạn bè bằng hữu, về tình đồng đội, về tình cha con, về nghĩa vợ chồng, về những phản bội, lừa lọc, gian manh, tham lam, ti tiện của con người. Hãy đọc lại những điều đó để hiểu và nhìn rõ hơn nữa thái độ mà tác giả đã chọn lựa. Ông có cái lý của ông. Và cái lửa trong những dòng chữ ông viết ra đã soi rõ cái lý đó.

Là con người hào sảng, nghệ sĩ, yêu cái đẹp và sự thật (và nhìn sự thật như cái đẹp), yêu cái khôn ngoan của cổ nhân, Hoàng Khởi Phong có cho thấy ông chịu khá nhiều ảnh hưởng của những sách như *Tam Quốc Chí, Đông Châu Liệt Quốc, Nam Hoa Kinh* ..., và những sách của Kim Dung. Nhiều hình ảnh, giai thoại, tư tưởng trong các sách này được ghi lại hoặc nhắc đến rải rác trong quyển hồi ký. Hình ảnh "bách điểu chia ly, trăm hoa tàn tạ" của Kim Dung được lập đi lập lại nhiều lần (ít nhất bốn lần) trong một số suy nghĩ vừa hào sảng, vừa xót xa của tác giả. Những suy nghĩ này quyện vào tiếng sáo của người lính Biệt động quân trên đập Đồng Cam ngày nào. Những ảnh hưởng này, nhất là ảnh hưởng của Kim Dung, ở một vài phương diện nào đó, làm cho ta thấy tác giả có cái lãng mạn sương khói của khá nhiều nhân vật đáng yêu của Kim Dung và làm cho ta mỉm cười khi thấy ông có vẻ cũng yêu thích cái "sương khói lãng mạn" đó. Ở một mặt khác, nó làm cho ta thấy tác giả chân thành, đáng mến. Viết về một cuộc triệt thoái đầy máu lửa, trong đó, mình đã có những lúc chạm mặt với cái

chết, viết về định mệnh của cả một dân tộc, về ý thức bị tước mất đi sự sống của con người Việt Nam, của chính cá nhân mình, về nỗi uất ức trước sự phản bội, tham lam, ti tiện, ngu muội của một số người đã đẩy dân tộc Việt Nam vào con đường cụt của lịch sử (ít ra tính đến thời điểm 30 tháng 4, 1975), tác giả không căm hờn nguyền rủa và không tự bơm phồng mình lên với những khẩu hiệu. Tác giả đã viết lại quyển hồi ký như một con người yêu nước. Yêu nước sôi nổi và yêu nước có suy nghĩ. Hơn nữa, tác giả viết nó với tư cách của một người lính. Và ông sống với những điều ông viết như một nhà văn, một nhà thơ sống với trái tim nồng cháy của mình.

Cuốn sách, dù sao, không phải là không có những khuyết điểm. Những khuyết điểm này có thể, phần nào, làm tác động của cuốn sách chậm lại, làm người đọc dừng lại suy nghĩ về tính cách hợp lý của một đoạn văn, hoặc làm tác giả không đạt được đúng mức độ chấn động mà ông muốn gửi vào trong lòng độc giả. Nhưng, một cách tổng quát, nó không làm hại gì đến cái cấu trúc của toàn quyển sách, cũng như không làm hại gì nhiều đến những suy luận, những tình cảm mà tác giả muốn chia sẻ với độc giả.

Khuyết điểm thứ nhất về bố cục nên nhắc đến ở đây là ở đoạn hai, Qui Nhơn—Phú Quốc. Tác giả đã mô tả những sinh hoạt điều binh, liên hệ đến những việc như nhận nhiệm sở, kế hoạch di tản, vấn đề tù binh ... một cách khá chi tiết so với nhịp biến động của toàn quyển hồi ký nói chung. Những đoạn có tính cách khá chuyên môn này làm cho tác động của những biến chuyển được mô tả chậm lại so với những chấn động ở bốn phía như đang muốn bứt thoát và cuốn nó đi. Nếu ta có thể chụp được một tấm không ảnh phô bày khuôn mặt những biến chuyển như một toàn cảnh, ta sẽ thấy bầu không khí bao phủ ở đoạn hai này như loãng hơn bầu không khí ở bốn chung quanh. Nó loãng vì những tác động bị dàn mỏng và sự kiện dường như đang trôi theo một trục thời gian khác. Trong những đoạn khác, nhiều sự kiện tách biệt được chọn lựa một cách kỹ lưỡng rồi được nối kết lại làm người đọc như thấy chúng chảy tới theo một dòng liên tục. Sự liên tục ấy, thực ra, chỉ có tính cách biểu kiến. Nhưng chính tính chất biểu kiến được tính toán kỹ lưỡng này đã tạo được một tác dụng dồn dập cần thiết cho không khí của toàn cuốn sách. Sự liên tục trong đoạn hai, Qui Nhơn-Phú Quốc, là một sự liên tục thật. Nhưng chính vì nó đã được đặt trong một quần thể liên-tục-giả có tính cách hết sức nhất trí, nên chính nó, lại trở nên lạc. Kết quả là nó làm chậm lại tác động của toàn quyển sách. Ở đoạn ba, Sàigòn-Subic Bay, tác giả có đưa ra nhiều suy nghĩ về con người, về thời cuộc; nhịp suy tư ở đây cũng chậm lại, nhưng nó chậm lại theo tỷ lệ buồn chán, ngột ngạt ... đồng bộ với sự trì trệ, mệt mỏi, buông xuôi chung của tâm hồn Sàigòn lúc đó. Điều này có khác.

Đoạn tác giả tả lại cảnh gặp lại vợ con ở Bến Đá, Nha Trang, quá

vắn tắt khiến câu truyện trở nên phần nào mất cân bằng. Qua bao nhiêu gian lao và mấy lần chạm mặt cái chết để có cơ hội tìm về với vợ con, để có thể tìm thấy mình còn sống, còn gắn bó với người với đất, với những tình cảm đẹp đẽ nhất của một con người, tác giả — có lẽ vì một suy nghĩ riêng nào đó — đã tả về sự gặp gỡ ấy bằng những dòng rất vắn tắt: "Tôi đón được chiếc Honda ôm, về tới nhà ông bác vợ tôi đã tám giờ tối. Cả nhà còn đủ cả ..." Sau đó, dù cho tác giả có ghi lại một vài câu hàn huyên giữa ông và vợ trước khi thời cuộc đẩy ông mất hút vào Sàigòn rồi lên tàu ra Subic Bay một mình, tôi vẫn nghĩ một vài lời hàn huyên này có hơi quá vắn vỏi so với bao biến cố dồn dập chụp xuống con người ông từ những ngày rời Pleiku trong cơn tán lạc kia và sau đó suốt những năm dài biệt xứ. Có một tâm sự gì buồn khổ, khó nói bị nén lại ở đây chăng?

Đoạn cuối, cảnh từ biệt quê nhà trên vùng biển Subic Bay là một cảnh cảm động. Nhiều người đã sống cảnh này và họ có thể khóc khi nhớ lại. Hơi đáng tiếc, ở đây, ống kính của tác giả cũng lướt qua hơi vội vã, không làm nổi bật được những góc cạnh bi thảm và bi tráng của cảnh những con người Việt tự biệt xứ. Dù sao, chúng ta cũng không thể trách tác giả. Sự mệt mỏi, kiệt lực và nỗi thương tâm của chính người quay phim không thể làm cho đoạn phim được quay rõ với những góc độ mở rộng hơn. Máy quay phim ở đoạn cuối chỉ còn in rõ nét những giọt nước mắt chảy lặng lẽ trên khuôn mặt rám nắng của những con người Việt, lá cờ quê hương rực rỡ trong nắng chiều, và rồi một đống lửa nhỏ được gầy lên trên boong tàu. Đống lửa có góp chút hơi ấm cho quãng đời biệt xứ vừa mở ra của những người dân Việt xa quê.

Ngoài ra, trong phần góp ý này, tôi cũng muốn được đưa ra một vài ghi nhận có tính cách tiểu tiết hơn ở đây.

Hình ảnh người lính Biệt động quân với tiếng tiêu của anh đã trở về nhiều lần trong suy tư, thao thức của Hoàng Khởi Phong. Có thật đây là ống tiêu? Hay là ống sáo. Cách tác giả tả người lính khoan lỗ ở gióng trúc, thui ống, rồi đưa gióng trúc lên miệng thổi ... làm cho tôi ngờ đây là một ống sáo. Sáo thổi ngang. Tiêu thổi dọc. Hắc tiêu (clarinette) hay sáo (flute) của Âu Mỹ cũng theo nguyên tắc như thế. Tôi ngờ rằng tác giả đã nhớ đến Trương Lương (Trương Tử Phòng) và các nhân vật võ hiệp lãng mạn trong truyện của Kim Dung với những tiếng sáo tuyệt vời của họ, nhưng đã viết lộn sáo ra tiêu chăng?

Trong một đoạn khác tả cảnh mặt biển, tác giả viết: "Nước đổi màu trong một sát na" (trang 225). Tôi nghĩ rằng từ "sát na" không nên được dùng trong bối cảnh này. Trong thế giới hiện tượng, sự đổi màu của nước trong một sát na (một niệm) là một điều không thể xảy ra. Tôi nghĩ tiến trình đổi màu này phải là một tiến trình tiệm tiệu, dù cho có nhanh đến mấy. Nói là nước đổi màu trong một sát na là gạt bỏ tiến trình tiệm tiến này. Ngoài ra, từ "sát na" thường dùng chứa trong

nó một gợi nghĩa triết lý. Trong bối cảnh được mô tả ở đây, gợi nghĩa triết lý này không được đòi hỏi, và vì thế không cần đến. Câu văn vì thế mất trọng lực. Sự mất trọng lực này làm nguyên một đoạn văn bị nghiêng đi khiến tác dụng mô tả bị giảm sút. Đó là một điều hơi đáng tiếc.

Ngoài ra, khá nhiều câu đối thoại đã không được tách bạch rõ ràng (với lời đối thoại khác, hoặc với đoạn văn kể truyện) khiến độc giả hoang mang giữa những ý tưởng được trao đổi qua lại ấy. Hơn nữa, càng về những đoạn cuối, tác giả càng tạo những câu dài làm người đọc dễ dàng bị lạc vào trong những tư tưởng dày cộm và chằng chịt của ông. Có những câu (chẳng hạn trang 225,259) có đến tám hoặc mười ý chính chằng chịt. Những ý tưởng này, vì chỉ được tách ra bằng những dấu phẩy, dan díu lẫn lộn vào nhau, làm người đọc khó nhận thức được những phương hướng liên hệ của chúng. Những câu như thế, nếu được tách ra làm nhiều câu nhỏ (và những câu nhỏ này vẫn có thể là những câu phức — complex — hay phức hợp — compound complex), ý văn sẽ mạnh và sắc nét hơn, khắc họa được sâu sắc hơn nữa cái hình, cái ý muốn diễn đạt. Ngược lại, những câu chưa hết ý, chỉ mới có một hoặc hai trạng ngữ (adverbial phrase), mà chưa có mệnh đề chính, cũng làm cho câu văn trở nên khó hiểu. Nhất là khi những câu xuất hiện trong dạng này lại không được viết như thế với chủ ý của tác giả. Tác dụng dẫn dụ, kích thích người đọc có một vai trò rất lớn trong kỹ thuật bố câu. Nếu coi câu, chữ, nghĩa, ý ... là sức mạnh của chữ viết thì kỹ thuật hành từ, bố trí câu này chính là kỹ thuật hành quân của một nhà văn.

Trong cuốn sách, tác giả đã đưa ra nhiều lý luận sâu sắc, nhiều suy nghĩ chín chắn, chân thành; tuy nhiên, ở một vài đoạn, có thể vì bút đã lên, tác giả một đôi khi đưa ra một cái nhìn quá sơ lược, lại hơi có nét phúng thích, làm mất đi tính thuyết phục của chữ viết mình, nhất là đối với những độc giả trẻ. Chẳng hạn câu: " ... Cộng Sản mới ló mặt ra. chẳng có đạo dụ gì cả, chưa ban bố hiệu lệnh nào, thế mà dân chúng đã co vòi lại, bỏ của chạy lấy người, thờ Phật cũng chạy, thờ Chúa chạy còn lẹ nữa. Đủ hiểu bọn chúng không khá được". Mặc dù hiểu rằng đây là một đoạn văn không chủ vào sự nghiêm chỉnh của lý luận, nhưng tôi vẫn cảm thấy ngại là nó sẽ có ảnh hưởng không thuận lợi đối với những đoạn văn khác chuyên chở những thao thức, suy tư hết sức chân xác và sâu sắc của tác giả.

Cho dù là có một vài khuyết điểm như vừa được kể ra, tập hồi ký *Ngày N+ ...*, đối với tôi, là một tập hồi ký có thật nhiều nét văn chương. Nó là một tác phẩm tốt và có giá trị. Tốt, vì nó ghi lại được nhiều nét trung thực trong một toàn cảnh lớn của lịch sử Việt dưới mắt nhìn của một người đã sống thật với đời sống của hắn ta và đã ghi lại thật tất cả những điều ấy bằng một ngòi bút chấm vào sự thật. *Ngày N + ...* cũng đã gửi đến chúng ta sự rung động đằm thắm, lãng

mạn, trữ tình và nóng hổi yêu thương của một nhà văn, một thi sĩ, một người chứng đã sống thực với định mệnh của Việt Nam và định mệnh của chính hắn. Giá trị, vì nó cho ta một cơ hội để suy gẫm, học hỏi lại từ nhữnng biến động tang thương của lịch sử. *Ngày N + ...* là tiếng nổ, là sức chấn động phát ra từ một cá nhân, từ một con người, vào giữa cái tang thương chung của lịch sử Việt Nam. Hãy nhân cái sức chấn động ấy lên hơn 50 triệu để thấy rõ mặt mày, thân thể, định mệnh của bạn bè, cha mẹ, anh em ta. Hãy nhân cái tiếng nổ, cái sức chấn động kia lên hơn 50 triệu lần để thấy lại định mệnh và sức sống dân tộc.

Quyển sách có một bố cục mở. Tôi muốn nói tới lá thư Hoàng Khởi Phong gửi cho những em học sinh trường tiểu học Vườn Hồng. Bức thư như một cái cớ để tâm sự, để nói chuyện với tất cả mọi người, để nói lên những gì tác giả không thể nói hết trong những trang sách trước đó. Tôi nói rằng cuốn sách có một bố cục mở, bởi lẽ, tác giả, trước khi đóng lại những trang của khói lửa tan hoang nghi ngút, đã mở ra cho chúng ta một khoảng trời trong xanh đầy hy vọng. Mở, như một bờ cửa mở vào trời xanh phất phơ mây trắng. Mở, như một tấm lòng phơi giữa muôn tấm lòng. Lá thư có nhiều nét tích cực. Và chân thành. Có sự chia sẻ và sự kêu gọi đóng góp. Trên nền lửa khói, người ta vẫn có thể nhìn thấy một đóa hoa. Đóa hoa của sự sống. Không đến nỗi bi đát như Remarque trong *Một thời để yêu và một thời để chết* với hình ảnh người lính trẻ gục ngã và cánh bướm bay trở về những đồng cỏ trong mơ, *Ngày N + ...* đóng lại trong tôi với hình ảnh liên tưởng trở về từ bụi cát của Anne Frank, mắt ngước nhìn trời xanh, và lòng thì tha thiết tin yêu. "Tôi vẫn tin rằng những sự thiện vẫn còn tồn tại trên thế gian này. Tôi vẫn tin như thế ..."

Với bố cục mở của quyển sách là lá thư kết của Hoàng Khởi Phong, tôi cũng muốn được tin như Ann Frank, một lần nữa, vào những điều thiện, vào những điều chân chính và đẹp đẽ mà trần gian này có thể đem đến cho con người. Hay là nói như Hermann Hess, "Cho dù có phải đau đớn quằn quại đến mấy đi chăng nữa, tôi vẫn tha thiết yêu thương trần gian điên đại này ..."

Ý nghĩa của tro than chỉ có khi nó làm vực dậy cái đẹp, làm vực dậy sự sống. Chính sự sống và cái đẹp ấy sẽ cất cánh và cứu rỗi con người.

*bùi vĩnh phúc*

*Irvine, California, tháng XII, 1988*

*Nguyễn Hưng Quốc*

## *Trải bốn phần năm Mùa Biển Động, nhìn lại...*

Biển động ngay trong lòng cố đô. Chấm dứt thời *Huế đẹp và thơ* của Nam Trân. Tan tác lớp sương khói mờ nhân ảnh của Hàn Mặc Tử. Sôi sục những cơn mưa dài và buồn da diết của Nguyễn Bính. Huế trong *Mùa biển động* là Huế của cuồng phong dữ dội. Bên này là sóng dữ. Bên kia là lửa ngất. Lơ láo hoặc chao đảo giữa sóng và lửa là vô số những con người hoặc sinh ra ở Huế hoặc lớn lên từ Huế. Người bị lửa đốt. Người bị sóng dập. Người bị đẩy bật đi tung tóe các nơi. Vào Qui Nhơn. Vào Saigon. Ra Quảng Trị. Lên Phú Bổn. Sang Hoa Kỳ. Có thể gọi *Mùa biển động* là câu chuyện của những cuộc ra đi, hay đúng hơn, câu chuyện của những sự phiêu tán. Mỗi người là ngọn cỏ bồng. Định mệnh nằm trong từng trận gió, từng ngọn triều lên và xuống.

Coi sự phiêu tán là đề tài chính, Nguyễn Mộng Giác đã chọn lựa một lối kết cấu hợp lý: kết cấu theo lối ly tâm. Tiểu thuyết Việt Nam thời trước đều kết cấu theo lối hướng tâm. Mỗi cuốn truyện thường chỉ có một nhân vật chính. Bao nhiêu sự kiện, bao nhiêu tình tiết đều nhắm vào mục đích duy nhất là làm nổi bật tính cách và số phận của nhân vật chính ấy. Kết cấu của *Mùa biển động* lại khác. Ở đây không phải một mà là nhiều nhân vật chính, ít nhất là ba: Ngữ, Ngô và Tường. Châu tuần chung quanh mỗi nhân vật chính là gia đình họ, bạn bè họ, đồng nghiệp của họ. Số lượng nhân vật theo đó mỗi lúc một nhân lên, đến cả hơn một trăm người. Có người chỉ thoáng qua.

Có người trở đi trở lại nhiều lần qua nhiều chương hoặc nhiều tập sách. Sự hiện diện của những nhân vật gọi là phụ ấy cũng không đơn giản là những vật đối chiếu nhằm làm đậm nét nhân vật chính như thường thấy. Mỗi người, từ góc độ của mình, mở ra những mảnh đời khác nhau, thường thường độc lập, ít có quan hệ với nhau. Tập hợp những mảnh đời ấy lại, người ta có một toàn cảnh của mùa biển động lớn lao và kinh hoàng.

Sử dụng lối kết cấu ly tâm, Nguyễn Mộng Giác dễ dàng khai triển câu chuyện của mình theo nhiều phương hướng, trên nhiều bình diện. Các nhân vật, dù chính hay phụ, cũng đều chìm xuống, tan trong một cái nền chung. Đó là lịch sử. Nguyễn Mộng Giác nhiều lần xác định *Mùa biển động* không phải là một quyển tiểu thuyết lịch sử. Hẳn nhiên lời xác định ấy đúng. Tiểu thuyết lịch sử là nỗ lực tái hiện một giai đoạn lịch sử nhất định nào đó với yêu cầu đầu tiên là phải trung thực với từng biến cố, từng chi tiết, từng con người. *Mùa biển động,* là một quyển tiểu thuyết hư cấu, trong đó lịch sử là một cảm hứng chủ đạo. Trong *Mùa biển động,* Ngữ hay Ngô hay Tường, thật ra, chỉ là những lượn sóng nổi để qua đó, Nguyễn Mộng Giác khắc họa những cơn đau quằn quại âm thầm dưới lòng đại dương.

Nguyễn Mộng Giác ý thức những ưu thế và cả những khiếm khuyết của khoa nghiên cứu lịch sử. *"Lịch sử đòi hỏi sự hợp lý có hệ thống", "Lịch sử không thể ghi lại được những điều phức tạp... Vì lịch sử không thể bỏ công phiêu lưu vào các chi tiết lặt vặt. Vì lịch sử không thể viết về những người vô danh"* (MBĐ tr. 242).(*).

Để nhìn lại một giai đoạn tàn khốc đã qua của đất nước, nhà văn có thể bổ sung vào những khiếm khuyết của ngành nghiên cứu lịch sử bằng những cái cụ thể, bằng sự có mặt và lên tiếng của những con người vô danh trong lịch sử nhưng lại đổ máu thật và rơi nước mắt thật trong cuộc đời. Không phải chỉ có Nguyễn Mộng Giác. Đã nhiều nhà văn cố gắng thực hiện điều này. Nhưng kể từ năm 1975 lại đây, có lẽ công trình của Nguyễn Mộng Giác là có tầm vóc hơn cả. Với kiến thức, và kinh nghiệm sống rộng rãi, Nguyễn Mộng Giác đã xoáy ngòi bút của ông hầu như vào tất cả những ngóc ngách của xã hội. Trong *Mùa biển động,* không những chỉ có những biến cố chính trị hay quân sự. Trong *Mùa biển động,* người ta còn tìm được những phác họa sắc sảo về văn hóa, giáo dục, kinh tế, xã hội và gia đình. *Mùa biển động* cơ hồ không bỏ qua một sự kiện có ý nghĩa nào trong cái giai đoạn mà nó đề cập. Từ sự bùng nổ để rồi thất bại của phong trào Phật tử và sinh viên học sinh tranh đấu ở miền Trung đến trận chiến khốc liệt vào mùa xuân 68 ở Huế. Từ vụ thảm sát ở Sơn Mỹ đến biến chuyển trên các chiến trường cuối cùng dẫn đến việc ký kết Hiệp định Paris năm 1972...

Dĩ nhiên văn khác sử. Với sử, các biến cố là cái đích. Với văn, các biến cố chỉ là cái sườn. Cho dù có ý định tái dựng một giai đoạn lịch sử

thì mục tiêu quan trọng nhất của nhà văn cũng không phải là các biến cố mà là những con người tạo ra các biến cố ấy. Ở con người, quan trọng nhất là tinh thần. Chỉ có thế giới bên trong của con người mới là đối tượng đích thực của nghệ thuật. Tôi nghĩ có lẽ không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Mộng Giác, khi "hướng nghiệp" cho các nhân vật chính, thường để họ là người trí thức hay văn nghệ sĩ. Trước hết, đây là thế giới ông có nhiều kinh nghiệm. Thứ hai, đây là hai nghề nghiệp rộng cửa nhất cho việc khai thác các lay động xôn xao hoặc những nỗi niềm u uẩn trong tâm hồn một thời đại. Tường là giáo sư triết. Ngô là họa sĩ. Ngữ là nhà văn. Một người khát khao cái đúng, một người khát khao cái đẹp, một người trăn trở tìm kiếm cái thật của cuộc sống và của văn chương. Tất cả đều đủ nhạy cảm để ghi nhận mọi trở mình của thời tiết bên ngoài. Mỗi biến cố trong xã hội đều dội vào lòng họ những âm vang khác nhau, tạo thành những phản ứng khác nhau. Chính cái chuỗi dài những âm vang và phản ứng ấy là yếu tố căn bản nhất làm nên nội dung của *Mùa biển động*. Nói cách khác, vấn đề trung tâm của *Mùa biển động* là lịch sử, nhưng không phải là lịch sử chung chung hay lịch sử của các sự kiện, các hiện tượng mà là lịch sử tinh thần của một thế hệ không nguôi *"thao thức trước hiện tình đất nước"*.

Tập đầu của *Mùa biển động* được mở ra bằng những trang lấp lánh ánh nắng, đầy những rạo rực, những băn khoăn lẫn hăm hở của những thanh niên mới lớn. Người loay hoay tìm kiếm một màu sắc cho "đã", chỉ *"lơ lửng giữa ngậm ngùi, bồi hồi, vui không duyên cớ, buồn không hiểu vì sao buồn"* (MBĐ tr. 37). Người nôn nao muốn thực hiện một cuộc cách mạng không cần bạo lực, hiểu cách mạng *"như một bài thơ tình"* (MBĐ tr. 212). Người khác lại dằn vặt phân tích xúc cảm của mình, săm soi trong lịch sử, nghiền ngẫm qua sách vở để tự củng cố niềm tin về *"sự hòa điệu của vũ trụ, bản chất cao đẹp của con người, cái rẫy chết tất yếu của giả trá và tàn ác"* (MBĐ tr. 120). Ai cũng như ngây ngất say. Bềnh bồng bay trên mái tóc mỗi người là những niềm mơ ước. Thật sự họ cũng không rõ mặt mày của những niềm mơ ước ấy ra sao nhưng điều đó không ngăn cản được những đam mê đang rào rạt trong lòng họ. Họ triền miên thảo luận với nhau về những vấn đề hiểm hóc, to tát và xa vời. Họ ào ào đổ xô ra đường *"biểu dương lực lượng một cách vui vẻ như cuộc đi dạo đầu xuân"* (MBĐ tr. 99).

Thế rồi, cùng với thời gian, ngày từng ngày, những niềm mơ ước ấy cứ tàn dần, héo dần. Chỉ còn lại những bẽ bàng tuyệt vọng. Sau năm 1966, Tường ra "bưng", theo cộng sản, đâm ra ngơ ngác trước những mặt trái trơ trẽn của những kẻ gọi là "cách mạng". Từ một thanh niên hừng hực lửa, Tường trở thành một tên nói dối lành nghề và đáng buồn hơn, một kẻ hoàn toàn nhu nhược, khiếp sợ trước những thế lực tàn bạo và độc đoán đến nỗi không dám ra mặt cứu

nguy cho người bố vợ hờ của mình. Ngô cũng thế. Nỗi say sưa trước một màu sắc *"đã lắm"* không tồn tại được bao lâu. Ném cây cọ, Ngô lao vào những cuộc tranh đấu như một con thiêu thân để phải ngồi tù suốt hơn hai năm trời. Tết Mậu Thân, Ngô tham gia công tác với cộng sản để chỉ được chứng kiến những cảnh giết người *"một cách thông minh, không hại sức"*, giết người xong thì *"an nhiên hút thuốc. Ngủ một giấc ngon lành, ăn một bữa cơm nóng, mọi sự coi như vẫn bình thường"* (MBĐ tr. 724). Ngữ vốn tính lặng lẽ hoài nghi, ít bồng bột hơn nên sự thất vọng cũng từ từ, tiệm tiến. Khám phá đau đớn nhất của Ngữ là khám phá về sự hoành hành của cái ác *"Mọi người đều là nạn nhân của chính đồng loại"* (MBĐ tr. 142).

Lịch sử tinh thần của thế hệ trưởng thành sau năm 1963, do đó, nghĩ cho cùng, là lịch sử phát sinh và tan vỡ của những lý tưởng, những niềm tin, những mơ ước. Theo từng cơn sóng dữ cuồn cuộn dâng trào, người ta buồn bã phát hiện những làn mây bay bềnh bồng trên mặt nước biếc chỉ là những ảo ảnh.

*Mùa biển động* chưa chấm dứt. Còn một tập cuối chưa được xuất bản. Dù nôn nao đến mấy, người đọc cũng chỉ có một biện pháp là chờ. Trong khi chờ, tôi thử tiên đoán, với tập *Tha hương* để kết thúc *Mùa biển động*, nhà văn Nguyễn Mộng Giác sẽ lại bắt chúng ta đối diện với những đổ vỡ mới có khi còn bi đát hơn tất cả những đổ vỡ cũ. Trước hết, đó là sự đổ vỡ của ảo vọng hòa bình đến từ Hiệp định Paris năm 1972. Sau nữa là sự sụp đổ của niềm tin vào tự do vốn gắn liền với sự tồn tại của chính quyền miền Nam vào năm 1975. Cuối cùng là sự đổ vỡ của ảo tưởng độc lập, tự do, hạnh phúc trong cái gọi là "cách mạng xã hội chủ nghĩa" mà cộng sản huênh hoang tuyên truyền. Kéo theo sự đổ vỡ chót là một cuộc phiêu tán mới, ào ạt, hãi hùng. Cả hàng triệu người ra đi. Vượt đại dương. Vượt biên giới. Tung tóe ra bốn phương. Tạo thành một cuộc phiêu tán không tiền khoáng hậu trong lịch sử đất nước.

*Mùa biển động* là câu chuyện về những đổ vỡ trong tâm hồn và những sự phiêu tán trong cuộc sống. *Mùa biển động* là bi kịch của một thời đại. Kích thước của *Mùa biển động* là kích thước của những bức tranh hoành tráng: nó đòi hỏi người ta, nếu muốn phê bình, phải phê bình từ cái tổng thể trước khi đi vào các chi tiết. Vấn đề đặt ra không phải là chi tiết này thực hay không thực, mà là, quan trọng nhất, bản chất chính trị và khí hậu tâm tình chung mà tác giả tái hiện có chính xác hay không. Điều này có lẽ không ai phản đối Nguyễn Mộng Giác. Mỗi người có thể tìm thấy trong *Mùa biển động* những đường nét chính của lịch sử trong mấy chục năm qua với những chỗ khúc khủyu, gập ghềnh, những con dốc oan nghiệt. Mỗi người cũng có thể soi vào *Mùa biển động* để hồi tưởng lại hình ảnh của chính mình một thời lầm lụi trong mưa bão. Dung lượng của *Mùa biển động* cực lớn. Theo

từng bước chân phiêu tán của các nhân vật, diện tích *Mùa biển động* cứ mở ra, mở ra mãi. Cái tài của Nguyễn Mộng Giác, qua *Mùa biển động*, trước hết là cái tài của một nhà kiến trúc. Người ta đã nói nhiều về khả năng phân tích tinh tế của Nguyễn Mộng Giác. Ở đây, với *Mùa biển động*, Nguyễn Mộng Giác chứng tỏ một khả năng mới, khác: óc tổng hợp. Không có óc tổng hợp cao, không thể thâu tóm và xếp đặt các mảnh đời ngổn ngang như thế thành một quần thể hiện thực đầy nghệ thuật như trong *Mùa biển động*.

Viết một bộ trường thiên tiểu thuyết vốn khó. Hai nguy cơ tác giả dễ gặp: sự hụt hẫng trong vốn sống và sự lỏng lẻo trong kết cấu. Còn quá sớm để nói là Nguyễn Mộng Giác thành công. Nhưng với bốn tập sách đã xuất bản, người ta tin là Nguyễn Mộng Giác có khả năng vượt qua được hai nguy cơ ấy.

Viết một bộ trường thiên tiểu thuyết với mục đích tái hiện không khí một giai đoạn lịch sử càng khó khăn hơn nữa. Ngoài hai khó khăn ở trên, tác giả còn đối diện với cái khó khăn này: *giữ vững mối quan hệ hài hòa giữa lịch sử và con người*. Không hiếm nhà văn, với tham vọng giải thích lịch sử, đã thô bạo biến các nhân vật thành những con rối, những ý niệm khô khốc và cứng nhắc nhằm minh họa cho các luận điểm lịch sử của mình. Khuyết điểm này dễ thấy nhất trong nền văn học dưới chế độ cộng sản, ngay cả với những nhà văn có tên tuổi và hào quang từ lâu như Nguyên Hồng với bộ *Cửa biển* (4 tập) hay Nguyễn Đình Thi với bộ *Vỡ bờ* (2 tập): ở đó, nhân vật không phải là những con người, nhân vật là hiện thân của một giai cấp, một thành phần chính trị nhất định.

Nguyễn Mộng Giác, trong *Mùa biển động*, đã giải quyết thành công mối quan hệ phức tạp và tế nhị này. Trong nỗ lực lớn lao và bền bỉ giải thích một giai đoạn lịch sử, ông vẫn tôn trọng "quyền sống", "quyền làm người" của các nhân vật. Mỗi nhân vật, dù chính hay phụ, đều là những con người trước khi là nạn nhân hay tác nhân của lịch sử. Họ có dáng dấp riêng, cá tính riêng, số phận riêng. Tường nhiều nhiệt tâm đến cuồng tín. Ngô lửng lơ đến độ không làm chủ được mình. Ngữ lặng lẽ, đầy hoài nghi nhưng cận nhân tình. Quỳnh Như nhí nhảnh. Quỳnh Trang trầm lặng mà thùy mị. Nam trầm lặng mà lãng mạn... Mỗi người một vẻ. Mỗi người đi theo con đường riêng của mình. Nhưng những bước chân của họ, dù vững vàng hay xiêu vẹo, đều phản ảnh một ngã rẽ trên bản địa đồ lịch sử đất nước.

Trong việc xây dựng hình tượng nhân vật, Nguyễn Mộng Giác đặc biệt thành công với những nhân vật "đồng nghiệp" của ông: nhà văn và nhà giáo. Ông hiểu rõ tất cả những uẩn khúc trong tâm hồn họ, những hẻm hóc trong cuộc đời của họ. Trong *Mùa biển động*, ông Văn và Ngữ là hai nhân vật nam sắc nét nhất. Về nhân vật nữ, ngòi bút Nguyễn Mộng Giác có vẻ thích hợp với những người hiền hậu lặng lẽ, giàu suy tư hơn những người ồn ào liếng thoắng, thiên về hành động.

Quỳnh Trang "sống" hơn Quỳnh Như. Nam "thực" hơn Quế.

Với những nhân vật ít nhiều có tính chất "phản diện" như ông Thanh Tuyền, Mân hay Lãng, tôi ngờ là Nguyễn Mộng Giác chưa nắm bắt được hết cái thần của họ nên nét vẽ của ông, dù cố tình tô đậm, vẫn cứ như hư hư thực thực. Ngay cả Ngô cũng vậy. Trong khi Ngữ đã là một con người thì Ngô vẫn cứ chơi vơi như một ý niệm. Có phải nguyên nhân sâu xa thuộc về vấn đề kinh nghiệm sống? Dù sao, tôi vẫn có ý nghĩ là Nguyễn Mộng Giác ít có khả năng nhập thân vào những nhân vật khác ông xa quá.

Trong việc tái hiện những cảnh đời khác nhau, ngòi bút Nguyễn Mộng Giác không phải lúc nào cũng thoải mái. Ông biến hóa tài hoa khi vẽ lại những cảnh nhẹ nhàng, êm dịu, thầm kín trong cuộc đời thường nhật bao nhiêu thì coi bộ vất vả khi vẽ lại những cảnh gay gắt, dữ dội, tàn nhẫn bấy nhiêu. Trong *Mùa biển động*, Nguyễn Mộng Giác thành công với những chuyện tình mà lại ít thành công với những chuyện chiến tranh. Trong tập 3 *Mùa biển động*, để dựng lại hình ảnh Tết Mậu Thân ở Huế, Nguyễn Mộng Giác sử dụng kỹ thuật của điện ảnh: mỗi chương là một phân cảnh khác nhau, có khi xa nhau. Ống kính tác giả liên tục thay đổi, lúc thì chiếu vào cảnh những người dân bình thường; lúc thì quay qua cảnh quân lính đang chiến đấu, tướng tá đang chỉ huy; lúc thì rọi vào cảnh quân đội Hoa Kỳ đang rầm rập ra trận; lúc thì dừng lại thật lâu trước cảnh bộ đội cộng sản đang say sưa giết dân. Kỹ thuật này có nhiều ưu điểm. Lắp ráp những phân cảnh ấy lại, người đọc có cái nhìn về toàn cảnh Huế tang tóc trong khói lửa. Có điều, đọc xong tập này, tôi cứ phân vân. Thấy tính chất bất ngờ và toàn diện của biến cố Mậu Thân nhưng lại chưa thấy tính chất khốc liệt của nó. Có súng nổ, có máu chảy, có người chết, song không khí cả tập vẫn trầm trầm. Bước chân của cộng sản khi vào thành phố nhẹ nhàng quá. Bước chân của cộng sản khi rút ra khỏi thành phố yên ả quá. Cảnh Ngô được chuyển qua chuyển lại từ cơ quan này đến cơ quan khác có vẻ như trong một thời bình. Đáng lẽ phân tán cảnh cộng sản giết chóc dân chúng ra mỏng hơn, ở nhiều chương khác nhau, Nguyễn Mộng Giác lại tập trung lại, thật đậm nét, trong mỗi một trường hợp Sáu Lăng. Dồn màu đỏ lại một cục quánh đặc không phải là biện pháp đắc thế để bức tranh thành ra màu nóng. Có lẽ viết xong tập này, Nguyễn Mộng Giác cũng không tự tin ở mình. Mấy trang gần cuối tập, ông dẫn lại ý kiến và số liệu của Douglas Pike như một cách nói thêm. Và như một cách tự thú nhận là những điều mình viết ở trên chưa đủ.

Giống như trường hợp xây dựng hình tượng nhân vật và trường hợp tái hiện đời sống, ngôn ngữ của Nguyễn Mộng Giác cũng vừa có mặt mạnh lại vừa có mặt yếu. Mặt mạnh trong ngôn ngữ Nguyễn Mộng Giác là tính chất gãy gọn, trong sáng, giàu chất thơ, có lúc hơi hơi phảng phất chút vị châm biếm nhẹ nhàng. Trong văn chương,

Nguyễn Mộng Giác không hề thích múa may, đu lượn. Ông chỉ bước đi từng bước khoan thai, đĩnh đạc. Câu văn lúc nào cũng tròn trịa. Câu văn không tự coi mình là cứu cánh. Sức nặng của câu văn chủ yếu là ở dung lượng thông tin nó chuyên chở. Mà Nguyễn Mộng Giác không hề thiếu thốn những điều có thể gửi gắm vào câu chữ. Nơi này là một nhận xét tinh tế về tâm lý người đời. Nơi kia là một suy nghĩ sâu sắc về các vấn đề hoặc chính trị hoặc văn chương. Những đoạn văn hay nhất trong *Mùa biển động* là những đoạn tả cảnh Huế, cảnh Qui Nhơn hay những đoạn phân tích tâm lý nhân vật, triết lý về cuộc đời. Có lúc Nguyễn Mộng Giác viết văn như một nhà thơ. Đoạn văn tả tâm trạng rạo rực của Ngữ lúc phát hiện ra là mình yêu Diễm như có khói bay trong từng chữ: *"Gió thì thào âu yếm với lá cây, lá cây ngả nghiêng ve vuốt những cành khô tỏ dấu biết ơn. Và cả những cành cây khẳng khiu cũng biết lặng lẽ chiêm nghiệm nỗi vất vả hy sinh của những chùm rễ âm thầm dưới mặt đất. Bầu trời bao la ôm lấy mặt đất mênh mông..."* (MBĐ tr. 232).

Chắc chắn đoạn văn trên được gợi hứng từ đoạn thơ dưới đây của Xuân Diệu:

*...Một bầu trời đầm sắc mây*
*Cây tìm nghiêng xuống nhánh hoa gầy*
*Hoa nghiêng xuống cỏ trong khi cỏ*
*Nghiêng xuống làn rêu một tối đầy.*

*Những lời huyền bí bốc lên trăng...*

Tuy nhiên, loại ngôn ngữ giàu chất thơ, giàu chất suy tưởng và trong sáng ấy dường như lại không đắc dụng khi biến thành ngôn ngữ đối thoại của nhân vật. Ngôn ngữ của các nhân vật trong *Mùa biển động* hao hao như nhau. Khác, khác rất xa trong tư tưởng. Nhưng không khác nhau mấy về ngôn ngữ. Nguyễn Mộng Giác bỏ quên hay vì lý do nào đó, cố ý không khai thác màu sắc địa phương trong ngôn ngữ đối thoại. Phần lớn các nhân vật trong *Mùa biển động* là người Huế. Nhưng lời lẽ của họ gần như Bắc. Xưng hô là "mày" với "tao". Hệ thống từ đệm rất giàu có ở Huế với những *mô tê răng rứa* được thay nhẹ bằng những tiếng *vậy, nhỉ, nhé*. Thói quen diễn tả bằng ngữ điệu của người Huế cũng được thay thế bằng những câu đối đáp tròn, chắc, rất vừa khuôn khổ ngữ pháp. Hậu quả là sự khó khăn lớn cho tác giả khi khắc họa tính cách của nhân vật. Bởi cá tính không chỉ biểu hiện trong tư tưởng, mà nhiều hơn, trong những thói quen nho nhỏ, ở cách dùng chữ, ở chỗ ngắt giọng, ở điệu lên bổng xuống trầm, hoặc ở cả thói quen kiến trúc câu nói dài hay ngắn, trọn vẹn hay lửng lơ. Tôi nghĩ cá tính của một số nhân vật đến hết tập một vẫn mờ nhạt có lẽ xuất phát từ nguyên nhân này.

Cũng vì không khai thác triệt để màu sắc địa phương trong ngôn ngữ đối thoại cho nên trong thế giới các cô gái ở *Mùa biển động* hầu như không có ai mắc phải cái tật rất dễ thương và rất phổ biến là... nũng nịu. Ngay Quỳnh Như, nhân vật hồn nhiên nhất trong tác phẩm cũng chỉ mới nhí nhảnh chứ chưa phải là nũng nịu như phần lớn các cô gái đồng hương của cô, ngoài đời.

Hậu quả cuối cùng là, nhiều lúc tác giả phải nhảy vào truyện, trực tiếp đứng ra can thiệp, giải thích giùm cho độc giả. Ví dụ đoạn văn tả sự thay đổi của Diễm lúc rời Huế vào Saigon: *"Khi phát âm chữ NHẤT, Diễm uốn lưỡi cố bắt chước theo giọng Bắc. Bây giờ Ngữ mới nhận thấy thêm một điều mới lạ nơi Diễm: nàng không còn nói giọng Huế ròng nữa"* (MBĐ tr. 1010). Khổ, chỉ có mình Ngữ khám ra sự thay đổi ấy. Độc giả thì chịu thua. Bởi trước và sau khi Diễm đổi giọng, độc giả, qua trang sách, cứ nghe đều đều một giọng, một kiểu nói rất ít chất Huế, trừ một điểm duy nhất: gọi mẹ bằng "mạ".

Theo tôi, Nguyễn Mộng Giác là nhà văn có tài, là một trong vài nhà văn có nhiều triển vọng nhất trong nền văn học Việt Nam tại hải ngoại hiện nay. Ưu điểm của ông là kiến thức nhiều, kinh nghiệm sống dồi dào, óc nhận xét tinh tế, có sức bao quát trên những đề tài lớn rộng. Những ưu điểm ấy lại được hỗ trợ bằng một đức tính vốn không nhiều trong giới cầm bút: sự chừng mực. Sự chừng mực khiến cho hầu hết các tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác đều có một giọng khoan hòa. Nhưng khuyết điểm chính của ông là ít có khả năng hóa thân để có thể "nhập vai" hoàn toàn vào những nhân vật có cá tính khác ông quá xa; để có thể vẽ được những bức tranh cần nhiều màu sắc nóng, cần nhiều hành động dồn dập và để có thể ban phát cho mỗi nhân vật một ngôn ngữ riêng, khác với cái ngôn ngữ ông đang sử dụng.

Trở về với *Mùa biển động*. Xin nêu ra một số khuyết điểm có tính chất chi tiết. Trang 616, tác giả viết: *"Sang năm đệ nhị, Tường lại học ông Văn"*. Có nghĩa là trước đó, ít nhất từ năm đệ tam, Tường đã học ông Văn rồi. Nhưng, không phải. Ở tập một, trang 61, tác giả lại viết:*"Tường học Việt văn ông Văn từ năm đệ nhị"*. Mâu thuẫn? Chi tiết Thuấn, lúc học ở Trường Sơn nhận được mẫu báo trong đó có nói về vụ án chú hắn giết con trong lúc nóng giận (trang 662) có phần giả tạo. Đến nay, ai cũng rõ, trước năm 1975, với bộ đội cộng sản ở Trường Sơn, việc thư từ đi về với gia đình ở Hànội là điều họa hoằn và luôn luôn bị kiểm soát nghiêm ngặt. Trang 243, khi "đi ngủ đò" ở Phú Văn Lâu, Tường thú nhận với Ngữ đó là lần đầu tiên anh ta "tìm lạc thú" trên sông Hương, thế nhưng, trước đó, trong phần mở đầu truyện, trang 32, tác giả lại kể Tường là kẻ đứng ra thanh toán mọi khoản chi tiêu của bạn bè, từ tiền cà phê, thuốc lá đến xăng nhớt, *"kể cả khoản tiền bù khú trên đò Thương Bạc"*. Vậy ra Tường nói dối? Trang 519, ông Văn nói câu thơ *"Tiến lên ! Toàn thắng ắt về ta"* là của Tố Hữu. Không phải. Đó là câu thơ của Hồ Chí Minh. Trang 515, tác

giả tả ông Văn nghe lén đài phát thanh Hà Nội: "chương trình bắt đầu bằng bài hiệu triệu ngắn của Hồ Chí Minh. Sau đó là bài thơ của Tố Hữu". Cũng không đúng. Hồ Chí Minh không đọc lời hiệu triệu trong đêm giao thừa mà chỉ đọc mấy câu chúc Tết và sau đó, đọc bài thơ có câu thơ ông Văn tưởng nhầm là của Tố Hữu ở trên.

Cũng có thể coi là khuyết điểm trong *Mùa biển động* những đoạn trích dẫn bằng tiếng Anh không được dịch ra bằng tiếng Việt; những lời bình luận ngoại đề khá dài dòng và xuất hiện khá nhiều lần trong tập 2 và 3. Giá như tác giả để cho nhân vật phát biểu hoặc để cho các sự kiện tự nói lên thì mạch truyện đỡ bị đứt đoạn và tự nhiên hơn. Có lẽ vì Nguyễn Mộng Giác quá tham lam muốn bao quát vấn đề một cách toàn diện nhất nhưng lại quá ít thời giờ nên chọn con đường ngắn nhất là tự đứng ra "thuyết minh"?

Tôi không đành lòng chấm dứt bài viết này trước khi dẫn ra một câu nói của Ngữ mà tôi ngờ cũng là quan điểm của chính tác giả:

*"Tao yêu tao trọng con người. Tao yêu tao trọng cuộc sống, quyền sống của mỗi người dù họ là ai. Không được nhân danh bất cứ thứ gì để tước đoạt quyền sống ấy. Kẻ càng yếu đuối, càng vô phương tự vệ thì phải được bảo vệ. Ngược lại, tao ghét mọi hình thức bạo lực. Không có thứ bạo lực nào được biện minh hết thảy, cũng không thể có cái xấu nào là cần thiết" (MBĐ tr. 155).*

Quan điểm ấy, một lần khác, được ông Văn, bố của Ngữ, nhắc lại:

*"Phải làm một cái gì. Vâng, nếu từng thế hệ đủ năng lực và tự tin thì cứ làm với điều kiện không được dẫm lên xác chết một lớp đông đảo khác"* (MBĐ tr. 72).

Không thể đánh giá được quan điểm trên cũng như không thể đánh giá được toàn bộ *Mùa biển động* khi tập cuối cùng vẫn là một ẩn số. Đành chờ. Những dòng viết trong khi chờ đợi là bài này dù muốn dù không cũng ít nhiều vội vã: nó quá sớm.

Nguyễn Hưng Quốc
18.9.1988

---

*chú thích*

*(*): Mùa biển động gồm 5 tập, có 4 tập đã được xuất bản: Những đợt sóng ngầm, Bão nổi, Mùa biển động và Bèo giạt. Trong cả bốn tập, tác giả ghi số trang theo một lối chung cho cả bộ, vì vậy các đoạn trích trong bài này chỉ được ghi số trang mà không ghi tên tập.*

---

# SÁCH MỚI NHẬN ĐƯỢC

Văn Học vừa nhận được những tác phẩm mới sau đây, do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin trân trọng giới thiệu cùng quí bạn đọc để tìm mua.

**NHÀ XUẤT BẢN QUÊ MẸ, PARIS**

*Nghệ thuật thơ Việt Nam*

của Nguyễn Hưng Quốc, sách dày 224 trang. Giá 12MK

*Nổi lửa*

tập thơ Nguyễn Mậu Lâm, dày 88 trang. Giá 8 MK

Địa chỉ Quê Mẹ: 25 Rue Jaffeux 92230 Gennevilliers France

**NHÀ XUẤT BẢN LÀNG VĂN**

*Mười hai hoa cúc*

tập truyện của Ngô Nguyên Dũng, dày 270 trang. Giá 12 MK.

*Ký*

của Nguyễn Hữu Nghĩa, dày 180 trang. Giá 8 MK

*Một đời để học*

tập truyện của Nguyễn Tấn Hưng, dày 176 trang. Giá 8 MK

*Trong quan tài buồn*

truyện dài của Nguyễn Ngọc Ngạn, dày gần 400 trang. Giá 19 MK

Địa chỉ liên lạc : Làng Văn PO Box 310 Station W

Toronto, Ontario, M6M 5B9 CANADA

**TỦ SÁCH CÀNH NAM**

*Mồ hôi của đá*

truyện dài của Nhật Tiến, dày 182 trang. Giá 8 MK

Địa chỉ liên lạc: Tủ sách Cành Nam

2607 N. Military Rd, Arlington, VA 22207

**NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU**

*Trên bờ kinh An Hạ*

tập truyện của Diệu Tần, dày 268 trang. Giá 10 MK

*Văn chương Nam bộ*

biên khảo của Nguyễn văn Sâm, dày 300 trang. Giá 8 MK

**THƠ NGUYÊN SA TẬP 2**

Do Đời xuất bản, dày 150 trang. Giá 10 MK

**ĐƯỜNG XƯƠNG TRẮNG**

hồi ký tiểu thuyết của Định Nguyên, Việt Nam xuất bản, dày 470 trang, giá 18 MK

**THƠ GIẬP MẬT**

của Lưu Đình Vong, Người Việt xuất bản, dày 158 trang. Giá 8 MK

**THE PINE GATE**

Truyện ngắn Nhất Hạnh, dịch giả Võ Đình & Mobi Ho, Minh hoạ Võ Đình. Giá 7 MK cộng 1.5 MK cước phí. Địa chỉ nhà xuất bản :

The White Pine Press

76 Center Street, Fredonia, NY 14063

**LÀM MAI, LÃNH NỢ, GÁC CU, CẦM CHẦU**

tập truyện Nguyễn văn Ba, Phù Sa xuất bản, dày 186 trang. Giá 9 MK

**SÁCH MỚI CỦA NHÀ VĂN NGHỆ**

*Tiểu luận*

của Võ Phiến, dày 366 trang. Giá 14 MK

*Nguyệt Thực*

tập truyện của Hồ đình Nghiêm, dày 170 trang. Giá 7 MK

*Ngày N : ...*

hồi ký của Hoàng Khởi Phong, 276 trang, giá 11 MK

Địa chỉ liên lạc : PO Box 2301 Westminster CA 92683

Phone (714) 832.8445

**NỖI NIỀM MANG THEO**

tập truyện của Đỗ Vẫn Trọn, do tuần báo Yêu xuất bản. Giá 12 MK.Địa chỉ liên lạc:

675 N. First St Suite 611 San Jose CA 95112

*đã phát hành :*

# MỒ HÔI CỦA ĐÁ

truyện dài

NHẬT TIẾN

*Cái đáng yêu của giải pháp mà tác phẩm đem ra đề nghị với chúng ta nằm ở chỗ đó là một giải pháp nhân bản, một giải pháp có chỗ cho tất cả những thành phần còn nặng tình dân tộc — những thành phần còn đủ rộng rãi con tim để có thể vượt lên những lằn ranh suy tưởng của ngày hôm nay, những bức vách dựng lên bởi hận thù để ngăn cản một cái nhìn bao quát, bao dung và tổng hợp.*

TỦ SÁCH CẢNH NAM

# QUÁN
# VIỄN ĐÔNG

ĂN CHƠI
NGON HƠN ĂN THIỆT

## VIỄN ĐÔNG I

9684 Westminster • Garden Grove, CA 92644

**(714) 539-4614**

## VIỄN ĐÔNG II

4126 University Ave., • San Diego, CA 92105

**Tel.: (619) 284-2620**

*Kính chúc quí thực khách một năm Kỷ Tỵ khang an, thịnh vượng.*

SANTA ANA HOSPITAL MEDICAL CENTER

*Bệnh viện và trung tâm y khoa đầy đủ bác sĩ chuyên môn mọi ngành : Tim, phổi, bao tử, ruột, gan, thận, đường tiểu, sản khoa, giải phẫu, mắt, tai-mũi-họng, xương, phong thấp, các bệnh phong dị ứng như : suyễn, nghẹt mũi kinh niên, mề đay v.v...*

BÁC SĨ
**VŨ QUANG BÂN**

*1919 North Fairview, Phòng 117*
*Santa Ana, California 92706 ( gần ngả tư Westminster và Fairview )*
***Điện thoại : (714) 554-6233 ( 24/24 giờ)***

BỆNH NỘI THƯƠNG NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM. BỆNH NGOÀI DA. KHÁM THAI THỬ NGHIỆM VÀ CHỮA CÁC BỆNH PHONG DỊ ỨNG

* *Nguyên Bác sĩ các bệnh viện Long Khánh và Phước Thiện, Chợ Lớn.*
* *Nguyên Bác sĩ Y tế công cộng Liên bang Hoa Kỳ ( US Public Health / National Health ) và chương trình Kế hoạch hoá gia đình ( Family Planning Programs )*
* *Nguyên Bác sĩ Family Practice Orange County RI Medical Group Inc*
* *Hiện Bác sĩ điều trị tại nhiều bệnh viện thuộc Orange County.*

***Giờ thăm bệnh :*** *Thứ bảy : 9 AM-2PM
* Thứ hai đến thứ sáu : * Chủ nhật nghỉ
- Sáng từ 9 AM- 1 Am. Chiều : 2 PM-7 PM

**NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM**

# TAM AUTO CENTER

**1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706**
(Góc Westminster và Fairview)

**(714) 554-2314**

***LÀM ĐỒNG - SƠN***
***SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE***

Đặc biệt làm máy xăng dầu Tune up
Làm thắng Rebuild hộp số Carburator

Mở cửa từ 8 AM đến 5 PM
Chủ nhật từ 8 AM đến 12 giờ trưa

---

## CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA BLVD., RESEDA,CA 91335
**Tel. (818) 708-7227**

**B.S NGUYỄN VĂN HUNG M.D.**
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)
**B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.**
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Săn sóc Toàn diện)

***GIỜ LÀM VIỆC***
*Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM*
*Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM*

**NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM**
**BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ**


---

Tha thiết với văn hóa
Yêu văn học nghệ thuật

trân trọng mời quý bạn
cộng tác
mua, đọc

**RA MẮT ĐẦU NĂM MỚI**

# TẠP CHÍ THỨC

## NGHIÊN CỨU VĂN HÓA
## PHÊ BÌNH VĂN HỌC
## SÁNG TÁC NGHỆ THUẬT

quy tụ những cây bút uy tín,
những tác giả tên tuổi,
những người cầm bút nhiệt thành
kể từ Bách Khoa, Tư Tưởng;
kể từ Sử Địa, Đại Học;
kể từ Văn Hóa Ngày Nay, Văn;
kể từ Sáng Tạo, Vấn Đề;
kể từ Thế Kỷ 20, Văn Nghệ;
kể từ Khởi Hành, Thời Tập;

●

*Ta còn để lại gì không*
*Kìa non đá lở này sông cát bồi*

Vũ Hoàng Chương
(1916 - 1976)

Chủ Nhiệm
Chủ Bút
VIỄN LINH

Giám Đốc Trị Sự
ĐỊNH NGUYÊN

Tạp Chí Xuất Bản Hàng Tháng
VĂN BÚT VIỆT NAM tại HOA KỲ
chủ trương

P.O. Box 3156 Santa Ana, Ca., 92703

*Bệnh ung thư đang gia tăng. Thống kê mới nhất cho biết hiện nay cứ 10 người đàn bà dưới 40 tuổi thì có 1 người sẽ bị ung thư vú. Đây là một căn bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn có thể chữa được nếu chúng ta biết khám phá thật sớm.*

*Vì lý do đó, Hội Ung Thư Hoa Kỳ liên tục kêu gọi các bà từ 35 tuổi trở lên dù không có triệu chứng cũng phải nên đi khám và chụp hình ngực một lần để làm căn bản, trong trường hợp có triệu chứng thì phải nên đi khám ngay, bất luận tuổi tác nào.*

*Trung tâm truy tầm ung thư ngực của Bác sĩ NGUYỄN MẠNH đã hoạt động về phương diện này từ 6 năm nay. Ở đây, chúng tôi có đủ kinh nghiệm và phương tiện kỹ thuật để khám phá thật sớm ung thư vú . Đồng thời ở đây chúng tôi cũng chỉ dẫn cách thức tự khám ngực và cách thức dinh dưỡng để ngăn ngừa bệnh này.*

*Kính chúc quí khách một năm Kỷ Tỵ như ý*

TRUNG TÂM
**TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC**
BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH

*Địa chỉ : 9513 Bolsa Ave. Westminster.*
*California, 92683.*
***Phone : ( 714 ) 531. 8833.***

*Ghi Chú quan trọng : Quí bà có thể trực tiếp đến khám tại TRUNG TÂM TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC mà không cần phải có giấy giới thiệu của các bác sĩ khác.*

# Phiếu mua báo dài hạn

**(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)**

**Họ và tên bạn đọc** .....
**Địa chỉ** : .....
.....
**Zip Code** .....
Gia hạn từ số:.....Số thứ tự độc giả:.....
**Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số** .....**đến**.....

*Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)*

**Sáu tháng**..... **15 MK**
**Một năm**..... **30 MK**

*mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)*

**Sáu tháng**..... **21 MK**
**Một năm** ..... **42 MK**

*Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu*

**Sáu tháng, gửi tàu thủy** ..... **21 MK**
**Một năm, gửi tàu thủy** ..... **42 Mk**
**Sáu tháng, gửi máy bay** ..... **33 Mk**
**Một năm, gửi máy bay** ..... **66 MK**

*Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu*

**Sáu tháng, gửi tàu thủy** ..... **21 Mk**
**Một năm gửi tàu thủy** ..... **42 MK**
**Sáu tháng, gửi máy bay** ..... **40 MK**
**Một năm, gửi máy bay** ..... **80 MK**

*Đính kèm số tiền* .....
*(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)*

## PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

**Họ và tên** .....
**Địa chỉ** .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....
**Để tặng cho**: .....
**Địa chỉ** .....
.....
**Đính kèm ngân chi phiếu** ..... **Mỹ kim**

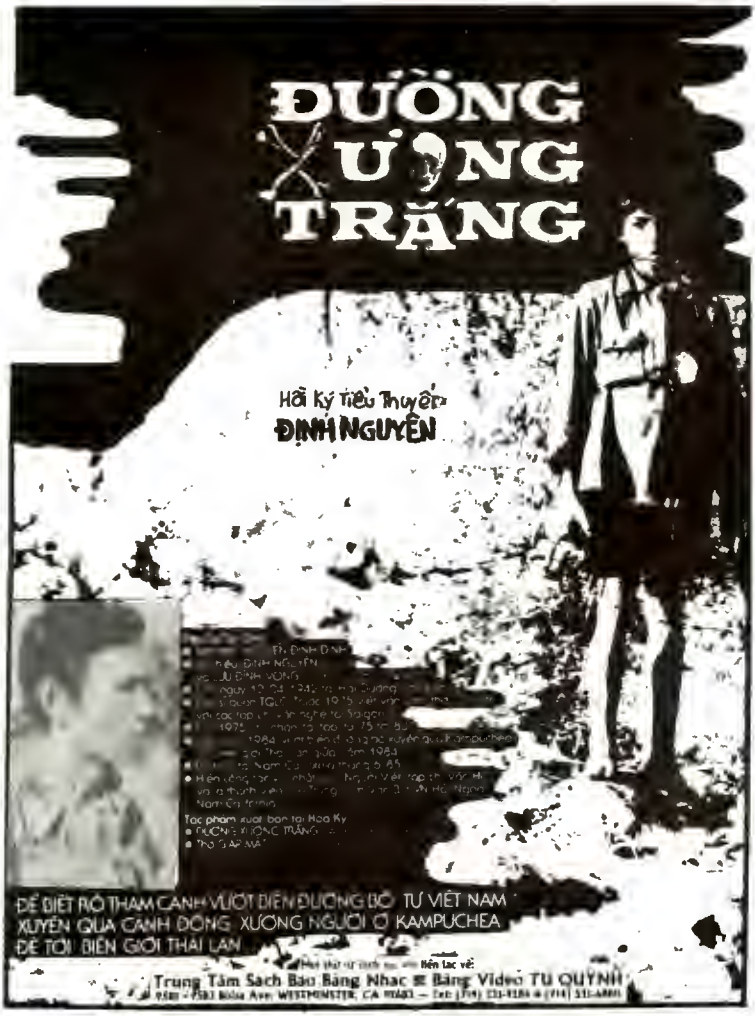


**BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC**

**Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình**
**Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập**
**Định Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong**
**Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân**
**Nguyễn Văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến**
**Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết**

***Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác***
***Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết***

**Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X**
*in tại* NVPRINTING (714) 897-3628

**Nhà xuất bản VĂN NGHỆ**

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 832-8445
*Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ*
*Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết.*

□ *SÁCH IN NĂM 1988:*

| | |
|---|---|
| – **HOA BƯƠM BƯỚM**<br>*Tiểu thuyết Võ Hồng* | **9MK** |
| – **MUÔN KIẾP CÔ LIÊU**<br>*Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc* | **14MK** |
| – **TIỂU THUYẾT II**<br>*Võ Phiến* | **15MK** |
| – **TÙ NGỤC VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY**<br>*Thơ Nguyễn Ngọc Thuận* | **6MK** |
| – **NƠI TRẠI TRÙNG GIỚI**<br>*Tuyển tập dịch Vũ Huy Quang* | **10MK** |
| – **KIẾP NGƯỜI**<br>*Tiểu thuyết W.S. Maugham*<br>*Nguyễn Hiến Lê dịch* | **13MK** |
| – **BÈO GIẠT (MBĐ IV)**<br>*Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác* | **15MK** |
| – **NHƯ CÁNH CHIM BAY**<br>*Tiểu thuyết Võ Hồng* | **13MK** |
| – **HỒI KÍ (Tập III)**<br>*của Nguyễn Hiến Lê* | **9MK** |
| – **TÔI TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT**<br>*của Nguyễn Hiến Lê* | **7MK** |
| – **LONG LANH HẠT BỤI**<br>*Tập truyện Nguyễn thị Hoàng Bắc* | **10MK** |
| – **TUYỂN TẬP 23 NGƯỜI VIẾT SAU 1975** | **12MK** |
| – **DÒNG CHỮ TÂM TÌNH**<br>*Tập truyện Ngô Nguyên Dũng* | **8MK** |
| – **CHINH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THỨC LÃNG MẠN CỦA KẺ LƯU ĐÀY**<br>*của Lê Tuyên* | **10MK** |
| – **TIẾNG KÈN**<br>*Tập truyện của Nhật Tiến* | **8MK** |
| – **NGÀY N+ ...**<br>*Hồi ký về cuộc di tản quốc lộ 7*<br>*của Hoàng Khởi Phong* | **11MK** |
| – **TIỂU LUẬN**<br>*của Võ Phiến* | **14MK** |
| – **NGUYỆT THỰC**<br>*Tập truyện của Hồ Đình Nghiêm* | **7MK** |

*Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn*
*Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản*

*Số đôi, dày 256 trang*
***Giá 6 Mỹ kim***